

BIÊN NIÊN LỊCH SỬ BỘ TƯ PHÁP VIỆT NAM

TẬP 1 VÀ TẬP 2

I. CHỈ ĐẠO BIÊN SOẠN:

TS. Ưông Chu Lưu

Bộ trưởng Bộ Tư pháp

PGS.TS. Hoàng Thế Liên

Thứ trưởng Bộ Tư pháp

II. CHỦ BIÊN:

TS. Dương Thị Thanh Mai

III. NHÓM BIÊN SOẠN:

Nguyễn Văn Hiến

Nguyễn Thị Thu Hương

Trần Thu Anh

Nguyễn Xuân Anh

IV. HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH:

(theo Quyết định số 1157/QĐ-BTP ngày 05/5/2006)

TS. Ưông Chu Lưu

Bộ trưởng Bộ Tư pháp

PGS.TS. Hoàng Thế Liên

Thứ trưởng Bộ Tư pháp

PGS. Cao Văn Lương

Nguyên Viện trưởng Viện sử học

PGS.TS. Nguyễn Trọng Phúc

*Nguyên Viện trưởng Viện lịch sử Đảng,
Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh*

Vũ Đình Hoè

Nguyên Bộ trưởng Bộ Tư pháp

TS. Nguyễn Đình Lộc

Nguyên Bộ trưởng Bộ Tư pháp

LS. Nguyễn Văn Thảo

Nguyên Viện trưởng Viện Khoa học pháp lý

TS. Nguyễn Văn Luật

*Viện trưởng Viện Khoa học xét xử, Tòa án
nhân dân tối cao*

TS. Lê Sĩ Duyệt

Vụ trưởng, Văn phòng Chính phủ

| | |
|-------------------------|---|
| TS. Trần Văn Quảng | <i>Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ</i> |
| PGS.TS. Nguyễn Tất Viễn | <i>Vụ trưởng Vụ Phổ biến, giáo dục pháp luật</i> |
| TS. Lê Hồng Sơn | <i>Cục trưởng Cục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật</i> |

V. NHÓM THU THẬP TƯ LIỆU:

TS. Dương Thị Thanh Mai - *Viện trưởng Viện Khoa học pháp lý*
 CN. Nguyễn Văn Hiến - *NCV. Viện Khoa học pháp lý*
 CN. Nguyễn Thị Thu Hương - *Chuyên viên, Viện Khoa học pháp lý*
 CN. Nguyễn Xuân Anh - *NCV. Viện Khoa học pháp lý*
 ThS. Hà Tú Cầu - *NCV. Viện Khoa học pháp lý*
 CN. Chu Thị Hoa - *NCV. Viện Khoa học pháp lý*
 CN. Nguyễn Minh Khuê - *NCV. Viện Khoa học pháp lý*
 CN. Nguyễn Mạnh Cường - *NCV. Viện Khoa học pháp lý*
 CN. Trần Thu Anh - *Chuyên viên, Viện Khoa học pháp lý*
 CN. Lê Thị Hoàng Thanh - *NCV. Viện Khoa học pháp lý*
 CN. Nguyễn Thị Lan Phương - *Chuyên viên, Viện Khoa học pháp lý*
 CN. Nguyễn Thu Hà - *Chuyên viên, Viện Khoa học pháp lý*
 CN. Dương Bạch Long - *Chuyên viên, Viện Khoa học pháp lý*
 CN. Đỗ Đức Minh - *Kỹ thuật viên, Viện Khoa học pháp lý*

BIÊN NIÊN LỊCH SỬ BỘ TƯ PHÁP VIỆT NAM

TẬP 3

I. CHỈ ĐẠO BIÊN SOẠN:

PGS.TS. Hà Hùng Cường

Bộ trưởng Bộ Tư pháp

TS. Đinh Trung Tụng

Thứ trưởng Bộ Tư pháp

II. CHỦ BIÊN:

TS. Dương Thị Thanh Mai

III. NHÓM BIÊN SOẠN:

Nguyễn Thị Thu Hương

Nguyễn Xuân Anh

Trần Thu Anh

Dương Đức Hà

Nguyễn Thị Thùy

Đỗ Đức Minh

IV. HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH:

(theo Quyết định số 1333/QĐ-BTP ngày 16/7/2015)

1. Ông Đinh Trung Tụng

Thứ trưởng Bộ Tư pháp - Chủ tịch Hội đồng

2. Ông Phan Chí Hiếu

Thứ trưởng Bộ Tư pháp - Ủy viên

3. Ông Hoàng Sỹ Thành

Tổng cục trưởng Tổng cục Thi hành án dân sự - Ủy viên

4. Ông Trần Tiến Dũng

Chánh Văn phòng Bộ - Ủy viên

5. Bà Lê Thị Hoàng Yến

Thường trực Đảng ủy Bộ - Ủy viên

6. Bà Dương Thị Thanh Mai

Nguyên Viện trưởng Viện Khoa học pháp lý - Ủy viên

| | |
|-------------------------|--|
| 7. Ông Trần Văn Quảng | <i>Nguyên Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ - Ủy viên</i> |
| 8. Bà Đặng Hoàng Oanh | <i>Vụ trưởng Vụ Hợp tác quốc tế - Ủy viên</i> |
| 9. Ông Đàm Văn Tuấn | <i>Giám đốc Nhà xuất bản Tư pháp - Ủy viên</i> |
| 10. Ông Đặng Vũ Huân | <i>Tổng Biên tập Tạp chí Dân chủ và Pháp luật - Ủy viên</i> |
| 11. Ông Nguyễn Văn Hiến | <i>Viện trưởng Viện Khoa học pháp lý - Ủy viên</i> |
| 12. Ông Đỗ Xuân Lân | <i>Quyền Vụ trưởng Vụ phổ biến, giáo dục pháp luật - Ủy viên</i> |

LỜI NÓI ĐẦU

1. Ngay sau khi Cách mạng tháng Tám thành công, ngày 28/8/1945, Chính phủ lâm thời nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh ra Tuyên cáo thành lập Nội các Thống nhất Quốc gia gồm 12 bộ, trong đó có Bộ Tư pháp. Ngày 28/8 trở thành Ngày truyền thống của Ngành Tư pháp. Với chức năng quản lý công tác tư pháp, ngay sau khi ra đời, Bộ Tư pháp đã tập trung mọi nỗ lực, khẩn trương giúp Chính phủ ban hành các văn bản pháp lý quan trọng tạo lập nền móng đầu tiên của hệ thống pháp luật và nền tư pháp dân chủ nhân dân, bảo đảm các quyền tự do, dân chủ cơ bản của công dân nước Việt Nam độc lập, góp phần quan trọng xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng non trẻ.

Khi cả nước bước vào cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, Bộ Tư pháp đã nhanh chóng, khẩn trương tổ chức lại và điều hành khá thông suốt, linh hoạt hệ thống tư pháp kháng chiến gọn nhẹ. Bộ máy tư pháp và luật tố tụng được cải cách theo hướng tăng cường tính chất nhân dân của nền tư pháp, dân chủ hóa tổ chức và hoạt động của hệ thống toà án, đưa tư pháp về gần dân, huy động nhân dân tham gia vào công việc tư pháp một cách thiết thực. Cùng với công tác tổ chức, Ngành Tư pháp luôn chăm lo việc tuyển chọn, xây dựng, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ thẩm phán, dự thẩm, công tố viên, luật sư... theo tinh thần “Phụng công thủ pháp, chí công vô tư”. Bộ Tư pháp và các Sở Tư pháp khu, liên khu đã chỉ đạo kịp thời và sát sao các toà án về đường lối truy tố, xét xử, nhất là các vụ án gây phương hại đến an ninh chính trị, trật tự xã hội, các vụ án xử gián điệp, tề gian ở vùng tác chiến, các vụ tham ô, buôn lậu ảnh hưởng đến sức mạnh, uy tín của chính quyền nhân dân... Hoạt động xét xử nghiêm minh của các toà án đã tích cực góp phần bảo vệ, củng cố chính quyền nhân dân, giữ vững ổn định hậu phương, tạo niềm tin trong chiến sĩ, cán bộ và nhân dân; nhiều cán bộ tư pháp đã hy sinh tính mệnh, được suy tôn là “Chiến sĩ trên mặt trận Tư pháp”, góp phần xứng đáng vào thắng lợi của cuộc kháng chiến toàn dân, toàn diện của dân tộc.

Phát huy truyền thống của Tư pháp kháng chiến, trong những năm đầu kiến thiết hoà bình ở miền Bắc và đấu tranh thống nhất đất nước, Bộ Tư pháp tập trung giúp Chính phủ, Quốc hội xây dựng Hiến pháp mới (1959), các đạo luật về tổ chức bộ máy nhà nước và quyền tự do, dân chủ của công dân phù hợp tình hình xã hội mới. Từ năm 1960, sau khi Toà án nhân dân và Viện kiểm sát nhân dân tách khỏi

Chính phủ, chức năng, nhiệm vụ của Bộ Tư pháp được chuyển giao cho các cơ quan khác nhau thực hiện.

Trong suốt thời kỳ chống Mỹ cứu nước, công tác tham mưu về pháp luật và xây dựng pháp luật của Chính phủ do Ngành Pháp chế đảm trách. Ủy ban Pháp chế thuộc Chính phủ được thành lập từ năm 1972 đảm nhiệm nhiều chức năng, nhiệm vụ của Bộ Tư pháp trước đây như xây dựng pháp luật, tuyên truyền, giáo dục pháp luật, quản lý các tổ chức hỗ trợ tư pháp, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ pháp luật, xây dựng hệ thống tổ chức pháp chế ở các bộ, ngành và địa phương..., góp phần bảo đảm, giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, xây dựng cơ sở vật chất, kinh tế - kỹ thuật ở miền Bắc xã hội chủ nghĩa, phục vụ đắc lực cuộc đấu tranh thống nhất nước nhà. Sau ngày giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước, theo sự phân công của Quốc hội và Chính phủ, Ủy ban Pháp chế đã tiếp nhận bàn giao công việc của Bộ Tư pháp thuộc Chính phủ lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam; chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành trình Chính phủ công bố Danh mục pháp luật thống nhất áp dụng trong cả nước với hơn 700 văn bản về những vấn đề thiết yếu nhất, cấp bách nhất và có thể thi hành được ngay nhằm thống nhất thực thi pháp luật quốc gia.

Hiến pháp năm 1980 xác định đường lối quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội trong cả nước. Năm 1981, Bộ Tư pháp được tái lập với chức năng giúp Chính phủ quản lý thống nhất về công tác tư pháp. Từ năm 1981 đến nay, đặc biệt trong gần 30 năm thực hiện đường lối đổi mới sâu sắc, toàn diện do Đại hội Đảng lần thứ VI khởi xướng, Bộ Tư pháp được giao thêm nhiều trọng trách, tổ chức Ngành được từng bước mở rộng, đội ngũ cán bộ, công chức được tăng cường nhằm đáp ứng yêu cầu của phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững an ninh, quốc phòng, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, hội nhập quốc tế. Với tư duy pháp lý mới, Bộ Tư pháp đã có những đóng góp tích cực trong việc xây dựng Hiến pháp năm 1992, Hiến pháp năm 1992 sửa đổi, bổ sung (năm 2001) và Hiến pháp năm 2013 nhằm thể chế hoá đường lối chiến lược của Đảng trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, chủ động hội nhập quốc tế. Những bộ luật lớn, có thể coi là những trụ cột của hệ thống pháp luật Việt Nam thời kỳ đổi mới đã được giao cho Bộ Tư pháp chủ trì soạn thảo, đó là Bộ luật Hình sự, Bộ luật Tố tụng hình sự, Bộ luật Dân sự, Luật Hôn nhân và gia đình, Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Luật Xử lý vi phạm hành chính... Hiện nay, Bộ Tư pháp được giao quản lý gần 30 lĩnh vực công tác, từ xây dựng và thi hành pháp luật, kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật, kiểm soát thủ tục hành chính, phổ biến, giáo dục pháp luật đến thi hành án dân sự, thi hành án hành chính, hành chính tư pháp, hỗ trợ tư pháp, bồi thường nhà nước trong

hoạt động quản lý hành chính và thi hành án, quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính, trợ giúp pháp lý, hợp tác quốc tế về pháp luật và tư pháp... Bằng sự phấn đấu không ngừng nhằm nâng cao chất lượng hoạt động, vai trò của công tác tư pháp và vị trí của Ngành Tư pháp trong đời sống xã hội ngày càng được khẳng định, Bộ Tư pháp, các cơ quan tư pháp địa phương và tổ chức pháp chế các bộ, ngành hoàn thành ngày một tốt hơn trách nhiệm là “người gác cổng tin cậy về pháp luật” của Chính phủ, lãnh đạo các bộ, ngành và Ủy ban nhân dân các cấp, đặc biệt trong công cuộc cải cách pháp luật và tư pháp theo đường lối của Đại hội lần thứ XI của Đảng và các Nghị quyết của Bộ Chính trị về Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020 và Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020.

Trải qua 70 năm xây dựng và trưởng thành, toàn Ngành Tư pháp luôn nỗ lực vượt qua khó khăn, thách thức, phấn đấu hoàn thành những nhiệm vụ được Đảng và Nhà nước giao cho trong các giai đoạn cách mạng, góp phần quan trọng vào thắng lợi chung của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Ngành Tư pháp Việt Nam đã vinh dự được Đảng và Nhà nước tặng thưởng Huân chương Hồ Chí Minh (1995), Huân chương Sao vàng (2010) và Huân chương Độc lập (2015) vì đã có nhiều công lao đóng góp đặc biệt xuất sắc cho sự nghiệp cách mạng của Đảng, Nhà nước và của dân tộc.

2. Nhằm giáo dục truyền thống cách mạng của Ngành Tư pháp, khơi dậy lòng tự hào, đề cao tinh thần trách nhiệm, tính chủ động, sáng tạo và trí tuệ của toàn thể cán bộ, công chức Ngành Tư pháp; đồng thời góp phần tuyên truyền trong nhân dân về vị trí, vai trò, chức năng, nhiệm vụ của Ngành Tư pháp trong bộ máy nhà nước, hoạt động và những đóng góp của Ngành trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, thực hiện nhiệm vụ được giao, từ năm 2005 đến năm 2009, Viện Khoa học pháp lý đã chủ trì phối hợp với các cơ quan hữu quan tổ chức biên soạn cuốn “*Biên niên lịch sử Bộ Tư pháp Việt Nam (1945 - 2009)*”.

Ngày 05/5/2006, Bộ trưởng Bộ Tư pháp đã ra Quyết định số 1157/QĐ-BTP thành lập Hội đồng thẩm định Dự thảo “*Biên niên lịch sử Bộ Tư pháp Việt Nam*” (giai đoạn 1945 - 2005) với sự tham gia của các nhân chứng lịch sử, chuyên gia sử học và chuyên gia pháp luật. Các ý kiến của Hội đồng thẩm định đã được tiếp thu để bổ sung, hoàn thiện bản thảo và tiếp tục biên soạn “*Biên niên lịch sử Bộ Tư pháp*” (giai đoạn 2006 - 2009). Năm 2010, Nhà xuất bản Tư pháp đã xuất bản cuốn “*Biên niên lịch sử Bộ Tư pháp Việt Nam 1945 - 2009 (Sơ thảo)*” với 02 tập:

- Tập I: Biên niên lịch sử Bộ Tư pháp Việt Nam từ năm 1945 đến năm 2002;
- Tập II: Biên niên lịch sử Bộ Tư pháp Việt Nam từ năm 2003 đến năm 2009.

3. Hướng tới Kỷ niệm 70 năm Ngày thành lập Ngành Tư pháp (28/8/1945 - 28/8/2015), theo Quyết định số 394/QĐ-BTP ngày 19/02/2014 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành “Kế hoạch hoạt động hướng tới tổ chức Kỷ niệm 70 năm Ngày truyền thống Ngành Tư pháp Việt Nam và Đại hội thi đua yêu nước Ngành Tư pháp lần thứ IV”, Viện Khoa học pháp lý tiếp tục được giao nhiệm vụ Biên soạn cuốn “*Biên niên lịch sử Bộ Tư pháp Việt Nam*” với nội dung được xác định: Biên soạn mới Biên niên lịch sử Bộ Tư pháp Việt Nam (giai đoạn 2010 - 2014). Trong quá trình biên soạn, Viện Khoa học pháp lý đã gửi bản thảo để lấy ý kiến tham vấn của một số chuyên gia đã từng là thành viên của Hội đồng thẩm định Biên niên lịch sử Bộ Tư pháp Việt Nam (giai đoạn 1945 - 2009) hoặc/và có thời gian gắn bó, hiểu biết về các sự kiện của Bộ Tư pháp trong giai đoạn lịch sử này như PGS. TS. Nguyễn Tất Viễn, Ủy viên chuyên trách - Thường trực Ban Chỉ đạo cải cách tư pháp Trung ương; TS. Trần Văn Quảng, nguyên Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ Bộ Tư pháp; ThS. Nguyễn Xuân Tùng, Chánh Văn phòng Tổng cục Thi hành án dân sự, nguyên Phó Chánh văn phòng Bộ Tư pháp... Ngày 16/7/2015, Bộ trưởng Bộ Tư pháp đã ra Quyết định số 1333/QĐ-BTP thành lập Hội đồng thẩm định nội dung bản thảo sách về Ngành Tư pháp, trong đó có “*Biên niên lịch sử Bộ Tư pháp Việt Nam*” (giai đoạn 2010 - 2014) với sự tham gia của các nhà khoa học và chuyên gia pháp luật.

Trong quá trình nghiên cứu, biên soạn cuốn “*Biên niên lịch sử Bộ Tư pháp Việt Nam*”, bên cạnh sự chỉ đạo chặt chẽ của lãnh đạo Bộ Tư pháp, Viện Khoa học pháp lý đã nhận được sự góp ý, tư vấn của cụ Vũ Đình Hòe - Nguyên Bộ trưởng Bộ Tư pháp, ông Nguyễn Văn Thảo - Nguyên Viện trưởng Viện Khoa học pháp lý, PGS.TS. Nguyễn Trọng Phúc - Nguyên Viện trưởng Viện lịch sử Đảng, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, PGS.TS. Trần Hậu - Nguyên Tổng biên tập Tạp chí Mặt trận, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam... cùng nhiều cán bộ tư pháp lão thành và các nhà sử học. Chúng tôi vô cùng biết ơn về sự giúp đỡ đó.

Đối với Viện Khoa học pháp lý, việc nghiên cứu, biên soạn sách lịch sử nói chung, biên soạn biên niên lịch sử nói riêng là mảng nghiên cứu khá mới, thiếu các chuyên gia có trình độ và kinh nghiệm trong lĩnh vực này. Bên cạnh đó, một khó khăn khách quan là nguồn tư liệu ít ỏi, thiếu tính hệ thống do những hạn chế, bất cập của công tác lưu trữ trong một số giai đoạn lịch sử phát triển của Ngành Tư pháp, đặc biệt là giai đoạn 1960 - 1981, nhiều nhân chứng lịch sử cũng không còn. Sự đầu tư các nguồn lực cho công tác nghiên cứu này

còn chưa tương xứng với yêu cầu công việc. Vì vậy, mặc dù Nhóm biên soạn đã hết sức cố gắng với tinh thần trách nhiệm và tình cảm đối với Bộ Tư pháp và Ngành Tư pháp nhưng cuốn ***Biên niên lịch sử Bộ Tư pháp Việt Nam*** chắc chắn còn những thiếu sót.

Chúng tôi rất mong nhận được ý kiến đóng góp của các bậc lão thành, các nhà khoa học và toàn thể cán bộ, công chức, bạn đọc trong và ngoài Ngành Tư pháp để tiếp tục hoàn thiện công trình này.

Một lần nữa, chúng tôi xin chân thành cảm ơn sự chỉ đạo và quan tâm tạo điều kiện của các đồng chí lãnh đạo và nguyên lãnh đạo Bộ Tư pháp, sự hướng dẫn, chỉ bảo, cộng tác, giúp đỡ của các bậc lão thành của Ngành, các nhà khoa học, các đồng nghiệp trong và ngoài Ngành Tư pháp đối với Viện Khoa học pháp lý và Nhóm biên soạn trong suốt thời gian qua.

Hà Nội, tháng 8 năm 2015

**THAY MẶT NHÓM BIÊN SOẠN
CHỦ BIÊN**

TS. Dương Thị Thanh Mai
Nguyên Viện trưởng Viện Khoa học pháp lý

NĂM 1945

THÁNG 3 NĂM 1945

Tổ chức tư pháp trong Ủy ban Dân tộc giải phóng

Tháng 3 năm 1945, sau khi Nhật đảo chính Pháp, Ban Thường vụ Trung ương Đảng cộng sản Đông Dương đã ra Chỉ thị “*Nhật Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta*”, trong đó nêu rõ những công việc cần kíp phải làm, một trong những công việc đó là thành lập tại các làng, ấp, đường phố, trại lính, công sở, trường học, nhà máy, hầm mỏ... tổ chức gọi tên là Ủy ban Dân tộc giải phóng, vừa có tính chất mặt trận, vừa có tính chất “*tiền Chính phủ*”.

Ủy ban Dân tộc giải phóng ở các cơ sở được gọi là Ủy ban Dân tộc giải phóng nền tảng. Trong 8 nhiệm vụ của Ủy ban Dân tộc giải phóng nền tảng có nhiệm vụ thứ 6: “*phân xử các việc xung đột, xích mích giữa anh chị em công nhân (nếu ở nhà máy) giữa đồng bào trong làng (nếu ở nông thôn)*” và nhiệm vụ thứ 8: “*ngăn ngừa và tiêu diệt Việt gian*”. Những công việc này do một Tiểu ban tư pháp phụ trách, các quyết định của Tiểu ban phải được Thường vụ Ủy ban Dân tộc giải phóng nền tảng duyệt y, việc lên án Việt gian phải do Ủy ban Dân tộc giải phóng cấp trên phê chuẩn mới được thi hành.

*Đề tài 50 năm Ngành Tư pháp Việt Nam,
Viện Nghiên cứu khoa học pháp lý, Bộ Tư pháp, tr. 5*

NGÀY 16 THÁNG 8 NĂM 1945

Đại hội Quốc dân Tân trào thông qua 10 chính sách lớn của Mặt trận Việt Minh và bầu ra Ủy ban Dân tộc giải phóng

Đại hội được tổ chức tại Tân Trào, tỉnh Tuyên Quang. Tham dự Đại hội có hơn 60 đại biểu của ba miền Bắc, Trung, Nam, đại biểu các đảng phái, các giới, các đoàn thể nhân dân, các dân tộc và tôn giáo, do Mặt trận Việt Minh làm nòng cốt. Đại hội đã nhất trí tán thành chủ trương của Đảng Cộng sản Đông Dương về việc phát động cuộc Tổng khởi nghĩa giành chính quyền trên phạm vi toàn quốc và thông qua 10 chính sách lớn của Mặt trận Việt Minh:

1. Giành lấy chính quyền, xây dựng một nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà trên nền tảng hoàn toàn độc lập.

2. Võ trang nhân dân. Phát triển Quân giải phóng Việt Nam.

3. Tịch thu tài sản của giặc nước và của Việt gian, tùy từng trường hợp sung công làm của quốc gia hay chia cho dân nghèo.

4. Bỏ các thứ thuế do Pháp, Nhật đặt ra, đặt một thứ thuế công bằng và nhẹ.

5. Ban bố những quyền của dân, cho dân: nhân quyền, tài quyền (quyền sở hữu); dân quyền; quyền phổ thông đầu phiếu, quyền tự do dân chủ (tự do tín ngưỡng, tự do tư tưởng, ngôn luận, hội họp, đi lại), dân tộc bình quyền, nam nữ bình quyền.

6. Chia lại ruộng đất cho công bằng, giảm địa tô, giảm lợi tức, hoãn nợ, cứu tế nạn dân.

7. Ban bố Luật lao động: ngày làm việc 8 giờ, định lương tối thiểu, đặt xã hội bảo hiểm.

8. Xây dựng nền kinh tế quốc dân, phát triển nông nghiệp. Mở mang quốc gia ngân hàng.

9. Xây dựng nền quốc dân giáo dục, chống nạn mù chữ, phổ thông và cưỡng bách giáo dục đến bậc sơ cấp, kiến thiết nền văn hoá mới.

10. Thân thiện và giao hảo với các nước đồng minh và các nước nhược tiểu dân tộc để giành lấy sự đồng tình và sức ủng hộ của họ.

Đại hội cũng nhất trí cử ra Uỷ ban Dân tộc giải phóng Việt Nam do Hồ Chí Minh làm Chủ tịch, ông Trần Huy Liệu làm Phó Chủ tịch.

Văn kiện Đảng 1930-1945, tập 3, tr. 535

NGÀY 28 THÁNG 8 NĂM 1945

Thành lập Bộ Tư pháp

Sau khi cách mạng thành công, ngày 28/8/1945, Chính phủ lâm thời Việt Nam Dân chủ Cộng hoà đã ra lời Tuyên cáo thành lập Chính phủ, trong Tuyên cáo nêu rõ: *“Nhiệm vụ của Uỷ ban Dân tộc giải phóng Việt Nam hết sức nặng nề. Làm sao cho Chính phủ lâm thời tiêu biểu được Mặt trận dân tộc thống nhất một cách rộng rãi và đầy đủ. Bởi vậy... Uỷ ban Dân tộc giải phóng đã quyết định tự cải tổ, mời thêm một số nhân sĩ tham gia Chính phủ đang cùng nhau gánh vác nhiệm vụ nặng nề mà quốc dân giao phó. Chính phủ lâm thời... là một Chính phủ quốc gia thống nhất, giữ trọng trách là chỉ đạo cho toàn thể, đợi ngày triệu tập được Quốc hội để cử ra một Chính phủ cộng hoà chính thức”*.

Trong Chính phủ lâm thời có Bộ Tư pháp do ông Vũ Trọng Khánh làm Bộ trưởng.

Việt Nam Dân quốc Công báo số 1 năm 1945, tr. 2

NGÀY 02 THÁNG 9 NĂM 1945

Các thành viên Chính phủ, trong đó có Bộ trưởng Bộ Tư pháp ký tên dưới Bản Tuyên ngôn độc lập

Bộ trưởng Bộ Tư pháp cùng các thành viên khác của Chính phủ lâm thời ký tên dưới Bản Tuyên ngôn độc lập do Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc tại Quảng trường Ba Đình trước cuộc mít tinh gồm hàng chục vạn đồng bào, khai sinh nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.

Việt Nam Dân quốc Công báo số 1 năm 1945, tr. 3

NGÀY 10 THÁNG 9 NĂM 1945

Hội nghị cán bộ Bắc Kỳ của Đảng Cộng sản Đông Dương và việc đặt các ban tư pháp trong địa phương

Hội nghị diễn ra trong hai ngày 10 và 11 tháng 9. Hội nghị đã chỉ rõ nhiệm vụ lúc này là: Củng cố chính quyền, dùng chính trị, ngoại giao, vũ khí cần thiết đến dùng quân sự để giữ vững nền độc lập. Trong Nghị quyết của Hội nghị cũng nêu rõ: Đối với sự kiện tụng trong địa phương phải đặt một ban tư pháp xét xử những việc lặt vặt, còn những việc quan hệ thì tư lên Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh. Hơn hết, trong lúc này những việc kiện tụng nên dàn xếp cho qua đi và chú ý vào vấn đề chính quyền.

Tập 8, Văn kiện Đảng toàn tập - Nxb. Chính trị Quốc gia, H. 2003, tr. 9

NGÀY 13 THÁNG 9 NĂM 1945

Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh số 32 bãi bỏ hai ngạch quan hành chính và quan tư pháp

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nội vụ, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh số 32 bãi bỏ hai ngạch quan hành chính và quan tư pháp. Theo đó, những viên chức trong hai ngạch quan này coi như là thôi việc kể từ ngày ký Sắc lệnh này và những viên chức ấy nếu cần dùng đến sẽ cải bổ vào các ngạch khác tùy theo năng lực và hạnh kiểm.

Việt Nam Dân quốc Công báo số 1 năm 1945, tr. 11

Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh số 33A định thể lệ cho Ty Liêm phóng và Sở Cảnh sát tuân theo mỗi khi bắt người

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tư pháp và Bộ trưởng Bộ Nội vụ, sau khi Hội đồng Chính phủ đã bàn luận ngày 12/9/1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh số 33A về việc định thể lệ cho Ty Liêm phóng và Sở Cảnh sát tuân theo mỗi khi bắt người. Sắc lệnh gồm 3 khoản quy định: khi Sở Liêm phóng và Sở Cảnh sát bắt một người nào thì trong 24 giờ phải lập biên bản để hoặc tha ngay, hoặc tư sang Tòa án Quân sự, hoặc tư sang ông Biện lý Tòa án Tư pháp. Nếu ông Chánh Liêm phóng hay Cảnh sát trưởng tha bị cáo, thì biên bản phải nói rõ những lý do.

Biên bản cũng phải chỉ rõ những lẽ buộc tội khi tư sang Tòa án.

Việt Nam Dân quốc Công báo số 1 năm 1945, tr. 12

Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh số 33B cho phép Ty Liêm phóng bắt những người nguy hiểm cho nền Dân chủ Cộng hoà Việt Nam để đưa đi an trí

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nội vụ và Bộ trưởng Bộ Tư pháp, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh số 33B về việc cho phép Ty Liêm phóng bắt những người nguy hiểm cho nền Dân chủ Cộng hoà Việt Nam để đưa đi an trí. Theo quy định tại Sắc lệnh này thì khi bắt người, Ty Liêm phóng phải làm ngay tờ trình lên UBND Bắc Bộ, Trung Bộ hoặc Nam Bộ, tùy địa phương, trình bày những lý do cùng chứng cứ và định cả thời gian an trí. UBND địa phương sẽ xét và ra nghị định, quyết nghị hoặc tha hoặc bắt đi an trí ở nơi nào trong một thời hạn là bao nhiêu. Nghị định của UBND địa phương phải thông tri lên Bộ trưởng Bộ Nội vụ và Bộ trưởng Bộ Tư pháp biết.

Việt Nam Dân quốc Công báo số 1 năm 1945, tr. 12

Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh số 33C thiết lập các Tòa án Quân sự

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tư pháp, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh số 33C thiết lập các Tòa án Quân sự. Sắc lệnh gồm 7 điều quy định: ở Bắc Bộ, Tòa án Quân sự được lập tại Hà Nội, Hải Phòng, Thái Nguyên, Ninh Bình; ở Trung Bộ tại Vinh, Huế, Quảng Ngãi; ở Nam Bộ tại Sài Gòn, Mỹ Tho. Tòa án Quân sự có thẩm quyền xét xử tất cả những người nào phạm vào một việc gì có phương hại đến nền độc lập của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, trừ trường hợp phạm nhân là binh sĩ thì nhà binh tự xử lấy theo quân luật. Tòa án chỉ được tổ chức một cấp, tức là những quyết định của Tòa án sẽ được thi hành ngay sau khi tuyên án, không có quyền chống án, trừ người bị kết án tử hình thì có quyền làm đơn lên Chủ tịch Chính phủ xin ân giảm.

Thành phần Hội đồng xét xử gồm có Chánh án và hai Hội thẩm. Một Hội thẩm sẽ là Thẩm phán chuyên môn của tư pháp và sẽ do ông Chương Lý Toà Thượng thẩm cử ra.

Đứng buộc tội là một uỷ viên quân sự hay một uỷ viên của Ban Trinh sát.

Bị cáo có thể tự bào chữa hay nhờ một người khác bênh vực cho.

Việt Nam Dân quốc Công báo số 2 năm 1945, tr. 18

NGÀY 20 THÁNG 9 NĂM 1945

Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh số 34 lập một Uỷ ban dự thảo Hiến pháp nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà

Thi hành Điều thứ 6 trong Sắc lệnh số 14 ngày 08/9/1945 về việc Quốc dân Đại hội, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh số 34 lập một Uỷ ban dự thảo và đề trình Quốc hội một bản Hiến pháp cho nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. Ông Vũ Trọng Khánh - Bộ trưởng Bộ Tư pháp là một trong bảy thành viên của Uỷ ban.

Việt Nam Dân quốc Công báo số 1 năm 1945, tr. 12

NGÀY 26 THÁNG 9 NĂM 1945

Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh số 37 ấn định địa phương thẩm quyền của các Toà án Quân sự

Trong Sắc lệnh số 33C ngày 13/9/1945 thiết lập các Toà án Quân sự, vấn đề thẩm quyền theo lãnh thổ của toà án chưa được quy định. Do đó, để việc tranh chấp về thẩm quyền theo lãnh thổ không xảy ra, theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tư pháp, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh số 37 ấn định địa phương thẩm quyền của các Toà án Quân sự. Sắc lệnh gồm 2 điều ấn định địa phương thẩm quyền của các Toà án Quân sự Hà Nội, Hải phòng, Thái Nguyên, Ninh Bình, Vinh, Huế, Quảng Ngãi, Sài Gòn và Mỹ Tho.

Việt Nam Dân quốc Công báo số 2 năm 1945, tr. 19 - 20

NGÀY 29 THÁNG 9 NĂM 1945

Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh số 40 đặt một Toà án Quân sự ở Nha Trang

Mười sáu ngày sau khi thành lập các Toà án Quân sự theo Sắc lệnh số 33C ngày 13/9/1945, do yêu cầu của nhiệm vụ xét xử, theo yêu cầu của Uỷ ban Tư pháp Trung Bộ và đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tư pháp, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh số 40 đặt thêm một Toà án Quân sự tại Nha Trang. Sắc lệnh gồm 4 điều

quy định về tổ chức, thẩm quyền xét xử của Tòa án Quân sự Nha Trang và việc điều chỉnh lại thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án Quân sự Quảng Ngãi.

Việt Nam Dân quốc Công báo số 3 năm 1945, tr. 27

NGÀY 04 THÁNG 10 NĂM 1945

Chính phủ họp bàn về một số vấn đề trong đó có vấn đề tư pháp

Về vấn đề tư pháp, tại cuộc họp này Chính phủ đã quyết nghị lập một Ủy ban Thanh tra hành chính để điều tra hành chính ở các địa phương; tán thành bản dự án sửa đổi luật lệ về luật sư, yêu cầu không dừng hạn tuổi luật sư.

*Biên bản họp Chính phủ ngày 04/10/1945,
Phòng PTT - Trung tâm lưu trữ Quốc gia III*

NGÀY 10 THÁNG 10 NĂM 1945

Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh số 46 quy định về tổ chức các đoàn thể luật sư

Theo lời đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tư pháp, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh số 46 quy định về tổ chức các đoàn thể luật sư. Sắc lệnh gồm 7 điều, theo đó quy định tổ chức các đoàn thể luật sư trong nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa vẫn tạm giữ như cũ và tổ chức hoạt động theo Sắc lệnh ngày 25/5/1930. Tuy nhiên, có một số quy định sửa đổi như sau:

- Các luật sư có quyền bào chữa ở trước tất cả các Tòa án hàng tỉnh trở lên và trước các Tòa án Quân sự.

“Điều kiện để làm luật sư tại Tòa Thượng thẩm Hà Nội hay Sài Gòn:

- 1. Nam hay nữ có quốc tịch Việt Nam;*
- 2. Có bằng cử nhân luật;*
- 3. Đã làm luật sư tập sự trong ba năm (kể từ ngày tuyên thệ) ở một Văn phòng luật sư thực thụ trong nước Việt Nam;*
- 4. Có hạnh kiểm tốt;*
- 5. Được bằng chứng rằng đã hết hạn tập sự và đủ tư cách làm luật sư thực thụ”.*

- Những luật sư đã tập sự được 18 tháng thì Hội đồng luật sư có thể cho phép tạm quản lý một Văn phòng.

Việt Nam Dân quốc Công báo số 4 năm 1945, tr. 36

Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh số 47 về việc giữ tạm thời các luật lệ hiện hành ở Bắc Bộ, Trung Bộ, Nam Bộ cho đến khi ban hành những bộ luật pháp duy nhất cho toàn quốc

Chiều theo lời tuyên bố của Chính phủ lâm thời ngày 02/9/1945, huỷ bỏ tất cả các hiệp ước giữa nước Việt Nam và Pháp, theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tư pháp, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký ban hành Sắc lệnh số 47 về việc giữ tạm thời các luật lệ hiện hành ở cả ba miền Bắc Bộ, Trung Bộ, Nam Bộ cho đến khi ban hành những bộ luật pháp duy nhất cho toàn quốc nếu những luật lệ ấy không trái với chính thể Việt Nam Dân chủ Cộng hoà và không phương hại đến độc lập. Sắc lệnh gồm 6 chương với 16 điều quy định cụ thể các luật và từng điều khoản được tạm thời giữ nguyên trong các luật lệ hiện hành như Luật Hộ, Luật Thương mại, Luật Hình cũng như quy định về thủ tục tố tụng và một số điều khoản chung để hướng dẫn thực hiện.

Việt Nam Dân quốc Công báo số 4 năm 1945, tr. 35

NGÀY 20 THÁNG 10 NĂM 1945

Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh số 52 về việc xá tội các phạm nhân

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tư pháp, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh số 52 về việc xá tội các phạm nhân. Sắc lệnh gồm 7 điều, theo đó quy định: những tội được xá miễn đều coi như không phạm bao giờ; quyền công tố sẽ tiêu huỷ, những chính hình và phụ hình mà Toà án đã tuyên đều bỏ hết, nhưng những tiền phạt hoặc án phí mà công khố đã thu của tội nhân rồi thì không hoàn lại nữa. Những của cải đã tịch biên và phát mại rồi cũng không có quyền đòi bồi thường. Sắc lệnh cũng cấm tất cả các công chức hành chính, tư pháp và các Thẩm phán viên không được nhắc đến, hoặc lưu lại trong hồ sơ một vết tích gì về những tội đã được xá miễn. Tuy nhiên, các bản chính của các án văn phải lưu lại ở các Phòng Lục sự.

Việt Nam Dân quốc Công báo số 7 năm 1945, tr. 58

Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh số 53 quy định về quốc tịch Việt Nam

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tư pháp, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh số 53 quy định về quốc tịch Việt Nam. Sắc lệnh gồm 9 điều, theo đó quy định những trường hợp được công nhận là quốc tịch Việt Nam bao gồm: cha là công dân Việt Nam; cha không rõ là ai hay không thuộc quốc tịch nào mà mẹ là công dân Việt Nam; sinh ra trên lãnh thổ nước Việt Nam mà cha mẹ không rõ là ai hay không thuộc một quốc tịch nào; những người dân tộc thiểu số ở nước Việt Nam...

cư trú nhất định trên lãnh thổ Việt Nam đều là công dân Việt Nam. Nếu công dân Việt Nam phạm vào một trong ba trường hợp sau sẽ bị mất quốc tịch Việt Nam: nhập một quốc tịch ngoại quốc; giữ một chức vụ gì ở ngoại quốc mà không chịu thôi, tuy đã được Chính phủ cảnh cáo; làm một việc gì phạm đến nền độc lập và chính thể dân chủ cộng hoà của nước Việt Nam.

Việc tước quốc tịch Việt Nam của những người nói trên do Chính phủ định đoạt bằng Sắc lệnh.

Việt Nam Dân quốc Công báo số 7 năm 1945, tr. 59

NGÀY 31 THÁNG 10 NĂM 1945

Chính phủ quyết định công bố Dự thảo Hiến pháp để lấy ý kiến nhân dân

Trên cơ sở đề nghị của ông Vũ Trọng Khánh - Bộ trưởng Bộ Tư pháp, trong cuộc họp ngày 31/10/1945, Chính phủ quyết định công bố Dự thảo Hiến pháp để lấy ý kiến nhân dân.

Trên cơ sở quyết định này, bản Dự thảo Hiến pháp Việt Nam đã chính thức được công bố trên báo Cứu quốc ngày 10/11/1945 kèm theo Thông cáo của Chính phủ. Thông cáo nêu rõ: “*Muốn cho tất cả nhân dân Việt Nam dự vào việc lập Hiến pháp này để mọi người được đọc kỹ càng và được tự do bàn bạc phê bình. Ai muốn hỏi điều gì hay muốn đề nghị sửa đổi điều gì trong bản Dự án Hiến pháp thì cứ viết giấy gửi đến Bộ Tư pháp ở số 43, phố Phan Chu Trinh, Hà Nội (tức là 43, phố Rollandes, Tòa án cai trị cũ). Ngoài phong bì ghi câu “Nói về Hiến pháp”. Ủy ban dự thảo Hiến pháp sẽ tập trung các đề nghị sửa đổi và ý kiến của nhân dân rồi trình lên Toàn quốc Đại hội bàn luận”*.

Biên niên lịch sử Chính phủ Việt Nam (1945-1955), tr 84;

Báo Cứu quốc số 88 ngày 10/11/1945

CUỐI THÁNG 10 ĐẾN THÁNG 11 NĂM 1945

Bộ trưởng Bộ Tư pháp tham gia Ban Nghiên cứu tổ chức chính quyền địa phương

Cuối tháng 10 năm 1945, Ban Nghiên cứu tổ chức chính quyền địa phương được thành lập do Bộ trưởng Bộ Nội vụ Võ Nguyên Giáp làm Trưởng ban. Tham gia Ban Nghiên cứu này có Bộ trưởng Bộ Tư pháp Vũ Trọng Khánh.

Ngày 22/11/1945, Ban Nghiên cứu tổ chức chính quyền địa phương đã đưa ra được những kiến nghị rất cụ thể và Bộ Nội vụ đã đệ trình để Chủ tịch

Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh số 63 về việc Tổ chức các Hội đồng nhân dân (HĐND) và Ủy ban hành chính.

Lịch sử Bộ Nội vụ 1945-1954, tr. 29

NGÀY 15 THÁNG 11 NĂM 1945

Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh số 59/SL về việc ấn định thể lệ thị thực các giấy tờ

Sắc lệnh gồm 6 điều quy định bốn vấn đề cơ bản:

- 1. Những người có thẩm quyền thị thực;*
- 2. Phạm vi thẩm quyền địa hạt thị thực;*
- 3. Trách nhiệm của người thị thực; và*
- 4. Lệ phí thị thực.*

Việt Nam Dân quốc Công báo số 10 năm 1945, tr. 81

NGÀY 16 THÁNG 11 NĂM 1945

Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh số 60 sửa đổi Điều thứ 11 Sắc lệnh số 47 ngày 10/10/1945 về giữ tạm thời các luật lệ hiện hành ở Bắc, Trung, Nam Bộ cho đến khi ban hành những bộ luật pháp duy nhất cho toàn quốc

Sắc lệnh được ban hành theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tư pháp. Theo đó, Điều thứ 11 Sắc lệnh số 47 ngày 10/10/1945 được sửa đổi như sau:

Trước các toà án ở Nam Bộ và hai thành phố Hà Nội, Hải Phòng sẽ áp dụng thủ tục ấn định trong Nghị định ngày 16/3/1910 của nguyên Toàn quyền Đông Dương và những nghị định sửa đổi nghị định ấy. Trước Toà án Đà Nẵng sẽ áp dụng thủ tục ấn định trong hai bộ Hình sự tố tụng thủ tục và Dân sự, Thương sự tố tụng thủ tục Trung Bộ, do Dụ ngày 12/6/1942 và Nghị định của nguyên Toàn quyền Đông Dương ngày 27/8/1943 ban bố.

Việt Nam Dân quốc Công báo số 12 năm 1945, tr. 93

NGÀY 23 THÁNG 11 NĂM 1945

Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh số 64 thiết lập một Ban Thanh tra đặc biệt

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nội vụ và Bộ trưởng Bộ Tư pháp, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh số 64 về việc thiết lập một Ban Thanh tra đặc biệt với nhiệm vụ giám sát tất cả các công việc và các nhân viên của các UBND và các cơ quan của Chính phủ. Ban Thanh tra đặc biệt có thẩm quyền đình chức, bắt giam bất cứ nhân viên nào trong UBND hay của Chính phủ đã phạm lỗi trước khi mang ra Hội đồng Chính phủ hay Tòa án đặc biệt xét xử. Sắc lệnh cũng quy định việc thành lập Tòa án đặc biệt tại Hà Nội để xử những nhân viên của các UBND hay các cơ quan của Chính phủ do Ban Thanh tra truy tố. Thành phần Hội đồng xét xử của Tòa án đặc biệt do Chủ tịch Chính phủ lâm thời làm Chánh án và Bộ trưởng Bộ Nội vụ và Bộ trưởng Bộ Tư pháp làm Hội thẩm. Bộ trưởng Bộ Tư pháp sẽ là Hội thẩm thuyết trình. Một uỷ viên trong Ban Thanh tra đứng buộc tội. Viên lục sự sẽ do ông Chương lý Tòa Thượng thẩm Hà Nội chỉ định. Tòa án đặc biệt có toàn quyền định án, có thể tuyên án tử hình, án tuyên có hiệu lực thi hành trong vòng 48 giờ.

Việt Nam Dân quốc Công báo số 12 năm 1945, tr. 94

THÁNG 11 NĂM 1945

Bộ Tư pháp được giao nhiệm vụ xây dựng Dự thảo Bộ luật Lao động

Chính phủ lâm thời giao cho Bộ Tư pháp chuẩn bị Dự thảo một Bộ luật Lao động của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà để trình Quốc hội xét vào đầu năm 1946.

Tuy nhiên, do chiến sự ác liệt nên công việc này chưa kịp hoàn thành. Vì thế, Chính phủ được Quốc hội cho phép: khi có hoàn cảnh thuận lợi thì ban hành Sắc lệnh quy định một số điều về chính sách lao động (cùng với chính sách giảm tô, giảm tức, khế ước, lĩnh canh) áp dụng được trong thời chiến.

Ghi chép của nguyên Bộ trưởng Bộ Tư pháp Vũ Đình Hoè

NGÀY 30 THÁNG 11 NĂM 1945

Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Nghị định số 37 về tổ chức Bộ Tư pháp

Nghị định gồm 4 điều, theo đó, tổ chức của Bộ Tư pháp gồm có một văn phòng và năm phòng sự vụ (Phòng Sự vụ nội bộ, Phòng Viên chức và Kế toán,

Phòng Giám đốc hộ vụ, Phòng Giám đốc hình vụ và Phòng Giám đốc việc quản trị các nhà lao và giáo dục tù nhân) để đảm nhiệm những chức năng rất cơ bản về bảo đảm quyền dân chủ của con người, thông qua những quy định về thẩm quyền trong việc bắt, điều tra, truy tố, xét xử, giam, tha phạm nhân, thẩm quyền tổ chức các toà án dân sự, thương sự, hình sự, công việc thực hiện các hiệp định tương trợ và uỷ thác tư pháp với nước ngoài, thẩm quyền tổ chức và quản lý các chức danh tư pháp.

Việt Nam Dân quốc Công báo số 14 ngày 15/12/1945, tr. 172 - 173

NGÀY 07 THÁNG 12 NĂM 1945

Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh số 73 về việc nhập quốc tịch Việt Nam

Trong tình hình đang chuẩn bị tiến hành Tổng tuyển cử, nhiều người ngoại quốc có thiện chí với nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, đã ở lâu năm và sống như dân Việt Nam trên đất nước ta cũng mong muốn được tham dự vào cuộc Tổng tuyển cử. Trước thực tế đó, theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tư pháp, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh số 73 quy định việc nhập quốc tịch Việt Nam.

Sắc lệnh gồm 6 điều, theo đó quy định: người ngoại quốc muốn nhập quốc tịch Việt Nam phải có những điều kiện sau: *đủ 18 tuổi; đã ở 10 năm trên đất nước Việt Nam; có trú quán nhất định trong nước Việt Nam; biết tiếng nói Việt Nam; có hạnh kiểm tốt; nếu có vợ hay chồng là người ngoại quốc thì phải được người vợ hay chồng thoả thuận cho nhập quốc tịch Việt Nam. Những con vị thành niên của người nhập quốc tịch Việt Nam thì tự nhiên cùng được hưởng quốc tịch Việt Nam với người ấy. Người đã nhập quốc tịch Việt Nam có quyền lợi và nghĩa vụ của công dân Việt Nam.*

Việt Nam Dân quốc Công báo số 15 ngày 22/12/1945, tr. 187 - 188

NGÀY 24 THÁNG 12 NĂM 1945

Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh số 77B uỷ cho Uỷ ban nhân dân Nam Bộ quyền ân giảm định trong Điều thứ 3 Sắc lệnh số 33C ngày 13/9/1945 thiết lập các Toà án Quân sự

Trên cơ sở đề nghị của UBND Nam Bộ về việc yêu cầu Chính phủ uỷ cho UBND Nam Bộ quyền ân giảm án xử tử do Toà án Quân sự tuyên cũng như xét tình thế đặc biệt hiện thời tại Nam Kỳ, theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tư pháp, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh uỷ cho UBND Nam Bộ quyền ân giảm định trong Điều thứ 3 Sắc lệnh số 33C ngày 13/9/1945 thiết lập các Toà án Quân sự.

Sắc lệnh gồm 2 điều quy định: nếu Tòa án Quân sự tại Nam Bộ tuyên án xử tử thì tội nhân có quyền đệ đơn lên UBND Nam Bộ xin ân giảm. Bản án sẽ hoãn thi hành chờ quyết nghị của Ban Thường vụ của UBND Nam Bộ. Những quyết nghị cho hay không cho ân giảm của Ban Thường vụ Ủy ban nhân dân Nam Bộ sẽ coi như là quyết nghị của Chủ tịch Chính phủ.

Việt Nam Dân quốc Công báo số 2 ngày 12/01/1946, tr. 14

NGÀY 28 THÁNG 12 NĂM 1945

Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh số 77C thiết lập một Tòa án Quân sự tại Phan Thiết

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tư pháp, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký ban hành Sắc lệnh số 77C thiết lập một Tòa án Quân sự tại Phan Thiết. Sắc lệnh gồm 4 điều quy định về việc theo đúng quy tắc ấn định trong Sắc lệnh số 33C ngày 13/9/1945 và giao cho UBND Trung Bộ ấn định thẩm quyền theo lãnh thổ của các Tòa án Quân sự Quảng Ngãi, Nha Trang, Phan Thiết sau khi hỏi ý kiến của Chánh nhất và Chương lý Tòa Thượng thẩm Thuận Hoá.

Việt Nam Dân quốc Công báo số 2 ngày 12/01/1946, tr. 14

Chính phủ họp bàn một số vấn đề về tư pháp

Tại cuộc họp này, Chính phủ quyết định việc thành lập Tòa án của các địa phương theo nguyên tắc: mỗi huyện có một Thẩm phán, mỗi tỉnh có một Tòa án. Chính phủ thành lập một Ủy ban gồm 5 thành viên để xem xét và đề cử những người có đủ phẩm chất chính trị, tư cách đạo đức và năng lực chuyên môn làm Thẩm phán. Về chuyên môn sẽ chọn những người có bằng cử nhân luật hay đã làm công chức tại các tòa án; những người có bằng tú tài sẽ qua một thời kỳ huấn luyện.

Chính phủ cũng quyết nghị hoãn việc xét xử một số quan lại trước đây bị chính quyền Trần Trọng Kim truy tố.

Biên niên lịch sử Chính phủ Việt Nam (1945-1955), tr. 137 - 138

NĂM 1946

NGÀY 01 THÁNG 01 NĂM 1946

Chính phủ lâm thời tự cải tổ thành Chính phủ liên hiệp lâm thời

Ngày 01/01/1946, Chính phủ lâm thời tự cải tổ thành Chính phủ liên hiệp lâm thời, mở rộng thành phần Chính phủ để thu hút thêm một số thành viên của Việt Cách và Việt Quốc. Bộ trưởng Bộ Tư pháp trong Chính phủ liên hiệp lâm thời là ông Vũ Trọng Khánh.

Lịch sử Quốc hội Việt Nam 1946-1960, tr. 38

NGÀY 15 THÁNG 01 NĂM 1946

Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh số 6 về việc truy tố những người can tội ăn trộm, ăn cắp, tự ý phá huỷ, cắt dây điện thoại và dây điện tín

Xét thấy hành vi ăn trộm, ăn cắp, tự ý phá huỷ, cắt dây điện thoại và dây điện tín là những hành vi làm ngăn trở sự thông tin của Chính phủ với các cơ quan địa phương, có hại cho công việc cai trị, trị an trong nước và có ảnh hưởng trực tiếp đến việc quốc phòng, theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tư pháp, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký ban hành Sắc lệnh số 6 về việc truy tố những người can tội ăn trộm, ăn cắp, tự ý phá huỷ, cắt dây điện thoại và dây điện tín. Sắc lệnh gồm 5 điều, theo đó: *những người can tội ăn trộm, ăn cắp, tự ý phá huỷ, cắt dây điện thoại và dây điện tín sẽ bị truy tố trước các toà án tỉnh, theo mức phạt từ 1 năm đến 10 năm tù và có thể bị xử tử; những người tòng phạm hoặc oa trữ những dây điện thoại hoặc dây điện tín cũng bị truy tố và phạt như chính phạm.*

Việt Nam Dân quốc Công báo số 4 năm 1946, tr. 44

Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh số 7 bổ khuyết Sắc lệnh số 33C ngày 13/9/1945 thiết lập Toà án Quân sự

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tư pháp, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký ban hành Sắc lệnh số 7 về việc bổ khuyết Sắc lệnh số 33C ngày 13/9/1945 thiết lập Toà án Quân sự. Sắc lệnh gồm 3 điều quy định bổ sung thêm thẩm quyền của Toà án Quân sự cũng như sửa đổi quy định về thành phần Hội đồng xét xử như sau: “*Đứng buộc tội tui*

quyết nghị của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sẽ là một uỷ viên Quân sự hay một uỷ viên của Ban Trinh sát hoặc một nhân viên của Công tố viện do ông Chương lý Toà Thượng thẩm chỉ định”.

Việt Nam Dân quốc Công báo số 4 năm 1946, tr. 44

NGÀY 24 THÁNG 01 NĂM 1946

Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh số 13 về tổ chức các Toà án và các ngạch Thẩm phán

Ngày 03/12/1945, Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Nghị định về việc thành lập một Hội đồng để nghiên cứu cách tổ chức các Toà án và ngạch Thẩm phán. Hội đồng gồm có nhiều luật gia, thân sỹ và nhân viên cao cấp trong Bộ. Trên cơ sở đề xuất của Bộ trưởng Bộ Tư pháp, ngày 24/01/1946 Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký Sắc lệnh số 13 về tổ chức các Toà án và các ngạch Thẩm phán.

Sắc lệnh gồm 2 chương với 114 điều quy định về tổ chức của Ban Tư pháp xã, Toà án sơ cấp, Toà án đệ nhị cấp, Toà Thượng thẩm và các ngạch Thẩm phán, việc tuyển bổ các Thẩm phán, đặc quyền và nghĩa vụ của các Thẩm phán, tạm quyền, đổi chức vị, y phục các Thẩm phán.

Sắc lệnh 13 và các Sắc lệnh bổ khuyết đã quy định việc tổ chức nền tư pháp mới của nước ta trên hai nguyên tắc căn bản:

1. Tư pháp độc lập với hành chính: theo nguyên tắc này, tại Điều 47 Sắc lệnh đã quy định: “Toà án tư pháp sẽ độc lập với các cơ quan hành chính. Các vị Thẩm phán sẽ chỉ trọng pháp luật và công lý. Các cơ quan khác không được can thiệp vào việc tư pháp”. Nguyên tắc này được ghi nhận trong Hiến pháp năm 1946.

2. Nhân dân tham gia việc xét xử: nguyên tắc này được thể hiện ở cấp xã, nhân viên phụ trách công việc tư pháp đều do HĐND xã trực tiếp bầu ra. Ở cấp tỉnh và kỳ, dưới danh nghĩa Phụ thẩm Nhân dân, nhân dân được tham dự vào việc xử án kể cả tiểu hình và đại hình. Đối với các vụ đại hình, Phụ Thẩm nhân dân không những quyết đoán về tội trạng mà còn quyết đoán cả về hình phạt.

Sắc lệnh số 13 ngày 24/01/1946 về tổ chức các Toà án và các ngạch Thẩm phán cũng là Sắc lệnh đầu tiên quy định một cách đầy đủ về việc tổ chức giải quyết các tranh chấp, xử phạt các việc vi cảnh ở cơ sở cũng như tổ chức các Toà án và quy định một cách cụ thể về tiêu chuẩn của Thẩm phán, cách tuyển chọn và đối tượng được tuyển chọn, quyền và nghĩa vụ của Thẩm phán.

Việt Nam Dân quốc Công báo số 7 năm 1946, tr. 64 - 71;

Báo cáo của Bộ Tư pháp từ ngày thành lập chính quyền nhân dân nhân dịp đại hội Việt Minh năm 1949 - Phòng PTT, Trung tâm LTQG III

NGÀY 31 THÁNG 01 NĂM 1946

Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Nghị định về việc lập một Hội đồng xét các đơn xin vào các ngạch Thẩm phán

Nhiệm vụ của Hội đồng là xét các đơn xin vào các ngạch Thẩm phán và lập danh sách những người đáng được bổ dụng. Hội đồng gồm có 5 thành viên và do ông Vũ Trọng Khánh - Bộ trưởng Bộ Tư pháp làm Chủ tịch.

Việt Nam Dân quốc Công báo số 10 ngày 09/3/1946, tr. 142

NGÀY 07 THÁNG 02 NĂM 1946

Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Nghị định số 72-TP-NĐ thành lập Tiểu Ban nghiên cứu về những luật lệ thương mại

Tiểu ban này có nhiệm vụ nghiên cứu về những luật lệ thương mại đã áp dụng ở Việt Nam và đề nghị định một pháp chế thương mại tạm thời sẽ đem áp dụng trước các Tòa án Việt Nam.

Tiểu ban nghiên cứu về những luật lệ thương mại gồm có:

1. Đinh Gia Trinh, Đồng lý Văn phòng Bộ Tư pháp;
2. Nguyễn Huy Mẫn, Chánh nhất Tòa Thượng thẩm Hà Nội;
3. Trịnh Khánh Phong, cố vấn Tòa Thượng thẩm Hà Nội;
4. Vũ Tiến Tuấn, Chánh án Tòa án đệ nhị cấp Thành phố Hà Nội;
5. Trần Văn Chương, luật sư Tòa Thượng thẩm Hà Nội;
6. Trịnh Văn Bính, Tổng Giám đốc Sở Thuế quan và thuế gián thu;
7. Dương Văn Đàm, Chánh Giám đốc Nha Kinh tế Bắc Bộ;
8. Nguyễn Ngọc Minh, Giám đốc Nha Thương vụ ở Bộ Quốc dân kinh tế.

Việt Nam Dân quốc Công báo số 9 ngày 02/3/1946, tr. 119

NGÀY 14 THÁNG 02 NĂM 1946

Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh số 21 về việc tổ chức các Tòa án Quân sự

Xét thấy các Sắc lệnh về Tòa án Quân sự đã được ban hành cần phải được tổng hợp lại và bổ khuyết, theo lời đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tư pháp, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh số 21 về việc tổ chức các Tòa án Quân sự. Sắc lệnh

gồm 16 điều quy định về thẩm quyền xét xử, thành phần hội đồng xét xử và tổ chức của Tòa án Quân sự.

Sắc lệnh này huỷ bỏ các Sắc lệnh về Tòa án Quân sự ngày 13/9/1945 (33C), ngày 26/9/1945 (37), ngày 29/9/1945 (40), ngày 28/12/1945 (77C), ngày 15/01/1946 (7).

Việt Nam Dân quốc Công báo số 9 ngày 02/3/1946, tr. 115 - 116

NGÀY 18 THÁNG 02 NĂM 1946

Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh số 22B về việc để quyền tư pháp cho Ủy ban hành chính ở những nơi chưa đặt được Tòa án biệt lập

Sau mấy tháng tập trung mọi chính quyền trong tay UBND, xét thấy, tư pháp là một việc chuyên môn không thể giao cho cơ quan hành chính. Không muốn công việc xử án trở nên hỗn độn, có thể thiên vị và có lạm dụng hay nhầm lẫn, ngày 24/01/1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký Sắc lệnh số 13, trong đó quy định về việc tổ chức các Tòa án biệt lập. Tuy nhiên, do điều kiện khách quan, nên tại thời điểm này không thể thiết lập ngay ở khắp mọi nơi những Tòa án biệt lập. Vì vậy, việc để quyền tư pháp cho Ủy ban hành chính ở những nơi nào chưa thành lập kịp Tòa án là hết sức cần thiết.

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tư pháp và Bộ trưởng Bộ Nội vụ, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh số 22B về việc để quyền tư pháp cho Ủy ban hành chính ở những nơi chưa đặt được Tòa án biệt lập. Sắc lệnh gồm 8 điều, quy định ở nơi nào chưa thiết lập được những Tòa án biệt lập theo Sắc lệnh số 13 ngày 24/01/1946 thì Ủy ban hành chính tỉnh, phủ, huyện, châu sẽ kiêm việc tư pháp, xét xử theo các luật lệ hiện hành trừ những điều khoản trái với Sắc lệnh này. Ủy ban tỉnh có quyền hạn như Tòa án đệ nhị cấp. Ủy ban phủ, huyện, châu có quyền hạn như Tòa án sơ cấp. Ủy ban có thể giao việc tư pháp cho một uỷ viên hay một ban tư pháp phụ trách riêng. Về phương diện tư pháp, các Ủy ban phủ, huyện, châu đặt dưới quyền kiểm soát của Ủy ban tỉnh và tất cả các Ủy ban đều thuộc quyền Bộ trưởng Bộ Tư pháp, Chương lý và Chánh nhất Tòa Thượng thẩm.

Việt Nam Dân quốc Công báo số 9 ngày 02/3/1946, tr. 116 - 117

NGÀY 24 THÁNG 02 NĂM 1946

Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Nghị định quy định quyền hạn, nhiệm vụ của Chánh nhất Tòa Thượng thẩm Thuận Hoá, Tòa Thượng thẩm Sài Gòn

Nghị định quy định: uỷ cho Chánh nhất Tòa Thượng thẩm Thuận Hoá

quyền chỉ định, sau khi thoả hiệp với Chủ tịch Uỷ ban hành chính Trung Bộ, những Thẩm phán chuyên môn ngồi ghế Hội thẩm thứ nhì trong các Tòa án Quân sự thiết lập tại Trung Bộ; uỷ cho ông Chánh nhất Tòa Thượng thẩm Sài Gòn quyền chỉ định, sau khi thoả hiệp với Chủ tịch Uỷ ban hành chính Nam Bộ, những Thẩm phán chuyên môn ngồi ghế Hội thẩm thứ nhì trong các Tòa án Quân sự thiết lập tại Nam Bộ.

Việt Nam Dân quốc Công báo số 10 năm 1946, tr. 142

NGÀY 25 THÁNG 02 NĂM 1946

Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh số 25 sửa đổi Sắc lệnh số 53 ngày 20/10/1945 quy định quốc tịch Việt Nam

Do thời hạn định cho những người phụ nữ ngoại quốc lấy chồng Việt Nam, hay những người phụ nữ Việt Nam lấy chồng ngoại quốc trước ngày ban hành Sắc lệnh số 53 ngày 20/10/1945 được quyền khai tại Phòng Hộ tịch để trở thành công dân Việt Nam đã hết, mà vẫn còn nhiều người thuộc trường hợp ấy muốn xin khai nhập quốc tịch, theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tư pháp, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký ban hành Sắc lệnh số 25 sửa đổi Sắc lệnh số 53 ngày 20/10/1945 quy định quốc tịch Việt Nam. Sắc lệnh gồm 3 điều, theo đó, đoạn thứ hai Điều thứ 5 Sắc lệnh số 53 ngày 20/10/1945 được sửa đổi như sau: “*Những người đàn bà ngoại quốc lấy chồng Việt Nam trước ngày ban hành Sắc lệnh này, muốn trở nên công dân Việt Nam thì phải đệ đơn xin tại Phòng Hộ tịch nơi họ đã khai giá thú khi trước, hay nơi họ đang ở, trong một thời hạn là chín tháng kể từ ngày ban hành Sắc lệnh này*” và đoạn thứ hai Điều thứ 6 được sửa là: “*Về trường hợp những người đàn bà Việt Nam lấy chồng ngoại quốc trước khi ban hành Sắc lệnh này, nay nếu muốn trở nên công dân Việt Nam, phải đến khai ở Phòng Hộ tịch nơi mà họ đã khai giá thú khi trước, hay nơi họ đang ở, trong một thời hạn là chín tháng kể từ ngày ban hành Sắc lệnh này*”.

Việt Nam Dân quốc Công báo số 10 ngày 09/3/1946, tr. 140

Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh số 26 về truy tố các việc phá huỷ công sản

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tư pháp, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh số 26 về việc truy tố các việc phá huỷ công sản. Sắc lệnh gồm 6 điều, quy định phạt tù 2 năm đến 10 năm và có thể bị xử tử hình những người phạm một trong những tội sau đây (kể cả chính phạm và tòng phạm):

1. Cố ý phá hoại một phần hay toàn thể các cầu cống, kênh hay sông đào,

vận hà, nông giang thuộc công ích, đường xe lửa và những kiến trúc thuộc về xe lửa, cùng các đường giao thông công hay tư, đường bộ hay đường thủy, đê đập, các công sở, kho tàng hoặc các nhà máy điện, máy nước;

2. Cố ý huỷ hoại hoặc ăn trộm các dây điện thoại hay điện tín, cùng các cột dây điện và dây thép;

3. Đặt ở các nơi nói trên những cơ giới, khí cụ có thể dùng để giết người, đốt phá hay tác liệt;

4. Những kẻ oa trữ các dây điện thoại hay dây điện tín cũng bị phạt như những kẻ ăn trộm các đồ vật ấy.

Việt Nam Dân quốc Công báo số 10 ngày 09/3/1946, tr. 140 - 141

Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Nghị định số 82 ấn định chi tiết áp dụng Sắc lệnh số 21 ngày 14/02/1946 tổ chức lại các Tòa án Quân sự

Nghị định gồm 2 chương với 28 điều quy định cụ thể về việc thành lập Tòa án Quân sự cũng như các thủ tục điều tra, thụ lý, dự thẩm và xét xử của Tòa án Quân sự.

Việt Nam Dân quốc Công báo số 10 ngày 09/3/1946, tr. 143 - 145

NGÀY 27 THÁNG 02 NĂM 1946

Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Nghị định số 83 về những luật lệ hồ giá viên

Theo Nghị định này thì những luật lệ hiện hành về hồ giá viên vẫn được tạm thời giữ nguyên như cũ (hồ giá viên là viên chức có trách nhiệm về tổ chức bán đấu giá tài sản). Ngoài những quy định về việc trừng phạt các hành vi có phương hại cho sự tự do đấu giá trong những vụ đấu giá công khai về: quyền sở hữu, quyền ứng dụng thu lợi, quyền thuê mượn những bất động sản... Nghị định cũng quy định: “*Kể nào, bằng lời nói, điệu bộ hay những lời đe dọa, làm mất thể diện hồ giá viên trong khi thừa hành chức vụ hay nhân khi thừa hành chức vụ, sẽ bị phạt tù từ 5 ngày đến 1 tháng và phạt tiền từ 6 đồng đến 200 đồng hay một trong hai hình phạt ấy. Kể nào thi hành những cách bạo động đối với hồ giá viên trong khi thừa hành chức vụ hay nhân khi thừa hành chức vụ, dù khi phạm pháp có cầm khí giới hay không và dù có làm phát sinh ra thương tích hay không, sẽ bị phạt tù từ 1 tháng đến 3 năm và phạt tiền từ 6 đồng đến 200 đồng*”.

Việt Nam Dân quốc Công báo số 10 ngày 09/3/1946, tr. 145

NGÀY 28 THÁNG 02 NĂM 1946

**Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Nghị định số 84 tạm giao quyền cho
Toà Thượng thẩm Huế**

Nghị định quy định: tạm giao quyền tổ chức tư pháp cảnh sát, chế độ lao tù và quyền kiểm soát các nhà lao cho Toà Thượng thẩm Huế hợp thành Đại hội đồng trong khi chờ Chính phủ ấn định chung cho toàn quốc. Chương lý sẽ ra quyết định để thi hành những Nghị quyết của Đại hội đồng Toà Thượng thẩm và những Nghị quyết ấy phải thông tri cho Uỷ ban hành chính Trung Bộ hỏi ý kiến trước khi thi hành.

Một bản sao các nghị quyết được thi hành phải lập tức gửi lên Bộ Tư pháp.

Việt Nam Dân quốc Công báo số 10 ngày 09/3/1946, tr. 145

**Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh số 27 truy tố các tội bắt cóc,
tống tiền và ám sát**

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tư pháp, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh về việc truy tố các tội bắt cóc, tống tiền và ám sát. Sắc lệnh gồm 4 điều quy định: những người phạm tội bắt cóc, tống tiền và ám sát sẽ bị truy tố và xét xử như những trọng tội với mức án từ 2 năm đến 10 năm tù và có thể bị xử tử. Những người tòng phạm hoặc oa trữ những tang vật của các tội phạm trên cũng bị phạt như chính phạm.

Việt Nam Dân quốc Công báo số 10 ngày 09/3/1946, tr. 141

NGÀY 02 THÁNG 3 NĂM 1946

**Ông Vũ Đình Hoè được bầu làm Bộ trưởng Bộ Tư pháp trong
Chính phủ liên hiệp kháng chiến**

Ngày 02/3/1946, tại Nhà hát lớn thành phố Hà Nội, toàn thể đại biểu toàn quốc được trúng cử trong cuộc Tổng tuyển cử ngày 23/12/1945 và ngày 06/01/1946 đã họp kỳ họp đầu tiên của Quốc hội khoá I.

Tại cuộc họp này, Quốc hội đã bầu ra Chính phủ liên hiệp kháng chiến thay cho Chính phủ liên hiệp lâm thời, bao gồm các thành phần thể hiện chính sách đại đoàn kết dân tộc của Đảng, Nhà nước và Chủ tịch Hồ Chí Minh trong việc xây dựng một chính quyền mạnh mẽ, sáng suốt của nhân dân. Bộ trưởng Bộ Tư pháp trong thành phần Chính phủ liên hiệp kháng chiến là ông Vũ Đình Hoè.

*Biên bản buổi họp toàn thể Đại hội lần thứ nhất Quốc hội khoá I
ngày 02/3/1946, Phòng PTT, Trung tâm LTQG III*

NGÀY 16 THÁNG 3 NĂM 1946

Bộ Tư pháp thành lập Hội đồng cố vấn pháp luật

Để làm tốt công việc tu luật cũng như nhằm nâng cao chất lượng công tác tư pháp, Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Nghị định số 98 thành lập thêm một cơ quan trong Bộ được gọi là Hội đồng cố vấn pháp luật. Hội đồng cố vấn pháp luật có nhiệm vụ nghiên cứu pháp luật, sưu tầm tài liệu để giải quyết những vấn đề pháp chế cần thiết và góp ý kiến với Bộ Tư pháp về sự giải quyết những vấn đề đó.

Tham gia Hội đồng cố vấn pháp luật có nhiều luật gia, thân sỹ. Hội đồng cố vấn được chia ra thành nhiều Tiểu ban và đã giải quyết được nhiều vấn đề pháp lý cấp bách.

Ngày 27/3/1946, theo Nghị định của Bộ trưởng Bộ Tư pháp, Hội đồng cố vấn pháp luật được đổi tên thành “*Ban cố vấn pháp luật*”.

Việt Nam Dân quốc Công báo số 14 năm 1946, tr. 193
Báo cáo của Bộ Tư pháp từ ngày thành lập chính quyền nhân dân,
Phòng PTT, Trung tâm LTQG III

NGÀY 21 THÁNG 3 NĂM 1946

**Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Nghị định số 102 uỷ quyền
Toà Thượng thẩm Thuận Hoá tổ chức một Trường Tư pháp ở Trung Kỳ**

Xuất phát từ nhu cầu trong việc tuyển bổ nhân viên tư pháp về các ngạch lục sự, thư ký lục sự ở các toà sơ cấp, đệ nhị cấp và Tòa Thượng thẩm Thuận Hoá, theo đề nghị của Tòa Thượng thẩm Thuận Hoá, Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Nghị định số 102, theo đó Tòa Thượng thẩm Thuận Hoá hợp thành Đại hội đồng được uỷ quyền tổ chức một Trường Tư pháp ở Trung Kỳ để tuyển bổ và huấn luyện những nhân viên tư pháp phụ thuộc các toà án như lục sự, thư ký lục sự ở các toà án sơ cấp, đệ nhị cấp và thượng thẩm Trung Kỳ. Ông Chương lý sẽ ra quyết định để thi hành quyết nghị của Đại hội đồng Tòa Thượng thẩm.

Một bản sao các quyết nghị được thi hành phải gửi lên Bộ Tư pháp.

Việt Nam Dân quốc Công báo số 12 năm 1946, tr. 168

**Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Nghị định thiết lập các Toà án sơ cấp
và đệ nhị cấp ở Trung Kỳ**

Chiếu Sắc lệnh số 13 ngày 24/01/1946 về tổ chức các Toà án và các ngạch

thẩm phán, theo đề nghị của Tòa Thượng thẩm Trung kỳ, Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Nghị định số 104 thiết lập các Tòa án sơ cấp và đệ nhị cấp ở Trung Kỳ. Theo đó, ở mỗi quận (phủ, huyện, châu, đồn), ở các thị xã Thanh Hoá, Vinh - Bến Thủy, Thuận Hoá, Đà Nẵng và Quy Nhơn, đặt một Tòa án sơ cấp. Quận hạt Tòa án sơ cấp là địa hạt của quận (phủ, huyện, châu, đồn) hay của thị xã. Tòa án sơ cấp gồm có một Thẩm phán, một hay nhiều Lục sự.

Tại Trung Kỳ, ở mỗi tỉnh, đạo và ở thành phố Đà Nẵng, đặt một Tòa án đệ nhị cấp. Trụ sở đặt tại tỉnh lỵ, đạo lỵ hay thành phố. Quận hạt Tòa án đệ nhị cấp là địa hạt của tỉnh, đạo. Quận hạt Tòa án đệ nhị cấp Quảng Nam là tỉnh Quảng Nam trừ thành phố Đà Nẵng và quận (huyện) Hoà Vang, quận này thuộc quận hạt Tòa án đệ nhị cấp Đà Nẵng.

Việt Nam Dân quốc Công báo số 13 ngày 30/3/1946, tr. 182-183

NGÀY 22 THÁNG 3 NĂM 1946

Chính phủ ra Nghị quyết về việc cử Thứ trưởng cho các bộ trong đó có Thứ trưởng Bộ Tư pháp

Trong phiên họp ngày 22/3/1946, theo đề nghị của các Bộ trưởng, Chính phủ đã quyết nghị cử ra một số Thứ trưởng cho các bộ, trong đó có Thứ trưởng Bộ Tư pháp - Nguyễn Văn Hưởng.

Việt Nam Dân quốc Công báo số 15 năm 1946, tr. 216

NGÀY 29 THÁNG 3 NĂM 1946

Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh số 40 về việc bảo vệ tự do cá nhân

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nội vụ và Bộ trưởng Bộ Tư pháp, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh số 40 về việc bảo vệ tự do cá nhân. Sắc lệnh gồm 24 điều, được chia thành 4 tiết, xác định: trừ khi có phạm pháp quả tang về khinh tội hay trọng tội, bao giờ bắt người cũng phải có lệnh của Thẩm phán viên. Chỉ được tự ý bắt người trong trường hợp phạm pháp quả tang nghĩa là hành vi phạm pháp đương xảy ra hoặc vừa xảy ra trước mắt hoặc kẻ phạm pháp đương bị công chúng đuổi bắt hay đang cầm giữ tang vật.

Việc giam giữ trước khi xử bao giờ cũng do các cơ quan tư pháp quyết định. Trong khi bị giam giữ, người bị truy tố lúc nào cũng có quyền đệ đơn xin tạm tha theo hình thức do pháp luật hiện hành ấn định.

Việt Nam Dân quốc Công báo số 13 ngày 30/3/1946, tr. 179

Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh số 41 quy định chế độ báo chí

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nội vụ và Bộ trưởng Bộ Tư pháp, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh quy định chế độ báo chí. Sắc lệnh gồm 4 mục với 14 điều quy định về thể lệ xuất bản, kiểm duyệt và trừng phạt.

Theo đó, các báo chí hàng ngày sẽ được xuất bản 48 giờ sau khi đã khai với Ủy ban hành chính kỳ. Mỗi tờ báo phải có một người quản lý phụ trách. Quản lý phải đủ 21 tuổi, không bị can án mất quyền công dân. Tên họ người quản lý, tên và địa chỉ nhà in phải in bên dưới các số báo. Trước khi phát hành, các toà báo phải nộp cho Ty Kiểm duyệt, Phòng Biện lý ở nơi phát hành, Phòng Báo chí Bộ Nội vụ, Nha Lưu trữ hai số báo có chữ ký của người quản lý. Các bài báo chí sẽ được ấn hành sau khi Ty Kiểm duyệt cấp kỳ đã duyệt.

Việt Nam Dân quốc Công báo số 13 ngày 30/3/1946, tr. 181;

<http://www.vbqpl.moj.gov.vn>

NGÀY 30 THÁNG 3 NĂM 1946

Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Nghị định về việc mở phiên toà xử việc đại hình ở Trung Kỳ

Theo Nghị định này thì tại Trung Kỳ các toà án đệ nhị cấp Đà Nẵng, Kon Tum, Gia Lai (Pleiku), Đắc Lắc (Buôn Ma Thuột), Di Linh (Djiring), Lâm Viên (Đà Lạt) sẽ không mở phiên toà xử việc đại hình.

Những việc đại hình thuộc thẩm quyền Toà án thành phố Đà Nẵng sẽ đem xử lại Toà án tỉnh Quảng Nam; Kon Tum và Gia Lai sẽ đem xử lại Toà án tỉnh Bình Định; Đắc Lắc sẽ đem xử lại Toà án tỉnh Khánh Hoà; Di Linh và Lâm Viên sẽ đem xử lại Toà án tỉnh Ninh Thuận.

Thẩm phán giữ chức dự thẩm tại các toà án Đà Nẵng, Kon Tum, Gia Lai, Đắc Lắc, Lâm Viên vẫn phải làm việc thẩm cứu về những vụ đại hình xảy ra trong quản hạt mình.

Việt Nam Dân quốc Công báo số 14 năm 1946, tr. 193

NGÀY 03 THÁNG 4 NĂM 1946

Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh số 42 ấn định thủ tục truy tố các khinh tội hay trọng tội khi phạm nhân là Bộ trưởng, Thứ trưởng, Chủ tịch Ủy ban hành chính kỳ hay tỉnh và Đại biểu Quốc hội

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nội vụ và Bộ trưởng Bộ Tư pháp, Chủ tịch

Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh số 42 về việc ấn định thủ tục truy tố các khinh tội hay trọng tội khi phạm nhân là Bộ trưởng, Thứ trưởng, Chủ tịch Ủy ban hành chính kỳ hay tỉnh và Đại biểu Quốc hội. Sắc lệnh gồm 8 điều, quy định thủ tục bắt, thẩm quyền giải quyết đơn kiện, cáo giác và thẩm quyền xét xử các đối tượng nói trên. Theo đó, trong trường hợp các đối tượng này bị truy tố thì:

a) Chủ tịch Ủy ban hành chính tỉnh hay đại biểu Quốc hội sẽ phải đưa ra Tòa Thượng thẩm nơi phát giác ra khinh tội hay trọng tội để xử;

b) Chủ tịch Ủy ban hành chính kỳ, Bộ trưởng hay Thứ trưởng sẽ phải đưa ra Tòa Thượng thẩm họp tất cả các phòng để xử. Tòa Thượng thẩm sẽ xử chung thẩm.

Việt Nam Dân quốc Công báo số 15 ngày 13/4/1946, tr. 216 - 217

Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh số 43 lập ở mỗi kỳ một “Hội đồng phán định thẩm quyền giữa Tòa án Quân sự, Tòa án đặc biệt và Tòa án thường”

Do trong nhiều trường hợp không thấy rõ ngay được việc phạm pháp thuộc thẩm quyền Tòa án thường hay Tòa án Quân sự, đồng thời, xét việc thiết lập một cơ quan cao cấp để giải quyết những vụ phân tranh quyền hạn giữa Tòa án Quân sự, Tòa án đặc biệt và Tòa án thường là cần thiết, ngày 03/4/1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh số 43 thành lập ở mỗi kỳ một “Hội đồng phán định thẩm quyền” để giải quyết những trường hợp nói trên. Sắc lệnh gồm 14 điều, theo đó, thành phần của Hội đồng phán định gồm có Chủ tịch (Bộ trưởng Bộ Tư pháp hoặc người đại diện là Chủ tịch Ủy ban hành chính kỳ); hai Hội viên (Chánh nhất Tòa Thượng thẩm, Chương lý Tòa Thượng thẩm) và một viên lục sự do Chương lý chỉ định. Thẩm quyền phán định là các việc phân tranh về thụ lý; các việc phân tranh về di lý giữa Tòa án Quân sự, Tòa án đặc biệt và Tòa án thường.

Việt Nam Dân quốc Công báo số 15 ngày 13/4/1946, tr. 217 - 218

NGÀY 17 THÁNG 4 NĂM 1946

Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh số 51 ấn định thẩm quyền các Tòa án và sự phân công giữa các nhân viên trong Tòa án

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nội vụ và Bộ trưởng Bộ Tư pháp, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh số 51 về việc ấn định thẩm quyền các Tòa án và sự phân công giữa các nhân viên trong Tòa án. Sắc lệnh gồm 3 chương với 46 điều, quy định về thẩm quyền của Ban Tư pháp xã, Tòa án sơ cấp, Tòa án đệ nhị cấp và Tòa Thượng thẩm cũng như các quy định về phân công giữa các nhân viên trong các Tòa án này.

Việt Nam Dân quốc Công báo số 17 ngày 27/4/1946, tr. 240 - 243

NGÀY 20 THÁNG 4 NĂM 1946

Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Nghị định số 137 đặt và xếp hạng các Tòa án ở Bắc Kỳ

Nghị định quy định việc đặt và xếp hạng các tòa án sơ cấp, Tòa án đệ nhị cấp và Tòa Thượng thẩm ở Bắc Kỳ cũng như việc rút thăm các Phụ thẩm nhân dân, theo đó:

Ngoài các Tòa án sơ cấp, Tòa án đệ nhị cấp các thành phố Hà Nội, Hải Phòng thuộc vào một hạng đặc biệt, các Tòa án sơ cấp và đệ nhị cấp khác ở Bắc Kỳ, theo thứ tự quan trọng, được chia ra làm bốn hạng.

Việc rút thăm các Phụ thẩm nhân dân xử các việc đại hình: “Danh sách các Phụ thẩm nhân dân sẽ để ở phòng ông Lục sự cùng yết thị tại trước cửa phòng xử án. Hôm mồng một dương lịch mỗi tháng ông Chánh án rút thăm trong phòng nghị xử tên các Phụ thẩm nhân dân trước mặt ông Biện lý, ông Lục sự và các bị can bị giam”.

Việc rút thăm các Phụ thẩm nhân dân xử các việc tiểu hình: “Hôm mồng một dương lịch mỗi tháng, ông Chánh án rút thăm hai phụ thẩm nhân dân thực thụ trong danh sách toàn tỉnh và hai Phụ thẩm nhân dân dự khuyết trong danh sách tỉnh lý để xử những việc tiểu hình trong các phiên tòa từ mồng một đến hôm 15 dương lịch tháng sau”.

“Danh sách các Phụ thẩm nhân dân tại Tòa Thượng thẩm Bắc kỳ gồm có một trăm người. Cứ mỗi tháng một kỳ, vào hôm mồng một dương lịch, ông Chánh án hay một ông Hội thẩm do ông Chánh nhất chỉ định, trước mặt ông Trưởng lý hay Phó Trưởng lý, và các ông Chánh lục sự, sẽ rút thăm các Phụ thẩm thực thụ trong danh sách toàn kỳ, và bốn Phụ thẩm dự khuyết trong danh sách thành phố. Ông Chánh lục sự sẽ lập biên bản về việc rút thăm”.

Việt Nam Dân quốc Công báo số 17 ngày 27/4/1946, tr. 217 - 219

NGÀY 22 THÁNG 4 NĂM 1946

Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh số 52 quy định việc lập hội

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nội vụ và Bộ trưởng Bộ Tư pháp, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh số 52 quy định việc lập hội. Sắc lệnh gồm 15 điều quy định điều kiện và thủ tục thành lập hội; tư cách pháp nhân của hội.

Theo quy định tại Sắc lệnh này thì: *Hội là một đoàn thể có tính cách vĩnh cửu gồm hai hoặc nhiều người giao ước hiệp lực mà hành động để đạt mục đích chung; mục đích ấy không phải để chia lợi tức. Hội có tư cách pháp nhân.*

Việt Nam Dân quốc Công báo số 17 ngày 27/4/1946, tr. 244

NGÀY 04 THÁNG 5 NĂM 1946

Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Nghị định số 146 sửa đổi Nghị định số 82 ngày 25/02/1946 về Tòa án Quân sự

Theo đó, Điều 9 Nghị định số 82 ngày 25/02/1946 được sửa đổi: “*Mỗi khi xảy ra một việc gì đó có phương hại đến nền độc lập của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa thì bất cứ ai cũng phải báo ngay cho Ty Công an hoặc nhà chức trách địa phương biết. Ty Công an trình lên công cáo uỷ viên để hỏi huấn lệnh. Nếu việc cần kíp ông Giám đốc Công an có thể lãnh trách nhiệm điều tra ngay trước khi nhận được huấn lệnh của công cáo uỷ viên*”.

Điều 24 Nghị định số 82 được sửa đổi: “*Tám ngày sau mỗi phiên toà, Chánh án Tòa án quân sự phải gửi một bản sao những bản án đã tuyên về Bộ Tư pháp; cũng trong kỳ hạn ấy, sau mỗi phiên toà công cáo uỷ viên phải gửi riêng một tờ trình về Bộ Tư pháp về những án đã tuyên và về tình hình dư luận cùng ý kiến riêng của mình*”.

Việt Nam Dân quốc Công báo số 20 ngày 08/5/1946, tr. 275

NGÀY 27 THÁNG 5 NĂM 1946

Bộ Nội vụ và Bộ Tư pháp ban hành Thông tư liên bộ số 208-NV/PC về trách nhiệm của hành chính và tư pháp trong việc bắt giam

Thông tư quy định:

Về trách nhiệm của hành chính và tư pháp trong việc bắt giam: nhiệm vụ của Tòa án là bắt người can phạm và xử những người ấy, còn các Ủy ban hành chính chỉ bắt người một cách bất thường nên để tiện công việc mỗi khi Chủ tịch Ủy ban hành chính ra lệnh bắt ai thì sau khi bắt được phải báo tin cho cấp tương đương bên Tòa án biết (Ủy ban hành chính kỳ báo cho Chương lý và Ủy ban hành chính tỉnh báo cho Biện lý).

Về việc phạm pháp có tính cách chính trị: Khi có đủ bằng cứ để buộc tội thì Tòa án lần hành chính đều có quyền ra lệnh bắt (ví dụ những hành vi phản quốc (tay sai cho ngoại quốc) hay phản động (chống Chính phủ)).

Việt Nam Dân quốc Công báo số 24 ngày 15/6/1946, tr. 322 - 323

NGÀY 29 THÁNG 5 NĂM 1946

Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh số 77 quy định việc thiết quân luật

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nội vụ, Bộ Quốc phòng và Bộ Tư pháp, Chủ tịch

Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh số 77 quy định việc thiết quân luật. Sắc lệnh gồm 6 điều quy định: khi nào tình thế nghiêm trọng mà có thể phát sinh ra cuộc ngoại xâm hay cuộc nội loạn lớn thì sẽ thiết quân luật. Khi thiết quân luật thiết lập ở một tỉnh thì quyền hành chính trong tỉnh giao cả cho chỉ huy quân đội. Việc xử những hành vi phạm pháp về khinh tội hay trọng tội sẽ giao Tòa án Quân sự. Tuy vậy, Tòa án Quân sự có thể để Tòa án chuyên môn xử những việc thường một cách chủ động.

Việt Nam Dân quốc Công báo số 23 ngày 08/6/1946, tr. 304

NGÀY 03 THÁNG 6 NĂM 1946

**Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Thông tư số 1735-P/4 gửi các
Chưởng lý Tòa án Thượng thẩm Hà Nội, Thuận Hoá, Sài Gòn**

Thông tư hướng dẫn Chưởng lý các Tòa án Thượng thẩm Hà Nội, Thuận Hoá, Sài Gòn trong việc theo dõi thi hành án. Thông tư nêu rõ: *“Mỗi khi một án hình thành nhất định thì vào một quyển sổ riêng rồi thỉnh thoảng phải xét xem bản án ấy đã thi hành xong chưa. Nếu ở một nơi nào xét ra Ủy ban hành chính không chịu hết sức giúp để thi hành án thì các ông báo để Bản bộ can thiệp với Bộ Nội vụ”*.

Việt Nam Dân quốc Công báo số 38 năm 1946, tr. 506

NGÀY 04 THÁNG 6 NĂM 1946

**Chủ tịch Chính phủ ban hành Sắc lệnh số 92 bổ khuyết Sắc lệnh
số 26 ngày 25/02/1946 về việc truy tố sự phá huỷ công sản**

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nội vụ và Bộ trưởng Bộ Tư pháp, thay mặt Chủ tịch Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Nội vụ Huỳnh Thúc Kháng ký Sắc lệnh số 92 về việc bổ khuyết Điều thứ 2 Sắc lệnh số 26 ngày 25/02/1946 về truy tố việc phá huỷ công sản. Theo đó, Điều thứ 2 này được bổ khuyết: *“Những kẻ nào ngăn cản, bất cứ bằng cách nào, việc hộ đê của Chính phủ và nhân dân, sẽ bị phạt như kẻ cố ý phá hoại đường đê”*.

Việt Nam Dân quốc Công báo số 24 ngày 15/6/1946, tr. 319

NGÀY 08 THÁNG 6 NĂM 1946

**Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Nghị định số 166 đặt thêm các
Tòa án sơ cấp ở Trung Kỳ**

Theo đó, đặt ở tỉnh Quảng Nam: Tòa án sơ cấp Hội An (hạng nhì); tỉnh Quảng Ngãi: Tòa án sơ cấp thị xã Quảng Ngãi (hạng nhì); tỉnh Thanh Hoá: Tòa án sơ cấp

Châu Bá Thước (hạng tư). Bãi bỏ toà án sơ cấp Ly Sơn, thuộc tỉnh Quảng Ngãi, thiết lập do Nghị định số 104 ngày 21/3/1946.

Việt Nam Dân quốc Công báo số 25 ngày 22/6/1946, tr. 334

NGÀY 10 THÁNG 6 NĂM 1946

Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Thông tư số 1840-P/4 gửi các Chương lý Toà án Thượng thẩm Hà Nội, Huế, Sài Gòn

Thông tư hướng dẫn các Chương lý Toà án Thượng thẩm Hà Nội, Huế, Sài Gòn trong việc thi hành Sắc lệnh số 51 ngày 17/4/1946 về việc ấn định thẩm quyền các Toà án và sự phân công giữa các nhân viên trong Toà án.

Việt Nam Dân quốc Công báo số 38 ngày 21/9/1946, tr. 506

NGÀY 28 THÁNG 6 NĂM 1946

Chủ tịch Chính phủ ban hành Sắc lệnh số 111 bổ khuyết Sắc lệnh số 13 ngày 24/01/1946 tổ chức các Toà án và ngạch Thẩm phán

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tư pháp, thay mặt Chủ tịch Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Nội vụ Huỳnh Thúc Kháng ký Sắc lệnh số 111 về việc bổ khuyết Điều thứ 62 Sắc lệnh số 13 ngày 24/01/1946 tổ chức các Toà án và ngạch Thẩm phán. Sắc lệnh gồm 2 điều, theo đó Điều 62 Sắc lệnh số 13 được bổ khuyết theo hướng có lợi hơn trong việc xem xét các điều kiện để bổ dụng làm Thẩm phán sơ cấp và Thẩm phán đệ nhị cấp đối với những người quê ở một tỉnh thượng du nộp đơn xin làm Thẩm phán ở một tỉnh thượng du và đối với những uỷ viên tư pháp đã làm việc từ ngày chính quyền nhân dân thành lập mà xét ra có năng lực và được nhân dân tín nhiệm.

Việt Nam Dân quốc Công báo số 27 năm 1946, tr. 356

Chủ tịch Chính phủ ban hành Sắc lệnh số 112 bổ khuyết Sắc lệnh số 51 ngày 17/4/1946 ấn định thẩm quyền các Toà án

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tư pháp, thay mặt Chủ tịch Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Nội vụ Huỳnh Thúc Kháng ký Sắc lệnh số 112 bổ sung và sửa đổi Điều thứ 23 quy định về thời hạn làm quyết tố trạng và Điều thứ 44 quy định thời hạn và hình thức kháng cáo, kháng án khuyết tịch của Sắc lệnh số 51 ngày 17/4/1946 ấn định thẩm quyền các Toà án.

Việt Nam Dân quốc Công báo số 27 năm 1946, tr. 356

Chủ tịch Chính phủ ban hành Sắc lệnh số 113 ấn định các khoản lệ phí nộp tại Tòa án

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Bộ trưởng Bộ Tư pháp, thay mặt Chủ tịch Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Nội vụ Huỳnh Thúc Kháng ký Sắc lệnh số 113 về việc ấn định các khoản lệ phí nộp tại Tòa án trong các trường hợp: hoà giải không thành; xin cấp phát bản toàn sao hay trích lục hình hoặc hộ hay xin lý lịch tư pháp; phạt kháng cáo; án pháp định.

Nguyên cáo hay bị cáo trong một việc hộ có quyền xin tư pháp bổ trợ.

Việt Nam Dân quốc Công báo số 27 năm 1946, tr. 357

NGÀY 10 THÁNG 7 NĂM 1946

Bộ Nội vụ và Bộ Tư pháp ban hành Thông tư liên bộ số 220 NV/PC giải thích Sắc lệnh số 77 ngày 29/5/1946 về việc thiết quân luật và lệnh giới nghiêm

Thông tư hướng dẫn: ở nơi nào thiết quân luật thì cơ quan hành chính phải lập tức giao hết quyền hành cho cơ quan quân sự. Tất cả những việc phạm pháp về khinh tội hay trọng tội sẽ giao Tòa án Quân sự xử. Tòa án chuyên môn có quyền xử những việc hộ và những việc phạm pháp về vi cảnh. Còn những việc phạm pháp về khinh tội hay trọng tội mà Tòa án Quân sự không đòi truy tố và xử thì Tòa án chuyên môn điều tra và xử như thường. Tóm lại, Tòa án Quân sự bất cứ lúc nào muốn xét xử một việc phạm pháp thì Tòa án chuyên môn phải giao hồ sơ ngay. Nếu Tòa án Quân sự không yêu cầu thì Biện lý cứ theo lệ thường cho điều tra và truy tố tất cả các việc phạm pháp.

Việt Nam Dân quốc Công báo số 33 năm 1946, tr. 427

NGÀY 13 THÁNG 7 NĂM 1946

Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Nghị định thiết lập Tòa án sơ cấp tại tỉnh Thái Nguyên

Theo đó, thiết lập Tòa án sơ cấp huyện Đồng Hỷ, Thái Nguyên. Quản hạt Tòa án sơ cấp huyện Đồng Hỷ gồm địa hạt huyện này và địa hạt tỉnh lỵ Thái Nguyên.

Việt Nam Dân quốc Công báo số 31 năm 1946, tr. 401

NGÀY 19 THÁNG 7 NĂM 1946

Chủ tịch Chính phủ ban hành Sắc lệnh số 130 ấn định thể thức thi hành phải ghi trên các bản toàn sao hay trích sao án hoặc mệnh lệnh

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tư pháp, thay mặt Chủ tịch Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Nội vụ Huỳnh Thúc Kháng ký Sắc lệnh số 130 về việc ấn định thể thức thi hành phải ghi trên các bản toàn sao hay trích sao án hoặc mệnh lệnh. Sắc lệnh gồm 5 điều, theo đó Điều 3 Sắc lệnh quy định: “*Trong các xã, thị xã hoặc khu phố, Chủ tịch, Phó Chủ tịch và thư ký đều chịu trách nhiệm thi hành những lệnh, mệnh lệnh hoặc án của các Tòa án. Bản án ấy sẽ tùy từng việc, chỉ định một nhân viên để giao cho việc thi hành lệnh, mệnh lệnh hoặc án. Ở những nơi nào đã có Thừa phát lại riêng, thì người đương sự có quyền nhờ Thừa phát lại riêng thi hành án hoặc mệnh lệnh*”. Sắc lệnh còn quy định: các bản toàn sao hoặc trích sao án có thể thức thi hành chỉ có thể phát cho người đương sự một lần, trừ những trường hợp đặc biệt do Chánh án cho phép.

Việt Nam Dân quốc Công báo số 31 ngày 03/8/1946, tr. 397

NGÀY 20 THÁNG 7 NĂM 1946

Chủ tịch Chính phủ ban hành Sắc lệnh số 131 về tổ chức tư pháp công an

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tư pháp, thay mặt Chủ tịch Chính phủ Bộ trưởng Bộ Nội vụ Huỳnh Thúc Kháng ký Sắc lệnh số 131 về việc tổ chức tư pháp công an. Sắc lệnh gồm 15 điều quy định: Tư pháp công an có nhiệm vụ truy tìm tất cả các sự phạm pháp (đại hình, tiểu hình hoặc vi cảnh), sưu tập các tang chứng, bắt giao người phạm pháp cho các Tòa án xét xử trong phạm vi luật pháp ấn định. Tổ chức tư pháp công an gồm có những phụ trách tư pháp công an và những uỷ viên tư pháp công an đặt dưới quyền kiểm soát trực tiếp của Chương lý Tòa Thượng phẩm. Phụ trách tư pháp công an là Dự thẩm, Biện lý và Phó Biện lý. Trước khi nhận việc, uỷ viên tư pháp công an phải tuyên thệ trước Tòa án.

Việt Nam Dân quốc Công báo số 31 ngày 03/8/1946, tr. 397

NGÀY 22 THÁNG 7 NĂM 1946

Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Thông tư số 55-P/4 về việc giam cứu một công chức hay một thường dân phạm pháp

Thông tư quy định việc giam cứu một công chức hay một thường dân là một việc nên làm nếu:

- Cần thiết cho công cuộc điều tra. Thẩm phán có thể sợ công chức ở ngoài sẽ lợi dụng quyền của mình mà mua chuộc nhân chứng hoặc phá huỷ các vật chứng.

- Phạm vào một tội nặng (tiểu hình hoặc đại hình) vì nếu tha người phạm pháp ra, e có hại cho trật tự chung (ăn cướp, giết người, biển thủ...).

Đồng thời, Thông tư cũng nêu rõ: “*Quyền của dự thẩm rất to, nhưng trong khi sử dụng quyền đó nên rất thận trọng và bao giờ cũng nghĩ đến sự tự do cá nhân là một quyền phải được tôn trọng trong một nước dân chủ cộng hoà. Khi nào toà đã xử, án thành nhất định, thì bắt giam người phạm pháp cũng không muộn*”.

Việt Nam Dân quốc Công báo số 38 ngày 21/9/1946, tr. 507

NGÀY 25 THÁNG 7 NĂM 1946

Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Thông tư số 66 P/4 giải thích Sắc lệnh số 131 ngày 20/7/1946 tổ chức tư pháp công an

Theo quy định tại Thông tư này thì:

- Trong khi thi hành nhiệm vụ tư pháp công an, tất cả các phụ trách tư pháp công an và các uỷ viên tư pháp công an đều đặt dưới quyền kiểm soát trực tiếp của Chương lý trong một kỳ;

- Một công an viên không có quyền một mình đi khám xét nhà thường dân, mệnh lệnh phải do uỷ viên tư pháp công an ký và giao cho một nhân viên công an ít ra ở cấp khu trưởng hoặc tiểu đội trưởng trở lên.

- Chỉ có Biện lý mới có quyền tạm đình cứu một việc hình, bao nhiêu biên bản, sau khi đã điều tra xong, đều phải đưa sang Phòng Biện lý xem xét có nên hay không nên truy tố.

- Ngoài các đơn do dự thẩm hoặc Biện lý chuyển sang uỷ viên tư pháp công an yêu cầu điều tra, nếu uỷ viên tư pháp công an nhận thẳng đơn khiếu nại hoặc tố cáo của dân chúng thì có quyền điều tra trước, chứ không cần phải đưa Biện lý trước khi điều tra.

Việt Nam Dân quốc Công báo số 31 ngày 03/8/1946, tr. 401

NGÀY 29 THÁNG 7 NĂM 1946

Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Thông tư số 74 P/4 về thẩm quyền Ban Tư pháp xã và Toà án sơ cấp

Về thẩm quyền của Ban Tư pháp xã, Thông tư nêu rõ: Ban Tư pháp xã có

quyền phạt những việc phạm đến trật tự chung mà không có tư nhân bị thiệt hại riêng. Nhưng nếu người bị thiệt hại đưa việc của mình ra Ban Tư pháp thì Ban Tư pháp có quyền phạt và bắt người phạm pháp bồi thường. Tuy vậy, Ban Tư pháp xã có thể từ chối không xét một việc đã xảy ra trong địa phận xã nếu người phạm pháp phạm một tội mà đối với Ban Tư pháp xã đáng xử nặng hơn mức tiền thuộc thẩm quyền của Ban Tư pháp hoặc người phạm pháp tái phạm.

Toà án sơ cấp sẽ thụ lý các việc vi cảnh trong những trường hợp sau:

- Thẩm phán sơ cấp đã lập biên bản vì phạm pháp quả tang;
- Ban Tư pháp xã đã phạt mà bị can không chịu nộp;
- Nhân viên công an ở các thị xã hoặc các quận đã nghị phạt mà bị can không chịu nộp.
- Những giấy cáo giác của dân chúng gửi thẳng đến Toà án;
- Đơn khởi tố của người bị thiệt hại đứng dân sự nguyên cáo.

Việt Nam Dân quốc Công báo số 32 ngày 10/8/1946, tr. 410 - 412

NGÀY 01 THÁNG 8 NĂM 1946

Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Thông tư số 95 P/4 về việc bài trừ nạn hối lộ

Thông tư nêu rõ: *“Trong việc thi hành pháp luật, các Thẩm phán phải lấy sự liêm chính làm đầu. Vì vậy, Bản bộ cần phải trừ triệt để nạn hối lộ, mối nguy hại rất lớn trong công cuộc kiến thiết nền độc lập nước nhà”*.

Với mục đích ấy, bên cạnh việc đưa ra một số quy định yêu cầu các nhân viên Toà án phải tuân theo, Bộ cũng chỉ thị: *“Chánh nhất và Chủ trương đối với các Thẩm phán đệ nhị cấp và nhân viên Toà Thượng thẩm, các ông Chánh án và Biện lý đối với Thẩm phán sơ cấp và nhân viên Toà án tỉnh, các ông Thẩm phán sơ cấp đối với nhân viên thuộc quyền mình (lục sự, thư ký...) phải kiểm soát ráo riết sự liêm chính của họ, và nếu có chuyện hối lộ xảy ra, thì những nhân viên phụ trách kiểm soát, nếu xét thấy rằng các nhân viên này đã biết các việc phạm pháp đó mà không chịu đem ra truy tố, hay trình với cấp trên, sẽ cũng có thể bị trừng phạt về phương diện kỷ luật như kẻ phạm tội”*.

Việt Nam Dân quốc Công báo số 33 ngày 17/8/1946, tr. 428

NGÀY 20 THÁNG 8 NĂM 1946

Chủ tịch Chính phủ ký Sắc lệnh số 159 đặt ra sự kiểm duyệt các thứ ấn loát phẩm

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nội vụ và Bộ Tư pháp, thay mặt Chủ tịch Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Nội vụ Huỳnh Thúc Kháng ký Sắc lệnh đặt ra sự kiểm duyệt các thứ ấn loát phẩm. Sắc lệnh gồm 9 điều.

Theo quy định của Sắc lệnh thì trước khi ấn hành, các nhà xuất bản, ấn loát hoặc tác giả phải đệ lên Sở Kiểm duyệt (cấp ký), giấy khai tuổi, địa chỉ, nghề nghiệp mình, cùng hai bản thảo để kiểm duyệt.

Các ấn loát phẩm được xuất bản và lưu hành, bắt buộc phải in rõ ở trang cuối rằng ấn loát phẩm đã được phép của Sở Kiểm duyệt (cấp ký) cho in ngày mấy số mấy. Khi tái bản cũng cần phải đưa kiểm duyệt. Ấn loát phẩm nào in xong cũng phải đem hai bản lưu trữ ở Sở Kiểm duyệt 48 giờ trước khi phát hành.

Việt Nam Dân quốc Công báo số 36 ngày 07/9/1946, tr. 469;

<http://vbqppl.moj.gov.vn/>

NGÀY 23 THÁNG 8 NĂM 1946

Chủ tịch Chính phủ ban hành Sắc lệnh số 163 về tổ chức Tòa án binh lâm thời đặt ở Hà Nội

Trong khi chờ đợi Sắc lệnh về tổ chức các Tòa án binh chính thức được ban hành, Chủ tịch Chính phủ đã ban hành Sắc lệnh về tổ chức Tòa án binh lâm thời. Sắc lệnh gồm 17 điều quy định về việc thành lập một Tòa án binh lâm thời trụ sở đặt tại Hà Nội cũng như quy định cụ thể về thẩm quyền xét xử, thành phần Hội đồng xét xử của Tòa án binh lâm thời.

Theo quy định tại Sắc lệnh này thì những án của Tòa án binh lâm thời sẽ mang thi hành ngay, không ai có quyền kháng cáo trừ trường hợp Tòa tuyên án xử tử thì tội nhân có quyền đệ đơn lên Chủ tịch Chính phủ xin ân giảm. Bản án sẽ tạm hoãn thi hành chờ quyết định của Chủ tịch Chính phủ.

Việt Nam Dân quốc Công báo số 36 ngày 07/9/1946, tr. 471 - 472

NGÀY 13 THÁNG 9 NĂM 1946

Bộ Nội vụ và Bộ Tư pháp ban hành Thông tư số 276-P/4 về việc tịch thu tài sản của phạm nhân bị Tòa án Quân sự kết án

Để tránh mọi sự chậm trễ có hại trong khi tịch thu tài sản của một phạm nhân

bị Tòa án Quân sự kết án, Thông tư quy định: các Công cáo uỷ viên phải thông báo ngay sau khi tuyên án cho Ủy ban hành chính (ở những nơi chưa có Tòa án biệt lập) hay cơ quan tư pháp nơi trú quán tội nhân hoặc nơi có gia sản biết để niêm phong rồi báo cho viên Ty trưởng công sản địa phương (hay viên Ty trưởng ngân khố nếu không có Ty công sản) đến phụ trách việc tịch thu.

Tuyệt đối cấm các nhân viên hành chính hay tư pháp lục soát, làm bản kê khai tài sản và tự ý phát mại; các nhân viên đó chỉ có bổn phận niêm phong và đặt người canh gác các tài sản bị tịch thu.

Việt Nam Dân quốc Công báo số 39 năm 1946, tr. 514

NGÀY 01 THÁNG 10 NĂM 1946

Chủ tịch Chính phủ ban hành Sắc lệnh số 190 về thẩm quyền truy tố của Tòa án

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tư pháp, thay mặt Chủ tịch Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Nội vụ Huỳnh Thúc Kháng ký Sắc lệnh về thẩm quyền truy tố của Tòa án. Theo đó, Tòa án có quyền truy tố một việc tiểu hình hoặc đại hình là Tòa án tỉnh tại nơi đã xảy ra trọng tội hoặc Tòa án tại nơi cư trú của người can phạm hoặc Tòa án tại nơi mà người can phạm ấy bị bắt.

Việt Nam Dân quốc Công báo số 42 ngày 19/10/1946, tr. 547

NGÀY 10 THÁNG 10 NĂM 1946

Chủ tịch Chính phủ ban hành Sắc lệnh số 196 cử người tham gia Ủy ban Nghiên cứu và điều khiển thi hành tạm ước Việt - Pháp

Thay mặt Chủ tịch Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Nội vụ Huỳnh Thúc Kháng ký Sắc lệnh về việc cử người tham gia vào Ủy ban Nghiên cứu và điều khiển thi hành tạm ước Việt - Pháp. Theo Quyết định này, ông Vũ Đình Hoè - Bộ trưởng Bộ Tư pháp là một trong những thành viên được cử vào “*Ủy ban Nghiên cứu và điều khiển thi hành tạm ước Việt - Pháp 14-09*”.

Hồ sơ số Q004-H00IA, Phòng PTT, Trung tâm LTQG III

NGÀY 11 THÁNG 10 NĂM 1946

Thành lập Ban Pháp lý học ở Đại học Việt Nam

Thay mặt Chủ tịch Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Nội vụ Huỳnh Thúc Kháng ký

Sắc lệnh số 197/SL thành lập Ban Pháp lý học thuộc trường Đại học Việt Nam. Ban Pháp lý học được thành lập từ niên khoá 1946-1947.

Biên niên lịch sử Chính phủ Việt Nam (1945-1955), tr. 271

NGÀY 08 THÁNG 11 NĂM 1946

Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Thông tư số 3305/HO về thủ tục áp dụng trong việc xin tư pháp bảo trợ

Thông tư gửi Chương lý các Toà án Thượng thẩm Hà Nội, Thuận Hoá, Sài Gòn hướng dẫn thủ tục tạm thời áp dụng trong việc xin tư pháp bảo trợ trong khi Bộ Tư pháp chưa ban hành Nghị định về vấn đề này.

Việt Nam Dân quốc Công báo số 46 năm 1946, tr. 606 - 607

NGÀY 09 THÁNG 11 NĂM 1946

Quốc hội khoá I kỳ họp thứ hai thông qua Hiến pháp đầu tiên của nước Việt Nam

Bản Hiến pháp gồm có Lời nói đầu, 7 chương và 70 điều. Đạo luật căn bản này đã đặt cơ sở cho nền luật pháp dân chủ của nhân dân Việt Nam, tổng kết quá trình đấu tranh của nhân dân Việt Nam, đảm bảo sự độc lập và thống nhất cho dân tộc, quyền tự do dân chủ về mặt chính trị, kinh tế, văn hoá cho nhân dân nhằm mục đích xây dựng một nước Việt Nam độc lập, tự do, dân chủ.

Hiến pháp đã ghi rõ về chính thể: “*Nước Việt Nam là một nước dân chủ cộng hoà. Tất cả quyền bính trong nước là của toàn thể nhân dân Việt Nam, không phân biệt nòi giống, gái trai, giàu nghèo, giai cấp, tôn giáo*” (Điều 1).

Về nghĩa vụ và quyền lợi công dân, Hiến pháp khẳng định: “*Tất cả công dân Việt Nam đều ngang quyền về mọi phương diện: chính trị, kinh tế, văn hoá*” (Điều 6), “*Đều được bình đẳng trước pháp luật, đều được tham gia chính quyền...*” (Điều 7), “*Đàn bà ngang quyền với đàn ông về mọi phương diện*” (Điều 9). “*Tư pháp chưa quyết định thì không được bắt bớ và giam cầm người công dân Việt Nam. Nhà ở và thư tín của công dân Việt Nam, không ai được xâm phạm một cách trái pháp luật*” (Điều 11),...

Đánh giá về bản Hiến pháp này, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói: đó là “*Bản Hiến pháp đầu tiên trong lịch sử nước nhà, là một vết tích lịch sử hiến pháp đầu tiên trong cõi Á đông*”, “*Bản Hiến pháp đó chưa hoàn toàn nhưng nó đã làm nên theo một hoàn cảnh thực tế. Hiến pháp đó tuyên bố với thế giới nước Việt Nam đã*

độc lập, dân tộc Việt Nam đã có đủ mọi quyền tự do..., phụ nữ Việt Nam đã được ngang hàng với đàn ông để được hưởng chung mọi quyền tự do đó của công dân. Hiến pháp đó đã nêu một tinh thần đoàn kết chặt chẽ giữa các dân tộc Việt Nam và một tinh thần liêm khiết công bằng của các giai cấp”.

Hồ Chí Minh toàn tập, tập 4, tr. 186;

Lịch sử Quốc hội Việt Nam 1945-1960, tr. 106 - 107, tr. 110

NGÀY 22 THÁNG 11 NĂM 1946

Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh số 217 ấn định Thẩm phán ra làm Luật sư

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tư pháp, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh số 217 về việc ấn định Thẩm phán ra làm Luật sư. Sắc lệnh gồm 4 điều, theo đó, Thẩm phán đệ nhị cấp có bằng Luật khoa nhận bổ sau ngày 19/8/1945, sau khi đã thực hành chức vụ tư pháp trong một hạn là ba năm trước các Tòa án đệ nhị cấp, các Tòa án Quân sự, Tòa án binh hay Tòa Thượng thẩm, có thể ra làm Luật sư mà không phải tập sự tại một Văn phòng luật sư, thời hạn này kể từ ngày tuyên thệ đầu tiên.

Hồ sơ số Q004-H001A, Phòng PTT - Trung tâm LTQG III

NGÀY 27 THÁNG 11 NĂM 1946

Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh số 223 ấn định hình phạt tội đưa và nhận hối lộ

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tư pháp, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh số 223 ấn định hình phạt tội đưa và nhận hối lộ. Sắc lệnh quy định: Tội đưa hối lộ cho công chức, tội công chức nhận hối lộ hoặc biển thủ công quỹ hay của công dân đều bị phạt khổ sai từ 5 năm đến 20 năm và phạt bạc gấp đôi tang vật hối lộ, phù lam hay biển thủ. Tang vật hối lộ bị tịch thu sung công. Người phạm tội còn có thể bị xử tịch thu nhiều nhất là đến ba phần tư gia sản. Các đồng phạm và tòng phạm cũng bị phạt như trên.

Người phạm tội đưa hối lộ cho một công chức mà tự ý cáo giác cho nhà chức trách việc hối lộ ấy và chứng minh rằng đã đưa hối lộ là vì bị công chức cưỡng bách ước hứa người ấy được miễn hết các tội. Trong trường hợp này, tang vật hối lộ được hoàn lại.

Hồ sơ số Q004-H001A, Phòng PTT - Trung tâm LTQG III

NGÀY 28 THÁNG 11 NĂM 1946

Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh số 227 ấn định thể lệ báo cáo pháp định

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nội vụ và Bộ trưởng Bộ Tư pháp, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh số 227 ấn định thể lệ báo cáo pháp định. Sắc lệnh gồm 7 điều quy định: trong toàn cõi Việt Nam, những pháp định và tư pháp báo cáo do luật lệ bắt buộc, hoặc để công bố những thủ tục hay khế ước hoặc để làm cho những thủ tục và khế ước ấy có hiệu lực đều phải đăng vào một trong những nhật báo được phép đăng những loại cáo thị ấy phát hành trong quản hạt những toà án thượng thẩm; nếu công bố một cách khác thì coi như vô hiệu. Báo cáo pháp định cùng thuộc về một thủ tục, đã bắt đầu đăng trong báo nào, bắt buộc phải đăng trọn trong báo ấy. Báo cáo phải làm bằng Việt văn; có thể cho đăng thêm một bản dịch hay tóm tắt bằng tiếng ngoại quốc ngay dưới bản báo cáo bằng tiếng Việt Nam.

Hồ sơ số Q004-H001A, Phòng PTT - Trung tâm LTQG III

NGÀY 26 THÁNG 12 NĂM 1946

Bộ Quốc phòng, Bộ Tư pháp và Bộ Nội vụ ban hành Thông lệnh liên bộ số 11 NV-CT thiết lập Toà án binh tại mặt trận để xử những người quả tang phạm tội phản quốc, gián điệp hoặc cướp của dân chúng ở các địa điểm đương tác chiến

Thông lệnh quy định: những người quả tang phạm tội phản quốc, gián điệp hoặc cướp của dân chúng ở những địa điểm đương tác chiến đều do Toà án binh tại mặt trận xử ngay.

Toà án đó gồm có:

- Viên chỉ huy quân sự ở khu vực tác chiến thuộc cấp trung đoàn trưởng trở lên hoặc người thay mặt;
- Một chính trị viên thuộc cấp tương đương;
- Cùng một quân nhân nơi xảy ra việc phạm pháp ngồi xử.

Án sẽ được thi hành ngay.

Một quân nhân sẽ giữ bút lục, ghi chép những việc cần thiết rồi gửi tất cả hồ sơ lên Uỷ ban kháng chiến khu.

Việt Nam Dân quốc Công báo số 1 năm 1947, tr. 9

Liên Bộ Quốc phòng - Nội vụ và Tư pháp ban hành Thông tư số 13 NV-CT hướng dẫn xét xử những việc có cả người trong quân đội và thường dân phạm pháp

Thông tư quy định những việc phạm pháp nào mà có bị can thuộc quân đội Việt Nam đều giao Tòa án binh, nếu bị can là thường dân thì sẽ giao Tòa án thường hoặc Tòa án Quân sự xét xử tùy trường hợp. Vì tình thế đặc biệt, nếu trong việc có cả người trong quân đội và thường dân phạm pháp thì việc này sẽ do Tòa án binh hoặc Tòa án Quân sự xét xử tùy theo trường hợp và tính cách phạm pháp.

Việt Nam Dân quốc Công báo số 1 năm 1947, tr. 10

NGÀY 28 THÁNG 12 NĂM 1946

Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Thông lệnh số 7 NV-VT về việc ân giảm, ân xá, phóng thích các tội nhân do các Tòa án thường, Tòa án Quân sự hoặc Tòa án binh kết án

Thông lệnh quy định:

Về việc ân xá, ân giảm: mỗi khi có một án tử hình, Giám đốc tư pháp khu phải lập tức lấy hồ sơ của phạm nhân đem ra thẩm cứu lại một lần nữa dù có đơn xin ân xá của tội nhân hoặc thân nhân họ hay không. Làm một tờ báo cáo, kết luận rồi gửi lên Ủy ban bảo vệ khu. Ủy ban bảo vệ khu phải họp, biểu quyết hoặc tội nhân bị kết án tử hình hoặc được ân xá hay ân giảm. Trong các trường hợp này phải có sự ưng thuận của toàn thể Ủy ban và Giám đốc tư pháp.

Về việc phóng thích các tù nhân: các đơn xin phóng thích của tội nhân hoặc của thân nhân họ sẽ gửi lên Ủy ban bảo vệ khu. Ông Giám đốc tư pháp sau khi xét hồ sơ của tội nhân, làm một tờ đề nghị lên Ủy ban bảo vệ khu, trong đó phải trình bày rõ lý do xác đáng để phóng thích tội nhân, hoặc bác đơn xin phóng thích.

Việt Nam Dân quốc Công báo số 1 năm 1947, tr. 10

Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh số 4-SL ủy cho Ủy ban bảo vệ khu quyền ân xá, ân giảm, phóng thích

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nội vụ, Bộ trưởng Bộ Tư pháp và Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh số 4-SL về việc ủy cho Ủy ban bảo vệ khu quyền ân xá, ân giảm, phóng thích các tội nhân do các tòa án thường, Tòa án Quân sự hoặc Tòa án binh kết án, trừ án của Tòa án binh tại mặt trận. Đơn xin ân xá, ân giảm hoặc phóng thích sẽ do tội nhân hoặc thân nhân của họ gửi cho

Giám đốc tư pháp khu. Giám đốc tư pháp khu sẽ tham cứu và phát biểu ý kiến với Ủy ban bảo vệ, mặc dù không có đơn Ủy ban bảo vệ cũng có thể tự ý thi hành uỷ quyền sau khi có ý kiến Giám đốc tư pháp.

Nếu tội nhân đã bị kết án tử hình, thì chỉ được ân xá, ân giảm sau khi được toàn thể Ủy ban bảo vệ và Giám đốc tư pháp ưng thuận. Có những án chỉ có thể được ân xá, ân giảm hoặc phóng thích nếu được đa số uỷ viên trong Ủy ban ưng thuận.

Việt Nam Dân quốc Công báo số 1 năm 1947, tr. 2

NGÀY 29 THÁNG 12 NĂM 1946

Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Thông lệnh số 12/NV-CT về tổ chức tư pháp trong tình thế đặc biệt

Theo đó, Thông lệnh quy định: ở mỗi khu, Bộ trưởng Bộ Tư pháp sẽ đặt một Giám đốc tư pháp để trông coi việc tư pháp trong khu và giúp ý kiến cho Ủy ban bảo vệ khu mỗi khi ra quyết nghị gì có liên can đến tư pháp. Giám đốc tư pháp đặt dưới quyền kiểm soát của Ủy ban bảo vệ khu và trong trường hợp không liên lạc được với Trung ương thì Giám đốc tư pháp đặt dưới quyền điều khiển của Ủy ban bảo vệ khu. Ở mỗi khu sẽ đặt một hay nhiều Tòa án Quân sự. Các Bộ trưởng Tư pháp và Nội vụ có thể uỷ quyền cho Ủy ban bảo vệ khu để lập các Tòa án Quân sự. Ở các Tòa án thường, nếu tình thế bắt buộc, Chánh án sau khi thoả thuận với Biện lý và Chủ tịch Ủy ban bảo vệ tỉnh, có thể xử một mình các việc hình mà không cần có Phụ thẩm nhân dân hay chuyên môn.

Việt Nam Dân quốc Công báo số 1 năm 1947, tr. 12

Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Thông tư số 12B NV-CT giải thích rõ công việc tư pháp trong một khu

Thông tư nêu rõ: trong một khu, Ủy ban bảo vệ khu là cơ quan cao nhất, nắm hết quyền hành để tập trung được mọi phương tiện giữ gìn đất nước. Bởi thế, Giám đốc tư pháp do Bộ trưởng Tư pháp và Chương lý điều khiển cũng được đặt dưới quyền kiểm soát của Ủy ban bảo vệ khu. Khi mất liên lạc với Bộ Tư pháp và Chương lý thì Giám đốc tư pháp sẽ chịu sự điều khiển của Ủy ban bảo vệ khu. Trong trường hợp có liên lạc với Bộ Tư pháp và Chương lý, các mệnh lệnh của Bộ và Chương lý sẽ chuyển qua Chủ tịch Ủy ban bảo vệ khu, các mệnh lệnh ấy hoặc được giao ngay cho Giám đốc tư pháp, hoặc giữ lại để thảo luận trong Ủy ban bảo vệ khu để Ủy ban này định kế hoạch thi hành cho Giám đốc tư pháp.

Giám đốc tư pháp do Bộ trưởng Bộ Tư pháp bổ nhiệm, là một nhà chuyên môn đại diện cho Bộ Tư pháp ở trong khu. Mỗi khi ban hành việc gì có liên can đến tư pháp, dù trong trường hợp còn giữ được hay mất liên lạc với Bộ Tư pháp thì Ủy ban bảo vệ khu cũng phải hỏi ý kiến của Giám đốc tư pháp trước. Ủy ban bảo vệ khu có thể quyết định trái với ý kiến của Giám đốc tư pháp. Nhưng nếu quyết định mà không hỏi ý kiến của Giám đốc tư pháp thì quyết định ấy vô giá trị, Giám đốc tư pháp và các Tòa án sẽ không thi hành.

Việt Nam Dân quốc Công báo số 1 năm 1947, tr. 13

CUỐI NĂM 1946

Tuyển chọn đội ngũ Thẩm phán đầu tiên

Thi hành Sắc lệnh số 13 ngày 24/01/1946 về tổ chức các Tòa án và các ngạch Thẩm phán, Bộ Tư pháp đã bắt tay vào việc kiến thiết nền tư pháp mới, trong đó có việc tuyển chọn đội ngũ Thẩm phán đầu tiên thuộc Tòa Thượng thẩm Hà Nội. Kết quả đã tuyển chọn được 40 Thẩm phán, bao gồm một số người đã học qua hay đã tốt nghiệp ở các trường pháp lý hoặc đã làm việc lâu năm ở các Tòa án có kinh nghiệm về việc tư pháp, có bảo đảm về tư cách hạnh kiểm...

Buổi lễ tuyên thệ cho lớp Thẩm phán đầu tiên được long trọng tổ chức tại Phòng xử án của Tòa Thượng thẩm. Các Thẩm phán đã vinh dự được đón Chủ tịch Hồ Chí Minh đến dự buổi lễ tuyên thệ. Sau khi nghe Bộ trưởng Bộ Tư pháp Vũ Đình Hoè đọc diễn văn khai mạc, phân tích đặc điểm của chế độ tư pháp nhân dân, nói rõ nhiệm vụ và nghĩa vụ của người Thẩm phán nhân dân là phải bảo vệ nền độc lập dân tộc và các quyền tự do dân chủ của nhân dân, các Thẩm phán đã được nghe Chủ tịch Hồ Chí Minh thân mật dặn dò: “*Các ông là Thẩm phán của dân, xử án vì dân, hãy luôn luôn làm đúng những khẩu hiệu mà mình đã viết: Cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư*”.

Báo cáo của Bộ Tư pháp từ ngày thành lập chính quyền nhân dân,

Phòng PTT - Trung tâm LTQG III;

Hồi ký Vũ Đình Hoè, Nhà xuất bản Hội nhà văn, H. 2004, tr. 743-744

NĂM 1947

NGÀY 01 THÁNG 01 NĂM 1947

Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Nghị định số 5-ĐB về việc tạm đình chỉ công việc xử án của các Tòa Thượng thẩm

Xét tình thế đặc điểm hiện thời cũng như chiếu Thông lệnh tổ chức tư pháp trong tình thế đặc biệt, Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Nghị định tạm đình chỉ công việc xử án của các Tòa Thượng thẩm Bắc Bộ, Trung Bộ, Nam Bộ cho đến khi có lệnh mới và yêu cầu các Chánh nhất và Chương lý vẫn phải tiếp tục điều khiển và kiểm soát công việc tư pháp và Thẩm phán trong quản hạt mỗi Tòa.

Việt Nam Dân quốc Công báo số 1 năm 1947, tr. 19

NGÀY 07 THÁNG 01 NĂM 1947

Bộ Nội vụ và Bộ Tư pháp ban hành Thông tư liên bộ số 34-NV-TP/CT vạch rõ các nhiệm vụ quan trọng của các Thẩm phán trong thời kỳ kháng chiến

Thông tư nêu rõ: trong thời kỳ kháng chiến, các cơ quan Tư pháp cũng như các cơ quan hành chính, cần phải chạy đều, không thể vì một tình thế nào, bị ngừng hay lệch lạc, để tỏ cho dân chúng biết và tin tưởng rằng trong thời bình cũng như trong thời chiến tranh, Chính phủ cũng đứng cạnh dân và sẵn sóc đến đời sống cùng sự an ninh của dân. Các Thẩm phán phải làm việc với tinh thần chiến đấu, đi đến dân chứ không đợi dân đi đến mình. Các Thẩm phán phải làm việc tại chỗ chứ không được rời khỏi chỗ làm việc, dù gặp trường hợp nào, nếu không có sự thoả thuận trước của Ủy ban kháng chiến khu.

Việt Nam Dân quốc Công báo số 2 năm 1947, tr. 39

NGÀY 29 THÁNG 01 NĂM 1947

Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh số 9-SL về việc ấn định lại thủ tục truy tố các nhân viên cao cấp trong Chính phủ cùng các cơ quan hành chính và tư pháp

Xét tình thế đặc biệt của cuộc kháng chiến toàn quốc, theo đề nghị của các

ông Bộ trưởng Bộ Nội vụ, Bộ Quốc phòng và Bộ Tư pháp, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh số 9-SL ngày 29/01/1947 về việc ấn định lại thủ tục truy tố các nhân viên cao cấp trong Chính phủ cùng các cơ quan hành chính và tư pháp. Sắc lệnh gồm 8 điều quy định cụ thể về thủ tục bắt bớ, giam cầm, truy tố các nhân viên cao cấp trong Chính phủ, tư pháp và các nhân viên Ủy ban kháng chiến. Sắc lệnh cũng quy định: trong thời kỳ kháng chiến, các mục B Sắc lệnh số 13 ngày 14/01/1946 và Sắc lệnh số 42 ngày 03/4/1946 sẽ tạm thời đình chỉ thi hành.

<http://www.thuvienphapluat.vn>

Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Nghị định số 13 NV-CT ủy cho Ủy ban kháng chiến khu quyền thiết lập và tổ chức Tòa án Quân sự trong khu

Chiều Sắc lệnh số 1 ngày 20/12/1946 tổ chức các Ủy ban kháng chiến và Thông lệnh số 12 NV-CT ngày 29/12/1946 về tổ chức tư pháp trong khu, Bộ trưởng Bộ Nội vụ ủy cho Ủy ban kháng chiến khu quyền thiết lập và tổ chức Tòa án Quân sự trong khu.

Việt Nam Dân quốc Công báo số 1 năm 1947, tr. 10

NGÀY 30 THÁNG 01 NĂM 1947

Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh số 11-SL sửa đổi Sắc lệnh số 40 ngày 29/3/1946 về bảo đảm tự do cá nhân

Để phù hợp với tình thế cùng sự tổ chức mới trong thời kỳ kháng chiến, theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nội vụ và Bộ trưởng Bộ Tư pháp, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh số 11-SL sửa đổi Sắc lệnh số 40 về bảo đảm tự do cá nhân.

Sắc lệnh gồm 8 điều quy định: “*Trong trường hợp đặc biệt mà Tòa Thượng thẩm tạm đình chỉ công việc xử án, các mệnh lệnh của Thẩm phán về sự giam vẫn được tạm thi hành dù có sự kháng nghị theo nguyên tắc ấn định ở Điều 7 khoản a, Thông lệnh tổ chức tư pháp trong tình thế đặc biệt*”. “*Trong thời kỳ đặc biệt kháng chiến, các Ủy ban kháng chiến khu có uỷ nhiệm của Chủ tịch Ủy ban hành chính kỳ thi hành trong khu “đặc quyền” ra quyết nghị bắt rồi đem an trí cấm lưu trú nói trong Điều 7 Sắc lệnh số 40. Trước khi ra quyết nghị, Ủy ban kháng chiến khu hỏi ý kiến lên viên Giám đốc tư pháp trong khu*”.

Điều 9 Sắc lệnh số 40 được sửa đổi như sau: “*Khi nào cấp bách đặc biệt, Chủ tịch Ủy ban kháng chiến trên các tỉnh được phép tạm bắt giữ người xét ra lời nói hay việc làm nguy hại cho việc trị an hay kháng chiến, nhưng phải báo tin lập tức ngay trong ngày tạm bắt giữ ấy cho Ủy ban kháng chiến khu. Trong hạn 15 hôm*

là cùng, hồ sơ phải đề về Ủy ban kháng chiến khu và trong hạn 30 ngày, Ủy ban kháng chiến khu phải xét hồ sơ và ra lệnh hoặc tha hoặc giam”.

Việt Nam Dân quốc Công báo số 1 năm 1947, tr. 5

ĐẦU THÁNG 02 NĂM 1947

Thành lập Nha Giám đốc tư pháp khu IV

Giám đốc Nha Giám đốc tư pháp khu IV là ông Trần Kiêm Lý.

*Báo cáo về một năm hoạt động kháng chiến
của Bộ Tư pháp năm 1947; Trung tâm LTQG III*

NGÀY 13 THÁNG 02 NĂM 1947

Thành lập Nha Giám đốc tư pháp khu V

Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Nghị định thành lập Nha Giám đốc tư pháp khu V và cử ông Nguyễn Duy Đính, Thẩm phán đệ nhị cấp làm Giám đốc.

Theo yêu cầu của Ủy ban kháng chiến khu VI, ngày 02/4/1947 đại diện Chính phủ ở Nam Trung Bộ đã ra Nghị định đặc biệt cải Nha Giám đốc khu V thành Nha Giám đốc tư pháp Nam Trung Bộ để điều khiển các công việc tư pháp thuộc 2 khu V và VI. Ngày 20/10/1947 Bộ trưởng Bộ Tư pháp ra Nghị định cử ông Nguyễn Duy Đính chính thức kiêm Giám đốc Nha Giám đốc tư pháp khu VI.

*Báo cáo về một năm hoạt động kháng chiến
của Bộ Tư pháp năm 1947; Trung tâm LTQG III*

NGÀY 16 THÁNG 02 NĂM 1947

Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh số 19-SL về việc tổ chức các Tòa án binh khu trên toàn cõi Việt Nam (trừ các Tòa án binh tại mặt trận)

Tình thế kháng chiến đã làm nổi bật vai trò của các Tòa án binh nên tổ chức của các Tòa án đó cũng cần phải được kiện toàn và củng cố. Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng và Bộ trưởng Bộ Tư pháp, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh số 19-SL về tổ chức các Tòa án binh trong toàn cõi Việt Nam (trừ các Tòa án binh tại mặt trận). Sắc lệnh gồm 13 điều nêu rõ: ở mỗi khu sẽ đặt một Tòa án binh. Hội đồng xét xử của Tòa án binh gồm có 1 Chánh án và 2 Hội thẩm ngồi xử, 1 Ủy viên Chính phủ đứng buộc tội, 1 lục sự ghi chép. Các bản án của Tòa án binh khu sẽ thi hành ngay, trừ những án tử hình. Nếu tuyên án tử hình, Chánh án buộc phải

báo cho phạm nhân biết rằng có quyền xin ân giảm. Về phương diện chuyên môn, các Tòa án binh đều thuộc quyền Quân pháp cục Bộ Quốc phòng; về phương diện quản trị, Tòa án binh khu thuộc quyền Ủy ban kháng chiến Khu. Tuy nhiên, sau này theo Sắc lệnh số 60 ngày 05/7/1947 sửa đổi Sắc lệnh số 19-SL thì về phương diện quản trị, Tòa án binh khu thuộc quyền của Phủ Quân sự.

Việt Nam Dân quốc Công báo số 3 năm 1947, tr. 46

Bộ trưởng Bộ Quốc phòng và Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Thông lệnh về thẩm quyền của Tòa án binh tại mặt trận

Để đối phó nhanh chóng và cương quyết với những phạm pháp quả tang phản quốc, gián điệp, cướp bóc, những nhiều dân chúng xảy ra ở những nơi đang tác chiến, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng và Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Thông lệnh số 32 TL/DB về thẩm quyền của Tòa án binh tại mặt trận. Theo đó, đoạn thứ nhất của Thông lệnh số 11 NV-CT ngày 26/12/1946 được sửa đổi như sau: Tòa án binh tại mặt trận có thẩm quyền xét xử đối với những quân nhân phạm pháp và tòng phạm; những người thuộc bất cứ hạng nào bị bắt quả tang phạm pháp ở nơi đang tác chiến làm thiệt hại trực tiếp cho quân đội, ví dụ như: trộm cắp khí giới, đồ đạc của bộ đội, cắt dây điện thoại, xúi giục đào ngũ, do thám. Đối với những hành vi vi phạm khác chỉ gián tiếp làm thiệt hại cho quân đội và chỉ thiệt hại cho quân sự hay kháng chiến như: phản quốc, cướp bóc, những nhiều dân chúng, bộ đội có thể bắt giữ nhưng phải trao trả Tòa án Quân sự xét xử.

Việt Nam Dân quốc Công báo số 3 năm 1947, tr. 63

NGÀY 19 THÁNG 3 NĂM 1947

Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh số 31-SL sửa đổi Sắc lệnh số 131 ngày 20/7/1946 về tổ chức tư pháp công an

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nội vụ và Bộ trưởng Bộ Tư pháp, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh sửa đổi Điều 3 Sắc lệnh số 131 ngày 20/7/1946 về tổ chức tư pháp công an. Theo đó, Điều 3 này được sửa đổi như sau: Tư pháp công an gồm có những phụ trách Tư pháp công an và những uỷ viên Tư pháp công an. Phụ trách Tư pháp công an là Dự thẩm, Biện lý, Phó biện lý. Uỷ viên Tư pháp công an là: Thẩm phán sơ cấp (Tòa án); Chủ sự Phòng Chính trị và tư pháp, Trưởng ty Công an tỉnh, Trưởng Ban chính trị tư pháp, trật tự, công an tỉnh, Quận trưởng, Trưởng ban ở các quận thuộc thành phố Hà Nội, quận trưởng ở các tỉnh và những Phó Chủ sự, Phó Trưởng ban nếu có đặt (Công an).

Việt Nam Dân quốc Công báo số 5 năm 1947, tr. 4

Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh số 32-SL sửa đổi Sắc lệnh số 40 ngày 29/3/1946 ấn định thể lệ đảm bảo tự do cá nhân

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nội vụ và Bộ trưởng Bộ Tư pháp, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh sửa đổi Điều 9 Sắc lệnh số 40 ngày 29/3/1946 ấn định thể lệ đảm bảo tự do cá nhân. Theo đó Điều 9 được sửa đổi như sau: khi nào cấp bách đặc biệt, Chủ tịch Ủy ban kháng chiến tỉnh và Chủ tịch Ủy ban hành chính tỉnh, được phép bắt người xét ra lời nói hay việc làm nguy hại cho cuộc trị an hay kháng chiến, nhưng phải báo tin lập tức ngay trong ngày tạm bắt giữ ấy cho Ủy ban kháng chiến khu. Trong hạn 15 ngày là cùng, hồ sơ phải gửi về Ủy ban kháng chiến khu và trong 30 ngày, Ủy ban kháng chiến khu phải xét hồ sơ và lệnh hoặc tha, hoặc giam.

Việt Nam Dân quốc Công báo số 5 năm 1947, tr. 4

NGÀY 21 THÁNG 3 NĂM 1947

Bộ Nội vụ và Bộ Tư pháp ban hành Nghị định liên Bộ số 41-NV-TP-NgĐ thiết lập hai Tòa án Quân sự tại khu 2

Nghị định quy định: thiết lập tại khu 2 hai Tòa án Quân sự gọi là: Tòa án Quân sự A và Tòa án Quân sự B.

Quản hạt của Tòa án Quân sự A gồm năm tỉnh: Hà Đông, Sơn Tây, Hoà Bình, Sơn La và Lai Châu. Quản hạt Tòa án Quân sự B gồm ba tỉnh: Nam Định, Hà Nam và Ninh Bình.

Việt Nam Dân quốc Công báo số 5 năm 1947, tr. 13

NGÀY 06 THÁNG 4 NĂM 1947

Bộ Nội vụ và Bộ Tư pháp ban hành Thông tư số 94-TP ấn định cách thi hành Sắc lệnh số 11-SL về việc bảo vệ tự do cá nhân

Thông tư yêu cầu Chủ tịch Ủy ban kháng chiến và Giám đốc tư pháp khu:

1. Ra lệnh ngay cho các Ủy ban hành chính tỉnh kịp lập ngay các hồ sơ của những người bị bắt giam trong tỉnh rồi gửi ngay lên khu để xét.

2. Xét ngay trường hợp từng người đã bị bắt giam, ai đáng tha thì tha ngay.

Thông tư cũng yêu cầu Chủ tịch Ủy ban kháng chiến khu và Giám đốc tư pháp khu lưu ý đến các nơi giam cầm cùng chế độ thi hành trong các trại giam. Định ngay trong khu các nơi giam cầm và ra lệnh cho các cấp dưới biết là không ai được giam cầm ngoài các nơi mà Ủy ban kháng chiến khu đã ấn định.

Việt Nam Dân quốc Công báo số 6 năm 1947, tr. 15

THÁNG 4, THÁNG 5 NĂM 1947

Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Nghị định về việc thành lập và tổ chức các Hội đồng phúc án

Căn cứ quy định tại khoản 7 Thông lệnh tổ chức tư pháp trong tình thế đặc biệt: “*Tùy theo tình thế, Bộ Tư pháp ra Nghị định tạm đình chỉ công việc xử án của các Tòa Thượng thẩm ở mỗi kỳ*” và xuất phát từ thực tế giao thông khó khăn, việc gửi hồ sơ và dẫn giải can phạm gặp nhiều trở ngại, ngày 01/01/1947, Bộ trưởng Bộ Tư pháp đã ban hành Nghị định đình chỉ công việc xử án của các Tòa Thượng thẩm Bắc Kỳ, Trung Kỳ và Nam Kỳ. Tuy nhiên, xét thấy việc để các Tòa án đệ nhị cấp quyền xử án mà không có cấp trên nào kiểm soát chỉ có thể là tình trạng tạm thời, cần phải bổ khuyết, vì thế ngày 12/4/1947 Bộ trưởng Bộ Tư pháp đã ban hành Nghị định số 44/DB thiết lập ở khu một Hội đồng phúc án và ngày 09/5/1947 tiếp tục ban hành Nghị định số 61/DB quy định về tổ chức Hội đồng phúc án khu. Theo quy định tại các Nghị định này thì Hội đồng phúc án khu sẽ thay thế Tòa Thượng thẩm kỳ để xét lại trong quản hạt những việc thuộc thẩm quyền Tòa Thượng thẩm. Thành phần Hội đồng phúc án gồm: 1 Chánh Hội đồng, 2 Hội thẩm do Bộ Tư pháp chỉ định trong các Thẩm phán và Giám đốc tư pháp, 1 Thư ký do Giám đốc tư pháp khu chỉ định sẽ giữ chức Lục sự.

Hội đồng phúc án xét xử theo bút lục. Các án đương tịch của Hội đồng phúc án sẽ được mang ra thi hành ngay, trừ những án tử hình thì sẽ theo thủ tục về việc ân giảm và ân xá.

Việt Nam Dân quốc Công báo số 6 năm 1947, tr. 6 và số 7 năm 1947, tr. 6;

Báo cáo của Bộ Tư pháp từ ngày thành lập chính quyền nhân dân,

Trung tâm LTQG III

NGÀY 07 THÁNG 5 NĂM 1947

Bộ trưởng Bộ Tư pháp cử đặc phái viên thanh tra các trại giam toàn quốc

Bộ trưởng Bộ Tư pháp cử ông Đỗ Xuân Sảng làm đặc phái viên thanh tra các trại giam toàn quốc (thay ông Vũ Văn Huyền bị Pháp bắt). Trong 6 khu Bắc Bộ, ông Đỗ Xuân Sảng đã đến 15 tỉnh, thăm 29 nhà giam và gần 3.000 phạm nhân, đã hỏi từng phạm nhân và nếu có gì oan ức thì can thiệp ngay với cơ quan có thẩm quyền.

Báo cáo về một năm hoạt động kháng chiến của Bộ Tư pháp năm 1947, Trung tâm LTQG III

NGÀY 05 THÁNG 7 NĂM 1947

Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh số 59-SL thành lập Tòa án binh Khu Trung ương

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng và Bộ trưởng Bộ Tư pháp, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh số 59-SL về việc đặt một Tòa án binh Khu Trung ương tại Bộ Quốc phòng. Tòa án binh Khu Trung ương gồm có một Chánh án ngồi xử, một nhân viên Bộ Quốc phòng và một nhân viên Bộ Tổng chỉ huy hội thẩm, một Lục sự chép các điều tranh luận, giữ án từ và giấy tờ. Tòa án binh Khu Trung ương có thẩm quyền xét xử các nhân viên phạm pháp thuộc các cơ quan Trung ương của Bộ Quốc phòng và Bộ Tổng chỉ huy, kể cả các Trung đoàn trưởng trở lên.

Tòa án binh Khu Trung ương có quyền tuyên án phạt: về tiền; tịch thu một phần hoặc tất cả gia sản; tù có kỳ hạn; khổ sai; tử hình... Các bản án của Tòa án binh Khu Trung ương sẽ thi hành ngay, trừ những án tử hình. Khi tuyên án tử hình, Chánh án bắt buộc phải báo cho phạm nhân biết rằng y có quyền đệ đơn lên Chủ tịch Chính phủ xin ân giảm. Nếu đơn ấy bị bác, án sẽ đem thi hành ngay.

Việt Nam Dân quốc Công báo số 9 năm 1947, tr. 2

NGÀY 26 THÁNG 7 NĂM 1947

Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh số 68-SL sửa đổi Sắc lệnh số 32-SL ngày 19/3/1947 về việc bảo đảm tự do cá nhân

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nội vụ và Bộ trưởng Bộ Tư pháp, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh về việc sửa đổi Điều 1 Sắc lệnh số 32-SL ngày 19/3/1947 về việc bảo đảm tự do cá nhân. Theo đó Điều 1 được sửa đổi như sau:

“Nay bãi bỏ Điều thứ 9 Sắc lệnh số 40 ngày 19/3/1946 về việc bảo đảm tự do cá nhân, và thay bằng điều khoản sau đây:

Điều 9 mới: Khi nào cấp bách đặc biệt, Chủ tịch Ủy ban kháng chiến tỉnh và Chủ tịch Ủy ban hành chính tỉnh được phép bắt người xét ra lời nói hay việc làm nguy hại cho cuộc trị an hay kháng chiến, song phải báo tin lập tức ngay trong ngày tạm bắt giữ ấy cho Ủy ban kháng chiến khu.

Trong hạn 15 hôm là cùng, hồ sơ phải đệ về Ủy ban kháng chiến khu, hoặc gửi cho Công cáo uỷ viên Tòa án Quân sự nếu xét ra việc thuộc thẩm quyền Tòa án này.

Trong hạn 30 hôm, Ủy ban hành chính khu phải xét hồ sơ và ra lệnh hoặc tha, hoặc giam để đưa đi an trí, hoặc truy tố trước Tòa án Quân sự, tùy theo trường hợp.

Việc bắt giam, điều tra, lập và gửi hồ sơ sẽ do Ủy ban hành chính tỉnh phụ trách, dù lệnh bắt đó Ủy ban kháng chiến tỉnh ký”.

Việt Nam Dân quốc Công báo số 9 năm 1947, tr. 4

NGÀY 09 THÁNG 8 NĂM 1947

Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Nghị định số 96 DB đặt tạm thời về phương diện tư pháp

Nghị định quy định việc đặt tạm thời về phương diện tư pháp huyện Văn Giang trước thuộc tỉnh Bắc Ninh, khu XII, sẽ thuộc quyền điều khiển của Nha Giám đốc tư pháp khu III và huyện Văn Lâm trước thuộc tỉnh Hưng Yên khu III, sẽ thuộc quyền điều khiển của Nha Giám đốc tư pháp khu XII.

Việt Nam Dân quốc Công báo số 10 năm 1947, tr. 2

NGÀY 17 THÁNG 8 NĂM 1947

Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh số 73-SL định những tội đạo thiết, lừa đảo, biển thủ và thien thủ

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tư pháp, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh về việc định những tội đạo thiết, lừa đảo, biển thủ và thien thủ. Theo đó quy định: các tội đạo thiết, lừa đảo, biển thủ và thien thủ, định trong các bộ Hình luật hiện hành, nếu tang vật không đáng giá quá một trăm đồng (100 đồng) và nếu không có trường hợp tăng tội lên trọng tội, thì sẽ coi như tội vi cảnh thuộc thẩm quyền Tòa án sơ cấp xét xử. Tuy nhiên, trong trường hợp bị can tái phạm, vẫn phải theo luật lệ riêng quy định việc tái phạm.

Việt Nam Dân quốc Công báo số 10 năm 1947, tr. 2

THÁNG 8 NĂM 1947

Ủy ban hành chính Nam Bộ thành lập Sở Giám đốc tư pháp Nam Bộ

Từ tháng 9/1945, Nam Bộ lâm vào tình thế chiến tranh vì thế sự liên lạc với Trung ương rất khó khăn nên việc tổ chức tư pháp có phần đặc biệt. Ngày 14/7/1947, Bộ Tư pháp cử ông Lê Đình Chi làm Chương lý Tòa Thượng thẩm Nam Bộ thay ông Trần Công Tường vừa được điều ra Bắc. Cuối tháng 8/1947, Bộ Tư pháp nhận được mật điện của Ủy ban hành chính Nam Bộ báo cáo sơ lược về tổ chức tư pháp Nam Bộ và cho biết đầu năm 1947, Ủy ban hành chính Nam Bộ đã tổ chức một Sở Giám đốc tư pháp Nam Bộ với 21 cựu luật sư tham gia. Nhiệm

vụ của Sở là điều khiển công việc tư pháp Nam Bộ, giải thích pháp luật, liên lạc mật thiết với Sở Công an, giúp Ủy ban hành chính Nam Bộ tổ chức bộ máy tư pháp từ dưới lên, kiểm soát các Tòa án Quân sự, huấn luyện và đào tạo các cán bộ, điều khiển các Giám đốc tư pháp khu 7, 8 và 9. Giám đốc Sở Tư pháp Nam Bộ lúc này là Luật sư bí danh Trần Phương Quế.

*Báo cáo về một năm hoạt động kháng chiến
của Bộ Tư pháp năm 1947, Trung tâm LTQG III*

THÁNG 01 ĐẾN THÁNG 8 NĂM 1947

Hội nghị tư pháp toàn quốc lần thứ I và lần thứ II

Trong khoảng thời gian từ tháng 01 đến tháng 8 năm 1947, Bộ Tư pháp đã tiến hành tổ chức Hội nghị Tư pháp toàn quốc lần I và lần II. Tham dự Hội nghị có các Giám đốc tư pháp, đại biểu Thẩm phán các cấp, luật sư và đại diện của Bộ Nội vụ, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Ủy ban kháng chiến hành chính địa phương. Thông qua các Hội nghị này, giúp cho Bộ Tư pháp nắm sát hơn tình hình tư pháp ở các khu cũng như hiểu rõ hơn tình hình tư pháp chung trong nước, trên cơ sở đó đưa ra các ý kiến để giải quyết nhiều vấn đề pháp lý chuyên môn. Đồng thời, các Giám đốc tư pháp cũng có dịp gặp gỡ và trao đổi kinh nghiệm lẫn nhau. Có thể nói, các buổi Hội nghị là những buổi huấn luyện thêm cho các cấp tư pháp về lý thuyết chuyên môn cũng như về kinh nghiệm thực hành.

*Báo cáo về hoạt động của Bộ Tư pháp từ ngày thành lập chính quyền nhân dân
nhân dịp đại hội Việt Minh năm 1949, Trung tâm LTQG III*

NGÀY 25 THÁNG 9 NĂM 1947

Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Thông tư số 693 ấn định mối tương quan giữa Ủy ban kháng chiến, Ủy ban hành chính và cơ quan tư pháp

Xuất phát từ thực trạng ở một số nơi Ủy ban kháng chiến hoặc Ủy ban hành chính đã can thiệp vào việc tư pháp không đúng nguyên tắc, hoặc các Thẩm phán không thi hành đúng sự liên lạc với Ủy ban kháng chiến, Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Thông tư số 693 nhằm giải thích rõ ràng các luật lệ hiện hành để ấn định mối tương quan giữa Ủy ban kháng chiến, Ủy ban hành chính và cơ quan tư pháp.

Việt Nam Dân quốc Công báo số 11 năm 1947, tr. 6

CUỐI THÁNG 9 NĂM 1947

Hội nghị tư pháp toàn quốc lần thứ III

Hội nghị được tổ chức dưới sự chủ trì của Bộ trưởng Vũ Đình Hoè. Tham dự Hội nghị có các đại biểu là Giám đốc tư pháp, Thẩm phán và Luật sư Bắc và Trung Bộ, đại diện của Bộ Quốc phòng, đại diện của Ủy ban kháng chiến khu X và Giám đốc Công an khu X.

Hội nghị đã thảo luận và quyết nghị về một số vấn đề quan trọng như:

- Việc bảo đảm tự do cá nhân và chế độ lao tù;
- Việc tổ chức tư pháp trong các vùng bị địch quân chiếm đóng;
- Việc nới rộng thẩm quyền cho các Tòa án;
- Chế độ Luật sư trong thời kỳ chiến tranh;
- Vấn đề quân pháp công an...

Cũng tại Hội nghị, Giám đốc tư pháp các khu đã lần lượt báo cáo về việc thi hành các luật lệ trong khu và các phương pháp áp dụng. Hội nghị đã đưa ra những nhận xét về các ưu, khuyết điểm của từng khu, đồng thời rút ra những kinh nghiệm và ấn định các phương pháp hợp lý để thống nhất thi hành.

*Báo cáo một năm hoạt động kháng chiến của Bộ Tư pháp ngày 15/02/1947;
Phòng PTT, Trung tâm LTQG III*

NGÀY 17 THÁNG 11 NĂM 1947

Phiên họp đầu tiên của Ban Tu luật

Ở Bắc Bộ, trong năm 1947 Bộ Tư pháp đã giao cho Tòa Thượng thẩm tổ chức một Ban Tu luật và ngày 17/11/1947 phiên họp đầu tiên của Ban Tu luật đã được tổ chức. Phiên họp đã cử ra 4 tiểu ban: Dân luật, Hình luật, Dân thương sự tố tụng và Hình luật tố tụng.

*Báo cáo của Bộ Tư pháp từ ngày thành lập chính quyền nhân dân,
Phòng PTT, Trung tâm LTQG III*

CUỐI NĂM 1947

Bộ trưởng Bộ Tư pháp thực hiện chương trình kinh lý các Khu

Đầu tháng 9 năm 1947, Bộ trưởng Bộ Tư pháp đi thăm Nha Giám đốc tư pháp

khu XII, Tòa án đệ nhị cấp Bắc Giang, các trại giam trong tỉnh Bắc Giang và triệu tập Hội nghị Tư pháp khu XII.

Từ trung tuần tháng 11 năm 1947 đến hạ tuần tháng 01 năm 1948, trong khi cùng với Đặc uỷ đoàn Chính phủ đi kinh lý các khu II và khu XII, Bộ trưởng đã thăm các Nha Giám đốc tư pháp, các Tòa án đệ nhị cấp và sơ cấp cùng các trại giam trong hai khu đó.

Trong các cuộc kinh lý này, Bộ trưởng đã tiếp xúc với các cơ quan kháng chiến, hành chính để thảo luận về một số vấn đề liên quan đến tư pháp, ra thông tư và chỉ thị cho các cấp tư pháp và công an dưới quyền để thi hành luật lệ theo đúng đường lối của Chính phủ.

Khi thanh tra các trại giam tại hai khu, Bộ trưởng đã cảnh cáo và khiển trách tại chỗ các cơ quan về hành động sai nguyên tắc đã xâm phạm đến quyền tự do cá nhân (tự do thân thể) của công dân và ra lệnh tha ngay những người bị bắt tạm giam trái phép hay vì duyên cớ không chính đáng.

*Báo cáo về một năm hoạt động kháng chiến của Bộ Tư pháp năm 1947,
Phòng PTT, Trung tâm LTQG III*

NĂM 1948

NGÀY 15 ĐẾN 17 THÁNG 01 NĂM 1948

Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng mở rộng đề cập tới nhiệm vụ của Bộ Tư pháp trong việc củng cố chính quyền dân chủ kháng chiến

Đề cập tới nhiệm vụ của Bộ Tư pháp trong việc củng cố chính quyền dân chủ kháng chiến, Nghị quyết Hội nghị chỉ rõ:... Bộ Tư pháp: *chế định bộ luật mới cho nước Việt Nam, bài trừ sự xích mích xảy ra nhiều nơi, giữa các Ủy ban kháng chiến hành chính và nhân viên tư pháp.*

Hội nghị cũng đã quyết định tịch thu ruộng đất của bọn Việt gian phản quốc cấp cho dân cày. Trong Chỉ thị gửi các khu uỷ về việc tịch thu ruộng đất, tài sản của bọn Việt gian phản quốc cấp cho dân cày, Bộ Tư pháp được giao thực hiện việc tịch thu.

*Văn kiện Đảng toàn tập - Tập 9,
Nxb. Chính trị quốc gia, H. 2003, tr. 60*

NGÀY 08 THÁNG 02 NĂM 1948

Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Thông tư số 28/KC định thẩm quyền của Tòa án Quân sự

Theo quy định tại Thông tư này thì Tòa án Quân sự có thẩm quyền xét xử các tội có tính cách rõ rệt là làm tổn hại trực tiếp đến nền độc lập và đến chính thể dân chủ cộng hoà của quốc gia như phản quốc, gián điệp làm tay sai cho địch: dẫn đường, tiếp tế thông tin cho địch, làm việc với địch (đi lính, hội tề v.v...) làm hại đến cuộc kháng chiến, phá huỷ các công tác phòng thủ, các vũ khí, làm thiệt hại cho quân đội, phản tuyên truyền chống lại cuộc kháng chiến v.v... âm mưu khuynh đảo Chính phủ, âm mưu lập nền quân chủ v.v...

Việt Nam Dân quốc Công báo số 4 - 11 năm 1948, tr. 70

NGÀY 15 THÁNG 02 NĂM 1948

Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh số 136-SL sửa đổi Sắc lệnh số 4-SL ngày 28/12/1946 uỷ quyền cho Uỷ ban kháng chiến hành chính khu quyền ân xá, ân giảm, phóng thích các tội nhân

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nội vụ, Bộ Tư pháp và Bộ Quốc phòng, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh sửa đổi Sắc lệnh số 4-SL nói trên. Điều 3 Sắc lệnh này được sửa là: *nếu tội nhân đã bị kết án tử hình thì chỉ được ân xá hay ân giảm sau khi được đa số trong Hội đồng gồm có toàn thể Uỷ ban kháng chiến khu và Giám đốc tư pháp khu ưng thuận. Còn những người bị án khác có thể được ân xá, ân giảm nếu được đa số uỷ viên trong Uỷ ban kháng chiến khu ưng thuận.*

Hồ sơ số Q004-HOOIA, Phòng PTT, Trung tâm LTQG III

NGÀY 25 ĐẾN 27 THÁNG 02 NĂM 1948

Hội nghị tư pháp toàn quốc lần thứ IV

Hội nghị được tổ chức tại An toàn khu Việt Bắc. Tham dự Hội nghị có bác sỹ Trần Duy Hưng - Thứ trưởng Bộ Nội vụ, các ông Chánh nhất và Chương lý Toà Thượng thẩm Bắc Bộ, đặc phái viên Thanh tra các trại giam toàn quốc, Giám đốc và Phó Giám đốc tư pháp các khu cùng nhiều Thẩm phán và Luật sư. Chủ tịch Hội nghị là Bộ trưởng Bộ Tư pháp Vũ Đình Hoè và Phó Chủ tịch là Thứ trưởng Trần Công Tường.

Sau khi Bộ trưởng Bộ Tư pháp Vũ Đình Hoè đọc bức thư của Chủ tịch Chính phủ gửi cho Hội nghị, Hội nghị đã nghe các vị đại diện Chính phủ trình bày về tình hình bên trong và bên ngoài sau một năm toàn diện kháng chiến và nêu rõ đường lối của Chính phủ trong việc đối nội, đối ngoại.

Hội nghị đã thảo luận nhiều vấn đề quan trọng như:

- Chương trình hoạt động của Bộ Tư pháp trong năm 1948;
- Việc quy định chế độ lao tù và tổ chức một ngạch Giám thị riêng cho các nhà lao;
- Việc tổ chức lại Ban Tư pháp xã;
- Vấn đề kiểm soát các luật sư và nới rộng quyền bào chữa cho các bị can trong thời kỳ chiến tranh;
- Việc tái lập các Toà Thượng thẩm và đặt Công tố viện tại các Hội đồng phúc án;

- Việc tổ chức một Ban Tu luật Trung ương để nghiên cứu và đề nghị những dự án bộ luật mới duy nhất cho toàn quốc, thích hợp với nền tảng dân chủ;
- Sự tương quan giữa Ủy ban kháng chiến hành chính và tư pháp;
- Vấn đề mở trường Đại học pháp lý; và
- Việc xuất bản các pháp lý tập san để nghiên cứu khoa luật học.

Trước khi bế mạc, toàn thể hội nghị quyết định gửi hai bức điện văn:

Một bức cho các chiến sĩ đang chiến đấu ngoài mặt trận.

Một bức gửi lên Chủ tịch Chính phủ, nguyện triệt để ủng hộ Chính phủ kháng chiến hiện thời, trung thành với chính thể dân chủ cộng hoà và đem hết tâm lực ra phụng sự quốc gia trong công cuộc giành độc lập và thống nhất cho Tổ quốc.

Hồ sơ 683, Phòng PTT, Trung tâm LTQG III

THÁNG 02 NĂM 1948

Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi thư cho Hội nghị tư pháp toàn quốc lần thứ IV

Nhân dịp Bộ Tư pháp tổ chức Hội nghị tư pháp toàn quốc lần thứ IV, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã gửi thư thăm hỏi các đại biểu tham dự Hội nghị.

Trong thư Chủ tịch Hồ Chí Minh viết: *“Trong cuộc kháng chiến này, các bạn đã góp một phần lực lượng lớn. Từ Bộ trưởng, Thứ trưởng đến toàn thể nhân viên, ai cũng chịu khổ, chịu khó, tận tụy hy sinh, để làm tròn nhiệm vụ. Đó là một sự vẻ vang cho giới tư pháp ta”*. Đồng thời Chủ tịch cũng nhắc nhở: *“Các bạn là viên chức của Chính phủ dân chủ cộng hoà mà các bạn đã giúp xây dựng nên. Chính thể dân chủ của ta tuy còn trẻ tuổi, nhưng đã chiến thắng nhiều cuộc thử thách, nó đã chứng tỏ rằng quả thật là đầy tương lai. Do đó, nhiệm vụ các bạn phải tuyệt đối trung thành với chính quyền dân chủ. Tư pháp là một cơ quan trọng yếu của Chính quyền, cho nên càng phải tinh thần đoàn kết, hợp tác chặt chẽ với các cơ quan khác, để tránh những mối xích mích lẫn nhau, nó có thể vì lợi quyền nhỏ và riêng mà hại đến quyền lợi to và chung, cho cả tư pháp và hành chính.*

Các bạn là những người phụ trách thi hành pháp luật. Lẽ tất nhiên các bạn cần phải nêu cao cái gương “Phụng công, thủ pháp, chí công vô tư” cho nhân dân noi theo.”

Hồ Chí Minh toàn tập, tập 5, Nxb. Sự thật, H. 1985

NGÀY 29 THÁNG 02 NĂM 1948

Hội đồng Chính phủ họp quyết định chương trình hoạt động năm 1948, trong đó có nhiệm vụ của Bộ Tư pháp

Theo Nghị quyết tại Hội nghị thì năm 1948 Bộ Tư pháp có nhiệm vụ: giữ vững và sửa chữa bộ máy tư pháp, sửa đổi các luật cũ không thích hợp, thi hành triệt để các Sắc lệnh bảo đảm tự do cá nhân, nghiên cứu cải tổ các Tòa án.

*Biên bản Hội đồng Chính phủ ngày 29/02/1948,
Phòng PTT, Trung tâm LTQG III*

NGÀY 02 THÁNG 3 NĂM 1948

Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh số 46-SL tịch thu gia sản người phạm tội gián điệp hay phản quốc

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nội vụ, Bộ trưởng Bộ Tư pháp và Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh tịch thu gia sản người phạm tội gián điệp hay phản quốc. Theo đó, các Tòa án Quân sự và Tòa án binh, khi xử một vụ gián điệp hay phản quốc, bắt buộc phải tuyên, ngoài hình phạt chính theo luật hiện hành, hình phạt phụ là tịch thu một phần hay tất cả gia sản của các phạm nhân.

Việt Nam Dân quốc Công báo số 2 năm 1948

NGÀY 06 THÁNG 3 NĂM 1948

Tái lập Nha Hình vụ - Hộ vụ

Nha Hình vụ - Hộ vụ do luật sư Nguyễn Văn Hưởng làm Giám đốc. Nha này có nhiệm vụ dự thảo các sắc lệnh, nghị định, thông tư liên quan đến việc tổ chức các Tòa án, các ngành trực thuộc Tòa án, các việc dân sự, thương sự, hình sự và quản trị lao thất.

*Báo cáo về hoạt động của Bộ Tư pháp từ ngày thành lập chính quyền nhân dân,
Phòng PTT, Trung tâm LTQG III*

THÁNG 4 NĂM 1948 ĐẾN THÁNG 01 NĂM 1950

Cuộc tranh luận về mối quan hệ giữa tư pháp với hành chính

Tháng 4 năm 1948, nổ ra cuộc tranh luận về lý thuyết và thực tiễn xung quanh mối quan hệ tư pháp với hành chính, xoay quanh vấn đề “Tư pháp có được

độc lập với hành chính hay không?”. Cuộc tranh luận này kéo dài khoảng 2 năm trên diễn đàn công khai của Báo Sự thật và Báo Độc lập. Đại diện cho cuộc tranh luận, một bên là ông Quang Đạm, nhà nghiên cứu lý luận Mác-Lênin, một bên là ông Vũ Trọng Khánh đương kim Giám đốc tư pháp khu X.

“Toà soạn báo Sự thật “khai hoả” với bài “Tư pháp với Nhà nước” của ông Quang Đạm, phê phán quan điểm “Tư pháp độc lập” của cán bộ Ngành Tư pháp. Bài này đã gây ra cuộc tranh luận gay gắt với những người làm công tác Toà án. Báo Sự thật đăng liên tiếp ba bài của ông Quang Đạm trong bốn số báo từ tháng 4 đến tháng 9 năm 1948. Cuối tháng 8, đầu tháng 9 năm 1948, ông Vũ Trọng Khánh viết trả lời trong hai số của báo Sự thật. Trước đó, tháng 7, Tạp chí Độc lập lên tiếng với bài của ông Vũ Đình Hoè (Bộ trưởng Bộ Tư pháp đương nhiệm) có tính chất nghiên cứu. Toà Sự thật còn nhận được những bài góp ý của nhiều độc giả. Cuối cùng, đầu năm 1950, ông Quang Đạm tạm kết thúc cuộc thảo luận mà không kết luận”.

Bốn mươi năm sau (năm 1988), với tinh thần tự phê đáng quý của người cộng sản chân chính, ông Quang Đạm đã viết bài đăng trên Báo Độc lập, đưa ra các quan điểm mới của ông xung quanh cuộc tranh luận này và thừa nhận sai lầm của mình.

Hồi ký Vũ Đình Hoè, Nxb. Hội nhà văn, 2004, tr. 861, 863;

Đề tài 50 năm Ngành Tư pháp - Viện Nghiên cứu khoa học pháp lý, Bộ Tư pháp

NGÀY 14 THÁNG 4 NĂM 1948

Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh số 168-SL trừng trị tội đánh bạc

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nội vụ và Bộ trưởng Bộ Tư pháp, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh trừng trị tội đánh bạc. Sắc lệnh quy định: Tất cả các trò chơi cờ bạc mà được thua bằng tiền, đều coi là tội đánh bạc. Những cuộc đánh đố nhau bằng tiền, những cuộc xổ số bằng tiền hay bằng đồ mà không có nhà chức trách có thẩm quyền cho phép trước, cũng đều bị phạt như tội đánh bạc. Những người nào tổ chức một cuộc đánh bài, đánh bạc, một trò chơi kể trên bị phạt tù từ hai năm đến năm năm và phạt bạc từ 10.000 đồng đến 100.000 đồng. Người giúp tổ chức những cuộc nói trên, chủ nhà để đánh bài đánh bạc trong nhà mình, không cứ là có thu lợi hay không, những người quản trị, người làm cái, người lấy hồ, đều bị phạt như người tổ chức. Người làm công khác giúp trực tiếp vào các cuộc chơi đều bị phạt là tòng phạm.

Việt Nam Dân quốc Công báo số 3 năm 1948, tr. 29

Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh số 170-SL tổ chức lại các Tòa án Quân sự

Trong thời kỳ chiến tranh, nhiệm vụ của các Tòa án Quân sự trở nên rất quan trọng vì những vụ phạm pháp có phương hại đến nền độc lập của quốc gia nhân cơ hội rối ren xảy ra nhiều hơn trước. Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tư pháp và Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh số 170-SL tổ chức lại các Tòa án Quân sự. Theo Sắc lệnh này, Chánh án Tòa án Quân sự là một uỷ viên trong Uỷ ban kháng chiến hành chính liên khu hay tỉnh chứ không phải là một quân nhân.

Việt Nam Dân quốc Công báo số 3 năm 1948, tr. 29

NGÀY 24 THÁNG 5 NĂM 1948

Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Nghị định số 20/MT lập Công tố viện tại Hội đồng phúc án

Nghị định quy định: lập tại mỗi Hội đồng phúc án một Công tố viện đặt dưới quyền điều khiển của Giám đốc tư pháp liên khu thuộc quản hạt của Hội đồng phúc án. Giám đốc tư pháp liên khu có thể thân ra Hội đồng phúc án buộc tội hoặc cử Phó Giám đốc thay mặt hoặc gửi tờ luận cáo ra Hội đồng phúc án nếu xét cần (*Điều 1*). Bộ Tư pháp có thể cử một thẩm lý để phụ trách Công tố viện tại Hội đồng phúc án. Thẩm lý đặt dưới quyền điều khiển và kiểm soát của ông Chương lý Tòa Thượng thẩm Kỳ và ông Giám đốc tư pháp liên khu.

Việt Nam Dân quốc Công báo số 3 năm 1948, tr. 72

NGÀY 26 THÁNG 5 NĂM 1948

Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh số 185-SL ấn định thẩm quyền các Tòa án sơ cấp và Tòa án đệ nhị cấp

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tư pháp, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh ấn định thẩm quyền các Tòa án sơ cấp và đệ nhị cấp trong việc xét xử các việc về hình sự, dân sự và thương sự.

Sắc lệnh cũng quy định: trong trường hợp Tòa án sơ cấp mất liên lạc với Tòa án đệ nhị cấp mà đã có quyết nghị của Chủ tịch Uỷ ban kháng chiến hành chính thì Tòa án sơ cấp có thẩm quyền đặc biệt: Thẩm phán sơ cấp có quyền sau khi hỏi ý kiến Chủ tịch Uỷ ban kháng chiến hành chính huyện, quyết định giam cứu bị can đến 45 ngày nếu là việc tiểu hình, hoặc đến 4 tháng nếu là việc đại hình. Hạn giam cứu ấy không thể gia thêm được; khi hết hạn, bị can phải được tha ngay. Các

án xử sơ thẩm của Tòa án sơ cấp về hình sự sẽ tạm thi hành mặc dù có sự kháng cáo của bị can hay của dân sự nguyên cáo. Về dân sự, Thẩm phán sơ cấp có quyền ra mệnh lệnh quyết định các phương pháp khẩn cấp, không có giới hạn nào.

Việt Nam Dân quốc Công báo số 4 - 11 năm 1948, tr. 6

NGÀY 12 THÁNG 6 NĂM 1948

Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Nghị định số 25/MT về kỷ luật đối với các Thẩm phán và nhân viên Bộ Tư pháp

Theo quy định tại Nghị định này thì: khi một nhân viên cao cấp trong Bộ Tư pháp, một Chánh nhất hoặc Chương lý Tòa Thượng thẩm Kỳ, một Giám đốc hoặc Phó Giám đốc tư pháp liên khu, một Chánh Hội đồng phúc án liên khu phạm lỗi, Bộ trưởng Bộ Tư pháp tùy theo lỗi nhẹ hay nặng sẽ quyết định các trừng phạt sau đây:

1. Cảnh cáo thường;
2. Cảnh cáo ghi vào lý lịch;
3. Khiển trách thường;
4. Khiển trách ghi vào lý lịch;
5. Kỷ luật.

Việt Nam Dân quốc Công báo số 4 - 11 năm 1948, tr. 72

NGÀY 01 THÁNG 7 NĂM 1948

Thành lập Nha Viên chức - Kế toán

Nha Viên chức - Kế toán có nhiệm vụ trông coi việc quản trị các Thẩm phán và nhân viên, giúp việc các cơ quan tư pháp, lập ngân sách cho các cấp tư pháp.

*Báo cáo về hoạt động của Bộ Tư pháp từ ngày thành lập chính quyền nhân dân,
Phòng PTT, Trung tâm LTQG III*

NGÀY 08 THÁNG 7 NĂM 1948

Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh số 200-SL về việc coi công chức trong thời kỳ kháng chiến như bị trưng tập

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nội vụ và Bộ trưởng Bộ Tư pháp, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh về việc coi công chức trong thời kỳ kháng chiến như

bị trưng tập. Sắc lệnh gồm 6 điều, theo đó quy định: Trong thời kỳ kháng chiến và cho đến khi có lệnh mới, tất cả các công chức tòng sự tại các công sở Việt Nam (kể cả các nhân viên Ủy ban kháng chiến hành chính các cấp) đều coi như bị trưng tập. Trừ khi được lệnh trên cho phép nghỉ việc, các viên chức ấy đều phải giữ chức vụ mình ở nơi đang làm việc; và khi nào nhận được lệnh trên bổ dụng đầu tiên đi một nơi hoặc chuyển đi một nơi khác, thì phải đi nhận chức ngay ở nơi đó.

Hồ sơ số Q007-H00IA, Phòng PTT, Trung tâm LTQG III

THÁNG 7 NĂM 1948

Thành lập Hội đồng Tu luật Trung Kỳ

Chuẩn y đề nghị của Toà Thượng thẩm Trung Kỳ, Bộ Tư pháp thành lập Hội đồng Tu luật Trung Kỳ. Tháng 7 năm 1948, Hội đồng Tu luật Trung Kỳ họp Đại hội đồng với sự tham gia của đại biểu các đoàn thể và các giới. Cuộc họp đã thảo luận rất sôi nổi về các vấn đề “*Nam nữ bình quyền*” và thu được nhiều ý kiến đóng góp của các giới để dùng trong việc xây dựng luật sau này.

*Báo cáo về hoạt động của Bộ Tư pháp từ ngày thành lập chính quyền nhân dân,
Phòng PTT, Trung tâm LTQG III*

NGÀY 12 THÁNG 8 NĂM 1948

Bộ Tư pháp mở các lớp huấn luyện bổ túc cho Thẩm phán sơ cấp

Xét sự cần thiết phải bồi dưỡng về chuyên môn cho các Thẩm phán sơ cấp, Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Nghị định số 63 lập tại mỗi liên khu một lớp huấn luyện Thẩm phán sơ cấp đương tại chức. Theo quy định tại Nghị định này, mỗi khoá học dự định 3 tháng. Các Thẩm phán sơ cấp đều bắt buộc phải lần lượt theo học tùy chỉ định của các Giám đốc tư pháp liên khu và chỉ những Thẩm phán sơ cấp hạng nhất đã trúng tuyển kỳ thi này mới được ghi tên để thi lên ngạch đệ nhị cấp.

Việt Nam Dân quốc Công báo số 4 - 11 năm 1948, tr. 73

NGÀY 20 THÁNG 8 NĂM 1948

Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh số 230-SL sửa đổi Sắc lệnh số 131 ngày 20/7/1946 về tổ chức tư pháp công an

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nội vụ và Bộ trưởng Bộ Tư pháp, Chủ tịch

Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh số 230-SL sửa đổi Sắc lệnh số 131 ngày 20/7/1946 về tổ chức tư pháp công an. Theo đó, Điều 3 Sắc lệnh này được sửa đổi: Tư pháp Công an gồm những phụ trách tư pháp Công an và uỷ viên tư pháp Công an; phụ trách tư pháp công an là Dự thẩm, Biện lý, Phó Biện lý; Uỷ viên tư pháp công an là Thẩm phán sơ cấp (Toà án), Chủ sự và Phó Chủ sự Phòng Chính trị, Chủ sự và Phó Chủ sự Phòng Tư pháp, Trưởng ty và Phó Trưởng Ty Công an tỉnh, Trưởng ban và Phó Trưởng Ban Chính trị, Trưởng ban và Phó trưởng Ban Tư pháp, Trưởng ban và Phó Trưởng Ban Trật tự Công an tỉnh, Trưởng quận, Phó Trưởng quận, Trưởng ban, Phó Trưởng ban ở các quận thuộc các thành phố (công an).

Việt Nam Dân quốc Công báo số 1 năm 1949, tr. 3

Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh số 231-SL sửa đổi Sắc lệnh số 19-SL ngày 16/02/1947 tổ chức các Toà án binh Khu

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tư pháp và Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh sửa đổi Sắc lệnh số 19-SL ngày 16/02/1947 tổ chức các Toà án binh Khu. Theo đó, Điều thứ 3 Sắc lệnh số 19-SL quy định: “Đối với mỗi chức vụ kể trên (*Chánh án, Hội thẩm, Uỷ viên Chính phủ, Lục sự*), sẽ cử một nhân viên chính thức và một nhân viên dự khuyết thay nhân viên chính thức khi mắc bận”, nay sửa đổi: “Đối với mỗi chức vụ kể trên, sẽ cử một nhân viên chính thức và một hay hai nhân viên dự khuyết để thay nhân viên chính thức khi mắc bận. Riêng về mỗi chức vụ Hội thẩm chuyên môn, cách thức đề cử vẫn theo quy định như trên, nhưng tùy theo điều kiện địa phương, Giám đốc tư pháp Liên khu có thể đề cử làm Hội thẩm dự khuyết một vị Thẩm phán đệ nhị cấp ở tỉnh nơi toà án binh họp phiên toà”.

Việt Nam Dân quốc Công báo số 4 - 11 năm 1948, tr. 24

NGÀY 09 ĐẾN 12 THÁNG 9 NĂM 1948

Hội nghị Tư pháp toàn quốc lần thứ V

Hội nghị Tư pháp toàn quốc lần thứ V được Bộ Tư pháp tổ chức tại Liên khu 3. Tham dự Hội nghị có Bộ trưởng, Thứ trưởng, một số cán bộ Bộ Tư pháp, Chánh nhất, Chương lý Toà Thượng thẩm, đại diện Giám đốc tư pháp, các Toà án thuộc Liên khu I, Liên khu X, Liên khu III, Liên khu IV và một số luật sư.

Trước khi vào Hội nghị chính thức, các đại biểu tham gia Hội nghị đã thảo diễn văn gửi lên Hồ Chủ tịch và Chính phủ, nguyện: trung thành với Chính phủ kháng chiến Hồ Chí Minh, xây dựng một nền tư pháp dân chủ và theo đúng đường lối của Chính phủ để giành độc lập và thống nhất thực sự.

Sau khi Thứ trưởng Trần Công Tường trình bày về tình hình thế giới, Bộ trưởng Vũ Đình Hòe đã nói chuyện về tình hình kháng chiến. Bộ trưởng khẳng định: khẩu hiệu của Ngành Tư pháp trong lúc này là xây dựng một nền Tư pháp kháng chiến với bốn điểm chính: tổ chức bộ máy cho thích hợp với tình thế kháng chiến giản dị, gần dân, nhanh chóng, thống nhất chỉ huy về chính trị; giữ vững cơ sở tư pháp trong vùng địch; phải có một thái độ chính trị: kháng chiến chống đế quốc chủ nghĩa; phải tiến tới nền tư pháp của nhân dân, phải làm ngay những bộ luật mới thích hợp với tinh thần dân chủ.

Tại Hội nghị, các đại biểu cũng nghe Bộ trưởng phân tích những ưu, khuyết điểm trong công việc tư pháp từ ngày tác chiến và tham gia thảo luận nhiều vấn đề về:

- Tổ chức tư pháp trong vùng bị địch tạm chiếm đóng;
- Hoạt động của Tòa án Quân sự, Tòa án binh và sự liên lạc với Giám đốc tư pháp;
- Sửa đổi Sắc lệnh số 13 ngày 24/01/1946 về tổ chức Tòa án và các ngạch Thẩm phán;
- Chế độ lục sự và nhân viên tư pháp ngoài các Thẩm phán.

Bộ trưởng Bộ Tư pháp kết luận Hội nghị với lời kêu gọi đại biểu các cấp ra sức thi đua và thúc đẩy các nhân viên thuộc quyền thi đua nhằm xây dựng một nền tư pháp kháng chiến trong cuộc chiến tranh nhân dân.

*Biên bản Hội nghị tư pháp toàn quốc lần thứ V,
Phòng PTT, Trung tâm LTQG III*

NGÀY 11 ĐẾN 12 THÁNG 10 NĂM 1948

Hội nghị Tư pháp liên khu miền Nam Trung Bộ

Phát biểu tại Hội nghị ông Lê Đình Thám - Chủ tịch Ủy ban kháng chiến hành chính Nam Trung Bộ đã tỏ lời khen ngợi công việc chung của các Tòa án chuyên môn cũng như Tòa án đặc biệt, mặc dù trong tình hình trực tiếp kháng chiến vẫn giải quyết được một số lớn công việc. Ông yêu cầu các Tòa án chú ý những vụ phạm pháp về xâm tiêu của công. Để nâng cao trình độ chuyên nghiệp của các nhân viên tư pháp ở Nam Trung Bộ, ông Lê Đình Thám yêu cầu Hội nghị quyết định xuất bản một tờ nguyệt san về tư pháp để các nhân viên tư pháp noi theo mà làm việc hoặc để tự đào luyện mình.

Sau khi Giám đốc tư pháp báo cáo tình hình tư pháp chuyên môn và đặc biệt ở miền Nam Trung Bộ từ ngày 01/9/1947 đến ngày 31/8/1948. Hội nghị đã tập trung thảo luận về các vấn đề:

- Tổ chức tư pháp ở các vùng tạm thời bị địch quân chiếm đóng;
- Về đơn giản hoá thủ tục ở các Tòa án;
- Về chính đốn vấn đề lao xa ở miền Nam Trung Bộ;
- Về tổ chức Nha Trung giới ở miền Nam Trung Bộ;
- Về giải quyết các số án sơ thẩm về hình còn đang đọng lại tại các Phòng Lục sự Tòa án đệ nhị cấp;
- Về công tác tuyên truyền tư pháp trong dân chúng;
- Về các biện pháp nhằm nâng cao trình độ chuyên nghiệp và tinh thần của các Thẩm phán và nhân viên tư pháp;
- Về vấn đề bảo đảm tự do cá nhân và việc kiểm tra Ngành Tư pháp công an.

Hội nghị cũng đã thông qua hai bức điện văn của Hội nghị gửi lên Chính phủ và Bộ Tư pháp.

Hồ sơ số 686, Phòng PTT, Trung tâm LTQG III

THÁNG 10 NĂM 1948

Thành lập Trường Đại học Pháp lý

Theo tinh thần của Hội nghị Tư pháp lần thứ IV, Trường Đại học Pháp lý được thành lập. Trường khai giảng khoá đầu tiên vào tháng 10/1948, địa điểm đặt tại huyện Lập Thạch (Vĩnh Yên cũ). Chương trình học dựa trên cơ sở chương trình của Trường Đại học Luật khoa Pa-ri, đồng thời có bổ sung thêm một số môn chính trị theo quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin. Giáo viên của Trường chủ yếu là đội ngũ luật gia được đào tạo ở trong và ngoài nước dưới chế độ thực dân Pháp, được giác ngộ đi theo cách mạng; những trí thức đang công tác tại Bộ Tư pháp và các ngành khác có lý luận chính trị, có trình độ pháp lý cao đều được thỉnh giảng.

Tuy nhiên, do điều kiện khách quan của lịch sử, đến năm 1950 Trường phải tạm thời đóng cửa.

*Đề tài 50 năm Ngành Tư pháp Việt Nam,
Viện Nghiên cứu khoa học pháp lý, Bộ Tư pháp*

NGÀY 04 THÁNG 11 NĂM 1948

Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Nghị định lập tờ “Tạp chí pháp lý”

Mục đích của tờ báo này là nghiên cứu pháp lý Việt Nam và ngoại quốc, giải thích luật lệ mới và trình bày án lệ.

*Báo cáo về hoạt động của Bộ Tư pháp từ ngày thành lập chính quyền nhân dân,
Phòng PTT, Trung tâm LTQG III*

NGÀY 19 THÁNG 11 NĂM 1948

Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh số 258-SL quy định cách tổ chức Công an quân pháp trong thời kỳ kháng chiến

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng và Bộ trưởng Bộ Tư pháp, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh quy định cách tổ chức công an quân pháp trong thời kỳ kháng chiến. Theo đó, Công an quân pháp có nhiệm vụ: truy tìm tất cả các việc phạm pháp thuộc thẩm quyền Tòa án binh, thu thập các tài liệu và bắt giam những người phạm pháp để giao cho Tòa án binh xét xử; thi hành các mệnh lệnh cùng bản án của Tòa án binh. Công an quân pháp gồm có phụ trách Công an quân pháp, Ủy viên Công an quân pháp và Công an viên quân pháp. Tất cả các nhân viên Công an quân pháp được đặt dưới quyền kiểm soát trực tiếp của Quân pháp Cục trưởng. Trong quân hạt mỗi Khu, nhân viên Công an quân pháp được đặt dưới quyền kiểm soát trực tiếp của Ủy viên Chính phủ trong Tòa án binh Khu.

Việt Nam Dân quốc Công báo số 1 năm 1949, tr. 7 - 8

NĂM 1949

THÁNG 01 NĂM 1949

Bộ trưởng Bộ Tư pháp gửi Bản hiệu triệu tới các Thẩm phán và nhân viên tư pháp

Nhân dịp năm mới Kỷ Sửu, Bộ trưởng Bộ Tư pháp Vũ Đình Hoè gửi Bản hiệu triệu tới các Thẩm phán và nhân viên tư pháp. Trong bản hiệu triệu của mình sau khi nhắc lại nhiệm vụ đã đề ra trong Hội nghị tư pháp toàn quốc: *“Thực hiện nền Tư pháp kháng chiến”* và *“Quyết tâm chiến đấu với quân thù bằng khí giới tư pháp”*, Bộ trưởng nhắc thêm: *“Quyết chiến thắng quân thù trên mặt trận Tư pháp”*, *“Phá tổ chức tư pháp của địch, giành lấy dân trong vùng giao chiến, trừ việt gian và phản động”*. Trong tất cả các nơi, cùng với mọi ngành, Tư pháp phải động viên dân chúng, lãnh đạo dân chúng trực tiếp tham gia chiến đấu về mọi mặt: quân sự, chính trị, kinh tế, văn hoá. Phải đoàn kết, chặt chẽ phối hợp công tác cho thêm hiệu quả, nhằm mục đích chung: *“Giết giặc, cứu nước”* *“Độc lập trên hết! Dân tộc trên hết!”* và kêu gọi: *“Mỗi bạn phải là “Một chiến sĩ tư pháp”* để trong cuộc toàn thắng này của dân tộc sẽ có những *“Anh hùng tư pháp”* được tuyên dương công trạng”.

Hồ sơ số 777, Phòng PTT, Trung tâm LTQG III

NGÀY 02 THÁNG 01 NĂM 1949

Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Nghị định số 4-KS đổi Ban Thư ký Toà soạn Tạp chí Pháp lý thành Ban Xuất bản Bộ Tư pháp

Nghị định quy định rõ Ban Xuất bản Bộ Tư pháp có nhiệm vụ:

1. Quản lý việc xuất bản và phát hành Tạp chí Pháp lý, các sách phổ thông về pháp lý và các tài liệu pháp lý khác;
2. Theo chỉ thị của Bộ Tư pháp mua các sách, báo (do các cơ quan khác xuất bản), để gửi cho các cơ quan tư pháp các cấp trong toàn quốc;
3. Cung cấp các tài liệu (chuyên môn, chính trị) cho các tủ sách đặt ở Bộ Tư pháp, các sở, Giám đốc tư pháp và các Toà án tỉnh.

Ban Xuất bản Bộ Tư pháp do ông Nguyễn Hữu Đắc, Thẩm phán đệ nhị cấp làm Trưởng ban.

Việt Nam Dân quốc Công báo số 2 năm 1949, tr. 18

NGÀY 12 THÁNG 3 NĂM 1949

Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh số 12-SL phạt tội ăn cắp, lấy trộm các vật dụng của nhà binh trong thời bình và trong thời kỳ chiến tranh

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tư pháp và Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký ban hành Sắc lệnh số 12-SL quy định: trong thời bình, tội ăn cắp, lấy trộm các đồ quân giới, quân trang, quân dụng... nói tóm lại các vật dụng nhà binh, bị phạt theo điều khoản của hình luật chung. Trong thời kỳ chiến tranh các tội phạm ấy phạt như sau: trộm cắp thường: từ 2 năm đến 10 năm tù, nếu có tình trạng gia trọng: có thể phạt khổ sai hay tử hình.

Việt Nam Dân quốc Công báo số 3 năm 1949, tr. 3

NGÀY 26 THÁNG 4 NĂM 1949

Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Thông tư số 24-BK về việc thi hành án hình và hộ

Xét thấy việc thi hành án hình và hộ từ trước đến thời điểm này vẫn chưa được thống nhất, sự liên lạc giữa hai cơ quan tư pháp và hành chính để phụ trách công việc này vẫn không được ăn khớp cũng như sự kiểm soát thiếu chặt chẽ. Để công việc chấp hành án đạt được những kết quả tốt hơn, sau khi đã thoả hiệp với Bộ Nội vụ, Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Thông tư số 24-BK, theo đó, quy định cụ thể những nguyên tắc chấp hành, thể thức chấp hành, cách thức thi hành các bản án và quyết định của Tòa án.

Việt Nam Dân quốc Công báo số 5 năm 1949, tr. 18

NGÀY 04 THÁNG 5 NĂM 1949

Bộ Tư pháp và Bộ Nội vụ trình Chủ tịch Chính phủ dự thảo Sắc lệnh sửa đổi Điều 5 Sắc lệnh số 21 ngày 14/02/1946 tổ chức các Tòa án Quân sự

Sắc lệnh số 170-SL ngày 14/4/1948 đã sửa đổi Điều 5 Sắc lệnh số 21 ngày 14/02/1946 về thành phần Tòa án Quân sự. Theo Sắc lệnh 170 thì Hội thẩm thứ nhất trong các Tòa án Quân sự phải là một uỷ viên chính trị hay một chính trị viên

trung đoàn. Tuy nhiên, trong thực tiễn áp dụng Sắc lệnh này, nhiều nơi đã gặp khó khăn khi xét xử vì các Chính trị viên trung đoàn bận nhiều công tác quân sự, thường phải vắng mặt luôn. Công việc xử án là thường xuyên vì vậy luôn bị cản trở. Để Tòa án Quân sự có đủ phương tiện làm việc, thích hợp với hoàn cảnh hiện tại, ngày 04/5/1949, Bộ Nội vụ và Bộ Tư pháp trình Chủ tịch Chính phủ dự thảo Sắc lệnh tiếp tục sửa đổi Điều 5 Sắc lệnh số 21 ngày 14/02/1946 tổ chức các Tòa án Quân sự theo hướng huỷ bỏ Sắc lệnh số 170 và sửa đổi 2 điểm chính của Sắc lệnh 21 như sau: Hội thẩm thứ nhất có thể chọn thêm trong hàng uỷ viên chính trị liên khu hay chính trị viên tiểu đoàn, hoặc trong hàng uỷ viên Uỷ ban kháng chiến hành chính cấp liên khu hay cấp tỉnh. Ngoài các nhân viên chính thức, sẽ chỉ định thêm những nhân viên dự khuyết: 1 Chánh án, 1 Hội thẩm thứ nhất và 1 Hội thẩm thứ hai.

Hồ sơ số 619, Phòng PTT, Trung tâm LTQG III

NGÀY 18 THÁNG 6 NĂM 1949

Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh số 69-SL về việc những bị can có thể nhờ một công dân không phải là luật sư bào chữa trước các Tòa án thường và Tòa án đặc biệt xử việc tiểu hình và đại hình

Trong thời kỳ này số lượng luật sư rất ít, một mặt do hoàn cảnh kháng chiến, một số luật sư đã tham gia cách mạng, mặt khác một số luật sư thì chuyển sang hoạt động ở lĩnh vực khác, vì vậy thời gian này hầu như các Văn phòng luật sư đều ngừng hoạt động. Trước thực tế đó, để bảo đảm quyền bào chữa của bị can, bị cáo, ngày 16/3/1949, liên Bộ Tư pháp, Nội vụ và Quốc phòng đã trình Chủ tịch nước Tờ trình số 337-VP về Dự án Sắc lệnh cho các bị can có thể nhờ một công dân không phải là luật sư bào chữa cho. Ngày 18/6/1949, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký ban hành Sắc lệnh số 69-SL. Sắc lệnh gồm 6 điều quy định về việc những bị can có thể nhờ một công dân không phải là luật sư bào chữa cho trước các toà án thường và toà án đặc biệt xử việc tiểu hình và đại hình. Sắc lệnh nêu rõ: trước các Tòa án thường và Tòa án đặc biệt xử việc tiểu hình và đại hình, trừ Tòa án binh tại mặt trận, bị can có thể nhờ một công dân không phải là luật sư, bào chữa cho. Công dân do bị can đã tự chọn để bên vực mình phải được Chánh án thừa nhận. Nếu bị can không có ai bên vực, Chánh án có thể tự mình hay theo lời yêu cầu của bị can, cử một người ra bào chữa cho bị can. Người đứng ra bên vực không được nhận tiền thù lao của bị can hay của thân nhân bị can. Người nào phạm vào điều này sẽ bị truy tố và trừng phạt như tội lừa đảo.

Tờ trình Chủ tịch nước số 337-VP ngày 16/3/1949,

Phòng PTT, Trung tâm LTQG III;

Việt Nam Dân quốc Công báo số 6 năm 1949

Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh số 72-SL lập một Hội đồng Tu luật

Xét việc ban hành những bộ luật mới cho toàn quốc có tinh thần dân chủ và phù hợp với tình hình xã hội mới của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà là cần thiết, vì vậy, tại Phiên họp thứ 26 (từ ngày 01 đến 02/10/1948) của Hội đồng Chính phủ đã thông qua nguyên tắc thành lập Hội đồng Tu luật.

Ngày 22/11/1948, Văn phòng Chủ tịch Chính phủ có Công văn số 2009-M gửi Thứ trưởng Bộ Tư pháp ý kiến của Chủ tịch Chính phủ về thành phần Hội đồng Tu luật. Công văn nêu rõ: *“Theo Cụ Chủ tịch, danh sách do Ngài đề nghị dài quá, e rằng trong khi làm việc có bề khó khăn. Vậy xin Ngài xét lại. Vấn đề này sẽ đưa ra thảo luận tại Hội đồng Chính phủ kỳ tới”*.

Ngày 24/01/1949, Bộ trưởng Bộ Tư pháp đã có Công văn số 84-VP kèm Tờ trình số 83-VP gửi Chủ tịch Chính phủ về việc trưng cầu ý kiến về các vấn đề tu luật.

Ngày 03/02/1949, Văn phòng Chủ tịch Chính phủ có Công văn thông báo cho Bộ Tư pháp về việc Chủ tịch Chính phủ yêu cầu nên có cuộc trưng cầu ý kiến về vấn đề tu luật.

Ngày 18/6/1949, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh về việc thành lập một Hội đồng Tu luật với nhiệm vụ thảo những dự án bộ luật cho nước Việt Nam.

Hội đồng Tu luật có 25 thành viên gồm đại biểu Chính phủ, đại biểu đoàn thể nhân dân và đại diện Ban Thường trực Quốc hội: Phạm Bá Trục; Lê Thị Xuyên, Phan Anh, Phạm Văn Bạch, Lê Trung Chánh, Trường Chinh, Đỗ Đức Dục, Nguyễn Xuân Dương, Hồ Đắc Diễm, Võ Nguyên Giáp, Trần Văn Giàu, Vũ Như Giới, Phạm Học Hải, Dương Đức Hiền, Vũ Đình Hoè, Nguyễn Văn Hưởng, Nguyễn Văn Huyền, Vũ Trọng Khánh, Trần Kiêm Lý, Nguyễn Khoa Phong, Trịnh Khánh Phong, Trần Phong Quế, Nguyễn Văn Tạo, Đinh Gia Trinh, Trần Công Tường.

Hội đồng Tu luật có tư cách để giao thiệp với các Tòa án, các cơ quan của Chính phủ và các đoàn thể để sưu tầm tài liệu dùng vào công việc nghiên cứu và điều tra. Bộ trưởng Bộ Tư pháp Vũ Đình Hoè được uỷ nhiệm việc tổ chức và sắp xếp công việc của Hội đồng Tu luật.

*Biên niên lịch sử Văn phòng Chính phủ - Tập 1, Nxb. Tư pháp, tr. 276, 292, 310;
Việt Nam Dân quốc Công báo số 6 năm 1949, tr. 8*

NGÀY 01 THÁNG 7 NĂM 1949

Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh số 75-SL quy định việc tịch thu ruộng đất và tài sản phụ thuộc của những phạm nhân bị kết án về các tội làm phương hại đến nền độc lập quốc gia

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nội vụ, Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính và Bộ Canh

nông, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh quy định ruộng đất và tài sản phụ thuộc, tịch thu của những phạm nhân bị kết án về các tội làm phương hại đến nền độc lập quốc gia đều xung vào quốc gia công sản. Những đất đai tịch thu chia làm 3 loại: đất đai hoang rậm: trở về quốc gia công thổ; đất trồng cây kỹ nghệ hoặc cây ăn quả hay để chăn nuôi: Chính phủ khai thác; ruộng, bãi, cấy lúa và trồng màu: tạm cấp cho dân cày cấy.

Việt Nam Dân quốc Công báo số 6 năm 1949, tr. 9

NGÀY 02 THÁNG 8 NĂM 1949

Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh số 88-SL định quyền hạn và thủ tục khám nhà của Ban Tư pháp xã

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nội vụ và Bộ trưởng Bộ Tư pháp, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh số 88-SL sửa đổi Sắc lệnh số 13 ngày 24/01/1946 và Sắc lệnh số 131-SL ngày 20/7/1946 định quyền hạn và thủ tục khám nhà của Ban Tư pháp xã. Theo đó:

- Khoản e Điều 8 Sắc lệnh số 131-SL được bổ sung: *“Riêng trong trường hợp phạm pháp quả tang một uỷ viên Ban Tư pháp xã có quyền đi cùng hai người công dân khám nhà”*.

- Khoản 2 Điều 2 Sắc lệnh số 13 được sửa đổi như sau: *“...thư ký giữ công việc lục sự, lưu trữ công văn, làm các giấy tờ về biên bản. Riêng về biên bản khám nhà trong trường hợp phạm pháp quả tang thì uỷ viên trong Ban Tư pháp xã đi khám cùng hai người công dân có đủ thẩm quyền để lập”*.

- Điều 6 Sắc lệnh số 13 được sửa đổi như sau: *“Nếu cần, Ban Tư pháp xã có thể khám nhà các tư nhân, và trong trường hợp phạm pháp quả tang, một uỷ viên trong Ban Tư pháp xã đi cùng hai người công dân có quyền khám nhà để thu giữ tang vật, song phải lập biên bản”*.

Việt Nam Dân quốc Công báo số 8 năm 1949, tr. 2

NGÀY 18 THÁNG 10 NĂM 1949

Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh số 117-SL về việc sửa đổi Sắc lệnh số 131-SL ngày 20/7/1946 về việc khám xét nhà tư nhân

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tư pháp, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh sửa đổi Sắc lệnh số 131-SL ngày 20/07/1946 về việc khám xét nhà tư nhân. Theo đó, Điều 7 đoạn 3 Sắc lệnh số 131-SL được sửa đổi: *“Ngoài ra phải gặp một trong bốn trường hợp đặc biệt sau đây mới được vào nhà tư nhân ban đêm:*

1. Cháy nhà;

2. Lụt;

3. Có tiếng cầu cứu ở trong nhà phát ra;

4. Khi chủ nhà chứa chấp những kẻ đào thoát (bị giam cầm, thành án hay bị an trí) hoặc đang bị truy nã theo lệnh của Ủy ban kháng chiến hành chính hay Tòa án”.

Việt Nam Dân quốc Công báo số 10 năm 1949, tr. 2

NGÀY 30 THÁNG 10 ĐẾN NGÀY 01 THÁNG 11 NĂM 1949

Hội nghị nội bộ cơ quan Trung ương Bộ Tư pháp

Hội nghị diễn ra trong 3 ngày 30, 31/10 và ngày 01/11/1949. Tham dự Hội nghị có các đồng chí lãnh đạo Bộ, phụ trách các phòng, ban, nha của Bộ, Quyền Giám đốc tư pháp và Chánh Hội đồng phúc án Liên khu I, Liên khu X, Chủ tịch Hội đồng luật sư Bắc Trung Bộ. Chủ tịch Hội nghị là Bộ trưởng Bộ Tư pháp Vũ Đình Hoè.

Sau khi Thứ trưởng Trần Công Tường báo cáo về kết quả Hội nghị Nội chính họp từ ngày 24 đến 26/10/1949, Bộ trưởng Vũ Đình Hoè đã trình bày bản kiểm thảo công tác tư pháp năm 1949. Các đại biểu tham dự Hội nghị đã trao đổi ý kiến xung quanh bản kiểm thảo, đưa ra những giải pháp trong việc học tập lý luận cũng như quan hệ với nhân dân, với Ủy ban kháng chiến hành chính và các đoàn thể nhân dân, thi hành pháp luật trong dân chúng với một ý thức mới, phụng sự nhân dân.

Tại Hội nghị các đại biểu cũng tập trung thảo luận một số vấn đề về:

- Hợp nhất liên khu I và liên khu X;
- Tổ chức lại cơ quan Trung ương Bộ Tư pháp;
- Tổ chức lớp huấn luyện Trung ương;
- Tổ chức Hội nghị tư pháp lần VI;
- Thi đua ái quốc trong Ngành Tư pháp lần thứ nhất.

Biên bản Hội nghị nội bộ Bộ Tư pháp ngày 05/11/1949,

Phòng PTT, Trung tâm LTQG III

NGÀY 21 THÁNG 12 NĂM 1949

Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh số 142/SL về việc Trưởng Liên hạt lâm chính và Trưởng Hạt lâm chính có tư cách Ủy viên Tư pháp công an

Sắc lệnh được ban hành theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Canh nông và Bộ trưởng Bộ Tư pháp. Sắc lệnh gồm 2 điều, theo đó quy định: ngoài những kiểm soát viên kiểm lâm định trong Sắc lệnh số 131/SL ngày 20/7/1946 về tổ chức tư pháp công an thì những nhân viên được cử giữ những chức vụ Trưởng Liên hạt lâm chính và Trưởng Hạt lâm chính đều có tư cách Ủy viên Tư pháp Công an.

Việt Nam Dân quốc Công báo số 12 năm 1949, tr. 6

NGÀY 22 THÁNG 12 NĂM 1949

Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh số 144-SL mở rộng quyền bào chữa cho các bị cáo trước các Tòa án

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tư pháp, Bộ Nội vụ và Bộ Quốc phòng, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh quy định về việc mở rộng quyền bào chữa cho các bị cáo trước các Tòa án. Theo đó, Sắc lệnh số 69-SL ngày 18/6/1949 được sửa đổi như sau: “*Từ nay, trước Tòa án việc xử hộ và thương mại, trước các Tòa án thường và Tòa án đặc biệt xử việc tiểu hình, đại hình, trừ Tòa án binh tại mặt trận, nguyên cáo, bị cáo và bị can có thể nhờ một công dân không phải là luật sư bênh vực cho mình*” và “*công dân đó phải được ông Chánh án thừa nhận*”.

Việt Nam Dân quốc Công báo số 12 năm 1949, tr. 6 - 7

NĂM 1950

NGÀY 26 ĐẾN NGÀY 28 THÁNG 02 NĂM 1950

Hội nghị tư pháp liên khu Việt Bắc

Hội nghị được tổ chức từ ngày 26 đến ngày 28/02/1950. Hội nghị tập trung tổng kết kinh nghiệm về các công tác hoà giải, bào chữa, huấn luyện, Ban Tư pháp xã phổ biến pháp lý và vấn đề Phụ phẩm nhân dân.

*Báo cáo công việc Bộ Tư pháp tháng 1, 2 và 3 năm 1950,
Phòng PTT, Trung tâm LTQG III*

THÁNG 5 NĂM 1950

Hội nghị học tập tư pháp Trung ương

Hội nghị được tổ chức trong 3 tháng (tháng 5, 6 và 7 năm 1950) với sự tham gia của gần 60 đại biểu của các liên khu Việt Bắc, III, IV và miền Nam Trung Bộ. Mục đích của Hội nghị học tập là để các Thẩm phán hiểu biết chế độ dân chủ nhân dân và nhiệt thành xây dựng một nền tư pháp nhân dân, đồng thời để cải tạo tư tưởng và bổ túc về phương diện chuyên môn.

Hội nghị được tổ chức dưới sự điều khiển trực tiếp của Thứ trưởng Bộ Tư pháp Trần Công Tường và dựa trên các nguyên tắc dân chủ, tập thể, thân ái, tương trợ, phát triển tác phong phê bình và tự phê bình. Hội nghị cũng đã vinh dự được đón Chủ tịch Hồ Chí Minh đến thăm và nói chuyện.

Chương trình học tập tại Hội nghị gồm:

- *Phần thứ nhất:* là phần chính trị, có các đề tài về duy vật luận, tư bản chủ nghĩa, cách mạng Việt Nam, tình hình thế giới sau đại chiến thứ 2;

- *Phần thứ hai:* là phần pháp lý chính trị với các đề tài về chính quyền dân chủ nhân dân chuyên chính, Nhà nước trong chế độ dân chủ nhân dân, quan niệm pháp lý mới về chế độ gia đình, quyền sở hữu, kế ước, hình phạt.

- *Phần thứ ba:* nhiệm vụ tư pháp trong giai đoạn chuyển mạnh sang tổng phản công, tác phong người Thẩm phán trong chế độ dân chủ nhân dân, sửa đổi lề lối làm việc.

- *Phần thứ tư*: pháp lý thực định, có mục đích áp dụng lý luận tư pháp dân chủ nhân dân vào luật hộ và hình.

Qua Hội nghị các đại biểu đã có một khái niệm rõ rệt hơn về khả năng của giai cấp công nhân và sự lãnh đạo của giai cấp đó; đã nhận thấy sự sai lầm của tư tưởng pháp lý tư sản và công lý trừu tượng trên giai cấp.

Hội nghị đã góp phần vào công việc xây dựng cơ sở lý luận pháp lý mới, tìm hướng mới của luật pháp Việt Nam.

Sau khi trở về địa phương các cán bộ tham dự Hội nghị thi hành Chỉ thị của Bộ Tư pháp đã mở tại địa phương những Hội nghị phổ biến để truyền đạt lý luận tư pháp nhân dân cho các cán bộ tư pháp và cho cả cán bộ các ngành khác.

*Báo cáo kiểm thảo công tác tư pháp năm 1950,
Phông PTT, Trung tâm LTQG III*

Chủ tịch Hồ Chí Minh đến thăm và nói chuyện với Hội nghị học tập tư pháp Trung ương

Trong bài nói của mình, Chủ tịch Hồ Chí Minh có nêu nguyên lý Mác-Lênin: Luật pháp là vũ khí của một giai cấp thống trị, dùng để trừng trị giai cấp chống lại mình, sau đó Chủ tịch nhấn mạnh: Pháp luật của ta là pháp luật thật sự dân chủ, vì nó bảo vệ quyền tự do, dân chủ rộng rãi cho nhân dân lao động. Nhân dân ta hiện nay có tự do, tự do trong kỷ luật. Mỗi người có tự do của mình, nhưng phải tôn trọng tự do của người khác. Người nào sử dụng quyền tự do của mình quá mức mà phạm đến tự do của người khác là phạm pháp... Chúng ta cũng thấy luật pháp của ta hiện nay chưa đầy đủ. Chính các chú có trách nhiệm phải góp phần làm cho luật pháp của ta tốt hơn, càng ngày càng phong phú hơn. Phải cố gắng làm cho luật pháp dân chủ ngày càng nhiều hơn, tốt hơn.

Đề cập đến trách nhiệm của cán bộ tư pháp, Chủ tịch nói: “*Vấn đề tư pháp, cũng như mọi vấn đề khác, trong lúc này, là vấn đề ở đời và làm người. Ở đời và làm người là phải thương nước, thương dân, thương nhân loại đau khổ bị áp bức. Phải làm sao đóng góp vào việc làm cho nước độc lập, dân được tự do, hạnh phúc, nhân loại khỏi đau khổ. Như vậy, thì phải đấu tranh cách mạng, trước mắt phải đánh đuổi bọn thực dân xâm lược, đánh đổ bọn Việt gian phản quốc, bọn bù nhìn tay sai của đế quốc thực dân. Trong công tác xử án phải công bằng, liêm khiết, trong sạch. Như thế cũng chưa đủ. Không thể chỉ hạn chế hoạt động của mình trong khung tòa án. Phải gần dân, hiểu dân, giúp dân, học dân. Giúp dân, học dân để giúp mình thêm liêm khiết thêm công bằng. Thêm nữa là phải luôn luôn cố gắng học tập lý luận, học tập đường lối chính sách của Chính phủ.*

Tóm lại, các chú phải công bằng, liêm khiết, trong sạch, gần dân, hiểu dân, giúp dân, học dân”.

Hội nghị đã vận dụng những lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh để thảo luận về cuốn Nhà nước và Cách mạng của Lênin và đề xuất các vấn đề cần cải cách.

“Hồ Chí Minh - Nhà nước và pháp luật”, Nxb. Pháp lý, H. 1985

Hội đồng Chính phủ họp quyết nghị về vấn đề cải tổ bộ máy tư pháp

Tại phiên họp này, Hội đồng Chính phủ ấn định những nguyên tắc thống nhất về Tòa án và bắt đầu thực hiện với một số liên khu sự hợp nhất Tòa án Quân sự và Hội đồng phúc án. Đồng thời, để phù hợp với yêu cầu của giai đoạn tổng phản công, Chính phủ cũng quyết nghị: Việc tổ chức tư pháp trong vùng tạm chiếm sẽ xếp đặt lại, tăng thẩm quyền cho Ban Tư pháp xã và Tòa án nhân dân huyện.

*Biên bản họp Hội đồng Chính phủ tháng 5 năm 1950,
Phòng PTT, Trung tâm LTQG III*

NGÀY 22 THÁNG 5 NĂM 1950

Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh số 85/SL về cải cách bộ máy tư pháp và luật tố tụng

Nhằm dân chủ hoá bộ máy tư pháp, làm gọn nhẹ bộ máy tư pháp, giúp công việc xét xử được nhanh chóng và gần dân hơn, thủ tục tố tụng được hợp lý hơn, đơn giản hơn trong khi chưa thể tiến hành cải tổ toàn thể bộ máy tư pháp, ngày 10/5/1950, Bộ Tư pháp trình Chủ tịch nước Dự án Sắc lệnh tạm cải cách bộ máy tư pháp và Luật tố tụng. Ngày 22/5/1950, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký ban hành Sắc lệnh về cải cách bộ máy tư pháp và Luật tố tụng.

Theo quy định tại Sắc lệnh này thì Tòa án sơ cấp được đổi thành Tòa án nhân dân huyện; Tòa án đệ nhị cấp đổi thành Tòa án nhân dân tỉnh; Hội đồng phúc án đổi thành Tòa Phúc thẩm; Phụ thẩm nhân dân đổi thành Hội thẩm nhân dân. Hội thẩm nhân dân chiếm đa số trong Hội đồng xét xử và được tham gia xét xử cả các việc dân sự, hình sự, được hưởng đặc quyền tài phán như các Thẩm phán. Ngoài ra, bằng Sắc lệnh này đã mở rộng phạm vi thẩm quyền của Ban Tư pháp xã về việc phạt vi cảnh nhằm giải quyết mau chóng tại xã một số việc ít quan trọng về mặt trị an. Thủ tục tố tụng được quy định đơn giản hơn, hợp lý hơn, bảo đảm sự nhanh nhạy trong việc giải quyết các việc hình cũng như các việc hộ.

Mục đích của cuộc cải cách lần này là nhằm bảo đảm nguyên tắc dân chủ trong tổ chức và hoạt động của Tòa án, tạo điều kiện cho nhân dân tham gia vào

việc xét xử của Tòa án. Cuộc cải cách lần này còn có mục đích tổ chức lại hệ thống Tòa án nhân dân gọn nhẹ, thống nhất có hiệu quả nhằm bảo đảm cho Tòa án nhân dân là một công cụ sắc bén của nền chuyên chế vô sản, phục vụ lợi ích của nhân dân được tốt hơn.

*Tờ trình Chủ tịch nước ngày 10/5/1950,
Phòng PTT, Trung tâm LTQG III;
Việt Nam Dân quốc Công báo số 6 năm 1950, tr. 134 - 136*

Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh số 97-SL sửa đổi một số quy lệ và chế định trong dân luật

Sắc lệnh ngày 10/10/1945 được ban hành cho phép áp dụng một số điều trong những pháp điển cũ thời Pháp thuộc trong khi đợi ban hành những bộ luật mới của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. Cho tới thời điểm này, với thời gian và sự biến đổi mau chóng của xã hội Việt Nam, do cuộc kháng chiến giải phóng dân tộc thúc đẩy, các pháp điển cũ dần dần bị vượt bước bởi sự tiến hoá chung và một số điều khoản trong các bộ luật ấy trở nên lạc hậu. Vì vậy, trong khi chờ đợi toàn bộ các văn bản pháp luật mới được ban hành, việc ban hành Sắc lệnh sửa đổi cấp bách một số quy lệ và chế định trong dân luật cũ và đặt những nguyên tắc mới thay vào là phù hợp.

Ngày 10/5/1950, Bộ Tư pháp trình Chủ tịch Hồ Chí Minh Dự án Sắc lệnh sửa đổi cấp bách một số quy lệ và chế định trong dân luật cũ và đặt những nguyên tắc mới thay vào.

Ngày 22/5/1950, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh số 97-SL sửa đổi một số quy lệ và chế định trong dân luật. Theo đó, “*những quyền dân sự đều được luật bảo vệ khi người ta hành xử nó đúng với quyền lợi của nhân dân*”. Sắc lệnh còn quy định:

- Rút tuổi thành niên từ 21 xuống 18 tuổi;
- Xoá bỏ tính cách phong kiến của quyền gia trưởng cũ. Người con thành niên có quyền đối với bản thân và tài sản riêng: có quyền lấy vợ/chồng không cần phải được cha mẹ bằng lòng; cha mẹ không có quyền giam cầm con cái khi chúng phạm lỗi; trong lúc cha hoặc mẹ góa còn sống, con cái đã thành niên có thể xin chia di sản của người mẹ hoặc cha đã chết;
- Thực hiện nguyên tắc nam nữ bình đẳng trong gia thú: vợ chồng có địa vị bình đẳng trong gia đình, “*người đàn bà có chồng có toàn năng lực về mặt hộ*” không cần được chồng cho phép như trước;
- Xoá bỏ quy lệ lạc hậu cấm không được kết hôn trong thời kỳ để tang một số người thân thuộc;

- Cho phép “người con hoang được phép thừa trước toà để truy nhận cha hoặc mẹ của mình”;

- Xoá bỏ quy lệ bắt con cháu hoặc vợ, chồng người chết phải nhận thừa kế và phải trả nợ thay cho người chết bằng cả tài sản riêng của mình;

- Đặt nguyên tắc thanh toán tài sản chung của vợ chồng khi con cái thành niên xin chia di sản của cha hoặc mẹ chết;

- Đặt nguyên tắc huỷ bỏ khế ước khi một bên lập khế ước lợi dụng sự chênh lệch về địa vị kinh tế giữa hai bên, sự túng quẫn của bên kia để bóc lột người đó.

Việt Nam Dân quốc Công báo số 6 năm 1950, tr. 142

NGÀY 07 THÁNG 6 NĂM 1950

Thủ tướng Chính phủ ban hành Thông tư số 21/TTg hướng dẫn thi hành Sắc lệnh số 103/SL ngày 05/6/1950 quy định liên hệ giữa Uỷ ban kháng chiến hành chính và các cơ quan chuyên môn

Điều 1 Sắc lệnh số 103-SL ngày 05/6/1950 quy định: “*Uỷ ban kháng chiến hành chính các cấp có nhiệm vụ lãnh đạo và điều khiển các ngành chuyên môn*”. Trên cơ sở này, Thông tư số 21/TTg hướng dẫn: “*Đối với Công tố viện - Uỷ ban các cấp điều khiển Công tố viện trong địa hạt mình, trước các Toà án thường cũng như trước các Toà án đặc biệt. Như thế nghĩa là Uỷ ban kháng chiến hành chính có thể ra mệnh lệnh cho ngành công tố. Đại diện ngành này phải tuân theo mệnh lệnh của Uỷ ban. Mệnh lệnh của Uỷ ban có thể là mệnh lệnh chung về đường lối công tố trong một thời gian nhất định, cũng có thể là mệnh lệnh riêng về từng việc (trừ Toà án binh có hệ thống riêng)*”.

“*Đối với các ngành xử án - Uỷ ban kháng chiến hành chính có thể vạch đường lối cho từng thời kỳ nhất định và đặc biệt có thể vạch đường lối cho một vụ án xét thấy quan trọng. Tuy nhiên Toà án không nhất thiết phải theo. Toà án có thể xử khác nhưng phải nói lý do, Uỷ ban có thể giao Công tố viện kháng cáo lên Toà án trên*”.

Việt Nam Dân quốc Công báo số 7 năm 1950, tr. 103 - 105

NGÀY 09 THÁNG 6 NĂM 1950

Tư pháp Nam Bộ mở lớp huấn luyện đào tạo cán bộ

Lớp học được tổ chức trong 6 tháng (từ ngày 09 tháng 6 đến ngày 09 tháng 12/1950). Tham dự lớp học gồm có 21 học viên do các Uỷ ban kháng chiến

hành chính và Tòa án tỉnh cử, 4 học viên dự thính của Ủy ban kháng chiến hành chính và 1 học viên của Công an. Chương trình huấn luyện tập trung vào các môn dân luật, hình luật, tố tụng, hiến pháp, kinh tế và chính trị.

*Báo cáo Kiểm thảo tình hình tổ chức và hoạt động của tư pháp Nam Bộ năm 1950,
Phông PTT, Trung tâm LTQG III*

NGÀY 15 THÁNG 6 NĂM 1950

Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh số 106/SL về định việc trừng trị những tội làm chậm trễ hay ngăn trở việc thi hành nghĩa vụ quân sự và lệnh tòng quân

Sắc lệnh được ban hành theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng và Bộ trưởng Bộ Tư pháp. Sắc lệnh gồm 8 điều quy định mức hình phạt đối với những người không tuân hay chậm trễ tuân lệnh làm nghĩa vụ quân sự; những người tự huỷ hoại thân thể hoặc dùng những mưu chước gian dối để được hoãn làm nghĩa vụ quân sự; những người không tuân hay chậm trễ tuân lệnh tòng quân; những người bị huỷ hoại thân thể hoặc dùng những mưu chước gian để được hoãn tòng quân; những người lạm dụng quyền hạn trong việc ra lệnh thi hành nghĩa vụ quân sự, lệnh tòng quân; những người tuyên truyền bằng lời nói hay việc làm để người khác trốn nghĩa vụ quân sự hay trốn tòng quân; những người đã rủ nhau và cùng nhau trốn nghĩa vụ quân sự hay trốn tòng quân.

Việt Nam Dân quốc Công báo số 8 năm 1950, tr. 170

NGÀY 06 THÁNG 7 NĂM 1950

Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Thông tư số 711-P/2 về việc điều tra nhân viên và nhu cầu nhân viên

Thông tư nêu rõ việc điều tra về cán bộ nhằm mục đích:

1. Biết rõ số cán bộ xứng đáng mình hiện có và nhu cầu từng địa phương;
2. Phân phối lại nhân viên cho hợp lý, hợp với sự đòi hỏi của công việc ở mỗi nơi cũng như hợp với tài năng của từng người để hiệu suất của mỗi người đều tăng;
3. Khuyến khích, đề bạt, nâng đỡ về tinh thần cũng như về vật chất các cán bộ có thành tích;
4. Dìu dắt các cán bộ có căn bản tốt, có tinh thần học hỏi và có óc cầu tiến, giúp đỡ họ những phương tiện để thực hiện ý muốn để phụng sự nhân dân cho có kết quả;

5. Huấn luyện bổ túc các cán bộ cũ đồng thời đào tạo thêm cán bộ mới xứng đáng để đối phó với sự đòi hỏi của công việc;

6. Phân tán, trừng phạt, đào thải các phần tử lòng chùng, quá lạc hậu, hủ hoá, không xứng đáng với chính quyền dân chủ nhân dân.

Thông tư nhấn mạnh: Chính quyền của ta là Chính quyền dân chủ nhân dân, vậy các thẩm phán và nhân viên tư pháp phải tỏ ra xứng đáng với chính quyền đó về mọi mặt: đức tính, tư tưởng, hành động và thái độ chính trị cũng như học lực chuyên môn, tinh thần và khả năng làm việc. Ngoài ra, việc điều tra, theo dõi còn nhằm vào ý chí cầu học, hoạt động xã hội, thành tích đạt được và khả năng tiến triển của mỗi người về mọi mặt.

Hồ sơ số 854, Phòng PTT, Trung tâm LTQG III

NGÀY 17 THÁNG 7 NĂM 1950

Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh số 128-SL trừng trị những tội bóc lột, ăn cắp hay thủ tiêu công văn của Chính phủ và thư từ của tư nhân

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tư pháp, Bộ Nội vụ và Bộ Giao thông công chính, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh quy định việc trừng trị những tội bóc lột, ăn cắp hay thủ tiêu công văn của Chính phủ và thư từ của tư nhân. Theo đó, những kẻ phạm tội bóc lột, ăn cắp hay thủ tiêu công văn của Chính phủ, thư từ của tư nhân sẽ bị truy tố trước toà án. Tội phạm cũng bị phạt như chính phạm.

Công báo nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà số 9 năm 1950, tr. 194

NGÀY 18 ĐẾN NGÀY 20 THÁNG 7 NĂM 1950

Hội nghị tư pháp Liên khu V

Hội nghị được tổ chức từ ngày 18 đến 20/7/1950 với mục đích giúp cho Thẩm phán và các cán bộ tư pháp nhận thức rõ hơn về tư pháp nhân dân và kiểm thảo công tác tư pháp trong 6 tháng đầu năm 1950. Tham dự gồm có 29 Thẩm phán khu, tỉnh, huyện và 29 nhân viên tư pháp.

*Báo cáo về huấn luyện cán bộ của Bộ Tư pháp năm 1950,
Phòng PTT, Trung tâm LTQG III*

THÁNG 7 NĂM 1950

Hội nghị tư pháp miền Nam Trung Bộ

Với mục đích nâng cao nhận thức căn bản về tính chất nền tư pháp nhân dân

và đứng trên quan điểm tư pháp nhân dân, Liên khu miền Nam Trung Bộ đã tổ chức Hội nghị tư pháp để kiểm thảo chương trình công tác 6 tháng đầu năm 1950. Tham dự Hội nghị có trên 60 đại biểu gồm các cán bộ và nhân viên tư pháp các cấp, các Tòa án đặc biệt và đại biểu của Ủy ban kháng chiến hành chính miền Nam Trung Bộ

*Kiểm thảo công tác tư pháp năm 1950 của tư pháp miền Nam Trung Bộ,
Phòng PTT, Trung tâm LTQG III*

NGÀY 02 THÁNG 8 NĂM 1950

Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh số 130-SL tăng thời hạn giam giữ can phạm chính trị để điều tra của Ủy ban kháng chiến hành chính tỉnh và liên khu

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tư pháp và Bộ trưởng Bộ Nội vụ, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh quy định việc tăng thời hạn giam giữ can phạm chính trị để điều tra của Ủy ban kháng chiến hành chính tỉnh và liên khu. Theo đó, Điều 9 sắc lệnh số 40-SL ngày 29/3/1946 sửa đổi do Sắc lệnh số 68-SL ngày 26/7/1947 được sửa: “*Khi nào cấp bách đặc biệt, Chủ tịch Ủy ban kháng chiến hành chính được phép bắt người xét ra lời nói hay việc làm nguy hại cho cuộc trị an hay kháng chiến, song phải báo cáo ngay trong ngày tạm bắt giữ ấy cho Ủy ban kháng chiến hành chính Liên khu.*”

Trong hạn 30 ngày là cùng, hồ sơ phải đệ lên Ủy ban kháng chiến hành chính Liên khu, hoặc gửi cho Công tố uỷ viên Tòa án Quân sự nếu xét ra việc thuộc thẩm quyền toà án này.

Trong hạn 45 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ do Ủy ban kháng chiến hành chính tỉnh gửi đến, Ủy ban kháng chiến hành chính Liên khu phải xét hồ sơ và ra lệnh hoặc tha, hoặc đưa đi an trí, hoặc truy tố trước Tòa án Quân sự tùy theo trường hợp.”

Công báo nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà số 9 năm 1950, tr. 194

NGÀY 20 THÁNG 8 ĐẾN 20 THÁNG 10 NĂM 1950

Tư pháp Liên khu Việt Bắc tổ chức các Hội nghị học tập tư pháp

Các Hội nghị học tập tư pháp được tư pháp Liên khu Việt Bắc tổ chức tại tỉnh Lạng Sơn (từ 20 đến 24/8); liên tỉnh Thái Nguyên, Bắc Ninh, Bắc Giang, Bắc Cạn (từ 27 đến 31/8); tại Vĩnh Phúc (từ 27/9 đến 04/10); tại liên tỉnh Tuyên Quang, Hà Giang, Lào Cai, Phú Thọ, Yên Bái (từ 10 đến 20/10).

Học viên tham gia là các Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân tỉnh và huyện, người bào chữa, đại biểu lực lượng và đại biểu các cơ quan và đoàn thể địa phương.

Chương trình học tập tập trung vào một số nội dung chủ yếu như: Chính quyền dân chủ nhân dân Việt Nam; nhiệm vụ tư pháp trong giai đoạn chuyển mạnh sang tổng phản công; tu dưỡng tư tưởng.

*Báo cáo về huấn luyện cán bộ của Bộ Tư pháp năm 1950,
Phòng PTT, Trung tâm LTQG III*

NGÀY 09 THÁNG 9 NĂM 1950

Thành lập Tư pháp Liên khu Việt Bắc

Thi hành Thông tư của Bộ Tư pháp, Sở Giám đốc tư pháp và Tòa phúc thẩm đã hợp nhất thành Tư pháp Liên khu Việt Bắc. Việc hợp nhất đã đạt kết quả đơn giản hoá tổ chức tư pháp khu và thống nhất việc lãnh đạo. Hội đồng tư pháp có cán bộ phụ trách, hình thức làm việc tập thể, họp đều mỗi tháng 1 kỳ, kiểm thảo công việc hàng tháng, ấn định chương trình công tác mỗi tháng, định các phiên họp của Tòa phúc thẩm, định hướng án lệ.

*Kiểm thảo công tác tư pháp năm 1950 của Tư pháp Liên khu Việt Bắc,
Phòng PTT, Trung tâm LTQG III*

NGÀY 15 THÁNG 9 NĂM 1950

Giám đốc Tư pháp Liên khu III khai giảng lớp pháp lý phổ thông

Lớp được tổ chức để đào tạo cho các cán bộ công nông. Lớp học kéo dài trong thời gian 3 tháng

*Báo cáo về công tác huấn luyện cán bộ của Bộ Tư pháp năm 1950,
Phòng PTT, Trung tâm LTQG III*

NGÀY 23 THÁNG 9 NĂM 1950

Thành lập Ban Nghiên cứu pháp luật

Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Nghị định số 114 quyết định thành lập tại Bộ Tư pháp một Ban Nghiên cứu pháp luật. Ban Nghiên cứu pháp luật được đặt dưới quyền điều khiển trực tiếp của Thứ trưởng Bộ Tư pháp. Ban Nghiên cứu pháp luật có nhiệm vụ khai thác, phát triển kết quả của Hội nghị học tập tư pháp Trung ương và nghiên cứu sâu rộng hơn để xây dựng những đề án định hướng cho luật mới trình Quốc hội.

Phương pháp làm việc của Ban Nghiên cứu pháp luật là:

- Phân công phụ trách nghiên cứu từng bộ phận của các bộ luật, thảo dự án rồi thảo luận trong Ban;

- Những điểm chính của Dự án đã được thảo luận trong Ban sẽ được đem ra thảo luận trong Hội nghị nội bộ các Phụ trách văn phòng và cơ quan nội bộ cùng Thẩm phán giúp việc để đóng góp ý kiến;

- Dự án đem nghiên cứu lại trong Ban Nghiên cứu pháp luật rồi thảo thành đề án nhất định.

*Báo cáo về Ban Nghiên cứu pháp luật và việc sửa đổi các luật lệ năm 1950,
Phòng PTT, Trung tâm LTQG III*

NGÀY 05 THÁNG 10 NĂM 1950

Bộ Tư pháp ban hành Thông tư số 289-P4 chỉnh đốn lề lối làm việc

Thông tư hướng dẫn lề lối làm việc tập thể dưới hình thức Hội đồng tư pháp tỉnh và huyện, tránh sự phân công cứng rắn giữa hai ngành Công tố và xử án. Đồng thời, Thông tư cũng quy định nhiệm vụ, quyền hạn của các Thẩm phán tỉnh và huyện.

*Báo cáo về xây dựng các Tòa án nhân dân năm 1950,
Phòng PTT, Trung tâm LTQG III*

THÁNG 10 NĂM 1950

Hội nghị phổ biến tư tưởng và lý luận tư pháp nhân dân Liên khu IV

Hội nghị được tổ chức trong 15 ngày với sự tham gia của 163 đại biểu gồm các Thẩm phán khu, tỉnh, huyện, các nhân viên tư pháp và đại biểu các cơ quan đoàn thể. Thông qua Hội nghị các đại biểu tham dự đã được phổ biến tư tưởng và lý luận tư pháp nhân dân.

*Kiểm thảo công tác tư pháp năm 1950 của tư pháp Liên khu IV,
Phòng PTT, Trung tâm LTQG III*

NGÀY 07 THÁNG 11 NĂM 1950

Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh số 150-SL tổ chức các trại giam

Vào thời gian này, chính sách của Chính phủ đối với phạm nhân vẫn chưa được quy định. Việc tổ chức và kiểm soát các trại giam vẫn do Bộ Nội vụ phụ

trách, chưa được quy định bằng một Sắc lệnh. Sự phân công về việc giam giữ và kiểm soát giữa Bộ Nội vụ và Bộ Tư pháp cũng không được rõ ràng. Xuất phát từ thực trạng trên, theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nội vụ và Bộ trưởng Bộ Tư pháp, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh số 150-SL tổ chức các trại giam. Theo đó, Sắc lệnh quy định:

- Phạm nhân phải được giam giữ trong các trại giam để trừng trị và giáo hoá;
- Bộ Nội vụ có nhiệm vụ tổ chức và kiểm soát các trại giam trong phạm vi toàn quốc;
- Bộ trưởng Bộ Tư pháp có nhiệm vụ kiểm soát các trại giam về phương diện giam giữ.

Công báo nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà số 12 năm 1950, tr. 254

NGÀY 17 THÁNG 11 NĂM 1950

Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh số 151-SL đặt thể lệ chỉ định Hội thẩm nhân dân và ấn định thành phần Toà phúc thẩm trong trường hợp đặc biệt

Sắc lệnh 85-SL ngày 22/5/1950 đã đặt nguyên tắc bầu Hội thẩm nhân dân cho Toà án các cấp. Trong khi thi hành Sắc lệnh, một số điều đã không sát với thực tế. Xuất phát từ thực trạng đó, ngày 15/9/1950 Bộ Tư pháp trình Chủ tịch nước Dự án Sắc lệnh về việc chỉ định Hội thẩm nhân dân.

Ngày 17/11/1950, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh số 151-SL đặt thể lệ chỉ định Hội thẩm nhân dân và ấn định thành phần Toà phúc thẩm trong trường hợp đặc biệt. Theo đó, trong trường hợp đặc biệt Hội thẩm nhân dân Toà án nhân dân huyện có thể do Uỷ ban kháng chiến hành chính liên khu chỉ định; Hội thẩm nhân dân Toà phúc thẩm có thể do Bộ trưởng Bộ Tư pháp chỉ định, theo đề nghị của Uỷ ban kháng chiến hành chính; Hội thẩm nhân dân có thể xin từ chức trước khi hết nhiệm kỳ nếu có lý do chính đáng. Thành phần của Hội đồng xét xử phúc thẩm khi ngồi xử trong trường hợp đặc biệt có thể chỉ gồm một Thẩm phán và hai Hội thẩm nhân dân.

Công báo nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà số 13 năm 1950, tr. 301

Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh số 154-SL ấn định những hình phạt trừng trị việc tiết lộ bí mật

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nội vụ, Bộ Tư pháp và Bộ Quốc phòng, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh ấn định những hình phạt trừng trị việc để tiết lộ bí

mật. Theo đó, người nào làm tiết lộ bí mật về cơ quan hay công tác của Chính phủ thì tùy theo lỗi nặng nhẹ sẽ bị cảnh cáo; phạt vi cảnh; truy tố trước Tòa án thường và có thể bị phạt tù từ 6 ngày đến 6 tháng hoặc truy tố trước Tòa án Quân sự.

Những công chức và quân nhân phạm pháp, ngoài hình phạt nói trên, còn bị thi hành kỷ luật theo Quy chế công chức hay Quy luật trong quân đội.

Công báo nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà số 13 năm 1950, tr. 302

Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh số 155-SL quy định tổ chức Tòa án Quân sự liên khu

Vào thời gian này, ở mỗi liên khu thường có nhiều Tòa án Quân sự. Tổ chức này đã dẫn đến một số bất lợi như: không thống nhất đường lối truy tố và xét xử, cùng một việc, có Tòa án xử nặng, có Tòa án xử nhẹ; không thích ứng với tình trạng đang thiếu cán bộ; bộ máy có phần nặng nề, chưa giải quyết được kịp thời đối với những vụ phạm pháp cần được xét xử nghiêm khắc và nhanh chóng, nhất là trong giai đoạn chuyển mạnh sang giai đoạn tổng phản công. Để khắc phục tình trạng trên, ngày 14/7/1950, Bộ Quốc phòng, Bộ Tư pháp và Bộ Nội vụ trình Chủ tịch nước Dự án Sắc lệnh về thành lập các Tòa án Quân sự liên khu.

Ngày 17/11/1950, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh số 155-SL quy định tổ chức Tòa án Quân sự liên khu. Sắc lệnh gồm 8 điều quy định lập tại mỗi liên khu một Tòa án Quân sự. Tòa án Quân sự liên khu gồm có một Chánh án chuyên trách và một hay nhiều Phó Chánh án do Nghị định liên Bộ Nội vụ - Tư pháp bổ nhiệm; một Hội thẩm chính trị chuyên trách và một hay nhiều Phó Hội thẩm chính trị do Nghị định liên Bộ Nội vụ - Quốc phòng - Tư pháp chỉ định; một Hội thẩm chuyên môn chuyên trách do Nghị định liên Bộ Nội vụ - Tư pháp chỉ định. Phó Hội thẩm chuyên môn là Chánh án hoặc Dự thẩm Tòa án nhân dân tỉnh nơi lập phiên toà. Một Công tố uỷ viên chuyên trách và một hay nhiều Phó Công tố uỷ viên do Nghị định liên Bộ Nội vụ - Tư pháp chỉ định.

Hồ sơ số 1147, Phòng PTT, Trung tâm LTQG III;

Công báo nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà số 13 năm 1950, tr. 303

Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh số 156-SL tổ chức Tòa án nhân dân Liên khu

Việc thống nhất 2 hệ thống toà án thường và Tòa án Quân sự đã được ghi vào chương trình hoạt động của Bộ Tư pháp năm 1950. Đến thời điểm này, một vài liên khu đã có đủ điều kiện để thực hiện việc thống nhất trên. Từ thực tế đó, ngày 15/9/1950 Bộ Nội vụ và Bộ Tư pháp đã trình Chủ tịch nước Dự án Sắc lệnh về toà án nhân dân Liên khu.

Ngày 17/11/1950, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh số 156-SL tổ chức Tòa án nhân dân Liên khu. Sắc lệnh gồm 8 điều quy định: tại mỗi Liên khu sẽ thiết lập một Tòa án nhân dân Liên khu khi nào có điều kiện. Tòa án nhân dân Liên khu gồm có một Công tố uỷ viên và một hoặc hai Phó Công tố uỷ viên do Nghị định của Bộ trưởng Bộ Tư pháp chỉ định; các Hội thẩm nhân dân Liên khu do HĐND tỉnh bầu; các Thẩm phán do Nghị định của Bộ trưởng Bộ Tư pháp chỉ định.

Công báo nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà số 13 năm 1950, tr. 304

Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh số 157-SL tổ chức Tòa án nhân dân vùng tạm bị chiếm đóng

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tư pháp, Bộ trưởng Bộ Nội vụ và Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, ngày 17/11/1950, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh quy định tổ chức Tòa án nhân dân vùng tạm bị chiếm đóng. Sắc lệnh gồm 6 điều quy định: trong những vùng tạm bị địch chiếm đóng có thể thiết lập một Tòa án gọi là Tòa án nhân dân vùng tạm bị chiếm. Quản hạt Tòa án này có thể là một tỉnh, một số huyện trong một tỉnh, hay một số xã trong một huyện hay trong nhiều huyện. Thành phần Tòa án nhân dân vùng tạm bị chiếm bao gồm một Chánh án, hai Hội thẩm nhân dân và một Công tố uỷ viên. Tòa án nhân dân vùng tạm bị chiếm có thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện, Tòa án nhân dân tỉnh và Tòa án quân sự. Các bản án đều được thi hành ngay.

Công báo nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà số 13 năm 1950, tr. 305

Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh số 158-SL quy định việc bổ dụng cán bộ công nông vào ngạch Thẩm phán và thăng bổ các Thẩm phán Tòa án nhân dân huyện lên Tòa án nhân dân tỉnh

Nhằm tăng cường cán bộ làm công tác xét xử cho các Tòa án và đáp ứng yêu cầu dân chủ hoá Tòa án, theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tư pháp và Bộ trưởng Bộ Nội vụ, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh quy định việc bổ dụng cán bộ công nông vào ngạch Thẩm phán và thăng bổ các Thẩm phán Tòa án nhân dân huyện lên Tòa án nhân dân tỉnh. Theo quy định tại Sắc lệnh này thì: “*Những cán bộ công nông có thành tích, kinh nghiệm có thể được bổ nhiệm vào một ngạch Thẩm phán thích đáng theo đề nghị của một Hội đồng tuyển trách*”; “*Các Thẩm phán Tòa án nhân dân huyện nếu có năng lực và tinh thần phục vụ có thể được thăng bổ lên ngạch Thẩm phán Tòa án nhân dân tỉnh theo đề nghị của Hội đồng tuyển trách*”. Sắc lệnh này đã tạo điều kiện cho việc nhanh chóng tăng cường cho các Tòa án nhân dân một đội ngũ cán bộ có lập trường quan điểm

cách mạng vững vàng trong công tác, làm nòng cốt trong việc xây dựng Toà án nhân dân thực sự của nhân dân.

Công báo nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà số 13 năm 1950, tr. 306

Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh số 159-SL quy định vấn đề ly hôn

Để đảm bảo tình hình phát triển của xã hội về mọi mặt kinh tế, chính trị, văn hoá trong quá trình đấu tranh cách mạng chống đế quốc và phong kiến, cùng sự phát triển của phong trào giải phóng phụ nữ, cần xoá bỏ một số chế định trong các Bộ Dân luật cũ về các quan hệ hôn nhân và gia đình cản trở sự phát triển của xã hội mới, trong giai đoạn này, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ban hành các Sắc lệnh đầu tiên về dân luật và hôn nhân gia đình - Sắc lệnh số 97-SL ngày 22/5/1950 sửa đổi một số quy lệ và chế định trong dân luật. Ngay sau khi Sắc lệnh này ra đời, với mục đích thích ứng luật lệ về ly hôn với các nguyên tắc mới về nam nữ bình đẳng, tự do giá thú và tự do ly hôn; đơn giản hoá thủ tục xử ly hôn; thống nhất luật về ly hôn trong toàn quốc, theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tư pháp, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh số 159-SL quy định vấn đề ly hôn. Sắc lệnh gồm có 9 điều chia làm ba mục quy định về duyên cớ, thủ tục ly hôn, hiệu lực của việc ly hôn, việc nuôi dạy con sau khi ly hôn.

Công báo nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà số 13 năm 1950, tr. 307

Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh số 160-SL thành lập Vụ Hình hộ thuộc Bộ Tư pháp

Xét thấy công việc truy tố và xét xử của các Toà án nhân dân và quân sự cần phải được hướng dẫn cho đồng nhất và đúng đường lối của Chính phủ, theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tư pháp, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh thành lập tại Bộ Tư pháp một cơ quan gọi là Vụ Hình hộ. Theo đó, Vụ Hình hộ có nhiệm vụ nghiên cứu và đề nghị đường lối truy tố và xét xử để hướng dẫn hoạt động các toà án thuộc phạm vi Bộ Tư pháp. Vụ Hình hộ do một Giám đốc điều khiển và có một hay nhiều Phó Giám đốc giúp việc. Ông Nguyễn Văn Hưởng được bổ nhiệm là Giám đốc.

Công báo nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà số 13 năm 1950, tr. 307 - 308

NGÀY 05 ĐẾN NGÀY 07 THÁNG 12 NĂM 1950

Hội nghị tổng kết kinh nghiệm của hai phái đoàn điều tra tư pháp Liên khu I và Liên khu X

Với nhiệm vụ điều tra việc thực hiện nền tư pháp nhân dân ở các địa phương

về mọi mặt và giúp đỡ địa phương thực hiện một phần công việc, Bộ Tư pháp đã thành lập hai phái đoàn điều tra hoạt động trong ba tháng từ tháng 9 đến tháng 11 năm 1950 tại các tỉnh trong Liên khu Việt Bắc.

Từ ngày 05 đến ngày 07/12/1950, Bộ Tư pháp tổ chức “*Hội nghị tổng kết kinh nghiệm của hai phái đoàn điều tra tư pháp Liên khu I và Liên khu X*” dưới sự chủ trì của Bộ trưởng Bộ Tư pháp. Thành phần tham dự Hội nghị có Lãnh đạo Bộ Tư pháp (Bộ trưởng, Thứ trưởng), nhân viên hai phái đoàn, đại biểu Ủy ban kháng chiến hành chính Liên khu Việt Bắc, các nhân viên trong Hội đồng tư pháp liên khu và các nhân viên Văn phòng Bộ. Tại Hội nghị các đại biểu đã nghe hai phái đoàn báo cáo kết quả thực hiện công việc, trên cơ sở đó trao đổi, thảo luận rút kinh nghiệm về một số công việc quan trọng như bầu Hội thẩm nhân dân, lập danh sách người bào chữa, lề lối làm việc và tổ chức nội bộ của Tòa án tỉnh và huyện... cũng như giải quyết những vấn đề do hai phái đoàn hoặc Liên khu tư pháp kháng chiến và Bộ đề ra.

Hồ sơ 933, Phòng PTT, Trung tâm LTQG III

NĂM 1951

NGÀY 19 THÁNG 3 NĂM 1951

Bộ Nội vụ và Bộ Tư pháp ban hành Thông tư liên bộ Nội vụ - Tư pháp số 9-VN-5-TT quy định vấn đề nhân thế bộ (sinh, tử, giá thú, họ, tên, quốc tịch v.v...)

Trước thực tế những quy định lẻ tẻ trước đây về thể thức thi hành các vấn đề nhân thế bộ (sinh, tử, giá thú, họ, tên, quốc tịch v.v...) do điều kiện kháng chiến nên sổ sách bị mất, liên lạc khó khăn vì vậy đã xảy ra tình trạng mỗi địa phương tự động giải quyết một kiểu, thiếu sự thống nhất. Trong khi chờ đợi Bộ Dân luật mới quy định cụ thể về vấn đề này, liên Bộ Nội vụ, Bộ Tư pháp ban hành Thông tư liên bộ số 9-NV-5-TT quy định các thể lệ áp dụng, nhất là về phương diện hành chính đối với vấn đề nhân thế bộ. Thông tư gồm bốn phần chính quy định về các vấn đề:

- a) Hộ tịch thường;
- b) Thay đổi họ tên;
- c) Quốc tịch Việt Nam;
- d) Phạm vi thi hành.

Công báo nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà số 3 năm 1951, tr. 26

NGÀY 02 THÁNG 4 ĐẾN 01 THÁNG 5 NĂM 1951

Hội nghị cán bộ tư pháp toàn quốc lần thứ VII

Về dự Hội nghị có 73 đại biểu của các Liên khu 4, Liên khu 3, Liên khu Việt Bắc và các cán bộ của cơ quan Trung ương Bộ Tư pháp. Tham dự Hội nghị còn có các đại biểu đại diện Hội liên hiệp phụ nữ Trung ương, Phó Đồng lý Văn phòng Bộ Nội vụ, đại diện của Thủ Tướng phủ và các đại biểu các khu, tỉnh, huyện.

Mục đích của Hội nghị là phát triển lý luận công tác với 3 phương châm làm việc, phát huy tinh thần dân chủ, thống nhất tư tưởng và trao đổi kinh nghiệm giữa địa phương với địa phương, học tập đường lối chính sách của Trung ương. Hội nghị đã thông qua dự thảo diễn văn của hội nghị gửi lên Hồ Chủ tịch,

Phó Thủ tướng, Đại tướng Võ Nguyên Giáp và cán bộ tư pháp miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ.

Trong một tháng học tập, các đại biểu tham dự Hội nghị đã tập trung nghiên cứu một số vấn đề về:

- Vai trò và nhiệm vụ của Hội thẩm nhân dân trong Tòa án;
- Tác dụng của công tác hoà giải và kế hoạch thực hiện;
- Vai trò và nhiệm vụ người bào chữa trong nền tư pháp nhân dân;
- Công việc vận động nhân dân tham gia tư pháp;
- Chỉnh đốn công việc tư pháp xã;
- Đường lối truy tố và xét xử của các Tòa án;
- Kiểm thảo công việc chính quyền năm 1950 và chương trình 1951 của Chính phủ;
- Dự án Thông tư giải thích Sắc lệnh 97 về cải cách dân luật;
- Tư pháp vùng địch...

Hội nghị cũng được nghe các báo cáo về kinh nghiệm tư pháp vùng giải phóng, kinh nghiệm phê bình và tự phê bình, vai trò và tác dụng của công đoàn công chức và kiểm thảo công tác tư pháp năm 1950.

Hội nghị đã chỉnh đốn lại những tư tưởng sai lệch, giúp cho các cán bộ nhận thức một cách đầy đủ và sâu sắc hơn tính chất, nội dung, nhiệm vụ của Cách mạng Dân tộc Dân chủ nhân dân và Mặt trận Dân tộc thống nhất. Trên cơ sở vận dụng sự kết hợp giữa lý luận với kinh nghiệm hoạt động thực tế, Hội nghị đã xây dựng được một phần lý luận công tác tư pháp tương đối có hệ thống để hướng dẫn hoạt động của cán bộ tư pháp. Hơn thế nữa, cũng qua Hội nghị, tình thân ái đoàn kết giữa các cán bộ dân cử và cán bộ chuyên trách, giữa Trung ương và địa phương cũng như giữa các cấp tư pháp được thắt chặt thêm.

*Báo cáo về huấn luyện và học tập trong năm 1951 của Phòng 3 Bộ Tư pháp;
Biên bản khai mạc Hội nghị tư pháp lần 7, Phòng PTT, Trung tâm LTQG III*

NGÀY 01 THÁNG 5 NĂM 1951

Bộ Tư pháp phát động phong trào “Rèn chỉnh”

Để triển khai kết quả của Hội nghị cán bộ toàn quốc lần VII và tiếp tục nâng cao trình độ lý luận và rèn luyện tư tưởng cho cán bộ, Bộ Tư pháp phát động phong trào “*rèn luyện tư tưởng, chỉnh đốn lề lối làm việc*” trong toàn

ngành. “*Rèn chỉnh*” căn bản là một phong trào học tập lý luận, cải tạo tư tưởng về ba điểm chính: lập trường nhân dân, lý luận công tác tư pháp pháp lý nhân dân, quan điểm nhân dân và quan điểm quần chúng. Phương pháp học tập là học tập lý luận liên hệ với thực tế, áp dụng phê bình và tự phê bình để kiểm thảo công tác cơ quan và cán bộ, rút kinh nghiệm và sửa chữa những khuyết điểm về tư tưởng và lề lối làm việc.

Phong trào “*Rèn chỉnh*” đã được các Liên khu hưởng ứng thực hiện nhất là ở miền Nam Trung Bộ. Qua thực hiện phong trào này đa số các cán bộ đã tương đối nắm được những chủ trương, chính sách của Chính phủ, ý thức phục vụ nhân dân rõ ràng thêm và lề lối làm việc đã bớt quan liêu, hình thức, giấy tờ.

*Báo cáo về huấn luyện và học tập trong năm 1951 của Phòng 3 Bộ Tư pháp,
Phòng PTT, Trung tâm LTQG III*

NGÀY 12 THÁNG 6 NĂM 1951

Bộ Tư pháp và Bộ Nội vụ ban hành Nghị định số 181-NV-6 ấn định những chi tiết về sự thiết lập, tổ chức và kiểm soát trại giam

Theo quy định tại Nghị định này thì ở mỗi tỉnh hoặc một thành phố có một trại giam để giam giữ những phạm nhân thành án về tội chính trị hay tội thường; những người bị quyết nghị đưa an trí và những bị cáo bị giam giữ về tội chính trị hay tội thường.

Trong thời gian bị giam cầm, phạm nhân được ăn đủ theo mức sống tối thiểu, tùy theo hoàn cảnh kinh tế của mỗi địa phương; được đọc sách báo học tập về văn hoá, chính trị, hướng dẫn về tăng gia sản xuất... và phải lao động một ngày 9 giờ, kể cả thời giờ đi về, trừ ngày chủ nhật, ngày lễ hoặc khi đau ốm.

Mỗi trại giam do một Ban Giám thị phụ trách gồm có: một Chánh Giám thị, một hoặc hai Phó Giám thị.

Công báo nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà số 5 và 6 năm 1951, tr. 80 - 81

NGÀY 23 THÁNG 8 NĂM 1951

Trình Chủ tịch nước dự án Sắc lệnh sửa đổi chế định Hội thẩm nhân dân

Xuất phát từ thực tế việc áp dụng Sắc lệnh số 85-SL ngày 22/5/1950 thiết lập các Tòa án nhân dân và quy định chế độ Hội thẩm nhân dân đã có một số bất cập. Để phù hợp với chính sách biên chế mới của Chính phủ và đồng thời để phát triển tính chất nhân dân của chế định Hội thẩm nhân dân, liên Bộ Nội vụ, Bộ Tư pháp

và Bộ Tài chính đã trình Chủ tịch nước Dự án Sắc lệnh sửa đổi chế định Hội thẩm nhân dân. Dự án Sắc lệnh đề nghị sửa đổi một số điểm của Sắc lệnh số 85-SL như: Vấn đề bầu cử, bãi miễn Hội thẩm nhân dân; số lượng Hội thẩm nhân dân trong Hội đồng xét xử; và chế độ lương, phí của Hội thẩm nhân dân.

*Phiếu gửi Thủ trưởng, Tổng thư ký Hội đồng Chính phủ ngày 23/8/1951;
Dự án Sắc lệnh và Tờ trình - Phòng PTT, Trung tâm LTQG III*

NGÀY 26 THÁNG 11 NĂM 1951

Thủ tướng Chính phủ ban hành Nghị định số 133-TTg thành lập Toà án nhân dân Liên khu V

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tư pháp, Thủ tướng Chính phủ ban hành Nghị định số 133-TTg thành lập tại miền Nam Trung Bộ một Toà án nhân dân liên khu, lấy tên là Toà án nhân dân Liên khu V. Nghị định này điều chỉnh việc thành lập tạm thời Toà án nhân dân Liên khu V do Nghị định số 1.601 MN-5 ngày 04/7/1951 của Ủy ban kháng chiến hành chính miền Nam Trung Bộ.

Công báo nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà số 11 năm 1951, tr. 201

Thủ tướng Chính phủ ban hành Nghị định số 134-TTg thành lập Toà án nhân dân Liên khu III

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tư pháp, Thủ tướng Chính phủ ban hành Nghị định số 134-TTg thành lập tại Liên khu III một Toà án nhân dân liên khu.

Công báo nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà số 11 năm 1951, tr. 201

CUỐI NĂM 1951

Bộ Tư pháp cử cán bộ đi thực tập ở các địa phương

Bộ Tư pháp cử một số cán bộ phụ trách đi thực tập ở các tỉnh và huyện vùng tự do và vùng bị địch chiếm trong các Liên khu Việt Bắc và Liên khu IV. Việc cử cán bộ đi thực tập nhằm mục đích chính là giúp cho cán bộ rèn luyện bản thân, cọ sát và đưa lý luận áp dụng vào công tác thực tế, học tập quan điểm quần chúng. Hơn thế nữa việc đi thực tế của cán bộ còn giúp cho Bộ có thêm tài liệu để hiểu thêm tình hình địa phương. Trên cơ sở đó, lãnh đạo địa phương được sát hơn.

*Báo cáo về việc xây dựng tổ chức, quản trị bộ máy tư pháp
trong năm 1951, Phòng PTT, Trung tâm LTQG III*

NĂM 1952

NGÀY 05 THÁNG 02 NĂM 1952

Bộ Tư pháp ban hành Thông tư số 1P-4 sửa đổi chế định Hội thẩm nhân dân và quy định quyền hạn, nhiệm vụ và lễ lối làm việc của Hội thẩm nhân dân các cấp

Kiểm thảo việc thực hiện chế định Hội thẩm nhân dân trong năm 1950, Hội nghị cán bộ tư pháp toàn quốc lần thứ VII, họp tháng 4 năm 1951 đã nhận định: *nhiều địa phương có sự sai lệch trong việc thực hiện chế định này, nhất là về phương diện lễ lối làm việc của Hội thẩm nhân dân trong Tòa án nhân dân.* Trước thực tế này, theo đề nghị của Bộ Tư pháp, tại phiên họp tháng 9 năm 1951, Hội đồng Chính phủ đã thông qua việc sửa đổi lại bộ phận chế định Hội thẩm nhân dân để phát triển tính chất nhân dân của chế định.

Thi hành quyết nghị này và căn cứ vào ý kiến của Hội nghị cán bộ tư pháp lần thứ VII, ngày 05/02/1952, Bộ Tư pháp ban hành Thông tư số 1P-4 quy định cụ thể về nội dung nhiệm vụ và quyền hạn của Hội thẩm nhân dân khu, tỉnh và Hội thẩm nhân dân huyện.

Công báo nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà số 2 năm 1952, tr. 18 - 21

Liên Bộ Tài chính - Tư pháp ban hành Thông tư số 3P-4 về cấp phí của Hội thẩm nhân dân

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tư pháp, Hội đồng Chính phủ trong phiên họp tháng 9 năm 1951 đã quy định lại phí cấp cho Hội thẩm nhân dân các cấp. Ngày 05/02/1952, Bộ Tài chính và Bộ Tư pháp ban hành Thông tư liên bộ để ấn định chi tiết thi hành cụ thể về định xuất cấp phí và trường hợp cấp phí đối với Hội thẩm nhân dân.

Công báo nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà số 2 năm 1952, tr. 22

GIỮA THÁNG 02 NĂM 1952

Hội đồng Chính phủ quyết định bộ máy các bộ trong đó có Bộ Tư pháp

Theo đó, Bộ Tư pháp sẽ bao gồm Văn phòng, Phòng Hành chính Tư pháp, Vụ Hình hộ và Ban Nghiên cứu pháp luật.

*Biên bản Hội đồng Chính phủ, tháng 02 năm 1952,
Phòng PTT, Trung tâm LTQG III*

THÁNG 4 NĂM 1952

Hội nghị tư pháp Việt Bắc

Qua Hội nghị này, quan niệm về một số công tác chính của tư pháp như trấn áp phản cách mạng, duy trì trật tự an ninh... đã được thảo luận và khẳng định vững chắc hơn, sát với nhu cầu kháng chiến và thực tế đấu tranh của nhân dân.

*Báo cáo về hoạt động của Ngành Tư pháp 6 tháng đầu năm 1952,
Phòng PTT, Trung tâm LTQG III*

NGÀY 10 THÁNG 5 NĂM 1952

Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Nghị định số 48-NĐ/P2 về tổ chức cơ quan Trung ương Bộ Tư pháp

Nghị định quy định: cơ quan Trung ương Bộ Tư pháp gồm có Văn phòng, Vụ Hành chính Tư pháp, Vụ Hình hộ và Ban Nghiên cứu pháp luật.

Văn phòng phụ trách công việc văn thư chung, kế toán, cán bộ, quản lý, cấp dưỡng, tiếp tân, khánh tiết và các việc không thuộc các bộ phận khác.

Vụ Hành chính Tư pháp phụ trách công việc tổ chức và xây dựng bộ máy tư pháp (Toà án các cấp, tư pháp xã, tư pháp vùng địch, chế định Hội thẩm nhân dân, người bào chữa v.v...) trại giam, giáo hoá phạm nhân.

Vụ Hình hộ phụ trách nghiên cứu và đề nghị đường lối truy tố xét xử và hoà giải, rút kinh nghiệm, xây dựng án lệ, giải thích pháp luật áp dụng trước Toà án.

Ban Nghiên cứu pháp luật nghiên cứu và dự thảo các luật lệ, tham gia ý kiến vào các dự án luật lệ của các bộ khác, phổ biến các tài liệu pháp lý dân chủ mới.

Các cơ quan Trung ương (Văn phòng, Vụ, Ban) đều làm việc trực tiếp với Bộ trưởng, Thứ trưởng.

Văn phòng có một Chánh văn phòng điều khiển và nếu cần một Phó Văn phòng giúp việc; Vụ Hành chính Tư pháp và Vụ Hình hộ, mỗi Vụ có một Giám

đốc điều khiển và nếu cần một Phó Giám đốc giúp việc; Ban Nghiên cứu pháp luật có một Trưởng ban và nếu cần một Phó Trưởng ban giúp việc.

Hồ sơ số 1143, Trung tâm LTQG III, Phòng Phủ Thủ tướng

NGÀY 04 THÁNG 6 NĂM 1952

Bộ trưởng Bộ Nội vụ và Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Nghị định số 248-HC-ND cho Uỷ ban kháng chiến hành chính Liên khu Việt Bắc có thể uỷ quyền cho Tòa án nhân dân tỉnh xét xử một số vụ phạm pháp về chính trị

Theo đề nghị của Tòa án nhân dân và Uỷ ban kháng chiến hành chính Liên khu Việt Bắc, Bộ trưởng Bộ Nội vụ và Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Nghị định số 248-HC-ND. Nghị định quy định: Uỷ ban kháng chiến hành chính Liên khu Việt Bắc, theo đề nghị của Tòa án nhân dân Liên khu, có thể uỷ quyền cho một số Tòa án nhân dân tỉnh trong Liên khu được truy tố và xét xử trong một thời gian nhất định, một số vụ phạm pháp về chính trị thuộc thẩm quyền Tòa án nhân dân Liên khu Việt Bắc.

Để giải thích về việc thi hành Nghị định số 248-HC-ND, cùng ngày Bộ trưởng Bộ Nội vụ và Bộ trưởng Bộ Tư pháp cũng đã ban hành Thông tư số 249-KHH-TT, trong Thông tư này lưu ý mấy điểm sau:

1. Tuy đã uỷ quyền nhưng Uỷ ban Kháng chiến hành chính Liên khu theo đề nghị của Tòa án nhân dân Liên khu cũng có thể lấy lại việc để giao cho Tòa án nhân dân Liên khu truy tố và xét xử nếu thấy việc trở nên quan trọng. Mặt khác, Uỷ ban kháng chiến hành chính Liên khu theo đề nghị của Tòa án nhân dân Liên khu cũng có thể uỷ thêm cho Tòa án nhân dân tỉnh truy tố và xét xử những việc không còn quan trọng nữa.

2. Tòa án nhân dân Liên khu phải theo dõi sát công việc truy tố và xét xử của các Tòa án nhân dân tỉnh về các việc chính trị đã uỷ quyền để án lệ được thống nhất trong Liên khu.

Công báo nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà số 5 năm 1952, tr. 77

NGÀY 05 THÁNG 6 NĂM 1952

Bộ Tư pháp trình Chủ tịch nước và Ban Thường vụ Quốc hội về vấn đề định chính sách đối với những hoạt động phương hại đến nền độc lập quốc gia, phá hoại kháng chiến, phản cách mạng

Tờ trình nêu rõ: ngay sau Cách mạng tháng Tám thành công và ngày chính

quyền nhân dân thành lập, Chính phủ đã đặt ra Toà án Quân sự và chế độ đưa đi an trí, để đối phó với những hành động phá hoại nền độc lập quốc gia và chính thể dân chủ cộng hoà và những phần tử nguy hiểm cho nền trật tự mới. Tuy nhiên, trước mưu mô chia rẽ thâm độc của giặc, lấy chiến tranh nuôi chiến tranh, dùng người Việt đánh người Việt thì những phương sách trên xét không đủ để giải quyết toàn diện vấn đề phá âm mưu của giặc lợi dụng thế lực phản cách mạng trong nước bởi vì:

1. Giải quyết bằng những phương sách trên là mới chỉ dùng về mặt trừng trị, thiếu sót hẳn mặt giáo dục, vận động cách mạng và vì chỉ dùng phương sách ấy nên đối tượng chính là nhằm vào số nhân dân phạm lỗi, quên mất kẻ thù chính là địch, thực dân và đế quốc.

2. Giải quyết như thế là mới chỉ đặt vấn đề hoàn toàn tư pháp mà sự thực đây là vấn đề chính trị, sách lược đấu tranh cách mạng, do vậy mà từ trước tới nay các cấp chính quyền, kể cả Chính phủ, Trung ương hầu như khoán công việc cho các cấp cơ quan chuyên môn phụ trách: tư pháp và công an thiếu sự theo dõi và lãnh đạo chặt chẽ, thiếu sự tham gia của quần chúng nhân dân trong việc trấn áp phản Cách mạng.

3. Ngay cả việc chỉ dùng về mặt tư pháp và chỉ nhằm trừng trị thì chính sách cũng chưa được rõ ràng, cụ thể nên Toà án Quân sự mỗi nơi xét xử một lối, không căn cứ vào phương châm chắc chắn.

Để giải quyết các vấn đề trên, trong Tờ trình và bản Đề án kèm theo, Bộ Tư pháp đề nghị:

1. Chính sách chống những hoạt động phản cách mạng phải nhằm đối tượng chính là địch, phải nhằm phá âm mưu của địch lợi dụng thế lực phản cách mạng và như thế thì vấn đề chống phản cách mạng, căn bản là vấn đề tranh thủ nhân dân với địch, tranh thủ bằng cách giác ngộ, vận động giáo dục cách mạng cho nhân dân để củng cố khối đoàn kết kháng khí. Có trừng trị bọn Việt gian đầu sỏ làm tay sai cho địch cũng là nhằm giáo dục nhân dân để tranh thủ nhân dân.

2. Quan niệm vấn đề như thế thì việc phá âm mưu của địch lợi dụng thế lực phản cách mạng là một cuộc vận động nhân dân đấu tranh cách mạng. Do đây, ta thấy lực lượng chính là nhân dân và trách nhiệm lãnh đạo chính là các cấp chính quyền và đoàn thể. Sự lãnh đạo ấy, dĩ nhiên là phải đi đúng đường lối quần chúng.

Hồ sơ số 414, Phòng Quốc hội, Trung tâm LTQG III

NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 1952

Bộ Nội vụ và Bộ Tư pháp ban hành Nghị định số 376 ủy quyền quyết định việc giao cho Tòa án nhân dân tỉnh truy tố và xét xử những vụ phạm pháp chính trị thuộc thẩm quyền Tòa án nhân dân Liên khu cho Ủy ban kháng chiến hành chính các Liên khu

Theo đó, Nghị định quy định: Ủy cho các Ủy ban kháng chiến hành chính Liên khu Việt Bắc, III, IV, miền Nam Trung Bộ quyền quyết định về việc giao cho Tòa án nhân dân tỉnh truy tố và xét xử những vụ phạm pháp chính trị thuộc thẩm quyền Tòa án nhân dân Liên khu. Trong quyết nghị ủy quyền Ủy ban kháng chiến hành chính Liên khu theo đề nghị của Tòa án nhân dân Liên khu sẽ định rõ ủy quyền cho Tòa án nhân dân tỉnh nào, trong một thời gian bao nhiêu và đối với một việc nào, hoặc những loại việc nào, hay toàn bộ các việc. Mỗi khi ra quyết nghị Ủy ban Liên khu báo cáo ngay lên Liên bộ. Các Tòa án nhân dân tỉnh được ủy quyền sẽ xử chung thẩm như Tòa án nhân dân Liên khu và đặt dưới quyền kiểm soát của Tòa án nhân dân Liên khu và bất cứ lúc nào, Tòa án nhân dân Liên khu cũng có thể lấy lại một hay nhiều việc đã ủy cho Tòa án nhân dân tỉnh về để xử tại cấp khu.

Công báo nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa số 6 năm 1952, tr. 106

NĂM 1953

NGÀY 30 THÁNG 3 NĂM 1953

**Bộ Tư pháp ban hành Nghị định số 23-ND-CB uỷ quyền quản trị nhân viên
Ngành Tư pháp cho các Uỷ ban kháng chiến hành chính Liên khu**

Nghị định quy định: Uỷ quyền cho Uỷ ban kháng chiến hành chính các Liên khu Việt Bắc, III, IV, Tả ngạn và Tây Bắc quản trị nhân viên Ngành Tư pháp thuộc các ngạch (Giám sự, Kiểm sự, Tham sự, Cán sự, Tá sự) trong phạm vi liên khu, trừ các quyền sau:

1. Tuyển dụng, chỉ thị, chuyển chuyển, bãi chức, cách chức, cho từ chức, cho về hưu, cho nghỉ dài hạn, biệt phái, để ra ngoài ngạch, khen thưởng và thi hành kỷ luật các chức vụ Chánh án, Hội thẩm chuyên môn, Công tố uỷ viên, Phó công tố uỷ viên các Tòa án nhân dân Liên khu, tỉnh và các Tòa án nhân dân vùng tạm chiếm.

2. Chuyển chuyển nhân viên thuộc tất cả các ngạch (Giám sự, Kiểm sự, Tham sự, Cán sự, Tá sự từ khu này sang khu khác và từ các khu về Trung ương).

Công báo nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà số 3 năm 1953, tr. 39

NGÀY 02 THÁNG 5 NĂM 1953

Toà án nhân dân Liên khu III triệu tập Hội nghị học tập tư pháp

Hội nghị được tổ chức từ ngày 02 đến ngày 13/5/1953. Mục đích của Hội nghị là nhằm giúp cán bộ nhận thức rõ tính chất phản đế và phản phong, xác định rõ lập trường thái độ và nhiệm vụ của cán bộ tư pháp trong cuộc phát động quần chúng nông dân đấu tranh thi hành chính sách ruộng đất. Tham dự Hội nghị có các cán bộ là Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân và cán sự Văn phòng Tòa án nhân dân liên khu cùng với cán bộ tỉnh và huyện trong liên khu.

*Báo cáo tình hình cán bộ tư pháp trong năm 1953,
Phòng PTT, Trung tâm LTQG III*

NGÀY 11 THÁNG 5 NĂM 1953

Thủ tướng Chính phủ ban hành Nghị định số 264-TTg quy định chi tiết thi hành các Sắc lệnh số 149-SL, 150-SL và 151-SL ngày 12/4/1953

Nghị định này do Liên bộ Nội vụ - Tư pháp soạn thảo. Nghị định quy định chi tiết về tội phạm và hình phạt; về việc xét xử, tổ chức, duyệt án và thi hành án của Tòa án nhân dân đặc biệt.

Công báo nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa số 5 năm 1953, tr. 67 - 69

THÁNG 6 NĂM 1953

Hội nghị cán bộ tư pháp Khu Tả Ngạn

Hội nghị diễn ra trong 7 ngày vào tháng 6 năm 1953 với mục đích trau dồi thêm về nghiệp vụ và củng cố tinh thần cho cán bộ. Tham dự Hội nghị có các cán bộ Tòa án nhân dân tỉnh vùng tạm chiếm, các Thẩm phán và Lục sự Tòa án nhân dân huyện.

*Báo cáo tình hình cán bộ tư pháp trong năm 1953,
Phòng PTT, Trung tâm LTQG III*

NGÀY 01 THÁNG 8 ĐẾN 31 THÁNG 10 NĂM 1953

Bộ Tư pháp mở lớp huấn luyện cán bộ huyện cho vùng căn cứ du kích ở Tả Ngạn và Liên khu Việt Bắc

Tham dự lớp huấn luyện có 25 học viên, được lấy trong các cán bộ chính trị cấp xã có công tác thực tế ở địch hậu, thành phần cơ bản đa số là bản nông.

Nội dung huấn luyện tập trung vào 2 phần:

- *Phần chính trị*: Cách mạng Việt Nam; tình hình và nhiệm vụ, phát động quần chúng thực hiện chính sách ruộng đất.

- *Phần chuyên môn*: Phương châm công tác vùng địch; chính sách trừng trị Việt gian phản động và trừng trị địa chủ cường hào chống pháp luật và Tòa án nhân dân đặc biệt.

Qua lớp học này, các học viên đã xác định được lập trường, phân rõ được địch, bạn, ta, nâng cao nhận thức về đường lối cách mạng, tư tưởng trường kỳ kháng chiến, tự lực cánh sinh; nhận thức rõ tính chất đấu tranh giai cấp trong công tác tư pháp, xác định được nhiệm vụ chính của tư pháp là trấn áp Việt gian phản động mà chủ yếu là gián điệp, do thám và trừng trị địa chủ cường hào chống

pháp luật; có quan niệm đúng về trừng trị và giáo dục, nhận thức rõ chính sách và sách lược trấn áp và khoan hồng.

*Báo cáo tình hình cán bộ tư pháp trong năm 1953,
Phòng PTT, Trung tâm LTQG III*

NGÀY 10 THÁNG 8 NĂM 1953

Liên khu V tổ chức Hội nghị học tập tư pháp

Hội nghị được tổ chức từ ngày 10 đến 17/8/1953. Mục đích của Hội nghị là kiểm điểm lập trường tư tưởng chính trị, tinh thần trách nhiệm qua việc tổng kết kiểm thảo Hội nghị cán bộ chính quyền Liên khu lần thứ 7; kiểm điểm việc thực hiện công tác trong 6 tháng đầu năm và đề ra nhiệm vụ 6 tháng cuối năm của Liên khu đảm bảo có kết hợp công tác tư pháp với trọng tâm công tác của Liên khu.

Tham dự Hội nghị gồm có 18 Hội thẩm nhân dân từ huyện đến khu, 40 cán bộ chuyên môn huyện, tỉnh, khu và hai uỷ viên phụ trách công tác tư pháp.

*Báo cáo tình hình cán bộ tư pháp trong năm 1953,
Phòng PTT, Trung tâm LTQG III*

NGÀY 20 THÁNG 11 NĂM 1953

Bộ Tư pháp, Bộ Nội vụ và Bộ Tài chính ban hành Nghị định liên bộ số 58-HC-TP ấn định cấp phí cho Hội thẩm nhân dân các Toà án nhân dân

Nghị định quy định: các Hội thẩm nhân dân khu và Hội thẩm nhân dân tỉnh làm việc thường trực tại các Toà án được hưởng cấp phí hàng tháng. Hội thẩm nhân dân thường trực được cử làm Chánh án sẽ được hưởng phí chức vụ bằng Giám đốc khu nếu là cấp khu, bằng trưởng ty chuyên môn nếu là cấp tỉnh.

Các Hội thẩm nhân dân khu, Hội thẩm nhân dân tỉnh và Hội thẩm nhân dân huyện không làm việc thường trực ở Toà án, chỉ đến dự phiên toà, hoặc đến làm việc tại các Toà án một số ngày trước hay sau phiên toà, được hưởng cấp phí hàng ngày.

Đại biểu các đoàn thể nhân dân hoặc công dân khác, trong trường hợp bất thường, được mời làm Hội thẩm nhân dân tại Toà án cấp nào thì hưởng cấp phí và phụ cấp vắng phần như Hội thẩm nhân dân không thường trực ở cấp đó.

Công báo nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà số 11 năm 1953, tr. 137 - 138

Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Thông tư số 4-HC-TP sửa đổi cấp phí của các Hội thẩm nhân dân các cấp

Thông tư giải thích và hướng dẫn một số điểm trong Nghị định liên bộ số 58-HC-TP ngày 20/11/1953 ấn định cấp phí cho Hội thẩm nhân dân các Tòa án nhân dân. Thông tư nêu rõ: Hội thẩm nhân dân thường trực là những Hội thẩm nhân dân làm việc một cách thường xuyên suốt tháng cho Tòa án. Hội thẩm nhân dân thường trực khu và tỉnh sẽ do Ủy ban kháng chiến hành chính khu ra quyết nghị công nhận rồi báo cáo lên Bộ.

Mỗi Tòa án tỉnh chỉ nên có một hoặc hai Hội thẩm nhân dân, tùy tòa án ít hay nhiều việc. Còn Tòa án nhân dân Liên khu có thể có tới ba Hội thẩm nhân dân thường trực.

Công báo nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà số 11 năm 1953, tr. 139 - 140

NĂM 1954

NGÀY 15 THÁNG 3 NĂM 1954

Bộ trưởng Bộ Tư pháp tham gia Ủy ban cải cách ruộng đất Trung ương

Trong phiên họp ngày 15/3/1954, Hội đồng Chính phủ thông qua hai bản Điều lệ tổ chức Ủy ban cải cách ruộng đất Trung ương và Ủy ban cải cách ruộng đất khu, tỉnh. Cũng trong phiên họp này, Hội đồng Chính phủ đã ấn định thành phần Ủy ban cải cách ruộng đất Trung ương trong đó có ông Vũ Đình Hoè - Bộ trưởng Bộ Tư pháp.

Công báo nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà số 7 năm 1954, tr. 38

NGÀY 18 THÁNG 3 NĂM 1954

Chủ tịch phủ thông báo tới Bộ Tư pháp ý kiến của Chủ tịch Hồ Chí Minh về công tác xét xử của các Tòa án

Công văn số 918/CT-P4A của Chủ tịch phủ do Thứ trưởng, Tổng Thư ký Hội đồng Chính phủ Cù Huy Cận ký có nội dung như sau:

“Sau khi xét các việc phạm pháp và những trường hợp được giảm nhẹ của các phạm nhân, Ủy ban kháng chiến Liên khu Việt Bắc nhận thấy Tòa án đã lên án tử hình cả là quá nặng và có đề nghị giảm án [...].

Chúng tôi đã đệ trình Hồ Chủ tịch, theo ý Người thì:

1. Tội của các can phạm cũng chưa đáng xử tử hình.
2. Tòa án nhân dân tỉnh lên án quá nặng vì không nắm vững đường lối xét xử.
3. Ủy ban kháng chiến hành chính tỉnh đã thiếu sót trong việc lãnh đạo Tòa án trong việc xét xử hoặc đã không chú ý đến việc này.

Thừa lệnh Hồ Chủ tịch, chúng tôi xin chuyển 4 hồ sơ kèm theo để Bộ giao cho Tòa án nhân dân Liên khu Việt Bắc xét xử lại và đề nghị Bộ ra chỉ thị cần thiết cho các Tòa án nhân dân Liên khu và tỉnh để việc lên án tử hình từ nay được thận trọng hơn.”

Biên niên lịch sử Văn phòng Chính phủ - Tập 1, Nxb. Tư pháp, tr. 553 - 554

NGÀY 06 ĐẾN NGÀY 26 THÁNG 4 NĂM 1954

Hội nghị tư pháp toàn quốc lần thứ VIII

Hội nghị diễn ra từ ngày 06 đến ngày 26/4/1954. Tham dự Hội nghị có 90 đại biểu là các cán bộ chuyên môn, cán bộ chính trị và cán bộ Trung ương, Khu, tỉnh và huyện (Việt Bắc, Tây Bắc, Tả Ngạn, Liên khu III, IV và V).

Tại Hội nghị các đại biểu đã tập trung nghiên cứu và thảo luận một số vấn đề về chính sách trừng trị, kết hợp với việc liên hệ kiểm thảo đường lối truy tố xét xử nhằm hiểu sâu thêm về chính sách này, đồng thời rút kinh nghiệm để phát triển một số điểm căn bản của chính sách; học tập chính sách cải cách ruộng đất nhằm nâng cao tư tưởng chính sách và củng cố lập trường giai cấp.

Căn cứ vào nhận thức về nhiệm vụ công tác, các đại biểu cấp Liên khu đã cùng với Bộ đề ra một số việc cấp bách phải làm đó là:

1. Các cấp khu và tỉnh cùng với các Ban Nội chính đặt kế hoạch đánh địch qua một số vụ án quan trọng nhằm phục vụ yêu cầu đấu tranh của nhân dân ở địa phương. Báo cáo thỉnh thị kịp thời lên cấp trên về những vụ án này.

2. Đưa cán bộ nhân viên tham gia vào các đợt phát động quần chúng giảm tô và cải cách ruộng đất để giáo dục cải tạo họ.

3. Tổ chức học tập “*chính sách trừng trị*” theo quan điểm và phương pháp đã thực hiện ở Hội nghị toàn quốc. Mỗi khu kiểm thảo một vụ án quan trọng.

4. Thảo luận một số điểm căn bản về chính sách trừng trị để trình Ban Nội chính Chính phủ.

*Báo cáo của Bộ Tư pháp về kết quả Hội nghị tư pháp năm 1954,
Phòng PTT, Trung tâm LTQG III*

NĂM 1955

NGÀY 19 THÁNG 01 NĂM 1955

Thủ tướng Chính phủ ban hành Thông tư số 442-TTg về việc trừng trị một số tội phạm

Thông tư này được gửi tới Bộ trưởng Bộ Tư pháp, Bộ trưởng Bộ Công an, Chủ tịch Ủy ban hành chính các Liên khu và Hà Nội.

Nội dung Thông tư nêu rõ, hiện tại án lệ còn khác nhau giữa các địa phương, đường lối xét xử do đó không được thống nhất, rõ ràng và có nơi không đúng, cần phải thống nhất những án lệ ấy để hướng dẫn các Tòa án trừng trị một số tội phạm thông thường.

Biên niên lịch sử Văn phòng Chính phủ - Tập II, Nxb. Tư pháp, tr. 11

NGÀY 20 ĐẾN 26 THÁNG 3 NĂM 1955

Quốc hội khoá I kỳ họp thứ tư thông qua Nghị quyết tán thành những điều bổ sung về cải cách ruộng đất của Chính phủ

Những điều bổ sung này nhằm đặt cơ sở pháp lý cho việc triển khai cải cách ruộng đất trên quy mô lớn ở miền Bắc trong điều kiện mới. Một trong những điểm bổ sung đó là: dùng hình thức Tòa án thay cho những cuộc đại hội đấu tranh của nông dân...

Lịch sử Quốc hội Việt Nam 1946-1960, tr. 155

NGÀY 02 THÁNG 4 NĂM 1955

Bộ trưởng Bộ Tư pháp và Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 3-TT/VHC sửa đổi tạm thời các án phí, lệ phí đối với việc hộ

Án phí, lệ phí thu trước Tòa án của Chính phủ Pháp và Bảo Đại quá nặng và rất phức tạp (có nhiều khoản thu, có khoản do Sở trước bạ thu, có khoản do Phòng trích lục sự của Tòa án thu). Trong khi chờ đợi xét lại toàn bộ vấn đề án phí, lệ phí, cần có một biện pháp tạm thời để giải quyết các khoản thu được đơn giản, khỏi phiền phức cho nhân dân và để thi hành được thuận lợi, không quá tổn phí cho

đương sự đồng thời cũng đảm bảo được nguồn thu cho ngân sách. Xuất phát từ thực trạng đó, Bộ trưởng Bộ Tư pháp và Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 3-TT/VHC sửa đổi tạm thời các án phí, lệ phí đối với việc hộ.

Công báo nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà số 7 năm 1955, tr. 107

NGÀY 04 THÁNG 4 NĂM 1955

Thành lập Hội Luật gia Việt Nam

Chiều theo Sắc lệnh số 52 ngày 22/4/1946 quy định việc thành lập Hội và Đơn số 5-LG ngày 10/3/1955 của Hội Luật gia Việt Nam, Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Nghị định số 130 NV/ĐC/NĐ thành lập Hội Luật gia Việt Nam. Hội Luật gia Việt Nam được phép thành lập và hoạt động trong phạm vi luật lệ hiện hành và điều lệ của Hội.

Chủ tịch Hội Luật gia là ông Phan Anh - Bộ trưởng Bộ Kinh tế (sau là Bộ Ngoại thương). Ba Phó Chủ tịch là ông Phạm Văn Bạch, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao; ông Hoàng Quốc Việt, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao và ông Vũ Đình Hoè, Bộ trưởng Bộ Tư pháp. Tổ trưởng Tổ thư ký là ông Trần Công Tường - Thứ trưởng Bộ Tư pháp.

Công báo nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà số 6 năm 1955, tr. 104

NGÀY 21 ĐẾN NGÀY 24 THÁNG 4 NĂM 1955

Hội nghị tư pháp Liên khu III

Tại Hội nghị, các đại biểu đã tham gia thảo luận tổ, nghe báo cáo điển hình và liên hệ kiểm điểm công tác. Qua Hội nghị, các đại biểu đã được nâng cao một bước nhận thức đối với âm mưu thâm độc và hoạt động của bọn phản cách mạng trong giai đoạn hiện tại; xác nhận một cách rõ ràng, đầy đủ hơn nhiệm vụ trọng tâm của Ngành Tư pháp từ sau hoà bình được lập lại. Hội nghị cũng đã tìm ra và phân tích khá sâu sắc căn bệnh nghiêm trọng của cán bộ ta - bệnh hữu khuynh, mà căn nguyên của nó xuất phát từ tư tưởng yên nghỉ trên hoà bình và từ ý thức đấu tranh chính trị yếu ớt, trên cơ sở đó đã nâng cao được một bước tinh thần cảnh giác trước âm mưu hoạt động của bọn phản cách mạng, nâng cao ý chí phấn đấu, tinh thần đấu tranh cách mạng, tinh thần tiến công địch; trách nhiệm của Ngành Tư pháp trong cuộc đấu tranh chính trị nhằm củng cố hoà bình, thực hiện thống nhất, hoàn thành độc lập và dân chủ.

Nội san Tư pháp số 2 năm 1955, tr. 33

NGÀY 19 THÁNG 5 NĂM 1955

Khai giảng lớp huấn luyện tư pháp cho cán bộ huyện

Lớp huấn luyện tư pháp cho cán bộ huyện khai giảng ngày 19/5/1955 và bế giảng vào ngày 03/7/1955.

Lớp huấn luyện được mở với mục đích đào tạo các cán bộ trong và ngoài ngành để kịp thời bổ sung lực lượng cán bộ tư pháp cho các địa phương, nhất là các Tòa án huyện. Đồng thời, đào tạo một số cán bộ miền Nam trở thành cán bộ tư pháp, trước mắt phục vụ miền Bắc và sau này trở về miền Nam đảm đương công tác tư pháp. Tham gia lớp học có 39 cán bộ miền Nam và 58 cán bộ miền Bắc. Trong lễ bế mạc lớp học đã có sự chứng kiến của Bộ trưởng, Thứ trưởng Bộ Tư pháp, đại diện Hội Luật gia Việt Nam và các cán bộ của Bộ Tư pháp, Tòa án Hà Nội.

Nội san Tư pháp số 2 năm 1955, tr. 55

NGÀY 10 THÁNG 6 NĂM 1955

Bộ Tư pháp và Bộ Tài chính ban hành Nghị định số 12-NĐ/VHC ấn định cấp phí hàng ngày cho những người được cử ra bào chữa cho bị can trước Tòa án

Theo đó, người bào chữa do ông Chánh án cử ra bên vực cho bị can sẽ được hưởng cấp phí hàng ngày. Người bào chữa được hưởng cấp phí trong những ngày làm việc cho Tòa án, kể cả thời gian dùng để chuẩn bị cho việc bào chữa, ngoài ra còn được hưởng phụ cấp vắng phần theo chế độ hiện hành cho công nhân viên của Chính phủ. Các cán bộ đoàn thể nhân dân và các cán bộ chính quyền đã có sinh hoạt phí hoặc lương hàng tháng, được mời làm người bào chữa, không được hưởng cấp phí thêm về việc bào chữa.

Công báo nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà số 10 năm 1955, tr. 149 - 150

NGÀY 14 THÁNG 6 NĂM 1955

Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh số 233-SL sửa đổi Sắc lệnh số 150-SL ngày 12/4/1953 thành lập các Tòa án nhân dân đặc biệt ở những nơi phát động quần chúng

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tư pháp và Ủy ban cải cách ruộng đất Trung ương, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh sửa đổi Điều 3 và Điều 4 Sắc lệnh số 150-SL ngày 12/4/1953. Theo đó:

- Điều 3 Sắc lệnh này được sửa đổi: “Thành lập Tòa án nhân dân đặc biệt tỉnh

ở những tỉnh có phát động quần chúng giảm tô hoặc cải cách ruộng đất. Tòa án nhân dân đặc biệt tỉnh gồm 1 Chánh án, 2 Phó Chánh án và từ 7 đến 10 Thẩm phán. Việc thành lập Tòa án nhân dân đặc biệt tỉnh do Ủy ban hành chính tỉnh đề nghị và Ủy ban hành chính Liên khu duyệt y”.

- Điều 4 được sửa đổi: “Khi phiên tòa đến xã nào xử thì lấy thêm 5 đại biểu nông dân của xã đó. Số đại biểu này do Hội nghị đại biểu nông dân xã bầu ra và phải là bản cố trung nông; số bản cố nông phải nhiều hơn trung nông. Các đại biểu này có quyền hạn và nhiệm vụ của những Thẩm phán. Thẩm phán do Tòa án tỉnh cử đến sẽ chủ tọa và điều khiển phiên tòa”.

Công báo nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà số 10 năm 1955, tr. 142

NGÀY 01 THÁNG 7 NĂM 1955

Bộ Tư pháp ban hành Thông tư số 20 TT/VHH phổ biến một bản án về đánh bạc

Thông tư phổ biến chủ trương xét xử đối với các vụ đánh bạc và một bản án của Tòa án nhân dân sơ thẩm Hà Nội xử một vụ đánh bạc xảy ra tại phố Nam Ngự (Hà Nội). Đồng thời, cũng đưa ra một vài nhận xét để các Tòa án làm tài liệu nghiên cứu.

Nội san Tư pháp số 2 năm 1955, tr. 24 - 28

NGÀY 04 THÁNG 7 NĂM 1955

Bộ Tư pháp ban hành Thông tư số 23-TT/VHH ấn định nội dung báo cáo tình hình phản cách mạng

Sau khi kiểm điểm về việc thực hiện công tác báo cáo của các Khu, những khuyết điểm cần chấn chỉnh và để Bộ có thể theo dõi chỉ đạo sát và cụ thể về đường lối trấn áp cho các địa phương, Bộ yêu cầu các Khu và Tỉnh: “*Cần xây dựng một quan niệm đầy đủ về tầm quan trọng của công tác nắm tình hình, nhất là tình hình hoạt động phản cách mạng. Báo cáo nên làm gọn nhưng đầy đủ, cụ thể, làm nổi âm mưu và hoạt động của địch diễn biến qua từng địa phương, qua từng thời gian, có những tính chất, những đặc điểm gì, cụ thể có những việc nào xảy ra, sơ lược âm mưu và hoạt động của địch qua các sự việc đó như thế nào. Kết quả âm mưu địch đã gây nên ảnh hưởng chính trị trong nhân dân như thế nào*”.

Ngoài ra, Bộ cũng yêu cầu: mỗi khi có những vụ án chính trị quan trọng hoặc những vụ án hình sự đặc biệt quan trọng ngay khi biết việc xảy ra, thì kịp thời báo cáo về Khu và Bộ để có thể kịp thời góp ý kiến trong việc điều tra khai thác.

Nội san Tư pháp số 3 năm 1955, tr. 1 - 5

NGÀY 25 THÁNG 7 NĂM 1955

Bộ Tư pháp ban hành Thông tư số 27-TT/VHH về việc trừng phạt những vụ tham ô quan trọng trong việc bảo vệ tài sản của đồng bào bị địch cưỡng ép di cư vào Nam

Để thực hiện đúng chính sách của Chính phủ về việc bảo quản những tài sản của đồng bào bị địch cưỡng ép di cư vào Nam và đề cao luật pháp nghiêm minh của chính quyền ta, chủ trương của Thủ tướng phủ là: nghiêm trị những vụ tham ô quan trọng xảy ra trong công tác bảo vệ tài sản của đồng bào bị địch cưỡng ép di cư vào Nam. Theo đó, Thông tư quy định: *“Đối với những vụ tham ô những tài sản của đồng bào bị cưỡng ép di cư vào Nam gây ảnh hưởng rất xấu về chính trị, các Tòa án cần lưu tâm nắm và theo dõi tình hình. Nếu phát hiện vụ tham ô nào thì cần chú ý điều tra nhanh chóng đưa ra xét xử kịp thời để làm gương và gây tác dụng chính trị”*.

Nội san Tư pháp số 3 năm 1955, tr. 6 - 7

THÁNG 7 NĂM 1955

Hội nghị tư pháp Liên khu Việt Bắc học tập vụ án ca nô Hưng An

Ca nô Hưng An là một vụ án quan trọng làm thiệt hại lớn tới tính mạng và tài sản của nhân dân, gây dư luận xôn xao trong nhân dân. Nó có tính chất chính trị quan trọng, nhìn về hình thức thì đây chỉ là một vụ tai nạn bình thường mà thiệt hại thì lớn, nhưng xét về nội dung thì nó lại gây ảnh hưởng xấu cho việc duy trì trật tự an ninh, ảnh hưởng tới việc buôn bán của nhân dân trong hoà bình, ảnh hưởng tới uy tín của chính quyền cách mạng trong vùng mới giải phóng.

Tại Hội nghị, các đại biểu đã tập trung thảo luận một số vấn đề xung quanh vụ án này, cụ thể:

- Tìm ra nguyên nhân sâu xa và trực tiếp gây ra tai nạn cũng như những nguyên nhân quyết định của vấn đề;

- Giải quyết trách nhiệm một cách cụ thể của chủ và người làm công trong một vụ tai nạn và đồng thời đề ra hướng xét xử, rút kinh nghiệm cho các vụ án tương tự về sau.

Trên cơ sở kết quả thảo luận, Hội nghị cũng đưa ra nguyên tắc nhằm nâng cao lập trường tư tưởng trong khi xét xử một vụ án có liên quan đến vấn đề giai cấp cũng như lấy kinh nghiệm của vụ ca nô Hưng An, tổng hợp thành những nguyên tắc xét xử chung để hướng dẫn trong việc định tội, lượng hình các vụ án tương tự.

Nội san Tư pháp số 3 năm 1955, tr. 41 - 42

NGÀY 15 THÁNG 9 NĂM 1955

Thủ tướng Chính phủ ban hành Nghị định số 580/TTg bổ khuyết Nghị định số 150 TTg ngày 05/3/1952 ấn định chế độ tạm thời về thuốc phiện, về mức trừng phạt

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ trưởng Bộ Công thương và Bộ trưởng Bộ Tư pháp, Thủ tướng Chính phủ ban hành Nghị định bổ khuyết Nghị định số 150 TTg ngày 05/3/1952 ấn định chế độ tạm thời về thuốc phiện, về mức trừng phạt. Theo đó, Nghị định quy định những trường hợp sau đây có thể bị đưa ra Tòa án nhân dân xét xử:

1. Buôn lậu thuốc phiện có nhiều người tham dự và có thủ đoạn để gian lận.
2. Tang vật trị giá trên một triệu đồng.
3. Buôn nhỏ hoặc làm môi giới nhưng có tính chất thường xuyên, đã thành chuyên môn hoặc đã bị phạt tiền nhiều lần.
4. Các vụ có liên quan đến nhân viên chính quyền hoặc bộ đội.
5. Không thi hành quyết định phạt tiền của cơ quan Thuế vụ hoặc Hải quan.

Nội san Tư pháp số 4 năm 1955, tr. 29 - 30

THÁNG 9 NĂM 1955

Hội nghị tư pháp toàn quốc lần thứ IX

Mục đích của Hội nghị là: kiểm thảo một năm công tác trấn áp phản cách mạng trong hoà bình, rút ra ưu khuyết điểm, đúc rút kinh nghiệm. Căn cứ vào tình hình mới, kinh nghiệm đã tổng kết được, nhiệm vụ chung theo quyết nghị của Trung ương để đề ra nhiệm vụ và đường lối của tư pháp trong giai đoạn tới.

Qua Hội nghị, các đại biểu đã nhận thức khá sâu sắc bản chất giai cấp của bọn phản cách mạng, nâng cao ý thức đấu tranh giai cấp cũng như thấy rõ được tư tưởng hữu khuynh biểu hiện trong công tác; nhận thức được: những khuyết điểm trong tổ chức đánh địch là thiếu kết hợp với phong trào cải cách ruộng đất.

Nội san Tư pháp số 4 năm 1955, tr. 6

NGÀY 02 THÁNG 11 NĂM 1955

Bộ Công an và Bộ Tư pháp ban hành Thông tư liên bộ số 1909-VHC về việc theo dõi tư pháp lý lịch, căn cước của bị can và những người bị tình nghi

Trong thời kỳ kháng chiến, việc theo dõi căn cước thường do các Ty Công an

tính phụ trách, Tòa án nhân dân tỉnh phụ trách theo dõi về tư pháp lý lịch. Sự phối hợp giữa hai cơ quan này nhất là trong thời kỳ kháng chiến còn thiếu chặt chẽ, nên việc tập trung những tài liệu về căn cước, lý lịch của những bị can, những người bị tình nghi còn chưa đầy đủ. Để có thể thực hiện tốt việc này, Thông tư quy định: *“Kể từ ngày ra Thông tri này, Ty Công an tỉnh và Phòng Căn cước Bộ Công an là những cơ quan có nhiệm vụ chính trong việc theo dõi và tập trung tài liệu về căn cước, tư pháp lý lịch của các bị can và những người bị tình nghi. Các Tòa án nhân dân tỉnh sẽ bàn giao cho Ty Công an tỉnh tất cả những tài liệu về tư pháp lý lịch hoặc trích lục phiên tòa cũ của các bị can mà các Tòa án đã tàng trữ...”*

Các Tòa án nhân dân thường, Tòa án nhân dân đặc biệt, Tòa án binh, Ủy ban hành chính tỉnh cần có sự phối hợp chặt chẽ với Công an để theo dõi tư pháp lý lịch và căn cước của các bị can và những người bị tình nghi”.

Tập luật lệ tư pháp 1945-1960, Tòa án nhân dân tối cao, năm 1962

CUỐI NĂM 1955

Phát hiện sai lầm trong cải cách ruộng đất và chấn chỉnh tổ chức

Ủy ban cải cách ruộng đất Trung ương họp Hội nghị kiểm thảo, Bộ trưởng Vũ Đình Hoè được giao nhiệm vụ soạn thảo kế hoạch sửa sai các vụ xét xử của các Tòa án nhân dân đặc biệt.

Ghi chép của nguyên Bộ trưởng Bộ Tư pháp Vũ Đình Hoè

NĂM 1956

NGÀY 17 THÁNG 4 NĂM 1956

Bộ Nội vụ và Bộ Tư pháp ban hành Thông tư số 589-TP chấn chỉnh công tác tư pháp ở những nơi Ủy ban hành chính huyện kiêm tư pháp

Từ thực trạng thiếu Thẩm phán huyện nên một số lớn Ủy ban hành chính huyện trong thời gian này phải kiêm cả công việc tư pháp. Thực trạng này đã dẫn đến không ít những bất cập như: để ứ đọng nhiều việc kiện của nhân dân; nhiều khi giam cứu người lâu mà không báo cáo cho Tòa án nhân dân tỉnh... Nguyên nhân của tình trạng này một phần là do nhiều Ủy ban hành chính huyện bận nhiều việc nhưng lại thiếu cán bộ nên không giải quyết được kịp thời những việc kiện của nhân dân. Một phần nữa là do nhiều Ủy ban hành chính huyện kiêm tư pháp còn coi nhẹ công tác tư pháp, do đó không chú ý khắc phục khó khăn để cử người phụ trách, theo dõi, đôn đốc việc giải quyết những công việc tư pháp ở huyện và ở xã.

Xuất phát từ thực trạng nói trên, Bộ Nội vụ và Bộ Tư pháp ban hành Thông tư số 589-TP nhằm chấn chỉnh công tác tư pháp ở những nơi Ủy ban hành chính huyện kiêm tư pháp, theo đó lưu ý các Ủy ban hành chính và Tòa án nhân dân tỉnh cần phải chấn chỉnh tư tưởng coi nhẹ công tác tư pháp ở huyện, hướng dẫn việc phân công, lề lối làm việc của Ủy ban hành chính huyện kiêm tư pháp để đảm bảo nhiệm vụ về tư pháp cũng như vấn đề bồi dưỡng và hướng dẫn về nghiệp vụ cho các Ủy ban huyện kiêm tư pháp cũng như việc giải quyết những công việc còn tồn đọng.

Công báo nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà số 12 năm 1956, tr. 112 - 113

NGÀY 15 THÁNG 5 NĂM 1956

Thủ tướng Chính phủ ban hành Thông tư số 772/TTg về việc kiện toàn công tác tư pháp

Trong thời gian này, công tác trấn áp bọn phá hoại còn chậm và yếu. Các vụ án để ứ đọng nhiều, có án xét xử không đúng. Nguyên nhân của tình trạng nói trên, ngoài nguyên nhân về lập trường tư tưởng cán bộ, còn có hai nguyên nhân khác

rất quan trọng, đó là: tổ chức bộ máy tư pháp còn yếu và sự lãnh đạo của Ủy ban hành chính các cấp đối với công tác tư pháp còn lỏng lẻo.

Để thực hiện chủ trương của Chính phủ là bảo vệ trật tự an ninh, trấn áp bọn phá hoại, góp phần vào việc củng cố miền Bắc, Thủ tướng Chính phủ ban hành Thông tư số 772/TTg về việc kiện toàn công tác tư pháp. Theo đó, Thủ tướng Chính phủ yêu cầu phải kiện toàn và củng cố các toà án mà trước hết cần phải kiện toàn các Toà án nhân dân tỉnh. Đối với Toà án nhân dân khu, liên khu, huyện thì bổ sung từng bước có trọng tâm, tùy theo yêu cầu của việc xét xử và việc bảo vệ trật tự an ninh cho nhân dân. Bên cạnh đó, Thủ tướng Chính phủ cũng đề nghị Ủy ban hành chính các cấp cần chú ý giúp đỡ xây dựng các Toà án, lãnh đạo công tác xét xử cho đúng, để thực hiện phương châm: “*Trấn áp đúng người, đúng tội, đúng pháp luật*” và phải có sự phối hợp chặt chẽ giữa các ngành (Công an, Tư pháp, Ủy ban cải cách ruộng đất) trong công tác trấn áp bọn phá hoại.

Công báo nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà số 13 năm 1956, tr. 122

NGÀY 15 THÁNG 6 NĂM 1956

Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh số 267-SL về việc trừng trị những âm mưu và hành động phá hoại tài sản của Nhà nước và nhân dân và cản trở việc thực hiện chính sách, kế hoạch Nhà nước

Sắc lệnh được ban hành theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tư pháp để góp phần vào việc bảo vệ sự nghiệp xây dựng kinh tế và văn hoá, nhằm trừng trị những âm mưu, hành động phá hoại hoặc làm thiệt hại đến tài sản của Nhà nước, của hợp tác xã và của nhân dân, làm cản trở việc thực hiện chính sách, kế hoạch xây dựng kinh tế và văn hoá. Sắc lệnh gồm 17 điều quy định hình phạt đối với những người có âm mưu và hành động phá hoại tài sản của Nhà nước và nhân dân và cản trở việc thực hiện chính sách, kế hoạch Nhà nước.

Công báo nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà số 17 ngày 27/6/1956, tr. 165 - 166

NGÀY 31 THÁNG 7 NĂM 1956

Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Thông tư số 1326/HCTP về việc thi hành điều lệ đăng ký hộ tịch mới

Thông tư hướng dẫn thi hành Nghị định số 764-TTg ngày 08/5/1956 của Thủ tướng Chính phủ quy định điều lệ đăng ký hộ tịch và Thông tư số 6-NV-DC-TT ngày 25/5/1956 của Bộ Nội vụ, theo đó nêu rõ: Theo quy định tại Điều lệ đăng ký hộ tịch mới thì Toà án sẽ không kiểm, ký và giữ các sổ sách về hộ tịch, không phải

làm những bản án cho phép đăng ký các việc sinh, tử, kết hôn quá hạn và cho phép sửa chữa những điều sai lầm hoặc thiếu sót trước ngày 08/5/1956 cũng như sau ngày đó. Những việc này sẽ được giao cho Ủy ban hành chính các cấp phụ trách.

Công báo nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà số 25 năm 1956, tr. 243

NGÀY 23 THÁNG 8 NĂM 1956

Bộ Công an và Bộ Tư pháp ban hành Thông tư liên bộ số 1500-HCTP về việc giam giữ và kiểm tra trại tạm giam và trại cải tạo

Hội nghị cán bộ trại giam toàn quốc lần thứ 3 do Bộ Công an triệu tập ngày 01/02/1956 đã nhận định: tình hình giam giữ ở các trại giam và trại cải tạo thấy có một số lệch lạc thiếu sót. Để chấn chỉnh thực trạng này, Bộ Công an và Bộ Tư pháp ban hành Thông tư liên bộ quy định cụ thể về nhiệm vụ của trại tạm giam và trại cải tạo đối với việc giam giữ và tha phạm nhân cũng như nhiệm vụ của Tòa án trong việc kiểm tra trại tạm giam và trại cải tạo.

Công báo nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà số 25 năm 1956, tr. 242

NGÀY 11 THÁNG 9 NĂM 1956

Bộ Nội vụ và Bộ Tư pháp ban hành Thông tư số 1671-HCTP chấn chỉnh việc thực hiện chế định Hội thẩm nhân dân

Vào thời gian này, số Hội thẩm nhân dân khu và tỉnh còn quá ít mà số việc đưa ra xét xử lại nhiều dẫn đến việc chế định Hội thẩm nhân dân chưa được các Ủy ban hành chính và Tòa án quan tâm đúng mức, trên thực tế chế định này chỉ được thực hiện một cách hình thức. Vì vậy, tác dụng của việc nhân dân tham gia xét xử bị hạn chế.

Để chấn chỉnh việc thực hiện chế định Hội thẩm nhân dân khu và tỉnh, Thông tư nêu rõ: “*Mở rộng danh sách Hội thẩm nhân dân nhằm phát triển việc nhân dân tham gia vào việc tư pháp, đồng thời đảm bảo cho Tòa án được dễ dàng trong việc mời Hội thẩm nhân dân tham gia xét xử nhưng cũng chú trọng chất lượng của Hội thẩm nhân dân để đảm bảo cho việc xét xử được tốt, nâng cao được tác dụng của Hội thẩm nhân dân trong Tòa án*”.

Thông tư cũng quy định cụ thể về cách chọn Hội thẩm nhân dân cũng như số lượng Hội thẩm nhân dân tỉnh, khu, thành phố, đặc khu và yêu cầu các Tòa án cần chú ý tiếp tục thường xuyên bồi dưỡng Hội thẩm nhân dân để đảm bảo cho công tác xét xử ngày càng được tốt.

Công báo nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà số 28 năm 1956, tr. 258 - 260

NGÀY 18 THÁNG 9 NĂM 1956

Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Thông tư số 1742/BNC về việc áp dụng luật lệ đối với chế độ tài sản giữa vợ chồng và quyền thừa kế giữa vợ chồng

Thông tư được gửi cho Ủy ban hành chính và Tòa án nhân dân các liên khu, khu, tỉnh và thành phố giải thích những nguyên tắc pháp luật thi hành đối với chế độ tài sản của vợ chồng và quyền thừa kế của nhau giữa vợ chồng trên cơ sở tinh thần của Sắc lệnh số 97 ngày 22/5/1950 và căn cứ vào luật lệ hiện hành cũng như đường lối giải quyết những vấn đề cụ thể do Sở Trước bạ đã nêu ra.

Nội san Tư pháp số 2 năm 1956, tr. 1 - 4

THÁNG 9 NĂM 1956

Hội nghị Trung ương lần thứ 10 họp mở rộng đề cập tới vấn đề tăng cường chế độ pháp trị dân chủ và định rõ nhiệm vụ, quyền hạn của Công an, Tòa án, Tư pháp

Hội nghị nhận định: “...trong thời gian vừa qua, việc xây dựng chính quyền dân chủ nhân dân của ta cũng có nhiều thiếu sót: việc thực hiện các quyền dân chủ của nhân dân chưa được đầy đủ; việc bảo đảm chế độ pháp trị dân chủ chưa được chú ý, như trong cải cách ruộng đất, chỉnh đốn tổ chức, quản lý hộ khẩu,... Đảng lãnh đạo chính quyền có phần thì bao biện, có phần thì buông lỏng.

Nguyên nhân của những khuyết điểm nói trên,... chưa kịp thời nghiên cứu bổ sung những luật pháp cần thiết để mở rộng dân chủ, đảm bảo quyền tự do dân chủ của nhân dân và tăng cường chế độ pháp trị dân chủ”.

Căn cứ tình hình trên, Hội nghị nhận thấy: “Phải tích cực sửa chữa khuyết điểm; phải mở rộng dân chủ, đảm bảo quyền tự do dân chủ của nhân dân và tăng cường chế độ pháp trị dân chủ...”.

Và để thực hiện được những điều đó Hội nghị đã xác định:

.....

4. Nghiên cứu để bổ sung các luật lệ về quyền tự do dân chủ của nhân dân, như tự do cá nhân, tự do đi lại, tự do tổ chức, tự do hội họp, tự do ngôn luận,...

5. Về vấn đề tăng cường chế độ pháp trị dân chủ: đồng thời với việc bổ sung luật pháp để tăng cường cơ sở cho chế độ pháp trị dân chủ, cần phải tuyên truyền giáo dục cho toàn Đảng, toàn dân về ý thức tôn trọng và bảo vệ luật pháp.

Cần chấn chỉnh tổ chức, định rõ nhiệm vụ, quyền hạn của Công an, Tòa án, Tư pháp và các cơ quan chính quyền khác để đảm bảo quyền tự do dân chủ của

nhân dân; đồng thời tăng cường kiểm tra và ngăn ngừa, trừng trị đúng mức mọi hành động vi phạm luật pháp.

Nghị quyết Hội nghị Trung ương 10, Tư liệu lưu trữ Văn phòng Trung ương Đảng

NGÀY 19 THÁNG 10 NĂM 1956

Thành lập Toà án nhân dân phúc thẩm liên tỉnh Phú Thọ - Vĩnh Phúc - Bắc Ninh - Bắc Giang

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tư pháp, Thủ tướng Chính phủ ban hành Nghị định số 1089-TTg thành lập Toà án nhân dân phúc thẩm liên tỉnh Phú Thọ - Vĩnh Phúc - Bắc Ninh - Bắc Giang.

Toà án nhân dân phúc thẩm liên tỉnh Phú Thọ - Vĩnh Phúc - Bắc Ninh - Bắc Giang có nhiệm vụ xét xử những việc kháng cáo án sơ thẩm của các Toà án nhân dân các tỉnh Phú Thọ - Vĩnh Phúc - Bắc Ninh - Bắc Giang.

Công báo nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà số 33 năm 1956, tr. 307

NGÀY 24 THÁNG 10 NĂM 1956

Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Thông tư số 2225-HCTP về chấn chỉnh việc thực hiện quyền bào chữa của bị can

Kiểm điểm lại việc thực hiện quyền bào chữa của bị can trong công tác điều tra và xét xử về hình sự, Bộ nhận định: “*Quyền tự bào chữa của bị can không được coi trọng nhất là trong thời gian gần đây, thêm vào đó quyền chọn người bào chữa của bị can cũng không được thực hiện đầy đủ*” và xác định: “*Nguyên nhân chính của những thiếu sót sai lầm trên là do chúng ta chưa nhận thấy một cách sâu sắc tầm quan trọng của quyền tự do bào chữa trong chế độ dân chủ nhân dân của ta nói chung và trong nền tư pháp dân chủ nhân dân của ta nói riêng*”.

Để đảm bảo chế độ pháp trị và thực hiện đúng mức quyền tự do bào chữa của bị can, Bộ đề nghị: cần có một quan niệm chính xác về quyền tự do bào chữa của bị can, theo đó quyền tự do bào chữa phải được coi là một nguyên tắc tổ tụng căn bản phải được tôn trọng và triệt để thực hiện, là một chế độ trọng yếu trong tố tụng, giúp cho công tác xét xử toàn diện và khách quan hơn. Vị trí của bộ phận bào chữa trong toàn bộ công tác tư pháp có vị trí bình đẳng với Công tố viên.

Công báo nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà số 34 năm 1956, tr. 328

NGÀY 12 THÁNG 12 NĂM 1956

Bộ Tư pháp và Bộ Y tế ban hành Thông tư liên bộ số 2795/HC-TP quy định về một số điểm cụ thể trong công tác giám định pháp y

Thông tư quy định những trường hợp cần giám định pháp y; cơ quan có thẩm quyền trưng cầu giám định pháp y; việc lựa chọn giám định viên; quan niệm về công tác giám định pháp y và thủ tục tiến hành công tác giám định pháp y.

Đây là cơ sở pháp lý đầu tiên cho việc hình thành mạng lưới đội ngũ Giám định viên pháp y kiêm nhiệm ở các tỉnh, thành của miền Bắc, phục vụ cho hoạt động tố tụng.

Công báo nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà số 43 năm 1956, tr. 444

NGÀY 14 THÁNG 12 NĂM 1956

Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh số 282/SL kèm theo luật về chế độ báo chí

Sắc lệnh được ban hành theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nội vụ và Bộ trưởng Bộ Tư pháp nhằm đảm bảo quyền tự do ngôn luận của nhân dân trên báo chí và ngăn cấm những kẻ lợi dụng quyền ấy để làm phương hại đến công cuộc đấu tranh cho hoà bình, thống nhất, độc lập và dân chủ của nước nhà. Sắc lệnh gồm 3 chương với 19 điều quy định về tính chất và nghĩa vụ của báo chí; quyền lợi, điều kiện hoạt động của báo chí; vấn đề kỷ luật và điều khoản chung.

Công báo nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà số 29 năm 1957, tr. 498 - 499

NGÀY 22 THÁNG 12 NĂM 1956

Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh số 284-SL bãi bỏ các Toà án nhân dân đặc biệt

Tháng 10 năm 1956, Hội đồng Chính phủ họp kiểm điểm việc thi hành Luật Cải cách ruộng đất và công tác chỉnh đốn tổ chức dưới sự chủ trì của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Tại buổi họp này, Hội đồng Chính phủ đã quyết định những chính sách cụ thể để sửa chữa sai lầm trong đó có việc bãi bỏ các Toà án nhân dân đặc biệt.

Trên cơ sở Nghị quyết của Hội đồng Chính phủ tại cuộc họp này, ngày 22/12/1956 Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh số 284-SL bãi bỏ các Toà án nhân dân đặc biệt ở những nơi phát động quần chúng giảm tô và cải cách ruộng đất do Sắc lệnh số 150-SL ngày 12/4/1953 quy định.

Công báo nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà số 36 năm 1956, tr. 344

NĂM 1957

NGÀY 14 THÁNG 01 NĂM 1957

Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Thông tư số 301/VHH-HS về vấn đề bài trừ nạn cờ bạc

Để góp phần vào việc bài trừ nạn cờ bạc, Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Thông tư này nhằm: đặt kế hoạch vận động tuyên truyền giáo dục nhân dân bài trừ nạn cờ bạc và định đường lối, chủ trương truy tố xét xử đối với những vụ đánh bạc.

<http://thuvienphapluat.vn>

NGÀY 23 THÁNG 01 NĂM 1957

Quốc hội khoá I kỳ họp thứ sáu bầu ra Ban sửa đổi Hiến pháp năm 1946

Nghị quyết của Quốc hội tại kỳ họp này đã chỉ rõ: xã hội Việt Nam đã có những biến chuyển quan trọng, miền Bắc đang xây dựng chế độ dân chủ nhân dân từng bước tiến dần lên chủ nghĩa xã hội, cho nên việc sửa đổi và bổ sung Hiến pháp 1946 là cần thiết nhằm phản ánh đúng thực tế xã hội, những thắng lợi của cách mạng và nêu rõ định hướng tiến lên của cách mạng. Trên cơ sở đó, Quốc hội bầu ra Ban sửa đổi Hiến pháp gồm 29 thành viên do Chủ tịch Hồ Chí Minh làm Trưởng ban. Tham gia Ban sửa đổi Hiến pháp có Bộ trưởng Bộ Tư pháp Vũ Đình Hoè và Thứ trưởng Bộ Tư pháp Trần Công Tường. Thứ trưởng Trần Công Tường được giao viết Lời nói đầu của bản Hiến pháp sửa đổi dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Ban sửa đổi Hiến pháp đã làm việc khẩn trương và thận trọng theo kế hoạch ba bước: *bước thứ nhất*, nghiên cứu bản Hiến pháp năm 1946, tham khảo Hiến pháp các nước xã hội chủ nghĩa và Hiến pháp một số nước tư bản có tính chất điển hình, dự thảo Hiến pháp sửa đổi. *Bước thứ hai*, đưa ra trưng cầu ý kiến của nhân dân một cách có tổ chức. *Bước thứ ba*, hoàn chỉnh bản dự thảo để trình Quốc hội.

*Lịch sử Quốc hội Việt Nam 1946-1960, tr. 174;
Ghi chép của nguyên Bộ trưởng Bộ Tư pháp Vũ Đình Hoè*

THÁNG 3 NĂM 1957

Hội nghị tư pháp toàn quốc lần thứ X

Mục đích của hội nghị là kiểm điểm công tác tư pháp năm 1956 và xây dựng chương trình kế hoạch cho năm 1957, tập trung vào một số vấn đề cụ thể nhằm thúc đẩy công tác tư pháp tiến lên một bước nữa, đảm bảo tăng cường chế độ pháp trị dân chủ.

Hội nghị đã tập trung thảo luận những điểm chính trong ba mặt công tác sau:

1. *Về công tác xét xử*: đi sâu phân tích những thiếu sót trong thẩm cứu lập hồ sơ truy tố xét xử hình sự và đề ra những hướng bổ cứu.

2. *Về công tác tổ chức*: nội dung, nhiệm vụ và chế độ công tác của Tòa án nhằm xây dựng một đề án biên chế thích hợp với tình hình mới và nhiệm vụ mới.

3. *Về phương diện pháp luật*: vấn đề tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật trong cán bộ và nhân dân và vấn đề bảo đảm tự do thân thể.

Nội san Tư pháp số 3 năm 1957, tr. 10 - 17

NGÀY 22 THÁNG 3 NĂM 1957

Chủ tịch Hồ Chí Minh tới dự và nói chuyện tại Hội nghị Tư pháp toàn quốc lần thứ X

Hội nghị tư pháp toàn quốc lần thứ X đã vinh dự được đón Chủ tịch Hồ Chí Minh đến dự và nói chuyện. Trong bài nói của mình, Chủ tịch nhấn mạnh:

“Khó khăn của Ngành Tư pháp là công tác chưa ổn định thiếu thốn mặt này mặt khác. Công việc nhiều và mới, cán bộ ít. Nhiệm vụ và quyền hạn Hiến pháp cũ đã quy định nhưng tình hình hiện nay đã khác, cho nên có chỗ không thích hợp.

Cán bộ tư pháp còn gặp khó khăn nữa là ít được học tập, do đó, đường lối, phương pháp công tác và tư tưởng bị ảnh hưởng.

Tuy vậy, trong thời gian kháng chiến và hơn 2 năm hoà bình, cán bộ tư pháp có cố gắng nhiều và có thành tích.

Trung ương Đảng và Chính phủ rất cảm thông những khó khăn của cán bộ tư pháp, nhưng phải giải quyết dần dần.

Một mặt cán bộ tư pháp phải cố gắng, một mặt Đảng và Chính phủ cần chú ý hơn. Bây giờ cả nước ta có nhiệm vụ chung cho các ngành là đấu tranh thống nhất nước nhà, khôi phục kinh tế, phát triển văn hoá, tăng gia sản xuất, thực hành tiết kiệm.

Trong nhiệm vụ chung đó, tư pháp cần góp phần của mình là thực hiện chế độ pháp trị, giữ vững và bảo vệ quyền lợi nhân dân, bảo vệ chế độ dân chủ của ta. Đó là nhiệm vụ tích cực. Đồng thời có một nhiệm vụ nữa là ngăn ngừa trừng trị những kẻ âm mưu phá hoại chế độ ta, phá hoại lợi ích của nhân dân.

Muốn thực hiện nhiệm vụ ấy, cần chú ý mấy điểm:

Nội bộ đoàn kết từ trên xuống dưới, từ dưới lên trên, làm gương cho nhân dân. Đoàn kết tức là lực lượng của chúng ta. Lúc mới kháng chiến lực lượng ta yếu hơn địch, nhưng ta thắng lợi vì ta đoàn kết. Cho nên Ngành Tư pháp muốn khắc phục khó khăn phải đoàn kết nhất trí thật sự, muốn đoàn kết thật sự phải dựa trên cơ sở lập trường vững vàng, tư tưởng sáng suốt, nội bộ dân chủ, phải giúp đỡ nhau học tập tiến bộ, thật thà phê bình tự phê bình.

Luật pháp của ta có cái mới và cũ. Có cái cũ không thích dụng nữa. Cái mới thì chưa đầy đủ. Hiến pháp cũ có chỗ không thích hợp với tình hình và hoàn cảnh hiện nay. Vì vậy, khoá họp Quốc hội thứ 6 đã quyết định sửa đổi lại Hiến pháp. Trong việc sửa đổi Hiến pháp, cán bộ tư pháp cũng cần góp phần của mình”.

*Bài nói của Chủ tịch Hồ Chí Minh
tại Hội nghị Tư pháp toàn quốc năm 1957,
Hồ Chí Minh - Nhà nước và pháp luật, Nxb. Pháp lý, 1985*

NGÀY 30 THÁNG 3 NĂM 1957

Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh số 012-SL đổi tên các Tòa án nhân dân khu, thành phố, Tòa án nhân dân sơ thẩm thành phố và sửa đổi thẩm quyền xét xử những vụ phạm pháp về chính trị của các Tòa án nhân dân

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tư pháp, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh đổi tên Tòa án nhân dân khu thành Tòa án nhân dân phúc thẩm; Tòa án nhân dân thành phố thành Tòa án nhân dân phúc thẩm; Tòa án nhân dân sơ thẩm thành phố thành Tòa án nhân dân thành phố.

Về thẩm quyền xét xử những vụ phạm pháp về chính trị của các Tòa án nhân dân, Sắc lệnh sửa đổi: những vụ phạm pháp về chính trị đều do Tòa án nhân dân tỉnh hoặc Tòa án nhân dân thành phố xử sơ thẩm; sau đó nếu có chống án, thì sẽ do Tòa án nhân dân phúc thẩm xử lại.

Công báo nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà số 14 năm 1957, tr. 142

NGÀY 28 THÁNG 4 NĂM 1957

Khai giảng khoá học đầu tiên của Trường Bổ túc cán bộ tư pháp huyện

Để thực hiện những nhiệm vụ chính của ngành, góp phần tích cực vào việc tăng cường chế độ pháp trị; Bộ Tư pháp thành lập một Trường Bổ túc cán bộ tư pháp huyện. Phụ trách Trường là ông Tạ Như Khuê

Khoá học đầu tiên được khai giảng vào ngày 28/4/1957 và bế mạc vào chiều ngày 07/9/1957 tại Làng Chèm (Đông Ngạc). Mục đích, yêu cầu của khoá học này là nhằm xây dựng cho học viên về tư tưởng, về chuyên môn và về tác phong để quán xuyến được công tác tư pháp trong huyện. Tham dự khoá học gồm có 101 học viên là cán bộ tư pháp huyện. Trong thời gian tham gia khoá học, các học viên đã tập trung nghiên cứu một số chính sách cụ thể về nghiệp vụ.

Tham dự buổi lễ bế mạc khoá học có Thứ trưởng Bộ Tư pháp Trần Công Tường, chủ tịch Hội đồng luật sư Nguyễn Mạnh Tường và đông đủ các giảng viên cùng một số cán bộ phụ trách.

Nội san Tư pháp số 4 năm 1957, tr. 79

NGÀY 09 THÁNG 5 NĂM 1957

Bộ Tư pháp ban hành Thông tư số 61-TT-HCTP giải thích thẩm quyền Toà án nhân dân huyện và thị xã trong việc công nhận thuận tình ly hôn và hiệu lực chấp hành của biên bản hoà giải thành trước Toà án nhân dân huyện và thị xã

Để cho các toà án dễ thi hành pháp luật, sau khi tập trung giải thích một số vấn đề về thẩm quyền của Toà án nhân dân huyện trong việc công nhận thuận tình ly hôn, Thông tư giải thích về hiệu lực chấp hành của biên bản hoà giải thành ở Toà án nhân dân huyện hoặc thị xã, theo đó: về nguyên tắc, biên bản hoà giải thành của Toà án nhân dân huyện hoặc thị xã là một công chính chứng thư. Biên bản đó có hiệu lực chấp hành như một bản án nếu việc hoà giải thành ở Toà án nhân dân huyện hoặc thị xã thuộc quyền xét xử chung thẩm của Toà án nhân dân huyện hoặc thị xã. Nếu việc hoà giải thành thuộc quyền xét xử của Toà án nhân dân tỉnh hoặc thành phố mà sau khi Toà án nhân dân huyện hoặc thị xã hoà giải thành một bên đương sự lại không chịu thi hành biên bản đó thì Toà án nhân dân huyện hoặc thị xã phải lập hồ sơ gửi lên Toà án nhân dân tỉnh hoặc thành phố để xét xử.

Công báo nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà số 23 năm 1957, tr. 423 - 424

NGÀY 29 THÁNG 5 NĂM 1957

Bộ Tư pháp ban hành Thông tư số 2037-HCTP về việc thi hành Sắc lệnh áp dụng nguyên tắc hai cấp xét xử đối với các vụ án chính trị

Để tạo điều kiện thuận lợi cho các Tòa án trong việc thi hành Sắc lệnh số 012-SL ngày 30/3/1957 về việc mở rộng nguyên tắc hai cấp xét xử cho cả những vụ phạm pháp về chính trị, Bộ Tư pháp ban hành Thông tư số 2037-HCTP hướng dẫn: tất cả vụ án chính trị kể cả các vụ án tồn lại sau cải cách ruộng đất, chưa xử, sẽ do Tòa án nhân dân tỉnh hoặc thành phố xử sơ thẩm; nếu có chống án sẽ do Tòa án nhân dân phúc thẩm xử lại. Những vụ án chính trị mà hiện các Tòa án nhân dân phúc thẩm còn đương điều tra chưa xong thì vẫn tiếp tục điều tra, khi nào hoàn thành hồ sơ sẽ gửi về Tòa án nhân dân tỉnh hoặc thành phố xử sơ thẩm. Đối với những vụ án chính trị đã xử chung thẩm rồi, dù là bản án chưa thi hành, vẫn hoàn toàn có hiệu lực của bản án chung thẩm.

Công báo nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà số 24 năm 1957, tr. 431 - 433

NGÀY 18 THÁNG 6 NĂM 1957

Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc luật số 002-SLt quy định những trường hợp phạm pháp quả tang, những trường hợp khẩn cấp và những trường hợp khám người phạm pháp quả tang

Trong đạo luật đảm bảo quyền tự do thân thể, quyền bất khả xâm phạm đối với nhà ở, đồ vật, thư tín của nhân dân được Quốc hội biểu quyết ngày 24/01/1957, Điều 4 có quy định: “*Những trường hợp phạm pháp quả tang, và trường hợp khẩn cấp là những trường hợp đặc biệt do luật quy định*”.

Để thi hành quy định này, ngày 29/5/1957 Bộ Tư pháp và Bộ Công an trình Hội đồng Chính phủ bản Dự thảo Sắc luật quy định những trường hợp phạm pháp quả tang, những trường hợp khẩn cấp và những trường hợp khám người phạm pháp quả tang

Tinh thần của bản Dự thảo Sắc luật này là: phải hết sức bảo vệ lợi ích của Nhà nước, bảo vệ tính mạng, tài sản của nhân dân, nhưng những quy định trong Sắc luật không quá rộng để những người có trách nhiệm thi hành không thể lợi dụng làm bậy, gây ra những vụ bắt giữ, khám xét không đúng, phạm đến quyền tự do dân chủ của nhân dân; ngược lại cũng không quá hẹp khiến những cơ quan có thẩm quyền cũng như nhân dân bị bó tay, để cho kẻ phạm pháp có thể lợi dụng gây ra những tổn thất cho Nhà nước, cho nhân dân, hoặc có thể trốn tránh pháp luật.

Ngày 18/6/1957, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc luật số 002-SLt quy định những trường hợp phạm pháp quả tang, những trường hợp khẩn cấp và những trường hợp khám người phạm pháp quả tang.

Công báo nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà số 29 năm 1957, tr. 501 - 502

NGÀY 11 ĐẾN 16 THÁNG 7 NĂM 1957

Liên Bộ Nội vụ, Công an và Tư pháp tổ chức Hội nghị nghiên cứu thi hành các đạo luật mới về tự do dân chủ

Để tăng cường pháp chế dân chủ, khoá họp thứ 6 của Quốc hội đã thông qua một số đạo luật về tự do dân chủ như: tự do lập hội, tự do hội họp, tự do thân thể và quyền bất khả xâm phạm đối với nhà ở, đồ vật, thư tín của nhân dân.

Để các đạo luật về tự do dân chủ được chấp hành nghiêm chỉnh, từ ngày 11 đến ngày 16/7/1957 Liên Bộ Nội vụ - Tư pháp - Công an đã tổ chức Hội nghị nghiên cứu các đạo luật trên. Tham dự Hội nghị có gần 200 đại biểu là cán bộ hành chính, tư pháp và công an cấp khu, thành phố và tỉnh.

Qua trao đổi, thảo luận, các đại biểu đã nhất trí nhận thức về ý nghĩa chính trị to lớn và nội dung tư tưởng cơ bản của các đạo luật, thống nhất về sự ra đời của các đạo luật là phù hợp với tình hình thực tế của nước ta lúc này đồng thời đưa ra biện pháp thi hành các đạo luật trên.

*Tạp chí Cộng sản số 7 năm 1957;
Nội san Tư pháp số 3 năm 1957, tr. 58*

NGÀY 19 THÁNG 7 NĂM 1957

Thủ tướng Chính phủ ban hành Thông tư số 314-TTg về việc kiện toàn cơ quan tư pháp

Hội đồng Chính phủ trong phiên họp tháng 10 năm 1956 đã quyết nghị việc kiện toàn cơ quan tư pháp là một công tác quan trọng trong chương trình năm 1957 của Chính phủ. Thi hành Nghị quyết trên, Ủy ban hành chính các cấp trong bước đầu kiện toàn tư pháp đã thu được một số kết quả nhất định nhưng vẫn còn một số bất cập đó là cơ quan tư pháp các cấp còn yếu và gặp khó khăn về cán bộ và lãnh đạo. Trước tình hình đó, Thủ tướng chính phủ yêu cầu Ủy ban hành chính các cấp trong phạm vi trách nhiệm của mình, tìm cách khắc phục khó khăn, thực hiện tốt một số việc cần thiết trước mắt như:

1. Bổ sung đủ cán bộ đã định trong biên chế năm 1956 cho Ngành Tư pháp. Về biên chế năm 1957, mặc dù đối với nhiều ngành khác thì có thu hẹp,

nhưng đối với Ngành Tư pháp vì biên chế năm 1956 chưa đủ nên được nói rộng thêm.

Đi đôi với việc bổ sung cán bộ cho đủ biên chế, cần ra quyết nghị hoặc đề nghị Bộ Tư pháp ra nghị định chính thức cử các cán bộ phụ trách đã làm việc lâu để ổn định tổ chức, ổn định chức vụ và tư tưởng cho cán bộ.

2. Cơ quan tư pháp là một bộ phận quan trọng của bộ máy chính quyền dân chủ nhân dân, là nơi thường xuyên tiếp xúc với nhân dân, cho nên Ủy ban hành chính cần cung cấp những phương tiện làm việc cần thiết, không nên để thiếu thốn, luộm thuộm, ảnh hưởng không tốt trong nhân dân, ảnh hưởng đến sự tôn trọng chế độ pháp trị dân chủ.

3. Về mặt lãnh đạo, Ủy ban hành chính cần tăng cường lãnh đạo tư tưởng và lãnh đạo chính sách, cần giúp cho cán bộ tư pháp nắm được tình hình và đường lối xét xử trong từng thời gian mà không nên đi vào nghiệp vụ làm cho cơ quan tư pháp bị động; cần tôn trọng quyền hạn và nhiệm vụ mà pháp luật đã quy định cho cơ quan tư pháp.

Công báo nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà số 31 năm 1957, tr. 536 - 537

NGÀY 24 THÁNG 7 NĂM 1957

Bộ Tư pháp ban hành Thông tư số 2800-HCTP về tổ chức bộ máy tư pháp để giải quyết những công việc tư pháp của các thị xã

Trên cơ sở quy định tại Điều 11 Sắc lệnh số 13 ngày 24/01/1946: “Ở các thành phố và thị xã, Bộ trưởng Bộ Tư pháp có thể đặt Toà án sơ cấp”, căn cứ vào tình hình thực tiễn của các thị xã, Bộ Tư pháp ban hành Thông tư số 2800-HCTP quy định về tổ chức bộ máy tư pháp để giải quyết những công việc tư pháp của các thị xã. Theo đó, Thông tư quy định: tại các thị xã ít quan trọng sẽ không thành lập Toà án nhân dân thị xã. Tùy điều kiện cụ thể của từng nơi, sẽ tổ chức để giải quyết những công việc tư pháp ở các thị xã đó theo hai cách sau đây:

1. Giao cho một Toà án nhân dân huyện đóng trụ sở ở gần thị xã phụ trách cả công việc tư pháp của thị xã.

2. Nếu giao cho Toà án nhân dân huyện không tiện mà Toà án nhân dân tỉnh lại đóng trụ sở ở thị xã thì Toà án nhân dân tỉnh sẽ phụ trách cả công việc tư pháp của thị xã.

Còn tại các thị xã quan trọng và tương đối quan trọng Bộ sẽ ra Nghị định thành lập Toà án nhân dân thị xã.

Công báo nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà số 34 năm 1957, tr. 600

NGÀY 15 ĐẾN NGÀY 17 THÁNG 8 NĂM 1957

Hội nghị kiểm điểm công tác 6 tháng đầu năm 1957 giữa Bộ Tư pháp và cán bộ phụ trách các khu và một số cán bộ tư pháp tỉnh

Tại Hội nghị, các đại biểu đã tập trung kiểm điểm công tác 6 tháng đầu năm 1957 và đề ra kế hoạch công tác mới tập trung vào các vấn đề:

- Công tác trả lại tự do;
- Công tác trấn áp bọn phá hoại;
- Vấn đề chống đầu cơ tích trữ;
- Vấn đề tranh chấp tài sản ở nông thôn;
- Công tác phổ biến, tuyên truyền pháp luật...

Trong bài phát biểu kết thúc hội nghị, Bộ trưởng Bộ Tư pháp Vũ Đình Hòe đã nhấn mạnh về mấy vấn đề xung quanh việc đảm bảo thực hiện chế độ pháp trị, tăng cường chuyên chính đối với bọn phá hoại đồng thời đối phó với những vụ việc đột xuất có thể xảy ra ở thành thị cũng như ở nông thôn, đồng thời đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục nhân dân tuân thủ pháp luật.

Nội san Tư pháp số 4 năm 1957, tr. 78

NGÀY 29 THÁNG 8 NĂM 1957

Bộ Tư pháp ban hành Thông tư số 101/HCTP về việc tổ chức bào chữa viên nhân dân

Để thực hiện đầy đủ và thiết thực hơn quyền bào chữa của bị can, bảo đảm chế độ pháp trị dân chủ, Thông tư quy định cụ thể những trường hợp cần phải cử người bào chữa cho bị can, việc lập danh sách bào chữa viên và vấn đề tổ chức học tập cho bào chữa viên.

Công báo nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà số 38 năm 1957, tr. 655

NGÀY 27 THÁNG 9 NĂM 1957

Bộ Tư pháp ban hành Thông tư số 116-VHH-HS về việc truy tố xét xử những vụ tham ô

Để bảo vệ tài sản của Nhà nước và đề cao pháp luật nghiêm minh của Chính phủ, Bộ Tư pháp đề nghị các Ủy ban hành chính ra chỉ thị cho tất cả các ngành, đặc biệt là các ngành kinh tế tài chính, mỗi khi ở cơ quan có xảy ra một vụ tham ô thì

Thủ trưởng cơ quan phải chịu trách nhiệm báo cáo ngay cho Ủy ban biết, đồng thời cũng báo cáo cho Công an và Tòa án để mở cuộc điều tra và xử lý theo pháp luật. Bộ cũng đề nghị các Ủy ban hành chính trực tiếp lãnh đạo Tòa án đưa một vài vụ tham ô quan trọng ra xử điển hình để lấy đó giáo dục cho các cán bộ, công nhân viên.

Về phần Tòa án, Bộ đề nghị: các Tòa án phải tích cực phối hợp với Công an, dưới sự lãnh đạo của Ủy ban, phát hiện ra những vụ tham ô xảy ra ở các cơ quan, xí nghiệp, công trường để đưa ra truy tố, xét xử và sau khi xử sẽ phổ biến sâu rộng bản án trong nhân dân và cán bộ, công nhân viên.

Luật lệ tư pháp 1945-1960, Tòa án nhân dân tối cao, năm 1962

NGÀY 12 THÁNG 10 NĂM 1957

Ban Bí thư ra Thông tri số 106-TT/TW về việc kiện toàn các cơ quan tư pháp

Thông tri nêu rõ: “*Nghị quyết của Hội nghị Trung ương 10 (mở rộng) về vấn đề “mở rộng dân chủ, đảm bảo quyền tự do dân chủ và tăng cường pháp chế dân chủ” có nêu: “cần chấn chỉnh tổ chức, định rõ nhiệm vụ, quyền hạn của Công an, Tòa án, Tư pháp và các cơ quan chính quyền khác để đảm bảo quyền tự do dân chủ của nhân dân”. Cuộc họp tháng 10 năm 1956 của Hội đồng Chính phủ quyết định việc kiện toàn cơ quan tư pháp là một công tác quan trọng trong chương trình làm việc năm 1957 của Chính phủ.*

Vấn đề tổ chức tư pháp được xem xét và giải quyết cùng với việc nghiên cứu sửa đổi Hiến pháp. Trong khi chờ đợi, các cơ quan tư pháp cần được kịp thời kiện toàn theo hướng đã vạch ra trong Hội nghị tư pháp tháng 3 năm 1957.”

Thông tri cũng nhận định: “*Trong thời gian vừa qua, công tác tư pháp đã có nhiều tiến bộ. Nhưng Ngành Tư pháp còn yếu, xử một số vụ án còn chậm, để một số người bị giam quá lâu mà chưa được xét xử. Nguyên nhân chính của những thiếu sót nói trên là cơ quan tư pháp còn yếu về số lượng và chất lượng cán bộ, chưa đủ số người theo biên chế năm 1956-1957, một số cán bộ chưa yên tâm công tác; thiếu nhiều phương tiện làm việc.”*

Tư liệu lưu trữ Văn phòng Trung ương Đảng

NGÀY 26 THÁNG 10 NĂM 1957

Thủ tướng Chính phủ ban hành Thông tư số 506-TTg về việc tổ chức các cơ quan pháp chế

Theo đó, Thủ tướng Chính phủ hướng dẫn việc thành lập các cơ quan pháp

chế ở các bộ và các Ủy ban hành chính địa phương. Bộ phận pháp chế ở các bộ có 5 nhiệm vụ cụ thể:

- Nghiên cứu về mặt pháp lý các dự thảo luật lệ do các bộ phận chuyên môn hay các cơ quan thuộc Bộ thảo ra để Bộ ban hành hoặc gửi lên cấp trên xét duyệt;

- Nghiên cứu các vấn đề pháp lý liên quan đến công tác của Bộ; nghiên cứu góp ý kiến về mặt pháp lý vào các dự thảo luật lệ chung của cơ quan khác gửi đến;

- Làm các thủ tục về ban hành các nghị định, thông tư của Bộ;

- Góp ý kiến với các cơ quan thuộc Bộ và các cơ quan chính quyền đoàn thể sở quan để phổ biến trong cán bộ và nhân dân các luật lệ của Chính phủ và của Bộ ban hành;

- Suru tầm các luật lệ. Soát lại các văn bản của Bộ và cơ quan trực thuộc về mặt pháp lý, đề nghị sửa đổi hoặc bãi bỏ những văn bản ban hành không hợp lệ hoặc trái với các luật lệ hiện hành và các nguyên tắc pháp lý chung.

Công báo nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà số 45 năm 1957, tr. 774 - 776

NGÀY 23 THÁNG 11 NĂM 1957

Bộ Tư pháp ban hành Thông tư số 138-HCTP về việc chọn Hội thẩm nhân dân huyện khi chưa bầu lại Hội đồng nhân dân xã

Điều 4 Sắc lệnh số 85-SL ngày 22/5/1950 quy định: hàng năm, HĐND xã bầu ra ba người trong hay ngoài HĐND để lập một danh sách Hội thẩm nhân dân huyện, những người trong danh sách này sẽ bầu ra hai Hội thẩm nhân dân chính thức và một Hội thẩm nhân dân dự khuyết.

Trong phiên họp tháng 9 năm 1952, Hội đồng Chính phủ lại thông qua đề nghị của Bộ Tư pháp là: ở mỗi xã, sẽ có từ hai đến bốn Hội thẩm nhân dân huyện. Số Hội thẩm nhân dân này sẽ do HĐND xã bầu ra, Ủy ban kháng chiến hành chính tỉnh duyệt y.

Điều 1 Sắc lệnh số 151-SL ngày 17/11/1950 quy định rằng trong trường hợp đặc biệt, Hội thẩm nhân dân huyện có thể do Ủy ban kháng chiến hành chính khu chỉ định.

Sau khi được Thủ tướng phủ đồng ý, Bộ ấn định cách chọn Hội thẩm nhân dân ở huyện trong khi chờ đợi bầu lại HĐND xã như sau: *Toà án nhân dân huyện nào chưa có danh sách Hội thẩm nhân dân huyện sẽ mời Hội thẩm nhân dân trong các Ủy viên Ban chấp hành các đoàn thể ở huyện và ở xã. Người được chọn phải*

có uy tín với nhân dân và phải có khả năng tham gia một cách tích cực vào việc hoà giải hoặc xét xử.

Công báo nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà số 53 năm 1957, tr. 985 - 986

NGÀY 05 THÁNG 12 NĂM 1957

Bộ Tư pháp ban hành Thông tư số 141-HCTP về tổ chức và phân công nội bộ của Tòa án

Theo quy định tại Thông tư, tổ chức Tòa án gồm có Chánh án, Công tố uỷ viên; có thể có Phó Chánh án, Phó Công tố uỷ viên và Thẩm phán ở những nơi nhiều việc. Chánh án, Công tố uỷ viên có nhiệm vụ và quyền hạn riêng biệt đều là thủ trưởng cơ quan. Văn phòng Tòa án chia ra làm 3 phòng: Phòng Công tố, Phòng Xử án và Phòng Hành chính tư pháp.

Thông tư cũng quy định cụ thể về nhiệm vụ, quyền hạn của Thẩm phán, Công tố uỷ viên và Chánh án đối với công tác hành chính tư pháp cũng như nguyên tắc chung và lề lối làm việc của Chánh án, Công tố uỷ viên và Hội đồng tư pháp.

Công báo nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà số 54 năm 1957, tr. 997 - 999

NĂM 1958

THÁNG 3 ĐẾN THÁNG 5 NĂM 1958

Toà án nhân dân Khu Tự trị Thái - Mèo giúp đỡ các Toà án nhân dân Châu

Các Châu miền Bắc Khu Tự trị Thái - Mèo như Quỳnh Nhai, Than Uyên, Phong Thổ, Mường Tè là những Châu cách xa Khu, đường giao thông gặp khó khăn. Từ tháng 3 đến tháng 5 năm 1958 Toà án nhân dân Khu đã cử một đoàn cán bộ đến các Toà án nhân dân Châu để giúp đỡ và giải quyết công việc. Nội dung công việc của Đoàn gồm:

1. Tuyên truyền, phổ biến một số đường lối và pháp luật thông thường;
2. Kiểm tra công việc của Toà án Châu, giúp đỡ Toà án về lề lối làm việc và một số giấy tờ;
3. Giúp đỡ Uỷ ban Châu xây dựng chế độ Thẩm phán dự khuyết;
4. Mở phiên toà giải quyết một số việc và giúp đỡ các Toà án nhân dân mở các phiên toà;
5. Mở hội nghị huấn luyện cho xã về tư pháp;
6. Nghiên cứu các vấn đề về tổ chức tư pháp cho thích hợp với tình hình, đi sâu vào các vấn đề ly hôn, phong tục bồi thường, công lễ, công ở rẫy...

Nội san Tư pháp số 3 tháng 4, 5 năm 1958, tr. 81

NGÀY 05 THÁNG 4 NĂM 1958

Khai giảng lớp bồi túc cán bộ tư pháp khóa 8

Tham dự lớp bồi túc cán bộ tư pháp gồm 72 học viên là cán bộ tư pháp của cả nước.

Bộ trưởng Bộ Tư pháp Vũ Đình Hòe đã đến dự Lễ khai giảng. Nói chuyện với các học viên, Bộ trưởng nhấn mạnh về tầm quan trọng của khoá học, về nhận thức của cán bộ tư pháp đối với giai đoạn quá độ từ chủ nghĩa tư bản sang chủ nghĩa xã hội, sự cần thiết phải nắm vững đường lối, chính sách của Đảng và Chính phủ, đặc biệt là phải có sự chuyển biến thực sự căn bản về tư tưởng, phải xác định lập trường đúng - lập trường của giai cấp vô sản.

Bộ trưởng nhắc nhở toàn thể học viên cần đề cao tinh thần kỷ luật đoàn kết thu hoạch được nhiều, được tốt, để công tác có kết quả.

Nội san Tư pháp số 3 tháng 4, 5 năm 1958, tr. 78

NGÀY 29 THÁNG 4 NĂM 1958

Quốc hội khoá I kỳ họp thứ 8 quyết định thành lập Toà án tối cao và Viện Công tố tách ra khỏi Bộ Tư pháp

Để tăng cường bộ máy nhà nước ở cấp Trung ương, Quốc hội ra Nghị quyết lập Toà án tối cao và hệ thống Toà án, Viện Công tố và hệ thống công tố (cả hai tách khỏi Bộ Tư pháp và có quyền hạn, trách nhiệm ngang một bộ) trực thuộc Hội đồng Chính phủ.

Công báo nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà số 27 năm 1958, tr. 444

NGÀY 05 THÁNG 5 NĂM 1958

Bổ nhiệm đồng chí Nguyễn Trác làm Thứ trưởng Bộ Tư pháp

Hội đồng Chính phủ họp dưới sự chủ toạ của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Tại cuộc họp, Hội đồng Chính phủ đã quyết nghị cử một số Thứ trưởng mới trong đó có Thứ trưởng Bộ Tư pháp - Nguyễn Trác.

Thứ trưởng Bộ Tư pháp Trần Công Tường được cử làm Phó Chánh án Toà án tối cao, quyền Chánh án.

Công báo nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà số 18 năm 1958, tr. 279

NGÀY 07 ĐẾN NGÀY 10 THÁNG 5 NĂM 1958

Hội nghị học tập nghiệp vụ của Ngành Tư pháp Liên khu III

Hội nghị được tổ chức tại Toà án nhân dân phúc thẩm Liên khu III ở Hà Nam. Tham dự Hội nghị có đại diện Bộ Tư pháp, các đồng chí trong Hội đồng tư pháp Khu, các Chánh án, Công tố uỷ viên của 6 Toà án tỉnh trong Khu và một số cán bộ chuyên môn giúp việc Toà án tỉnh.

Các đại biểu tham dự Hội nghị đã tập trung thảo luận và bàn về hai vấn đề: nhận thức chính trị lãnh đạo của Bộ và việc nâng cao chất lượng chính trị trong công tác lãnh đạo Toà án.

Sau mấy ngày làm việc tích cực Hội nghị đã thống nhất những quan điểm dưới đây:

- Phải có nhận thức chính trị đúng thì làm nghiệp vụ mới thu được kết quả tốt.

- Muốn bảo đảm công tác chuyên môn cần phải nâng cao chất lượng chính trị trong công tác lãnh đạo Tòa án.

Nội san Tư pháp số 3 tháng 4, 5 năm 1958, tr. 80 - 81

NGÀY 14 ĐẾN NGÀY 16 THÁNG 7 NĂM 1958

Bộ Tư pháp, Tòa án tối cao, Viện Công tố và Quân pháp Cục tổ chức Hội nghị liên tịch

Tại Hội nghị, các đại biểu đã tập trung thảo luận một số vấn đề sau:

- Điều lệ tạm thời quy định nhiệm vụ, quyền hạn và hệ thống tổ chức của Viện Công tố các cấp.

- Điều lệ tạm thời quy định nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức của các Tòa án nhân dân các cấp.

- Điều lệ tạm thời quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Tư pháp và các cơ quan hành chính tư pháp các cấp.

- Dự kiến về thẩm quyền và tổ chức cụ thể của các Tòa án nhân dân địa phương.

Nội san Tư pháp số 5 tháng 7, 8 năm 1958, tr. 64

NGÀY 22 THÁNG 11 NĂM 1958

Bộ Tư pháp báo cáo Thủ tướng Chính phủ và Ban Dân tộc Trung ương về việc tăng cường công tác vùng cao

Thi hành Chỉ thị số 2598-NC ngày 24/6/1958 của Thủ tướng phủ về việc chuẩn bị Hội nghị vùng cao kiểm điểm việc thi hành Thông tư số 464/TTg ngày 09/10/1957 của Thủ tướng phủ về việc tăng cường công tác vùng cao. Ngày 22/11/1958, Bộ Tư pháp có Công văn số 2044/TC gửi Thủ tướng Chính phủ và Ban Dân tộc Trung ương báo cáo về những kết quả đạt được trong việc thực hiện nhiệm vụ này mà cụ thể là những kết quả đạt được trong công tác huấn luyện các Ủy ban hành chính xã về công tác tư pháp; kiểm tra và giúp đỡ các Ủy ban hành chính xã về công tác tư pháp; đào tạo các cán bộ vùng rẻo cao để làm cán bộ phụ trách trong các Tòa án nhân dân huyện, tỉnh và khu; việc huấn luyện các cán bộ vùng cao, xây dựng đường lối truy tố, xét xử.

Tư liệu lưu trữ Văn phòng Trung ương Đảng

NGÀY 24 ĐẾN NGÀY 27 THÁNG 11 NĂM 1958

Bộ Tư pháp, Tòa án tối cao, Viện Công tố và Bộ Công an tổ chức Hội nghị liên tịch đánh giá công tác tư pháp

Sau khi gửi các Tòa án kế hoạch thực hiện nhiệm vụ công tác, đường lối truy tố xét xử cùng những biện pháp về tổ chức và lề lối làm việc nhằm phục vụ sản xuất nông nghiệp vụ đông xuân năm 1958-1959, Bộ Tư pháp, Tòa án tối cao, Viện Công tố và Bộ Công an tổ chức Hội nghị liên tịch đánh giá công tác tư pháp trong 4 ngày từ ngày 24 đến ngày 27/11/1958. Các cán bộ chỉ đạo Tòa án nhân dân tối cao, phúc thẩm tỉnh, thành phố, Sở, Khu, Ty Công an đã được triệu tập về họp.

Đánh giá về công tác tư pháp trong thời gian từ cuối năm 1957 đến tháng 11 năm 1958, Hội nghị nhận định: hai Ngành Tư pháp và Công an đã có nhiều cố gắng và tiến bộ góp phần quan trọng trong việc bảo vệ thành quả cách mạng, giữ vững trị an chung ở miền Bắc, đoàn kết giáo dục, động viên nhân dân đề cao cảnh giác ngăn ngừa địch phá hoại và tôn trọng pháp luật nhà nước. Tuy nhiên, bên cạnh những thành tích đáng kể trên, cũng còn một số khuyết điểm trong việc bắt giam, truy tố và xét xử.

Hội nghị thống nhất: cần phải tăng cường chuyên chính đối với địch và mở rộng dân chủ đối với dân. Sau cùng hội nghị đã bàn kế hoạch giải quyết một số vấn đề trước mắt để kịp thời phục vụ tốt sản xuất nông nghiệp vụ Đông - Xuân.

Thủ tướng Phạm Văn Đồng đã đến tham dự Hội nghị và huấn thị thêm về nhiệm vụ của Công an, Công tố và Tòa án, nhất là nhiệm vụ trấn áp phản cách mạng.

Nội san Tư pháp số 1 tháng 01 năm 1959, tr. 41

NGÀY 24 THÁNG 12 NĂM 1958

Thủ tướng Chính phủ ban hành Thông tư số 556/TTg cụ thể hoá nhiệm vụ của các cơ quan bảo vệ pháp luật

Xuất phát từ quan điểm của Chủ nghĩa Mác - Lênin về nhiệm vụ của Tòa án trong Nhà nước xã hội chủ nghĩa, từ chủ trương của Đảng và Nhà nước là “*Tăng cường chuyên chính, mở rộng dân chủ và tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa*”, sau khi Quốc hội quyết định thành lập Tòa án nhân dân tối cao và Viện Công tố Trung ương, Thủ tướng Chính phủ ban hành Thông tư số 556/TTg ngày 24/12/1958 cụ thể hoá nhiệm vụ của các cơ quan bảo vệ pháp luật bao gồm Công an, Công tố và Tòa án.

Công báo nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà số 3 năm 1959

NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 1958

Bộ Tư pháp và Toà án nhân dân tối cao ban hành Thông tư liên bộ số 69-TC sửa đổi thẩm quyền của các Toà án nhân dân và thủ tục về ly hôn

Để bảo đảm việc giải quyết nhanh chóng, đồng thời thận trọng và đúng chính sách những vụ ly hôn, nhằm củng cố và tăng cường khối đoàn kết toàn dân, Bộ Tư pháp và Toà án nhân dân tối cao ban hành Thông tư liên bộ sửa đổi thẩm quyền của các Toà án nhân dân và thủ tục về ly hôn. Theo đó, trong trường hợp cả hai vợ chồng xin thuận tình ly hôn đối với những việc ly hôn mới thụ lý, Thông tư quy định: *“Giao cho Uỷ ban hành chính xã hoà giải nếu hoà giải không thành thì sau một tháng nếu xét thấy hai vợ chồng vẫn giữ ý kiến xin ly hôn, thì Uỷ ban hành chính xã lập biên bản ghi lời khai của hai vợ chồng xin thuận tình ly hôn, rồi chuyển biên bản và hồ sơ (đơn của đương sự, báo cáo của xóm, đoàn thể nếu có...) và ý kiến của Uỷ ban hành chính xã lên Toà án nhân dân công nhận cho chính thức ly hôn”*. Trong trường hợp chỉ có một bên chồng hoặc vợ xin ly hôn thì Toà án nhân dân tỉnh tùy theo khả năng cán bộ có thể giao từng vụ cho Toà án nhân dân huyện xử sơ thẩm những vụ ly hôn không phức tạp. Nếu có chống án thì Toà án nhân dân tỉnh xử phúc thẩm.

Công báo nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà số 3 năm 1959, tr. 50 - 54

NĂM 1959

NGÀY 13 THÁNG 01 NĂM 1959

Bộ Tư pháp ban hành Thông tư số 002-TT về thủ tục xét lại

Tại Hội nghị tư pháp toàn quốc năm 1958, trong khi kiểm điểm về đường lối truy tố xét xử, các Tòa án nhân dân đã phát hiện ra một số án hình sự đã xử oan, hoặc tội nặng xử nhẹ, tội nhẹ xử nặng. Sau khi hội ý với Tòa án nhân dân tối cao về biện pháp sửa chữa những sai lầm thiếu sót đó, Bộ Tư pháp ban hành Thông tư số 002-TT quy định về thủ tục xét lại. Theo đó, Thông tư quy định thủ tục giải quyết đối với những vụ án hình sự đã thành (đã xử chung thẩm hoặc đã xử sơ thẩm nhưng không có chống án) mà phát hiện có sai lầm.

*Tập luật lệ tư pháp 1945-1960,
Tòa án nhân dân tối cao, năm 1962, tr. 708 - 710*

NGÀY 03 THÁNG 02 NĂM 1959

Bộ Tư pháp ban hành Thông tư số 04-TT về thủ tục xét lại những án hình sự đã có hiệu lực pháp luật, nay thấy là xử không đúng, can phạm hiện còn đang bị giam

Thi hành Thông tư số 556-TTg ngày 24/12/1958 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường sự lãnh đạo đối với việc bắt giữ, truy tố và xét xử, sau khi đã hội ý với Tòa án nhân dân tối cao và được Thủ tướng phủ đồng ý, Bộ Tư pháp ban hành Thông tư quy định về thủ tục xét lại những vụ án hình sự đã có hiệu lực pháp luật nhưng thấy xử không đúng, can phạm còn đang bị giam đối với các trường hợp cụ thể như bị xử oan, tội nhẹ bị xử nặng, tội nặng xử nhẹ cũng như các thủ tục xin tiêu án và xử tha trước hạn tù.

*Tập luật lệ tư pháp 1945-1960,
Tòa án nhân dân tối cao, năm 1962, tr. 710 - 714*

NGÀY 03 THÁNG 3 NĂM 1959

Bộ Tư pháp, Bộ Nội vụ và Bộ Công an ban hành Thông tư liên bộ số 12/TT/LB về vấn đề tước quyền công dân

Thông tư nêu rõ: Quyền công dân là quyền thiêng liêng của mọi người, để tham gia xây dựng chính quyền vững mạnh, đó là quyền tự do dân chủ của người công dân. Tuy nhiên, đối với kẻ thù của nhân dân thì phải tăng cường chuyên chính không để chúng lợi dụng quyền dân chủ của nhân dân để phá hoại chính quyền bằng cách này hay cách khác. Do đó, tước quyền công dân cũng là một biện pháp ngăn chặn hành động phá hoại của kẻ thù của nhân dân. Vì vậy, Thông tư đã đưa ra những cách thức xử lý cụ thể đối với từng trường hợp bị tước quyền công dân và yêu cầu cần có một thủ tục mau lẹ về khôi phục công quyền. Việc khôi phục hoặc tước quyền phải hết sức thận trọng và cần có sự lãnh đạo chặt chẽ.

Công báo nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà số 10 năm 1959, tr. 157

NGÀY 09 THÁNG 3 NĂM 1959

Bộ Nội vụ và Bộ Tư pháp ban hành Thông tư liên bộ số 06-TT/LB về việc bầu cử Hội thẩm nhân dân các cấp

Trong khi chờ ban hành một chế độ hoàn chỉnh về tổ chức các Tòa án, Bộ Nội vụ và Bộ Tư pháp ban hành Thông tư liên bộ về việc bầu cử Hội thẩm nhân dân các cấp. Theo đó, Thông tư quy định: Ở những cấp Tòa án có HĐND (thị xã, châu, tỉnh, thành phố, khu tự trị, khu Hồng Quảng, khu vực Vĩnh Linh), Hội thẩm nhân dân Tòa án nhân dân cấp nào do HĐND cấp ấy bầu ra. Ở cấp huyện và quận ngoại thành (không có HĐND) thì Hội thẩm nhân dân Tòa án nhân dân huyện và Hội thẩm nhân dân Tòa án nhân dân quận ngoại thành do HĐND xã và HĐND thị trấn trong huyện, quận bầu ra.

Những người ứng cử Hội thẩm nhân dân phải đủ 23 tuổi trở lên. Thành phần những người ứng cử Hội thẩm nhân dân chủ yếu là công nhân và nông dân.

Công báo nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà số 11 năm 1959, tr. 175 - 177

NGÀY 10 THÁNG 3 NĂM 1959

Bộ trưởng Thủ tướng phủ ban hành Thông tư số 1216-PC về việc kiện toàn tổ chức pháp chế ở các bộ và cơ quan Trung ương

Thông tư đề nghị các tổ chức pháp chế ở bộ cần chú trọng những công tác chủ yếu như:

1. Nghiên cứu, góp ý kiến về mặt pháp lý vào các dự thảo luật lệ của Bộ mà cụ thể là nghiên cứu về tính hợp pháp của văn bản, xem xét văn bản có đáp ứng những yêu cầu về kỹ thuật của các văn bản pháp quy của Nhà nước hay không?

2. Nghiên cứu các vấn đề pháp lý có liên quan đến công tác của Bộ: các bộ phận pháp chế không những có nhiệm vụ nghiên cứu và giúp đỡ Bộ giải quyết những vấn đề do Bộ (và các cơ quan nghiệp vụ) đề ra mà còn có trách nhiệm tự mình phát hiện những vấn đề cần phải có biện pháp thích đáng để giải quyết những yêu cầu cấp thiết hoặc lâu dài của công tác.

3. Soát lại các văn bản pháp quy: kịp thời giúp Bộ sửa chữa những việc bất hợp lý hoặc thiếu sót trong việc ban hành các thể lệ, chế độ.

4. Sưu tầm, tập hợp các luật lệ. Trên cơ sở những tài liệu sưu tầm, tập hợp được, cán bộ pháp chế cần tiến hành việc nghiên cứu học tập để nắm vững luật lệ chung và luật lệ riêng của ngành mình.

Công báo nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà số 10 năm 1959, tr. 154 - 157

NGÀY 11 THÁNG 8 NĂM 1959

Bộ Tư pháp, Bộ Công an, Viện Công tố Trung ương, Toà án nhân dân tối cao ban hành Thông tư liên bộ số 73-TT/LB quy định điều kiện và thủ tục xử tha tù trước kỳ hạn

Sau khi nêu mục đích, ý nghĩa của việc xử giảm án tù cũng như các điều kiện để được giảm án tù, Thông tư đưa ra các quy định cụ thể về thủ tục xử giảm án tù đối với phạm nhân thành án giam ở trại tạm giam tỉnh, thành phố; đối với phạm nhân giam ở trại cải tạo khu tự trị và đối với phạm nhân giam ở các trại cải tạo Trung ương.

Công báo nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà số 32 năm 1959, tr. 481

NGÀY 14 THÁNG 8 NĂM 1959

Thủ tướng Chính phủ ban hành Nghị định số 300-TTg tổ chức lại các Toà án nhân dân phúc thẩm

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tư pháp và Chánh án Toà án nhân dân tối cao, Thủ tướng Chính phủ ban hành Nghị định số 300-TTg về tổ chức lại các Toà án nhân dân phúc thẩm. Theo đó, sáp nhập các Toà án nhân dân phúc thẩm thành phố Hà Nội, Toà án nhân dân phúc thẩm Liên khu III, Toà án nhân dân phúc thẩm Tả Ngạn và Toà án nhân dân phúc thẩm Liên khu trực thuộc Trung ương thành một Toà án nhân dân phúc thẩm đóng trụ sở ở Hà Nội và lấy tên Toà án nhân dân phúc

thẩm Hà Nội. Toà án nhân dân phúc thẩm Hải Phòng, Hồng Quảng đổi tên là Toà án nhân dân phúc thẩm Hải Phòng, đóng trụ sở ở Hải Phòng. Toà án nhân dân phúc thẩm liên khu IV đổi tên là Toà án nhân dân phúc thẩm Vinh đóng trụ sở ở Vinh.

Nhiệm vụ chủ yếu của các Toà án nhân dân phúc thẩm Hà Nội, Hải Phòng và Vinh là xét xử lại những án bị kháng cáo của các Toà án nhân dân thành phố và tỉnh.

Công báo nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà số 32 năm 1959, tr. 478

NGÀY 11 THÁNG 11 NĂM 1959

Bộ Tư pháp và Toà án nhân dân tối cao ban hành Thông tư số 92-TC giải thích và quy định cụ thể về nhiệm vụ và quyền hạn của các Toà án nhân dân phúc thẩm Hà Nội, Hải Phòng và Vinh

Theo đó vị trí của các Toà án nhân dân phúc thẩm Hà Nội, Hải Phòng và Vinh được xác định là một cấp Toà án ở giữa Toà án nhân dân tỉnh, thành phố và Toà án nhân dân tối cao. Toà án nhân dân phúc thẩm Hà Nội, Hải Phòng và Vinh chuyên trách công việc xử án, không phụ trách công việc lãnh đạo về chương trình kế hoạch, quản lý cán bộ, hướng dẫn về đường lối... trong việc xử án, thì chủ yếu là công việc xử phúc thẩm, hơn nữa các Toà án này không có nhiệm vụ chính trong việc chỉ đạo công tác hành chính tư pháp ở các Toà án nhân dân cấp dưới. Việc chỉ đạo công tác hành chính tư pháp ở các Toà án nhân dân tỉnh, thành phố nay tập trung vào Toà án nhân dân tối cao (về mặt chỉ đạo chính trị, nghiệp vụ và quản lý cán bộ) và Bộ Tư pháp (về mặt tổ chức, thẩm quyền, huấn luyện cán bộ, tuyên truyền phổ biến pháp luật, xây dựng và quản lý các tổ chức Hội thẩm nhân dân, Luật sư, Bào chữa viên, Giám định viên, Công chứng viên v.v...).

Công báo nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà số 45 năm 1959, tr. 760 - 762

NGÀY 14 THÁNG 12 NĂM 1959

Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà ký ban hành Sắc lệnh số 051-SL bãi bỏ Điều 5 và Điều 6 Sắc lệnh số 53-SL ngày 20/10/1945 và Sắc lệnh số 25-SL ngày 25/02/1946 quy định về quốc tịch Việt Nam

Sắc lệnh do Bộ Tư pháp soạn thảo, Điều 2 Sắc lệnh quy định: “*Những phụ nữ Việt Nam lấy chồng có quốc tịch nước ngoài trước ngày ban hành Sắc lệnh này vẫn giữ quốc tịch Việt Nam. Người nào muốn theo quốc tịch của người chồng thì trong thời hạn 6 tháng kể từ ngày ban hành Sắc lệnh này phải xin bỏ quốc tịch Việt Nam và phải được Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà cho phép*”.

Công báo nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà số 51 năm 1959, tr. 833 - 834

NGÀY 29 THÁNG 12 NĂM 1959

Quốc hội khoá I kỳ họp thứ 11 thông qua Luật Hôn nhân và gia đình

Dưới tác động của chế độ kinh tế mới, gia đình Việt Nam thay đổi rất nhanh về quy mô tổ chức và về nội dung của các quan hệ nội bộ. Sắc lệnh số 97-SL và Sắc lệnh số 159-SL quy định về hôn nhân gia đình ban hành vào năm 1950 đã hoàn thành vai trò lịch sử, góp phần vào việc xoá bỏ chế độ hôn nhân và gia đình phong kiến lạc hậu nhưng không còn đáp ứng được yêu cầu và tình hình phát triển cách mạng. Mặt khác, hai Sắc lệnh đã trở nên quá đơn giản, thiếu những chế định hết sức quan trọng như độ tuổi, điều kiện kết hôn, mối quan hệ vợ chồng, quan hệ cha mẹ và con cái, con nuôi... Với những lý do trên, việc ban hành một đạo luật mới về hôn nhân và gia đình đã trở thành một đòi hỏi cấp bách của toàn thể xã hội.

Trước yêu cầu đó, tại kỳ họp thứ 9 Quốc hội khoá I (từ ngày 09 đến ngày 14/12/1958) đã nhất trí quyết nghị:

1. Giao cho Chính phủ nghiên cứu thảo luận một đạo luật về hôn nhân và gia đình để trình Quốc hội trong một khoá họp gần đây.

2. Trước khi có đạo luật hoàn chỉnh, Chính phủ nên có những biện pháp thích đáng nhằm ngăn chặn những việc không hợp lý còn tồn tại trong xã hội về hôn nhân gia đình.

Việc xây dựng Dự thảo Luật Hôn nhân và gia đình đã được Chính phủ giao cho Bộ Tư pháp và do ông Đinh Gia Trinh và ông Nguyễn Văn Hưởng chủ trì.

Trong tờ trình Chính phủ về Dự thảo Luật Hôn nhân và gia đình, Ban dự thảo đã nhấn mạnh: *“Chế độ phong kiến cưỡng ép trọng nam khinh nữ, coi rẻ quyền lợi của con cái cần phải xoá bỏ một cách triệt để. Đồng thời, Nhà nước phải bảo đảm thực hiện đầy đủ chế độ hôn nhân tự do và tiến bộ, chế độ gia đình dân chủ và bình đẳng. Cho nên việc ban hành một đạo luật về hôn nhân và gia đình mới là một đòi hỏi cấp bách của quần chúng lao động, và trở thành một tất yếu khách quan để hoàn thành cuộc cách mạng dân chủ ở miền Bắc”*.

Ngày 28/10/1959, Chính phủ ban hành Thông tư số 391-TTg về việc trưng cầu ý kiến nhân dân về Dự thảo Luật Hôn nhân và gia đình.

Ngày 23/12/1959, Chính phủ trình Quốc hội Tờ trình về dự thảo Luật Hôn nhân và gia đình.

Ngày 29/12/1959, tại kỳ họp thứ 11 Quốc hội khoá I thông qua Luật Hôn nhân và gia đình. Luật có 6 chương gồm 35 điều quy định nguyên tắc chung, về kết hôn, về nghĩa vụ và quyền lợi của vợ chồng, về quan hệ giữa cha mẹ và con cái, về ly hôn. Luật Hôn nhân và gia đình được thông qua dựa trên bốn nguyên tắc căn bản là: hôn nhân tự do và tiến bộ, một vợ một chồng, nam nữ bình đẳng,

bảo vệ quyền lợi phụ nữ và con cái. Đó là chỗ dựa và vũ khí đấu tranh của nhân dân, nhất là chị em phụ nữ, để cải tạo gia đình cũ, xây dựng, củng cố và phát triển những quan hệ gia đình mới tiến bộ dựa trên cơ sở hôn nhân và gia đình xã hội chủ nghĩa. Ngày 13/01/1960, Chủ tịch nước ra Sắc lệnh số 2-SL công bố Luật Hôn nhân và gia đình.

*Công báo nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà số 43 năm 1959, tr. 730
và số 4 năm 1960, tr. 54*

NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 1959

Quốc hội khoá I kỳ họp thứ 11 thông qua Hiến pháp năm 1959

Quốc hội họp phiên toàn thể thông qua Hiến pháp mới với sự nhất trí tuyệt đối 206 phiếu tán thành trên 206 đại biểu có mặt. Trong lời phát biểu sau khi Quốc hội thông qua bản Hiến pháp mới, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định: Bản Hiến pháp mới của chúng ta sẽ khuyến khích hơn nữa đồng bào miền Bắc thi đua xây dựng chủ nghĩa xã hội, khuyến khích đồng bào miền Nam đấu tranh bền bỉ hơn nữa để đòi hỏi tự do dân chủ và thống nhất nước nhà. Ngày 01/01/1960, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh số 1-SL công bố Hiến pháp mới năm 1959.

Theo Hiến pháp năm 1959, tổ chức bộ máy nhà nước có những sửa đổi căn bản so với những quy định trong Hiến pháp năm 1946. Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà và Phó Chủ tịch nước được tách ra khỏi Hội đồng Chính phủ và có quyền thay mặt nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà về mặt đối nội và đối ngoại. Hội đồng Chính phủ là cơ quan chấp hành của cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất và là cơ quan hành chính nhà nước cao nhất của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. Theo quy định tại Chương VIII Hiến pháp năm 1959, “Toà án nhân dân và Viện kiểm sát nhân dân” không còn trực thuộc Hội đồng Chính phủ mà chịu trách nhiệm và báo cáo trước cơ quan quyền lực nhà nước đó là Quốc hội.

Hệ thống Toà án nhân dân theo Hiến pháp năm 1959 bao gồm Toà án nhân dân tối cao, các Toà án nhân dân địa phương, các Toà án Quân sự. Trong trường hợp cần xét xử những vụ án đặc biệt, Quốc hội có thể quyết định thành lập Toà án đặc biệt (Điều 97). Điểm thay đổi đáng kể trong các quy định về toà án trong Hiến pháp năm 1959 là “các Toà án nhân dân thực hành chế độ thẩm phán bầu theo quy định của pháp luật” (Điều 98). Việc xét xử ở các Toà án nhân dân có Hội thẩm nhân dân tham gia theo quy định của pháp luật. Khi xét xử, Hội thẩm nhân dân ngang quyền với Thẩm phán (Điều 99). Khi xét xử, Toà án nhân dân có quyền độc lập và chỉ tuân theo pháp luật (Điều 100). Toà án nhân dân tối cao là cơ quan xét

xử cao nhất của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. Toà án nhân dân tối cao giám đốc việc xét xử của các Toà án nhân dân địa phương, Toà án Quân sự và Toà án đặc biệt (Điều 103).

Về hệ thống Viện kiểm sát, Hiến pháp năm 1959 quy định: “Viện kiểm sát nhân dân tối cao nước Việt Nam dân chủ cộng hoà kiểm sát việc tuân theo pháp luật của các cơ quan thuộc Hội đồng Chính phủ, cơ quan nhà nước địa phương, các nhân viên cơ quan nhà nước và công dân. Các Viện kiểm sát nhân dân địa phương và Viện kiểm sát quân sự có quyền kiểm sát trong phạm vi do luật định” (Điều 105). Nhiệm kỳ của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao là năm năm. Tổ chức của các Viện kiểm sát nhân dân do luật định (Điều 106). Viện kiểm sát nhân dân các cấp chỉ chịu sự lãnh đạo của Viện kiểm sát nhân dân cấp trên và sự lãnh đạo thống nhất của Viện kiểm sát nhân dân tối cao (Điều 107). Viện kiểm sát nhân dân tối cao chịu trách nhiệm và báo cáo công tác trước Quốc hội, trong thời gian Quốc hội không họp thì chịu trách nhiệm và báo cáo công tác trước Ủy ban Thường vụ Quốc hội (Điều 108).

Lịch sử Quốc hội Việt Nam 1946-1959, tr. 204;

Công báo nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà số 1 năm 1960, tr. 3 - 13

NĂM 1960

NGÀY 11 THÁNG 02 NĂM 1960

Hội đồng Chính phủ ban hành Nghị định số 01-CP quy định nhiệm vụ và tổ chức của Bộ Tư pháp

Nghị định được ban hành theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tư pháp. Nghị định quy định Bộ Tư pháp có nhiệm vụ: nghiên cứu những quy định về hệ thống tổ chức và thẩm quyền của Tòa án nhân dân địa phương các cấp, của tư pháp ở xã; hướng dẫn việc thực hiện các quy định này. Nghiên cứu và dự thảo các bộ luật, đạo luật tổng hợp về dân sự, hình sự và thủ tục tố tụng. Chỉ đạo công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật nhằm mục đích giáo dục cho nhân dân ý thức tuân theo pháp luật. Nghiên cứu những quy định về Hội thẩm nhân dân, về tổ chức luật sư, Bào chữa viên, Công chứng viên, Giám định viên và quản lý các tổ chức ấy. Đào tạo và giáo dục cán bộ tòa án và cán bộ tư pháp. Quản lý cán bộ và biên chế của Ngành Tư pháp. Hướng dẫn, kiểm tra và tổng kết công tác của Ngành Tư pháp. Tổ chức của Bộ Tư pháp bao gồm 3 Vụ, 1 Trường và Văn phòng.

Công báo nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà số 7 ngày 24/02/1960, tr. 97 - 98

NGÀY 15 THÁNG 3 NĂM 1960

Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Quyết định số 06 về tổ chức Bộ Tư pháp

Theo đó, tổ chức của Bộ Tư pháp gồm có: 1. Vụ Tổ chức - Cán bộ; 2. Vụ Nghiên cứu pháp luật; 3. Vụ Tuyên giáo; 4. Trường Cán bộ Tư pháp; 5. Văn phòng.

1. Vụ Tổ chức - Cán bộ có nhiệm vụ nghiên cứu, theo dõi và tổng kết kinh nghiệm về những vấn đề sau đây:

- Hệ thống tổ chức, thẩm quyền và tổ chức nội bộ của các Tòa án nhân dân địa phương; thiết lập các Tòa án nhân dân địa phương; những thể lệ về bầu cử và bãi miễn các thẩm phán Tòa án nhân dân địa phương;

- Nghiên cứu tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan tư pháp địa phương, giúp Bộ quản lý cán bộ và biên chế của Ngành Tư pháp theo chế độ phân cấp quản lý cán bộ và biên chế chung;

- Dự thảo các đạo luật tổng hợp và các bộ luật về thủ tục tố tụng hình sự và

dân sự; giúp Bộ hướng dẫn việc thực hiện các nguyên tắc về thủ tục tố tụng ở các Tòa án nhân dân địa phương; tổng kết kinh nghiệm về việc thực hiện thủ tục tố tụng ở các Tòa án nhân dân địa phương.

Vụ Tổ chức - Cán bộ gồm có: Phòng Tổ chức - Cán bộ và Phòng Chế định.

2. *Vụ Nghiên cứu pháp luật* có nhiệm vụ tổng kết kinh nghiệm về thi hành pháp luật hình sự và dân sự để dự thảo các đạo luật tổng hợp về hình sự, dân sự và bộ hình luật, bộ dân luật; sưu tầm những pháp luật về hình sự và dân sự đã được ban hành để làm tài liệu nghiên cứu cho các Tòa án và cơ quan tư pháp.

Vụ Nghiên cứu pháp luật gồm có: Phòng Hình luật và Phòng Dân luật.

3. *Vụ Tuyên giáo* có nhiệm vụ:

- Nghiên cứu chương trình và kế hoạch đào tạo, giáo dục cán bộ toà án và cán bộ tư pháp, giúp Bộ chỉ đạo công tác đào tạo, giáo dục cán bộ toà án và cán bộ tư pháp địa phương;

- Chỉ đạo công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật ở các địa phương.

Vụ Tuyên giáo gồm có: Phòng Giáo dục và Phòng Tuyên truyền phổ biến pháp luật.

4. *Trường Cán bộ Tư pháp* có nhiệm vụ: huấn luyện về chính trị và nghiệp vụ cho các cán bộ toà án và cán bộ tư pháp từ Thẩm phán huyện hoặc tương đương Thẩm phán huyện trở lên.

Trường Cán bộ Tư pháp gồm có: Phòng Giáo vụ và Phòng Tổ chức - Hành chính.

5. *Văn phòng* có nhiệm vụ: giúp Bộ trưởng và Thứ trưởng trong việc tổng hợp tình hình công tác mọi mặt của Bộ, điều hoà, phối hợp công tác giữa các bộ phận của Bộ, theo dõi, nhắc nhở thực hiện chương trình công tác của Bộ, thực hiện chế độ và chương trình sinh hoạt của Bộ, theo dõi, nhắc nhở và phối hợp công tác giữa các bộ phận về công tác miền núi; nghiên cứu những công tác mà không có bộ phận nào phụ trách; phụ trách công tác thi đua; phụ trách các công tác tài chính, kế toán, quản trị và bảo vệ cơ quan.

Văn phòng gồm có: Phòng Hành chính - Tổng hợp và Phòng Kế toán - Quản trị.

Công báo nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà số 17 ngày 27/4/1960, tr. 301 - 303

THỜI KỲ TỪ THÁNG 7/1960 - 1980 **(Thời kỳ không có Bộ Tư pháp)**

NGÀY 14 THÁNG 7 NĂM 1960

Quốc hội khoá II kỳ họp thứ nhất thông qua Luật Tổ chức Hội đồng Chính phủ, theo quy định của Luật này trong bộ máy Chính phủ không còn Bộ Tư pháp

Quốc hội khoá II kỳ họp thứ nhất thông qua Luật Tổ chức Hội đồng Chính phủ. Luật gồm 12 điều quy định cơ cấu tổ chức, nhân sự, quyền hạn, hình thức hội nghị của Hội đồng Chính phủ. Tại Điều 3 Luật quy định về cơ cấu của Chính phủ gồm 20 bộ và cơ quan ngang bộ nhưng không có Bộ Tư pháp. Như vậy, mặc nhiên Bộ Tư pháp không còn trong bộ máy Chính phủ. Không có một quyết định chính thức nào của cơ quan có thẩm quyền về việc giải thể Bộ Tư pháp.

Đề tài 50 năm Ngành Tư pháp Việt Nam - Viện Nghiên cứu khoa học pháp lý, tr. 35
Công báo nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà số 32 ngày 03/8/1960, tr. 550 - 551

Quốc hội khoá II kỳ họp thứ nhất thông qua Luật Tổ chức Tòa án nhân dân

Luật gồm 3 chương, 29 điều. Chương I quy định nguyên tắc chung, Chương II quy định quyền hạn và tổ chức của Tòa án nhân dân các cấp, Chương III quy định về Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân.

Theo quy định tại luật này thì các Tòa án nhân dân là những cơ quan xét xử của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, xét xử những vụ án hình sự và dân sự để trừng trị những kẻ phạm tội và giải quyết những việc tranh chấp về dân sự trong nhân dân.

“Mục đích của việc xét xử là bảo vệ chế độ dân chủ nhân dân, trật tự xã hội, tài sản công cộng và quyền lợi hợp pháp của nhân dân, góp phần bảo đảm cho công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và sự nghiệp đấu tranh nhằm thực hiện thống nhất nước nhà được tiến hành thắng lợi. Trong mọi hoạt động của mình, Tòa án nhân dân giáo dục công dân trung thành với Tổ quốc, với chế độ

dân chủ nhân dân, tôn trọng tài sản công cộng, tự giác tuân theo pháp luật, kỷ luật lao động và quy tắc sinh hoạt xã hội. Tòa án nhân dân xử phạt về hình sự không những chỉ trừng trị phạm nhân mà còn nhằm giáo dục và cải tạo họ” (Điều 1).

Các Tòa án nhân dân gồm có: Tòa án nhân dân tối cao, các Tòa án nhân dân địa phương, các Tòa án Quân sự. Tổ chức các Tòa án Quân sự sẽ do Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định riêng (Điều 2).

“Tòa án nhân dân xét xử theo nguyên tắc mọi công dân đều bình đẳng trước pháp luật, không phân biệt nam nữ, dân tộc, nòi giống, tôn giáo, tín ngưỡng, địa vị xã hội và thành phần xã hội” (Điều 3).

“Khi xét xử, Tòa án nhân dân có quyền độc lập và chỉ tuân theo pháp luật” (Điều 4).

“Việc xét xử tại các Tòa án nhân dân đều công khai, trừ trường hợp đặc biệt mà Tòa án nhân dân xét thấy cần xử kín để giữ gìn bí mật nhà nước hoặc giữ gìn đạo đức xã hội” (Điều 6).

“Quyền bào chữa của bị cáo được bảo đảm” (Điều 7).

“Tòa án nhân dân bảo đảm cho công dân thuộc các dân tộc thiểu số có quyền dùng tiếng nói, chữ viết của dân tộc mình trước tòa án” (Điều 8).

Công báo nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà số 32 ngày 03/8/1960, tr. 552 - 555

NGÀY 05 THÁNG 9 NĂM 1960

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng Lao động Việt Nam đặt ra vấn đề kiện toàn các cơ quan tư pháp trong Nhà nước Dân chủ nhân dân

Nghị quyết của Đại hội đã đặt ra vấn đề kiện toàn các cơ quan tư pháp trong Nhà nước Dân chủ nhân dân.

- Nhà nước có trách nhiệm bảo đảm mọi quyền lợi của nhân dân, không ngừng mở rộng dân chủ, thi hành đúng Hiến pháp và các luật lệ đã ban hành, xây dựng pháp chế xã hội chủ nghĩa và giáo dục mọi người tôn trọng pháp luật; phát huy tinh thần làm chủ, nâng cao trình độ chính trị, văn hóa của nhân dân.

- Nhà nước Dân chủ nhân dân dựa trên cơ sở liên minh công nông và được sự ủng hộ của toàn thể nhân dân, phải thực hành chuyên chính với bọn phản cách mạng, nghiêm trị những kẻ chống lại cách mạng xã hội chủ nghĩa và công cuộc đấu tranh thực hiện thống nhất nước nhà. Phải kiện toàn cơ quan công an nhân dân; tòa án nhân dân, cơ quan kiểm sát nhân dân, giáo dục nhân dân nâng cao tinh

thần cảnh giác cách mạng; động viên và tổ chức quần chúng tích cực tham gia giữ gìn trật tự trị an, đấu tranh nhằm trừng trị bọn phản cách mạng và cải tạo những phần tử lạc hậu.

Văn kiện Đảng Toàn tập, Tập 21, Nxb. Chính trị quốc gia, H. 2003

NGÀY 17 THÁNG 9 NĂM 1960

Ủy ban Thường vụ Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà ra Nghị quyết số 7 NQ/TVQH về việc bổ nhiệm cán bộ của Tòa án nhân dân tối cao và Viện kiểm sát nhân dân tối cao

Theo Nghị quyết này, một số cán bộ trong đó có cán bộ của Bộ Tư pháp được bổ nhiệm giữ các chức vụ lãnh đạo của Tòa án nhân dân tối cao và Viện kiểm sát nhân dân tối cao:

- Ông Nguyễn Trác và Lê Giản được bổ nhiệm làm Phó Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

- Ông Trần Công Tường và Trần Hiệu được bổ nhiệm làm Phó Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

Tập san tư pháp số 1 năm 1960, tr. 62

NĂM 1960

Thành lập Trường Cán bộ Tư pháp

Năm 1960, Ngành Tư pháp được Nhà nước cho phép thành lập Trường Cán bộ Tư pháp. Do điều kiện khách quan của lịch sử, cuối năm 1960 đầu năm 1961, Bộ Tư pháp không còn, Trường Cán bộ Tư pháp được chuyển giao cho Tòa án nhân dân tối cao quản lý và được đổi tên là Trường Cán bộ Tòa án.

Chuyên đề 60 năm đào tạo và bồi dưỡng cán bộ pháp lý -

Vũ Văn Quý, Phó Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ,

Tài liệu của Viện Khoa học pháp lý - Bộ Tư pháp

NĂM 1964

NGÀY 26 THÁNG 02 NĂM 1964

Toà án nhân dân tối cao ban hành Thông tư số 02-TC về việc xây dựng Tổ hoà giải và kiện toàn tổ chức tư pháp xã, khu phố

Thông tư xác định “Tổ hoà giải là một tổ chức xã hội chứ không phải là một tổ chức chính quyền. Tổ hoà giải không phân xử mà chỉ giải thích, thuyết phục để giúp đỡ cho hai bên tự giác đoàn kết, giải quyết được những việc xích mích, tranh chấp một cách có tình, có lý; tuyệt đối không được gò ép nhân dân trong khi hoà giải”.

Nhiệm vụ cụ thể của Tổ hoà giải, đó là:

- Hoà giải những việc tranh chấp về dân sự;
- Hoà giải những việc ly hôn và vận động nhân dân ngăn chặn những việc vi phạm Luật Hôn nhân và gia đình (như: cưỡng hôn, tảo hôn, lấy vợ lẽ, ngược đãi vợ con v.v...);
- Dàn xếp những việc cãi chửi nhau, đánh nhau nhỏ nhặt và gian tham vặt;
- Thông qua công tác hoà giải, giáo dục nhân dân tự nguyện chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật và các chính sách của Đảng và Nhà nước.

Việc hoà giải ở Tổ hoà giải không có tính chất bắt buộc.

...Muốn cho công tác hoà giải đạt được kết quả tốt cần chọn những người có tín nhiệm với nhân dân và có khả năng giúp đỡ nhân dân giải quyết đúng đắn những việc xích mích và tranh chấp.

Tập luật lệ tư pháp - Tòa án nhân dân tối cao

NĂM 1966

NGÀY 05 THÁNG 01 NĂM 1966

Thành lập Ban Pháp chế của Trung ương Đảng

Nhằm kiện toàn và tăng cường công tác pháp chế xã hội chủ nghĩa, đáp ứng kịp thời yêu cầu phát triển của sự nghiệp cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội, cũng như sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, giải phóng miền Nam bảo vệ miền Bắc, thực hiện thống nhất đất nước, Ban Chấp hành Trung ương Đảng ra Nghị quyết số 133/NQ-TW về việc thành lập Ban Pháp chế của Trung ương Đảng.

Ban Pháp chế Trung ương có nhiệm vụ như sau:

a) Thảo ra và trình Bộ Chính trị thông qua chương trình xây dựng pháp luật của Nhà nước và giúp Trung ương chỉ đạo việc thực hiện chương trình đó; chuẩn bị các dự án luật, pháp lệnh, pháp điển để trình Bộ Chính trị xét duyệt trước khi đưa ra Chính phủ và Quốc hội hoặc Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

b) Phối hợp với Ban Tuyên giáo Trung ương đặt kế hoạch tuyên truyền, giáo dục pháp luật chung cho các ngành (kể cả các trường học và các cơ quan thông tin, tuyên truyền, báo chí) và theo dõi việc thực hiện kế hoạch đó.

c) Hướng dẫn và kiểm tra việc thực hiện các công tác pháp luật khác do Trung ương giao cho.

Trưởng Ban Pháp chế Trung ương là ông Trường Chinh, Phó ban là ông Hoàng Quốc Việt. Các ủy viên: Phạm Văn Đồng, Hoàng Văn Hoan, Trần Quốc Hoàn, Ung Văn Khiêm, Phạm Văn Bạch, Trần Công Tường, Trương Tấn Phát, Nguyễn Trác.

Ngày 03/5/1967, để đảm bảo thực hiện có kết quả những nhiệm vụ và quyền hạn bộ máy giúp việc của Ban Pháp chế Trung ương trực thuộc Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Ban Pháp chế Trung ương ban hành Đề án xây dựng bộ máy làm việc của Ban Pháp chế Trung ương Đảng. Đề án đã đề cập đến các vấn đề về tổ chức bộ máy, nhiệm vụ, biên chế và phương tiện làm việc.

Tài liệu lưu trữ Văn phòng Trung ương Đảng

NĂM 1969

NGÀY 06 THÁNG 6 NĂM 1969

Đại hội đại biểu quốc dân miền Nam bầu Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam

Đại hội tuyên bố lập chính thể Cộng hoà miền Nam Việt Nam, bầu Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam và Hội đồng cố vấn bên cạnh Chính phủ. Bộ trưởng Bộ Tư pháp trong Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam là ông Trương Như Tảng.

Đại hội đại biểu quốc dân miền Nam Việt Nam là một sự kiện lịch sử có ý nghĩa trọng đại, đánh dấu một bước phát triển mới và tất yếu của cuộc đấu tranh cách mạng Việt Nam.

Ngày 12/6/1969, Ủy ban Thường vụ Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà ra lời tuyên bố về việc thành lập Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam. Lời tuyên bố có đoạn viết: *“Việc Đại hội đại biểu quốc dân miền Nam Việt Nam họp với sự có mặt đông đủ đại biểu của Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam, của liên minh các lực lượng dân tộc dân chủ và hoà bình Việt Nam, của các chính đảng, của các đoàn thể, các dân tộc, các tôn giáo, các lực lượng kháng chiến và các nhân sĩ yêu nước ở miền Nam, của kiều bào nước ngoài, đã thể hiện rõ rệt tính chất đại diện đầy đủ nhất và cao nhất của nhân dân miền Nam Việt Nam”*.

Lịch sử Quốc hội Việt Nam 1960-1976, tr. 140 - 141, 143

NĂM 1972

NGÀY 14 THÁNG 9 NĂM 1972

Ủy ban Thường vụ Quốc hội ra Nghị quyết thành lập Ủy ban Pháp chế trực thuộc Hội đồng Chính phủ

Ngày 12/9/1972, Phủ Thủ tướng trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội Tờ trình số 911-TC về việc thành lập Ủy ban Pháp chế. Đánh giá về công tác pháp chế, Tờ trình nhận định: *“Công tác pháp chế chưa được gắn chặt với toàn bộ việc quản lý Nhà nước. Đặc biệt trong quản lý kinh tế, pháp chế chưa được sử dụng rộng rãi, mạnh mẽ để thúc đẩy sự phát triển nền kinh tế quốc dân... Hệ thống tổ chức pháp chế chưa thành hình. Tình trạng tùy tiện thiếu nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật còn rất phổ biến; kỷ luật lao động sản xuất quá lỏng lẻo; tài sản xã hội chủ nghĩa bị xâm phạm nhiều... Việc xử lý các trường hợp vi phạm luật pháp không nghiêm, không kết hợp đúng mức biện pháp giáo dục với biện pháp bắt buộc của luật pháp. Ý thức pháp chế xã hội chủ nghĩa chưa được thấm nhuần trong cán bộ và nhân dân”*.

Xuất phát từ thực tế đó, Tờ trình xác định: *“Việc xây dựng các luật pháp về kinh tế cũng như xây dựng những luật pháp trong những lĩnh vực khác đi liền với luật pháp kinh tế phải được xúc tiến một cách khẩn trương nhằm dần dần hình thành một hệ thống pháp luật đầy đủ, một công cụ quan trọng của Nhà nước trong việc quản lý nền kinh tế quốc dân cũng như mọi hoạt động của Nhà nước”*.

Để làm được điều đó, Hội đồng Chính phủ đề nghị Ủy ban Thường vụ Quốc hội phê chuẩn việc thành lập Ủy ban Pháp chế của Hội đồng Chính phủ.

Theo Tờ trình thì: Ủy ban Pháp chế là cơ quan trực thuộc Hội đồng Chính phủ, là cơ quan chủ quản về mặt pháp chế của Hội đồng Chính phủ, được phân công phụ trách công tác pháp chế do Hội đồng Chính phủ đảm nhiệm trong việc quản lý nhà nước, đặc biệt trong việc quản lý kinh tế. Căn cứ vào đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, Ủy ban Pháp chế phối hợp các ngành, các cấp xây dựng và thực hiện chương trình luật pháp, hướng dẫn việc thi hành luật pháp ở các ngành, các cấp và trong nhân dân. Ủy ban Pháp chế phụ trách công tác hành chính

tư pháp và các trường đào tạo cán bộ pháp lý, đặt kế hoạch tổ chức nghiên cứu khoa học pháp lý, kế hoạch tổ chức tuyên truyền, phổ biến luật pháp và nắm tình hình xây dựng và chấp hành luật pháp trong các cơ quan nhà nước và nhân dân, nắm tình hình chấp hành luật pháp kinh tế, tổng kết công tác và đề ra những biện pháp pháp luật nhằm tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa.

...Toàn bộ hoạt động của Ủy ban Pháp chế nhằm làm cho vai trò làm chủ tập thể của nhân dân lao động, trí sáng tạo của đông đảo quần chúng được phát huy, nền dân chủ xã hội chủ nghĩa không ngừng được mở rộng, pháp chế xã hội chủ nghĩa luôn luôn được tăng cường.

Ngày 14/02/1972, trên cơ sở tờ trình, Ủy ban Thường vụ Quốc hội ra Nghị quyết số 133-NQ/QH/K4 về việc thành lập Ủy ban Pháp chế là cơ quan trực thuộc Hội đồng Chính phủ. Theo đó, Ủy ban Pháp chế có trách nhiệm quản lý thống nhất công tác pháp chế của Hội đồng Chính phủ theo đường lối, chính sách của Đảng và Hiến pháp của Nhà nước, làm cho pháp chế trở thành sức mạnh, uy quyền của Nhà nước dân chủ nhân dân trong việc quản lý kinh tế và các lĩnh vực công tác khác của Nhà nước và trong mọi mặt của đời sống xã hội, góp phần nâng cao ý thức trách nhiệm và kỷ luật trong lao động, bảo vệ tài sản xã hội chủ nghĩa và tài sản riêng của công dân, bảo vệ trật tự trị an; đề cao vai trò làm chủ tập thể của quần chúng, tăng cường chuyên chính đối với bọn phản cách mạng và không ngừng mở rộng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa đối với nhân dân.

Chủ nhiệm Ủy ban Pháp chế là ông Trần Công Tường.

Hồ sơ số 02, Hộp số 1 - Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 09 THÁNG 10 NĂM 1972

Hội đồng Chính phủ ban hành Nghị định số 190-CP quy định nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Ủy ban Pháp chế

Nghị định quy định cụ thể nhiệm vụ và quyền hạn của Ủy ban Pháp chế trong các lĩnh vực xây dựng pháp luật, thi hành pháp luật, xây dựng ngành pháp chế, công tác hành chính tư pháp, đào tạo cán bộ pháp lý, nghiên cứu khoa học pháp lý và tổng kết công tác pháp chế.

Tổ chức bộ máy của Ủy ban Pháp chế gồm có: Văn phòng, Vụ Dự thảo pháp luật chung và hệ thống hoá pháp luật, Vụ Pháp luật kinh tế, Vụ Hướng dẫn thi hành pháp luật, Vụ Hành chính tư pháp, Vụ Tuyên truyền, phổ biến pháp luật, Vụ Tổ chức và Cán bộ, Trường Pháp lý và Viện Nghiên cứu pháp lý.

Hệ thống tổ chức pháp chế ở các ngành, các cấp gồm có: Vụ Pháp chế, Phòng Pháp chế hoặc tổ chức pháp chế ở các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan trực thuộc Hội đồng Chính phủ; Sở Pháp chế, Ty Pháp chế, Phòng Pháp chế ở khu, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Phòng hoặc Tổ Pháp chế ở huyện và các đơn vị tương đương; Tổ Pháp chế hoặc cán bộ pháp chế ở cơ sở (xã, xí nghiệp và các đơn vị tương đương).

Việc bổ nhiệm các Trưởng, Phó ty và Giám đốc, Phó Giám đốc cơ quan pháp chế ở địa phương do Ủy ban hành chính tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định, sau khi đã có sự thoả thuận của Chủ nhiệm Ủy ban Pháp chế.

Phụ lục Công báo số 8 năm 1972, tr. 100 - 102

NĂM 1973

THÁNG 01 NĂM 1973

Đoàn đại biểu Ủy ban Pháp chế tham dự Hội nghị Bộ trưởng Bộ Tư pháp các nước xã hội chủ nghĩa lần thứ hai

Hội nghị được tổ chức tại Mat-xcơ-va (Liên Xô). Đoàn Việt Nam tham dự Hội nghị có Chủ nhiệm Ủy ban Pháp chế Trần Công Tường (Trưởng đoàn) và các ông Cù Đình Lộ, Nguyễn Văn Thảo, Trần Châu Giáo.

*Ghi chép của ông Nguyễn Văn Thảo -
Nguyên Viện trưởng Viện Nghiên cứu khoa học pháp lý, Bộ Tư pháp*

CUỐI THÁNG 02 NĂM 1973

Ủy ban Pháp chế xây dựng Đề án mở lớp pháp lý ngắn hạn

Để giúp Hội đồng Chính phủ quản lý thống nhất công tác pháp chế và đẩy mạnh các công tác mà việc tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa đề ra cũng như đáp ứng yêu cầu cán bộ pháp chế (bao gồm cả cán bộ pháp chế bộ, ngành), đặc biệt là xây dựng đội ngũ cán bộ pháp lý kinh tế, xét thấy trong mấy năm đầu cần tổ chức những lớp pháp lý ngắn hạn song song với việc mở trường Đại học Pháp lý, Ủy ban Pháp chế đã xây dựng Đề án mở lớp pháp lý ngắn hạn.

Mục đích của lớp học là đào tạo ngắn hạn cán bộ pháp lý để bước đầu cung cấp cho Ủy ban Pháp chế, cho các bộ, Tổng cục và Ủy ban hành chính khu, thành, tỉnh và cho một số xí nghiệp quan trọng.

Mục tiêu là nhằm đào tạo những cán bộ: nắm được những điểm chính về tổ chức và hoạt động của Nhà nước ta, nắm được những nguyên tắc cơ bản về pháp chế; nắm được những điểm cơ bản về một số ngành luật phục vụ quản lý nhà nước và quản lý kinh tế; có ý thức chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật và có tinh thần đấu tranh để pháp luật được chấp hành nghiêm chỉnh; bước đầu làm quen với phương pháp, nghiệp vụ pháp chế.

Chương trình học là những vấn đề cơ bản về Nhà nước và pháp chế, những

ngành pháp luật phục vụ quản lý nhà nước, đặc biệt là phục vụ quản lý kinh tế, một số văn bản pháp luật hiện hành cần thiết nhất.

Lớp pháp lý ngắn hạn được mở trong thời gian 3 tháng.

Hồ sơ số 18, 3690, Phòng PTT - Trung tâm LTQG III

THÁNG 9 NĂM 1973

Hội nghị pháp chế các bộ

Mục đích của Hội nghị là tổng kết việc xây dựng, kiện toàn tổ chức và triển khai hoạt động của các bộ phận pháp chế ở bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan trực thuộc Hội đồng Chính phủ.

Đánh giá về hoạt động của các bộ phận pháp chế ở bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan trực thuộc Hội đồng Chính phủ, Hội nghị nhận định: các bộ phận pháp chế hoạt động tương đối tích cực, nhất là ở một số bộ, ngành như: Bộ Lao động, Bộ Tài chính, Ngân hàng nhà nước Việt Nam, Bộ Nội vụ... Tuy nhiên, nhìn chung hoạt động chuyên môn pháp chế ở các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan trực thuộc Hội đồng Chính phủ còn rất nghèo nàn; các bộ phận pháp chế chưa có vai trò tích cực đáng kể giúp Thủ trưởng ngành tăng cường quản lý bằng pháp luật.

*Hồ sơ số 04, Hộp số 1 - Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp
Tài liệu Hội nghị pháp chế các bộ, tháng 9/1973*

NĂM 1974

NGÀY 22 THÁNG 01 NĂM 1974

Hội nghị lần thứ 22 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng với việc tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa

Hội nghị lần thứ 22 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp và ra Nghị quyết số 229-NQ/TW về nhiệm vụ, phương hướng khôi phục và phát triển kinh tế miền Bắc trong 2 năm 1974-1975. Tại mục III về những công tác lớn nhằm bảo đảm thực hiện thắng lợi nhiệm vụ khôi phục và phát triển kinh tế, một trong những công tác được Nghị quyết đề ra đó là tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa, theo đó nêu rõ:

Phát huy chức năng và tác dụng của pháp chế xã hội chủ nghĩa, để tăng cường vai trò quản lý của Nhà nước, phát huy quyền làm chủ của quần chúng.

Pháp chế xã hội chủ nghĩa phải thúc đẩy mọi người nâng cao trách nhiệm trong lao động sản xuất, trong quản lý kinh tế, trong việc bảo vệ tài sản xã hội chủ nghĩa. Ban hành các luật lệ để cụ thể hóa và bảo vệ quyền dân chủ xã hội chủ nghĩa, ngăn chặn những hành động lạm quyền, trù ép, ức hiếp nhân dân hoặc vu cáo, báo thù những người trung thực.

Phải làm tốt công tác trị an, kiên quyết trừng trị những hành động vi phạm pháp luật, phá rối trật tự trị an xã hội.

Tăng cường công tác giám sát, thanh tra, kiểm tra và giải quyết những việc nhân dân khiếu nại tố giác.

Tuân theo pháp luật, ủng hộ việc thi hành pháp luật, là nghĩa vụ của mọi người công dân, đồng thời là một nội dung của đạo đức mới. Thường xuyên giáo dục cho cán bộ, đảng viên và nhân dân hiểu rõ và tuân theo pháp luật, động viên mạnh mẽ dư luận xã hội đấu tranh ngăn chặn và bài trừ mọi hành động phạm pháp.

Văn kiện Đảng, Tập 34, 1974, Nxb. Chính trị quốc gia, H. 2004, tr. 421

NGÀY 25 THÁNG 01 NĂM 1974

Ban Chấp hành Trung ương Đảng ra Nghị quyết số 240-NQ/TW, trong đó khẳng định phải từng bước hoàn chỉnh hệ thống pháp luật, coi trọng xây dựng pháp luật về kinh tế

Tại Mục II về nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng, điểm 1 về nâng cao năng lực lãnh đạo về đường lối, chính sách, Nghị quyết khẳng định:

Phải tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa. Từng bước hoàn chỉnh hệ thống pháp luật, coi trọng xây dựng pháp luật về kinh tế, bổ sung các quy định về tổ chức bộ máy nhà nước và chế độ hoạt động của cơ quan nhà nước ở các ngành, các cấp cho phù hợp với yêu cầu quản lý kinh tế, quản lý xã hội trong giai đoạn mới. Cải tiến công tác và phát huy quyền lực của Quốc hội, Hội đồng Chính phủ, HĐND và Ủy ban hành chính các cấp. Tăng cường tổ chức và hoạt động của các cơ quan làm nhiệm vụ thi hành pháp luật, giữ gìn trật tự an ninh.

Đi đôi với các hoạt động tuyên truyền, giáo dục, Nhà nước phải kiểm tra nghiêm ngặt việc thi hành pháp luật, đề cao kỷ luật nhà nước, cưỡng bức những người không thi hành nghĩa vụ công dân, trừng phạt những kẻ phạm pháp.

Văn kiện Đảng toàn tập, Tập 35, 1974, Nxb. Chính trị quốc gia, H. 2004, tr. 294

NGÀY 10 THÁNG 5 NĂM 1974

Ủy ban Pháp chế ban hành Thông tư số 100-VP hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của cơ quan pháp chế ở các bộ và Tổng cục, ở các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Ủy ban Pháp chế của Hội đồng Chính phủ ban hành Thông tư số 100-VP hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của cơ quan pháp chế ở các bộ và Tổng cục, ở các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Theo đó, các cơ quan pháp chế này có hai chức năng chủ yếu sau:

Thứ nhất, quản lý thống nhất công tác xây dựng và ban hành pháp luật, hướng dẫn và theo dõi thi hành pháp luật, xây dựng cơ quan pháp chế cấp dưới, bồi dưỡng cán bộ pháp chế, quản lý hành chính tư pháp.

Thứ hai, làm tư vấn pháp luật cho cơ quan lãnh đạo (Bộ, Tổng cục, Ủy ban hành chính) về các vấn đề có liên quan đến pháp chế.

Hồ sơ số 13, Hộp số 1 - Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 20 - 22 THÁNG 6 NĂM 1974

Hội nghị tổng kết công tác pháp chế năm 1973

Đến dự Hội nghị có ông Nguyễn Trác và ông Trương Tấn Phát.

Đánh giá công tác pháp chế năm 1973, Hội nghị nhận định: công tác pháp chế trong năm 1973 đã thu được những kết quả nhất định:

- Xây dựng được một hệ thống pháp luật xã hội chủ nghĩa thống nhất theo đường lối, chính sách của Đảng, kế hoạch của Nhà nước (Dự án Pháp lệnh xét khiếu tố, Dự án Luật Ruộng đất, Điều lệ hợp đồng kinh tế...);

- Bước đầu xây dựng được một mạng lưới pháp chế ở các nơi với những hình thức tổ chức thích hợp để hướng dẫn thi hành pháp luật, phổ biến pháp luật, giúp cho cán bộ, nhân dân nắm được pháp luật và thi hành đúng pháp luật;

- Xây dựng xong đề án, chương trình giảng dạy và thành lập Ban chuẩn bị mở Trường Đại học Pháp lý, tổ chức việc biên soạn giáo trình với sự tham gia của một số cán bộ cấp vụ thuộc Ủy ban Pháp chế, Ủy ban Khoa học xã hội, Tòa án, Viện kiểm sát;

- Chuẩn bị xây dựng một nền khoa học pháp lý Việt Nam: Trên cơ sở dự kiến chương trình làm luật, Ủy ban Pháp chế đã xây dựng một chương trình đề tài nghiên cứu khoa học pháp lý, liên quan đến các môn luật như Luật Nhà nước, Luật Hành chính, Luật Kinh tế, Luật Hình sự và thủ tục hình sự, Luật Dân sự và thủ tục dân sự, Luật Ruộng đất, Luật Tài chính, Luật Lao động, Luật Quốc tế nhằm thiết thực phục vụ công tác làm luật, công tác giảng dạy ở Trường Đại học Pháp lý...

Về phương hướng nhiệm vụ công tác pháp chế năm 1974. Hội nghị nhất trí: công tác pháp chế năm 1974 phải được tiến hành một cách có hệ thống, đồng bộ và có trọng điểm. Hội nghị cũng củng cố thêm nhận thức về vị trí, chức năng, nhiệm vụ của công tác pháp chế tại các địa phương và giúp cho đại biểu ở các địa phương có điều kiện học tập, trao đổi kinh nghiệm về hoạt động pháp chế cũng như củng cố lòng tin và nâng cao ý chí phấn đấu trong công tác.

Hồ sơ số 04, Hộp số 1 - Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 13 THÁNG 9 NĂM 1974

Chánh án Tòa án nhân dân tối cao và Chủ nhiệm Ủy ban Pháp chế của Chính phủ ra Quyết định số 282/QĐ về việc chuyển giao tổ chức luật sư sang Ủy ban Pháp chế

Theo Quyết định này thì Tòa án nhân dân tối cao chuyển giao tổ chức luật sư (Văn phòng luật sư Hà Nội) và số cán bộ trong Văn phòng luật sư Hà Nội sang

Ủy ban Pháp chế của Hội đồng Chính phủ. Ủy ban Pháp chế có nhiệm vụ quản lý tổ chức và hoạt động của tổ chức luật sư theo pháp luật của Nhà nước.

Hồ sơ số 41 - Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 28 THÁNG 11 NĂM 1974

Ủy ban Pháp chế trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Thông tư giải thích về quyền bầu cử, ứng cử

Do chưa có quy định rõ hoặc có quy định nhưng lại nằm rải rác trong nhiều văn bản nên người dân và ngay cả nhiều Hội đồng bầu cử không biết rõ hết những trường hợp có quyền bầu cử, ứng cử và những trường hợp mất quyền này. Điều này đã dẫn đến tình trạng bỏ sót một số người có quyền bầu cử hoặc đưa vào danh sách một số người không có quyền bầu cử. Trước tình hình đó, sau khi lấy ý kiến của các cơ quan: Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao, Bộ Công an, Bộ Y tế, Văn phòng Quốc hội, Ban Tổ chức chính quyền của Hội đồng Chính phủ... về Dự thảo Thông tư của Thủ tướng Chính phủ giải thích về quyền bầu cử, ứng cử, ngày 28/11/1974, Ủy ban Pháp chế đã có Công văn số 412-VP/UB trình Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Thông tư này.

Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NĂM 1975

TỪ THÁNG 12/1974 ĐẾN THÁNG 3/1975

Ủy ban Pháp chế tổ chức đợt tuyên truyền về Hiến pháp 1959

Nhân dịp kỷ niệm 30 năm ngày thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà và 15 năm ngày ban hành Hiến pháp, Ủy ban Pháp chế phối hợp với Ban Tuyên huấn, Văn phòng Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Ban Pháp chế Trung ương, Tòa án nhân dân tối cao, Vụ Pháp chế Phủ Thủ tướng, Viện Luật học, Hội Luật gia, Trường Tư pháp và Trường Kiểm sát tổ chức một đợt tuyên truyền về Hiến pháp (từ tháng 12/1974 đến tháng 3/1975) nhằm nâng cao ý thức pháp chế xã hội chủ nghĩa trong cán bộ, nhân dân và bước đầu phổ biến một số nội dung cơ bản của Hiến pháp, nâng cao nhận thức về chủ trương tăng cường nhà nước, tăng cường quản lý kinh tế dưới sự lãnh đạo của Đảng. Đợt tuyên truyền về Hiến pháp còn có ý nghĩa chuẩn bị cho việc bầu cử Quốc hội khoá V.

Đợt tuyên truyền được thực hiện với các hình thức như: tổ chức nói chuyện trong các cơ quan, trong nhân dân, tuyên truyền trên các báo đài, xuất bản sách và tổ chức một cuộc họp chung để kỷ niệm ngày Hiến pháp.

Báo cáo kết quả đợt tuyên truyền Hiến pháp ngày 08/4/1975 -

Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 02 - 03 THÁNG 4 NĂM 1975

Hội nghị tổng kết công tác pháp chế năm 1974

Tham dự Hội nghị có hơn 200 đại biểu của các ngành Trung ương, các Ủy ban hành chính tỉnh, thành, khu, các bộ phận pháp chế trực thuộc các ngành Trung ương và các địa phương.

Đánh giá về kết quả đạt được của Ngành Pháp chế năm 1974, Hội nghị nhận định: pháp chế của Nhà nước ta đã có những bước tiến quan trọng đáng kể về nhiều mặt: đã xác định rõ phương hướng, mục tiêu, chương trình cụ thể; tăng cường sự phối hợp ngày càng mật thiết giữa các cơ quan chuyên trách pháp chế (Ủy ban Pháp chế, Công an, Tòa án, Kiểm sát, Thanh tra, Trọng tài, Viện luật); tăng cường sự hoạt động về mặt pháp chế của các cơ quan quản lý (các bộ, Tổng

cục, Ủy ban hành chính các tỉnh...) trong tất cả các mặt công tác như lập pháp, lập quy; hướng dẫn thi hành pháp luật; tuyên truyền và phổ biến pháp luật; giảng dạy pháp lý phổ thông và đào tạo; bồi dưỡng cán bộ pháp chế; nghiên cứu khoa học pháp lý...

Năm 1974, Ủy ban Pháp chế đã xây dựng chương trình làm luật hai năm 1974-1975 bao gồm 22 dự án luật, pháp lệnh, pháp điển hoá trên 90 văn bản pháp quy. Hoàn thành Dự án Luật Ruộng đất và Dự án Pháp lệnh xét khiếu tố. Phối hợp cùng Bộ Lao động và Tổng Công đoàn nghiên cứu lên kế hoạch biên soạn Bộ luật Lao động. Phối hợp với Bộ Ngoại giao nghiên cứu việc ký kết Hiệp định Tương trợ tư pháp với Cộng hoà dân chủ Đức...

Tuy nhiên, Hội nghị cũng thống nhất: tình hình tiêu cực trong các lĩnh vực quản lý còn phổ biến, chứng tỏ pháp chế chưa có sự chuyển biến căn bản, chưa góp phần giải quyết những tồn tại đó và thúc đẩy sự phát triển kinh tế, xã hội.

Về chương trình công tác pháp chế năm 1975, Hội nghị đề ra mục tiêu: phát huy hiệu lực của pháp chế trong mọi lĩnh vực, đặc biệt trong lĩnh vực tổ chức và quản lý nhà nước, tăng cường kỷ luật, trật tự, đồng thời mở rộng dân chủ xã hội chủ nghĩa, thực hiện quyền làm chủ tập thể của nhân dân. Đóng góp thiết thực cho việc cải tiến quản lý kinh tế, cải tiến quản lý nông nghiệp; đưa nông nghiệp tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Hội nghị cũng đặt ra những công việc cụ thể trên các lĩnh vực công tác như xây dựng pháp luật và hướng dẫn thi hành pháp luật; đào tạo cán bộ và nghiên cứu khoa học pháp lý; tuyên truyền và xuất bản; hành chính tư pháp và công tác tổ chức mạng lưới pháp chế nhằm đạt được những mục tiêu đề ra.

Hồ sơ số 21 - Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

THÁNG 4 NĂM 1975

Đoàn đại biểu Ủy ban Pháp chế tham dự Hội nghị Bộ trưởng Tư pháp các nước Xã hội chủ nghĩa lần thứ III tại Ba Lan

Đoàn Việt Nam tham dự Hội nghị gồm có ông Trần Công Tường - Chủ nhiệm Ủy ban Pháp chế và các ông Nguyễn Văn Thảo, Đinh Thế Công. Nội dung Hội nghị nhằm trao đổi kinh nghiệm giữa các nước về các vấn đề: hoàn thiện lập pháp và đào tạo cán bộ; vấn đề luật pháp kinh tế; vấn đề ứng dụng các thành tựu khoa học vào công tác tổ tụng hình sự.

*Báo cáo số 233-VP-UB ngày 12/7/1975 của Ủy ban Pháp chế;
Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp*

NGÀY 05 THÁNG 5 NĂM 1975

Đề xuất những vấn đề pháp chế ở miền Nam

Sau khi miền Nam được hoàn toàn giải phóng, ngày 05/5/1975, Ủy ban Pháp chế gửi Thường vụ Hội đồng Chính phủ và Ban Bí thư bản Đề án giải quyết một số vấn đề cấp bách và lâu dài về công tác pháp chế miền Nam, theo đó những nhiệm vụ cấp bách được đề ra trong bản Đề án đó là:

- Giúp Trung ương Cục tiếp quản, cải tạo các cơ quan pháp chế của Ngụy để lại;
- Mở lại các khoa luật Sài Gòn, Huế...;
- Mở lớp ngắn hạn về pháp chế cho các cán bộ hành chính và pháp chế;
- Xây dựng một số pháp luật cần thiết để thể hiện kịp thời các chủ trương, chính sách của Đảng;
- Tổ chức cơ quan pháp chế để chuẩn bị tốt cho việc chỉ đạo sau khi thống nhất đất nước.

Hồ sơ số 25 - Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 13 THÁNG 5 NĂM 1975

Bổ sung lãnh đạo Ủy ban Pháp chế

Ngày 13/5/1975, Hội đồng Chính phủ ra Quyết định số 113-CP bổ nhiệm ông Phạm Tổng Hoàng, Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ thuộc Ban Kinh tế kế hoạch của Trung ương sang giữ chức Phó Chủ nhiệm Ủy ban Pháp chế Chính phủ. Trong thời gian này, Hội đồng Chính phủ cũng ra quyết định bổ nhiệm ông Nguyễn Ngọc Minh, công tác tại Ủy ban Khoa học xã hội Trung ương sang làm Phó Chủ nhiệm Ủy ban Pháp chế Chính phủ.

Lãnh đạo Ủy ban được phân công phụ trách các công việc như sau:

- Ông Trần Công Tường - Chủ nhiệm kiêm Bí thư Đảng đoàn phụ trách chung.
- Ông Phạm Tổng Hoàng - Phó Chủ nhiệm kiêm Phó Bí thư Đảng đoàn phụ trách nội bộ và các đơn vị: Văn phòng Ủy ban; Vụ Tổ chức và Cán bộ; Vụ Hành chính tư pháp; Vụ hướng dẫn thi hành pháp luật; Nhà trường.
- Ông Nguyễn Ngọc Minh - Phó Chủ nhiệm kiêm Ủy viên Đảng đoàn phụ trách: Vụ Pháp luật quốc tế; Vụ Pháp luật chung và kinh tế; Vụ Tuyên truyền.

*Hồ sơ số 49 - Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp
và Tư liệu do ông Phạm Tổng Hoàng cung cấp*

THÁNG 5 NĂM 1975

Chủ nhiệm Ủy ban Pháp chế tham gia đoàn cán bộ tiếp quản công tác tư pháp miền Nam

Theo quyết định của Ban Bí thư, ba ông Phạm Văn Bạch, Trần Công Tường, Huỳnh Lắm dẫn một đoàn cán bộ vào cùng Ủy ban quân quản tiếp quản công tác tư pháp miền Nam.

*Lời kể của ông Nguyễn Văn Thảo,
Nguyên Viện trưởng Viện Nghiên cứu khoa học pháp lý, Bộ Tư pháp*

NGÀY 07 THÁNG 6 NĂM 1975

Ủy ban Pháp chế trình Dự án Luật Ruộng đất lần 1

Trong thời gian này, nhiều hiện tượng tiêu cực xảy ra một cách phổ biến và kéo dài như tranh chấp đất đai, lấn chiếm ruộng đất công của Nhà nước và của Hợp tác xã, tự ý cho đất, bán đất của Hợp tác xã, việc sử dụng đất tùy tiện và lãng phí... mà một trong những nguyên nhân là công tác quản lý của Nhà nước và pháp chế Nhà nước đối với ruộng đất chưa được chặt chẽ, việc thi hành pháp luật chưa nghiêm minh. Trước thực tế đó, theo sự phân công, ngày 07/6/1975, Ủy ban Pháp chế đã trình Chính phủ Dự án Luật Ruộng đất.

Dự án Luật Ruộng đất tập trung giải quyết những vấn đề cơ bản sau:

- *Về phạm vi quy định:* giải quyết về quản lý đối với toàn bộ ruộng, đất trong cả nước, thuộc bất cứ hình thức sở hữu nào và dưới bất kỳ hình dạng nào.

- *Về quan hệ sở hữu:* Nhà nước tiếp tục công nhận 3 hình thức sở hữu (sở hữu nhà nước, sở hữu hợp tác xã, sở hữu tư nhân). Nhà nước tạo thuận lợi cho quá trình chuyển hoá từ hình thức sở hữu thấp lên sở hữu cao hơn, nhất là sở hữu nhà nước.

- *Về quan hệ sử dụng:* Dự án quy định rõ những nghĩa vụ chung với tất cả mọi người sử dụng ruộng đất nói chung và những nghĩa vụ riêng đối với những người sử dụng ruộng đất vào các mục đích riêng khác nhau.

- *Về quan hệ quản lý:* khẳng định Nhà nước quản lý toàn bộ ruộng đất, nêu rõ những chức năng cơ bản của Nhà nước về quản lý ruộng đất.

- *Về xử phạt:* áp dụng 4 hình thức xử phạt: hành chính, dân sự, kỷ luật, hình sự.

Hồ sơ số 44 - Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 05 THÁNG 9 NĂM 1975

Hội đồng Chính phủ ra Quyết định thành lập Ban Dự thảo Bộ luật Hình sự và Bộ luật Tố tụng hình sự

Hội đồng Chính phủ ra Quyết định số 172-CP thành lập Ban Dự thảo Bộ luật Hình sự và Bộ luật Tố tụng hình sự do ông Trần Công Tường, Chủ nhiệm Ủy ban Pháp chế của Chính phủ làm Trưởng ban. Thành viên Ban Dự thảo gồm có đại diện của Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao, Bộ Nội vụ, Văn phòng Phủ Thủ tướng, Ban Pháp chế Trung ương Đảng và Ủy ban dự án pháp luật của Quốc hội.

Tờ trình số 272-PC-DTHS của Ban dự thảo Bộ luật Hình sự và Bộ luật Tố tụng hình sự ngày 24/10/1979 về Bản Dự thảo phân chung Bộ luật Hình sự - Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 31 THÁNG 10 NĂM 1975

Ủy ban Pháp chế trình Hội đồng Chính phủ Dự án Luật Ruộng đất lần thứ 2

Dự luật lần này tập trung giải quyết những vấn đề chủ yếu sau:

- Xác lập chế độ quản lý nhà nước đối với tất cả các loại đất đai trong nước, bất kể thuộc hình thức sở hữu nào theo 3 nguyên tắc lớn: Nhà nước thống nhất quản lý; bảo vệ và mở rộng sở hữu xã hội chủ nghĩa; sử dụng ruộng đất có kế hoạch, đúng quy hoạch, đúng mục đích, hợp lý, tiết kiệm, có hiệu quả kinh tế cao.

- Thể hiện rõ tinh thần bảo vệ và mở rộng sở hữu xã hội chủ nghĩa đối với ruộng đất, khuyến khích việc chuyển từ hình thức thấp lên hình thức cao, ngăn cấm quá trình chuyển hoá ngược lại.

- Phân biệt rõ quản lý nhà nước và quản lý của ngành. Quản lý nhà nước được giao cho Hội đồng Chính phủ và Ủy ban hành chính các cấp. Quản lý ngành là trách nhiệm của các ngành trực tiếp sử dụng ruộng đất. Dự luật cũng quy định rõ hệ thống tổ chức của các cơ quan quản lý ruộng đất giúp Hội đồng Chính phủ và Ủy ban hành chính các cấp.

- Quy định quyền và nghĩa vụ chung của người sử dụng ruộng đất, quyền và nghĩa vụ riêng của người sử dụng từng loại đất riêng biệt.

- Để việc thi hành được nghiêm chỉnh, Dự luật quy định thưởng những người có thành tích xuất sắc và xử phạt những người vi phạm. Phạt có hình thức kỷ luật hành chính và những hình phạt do Tòa án tuyên.

Hồ sơ số 44 - Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NĂM 1976

NGÀY 15 THÁNG 3 NĂM 1976

**Hội đồng Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam
ban hành Sắc lệnh số 01-SL-76 quy định tổ chức Tòa án nhân dân và
Viện kiểm sát nhân dân**

Về Tòa án, Sắc lệnh quy định: Tòa án nhân dân xét xử theo nguyên tắc: mọi công dân đều bình đẳng trước pháp luật, không phân biệt nam, nữ, dân tộc, nòi giống, tôn giáo, tín ngưỡng, địa vị xã hội và thành phần xã hội;

Các Tòa án nhân dân gồm có Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh; Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Tòa án nhân dân phúc thẩm.

Khi xét xử, Tòa án nhân dân có quyền độc lập và chỉ tuân theo pháp luật. Trong việc xét xử sơ thẩm ở các Tòa án nhân dân, có Hội thẩm nhân dân tham gia. Các Hội thẩm nhân dân được ngang quyền với Thẩm phán. Các Hội thẩm nhân dân do các đoàn thể nhân dân cử ra.

Tòa án nhân dân thực hiện chế độ tập thể xét xử và quyết định theo đa số. Tòa án nhân dân xét xử công khai, trừ trường hợp đặc biệt. Tòa án nhân dân xét thấy cần giữ gìn bí mật nhà nước, trật tự công cộng hoặc đạo đức xã hội, thì xử kín. Tòa án nhân dân thực hành chế độ hai cấp xét xử.

Về tổ chức Viện kiểm sát nhân dân, Điều 18 Sắc lệnh quy định: “*Ngành kiểm sát là một hệ thống thống nhất, Viện kiểm sát nhân dân cấp dưới chịu sự chỉ đạo của Viện kiểm sát nhân dân cấp trên*”.

Bên cạnh việc quy định các nhiệm vụ cụ thể của Viện kiểm sát, Sắc lệnh cũng nêu rõ: Thông qua việc chấp hành nhiệm vụ của mình, các Viện kiểm sát nhân dân kiến nghị với các cơ quan nhà nước hoặc các đoàn thể nhân dân về những biện pháp cần thiết nhằm loại trừ những nguyên nhân và điều kiện phát sinh tội phạm và hành vi vi phạm pháp luật.

*Hệ thống hoá luật lệ về Tổ tụng hình sự tập II (1975-1978),
Tòa án nhân dân tối cao*

**Hội đồng Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam
ban hành Sắc lệnh số 02-SL-76 quy định việc bắt, giam, khám người,
khám nhà ở, khám đồ vật**

Theo đó quy định: việc bắt, giam, khám người, khám nhà ở, khám đồ vật phải có lệnh viết của cơ quan có thẩm quyền, trừ trường hợp phạm tội quả tang và trường hợp khẩn cấp. Viện kiểm sát nhân dân là cơ quan có quyền ra lệnh bắt, giam, khám người, khám nhà ở, khám đồ vật trong những vụ án hình sự. UBND cách mạng từ cấp huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh trở lên là cơ quan có quyền ra lệnh bắt, giam, khám người, khám nhà ở, khám đồ vật đối với những phần tử cần tập trung cải tạo.

Nghiêm cấm việc tra tấn hoặc dùng bất cứ nhục hình nào trong khi bắt, giam, xét hỏi. Những người bắt, giam, khám người, khám nhà ở, khám đồ vật trái phép hoặc dùng nhục hình sẽ tùy từng trường hợp mà bị thi hành kỷ luật hành chính hoặc bị truy tố trước pháp luật; nếu có gây thiệt hại về vật chất thì phải bồi thường.

*Hệ thống hoá luật lệ về Tố tụng hình sự tập II (1975-1978),
Tòa án nhân dân tối cao*

NGÀY 28 THÁNG 3 NĂM 1976

**Bộ Tư pháp Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hoà miền Nam
Việt Nam ban hành Thông tư số 01-BTP-TT về tổ chức Tòa án nhân dân**

Thẩm quyền xét xử những tội phạm hình sự của Tòa án nhân dân được thông tư quy định: Tòa án nhân dân có thẩm quyền xét xử tất cả các án hình sự bao gồm các vụ phản cách mạng và các vụ án hình sự khác, trừ những loại việc sau đây thuộc thẩm quyền các Tòa án quân sự:

- Quân nhân phạm tội;
- Thường dân phạm tội gây thiệt hại cho quốc phòng, phạm tội trong doanh trại, quân y viện, cơ quan, xí nghiệp quốc phòng mà sự việc có tính chất nghiêm trọng, hoặc có những tình tiết có liên quan đến bí mật quốc phòng.

Kết hợp với việc xét xử về hình sự, Tòa án nhân dân xét xử luôn cả việc bồi hoàn hoặc việc bồi thường thiệt hại do việc phạm tội gây nên.

Tuy nhiên, trong tình hình tổ chức và cán bộ tại thời điểm này. Thông tư cũng chỉ rõ chỉ nên giao cho các Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh xét xử những vụ án hình sự và dân sự ít quan trọng, phức tạp, các Tòa án đó không được xét xử những loại việc sau:

- Những tội phản cách mạng;
- Những tội phạm gây tổn thương đến sức khỏe của nhiều người, hoặc gây chết người, hoặc xâm phạm nghiêm trọng đến tài sản công cộng hoặc tài sản riêng của công dân;
- Những vụ án mà việc xác định tội phạm có nhiều khó khăn và những vụ án có ảnh hưởng chính trị lớn.

Hệ thống hoá luật lệ về Tố tụng hình sự tập II (1975-1978), Tòa án nhân dân tối cao

ĐẦU THÁNG 5 NĂM 1976

Ủy ban Pháp chế và Văn phòng Phủ Thủ tướng tổ chức Hội nghị bàn về công tác pháp chế

Tham dự Hội nghị có đại diện các bộ, ngành, đoàn thể ở Trung ương, Ủy ban hành chính các tỉnh, thành phố. Bộ trưởng Phủ Thủ tướng đã tới dự và phát biểu ý kiến.

Hội nghị đã nghe và thảo luận báo cáo về tình hình công tác pháp chế năm 1975 và phương hướng kế hoạch công tác pháp chế năm 1976.

Biên niên lịch sử Văn phòng Chính phủ - Tập II, Nxb. Tư pháp, tr. 557

NGÀY 27 THÁNG 5 NĂM 1976

Hội đồng Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam ban hành Quyết định số 29-QĐ-76 về vấn đề xử lý các tên tư sản mại bản phạm tội lũng đoạn, đầu cơ tích trữ, phá rối thị trường

Theo Quyết định này, Hội đồng Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam quyết định thành lập Tòa án nhân dân đặc biệt để xét xử những tên tư sản mại bản phạm tội lũng đoạn, đầu cơ tích trữ, phá rối thị trường cũng như quy định cụ thể về tổ chức, thẩm quyền và thủ tục xét xử của Tòa án này. Theo đó:

Toà án nhân dân đặc biệt xét xử căn cứ vào pháp luật và chủ trương, chính sách của Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam.

Việc thụ lý các vụ án do Liên Bộ Tư pháp - Nội vụ hoặc UBND cách mạng các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đề nghị.

Toà án nhân dân đặc biệt xử công khai và chung thẩm.

Trước Toà án nhân dân đặc biệt, bị cáo có quyền được bào chữa.

Án tử hình được trình lên Chủ tịch Hội đồng cố vấn để xét duyệt trước khi thi hành.

Về việc xét xử đối với những cán bộ, viên chức nhà nước có liên quan với tư sản mại bản, Thông tư quy định: các cán bộ, viên chức nhà nước lợi dụng chức quyền của mình để ăn hối lộ, bao che, tiếp tay cho tư sản mại bản tiếp tục các hoạt động chống đối cách mạng về kinh tế hay chính trị, cũng bị đưa ra xét xử trước Tòa án nhân dân đặc biệt. Tùy tội nặng, nhẹ, mà áp dụng một, hai hoặc ba hình phạt dưới đây:

- Thi hành kỷ luật về mặt hành chính;
- Tịch thu số tài sản do hối lộ mà có;
- Xử tù từ 01 cho đến 05 năm.

Trường hợp nghiêm trọng, sẽ bị xử nặng hơn, có thể đến tử hình.

*Hệ thống hoá luật lệ về Tổ tụng hình sự tập II (1975-1978),
Tòa án nhân dân tối cao*

NGÀY 03 THÁNG 6 NĂM 1976

Thành lập Phòng Pháp chế trực thuộc Ủy ban nhân dân Cách mạng thành phố Hồ Chí Minh

UBND Cách mạng thành phố Hồ Chí Minh ra Quyết định số 362/UB thành lập Phòng Pháp chế trực thuộc UBND Cách mạng thành phố. Theo đó Phòng Pháp chế là một “*đơn vị chuyên môn xây dựng pháp chế và tổ chức hướng dẫn, thi hành pháp chế dưới sự chỉ đạo của UBND cách mạng thành phố và chịu sự chỉ đạo nghiệp vụ của cơ quan pháp chế Trung ương*”. Nhiệm vụ của Phòng Pháp chế là xây dựng pháp luật, tuyên truyền tổ chức thi hành pháp luật, phụ trách công tác hành chính tư pháp (phụ trách Phòng Bào chữa viên của thành phố, xây dựng ngành pháp chế, đào tạo cán bộ pháp chế).

Trưởng Phòng Pháp chế là ông Nguyễn Minh Chương.

*Ghi chép của ông Nguyễn Minh Chương,
nguyên Giám đốc Sở Tư pháp thành phố Hồ Chí Minh*

NGÀY 21 THÁNG 6 NĂM 1976

Ủy ban Pháp chế hướng dẫn về việc tuyên truyền, phổ biến pháp luật nhân dịp Quốc hội nước Việt Nam thống nhất họp kỳ đầu tiên

Để phục vụ cho kỳ họp đầu tiên của Quốc hội nước Việt Nam thống nhất -

một sự kiện trọng đại về mặt chính trị và pháp lý. Ủy ban Pháp chế ban hành Thông tư số 205-TT gửi cơ quan pháp chế các bộ, các tỉnh và thành phố trực thuộc Trung ương hướng dẫn về việc tuyên truyền, phổ biến pháp luật nhân dịp Quốc hội của nước Việt Nam thống nhất họp kỳ đầu tiên và coi đây là một công tác trọng tâm đến hết Quý III năm 1976. Tư tưởng chỉ đạo chung của cả đợt tuyên truyền là làm nổi bật tính chất của Nhà nước Việt Nam thống nhất là một nhà nước chuyên chính vô sản dựa trên cơ sở liên minh công nông, dưới sự lãnh đạo của Đảng. Tập trung phân tích một số vấn đề về sự lãnh đạo của Đảng Lao động Việt Nam đối với Nhà nước Việt Nam thống nhất; Quyền làm chủ tập thể của nhân dân và những bảo đảm làm cho nhân dân thực sự sử dụng quyền này và vai trò của Nhà nước trong quản lý kinh tế, quản lý xã hội, quản lý pháp chế.

Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 02 THÁNG 7 NĂM 1976

Quốc hội khoá VI, kỳ họp thứ nhất ra Nghị quyết về tổ chức và hoạt động của Nhà nước trong khi chưa có Hiến pháp mới

Sau khi thảo luận đề nghị nêu trong Báo cáo chính trị của Bí thư thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam, Quốc hội quyết nghị:

1. Trong khi chưa có Hiến pháp mới, Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam tổ chức và hoạt động trên cơ sở Hiến pháp năm 1959 của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.

....

4. Giao cho Hội đồng Chính phủ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam xúc tiến việc dự thảo các luật, pháp lệnh cần thiết trong tình hình mới, trình Quốc hội hoặc Ủy ban thường vụ Quốc hội thông qua.

Đối với các văn bản pháp luật hiện hành (luật, pháp lệnh, sắc lệnh, nghị quyết, nghị định, thông tư, v.v...) của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà và của Cộng hoà miền Nam Việt Nam, Hội đồng Chính phủ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam sẽ hướng dẫn việc thi hành cho sát với tình hình thực tế.

Công báo số 13 năm 1976, tr. 23

NGÀY 17 THÁNG 7 NĂM 1976

Thành lập Trường Đào tạo và Bồi dưỡng cán bộ pháp chế

Căn cứ vào nhu cầu đào tạo và bồi dưỡng cán bộ phục vụ cho công tác pháp

chế trong phạm vi cả nước, Ủy ban Pháp chế ban hành Quyết định số 236-TCCB thành lập Trường Đào tạo và Bồi dưỡng cán bộ pháp chế. Trường do một Ban giám hiệu phụ trách và đặt dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Ủy ban Pháp chế. Trường Đào tạo và Bồi dưỡng cán bộ pháp chế chủ yếu có chức năng bồi dưỡng nghiệp vụ. Trường không có chức năng đào tạo cấp bằng theo hệ thống các trường đại học, cao đẳng và trung học chuyên nghiệp.

Trụ sở của Trường được đặt tại xã Duyên Thái, huyện Thường Tín, tỉnh Hà Sơn Bình theo Quyết định số 372 QĐ/XDCB ngày 05/10/1976 của UBND tỉnh Hà Sơn Bình.

Hồ sơ số 33 - Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

THÁNG 11 NĂM 1976

Đoàn đại biểu Ủy ban Pháp chế tham dự Hội nghị đại diện các Bộ Tư pháp các nước Xã hội chủ nghĩa

Hội nghị họp ở Mat-xcơ-va (Liên Xô - trung tuần tháng 11/1976), gồm có các nước tham dự: Việt Nam, Bun-ga-ri, Hung-ga-ri, Cộng hòa dân chủ Đức, Cu Ba, Mông Cổ, Ba Lan, Liên Xô, Tiệp Khắc.

Đoàn đại biểu của Ủy ban Pháp chế gồm có: ông Nguyễn Ngọc Minh, Phó Chủ nhiệm Ủy ban, trưởng đoàn và ông Đinh Thế Công, cán bộ của Ủy ban.

Hội nghị thảo luận về 03 chủ đề:

1. Công tác pháp chế trong các tổ chức kinh tế (xí nghiệp, liên hiệp xí nghiệp...).
2. Công tác pháp chế trong vấn đề nâng cao hiệu quả sản xuất và hoàn thiện việc điều chỉnh pháp lý trong nền kinh tế quốc dân.
3. Các vấn đề thực tiễn và hoàn thiện pháp luật kinh tế ở các nước.

Báo cáo ngày 03/01/1977 về Hội nghị đại diện Bộ Tư pháp các nước xã hội chủ nghĩa - Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 25 ĐẾN NGÀY 27 THÁNG 11 NĂM 1976

Ủy ban Pháp chế tổ chức Hội nghị nghiệp vụ

Với mục đích phổ biến Nghị định số 190-CP ngày 09/10/1972 của Hội đồng Chính phủ và bàn biện pháp về chỉ đạo công tác pháp chế, tổ chức cơ quan pháp chế tại các địa phương cũng như trao đổi lấy thêm ý kiến của các địa phương về vấn đề “*hướng dẫn thi hành pháp luật hiện hành thống nhất trong cả nước*” trước khi trình Chính phủ ban hành Nghị quyết về vấn đề này, trong 3 ngày từ 25

đến 27/11/1976 tại thành phố Hồ Chí Minh, Ủy ban Pháp chế đã tổ chức Hội nghị nghiệp vụ với sự tham gia của các cán bộ phụ trách cơ quan pháp chế (đối với các địa phương đã có cơ quan pháp chế), các cán bộ sau này sẽ được phân công làm công tác pháp chế, Chánh, Phó Văn phòng UBND tỉnh, thành phố và các cán bộ đại diện cho Ban Tổ chức chính quyền tỉnh, thành phố.

Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 14 ĐẾN NGÀY 20 THÁNG 12 NĂM 1976

Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ IV đề cập tới một số vấn đề liên quan đến công tác pháp chế

Trong Báo cáo chính trị tại Đại hội, tại mục về tăng cường nhà nước xã hội chủ nghĩa, phát huy vai trò các đoàn thể, làm tốt công tác quần chúng, báo cáo chỉ ra rằng:

- Phải chú ý cải tiến và phối hợp tốt hoạt động của các ngành Công an, Kiểm sát, Tòa án và các cơ quan tư pháp là những tổ chức có nhiệm vụ bảo vệ pháp chế xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích trật tự của xã hội mới và quyền làm chủ tập thể của nhân dân.

- Quyền làm chủ tập thể của nhân dân bằng Nhà nước dưới sự lãnh đạo của Đảng phải được xác định bằng Hiến pháp và pháp luật. Sức mạnh và nội dung cơ bản của pháp chế xã hội chủ nghĩa chính là quyền làm chủ tập thể của nhân dân. Cần tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa, làm cho mọi hoạt động của các cơ quan nhà nước đi vào khuôn phép và quy chế nghiêm chỉnh, thật sự tôn trọng quyền làm chủ tập thể và bảo đảm quyền lợi của công dân.

- Cùng với việc xây dựng Hiến pháp mới của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Quốc hội sẽ thông qua Luật Tổ chức Hội đồng Chính phủ, HĐND và UBND các cấp và các luật lệ khác về tổ chức và hoạt động của Nhà nước. Cần xây dựng và ban hành kịp thời một hệ thống pháp luật ngày càng hoàn chỉnh, trong đó chú trọng xây dựng sớm luật kinh tế.

- Pháp luật phải quy định rõ quyền lợi và nghĩa vụ của công dân, đòi hỏi mọi công dân phải làm tròn nghĩa vụ, phải tuân theo pháp luật. Đối với những người không tự giác thì phải cưỡng chế và bất cứ ai vi phạm pháp luật đều phải xử phạt thích đáng.

Văn kiện Đảng toàn tập, tập 37, 1976, Nxb. Chính trị quốc gia, H. 2004, tr. 590 - 591

NĂM 1977

NGÀY 11 THÁNG 01 NĂM 1977

Thành lập Trường Pháp lý Việt Nam

Trường được thành lập theo Quyết định số 003-TCCB của Ủy ban Pháp chế trên cơ sở Trường Đào tạo và Bồi dưỡng cán bộ pháp chế.

Theo đó, Trường Pháp lý Việt Nam có nhiệm vụ: Đào tạo những cán bộ có trình độ trung học pháp lý... có trình độ trung học về các môn lý luận cơ bản Mác - Lênin và đường lối, chính sách của Đảng, nắm được đường lối pháp lý của Đảng và Nhà nước, nắm được những nguyên tắc và quy định của những ngành luật, nghiệp vụ pháp chế.

Hình thức đào tạo theo hai hệ: tập trung dài hạn và tại chức.

Bên cạnh đó, trường còn mở các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ pháp lý ngắn hạn.

Hồ sơ số 48, Hộp số 3 - Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 18 THÁNG 01 NĂM 1977

Thành lập Trường Đào tạo và Bồi dưỡng nghiệp vụ pháp chế phía Nam

Trường được thành lập theo Quyết định số 006-TCCB của Ủy ban Pháp chế với mục đích đào tạo và bồi dưỡng nghiệp vụ cho cán bộ pháp chế ở các tỉnh phía Nam. Địa điểm của Trường được đặt tại thành phố Hồ Chí Minh. Trường do một Ban giám hiệu phụ trách đặt dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Ủy ban Pháp chế.

Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 22 THÁNG 02 NĂM 1977

Ủy ban Pháp chế hướng dẫn xây dựng kế hoạch công tác pháp chế năm 1977 của địa phương

Bằng việc ban hành Thông tư số 100/TH, Ủy ban Pháp chế chỉ đạo các địa phương một số điểm cần lưu ý khi xây dựng kế hoạch công tác pháp chế năm 1977 như: Những căn cứ để xây dựng kế hoạch; nội dung của những nhiệm vụ công tác

chung cũng như những công tác cụ thể (xây dựng văn bản pháp quy; tuyên truyền, phổ biến pháp luật, công tác hành chính tư pháp, xây dựng ngành, bồi dưỡng, đào tạo cán bộ v.v....).

Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

THÁNG 02 - 3 NĂM 1977

Thủ tướng Chính phủ giao cho Ủy ban Pháp chế tiếp quản Bộ Tư pháp Cộng hoà miền Nam Việt Nam

Thực hiện quyết định của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp quản chức năng, nhiệm vụ, tài sản và nhân sự của Bộ Tư pháp Cộng hoà miền Nam Việt Nam theo Công văn số 106-VP14 ngày 08/01/1977 của Văn phòng Phủ Thủ tướng, Ủy ban Pháp chế đã cử đoàn cán bộ do ông Phạm Tổng Hoàng - Phó Chủ nhiệm Ủy ban pháp chế làm Trưởng đoàn vào thành phố Hồ Chí Minh để tìm hiểu tình hình và gặp đại diện các cơ quan có trách nhiệm trao đổi, giải quyết.

Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 25 THÁNG 3 NĂM 1977

Hội đồng Chính phủ ra Nghị quyết số 76-CP về hướng dẫn thi hành và xây dựng pháp luật thống nhất cho cả nước

Nghị quyết Kỳ họp thứ nhất của Quốc hội thống nhất khoá VI ngày 02/7/1976 có ghi: *“Trong khi chưa có Hiến pháp mới, Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam tổ chức và hoạt động trên cơ sở Hiến pháp 1959 của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà”*. Quốc hội còn *“Giao cho Hội đồng Chính phủ xúc tiến việc dự thảo các luật và pháp lệnh cần thiết trong tình hình mới, trình Quốc hội hoặc Ủy ban Thường vụ Quốc hội thông qua. Đối với các pháp luật hiện hành... của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà và Cộng hoà miền Nam Việt Nam, Hội đồng Chính phủ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam sẽ hướng dẫn việc thi hành cho sát với tình hình thực tế”*.

Thi hành Nghị quyết trên đây của Quốc hội, Thường vụ Hội đồng Chính phủ đã giao cho Ủy ban Pháp chế cùng các bộ, ngành ở Trung ương có kế hoạch xây dựng các văn bản pháp luật mới, đồng thời tập hợp pháp luật hiện hành, soát xét lại để công bố và phổ biến, làm căn cứ pháp lý cho mọi hoạt động của các cơ quan nhà nước, hoạt động xã hội và cho mọi sinh hoạt của nhân dân.

Ngày 25/3/1977, Hội đồng Chính phủ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ra Nghị quyết số 76-CP thông qua một danh mục gồm trên 400 văn bản để

cho phổ biến thi hành trong cả nước và chỉ ra những phương hướng về xây dựng pháp luật mới cho nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Nghị quyết 76-CP gồm có hai nội dung chính: hướng dẫn thi hành pháp luật hiện hành cho cả nước và xây dựng những pháp luật mới. Nghị quyết cũng giao trách nhiệm cụ thể cho các bộ, ngành, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Ủy ban Pháp chế trong việc phổ biến và hướng dẫn thi hành việc thực hiện pháp luật thống nhất trong cả nước cũng như trong việc xây dựng pháp luật mới.

*Hồ sơ số 41 - Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp;
Tạp chí Nhà nước và pháp luật số 2/1977*

NGÀY 02 THÁNG 4 NĂM 1977

Thành lập Ban Pháp chế tỉnh Long An

Theo Quyết định số 592/UB.QĐ.77 ngày 02/4/1977 của UBND tỉnh Long An, Ban Pháp chế tỉnh Long An được thành lập do ông Lê Phụng Thừa (bí danh Tám Đấu) làm Trưởng ban.

Tư liệu do Sở Tư pháp tỉnh Long An cung cấp

NGÀY 06 THÁNG 6 NĂM 1977

Ủy ban Pháp chế ban hành Thông tư số 244/VP-PC hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 76/CP ngày 25/3/1977 của Hội đồng Chính phủ về vấn đề thi hành pháp luật hiện hành và xây dựng pháp luật thống nhất cho cả nước

Thông tư hướng dẫn các bộ, ngành và UBND các cấp những công tác chủ yếu cần thực hiện khi triển khai Nghị quyết số 76/CP như:

a) Tổ chức phổ biến các văn bản pháp luật.

b) Đẩy mạnh mọi mặt công tác tuyên truyền, giáo dục sâu rộng trong cán bộ và nhân dân nhằm nâng cao ý thức pháp chế xã hội chủ nghĩa, tôn trọng và thi hành pháp luật.

c) Củng cố kiện toàn tổ chức pháp chế ở các ngành, các cấp để đảm bảo thực hiện Nghị quyết số 76-CP và thông qua việc thực hiện Nghị quyết này từng bước nâng cao trình độ năng lực công tác và xây dựng tổ chức pháp chế.

Thông tư cũng nhấn mạnh: để đảm bảo thực hiện đầy đủ Nghị quyết số 76-CP, các bộ, ngành, UBND các cấp cần bổ sung kiện toàn tổ chức pháp chế, đồng thời quan tâm chỉ đạo và tạo mọi điều kiện cần thiết cho tổ chức pháp chế có

thể làm được nhiệm vụ tham mưu giúp lãnh đạo kịp thời triển khai thực hiện Nghị quyết.

Trong quá trình thực hiện, cần tiến hành bồi dưỡng đào tạo cán bộ pháp chế thông qua công tác thực tế và bằng các lớp huấn luyện. Trên cơ sở đó nhanh chóng xây dựng mạng lưới tổ chức pháp chế, đảm bảo ở mỗi ty, ngành của tỉnh, có phòng hay tổ công tác pháp chế, ở huyện và xã có cán bộ lo công tác pháp chế.

Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 07 THÁNG 6 NĂM 1977

Thành lập Ban Pháp chế thành phố Hồ Chí Minh

Xuất phát từ thực tế, hình thức Phòng Pháp chế tỏ ra không thích hợp, không tương xứng với một địa bàn công tác quan trọng như thành phố Hồ Chí Minh, nơi mà yêu cầu tăng cường công tác pháp chế xã hội chủ nghĩa rất lớn và bức xúc để phục vụ cho việc quản lý của Nhà nước trên các lĩnh vực, UBND thành phố Hồ Chí Minh ra Quyết định số 343 QĐ/UB thành lập Ban Pháp chế thay cho Phòng Pháp chế trong khối sở, ban, ngành của thành phố. Ban Pháp chế có nhiệm vụ như Phòng Pháp chế, thuộc hệ thống Ủy ban Pháp chế của Chính phủ.

Trưởng Ban Pháp chế là ông Nguyễn Minh Chương.

*Ghi chép của ông Nguyễn Minh Chương,
nguyên Giám đốc Sở Tư pháp thành phố Hồ Chí Minh*

NGÀY 15 THÁNG 6 NĂM 1977

Thành lập Ban Pháp chế tỉnh Bến Tre

Được thành lập theo Quyết định số 336 TC/CB của UBND tỉnh Bến Tre. Theo đó, Ban Pháp chế tỉnh chịu sự lãnh đạo của UBND tỉnh và chịu sự lãnh đạo về nghiệp vụ của Ủy ban Pháp chế.

Tư liệu do Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre cung cấp

NGÀY 18 THÁNG 7 NĂM 1977

Tuyển sinh khoá đầu tiên vào Trường Pháp lý Việt Nam

Được sự thoả thuận của Bộ Đại học và Trung học chuyên nghiệp theo Công văn số 1464-TH ngày 11/7/1977, Ủy ban Pháp chế ra Thông báo số 307-TCCB-ĐT tuyển sinh vào Trường Pháp lý Việt Nam cho năm học 1977-1978.

Đối tượng tuyển sinh là những cán bộ, công nhân viên trong biên chế nhà nước và bộ đội, thanh niên xung phong đã kinh qua công tác, sản xuất chiến đấu, có quá trình công tác từ 5 năm trở lên, có trình độ văn hoá cấp II, cấp III phổ thông hoặc bổ túc văn hoá.

Hồ sơ số 55 - Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 22 THÁNG 10 NĂM 1977

Ủy ban Pháp chế tổ chức Hội nghị triển khai thi hành Nghị quyết số 76-CP ngày 25/3/1977 của Hội đồng Chính phủ

Để thực hiện quy định tại điểm 6 Nghị quyết số 76/CP của Hội đồng Chính phủ về việc công bố danh mục văn bản vẫn còn giá trị thi hành, Ủy ban Pháp chế tổ chức Hội nghị để quán triệt tinh thần của Nghị quyết và phổ biến kế hoạch. Tham dự Hội nghị có các cán bộ phụ trách pháp chế các bộ và cơ quan trực thuộc Hội đồng Chính phủ. Hội nghị thống nhất hết tháng 01 năm 1978 phải có danh mục trình Hội đồng Chính phủ.

Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 07 ĐẾN NGÀY 09 THÁNG 11 NĂM 1977

Ủy ban Pháp chế triệu tập Hội nghị pháp chế các tỉnh miền Nam

Hội nghị được tổ chức với mục đích kiểm tra tình hình và đề ra biện pháp xúc tiến triển khai thực hiện Nghị quyết số 76-CP. Hội nghị đã nhất trí đánh giá tình hình, thấy rõ sự cần thiết phải tăng cường công tác pháp chế và đề đạt ý kiến đề nghị Trung ương Đảng và Chính phủ tăng cường lãnh đạo công tác pháp chế đối với các cấp uỷ Đảng và chính quyền.

Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 12 THÁNG 12 NĂM 1977

Phủ Thủ tướng cho phép Ủy ban Pháp chế xuất bản Tập san Pháp chế Xã hội chủ nghĩa

Ngày 08/4/1975, Ủy ban Pháp chế gửi Ban Tuyên huấn Trung ương Đơn xin phép xuất bản tờ Tạp chí “*Pháp chế Xã hội chủ nghĩa*” nhằm mục đích phổ biến tinh thần cơ bản của luật hiện hành, trao đổi về khoa học pháp lý và về kinh nghiệm công tác pháp chế. Theo đó, nội dung của Tạp chí sẽ bao gồm những bài liên quan đến toàn bộ công tác quản lý bằng pháp luật của Nhà nước ta phù hợp

với đường lối, chính sách và quan điểm pháp luật của Đảng. Đối tượng phục vụ của Tập chí là các cán bộ chuyên trách pháp chế ở các ngành, các cấp, các cơ sở; cán bộ làm công tác nghiên cứu tại các cơ quan Đảng, Nhà nước và đoàn thể.

Ngày 12/12/1977, Thủ Thủ tướng đã có Giấy phép số 4761-VP9 cho phép Ủy ban Pháp chế xuất bản Tập san Pháp chế Xã hội chủ nghĩa.

Nội dung của Tập san Pháp chế Xã hội chủ nghĩa bao gồm:

- Phổ biến đường lối, chủ trương chính sách, quan điểm pháp chế xã hội chủ nghĩa của Đảng và Nhà nước; lý luận khoa học pháp lý nhằm nâng cao nhận thức về pháp chế xã hội chủ nghĩa trong cán bộ, công nhân viên và nhân dân.

- Phổ biến phương hướng, chủ trương, công tác pháp chế của Hội đồng Chính phủ, của Ủy ban Pháp chế, văn bản luật lệ của cơ quan và Nhà nước.

- Trao đổi và phổ biến kinh nghiệm về nghiệp vụ công tác pháp chế xã hội chủ nghĩa phục vụ cho việc quản lý nhà nước.

Ngày 20/12/1977, Chủ nhiệm Ủy ban Pháp chế của Chính phủ ra Quyết định thành lập Tòa soạn Tập san Pháp chế Xã hội chủ nghĩa trực thuộc Ủy ban Pháp chế của Chính phủ.

Hồ sơ số 54 - Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NĂM 1978

NGÀY 09 THÁNG 3 NĂM 1978

Ủy ban Pháp chế ban hành Thông tư số 77/PC-TT hướng dẫn tổ chức pháp chế các ngành và địa phương tham gia vào cuộc vận động thảo luận Dự thảo Hiến pháp mới và thi hành Nghị quyết số 228 của Bộ Chính trị và Chỉ thị số 159-TTg của Thủ tướng Chính phủ

Theo đó, Thông tư hướng dẫn một số công việc mà cán bộ pháp chế có thể đảm nhận hoặc cần tham gia vào cuộc vận động thảo luận Dự thảo Hiến pháp mới và thi hành Nghị quyết số 228 của Bộ Chính trị và Chỉ thị số 159-TTg theo sự phân công của lãnh đạo hoặc tùy theo trình độ, khả năng và điều kiện cụ thể.

Thông tư cũng nhấn mạnh: căn cứ tốt nhất mà pháp chế cần nắm vững để tham gia vào hai cuộc vận động trên là những đường lối do Đại hội lần thứ IV của Đảng đã vạch ra, cán bộ pháp chế cần quán triệt cho tốt. Thông qua các cuộc vận động này, phát huy mạnh mẽ tác dụng của pháp chế, trên cơ sở đó tăng cường, kiện toàn tổ chức pháp chế, nâng cao ý thức tôn trọng pháp chế xã hội chủ nghĩa.

Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 07 - 08 THÁNG 4 NĂM 1978

Hội nghị tổng kết công tác pháp chế các tỉnh phía Bắc

Hội nghị được tổ chức tại Hà Nội. Tham dự Hội nghị có đại biểu của các tổ chức pháp chế các bộ, ngành Trung ương và pháp chế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương từ Bình Trị Thiên trở ra và một số đại biểu huyện, cơ sở xã và xí nghiệp có hoạt động công tác pháp chế tốt.

Đánh giá về công tác pháp chế năm 1977, Báo cáo tổng kết tại Hội nghị nhận định: Trong năm 1977 Ngành Pháp chế đã đạt được một số kết quả nhất định như: thi hành luật pháp thống nhất trong cả nước; đề ra chương trình làm luật, biên soạn, tham gia biên soạn một số văn bản; đưa pháp chế vào trong hoạt động của các cơ quan nhà nước, tới tận cơ sở nhân dân; đào tạo cán bộ và xây dựng tổ chức và nghiên cứu khoa học, cụ thể:

- Hoàn thành một số dự án pháp luật được Hội đồng Chính phủ giao: Điều lệ quản lý lao động xã hội; Dự luật về sở hữu ruộng đất; Pháp lệnh về quản lý ruộng đất; Pháp lệnh xét khiếu tố; trình Hội đồng Chính phủ dự thảo Chương trình các vấn đề pháp chế trong nông nghiệp.

- Xuất bản nhiều tập luật lệ có kèm theo những văn bản hướng dẫn thi hành (phục vụ Nghị quyết số 228, Nghị quyết số 76-CP, 19-CP, 61-CP..) làm cơ sở và chỗ dựa giúp triển khai công tác hướng dẫn, phổ biến, tuyên truyền và thi hành pháp luật.

- Tham gia thảo luận Dự thảo Hiến pháp: Đối với Ngành Pháp chế đây là một đợt “*tuyên truyền, phổ biến đạo luật cơ bản*” nhằm bồi dưỡng kiến thức, nâng cao nhận thức và ý thức pháp chế xã hội chủ nghĩa cho tất cả các cơ quan nhà nước, nhân viên cơ quan nhà nước và nhân dân....

Tuy nhiên, theo Báo cáo thì những kết quả đạt được của ngành còn rất hạn chế. Nguyên nhân chủ yếu là do tổ chức Ngành, chỉ đạo Ngành còn yếu, cán bộ Ngành còn hạn chế về số lượng, về trình độ hoàn thành nhiệm vụ.

Về định hướng công tác pháp chế năm 1978, Báo cáo đề ra một số phương hướng cụ thể:

1. Góp phần xây dựng tổ chức nhà nước, tổ chức các cơ quan nhà nước, các ngành, các cấp bằng việc nghiên cứu và thực hiện chế độ pháp chế mới về Nhà nước như: Luật Tổ chức Quốc hội, HĐND, Hội đồng Chính phủ, UBND và các ngành chuyên môn;

2. Công tác pháp chế phục vụ việc tổ chức lại sản xuất và xây dựng hệ thống quản lý kinh tế mới, trọng tâm vấn đề là kế hoạch hoá nền kinh tế quốc dân, thi hành Điều lệ xí nghiệp trong các xí nghiệp công nghiệp quốc doanh..., thi hành hợp đồng kinh tế...

3. Phục vụ vấn đề tổ chức và phát triển theo Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 2 của Đảng. Hàng loạt biện pháp pháp chế cần được nghiên cứu để thực hiện từ kế hoạch hoá nông nghiệp đến quản lý ruộng đất...

Hồ sơ số 60 - Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 27 THÁNG 5 NĂM 1978

Thành lập Nhà xuất bản Pháp lý trực thuộc Ủy ban Pháp chế

Nhà xuất bản Pháp lý được thành lập theo Quyết định số 56/VH-QĐ của Bộ trưởng Bộ Văn hóa và Thông tin. Theo đó, Nhà xuất bản Pháp lý có nhiệm vụ xuất bản:

a) Các văn kiện luật lệ của Nhà nước (Hiến pháp, các đạo luật, pháp lệnh và các văn bản pháp luật khác).

b) Sách tuyên truyền, phổ biến pháp luật nhằm phổ biến sâu rộng trong nhân dân.

c) Sách hướng dẫn thi hành pháp luật.

d) Sách nghiên cứu lý luận về pháp lý.

đ) Sách và các giáo trình giảng dạy về pháp lý.

Hồ sơ số 190 - Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 14 THÁNG 11 NĂM 1978

Ủy ban Pháp chế trình Dự án Điều lệ quản lý ruộng đất

Trong thời gian này, công tác quản lý ruộng đất, bên cạnh những thành tích đã đạt được, còn nhiều hiện tượng tiêu cực như đất đai chưa được sử dụng hợp lý, mang lại ít sản phẩm, bị thoái hoá, tình trạng lấn chiếm, cấp đất tùy tiện khá phổ biến, tranh chấp đất đai xảy ra nhiều... Một trong những nguyên nhân của thực trạng này là do chưa xác lập chế độ quản lý nhà nước đối với ruộng đất và pháp luật của Nhà nước đối với việc quản lý ruộng đất còn lỏng lẻo.

Ngày 14/11/1978, Ủy ban Pháp chế có Tờ trình số 331-PC về Dự án Điều lệ quản lý ruộng đất. Dự án Điều lệ tập trung giải quyết những vấn đề như:

- Chế độ quản lý ruộng đất;

- Các hình thức sở hữu ruộng đất;

- Thành lập Tổng cục quản lý ruộng đất;

- Quyền và nghĩa vụ chung của người sử dụng ruộng đất và quyền và nghĩa vụ riêng của người sử dụng từng loại đất.

Hồ sơ số 63 - Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NĂM 1979

NGÀY 06 - 07 THÁNG 02 NĂM 1979

Hội nghị pháp chế các tỉnh phía Nam

Hội nghị tổ chức tại thành phố Hồ Chí Minh. Tham dự Hội nghị có các đại biểu là phụ trách các tổ chức pháp chế các tỉnh và thành phố trực thuộc Trung ương ở miền Nam từ Bình Trị Thiên trở vào.

Nội dung của cuộc họp tập trung vào 2 vấn đề chính:

1. Quán triệt Nghị quyết Hội nghị lần thứ 5 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về nhiệm vụ kinh tế năm 1979 và Nghị quyết số 05/CP ngày 09/01/1979 của Hội đồng Chính phủ về tổ chức thực hiện một bước Nghị quyết Hội nghị lần thứ 5 Ban chấp hành Trung ương Đảng về việc hoàn thành thắng lợi kế hoạch Nhà nước năm 1979 và chuẩn bị cho kế hoạch năm 1980;

2. Phổ biến kế hoạch công tác quý I của Ngành Pháp chế.

Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 28 THÁNG 3 NĂM 1979

Ủy ban Pháp chế ban hành Thông tư số 79-PLC hướng dẫn công tác pháp chế trong thời chiến

Nhằm nâng cao kỷ cương, tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa trong thời chiến, Thông tư nhấn mạnh: *“Các tổ chức pháp chế thuộc bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan trực thuộc Hội đồng Chính phủ, UBND tỉnh và thành phố trực thuộc Trung ương, với ý thức trách nhiệm cao, cần phát huy hết khả năng để giúp thủ trưởng ngành mình, cấp mình tiến hành tốt các công tác trong thời chiến”*.

Về vấn đề bổ sung, sửa đổi pháp luật hiện hành, ban hành pháp luật mới thích hợp với thời chiến, Thông tư quy định:

Pháp luật phải đáp ứng những yêu cầu của thời chiến. Cho nên, một mặt cần chú ý bổ sung, sửa đổi những quy định đã có cho phù hợp với thời chiến. Mặt khác, nếu có những lĩnh vực công tác hoặc một khâu nào đó mà chưa có văn bản quy định thì phải chú ý xây dựng văn bản mới.

Các tổ chức pháp chế có trách nhiệm giúp thủ trưởng các ngành, các cấp tổ chức việc rà soát pháp luật hiện hành, xác định những vấn đề cần bổ sung, sửa đổi hoặc cần quy định mới, đề tui trường hợp mà tự mình bổ sung, sửa đổi, quy định mới hoặc đề xuất với cơ quan cấp trên có thẩm quyền.

Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 03 ĐẾN NGÀY 05 THÁNG 7 NĂM 1979

Ủy ban Pháp chế tổ chức Hội nghị triển khai văn bản pháp luật

Hội nghị được tổ chức với mục đích phổ biến, quán triệt cũng như triển khai việc thực hiện Nghị định số 182/CP ngày 26/4/1979 của Hội đồng Chính phủ ban hành Quy định về quyền làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa của công nhân viên chức tại các đơn vị sản xuất kinh doanh của Nhà nước và Nghị định số 217/CP ngày 08/6/1979 của Hội đồng Chính phủ ban hành Quy định về bốn chế độ của cán bộ, nhân viên cơ quan Nhà nước cho cán bộ pháp chế của các bộ, ngành ở Trung ương và tổ chức pháp chế các tỉnh, thành phố từ Bình Trị Thiên trở ra.

Cũng tại Hội nghị, các đại biểu còn được nghe phổ biến một số vấn đề về kế hoạch công tác pháp chế năm 1979 và việc hệ thống hoá các văn bản pháp luật và thẩm quyền ban hành văn bản.

Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 22 THÁNG 8 NĂM 1979

Hội đồng Chính phủ ban hành Quyết định thành lập Trường Cao đẳng Pháp lý thuộc Ủy ban Pháp chế

Để giải quyết yêu cầu trước mắt về cán bộ, Ủy ban Pháp chế đã mở các lớp bồi dưỡng ngắn hạn, các lớp bồi dưỡng pháp chế chuyên đề (nông nghiệp, quản lý xí nghiệp) đồng thời hướng dẫn, giúp đỡ các địa phương, các ngành mở các lớp ngắn hạn và tại chức. Trên cơ sở các lớp ngắn hạn và sau khi bồi dưỡng được giáo viên, có cơ sở trường lớp, Ủy ban Pháp chế đã được phép mở Trường Trung học Pháp lý.

Ngày 16/11/1977, do yêu cầu cán bộ và sự đòi hỏi phải nâng cao trình độ đào tạo, Ủy ban Pháp chế đã trình Chính phủ Tờ trình số 556-TCCB, trong đó đề nghị:

a) Cho phép Ủy ban Pháp chế mở Trường Cao đẳng Pháp lý trong năm 1978 trên cơ sở Trường Trung học Pháp lý hiện có. Trường Cao đẳng Pháp lý sẽ đảm nhiệm việc đào tạo tập trung dài hạn cho 2 hệ: cao đẳng và trung cấp, đồng thời trường có nhiệm vụ mở các lớp bồi dưỡng ngắn hạn về pháp chế và chuyên đề pháp chế.

b) Cho phép Ủy ban Pháp chế mở Phân hiệu Cao đẳng Pháp lý ở miền Nam để việc bồi dưỡng đào tạo cán bộ pháp lý ở miền Nam được thuận tiện.

Ngày 09/11/1978, sau khi tham khảo ý kiến của Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, Bộ Đại học và Trung học chuyên nghiệp, Thủ tướng Chính phủ có Công văn số 4628 VP9, theo đó có ý kiến: cho phép Ủy ban Pháp chế:

a) Chuẩn bị thành lập ở Trung ương Trường Cao đẳng Pháp lý, trường này được xây dựng trên cơ sở Trường Trung học Pháp lý trực thuộc Ủy ban;

b) Chuẩn bị mở ở thành phố Hồ Chí Minh một phân hiệu của Trường Cao đẳng Pháp lý nói trên.

Ngày 17/3/1979, sau một thời gian chuẩn bị về lực lượng giáo viên, cơ sở vật chất, chương trình học, giáo trình,... xét thấy đã có đủ điều kiện để xin Chính phủ cho phép mở trường, Ủy ban Pháp chế có Công văn số 73/PC-TC-ĐT gửi Ủy ban Kế hoạch Nhà nước và Bộ Đại học và Trung học chuyên nghiệp đề nghị Bộ Đại học và Ủy ban Kế hoạch xem xét và trình Chính phủ để Chính phủ có quyết định cho Ủy ban Pháp chế mở Trường Cao đẳng Pháp lý.

Ngày 22/8/1979, căn cứ đề nghị của Ủy ban Pháp chế, Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, Bộ Đại học và Trung học chuyên nghiệp, Hội đồng Chính phủ ban hành Quyết định số 299-CP thành lập Trường Cao đẳng Pháp lý thuộc Ủy ban Pháp chế.

Trường Cao đẳng Pháp lý có nhiệm vụ:

1. Đào tạo bằng hình thức tập trung dài hạn cán bộ pháp lý có trình độ cao đẳng, đáp ứng cho nhu cầu cán bộ pháp lý của các cơ quan quản lý nhà nước, quản lý kinh tế, quản lý xã hội và các cơ quan chuyên trách công tác pháp lý (kiểm sát, nội vụ, tòa án, pháp chế).

2. Bồi dưỡng bằng hình thức bổ túc ngắn hạn và tại chức cho cán bộ thuộc các cơ quan kể trên để đạt trình độ cao về pháp lý.

Lãnh đạo trường gồm một Hiệu trưởng và một số Phó Hiệu trưởng.

Hồ sơ số 18.837, Phòng PTT - Trung tâm LTQG III;

Công báo số 6 năm 1979, tr. 88

NGÀY 25 THÁNG 9 NĂM 1979

Giải thể Ban Pháp chế Trung ương

Xét vào thời điểm này, các nhiệm vụ của Ban Pháp chế Trung ương được quy định tại Nghị quyết số 133-NQ/TW ngày 05/01/1966 của Ban Chấp hành Trung ương đã được giao cho Ủy ban Pháp chế và Ban Nội chính Trung ương đảm

nhệm. Vì vậy, Ban Pháp chế Trung ương được giải thể. Cán bộ, nhân viên và phương tiện làm việc của Ban Pháp chế Trung ương chuyển giao sang Ban Nội chính Trung ương.

Tư liệu lưu trữ Văn phòng Trung ương Đảng

NGÀY 10 THÁNG 11 NĂM 1979

Hội đồng Chính phủ ra Quyết định thành lập Trường Đại học Pháp lý Hà Nội

Xuất phát từ thực trạng còn thiếu nhiều cán bộ pháp lý, đặc biệt thiếu cán bộ pháp lý trẻ và cán bộ pháp lý chuyên ngành kinh tế. Hơn nữa, tuy thành lập đã gần 30 năm nhưng Nhà nước ta vẫn chưa xây dựng được hệ thống trường pháp lý, chưa mở Trường Đại học Pháp lý. Do vậy sau hơn một năm nghiên cứu, chuẩn bị lực lượng, trao đổi với Bộ Đại học, Ủy ban Kế hoạch Nhà nước và các cơ quan liên quan, ngày 15/4/1974, Ủy ban Pháp chế đã có Tờ trình Thường vụ Hội đồng Chính phủ về việc cho mở Trường Đại học Pháp lý ở bậc đại học với các nội dung:

- Trường Đại học Pháp lý có nhiệm vụ đào tạo các chuyên viên pháp lý từng môn luật: Luật Nhà nước và Hành chính, Luật Kinh tế, Luật Hình và Luật Dân sự, Luật Quốc tế.

- Đối tượng đào tạo là tất cả những cán bộ làm công tác ở cơ quan nhà nước có liên quan đến luật như: cán bộ pháp chế, cố vấn pháp luật trong các tổ chức kinh tế, thẩm phán, kiểm sát viên, cán bộ nghiên cứu khoa học pháp lý, cán bộ giảng dạy pháp lý, Ủy viên Hội đồng trọng tài kinh tế; đặc phái viên thanh tra của Chính phủ; sĩ quan công an (chủ yếu là sĩ quan cảnh sát nhân dân và cán bộ chấp pháp); luật sư; công chứng viên chuyên nghiệp...

- Trường Đại học Pháp lý sẽ do Ủy ban Pháp chế và Bộ Đại học và Trung học chuyên nghiệp quản lý theo quy chế chung của Nhà nước.

Ngày 26/7/1974, Phó Thủ tướng Trần Hữu Dực có Công văn số 2461/VP/14 yêu cầu Ủy ban Pháp chế “*cùng các cơ quan có liên quan tiếp tục bàn bạc tính toán các mặt cho chu đáo để kịp trình Chính phủ xét duyệt*”.

Ngày 19/6/1976, Ủy ban Pháp chế tiếp tục trình Thường vụ Hội đồng Chính phủ Tờ trình số 204/VP-UB về việc mở Trường Đại học Pháp lý.

Ngày 16/5/1978, Ban Bí thư có Thông báo số 07-TB/TW về việc mở Trường Đại học Pháp lý. Thực hiện thông báo này, Ban Khoa giáo Trung ương đã chỉ định một Tiểu ban gồm đại biểu các ngành có liên quan và do Ủy ban Pháp chế của Chính phủ chủ trì để chuẩn bị Đề án mở Trường Đại học Pháp lý.

Ngày 21/9/1979, Ủy ban Pháp chế trình Ban Bí thư Trung ương Đảng và Thường vụ Hội đồng Chính phủ Tờ trình số 240-PC và Đề án về việc mở Trường Đại học Pháp lý.

Ngày 10/11/1979, Hội đồng Chính phủ ra Quyết định số 405-CP về việc thành lập Trường Đại học Pháp lý Hà Nội.

Theo đó, trường được thành lập trên cơ sở thống nhất Khoa Luật của Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội và Trường Cao đẳng Pháp lý và giao cho Ủy ban Pháp chế của Chính phủ trực tiếp quản lý. Địa điểm của trường đặt tại xã Duyên Thái, huyện Thường Tín, tỉnh Hà Tây.

Trường Đại học Pháp lý Hà Nội có nhiệm vụ đào tạo và bồi dưỡng cán bộ pháp lý có trình độ đại học và trên đại học, theo các hình thức dài hạn, ngắn hạn và tại chức, nhằm đáp ứng nhu cầu của các ngành, các cấp về cán bộ pháp lý. Thời gian đào tạo của mỗi khóa học tập trung dài hạn là bốn năm rưỡi.

Cơ cấu đào tạo của Trường do Ủy ban Pháp chế của Chính phủ và Bộ Đại học và Trung học chuyên nghiệp quyết định, sau khi đã bàn bạc nhất trí với các ngành có liên quan.

Hồ sơ số 26 - Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp;

Phụ lục Công báo số 9 năm 1979, tr. 147

NGÀY 14 THÁNG 11 NĂM 1979

Ủy ban Thường vụ Quốc hội thông qua Pháp lệnh về bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em

Để có những quy định cần thiết làm cơ sở pháp lý giải quyết những vấn đề quan trọng nhằm bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em, Ủy ban Pháp chế phối hợp với Ủy ban Thiếu niên nhi đồng Trung ương Dự thảo Pháp lệnh về bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em. Sau khi đã lấy ý kiến của một số cơ quan ban ngành có liên quan, ngày 14/4/1979 Ủy ban Pháp chế đã có Tờ trình số 93-PLC về Dự thảo Pháp lệnh về bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em.

Ngày 14/11/1979, Ủy ban Thường vụ Quốc hội thông qua Pháp lệnh về bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em. Pháp lệnh có 5 chương với 27 điều quy định các quyền cơ bản của trẻ em cũng như nhiệm vụ của gia đình, Nhà nước và xã hội trong việc bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em.

Công báo số 22 ngày 30/11/1979, tr. 354 - 358

NĂM 1980

NGÀY 07 THÁNG 02 NĂM 1980

Ông Trần Quang Huy được bổ nhiệm làm Chủ nhiệm Ủy ban Pháp chế của Chính phủ

Ngày 07/02/1980, Ủy ban Thường vụ Quốc hội họp phiên thường lệ dưới sự chủ trì của Chủ tịch Ủy ban Thường vụ Quốc hội Trường Chinh. Tại phiên họp này, theo đề nghị của Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã quyết định một số vấn đề về nhân sự của Hội đồng Chính phủ. Trên cơ sở đó, cùng ngày Chủ tịch nước đã ký Lệnh số 28-LCT bổ nhiệm và miễn nhiệm một số thành viên của Hội đồng Chính phủ trong đó có việc bổ nhiệm ông Trần Quang Huy - Bộ trưởng phụ trách công tác văn hoá - giáo dục ở Phủ Thủ tướng làm Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Pháp chế của Chính phủ

Công báo số 3 năm 1980, tr. 58 - 59

NGÀY 07 THÁNG 3 NĂM 1980

Khai giảng khoá đầu tiên của Trường Đại học Pháp lý Hà Nội

Buổi lễ khai giảng đã vinh dự được đón Thủ tướng Phạm Văn Đồng đến dự và nói chuyện. Trong bài phát biểu, Thủ tướng nhấn mạnh đến ý nghĩa của công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học pháp lý: *“Trong việc xây dựng khoa học pháp lý, xây dựng pháp luật và xây dựng pháp chế, Trường Đại học Pháp lý có một vị trí quan trọng. Chúng ta phải cùng nhau xây dựng Trường Đại học Pháp lý Hà Nội thành một trung tâm nghiên cứu khoa học pháp lý, trung tâm đào tạo cán bộ pháp lý và trung tâm truyền bá pháp lý”* và *“Muốn biến Trường Đại học Pháp lý thành một trung tâm nghiên cứu, đào tạo cán bộ và truyền bá pháp lý của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, thì chúng ta phải có quyết tâm lớn, mọi ngành, mọi cấp, mọi người Việt Nam đều phải phấn đấu bên bỉ với tinh thần quyết tâm như vậy”*.

Để có thể thực hiện được nhiệm vụ nặng nề nhưng hết sức vẻ vang đó, Thủ tướng gợi ý một số việc cần làm. Đó là, phải rất coi trọng việc giảng dạy và học tập, kết hợp lý luận với thực tiễn, học đi đôi với hành, nhà trường gắn liền với xã hội. Nhà trường phải làm tốt cả hai việc giảng dạy và học tập: *“Người làm công tác giảng dạy phải suy nghĩ tìm ra cách tốt nhất để soạn, viết và giảng cho sinh viên*

hiểu và nắm được kiến thức. Dạy giỏi không có nghĩa là bắt học sinh nhớ lại những điều đã dạy mà là biết gợi cho học sinh suy nghĩ, sáng tạo: học một mà biết hai, biết ba, biết bốn, biết năm... Đối với khoa học pháp lý làm như thế hoàn toàn đúng. Những bài giảng về pháp lý có thể phong phú, hấp dẫn lắm. Muốn thế, người giảng viên phải công phu, và làm được điều đó, người học sẽ có dịp tốt để học giỏi”.

Cuối cùng Thủ tướng mong muốn tất cả các cán bộ cũng như học sinh ra sức xây dựng nhà trường thành một trường kiểu mẫu, tiên tiến về mọi mặt, giảng dạy, học tập, sinh hoạt, xây dựng tốt đời sống vật chất và tinh thần.

Trung tâm khoa học pháp lý, Chuyên đề kỷ niệm 50 năm ngày thành lập Ngành Tư pháp, Viện Nghiên cứu khoa học pháp lý, Bộ Tư pháp, 1995

NGÀY 22 THÁNG 3 NĂM 1980

Ủy ban Pháp chế ra quyết định giữ Trường Trung học Pháp lý và đổi tên thành Trường Trung học chuyên nghiệp Pháp lý I

Trường Cao đẳng Pháp lý đã được thành lập theo Quyết định số 299-CP ngày 22/8/1979 của Hội đồng Chính phủ nhưng xét thấy yêu cầu thực tiễn của đội ngũ cán bộ pháp lý trong giai đoạn hiện tại vẫn cần phải tiếp tục đào tạo hệ trung cấp pháp lý. Do vậy, ngày 22/3/1980, Ủy ban Pháp chế ban hành Quyết định số 013-QĐ giữ Trường Trung học Pháp lý và đổi tên thành Trường Trung học chuyên nghiệp Pháp lý I. Trường có nhiệm vụ đào tạo cán bộ pháp lý cho các tỉnh phía Bắc.

Đề tài 50 năm Ngành Tư pháp Việt Nam, Viện Nghiên cứu khoa học pháp lý, Bộ Tư pháp

NGÀY 26 THÁNG 3 NĂM 1980

Đại diện Ủy ban Pháp chế tham gia vào bộ phận nghiên cứu, cải tiến một bước về nhiệm vụ và quyền hạn của các bộ và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố

Để giúp Thường vụ Chính phủ nghiên cứu các vấn đề về cải tiến một bước, bổ sung các quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của các bộ và UBND các tỉnh, thành phố cho phù hợp với tình hình và nhiệm vụ mới, Thủ tướng Chính phủ ra Quyết định số 97/TTg thành lập một bộ phận nghiên cứu, cải tiến một bước về nhiệm vụ và quyền hạn của các bộ và UBND các tỉnh, thành phố. Bộ phận nghiên cứu này gồm 4 thành viên trong đó có ông Nguyễn Ngọc Minh, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Pháp chế của Chính phủ.

Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 02 THÁNG 4 NĂM 1980

Hội nghị công tác pháp chế

Hội nghị được tổ chức nhằm kiểm điểm công tác pháp chế năm 1979 và bàn nhiệm vụ công tác pháp chế năm 1980. Tham dự Hội nghị có đông đủ đại biểu tổ chức pháp chế của các ngành và địa phương trong cả nước. Ngoài ra, đến dự Hội nghị còn có các đại biểu là đại diện của Ban Nội chính Trung ương, Ủy ban Thanh tra của Chính phủ, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao, Viện Luật học, Hội Luật gia Việt Nam...

Đánh giá về công tác pháp chế năm 1979, Hội nghị nhận định: trong năm 1979, công tác xây dựng pháp luật, quản lý, ban hành các văn bản pháp quy, hệ thống hoá pháp luật, soát xét lại văn bản pháp luật cũng như công tác tuyên truyền, giáo dục hướng dẫn thi hành pháp luật có nhiều tiến bộ làm cho công tác pháp chế bắt đầu phát huy tác dụng trong công tác quản lý nhà nước, quản lý kinh tế, quản lý xã hội.

Hội nghị cũng đề ra những công tác lớn của toàn ngành trong năm 1980 đó là: phối hợp và giúp đỡ về mặt pháp lý đối với các ngành để tiếp tục sửa đổi, bổ sung và xây dựng mới các chính sách về chế độ, quản lý của Nhà nước, phục vụ việc thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ sáu của Trung ương Đảng, đồng thời tổ chức kiểm tra có chọn lọc và có trọng điểm việc thi hành những chính sách, chế độ quản lý đã và sẽ ban hành nhằm thúc đẩy sản xuất phát triển và đấu tranh chống các hiện tượng tiêu cực. Xác định và thực hiện một bước chương trình và kế hoạch xây dựng pháp luật gắn liền với việc ban hành và thi hành Hiến pháp mới.

Báo Nhân dân ngày 07/4/1980

NGÀY 15 ĐẾN NGÀY 17 THÁNG 4 NĂM 1980

Đoàn đại biểu Ủy ban Pháp chế tham dự Hội nghị Bộ trưởng Tư pháp các nước xã hội chủ nghĩa lần thứ VI

Hội nghị được tổ chức tại Pra-ha (Tiệp Khắc). Tham dự Hội nghị có các đoàn đại biểu của Bun-ga-ri, Hung-ga-ri, Việt Nam, Cộng hoà Dân chủ Đức, Cu-ba, Lào, Mông Cổ, Ba-lan, Ru-ma-ni, Liên Xô và Tiệp Khắc. Đoàn đại biểu Việt Nam do ông Nguyễn Ngọc Minh, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Pháp chế của Hội đồng Chính phủ dẫn đầu.

Chương trình nghị sự gồm hai chủ đề:

1. Những vấn đề chính trị - pháp lý ở các nước xã hội chủ nghĩa.
2. Pháp quyền về hôn nhân gia đình và bảo vệ quyền lợi của trẻ em ở các nước xã hội chủ nghĩa.

Tập san Pháp chế số 2 năm 1980

THÁNG 9 NĂM 1980

Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá IV đề cập đến nhiệm vụ tuyên truyền, giáo dục sâu rộng về Hiến pháp và pháp luật trong cán bộ và nhân dân

Hội nghị nêu rõ một trong những nhiệm vụ hàng đầu phải làm sau khi Hiến pháp mới được thông qua, đó là:

“1. Tuyên truyền, giáo dục sâu rộng về Hiến pháp và pháp luật trong cán bộ và nhân dân.

“...Thường xuyên phổ biến và giải thích pháp luật trong nhân dân, làm cho mọi người hiểu rõ quyền và nghĩa vụ công dân, thi hành nghiêm chỉnh Hiến pháp, pháp luật.

“Đưa việc học tập Hiến pháp và pháp luật hiện hành của nước ta vào chương trình giảng dạy của các trường đại học, trung học chuyên nghiệp, các trường của Đảng và của các đoàn thể. Sửa đổi và bổ sung chương trình giáo dục công dân ở trường phổ thông cho phù hợp với tinh thần và nội dung của Hiến pháp mới”.

Tạp chí Cộng sản số 10 năm 1983

NGÀY 09 THÁNG 10 NĂM 1980

Bộ trưởng, Chủ nhiệm Uỷ ban Pháp chế ra Quyết định số 66-QĐ/UB giao nhiệm vụ cho Vụ Tuyên truyền, giáo dục pháp luật

Theo Quyết định này, Vụ Tuyên truyền, giáo dục pháp luật được giao trách nhiệm giúp Uỷ ban Pháp chế trong việc:

1. Hướng dẫn các ngành và các địa phương về nghiệp vụ tuyên truyền, giáo dục pháp luật.

2. Phối hợp hoạt động của các cơ quan thông tin, báo chí, các cơ quan, tổ chức của Nhà nước, các đoàn thể nhân dân trong công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật.

3. Hướng dẫn và giúp đỡ về công tác giảng dạy pháp luật ở các trường phổ thông, đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp, dạy nghề, ở các trường đảng và đoàn thể nhân dân.

4. Chỉ đạo Nhà xuất bản Pháp lý, và Tập san “*Pháp chế Xã hội chủ nghĩa*”.

5. Hợp tác với các nước trong công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật.

Hồ sơ số 109 - Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

**Bộ trưởng Chủ nhiệm Ủy ban Pháp chế ra Quyết định số 67-QĐ/UB
giao nhiệm vụ cho Vụ Pháp luật kinh tế**

Theo Quyết định này, Vụ Pháp luật kinh tế có trách nhiệm giúp Ủy ban Pháp chế về các mặt xây dựng, hướng dẫn thi hành và hệ thống pháp luật trên lĩnh vực kinh tế, cụ thể:

1. Về xây dựng pháp luật

a) Tổng hợp kế hoạch ngắn hạn và dài hạn xây dựng pháp luật kinh tế và lao động của Nhà nước để trình Hội đồng Chính phủ quyết định.

b) Dự thảo những văn bản pháp luật kinh tế và lao động do Hội đồng Chính phủ giao cho Ủy ban trực tiếp tổ chức xây dựng và chuẩn bị kế hoạch tổ chức thực hiện những văn bản đó.

c) Theo dõi và phân tích hiệu lực của các văn bản pháp luật kinh tế và lao động đã ban hành, trên cơ sở đó kịp thời đề xuất ý kiến giải quyết lên Hội đồng Chính phủ.

d) Nghiên cứu những vấn đề pháp luật phục vụ cho hoạt động của nước ta tại Hội đồng tương trợ kinh tế và trong quan hệ kinh tế với các nước khác.

2. Về hướng dẫn thi hành pháp luật

a) Hướng dẫn việc thi hành những văn bản pháp luật kinh tế và lao động thuộc trách nhiệm của Ủy ban.

b) Giúp đỡ các ngành hướng dẫn việc thi hành những văn bản pháp luật kinh tế và lao động thuộc trách nhiệm của các ngành.

c) Cùng các ngành theo dõi việc thực hiện các văn bản pháp luật kinh tế đã ban hành, từ đó đề xuất, kiến nghị nhằm tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa trong quản lý nền kinh tế quốc dân.

3. Về hệ thống hoá pháp luật: Hướng dẫn nghiệp vụ cho các ngành, các cấp.

Hồ sơ số 109 - Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 10 THÁNG 10 NĂM 1980

**Bộ trưởng Chủ nhiệm Ủy ban Pháp chế ra Quyết định số 69-QĐ/UB
giao nhiệm vụ cho Vụ Tổ chức và Cán bộ**

Theo đó, Vụ Tổ chức và Cán bộ có trách nhiệm giúp Ủy ban Pháp chế:

1. Quản lý tổng hợp về mặt tổ chức

a) Phối hợp với các đơn vị trong Ủy ban xây dựng và tăng cường tổ chức của Ủy ban (bộ máy, biên chế, điều lệ hoạt động), nhằm thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị của Ủy ban và bảo đảm chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa trong cơ quan.

b) Nghiên cứu và hướng dẫn việc xây dựng tổ chức pháp chế ở các ngành, các cấp.

2. Quản lý tổng hợp về mặt cán bộ

a) Phối hợp với các đơn vị trong Ủy ban quản lý và tuyển dụng cán bộ, nhân viên thuộc Ủy ban; quản lý tổng hợp cán bộ pháp chế ở các ngành, các cấp.

b) Quản lý toàn bộ lý lịch của cán bộ, nhân viên cơ quan Ủy ban và hỗ trợ lý lịch của số cán bộ thuộc diện quản lý của Ủy ban ở các trường pháp lý trực thuộc.

c) Nghiên cứu và xây dựng quy hoạch cán bộ, danh mục và tiêu chuẩn các chức vụ trong toàn ngành.

d) Theo dõi và giúp đỡ các trường pháp lý trực thuộc Ủy ban trong công tác phân phối học sinh tốt nghiệp hàng năm theo chỉ tiêu kế hoạch nhà nước.

3. Quản lý tổng hợp về chính sách, chế độ đối với cán bộ nhân viên.

Hồ sơ số 109 - Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 04 THÁNG 12 NĂM 1980

Bộ trưởng Chủ nhiệm Ủy ban Pháp chế ra Quyết định số 117-QĐ/UB quy định nhiệm vụ của Văn phòng Ủy ban Pháp chế

Theo Quyết định này Văn phòng Ủy ban Pháp chế có nhiệm vụ:

1. Phối hợp với các Vụ, Viện và phòng trực thuộc Ủy ban để lập các chương trình và kế hoạch công tác dài hạn và ngắn hạn của Ủy ban; theo dõi nhắc nhở và giúp đỡ các đơn vị thực hiện những chương trình và kế hoạch đó;

2. Tổng hợp tình hình công tác mọi mặt của Ủy ban, làm báo cáo công tác quý và năm của Ủy ban và của toàn ngành;

3. Tổ chức công tác văn thư và lưu trữ, công tác tư liệu và quản lý thư viện của Ủy ban;

4. Tổ chức công tác đối ngoại của Ủy ban;

5. Lập ngân sách của Ủy ban và quản lý việc thực hiện ngân sách này; quản lý kinh phí, vật tư và tài sản của Ủy ban; chăm lo về mặt vật chất phục vụ các hoạt động của Ủy ban;

6. Hợp tác chặt chẽ với công đoàn cơ quan để cùng chăm lo đời sống của cán bộ, nhân viên của Ủy ban.

Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 15 THÁNG 12 NĂM 1980

Đoàn đại biểu Bộ Tư pháp Cộng hoà Dân chủ Đức thăm Việt Nam và ký Hiệp định Tương trợ tư pháp và pháp lý giữa Cộng hoà Dân chủ Đức và Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Đoàn do ông H.G. Hơ-xinh-gơ, Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng kiêm Bộ trưởng Bộ Tư pháp Cộng hoà Dân chủ Đức làm trưởng đoàn.

Ngày 15/12/1980, ông Trần Quang Huy, Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Chủ nhiệm Ủy ban Pháp chế thay mặt Hội đồng Chính phủ Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và ông H.G. Hơ-xinh-gơ, thay mặt Hội đồng Bộ trưởng Cộng hoà Dân chủ Đức đã ký Hiệp định Tương trợ tư pháp và pháp lý giữa hai nước. Hai Bộ trưởng cũng đã ký Nghị định thư về sự hợp tác giữa Ủy ban Pháp chế của Chính phủ Việt Nam và Bộ Tư pháp nước Cộng hoà Dân chủ Đức.

Ngày 09/01/1981, căn cứ quy định tại Điều 97 của Hiệp định, Ủy ban Pháp chế có Công văn số 15/PLC gửi Thường vụ Hội đồng Chính phủ đề nghị Hội đồng Chính phủ trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội phê chuẩn Hiệp định này.

Báo Nhân dân ngày 16/12/1980; Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 18 THÁNG 12 NĂM 1980

Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua Hiến pháp năm 1980

Ngày 02/7/1976, Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua Nghị quyết về việc thành lập Ủy ban Dự thảo Hiến pháp của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Sau hơn 1 năm chuẩn bị, Dự thảo Hiến pháp đã được lấy ý kiến, thảo luận trong cán bộ, nhân dân.

Ngày 18/12/1980, tại kỳ họp thứ 7 Quốc hội khoá VI chính thức thông qua Hiến pháp năm 1980. Kế thừa và phát triển các quy định của Hiến pháp năm 1946 và Hiến pháp năm 1959, Hiến pháp năm 1980 gồm Lời nói đầu, 147 Điều và 12 Chương.

Chương I của Hiến pháp quy định về chế độ chính trị của Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, trong đó xác định bản chất giai cấp của Nhà nước ta là Nhà nước chuyên chính vô sản, sứ mệnh lịch sử của Nhà nước là thực

hiện quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, xây dựng thắng lợi chủ nghĩa xã hội (Điều 2); lần đầu tiên Hiến pháp năm 1980 thể chế hoá chính thức vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với nhà nước và xã hội không chỉ trong Lời nói đầu như Hiến pháp năm 1959, mà còn có một điều riêng quy định về vấn đề này (Điều 4).

Chương II quy định về chế độ kinh tế, trong đó quy định Nhà nước tiến hành cách mạng về quan hệ sản xuất, hướng dẫn sử dụng và cải tạo các thành phần kinh tế phi xã hội chủ nghĩa, thiết lập và củng cố chế độ sở hữu xã hội chủ nghĩa nhằm xây dựng một nền kinh tế quốc dân chủ yếu có hai thành phần là: kinh tế quốc doanh thuộc sở hữu toàn dân và kinh tế hợp tác xã thuộc sở hữu tập thể (Điều 18); Nhà nước lãnh đạo nền kinh tế quốc dân theo kế hoạch thống nhất.

Các Chương III và Chương IV quy định về văn hoá, giáo dục, khoa học kỹ thuật và bảo vệ tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

Chương V quy định về quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân. Hiến pháp năm 1980 quy định thêm một số quyền mới của công dân, như: Quyền tham gia quản lý công việc của Nhà nước và xã hội (Điều 56); Quyền học không phải trả tiền (Điều 60); Khám bệnh và chữa bệnh không phải trả tiền (Điều 61); Quyền có nhà ở (Điều 62). Về các nghĩa vụ công dân, Hiến pháp năm 1980 quy định thêm: Công dân có nghĩa vụ tham gia xây dựng quốc phòng toàn dân (Điều 77); Nghĩa vụ tuân theo kỷ luật lao động, bảo vệ an ninh chính trị, tôn trọng những quy tắc của cuộc sống xã hội (Điều 78); Nghĩa vụ lao động công ích (Điều 80)...

Từ Chương VI đến Chương X quy định về bộ máy nhà nước.

Hiến pháp năm 1980 là văn bản pháp lý tổng kết và khẳng định những thành quả đấu tranh cách mạng của nhân dân Việt Nam trong nửa thế kỷ qua, thể hiện ý chí và nguyện vọng của nhân dân ta quyết tâm xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Cơ sở dữ liệu pháp luật quốc gia (Website: moj.gov.vn)

Công báo số 21 ngày 31/12/1980, tr. 354 - 387

NĂM 1981

NGÀY 09 THÁNG 02 NĂM 1981

Hội đồng Chính phủ ban hành Nghị định số 35/CP quy định nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của Bộ trưởng và chức năng của Bộ trong một số lĩnh vực quản lý nhà nước

Để tăng cường hiệu lực công tác quản lý của Hội đồng Chính phủ trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hoá, khoa học - kỹ thuật, xã hội, an ninh, quốc phòng, đối ngoại cũng như đề cao trách nhiệm và kỷ luật, tạo điều kiện cho các Bộ trưởng hoàn thành mọi nhiệm vụ được giao, căn cứ vào Nghị quyết của Hội đồng Chính phủ trong phiên họp toàn thể ngày 29/5/1980, ngày 09/02/1981 Hội đồng Chính phủ ban hành Nghị định số 35/CP quy định nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của Bộ trưởng và chức năng của Bộ trong một số lĩnh vực quản lý nhà nước. Điều 45 của Nghị định quy định về chức năng của Bộ trong lĩnh vực pháp chế. Điều 46 quy định nhiệm vụ và quyền hạn của Ủy ban Pháp chế, theo đó, Ủy ban Pháp chế có nhiệm vụ và quyền hạn:

“1. Phụ trách công tác hành chính tư pháp trong cả nước.

2. Trình Chính phủ quyết định kế hoạch xây dựng pháp luật trên cơ sở tổng hợp kế hoạch xây dựng pháp luật của các ngành; giúp các ngành thực hiện kế hoạch đó.

3. Trình Chính phủ xét và ban hành những văn bản pháp luật không thuộc bộ nào phụ trách.

4. Hướng dẫn và giúp đỡ về nghiệp vụ pháp lý cho các bộ, các địa phương trong việc xây dựng, hoàn thiện và hệ thống hoá pháp luật và trong việc tuyên truyền, giáo dục pháp luật.

5. Thẩm tra tính hợp pháp của các văn bản do các bộ, UBND các tỉnh ban hành; đề nghị sửa đổi hoặc bãi bỏ những văn bản không phù hợp với pháp luật hiện hành.

6. Đào tạo và quản lý việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ pháp lý cho các ngành, các địa phương”.

Phụ lục Công báo số 1 năm 1981, tr. 1 - 26

NGÀY 17 THÁNG 3 NĂM 1981

Bộ Chính trị ra Nghị quyết về việc tái lập Bộ Tư pháp

Ngày 17/3/1981, trong phiên họp về công tác nội chính, Bộ Chính trị đã có quyết định về việc tái lập Bộ Tư pháp làm nhiệm vụ của Ủy ban Pháp chế của Chính phủ và một phần nhiệm vụ của Tòa án nhân dân tối cao. Về Đảng, Bộ Tư pháp thuộc khối cơ quan Nội chính Trung ương.

Hồ sơ số 16.722, Phòng PTT - Trung tâm LTQG III

NGÀY 23 THÁNG 3 NĂM 1981

Bộ trưởng Chủ nhiệm Ủy ban Pháp chế ra Quyết định số 23/QĐ quy định chức năng và nhiệm vụ của Viện Nghiên cứu Pháp lý

Theo quy định tại Quyết định này thì Viện Nghiên cứu pháp lý có chức năng nghiên cứu lý luận và thực tiễn của công tác xây dựng và thi hành pháp luật, góp phần bảo đảm thực hiện tốt các nhiệm vụ của Ủy ban Pháp chế của Hội đồng Chính phủ.

Viện Nghiên cứu pháp lý có nhiệm vụ:

1. Nghiên cứu phương pháp luận trong công tác xây dựng pháp luật nhằm hợp lý hoá các quá trình xây dựng pháp luật.
2. Nghiên cứu hệ thống và các hình thức văn bản quy phạm và về kỹ thuật viết văn bản.
3. Phối hợp với các vụ có liên quan để giúp Ủy ban tổng kết về mặt nghiệp vụ công tác xây dựng pháp luật trong từng thời gian.
4. Nghiên cứu có trọng điểm hiệu lực pháp luật hiện hành và dựa vào tình hình phạm pháp trong xã hội để đề xuất ý kiến góp phần hoàn thiện pháp luật.
5. Thông qua công tác nghiên cứu mà tham gia ý kiến vào công tác quy hoạch đào tạo và bồi dưỡng cán bộ pháp lý.
6. Tổ chức việc biên soạn các tài liệu tham khảo nội bộ cung cấp cho cán bộ pháp chế các ngành và các địa phương.

Viện Nghiên cứu Pháp lý có Viện trưởng và một số Phó Viện trưởng.

Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

Ủy ban Pháp chế ban hành Thông tư số 104-VP hướng dẫn cách lập và thực hiện kế hoạch xây dựng pháp luật ở cấp tỉnh, thành phố đặc khu trực thuộc Trung ương

Kế hoạch hoá công tác xây dựng pháp luật là một biện pháp quan trọng của các cơ quan nhà nước, nhằm tạo ra thể chế chủ động trong việc quản lý nhà nước, quản lý kinh tế, quản lý xã hội bằng pháp luật, tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa; đồng thời cũng là một biện pháp cải tiến cách làm việc, thực hiện sự hợp tác chặt chẽ giữa các cơ quan nhà nước trong công tác thể chế hoá các chủ trương, chính sách của Đảng. Vấn đề kế hoạch hoá công tác xây dựng pháp luật lại càng cần thiết và cấp bách sau khi Hiến pháp mới được ban hành.

Trong khi chờ Nhà nước ban hành chính thức đạo luật về thẩm quyền và thủ tục xây dựng và ban hành pháp luật, để đưa công tác này đi dần vào nề nếp, Ủy ban Pháp chế ban hành Thông tư số 104-VP nhằm hướng dẫn một số điểm chính về cách lập và tổ chức thực hiện kế hoạch xây dựng pháp luật ở cấp tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc Trung ương.

Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 31 THÁNG 3 NĂM 1981

Ủy ban Pháp chế hướng dẫn việc thực hiện một số chức năng được quy định trong Điều 46 Nghị định số 35-CP của Hội đồng Chính phủ

Để thực hiện những nhiệm vụ được quy định trong Điều 46 Nghị định số 35-CP ngày 09/02/1981 của Hội đồng Chính phủ, Ủy ban Pháp chế ban hành Thông tư số 117-TT/PC đề nghị các bộ, Ủy ban Nhà nước, Tổng cục (dưới đây gọi tắt là bộ) và các UBND tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc Trung ương (dưới đây gọi tắt là tỉnh) tiến hành một số công tác sau:

1. Hàng năm, vào tháng 10, căn cứ vào yêu cầu thể chế hóa đường lối, chính sách của Đảng thuộc lĩnh vực quản lý, các bộ cần tiến hành lập kế hoạch xây dựng pháp luật trong năm sau của bộ mình. Kế hoạch gồm hai phần:

a) Những dự án luật, pháp lệnh sẽ đưa ra Quốc hội, Hội đồng Nhà nước, các văn bản pháp quy của Hội đồng Bộ trưởng dự kiến trình Hội đồng Bộ trưởng xem xét, thông qua.

b) Những văn bản pháp quy do bộ trực tiếp ban hành theo chức năng quản lý của mình.

2. Để Ủy ban Pháp chế làm được nhiệm vụ thẩm tra tính hợp pháp của những văn bản do các bộ, các UBND tỉnh ban hành thì các bộ, các UBND tỉnh gửi đến cho Ủy ban Pháp chế của Chính phủ bản sao các văn bản pháp quy của bộ, của HĐND và UBND tỉnh mỗi khi các văn bản ấy được ban hành.

Ở các tỉnh, Ban Pháp chế cũng có chức năng giúp UBND thẩm tra tính hợp pháp của các văn bản do các ngành, các cấp trong tỉnh ban hành. Các Sở, Ty, Ban và các UBND quận, huyện trong tỉnh cần gửi đều đặn cho Ban Pháp chế bản sao các văn bản pháp quy do Sở, Ty, Ban và HĐND quận, huyện ban hành.

Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 07 ĐẾN NGÀY 11 THÁNG 4 NĂM 1981

Hội nghị pháp chế toàn quốc

Nội dung Hội nghị bao gồm các nội dung: Tổng kết công tác năm 1980; bàn phương hướng, nhiệm vụ công tác pháp chế năm 1981 phục vụ thi hành Hiến pháp mới và cải tiến quản lý kinh tế; trao đổi kinh nghiệm về công tác phát động quần chúng xây dựng và thực hiện quy chế quản lý và hoạt động của các đơn vị kinh tế cơ sở (hợp tác xã nông nghiệp, xí nghiệp công nghiệp,...).

Đánh giá về công tác năm 1980, Báo cáo tại Hội nghị nhận định: Công tác pháp chế đã triển khai toàn diện và có trọng tâm hơn, ý thức hoạt động của toàn ngành đã được nâng lên một bước. Bước đầu đi vào kế hoạch hoá công tác xây dựng pháp luật, đặt cơ sở cho việc đưa dân vào nền nếp công tác xây dựng và thi hành pháp luật, góp phần tạo điều kiện để giải quyết yêu cầu chuyển mạnh sang cách quản lý nhà nước, quản lý kinh tế, quản lý xã hội chủ yếu bằng pháp luật.

Trên cơ sở những nhận xét, đánh giá, Hội nghị đã đề ra những nhiệm vụ chủ yếu cho năm 1981 như: đẩy mạnh công tác xây dựng pháp luật và kiểm tra việc thi hành pháp luật; mở rộng và nâng cao chất lượng công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật; chấn chỉnh công tác luật sư, bước đầu xây dựng công tác công chứng và công tác giám định tư pháp; chấp hành Nghị quyết số 32 của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 36 của Ban Bí thư xúc tiến việc xây dựng và tăng cường một cách có trọng điểm hệ thống tổ chức pháp chế ở Trung ương, địa phương và các ngành, bổ sung và bước đầu sắp xếp lại cán bộ, xác định các loại quy chế công tác, đẩy mạnh công tác tư tưởng, tạo điều kiện để làm tốt những nhiệm vụ pháp chế trong năm 1981 và chuẩn bị cho việc thành lập lại Bộ Tư pháp.

Hồ sơ số 122 - Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 17 THÁNG 4 NĂM 1981

Ban chấp hành Trung ương Đảng chỉ đạo việc chuẩn bị trình Bộ Chính trị chức năng, nhiệm vụ và tổ chức của Bộ Tư pháp

Sau khi Bộ Chính trị quyết định việc thành lập lại Bộ Tư pháp trong phiên họp về công tác nội chính ngày 17/3/1981, ngày 17/4/1981, Ban Chấp hành Trung ương Đảng có Công văn số 45-CV/TW gửi Thường vụ Hội đồng Chính phủ, Ban Nội chính Trung ương, Ban tổ chức Trung ương, Ủy ban Pháp chế của Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao đề nghị: Ban Nội chính Trung ương cùng Thường vụ Hội đồng Chính phủ và những cơ quan liên quan chuẩn bị Đề án về chức năng, nhiệm vụ và tổ chức của Bộ Tư pháp trình Bộ Chính trị cùng với Luật Tổ chức một số cơ quan nhà nước theo Hiến pháp mới vào tháng 5 năm 1981.

Hồ sơ số 16722, Phòng PTT - Trung tâm LTQG III

NGÀY 07 THÁNG 5 NĂM 1981

Ban Nội chính Trung ương chủ trì cuộc họp về việc thành lập Bộ Tư pháp

Thi hành quyết định của Bộ Chính trị về việc thành lập Bộ Tư pháp, theo đề nghị của Ủy ban Pháp chế, Ban Nội chính Trung ương Đảng chủ trì cuộc họp để bàn về đề án tổ chức Bộ Tư pháp. Tham dự cuộc họp gồm đại diện lãnh đạo Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Nội vụ, Bộ Quốc phòng, Hội đồng Trọng tài kinh tế Nhà nước, Ủy ban Pháp chế của Chính phủ, Ban Tổ chức của Chính phủ, Văn phòng Phủ Thủ tướng và Ban Tổ chức Trung ương Đảng.

Hồ sơ số 16722, Phòng PTT - Trung tâm LTQG III

NGÀY 18 THÁNG 5 NĂM 1981

Ủy ban Pháp chế trình Bộ Chính trị và Thường vụ Hội đồng Chính phủ Đề án tổ chức Bộ Tư pháp

Thi hành quyết định của Bộ Chính trị về việc thành lập Bộ Tư pháp và căn cứ vào kết luận trong cuộc họp các ngành liên quan ngày 07/5/1981 do Ban Nội chính Trung ương chủ trì, ngày 18/5/1981, Ủy ban Pháp chế của Chính phủ có Công văn số 163-VP trình Bộ Chính trị và Thường vụ Hội đồng Chính phủ bản Đề án tổ chức tư pháp trong đó đề nghị quy định Bộ Tư pháp là cơ quan của Hội đồng Bộ trưởng có chức năng: làm tham mưu cho Hội đồng Chính phủ trong việc xây dựng pháp luật và thi hành thống nhất pháp luật trong cả nước; không ngừng nâng cao ý thức pháp luật xã hội chủ nghĩa trong cán bộ và nhân dân; góp phần bảo vệ trật tự nhà

nước và tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa, thực hiện đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước trên lĩnh vực pháp chế.

Nhiệm vụ cụ thể của Bộ Tư pháp:

1. Xây dựng và tổ chức xây dựng pháp luật.
2. Quản lý về mặt tổ chức các toà án nhân dân địa phương và các toà án quân sự.
3. Quản lý thống nhất công tác hành chính tư pháp trong cả nước: giám định tư pháp, chấp hành án, công chứng, luật sư, lý lịch tư pháp, hộ tịch.
4. Phối hợp với Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao và Bộ Nội vụ trong việc tổng kết tình hình phạm tội và đề ra các biện pháp phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm. Cùng với Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Bộ Nội vụ tổ chức công tác thống kê tư pháp.
5. Hướng dẫn và giúp đỡ về nghiệp vụ các tổ chức pháp chế của các bộ, các Ủy ban Nhà nước, các cơ quan Trung ương khác thuộc Hội đồng Bộ trưởng.
6. Hướng dẫn về mặt pháp lý các cơ quan trọng tài kinh tế nhà nước.
7. Thống nhất hướng dẫn và tổ chức việc phối hợp các ngành tiến hành công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật trong nhân dân và cán bộ, nhân viên nhà nước.
8. Đào tạo, bồi dưỡng và quản lý tổng hợp công tác đào tạo, bồi dưỡng các loại cán bộ pháp lý.
9. Nghiên cứu khoa học pháp lý nhằm phục vụ việc xây dựng và thi hành pháp luật, góp phần xây dựng khoa học pháp lý Việt Nam.
10. Thực hiện việc hợp tác quốc tế về các vấn đề tư pháp.

Hệ thống tổ chức tư pháp gồm có:

1. a) Bộ Tư pháp; b) Sở Tư pháp ở cấp tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc Trung ương; c) Phòng (Ban) Tư pháp ở cấp huyện, quận, thị, và thành phố thuộc tỉnh; d) Ủy viên Tư pháp xã, phường (do 1 Phó Chủ tịch UBND xã, phường đảm nhiệm).
2. Ở các bộ, các Ủy ban Nhà nước, các cơ quan Trung ương khác trực thuộc Hội đồng Bộ trưởng (gọi tắt là các bộ), có các Vụ (Ban) Pháp chế, do bộ chủ quản trực tiếp chỉ đạo, đồng thời chịu sự chỉ đạo nghiệp vụ của Bộ Tư pháp.
3. Bộ máy của Bộ Tư pháp gồm có: Văn phòng, Vụ Quản lý Tòa án nhân dân, Vụ Quản lý Tòa án quân sự, Vụ Pháp luật chung, Vụ Pháp luật kinh tế, Vụ Hành chính tư pháp, Vụ Tuyên truyền, giáo dục pháp luật, Vụ Tổ chức và Cán bộ, Vụ Đào tạo bồi dưỡng và Viện Nghiên cứu pháp lý.

Hồ sơ số 16722, Phòng PTT- Trung tâm LTQG III

NGÀY 03 THÁNG 7 NĂM 1981

Quốc hội khoá VII, kỳ họp thứ nhất thông qua Luật Tổ chức Toà án nhân dân, theo đó giao Bộ Tư pháp quản lý các Toà án nhân dân địa phương về mặt tổ chức

Điều 16 của Luật quy định “Việc quản lý các Toà án nhân dân địa phương về mặt tổ chức do Bộ trưởng Bộ Tư pháp đảm nhiệm. Bộ trưởng Bộ Tư pháp phối hợp chặt chẽ với Chánh án Toà án nhân dân tối cao trong việc thực hiện nhiệm vụ đó”. Điều 45 của Luật quy định: “Biên chế của Toà án nhân dân tối cao do Chánh án Toà án nhân dân tối cao quy định và trình Hội đồng Nhà nước phê chuẩn. Tổng số biên chế của các Toà án nhân dân địa phương do Bộ trưởng Bộ Tư pháp trình Hội đồng Bộ trưởng quyết định. Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định biên chế cho từng Toà án nhân dân địa phương”.

Công báo số 13 ngày 31/7/1981, tr. 258 - 268

NGÀY 04 THÁNG 7 NĂM 1981

Quốc hội khoá VII, kỳ họp thứ nhất thông qua danh sách các thành viên của Hội đồng Bộ trưởng trong đó có Bộ trưởng Bộ Tư pháp

Tại phiên họp toàn thể ngày 04/7/1981, sau khi Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Phạm Văn Đồng giới thiệu danh sách các Phó Chủ tịch và các thành viên khác của Hội đồng Bộ trưởng, toàn thể đại biểu đã nhất trí thông qua danh sách các thành viên của Hội đồng Bộ trưởng, trong đó có Bộ trưởng Bộ Tư pháp - Phan Hiền.

Công báo số 19 ngày 31/10/1981, tr. 392 - 393

Hội đồng Chính phủ ban hành Nghị định số 293-CP về việc thi hành Pháp lệnh ngày 14/11/1979 về bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em

Nghị định được ban hành theo đề nghị của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Pháp chế của Chính phủ. Nghị định quy định các nội dung về: bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em; trẻ em là con liệt sĩ, trẻ em mồ côi và trẻ em tàn tật; chính sách bán hạ giá các mặt hàng dành cho trẻ em; trách nhiệm chung của chính quyền các cấp và các đơn vị cơ sở; trách nhiệm của gia đình đối với trẻ em.

Công báo số 12 ngày 15/7/1981, tr. 226 - 229

NGÀY 14 THÁNG 9 NĂM 1981

**Bộ Tư pháp và Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn việc tổ chức bầu
Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân của Tòa án nhân dân cấp huyện**

Thông tư liên tịch số 01 của Bộ Tư pháp và Tòa án nhân dân tối cao ngày 14/9/1981 quy định và hướng dẫn cụ thể về số lượng, điều kiện, thủ tục và cách bầu Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân Tòa án nhân dân cấp huyện.

Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 15 THÁNG 10 NĂM 1981

**Bộ Tư pháp trình Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng Dự thảo Thông tư
hướng dẫn thi hành Pháp lệnh Trừng trị tội hối lộ**

Xuất phát từ thực trạng tệ hối lộ phát triển ngày càng nghiêm trọng, gây thiệt hại nhiều mặt đến việc thực hiện đường lối chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước, ngày 20/5/1981, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã thông qua Pháp lệnh Trừng trị tội hối lộ. Để thực hiện Pháp lệnh này, ngày 15/10/1981, Bộ Tư pháp trình Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng Tờ trình số 103-PLC về Dự thảo Thông tư của Hội đồng Bộ trưởng hướng dẫn thi hành Pháp lệnh Trừng trị tội hối lộ.

Nội dung Dự thảo Thông tư tập trung hướng dẫn một số vấn đề về đối tượng phạm tội nhận hối lộ; người phạm tội đưa hối lộ và môi giới hối lộ; hành vi của người nhận hối lộ; việc đòi hối lộ; nguyên tắc xử lý của hối lộ; trách nhiệm thi hành Pháp lệnh và vấn đề khen thưởng.

Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 20 THÁNG 11 NĂM 1981

**Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Quyết định số 261/QĐ-TC về việc
thành lập Phòng Pháp luật quốc tế và Hợp tác quốc tế**

Theo Quyết định này thì Phòng Pháp luật quốc tế và Hợp tác quốc tế đặt tại Vụ Pháp luật chung của Bộ Tư pháp, có nhiệm vụ:

- Nghiên cứu các chuyên đề về công pháp và tư pháp quốc tế;
- Dự thảo và hoàn chỉnh các Hiệp định, các văn bản hợp tác quốc tế giữa Việt Nam với các nước khác về tư pháp và pháp lý;
- Chuẩn bị các nội dung để Bộ Tư pháp làm việc với các đoàn khách nước ngoài đến làm việc với Bộ Tư pháp và chuẩn bị các nội dung để đoàn của Bộ Tư pháp đi công tác nước ngoài;

- Giúp Bộ Tư pháp đề ra kế hoạch và tổ chức hướng dẫn việc thực hiện Hiệp định tương trợ tư pháp đã có hiệu lực, báo cáo kết quả thực hiện và đề xuất với Bộ Tư pháp những vấn đề cần thiết.

- Giúp Bộ Tư pháp triển khai thực hiện các Hiệp định, các quan hệ hợp tác, giúp đỡ lẫn nhau giữa Bộ Tư pháp Việt Nam với Bộ Tư pháp các nước anh em ký kết Hiệp định, đặc biệt là hợp tác, giúp đỡ Lào và Cam-pu-chia.

Phòng Pháp luật quốc tế và Hợp tác quốc tế có Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng và một số chuyên viên pháp lý, cán bộ nghiên cứu pháp lý.

Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 22 THÁNG 11 NĂM 1981

Hội đồng Bộ trưởng ban hành Nghị định số 143-HĐBT quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức Bộ Tư pháp

Quốc hội khoá VII kỳ họp thứ nhất đã quyết định tái thành lập Bộ Tư pháp và thông qua Luật Tổ chức Tòa án nhân dân trong đó quy định Bộ Tư pháp có trách nhiệm quản lý các Tòa án nhân dân địa phương về mặt tổ chức. Để thi hành các Nghị quyết và Luật nói trên, ngày 16/9/1981, Bộ Tư pháp trình Hội đồng Bộ trưởng Tờ trình số 51-TCCB về Dự thảo Nghị định tổ chức Bộ Tư pháp.

Ngày 22/11/1981 Hội đồng Bộ trưởng ban hành Nghị định số 143-HĐBT quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức Bộ Tư pháp. Nghị định quy định Bộ Tư pháp là cơ quan của Hội đồng Bộ trưởng, có chức năng giúp Hội đồng Bộ trưởng thực hiện quản lý thống nhất các công việc về tư pháp trong cả nước, bao gồm: công tác dự thảo pháp luật, quản lý về mặt tổ chức các toà án địa phương và các công tác tư pháp khác; công tác tuyên truyền, giáo dục ý thức pháp luật xã hội chủ nghĩa trong cán bộ và nhân dân; góp phần bảo đảm thi hành Hiến pháp và pháp luật; tăng cường chuyên chính vô sản, thực hiện quyền làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa của nhân dân.

Bộ Tư pháp có những nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

- Tổng hợp và trình Hội đồng Bộ trưởng quyết định kế hoạch xây dựng các dự án pháp luật và hướng dẫn việc thực hiện kế hoạch đó; xây dựng hoặc tham gia với các ngành xây dựng các dự án pháp luật trình Hội đồng Bộ trưởng; hướng dẫn công tác hệ thống hoá pháp luật và từng bước tiến hành pháp điển hoá; thẩm tra và đề nghị sửa đổi hoặc bãi bỏ các văn bản không phù hợp với pháp luật do các bộ, các Ủy ban Nhà nước, các cơ quan khác thuộc Hội đồng Bộ trưởng và các UBND địa phương ban hành.

- Quản lý về mặt tổ chức (cơ cấu, biên chế, nhân sự) và ngân sách các toà án địa phương. Cùng với Tòa án nhân dân tối cao tổng kết công tác xét xử. Hướng dẫn việc bầu cử Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân của Tòa án nhân dân địa phương; tổ chức việc bồi dưỡng về chính trị và pháp lý cho Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân.

- Trình Hội đồng Bộ trưởng ban hành, hoặc ban hành theo thẩm quyền của mình các quy chế về giám định tư pháp, chấp hành án, công chứng, lý lịch tư pháp và quy chế luật sư; hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các quy chế đó.

- Hướng dẫn về nghiệp vụ các tổ chức pháp chế của các bộ, các Ủy ban Nhà nước, các cơ quan khác thuộc Hội đồng Bộ trưởng.

- Hướng dẫn hoặc tổ chức việc phối hợp các ngành về công tác tuyên truyền giáo dục pháp luật trong cán bộ, nhân viên nhà nước và nhân dân.

- Trình Hội đồng Bộ trưởng quyết định biên chế, tiêu chuẩn cán bộ, nhân viên của Ngành Tư pháp; đào tạo, bồi dưỡng và quản lý công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ pháp lý.

- Nghiên cứu khoa học pháp lý phục vụ công tác xây dựng pháp luật, thi hành pháp luật và các công tác khác của Ngành Tư pháp.

- Cùng với Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao và Bộ Nội vụ tổ chức công tác thống kê tư pháp, tổng kết tình hình phạm tội, kiến nghị Hội đồng Bộ trưởng xét duyệt và ban hành các chủ trương, chính sách, biện pháp nhằm ngăn ngừa và đấu tranh chống tội phạm.

- Thực hiện việc hợp tác quốc tế về tư pháp và pháp lý theo đường lối chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

- Quản lý cán bộ, tổ chức, biên chế, ngân sách, tài sản của Bộ.

Hệ thống tư pháp trong cả nước gồm có: Bộ Tư pháp, Sở Tư pháp ở cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và cấp tương đương, Ban Tư pháp ở cấp quận, huyện, thị xã và các đơn vị hành chính tương đương, Ban Tư pháp ở cấp xã, phường và các đơn vị hành chính tương đương. Ở các bộ, các Ủy ban Nhà nước và một số cơ quan khác thuộc Hội đồng Bộ trưởng có Vụ Pháp chế, ở các Sở chuyên môn, liên hiệp các xí nghiệp, tổng công ty, xí nghiệp có cố vấn pháp luật.

Bộ máy của Bộ Tư pháp gồm có: Các vụ Xây dựng pháp luật (tổ chức theo lĩnh vực cần thiết), Vụ Tuyên truyền, giáo dục pháp luật (có tạp chí của Bộ và Nhà xuất bản Pháp lý), Viện Nghiên cứu khoa học pháp lý, Vụ Quản lý toà án, Vụ Quản lý các tổ chức tư pháp khác, Vụ Tổ chức và Cán bộ, Vụ Đào tạo, Văn phòng, Trường Đại học Pháp lý và các đơn vị trực thuộc khác của Bộ.

*Hồ sơ số 140 - Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp;
Phụ lục Công báo số 5 năm 1981, tr. 99 - 101*

NGÀY 23 ĐẾN NGÀY 29 THÁNG 11 NĂM 1981

Bộ Tư pháp tổ chức Hội nghị quán triệt Nghị định số 143-HĐBT quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức Bộ Tư pháp

Hội nghị được tổ chức với mục đích phổ biến và bàn kế hoạch thực hiện Nghị định số 143-HĐBT của Hội đồng Bộ trưởng. Thành phần tham dự Hội nghị gồm các cán bộ chủ chốt của các Vụ, Ban Pháp chế các ngành Trung ương, các địa phương, Chánh án, Phó Chánh án Tòa án nhân dân các tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc Trung ương.

Các đại biểu dự Hội nghị đều nhất trí với chủ trương đúng đắn và kịp thời của Trung ương, Quốc hội và Chính phủ về việc tái thành lập Bộ Tư pháp, đồng thời các đại biểu cũng quán triệt kế hoạch của Bộ Tư pháp về triển khai xây dựng và củng cố hệ thống tổ chức các cơ quan tư pháp từ Trung ương đến cơ sở.

Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 27 THÁNG 11 NĂM 1981

Hội đồng Nhà nước ban hành Pháp lệnh quy định việc xét và giải quyết các khiếu nại, tố cáo của công dân

Trong thời gian này tình hình đơn khiếu nại, tố cáo được gửi đến các cấp rất nhiều, có tình trạng đơn được gửi đến các cơ quan cao nhất của Đảng và Nhà nước hoặc cùng một đơn được gửi nhiều nơi cùng một lúc. Trong khi đó, việc giải quyết khiếu nại, tố cáo còn rất chậm, chưa chu đáo, không công bằng do pháp luật chưa quy định thật cụ thể thẩm quyền xét, thủ tục xét...

Sau khi xây dựng và chỉnh lý Dự thảo Pháp lệnh quy định việc xét và giải quyết các khiếu nại, tố cáo của công dân theo ý kiến đóng góp của các cơ quan bộ, ngành, Hội đồng Nhà nước, Ủy ban Pháp chế có Tờ trình số 383-PC-UB ngày 29/8/1977 và Tờ trình lần 2 số 88/PC-UB ngày 17/02/1978 về Dự án Pháp lệnh quy định việc xét và giải quyết các khiếu nại, tố cáo của công dân.

Ngày 27/11/1981, Hội đồng Nhà nước ban hành Pháp lệnh quy định việc xét và giải quyết các khiếu nại, tố cáo của công dân. Pháp lệnh gồm 6 chương với 34 điều quy định về thủ tục tiếp nhận các khiếu nại, tố cáo; thẩm quyền và thời hạn xét và giải quyết các khiếu nại, tố cáo; việc quản lý, kiểm tra công tác xét và giải quyết các khiếu nại, tố cáo và các quy định về xử lý vi phạm.

Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 30 THÁNG 11 NĂM 1981

Ban Chấp hành Trung ương Đảng ra Thông tri số 142-TT/TW về việc triển khai thực hiện chức năng, nhiệm vụ và tổ chức của Bộ Tư pháp

Để Bộ Tư pháp sớm triển khai tiến hành công tác, kịp thời phục vụ các nhiệm vụ chính trị của Đảng và Nhà nước, Ban Bí thư yêu cầu các tỉnh ủy, thành ủy, đặc khu ủy và Ban cán sự Đảng các ngành có liên quan thực hiện những điều sau đây:

1. Các tỉnh ủy, thành ủy, đặc khu ủy phối hợp chặt chẽ với Ban cán sự Đảng Bộ Tư pháp chỉ đạo tốt việc thành lập các tổ chức tư pháp ở tỉnh, thành phố, đặc khu và ở các huyện, quận, thị xã theo đúng Nghị định của Hội đồng Bộ trưởng. Các cấp ủy Đảng cần làm tốt khâu nhân sự, bố trí cán bộ đủ số lượng và đảm bảo chất lượng cho các tổ chức tư pháp ở tỉnh, huyện... nhất là cán bộ phụ trách.

2. Ban cán sự Đảng Tòa án nhân dân tối cao và Ban cán sự Đảng Bộ Tư pháp khẩn trương tiến hành việc bàn giao những nhiệm vụ và tổ chức theo quy định mới của Luật Tổ chức Tòa án nhân dân. Đối với những công việc mà Bộ Tư pháp có khả năng đảm nhận ngay, hai bên tiến hành việc bàn giao để các công việc này sớm đi vào ổn định. Khi bàn giao công việc, phải đồng thời bàn giao tổ chức và cán bộ lâu nay chuyên trách vấn đề đó để cơ quan mới hoạt động bình thường. Đối với những việc mà Bộ Tư pháp chưa có điều kiện nhận bàn giao ngay thì trong thời gian quá độ chuẩn bị bàn giao, Tòa án nhân dân tối cao có trách nhiệm tiếp tục đảm đương công việc ấy như trước. Trong khi giải quyết các công việc này, Tòa án nhân dân tối cao cần có thông báo và tranh thủ ý kiến của Bộ Tư pháp. Không được vì thời gian chuẩn bị và tiến hành việc bàn giao mà làm ảnh hưởng, gây trở ngại đến công tác xét xử và đến việc quản lý các hoạt động khác của ngành. Ban Nội chính Trung ương chủ trì họp giữa hai Ban cán sự Đảng Bộ Tư pháp và Tòa án nhân dân tối cao để hướng dẫn các vấn đề cần thiết trong việc bàn giao.

Ban Nội chính Trung ương có trách nhiệm giúp Ban Bí thư theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc triển khai thực hiện chức năng, nhiệm vụ, tổ chức của Bộ Tư pháp và việc bàn giao giữa hai ngành Tòa án và Tư pháp.

Tư liệu lưu trữ Văn phòng Trung ương Đảng

NĂM 1982

NGÀY 05 THÁNG 01 NĂM 1982

Thành lập Sở Tư pháp tỉnh Long An

Ngày 05/01/1982, UBND tỉnh Long An ra Quyết định số 41/UB.QĐ.82 thành lập Sở Tư pháp tỉnh Long An.

Quyết định nêu rõ: Sở Tư pháp là cơ quan chuyên môn giúp UBND tỉnh thực hiện quản lý thống nhất các công việc về tư pháp trong địa phương, chịu sự lãnh đạo trực tiếp của UBND tỉnh và sự lãnh đạo về nghiệp vụ của Bộ Tư pháp. Sở Tư pháp có hai nhiệm vụ chủ yếu là:

1. Quản lý về mặt tổ chức các Tòa án nhân dân huyện, thị và quản lý các công tác tư pháp khác: công chứng, giám định tư pháp, thi hành án, lý lịch tư pháp, luật sư...

2. Làm nhiệm vụ của Ban Pháp chế chuyển sang: tuyên truyền, giáo dục ý thức pháp luật xã hội chủ nghĩa trong cán bộ và nhân dân; góp phần bảo đảm thi hành Hiến pháp và pháp luật, tăng cường chuyên chính vô sản, thực hiện quyền làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa của nhân dân lao động.

Tư liệu do Sở Tư pháp tỉnh Long An cung cấp

Hợp nhất trường Trung học chuyên nghiệp Pháp lý I vào Trường Đại học Pháp lý Hà Nội

Xét nhu cầu đào tạo cán bộ pháp lý và theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ và Trường Phòng đào tạo, Bộ trưởng Bộ Tư pháp ra Quyết định số 03/QĐ sáp nhập Trường Trung học chuyên nghiệp Pháp lý I vào Trường Đại học Pháp lý Hà Nội kể từ ngày 14/01/1982 và chuyển giao số học sinh các khoá III và IV đang học tại trường cho Trường Đại học Pháp lý Hà Nội để tiếp tục tổ chức dạy và học theo chương trình trung học.

Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 06 THÁNG 01 NĂM 1982

Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Thông tư số 08/TT hướng dẫn thực hiện Nghị định số 143-HĐBT của Hội đồng Bộ trưởng về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức của các cơ quan thuộc hệ thống Tư pháp

Theo đó, Thông tư hướng dẫn thực hiện những quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức của Sở Tư pháp; của Ban Tư pháp huyện, quận, thị xã và đơn vị hành chính tương đương; Ban Tư pháp xã, phường, thị trấn; các Vụ pháp chế ở các bộ, Ủy ban Nhà nước và cơ quan khác thuộc Hội đồng Bộ trưởng.

Về tổ chức thực hiện, Thông tư lưu ý:

- Xây dựng Ngành Tư pháp: đây là một vấn đề mới, một công việc lớn, cần có thời gian để hoàn thành. Trong tình hình hiện nay đòi hỏi chúng ta phải hết sức khẩn trương, tích cực thì mới đáp ứng được chủ trương tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa của Đảng và Nhà nước.

Vì vậy việc xây dựng tổ chức phải từng bước vững chắc, tránh ào ạt đồng thời cần tránh khuynh hướng rút rè, quá chậm, phải chủ động, vừa làm vừa rút kinh nghiệm.

- Về tổ chức cần xây dựng bộ máy gọn nhẹ, có hiệu lực, không tuyển những người chưa có đào tạo nghiệp vụ, phải giữ vững tiêu chuẩn cán bộ để từng bước đầu tư, có một đội ngũ trong sạch và có trình độ nhất định.

- Về chế độ làm việc, các Sở, Ban Tư pháp phải hoạt động phối hợp rất chặt chẽ với Tòa án nhân dân và các cơ quan khác trong khối nội chính cũng như các cơ quan liên quan, tranh thủ sự lãnh đạo trực tiếp thường xuyên của UBND.

- Về công tác, trước hết các cơ quan tư pháp cần nắm chắc những nhiệm vụ chủ yếu đã quy định, tránh đi vào chi tiết vụn vặt. Bộ sẽ nghiên cứu và hướng dẫn cụ thể về nghiệp vụ từng mặt công tác như công tác quản lý Tòa án, công tác nghiên cứu pháp luật, công tác luật sư, công tác chấp hành án,...

Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 18 THÁNG 01 NĂM 1982

Thành lập Sở Tư pháp tỉnh Thuận Hải (nay là Bình Thuận, Ninh Thuận)

Ngày 18/01/1982, UBND tỉnh Thuận Hải ra Quyết định số 75/QĐ/UBTH giải thể Ban Pháp chế của tỉnh Thuận Hải và thành lập Sở Tư pháp tỉnh Thuận Hải.

Sở Tư pháp tỉnh Thuận Hải là cơ quan trực thuộc UBND tỉnh chịu sự lãnh đạo trực tiếp của UBND tỉnh và chịu sự chỉ đạo về nghiệp vụ của Bộ Tư pháp.

Bộ máy của Sở gồm 5 phòng chuyên môn:

1. Phòng Tổ chức và Cán bộ;
2. Phòng Xây dựng pháp quy và hướng dẫn thi hành pháp luật;
3. Phòng Tuyên truyền pháp luật và huấn luyện đào tạo;
4. Phòng Thi hành án;
5. Văn phòng Sở.

Tư liệu do Sở Tư pháp tỉnh Bình Thuận cung cấp

Thành lập Sở Tư pháp tỉnh Đồng Tháp

Ngày 18/01/1982, UBND tỉnh Đồng Tháp ra Quyết định số 04/QĐ.TL về việc thành lập Sở Tư pháp tỉnh Đồng Tháp.

Tư liệu do Sở Tư pháp tỉnh Đồng Tháp cung cấp

NGÀY 22 THÁNG 01 NĂM 1982

Hội đồng Nhà nước ra Nghị quyết số 103 NQ/NĐNN7 phê chuẩn Hiệp định tương trợ tư pháp và pháp lý về các vấn đề dân sự, gia đình và hình sự giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô Viết

Trên cơ sở bản Hiệp ước hữu nghị và hợp tác đã ký kết giữa 2 nước ngày 03/11/1978, xuất phát từ tình hình công dân Việt Nam sang Liên Xô học tập, công tác, lao động và công dân Liên Xô nhất là các chuyên gia sang Việt Nam công tác ngày càng nhiều đã đặt ra trên thực tế những vấn đề về dân sự, gia đình, hình sự phải giải quyết về mặt tư pháp và pháp lý.

Ngày 14/11/1981, Bộ Tư pháp trình Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng về việc chuẩn bị ký kết bản Hiệp định tương trợ tư pháp và pháp lý về dân sự, gia đình và hình sự giữa 2 nước Liên Xô và Việt Nam.

Ngày 10/12/1981, được sự uỷ quyền của Chủ tịch Hội đồng Nhà nước, tại Mat-xcơ-va, Bộ trưởng Bộ Tư pháp Phan Hiền đã ký với Bộ trưởng Bộ Tư pháp Liên Xô bản Hiệp định tương trợ tư pháp và pháp lý về dân sự, gia đình và hình sự giữa hai nước. Bản Hiệp định này được ký kết xuất phát từ mong muốn phát triển hơn nữa quan hệ hữu nghị và hợp tác toàn diện giữa Việt Nam và Liên Xô.

Ngày 18/01/1982, trên cơ sở quy định của Điều 75 Hiệp định về việc phê chuẩn, Bộ Tư pháp có Công văn số 32/VP gửi Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng đề nghị Thường vụ trình bản Hiệp định để Hội đồng Nhà nước phê chuẩn.

Ngày 22/01/1982, Hội đồng Nhà nước ra Nghị quyết số 103 NQ/NĐNN7 phê chuẩn Hiệp định tương trợ tư pháp và pháp lý về các vấn đề dân sự, gia đình và hình sự giữa nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô Viết.

Hiệp định gồm 4 chương với 75 điều quy định điều khoản chung; tương trợ tư pháp và quan hệ pháp luật về dân sự và gia đình; tương trợ tư pháp về hình sự dẫn độ; và những điều khoản cuối cùng.

Hồ sơ số 139 và Hồ sơ số 180 - Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp;

<http://www.luatvietnam.com.vn>

NGÀY 01 THÁNG 02 NĂM 1982

Ngành Tòa án tổ chức Hội nghị tổng kết công tác năm 1981, đề ra phương hướng, nhiệm vụ năm 1982 và việc phối hợp với Bộ Tư pháp trong việc kiện toàn tổ chức Tòa án nhân dân địa phương

Đánh giá về công tác xây dựng ngành Tòa án trong năm 1981, báo cáo tổng kết năm của ngành Tòa án nhận định có những chuyển biến, tiến bộ mới.

- Tòa án nhân dân tối cao và Bộ Tư pháp đã bước đầu xác định được nội dung và ranh giới nhiệm vụ giữa hai ngành và chuyển giao công tác về hành chính tư pháp như công tác quản lý về tổ chức các Tòa án địa phương, công tác tư pháp xã, tổ hoà giải, công tác tuyên truyền phổ biến, giáo dục pháp luật, công tác chỉ đạo thi hành án sang Bộ Tư pháp và đang nghiên cứu để chuyển giao cả công tác đào tạo, huấn luyện cán bộ.

- Công tác nghiên cứu và tham gia xây dựng pháp luật đã có nhiều cố gắng. Một số thông tư liên ngành giữa Tòa án nhân dân tối cao với Bộ Tư pháp đã được ban hành trong thời gian này.

Hội nghị cũng xác định phương hướng năm 1982 là: Cùng với Bộ Tư pháp kiện toàn tổ chức Tòa án nhân dân địa phương. Hướng dẫn Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trong công tác giám đốc việc xét xử của các Tòa án nhân dân cấp huyện, quận và công tác xét xử theo trình tự giám đốc thẩm. Theo dõi, kiểm tra phát hiện và uốn nắn kịp thời những lệch lạc trong việc thực hiện thẩm quyền mới về xét xử của Tòa án nhân dân cấp quận, huyện. Giúp đỡ các Tòa án nhân

dân tổ chức bồi dưỡng, huấn luyện cho các Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân mới được bầu. Chăm lo bồi dưỡng phẩm chất đạo đức cho cán bộ, tăng cường đoàn kết nội bộ.

Tư liệu Phòng Lưu trữ Tòa án nhân dân tối cao

Toà án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Bộ Tư pháp ban hành Thông tư liên ngành số 83/TT-LB hướng dẫn về thủ tục Giám đốc thẩm hình sự, Giám đốc thẩm dân sự ở Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và cấp tương đương

Điều 31 Luật Tổ chức Tòa án nhân dân năm 1981 quy định thẩm quyền của các Tòa án nhân dân cấp tỉnh. Theo đó, ngoài thẩm quyền cũ là xét xử sơ thẩm và phúc thẩm nay thêm thẩm quyền mới là xét xử giám đốc thẩm hoặc tái thẩm những bản án và quyết định đã có hiệu lực pháp luật của các Tòa án nhân dân cấp huyện.

Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 1981 cũng quy định Viện kiểm sát nhân dân có quyền kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm các bản án của Tòa án nhân dân cấp dưới, khi thấy có vi phạm pháp luật (khoản 5 Điều 13).

Để thi hành những quy định trên, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Bộ Tư pháp ban hành Thông tư liên ngành số 83/TT-LB hướng dẫn về thủ tục giám đốc thẩm hình sự, giám đốc thẩm dân sự ở Tòa án nhân dân cấp tỉnh, thành trong khi chờ đợi Luật Tố tụng hình sự và Luật Tố tụng dân sự quy định.

Nội dung Thông tư hướng dẫn cụ thể về:

- Đối tượng và căn cứ của việc kháng nghị và xét xử theo thủ tục giám đốc thẩm hình sự, dân sự ở Tòa án nhân dân cấp tỉnh, thành.
- Việc kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm hình sự hoặc dân sự đối với các bản án và quyết định hình sự hoặc dân sự của các Tòa án nhân dân cấp huyện, quận.
- Việc xét xử theo thủ tục giám đốc thẩm.

Hồ sơ số 162 - Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

Toà án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Bộ Tư pháp ban hành Thông tư liên ngành số 84/TT-LB hướng dẫn về thủ tục tái thẩm hình sự, tái thẩm dân sự ở Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và cấp tương đương

Để thi hành những quy định tại Điều 13 và Điều 31 Luật Tổ chức Tòa án nhân

dân năm 1981, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Bộ Tư pháp ra Thông tư hướng dẫn về thủ tục tái thẩm hình sự, tái thẩm dân sự ở Tòa án nhân dân cấp tỉnh, thành, trong khi chờ đợi Luật Tổ tụng hình sự và Luật Tổ tụng dân sự quy định.

Thông tư quy định về:

- Đối tượng và căn cứ của việc kháng nghị/khởi tố theo thủ tục tái thẩm của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, thành.
- Việc kháng nghị/khởi tố theo thủ tục tái thẩm đối với các bản án và quyết định hình sự hoặc dân sự của các Tòa án nhân dân cấp huyện, quận.
- Việc xét xử theo thủ tục tái thẩm hình sự hoặc dân sự.

Hồ sơ số 162 - Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 05 THÁNG 02 NĂM 1982

Thành lập Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Long

Ngày 05/02/1982, UBND tỉnh Vĩnh Long ra Quyết định số 101/QĐ.UBT.82 về việc thành lập Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Long.

Tư liệu do Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Long cung cấp

NGÀY 06 THÁNG 02 NĂM 1982

Toà án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Nội vụ và Bộ Tư pháp ban hành Thông tư liên ngành số 04/TT-LB hướng dẫn việc thực hiện thẩm quyền xét xử hình sự của các Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh

Điều 36 Luật Tổ chức Tòa án nhân dân năm 1981 đã quy định thẩm quyền xét xử hình sự của các Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh. Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Nội vụ và Bộ Tư pháp ban hành Thông tư liên bộ số 04/TT-LB hướng dẫn việc thực hiện quy định này. Nội dung Thông tư quy định những vấn đề về thẩm quyền cụ thể của Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh. Cụ thể là những vấn đề sau:

- Những loại việc mà các Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh được xét xử.
- Những loại việc mà các Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh không được xét xử.

- Việc chỉ đạo thực hiện thẩm quyền xét xử về hình sự của các Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh.

Hồ sơ số 162 - Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 20 THÁNG 02 NĂM 1982

Bộ Tư pháp tổ chức Hội nghị bàn về việc chuẩn bị xây dựng Luật Hôn nhân và gia đình mới thay thế Luật Hôn nhân và gia đình năm 1959

Hội nghị được triệu tập theo ý kiến của bà Nguyễn Thị Định - Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Ủy viên Trung ương Đảng để bàn về việc chuẩn bị xây dựng Luật Hôn nhân và gia đình mới.

Thành phần tham dự Hội nghị gồm có đại diện của Thường vụ Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Tòa án nhân dân tối cao, Ủy ban Dân tộc của Chính phủ và đại diện một số ngành có liên quan.

Các đại biểu tham dự Hội nghị đã cùng thống nhất đề nghị Hội đồng Nhà nước, Hội đồng Bộ trưởng cho phép tiến hành công tác chuẩn bị xây dựng Luật Hôn nhân và gia đình mới ngay trong năm 1982. Hội nghị cũng nhất trí đề nghị Hội đồng Bộ trưởng ra Quyết định thành lập Ban Dự thảo gồm có đại diện của: Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam (trưởng ban); Bộ Tư pháp, Tòa án nhân dân tối cao, Ủy ban dân tộc của Chính phủ, Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Ban Nội chính Trung ương Đảng, Văn phòng Hội đồng Bộ trưởng, Ủy ban pháp luật của Quốc hội, Hội Luật gia Việt Nam và Tổng Công đoàn Việt Nam (các ủy viên).

Hồ sơ số 162 - Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

Thành lập Sở Tư pháp thành phố Hải Phòng

Được thành lập theo Quyết định số 141-QĐ/TCCQ của UBND thành phố Hải Phòng. Theo đó, Quyết định nêu rõ: “*Sở Tư pháp là cơ quan chuyên môn của UBND thành phố, có chức năng giúp Ủy ban quản lý thống nhất các công việc về tư pháp ở địa phương, chịu sự chỉ đạo toàn diện và trực tiếp của UBND thành phố, đồng thời chịu sự chỉ đạo về nghiệp vụ của Bộ Tư pháp*”. Về tổ chức, Sở có:

- Phòng Pháp chế;
- Phòng Tư pháp;
- Phòng Quản lý công tác chấp hành án;
- Phòng Tổ chức và Hành chính.

Hồ sơ số 210 - Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 22 THÁNG 02 NĂM 1982

Thành lập Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn

Được thành lập theo Quyết định số 72/UB-QĐ-TC của UBND tỉnh Lạng Sơn trên cơ sở cơ cấu tổ chức của Ban Pháp chế tỉnh.

Sở Tư pháp được giao các nhiệm vụ quản lý Tòa án nhân dân cấp huyện về công tác tổ chức và các công tác tư pháp khác. Về tổ chức Sở có 5 phòng:

- Phòng Nghiên cứu, tuyên truyền và giáo dục pháp luật;
- Phòng Tổ chức cán bộ, đào tạo và bồi dưỡng;
- Phòng Quản lý tòa án và các tổ chức tư pháp khác;
- Phòng Quản lý công tác chấp hành án;
- Văn phòng.

Tư liệu do Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn cung cấp

NGÀY 03 THÁNG 3 NĂM 1982

Thành lập Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai

Được thành lập theo Quyết định số 310/QĐ-UBT của UBND tỉnh Đồng Nai. Sở Tư pháp gồm có các phòng:

- Phòng Nghiên cứu pháp luật;
- Phòng Tuyên truyền, giáo dục pháp luật;
- Phòng Tổ chức và đào tạo;
- Phòng Quản lý các tổ chức tư pháp khác;
- Phòng Quản lý công tác chấp hành án;
- Văn phòng Sở.

Tư liệu do Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai cung cấp

NGÀY 12 THÁNG 3 NĂM 1982

Thành lập Sở Tư pháp tỉnh Lâm Đồng

Được thành lập theo Quyết định số 115/QĐ-UBT của UBND tỉnh Lâm Đồng. Quyết định nêu rõ: “Sở Tư pháp có trách nhiệm giúp UBND tỉnh quản lý

thống nhất các công việc về tư pháp trong phạm vi của tỉnh theo đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước”.

Tư liệu do Sở Tư pháp tỉnh Lâm Đồng cung cấp

NGÀY 15 THÁNG 3 NĂM 1982

Thành lập Sở Tư pháp tỉnh Thái Bình

Được thành lập theo Quyết định số 11/TC ngày 15/3/1982 của UBND tỉnh Thái Bình về việc thành lập hệ thống tư pháp các cấp.

Điều 1 Quyết định quy định: “*Sở Tư pháp là cơ quan chuyên môn dưới sự lãnh đạo trực tiếp, toàn diện của UBND tỉnh có chức năng giúp UBND tỉnh quản lý thống nhất các công việc về tư pháp trong phạm vi địa phương; đồng thời là cơ quan thuộc hệ thống tư pháp chịu sự chỉ đạo về nghiệp vụ của Bộ Tư pháp*”.

Tổ chức giúp việc Sở có các phòng:

- Phòng Quản lý văn bản pháp quy;
- Phòng Tuyên truyền, hướng dẫn, giáo dục pháp luật;
- Phòng Tổ chức và hành chính; và một số bộ phận khác.

Hồ sơ số 210, Hộp số 14 - Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 07 THÁNG 4 NĂM 1982

Thành lập Ban Tư pháp trực thuộc UBND Đặc khu Vũng Tàu - Côn Đảo

Được thành lập trên cơ sở Quyết định số 103/QĐUB-TC của UBND Đặc khu Vũng Tàu - Côn Đảo. Ban Tư pháp trực thuộc UBND Đặc khu Vũng Tàu - Côn Đảo, là cơ quan chuyên môn của UBND Đặc khu có chức năng giúp UBND Đặc khu quản lý thống nhất các công việc về tư pháp, đồng thời là cơ quan thuộc hệ thống tư pháp chịu sự chỉ đạo nghiệp vụ của Bộ Tư pháp.

Tư liệu do Sở Tư pháp tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cung cấp

NGÀY 09 THÁNG 4 NĂM 1982

Thành lập Sở Tư pháp tỉnh Bắc Thái

Được thành lập theo Quyết định số 087/QĐ/UB của UBND tỉnh Bắc Thái.

Sở Tư pháp có các phòng:

- Phòng Nghiên cứu, tuyên truyền và giáo dục pháp luật;
- Phòng Tổ chức cán bộ, đào tạo và quản lý toà án huyện, thành;
- Phòng Thi hành án và quản lý tổ chức tư pháp khác;
- Phòng Hành chính quản trị.

Tư liệu do Sở Tư pháp tỉnh Thái Nguyên cung cấp

NGÀY 21 THÁNG 4 NĂM 1982

Thành lập Sở Tư pháp tỉnh Cao Bằng

Được thành lập theo Quyết định số 272/UB/QĐ-TC của UBND tỉnh Cao Bằng trên cơ sở chuyển bộ phận làm quản lý về mặt tổ chức các Toà án nhân dân huyện, thị thuộc cơ quan Toà án nhân dân tỉnh nhập với Ban Pháp chế tỉnh.

Tổ chức giúp việc của Sở Tư pháp có các bộ phận và phòng:

- Bộ phận hoặc Phòng Nghiên cứu pháp luật;
- Bộ phận hoặc Phòng Tuyên truyền, giáo dục pháp luật;
- Bộ phận hoặc Phòng Quản lý tổ chức toà án;
- Bộ phận hoặc Phòng Tổ chức đào tạo cán bộ;
- Văn phòng Sở.

Tư liệu do Sở Tư pháp tỉnh Cao Bằng cung cấp

NGÀY 26 THÁNG 4 NĂM 1982

Thành lập Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phú

Sở Tư pháp có nhiệm vụ: quản lý văn bản pháp quy; tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật, quản lý Toà án nhân dân cấp huyện về tổ chức và thực hiện một số lĩnh vực công tác tư pháp hỗ trợ, quản lý tư pháp cơ sở.

Giám đốc Sở là bà Tạ Minh Tâm.

Tư liệu do Sở Tư pháp tỉnh Phú Thọ cung cấp

NGÀY 08 THÁNG 5 NĂM 1982

Thành lập Sở Tư pháp tỉnh Nghĩa Bình

Được thành lập theo Quyết định số 573/QĐ-UB của UBND tỉnh Nghĩa Bình.

Sở Tư pháp có nhiệm vụ quản lý thống nhất việc ban hành văn bản pháp quy của các cơ quan trong tỉnh, lập chương trình xây dựng văn bản pháp quy hàng năm của UBND; Quản lý về mặt tổ chức các toà án nhân dân huyện, thành phố trực thuộc tỉnh; Quản lý các công tác tư pháp khác; Thực hiện công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật trong địa phương; Đào tạo cán bộ thuộc hệ thống tư pháp theo sự phân cấp của Bộ Tư pháp; Tư vấn cho UBND về các vấn đề pháp lý.

Tư liệu do Sở Tư pháp tỉnh Bình Định cung cấp

NGÀY 29 THÁNG 5 NĂM 1982

Bộ Tư pháp ban hành Thông tư số 340/TT về việc xây dựng kiện toàn Vụ Pháp chế ở các bộ, Ủy ban Nhà nước và cơ quan khác thuộc Hội đồng Bộ trưởng

Thời gian này, các bộ phận pháp chế ở các bộ đã không được củng cố hoặc nâng cao theo tinh thần và nội dung Nghị định số 143-HĐBT ngày 22/11/1981 của Hội đồng Bộ trưởng quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức Bộ Tư pháp. Trong tổng số 56 bộ, Ủy ban Nhà nước và cơ quan khác thuộc Hội đồng Bộ trưởng, chỉ mới có 37 bộ có bộ phận pháp chế hoặc cán bộ pháp chế, và chỉ có 11 nơi trực thuộc lãnh đạo bộ, ở những nơi còn lại, phần lớn đặt trong văn phòng. Hơn thế nữa, việc một số cán bộ pháp chế đã tích lũy được kinh nghiệm công tác hoặc đã qua các lớp bồi dưỡng pháp lý ngắn hạn của Ủy ban Pháp chế trước đây và Bộ Tư pháp lúc này, lần lượt bị điều chuyển sang công tác khác đã dẫn đến thực trạng các bộ phận pháp chế bộ càng trở nên mỏng và yếu.

Xuất phát từ thực trạng trên, Bộ Tư pháp đã ban hành Thông tư số 304/TT về việc xây dựng kiện toàn Vụ Pháp chế ở các bộ, Ủy ban Nhà nước và cơ quan khác thuộc Hội đồng Bộ trưởng.

Đề cập tới vai trò của pháp chế Bộ, Thông tư nhấn mạnh: Công tác pháp chế có tầm quan trọng trong quản lý kinh tế và xã hội. Vụ Pháp chế bộ là một bộ phận giúp Bộ trưởng trong việc thực hiện chức năng quản lý theo pháp luật, từ việc dự thảo pháp luật đến việc theo dõi, hướng dẫn và bảo đảm thi hành pháp luật.

Theo đó, Bộ Tư pháp đề nghị các bộ:

1. Đối với những bộ đã có Vụ Pháp chế thì tiếp tục duy trì hình thức tổ chức đó, tăng cường lãnh đạo, kiện toàn tổ chức và hoạt động bảo đảm phát huy tốt hơn vai trò của công tác pháp chế trong hoạt động quản lý của bộ.

2. Đối với những bộ có bộ phận pháp chế ở cấp dưới Vụ hoặc chưa có bộ phận pháp chế thì có kế hoạch thành lập Vụ Pháp chế.

3. Về nguồn cán bộ cho các Vụ Pháp chế, ngoài việc sắp xếp, điều chỉnh những người hiện có, các bộ có thể đặt kế hoạch yêu cầu bổ sung cán bộ tốt nghiệp đại học và trung học pháp lý.

Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 08 THÁNG 6 NĂM 1982

Bộ Tư pháp tổ chức Hội nghị chuyên đề về pháp chế bộ

Hội nghị được tổ chức tại Hà Nội, đây là Hội nghị chuyên đề đầu tiên kể từ khi có các bộ phận pháp chế bộ.

Đánh giá về tình hình hoạt động nghiệp vụ của pháp chế bộ, Báo cáo tại Hội nghị nhận định: Hầu hết các bộ phận pháp chế đã tập trung thực hiện tương đối có kết quả những việc có liên quan đến công tác dự thảo và tập hợp các văn bản quy phạm như lập chương trình và theo dõi thực hiện chương trình xây dựng văn bản pháp luật, pháp quy; giúp bộ xem xét về mặt pháp lý các dự thảo văn bản do Bộ ban hành; chuẩn bị cho lãnh đạo bộ góp ý kiến trả lời về các dự thảo văn bản các nơi gửi đến; tập hợp các văn bản quy phạm có liên quan đến phạm vi quản lý của bộ mình để in thành hệ thống luật lệ hiện hành. Tuy nhiên, trong những điều kiện công tác còn rất hạn chế, bộ phận pháp chế bộ chưa phát huy được đầy đủ tiềm năng và tác dụng của mình theo chức năng, nhiệm vụ đã quy định để thiết thực giúp Bộ trưởng trong việc quản lý toàn ngành theo pháp luật.

Hội nghị cũng tập trung làm rõ một số vấn đề về chức năng, nhiệm vụ, vị trí của pháp chế bộ, phương thức hoạt động và quan hệ công tác nghiệp vụ của Vụ Pháp chế bộ. Đồng thời Hội nghị cũng đưa ra một số công tác cần thực hiện trước mắt của pháp chế bộ, ngành nhằm kiện toàn tổ chức cũng như nâng cao chất lượng hoạt động của pháp chế bộ.

Hồ sơ số 189 - Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 11 THÁNG 6 NĂM 1982

Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Thông tư số 383/TP về một số công tác trước mắt của Ngành Tư pháp thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ V

Đại hội toàn quốc lần thứ V của Đảng đã đặt ra nhiệm vụ tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa trong đó nêu cụ thể hướng công tác của Ngành Tư pháp là phục vụ hai nhiệm vụ chiến lược trong giai đoạn mới. Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương nêu rõ: “*Tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa là một yêu*

cầu cấp thiết để nâng cao hiệu lực quản lý Nhà nước, đảm bảo quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động. Để tăng cường quản lý xã hội bằng pháp luật, chú trọng từng bước xây dựng hệ thống pháp luật kinh tế và các luật về an ninh xã hội. Tăng cường các cơ quan làm công tác pháp luật, gấp rút tăng cường đào tạo và bồi dưỡng cán bộ hành chính nhà nước các cấp và cán bộ pháp lý”.

Để hướng dẫn cụ thể những việc cần làm trong năm 1982, Bộ Tư pháp ban hành Thông tư số 383/TP, nội dung Thông tư hướng dẫn một số vấn đề chính về: Xây dựng tổ chức với việc xác định là khâu then chốt có ý nghĩa quyết định đối với toàn bộ hoạt động của ngành; xây dựng pháp luật; tuyên truyền, giáo dục pháp luật; quản lý về các tổ chức Tòa án địa phương; công tác thi đua và chế độ báo cáo.

Tạp chí Pháp chế số 2 năm 1982

NGÀY 25 THÁNG 6 NĂM 1982

Bộ Tư pháp hướng dẫn mở lớp bồi dưỡng cán bộ pháp lý ở địa phương

Xuất phát từ thực tế, một số cán bộ được phân công làm công tác pháp chế ở địa phương nhưng chưa được trang bị những kiến thức về chuyên môn, nghiệp vụ cần thiết cho công tác. Với mục đích bồi dưỡng cho số cán bộ này những kiến thức cơ bản về lý luận nghiệp vụ pháp chế, để giúp họ đáp ứng ngay được yêu cầu của nhiệm vụ công tác chuyên môn trong lúc chưa có điều kiện tham gia các lớp dài hạn hoặc các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên ngành, Bộ Tư pháp có Công văn số 418/ĐT hướng dẫn các Sở Tư pháp kế hoạch mở lớp bồi dưỡng cán bộ pháp lý ở địa phương với các yêu cầu cụ thể về nội dung, đối tượng, thời gian, chương trình bồi dưỡng cũng như cách thức tổ chức thực hiện.

Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 1982

Hội đồng Nhà nước ban hành Pháp lệnh Trừng trị các tội đầu cơ, buôn lậu, làm hàng giả, kinh doanh trái phép

Trước tình hình sản xuất khó khăn, việc quản lý thị trường bị lơ là, tệ đầu cơ, buôn lậu, làm hàng giả, kinh doanh trái phép phát triển, gây rối loạn thị trường, ảnh hưởng xấu đến đời sống nhân dân, đến việc thực hiện kế hoạch của Nhà nước, ngày 05/5/1982, Bộ Tư pháp trình Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng Tờ trình số 279-PLC về Dự án Pháp lệnh Trừng trị các tội đầu cơ, buôn lậu, làm hàng giả, kinh doanh trái phép.

Ngày 30/6/1982, Hội đồng Nhà nước ban hành Pháp lệnh Trừng trị các tội đầu cơ, buôn lậu, làm hàng giả, kinh doanh trái phép với 13 điều. Theo đó:

- Mọi hành vi đầu cơ, buôn lậu, làm hàng giả, kinh doanh trái phép đều phải được xử lý kịp thời và nghiêm minh.

- Hình phạt nặng nhất đối với các tội: đầu cơ, buôn lậu, tàng trữ hàng cấm, buôn lậu hoặc vận chuyển hàng hóa qua biên giới, làm hàng giả, buôn bán hàng giả là tử hình nếu gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng ảnh hưởng đến nền kinh tế quốc dân hoặc đến sức khỏe, tính mạng của người khác; an ninh, quốc phòng...

Ngoài việc phạt tù còn phạt tiền, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.

- Hành vi kinh doanh trái phép hoặc kinh doanh không đúng với nội dung được phép, trốn thuế, không niêm yết giá, nâng giá cao hơn giá niêm yết, không đăng ký nhãn hiệu hàng hoá, sử dụng trái phép nhãn hiệu hàng hoá, hoặc dùng thủ đoạn khác để lừa dối cơ quan nhà nước và người tiêu dùng cũng sẽ bị truy tố trước toà án.

- Người bao che cho người phạm tội cũng phải chịu hình phạt; người có công trong việc chống đầu cơ, buôn lậu, làm hàng giả, kinh doanh trái phép được xét khen thưởng theo chế độ chung của Nhà nước.

Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp; Công báo số 14 ngày 31/7/1982, tr. 258 - 260

Thành lập Sở Tư pháp tỉnh Bình Trị Thiên

Được thành lập theo Quyết định số 854/QĐ-UB của UBND tỉnh Bình Trị Thiên. Giám đốc Sở là ông Trần Kim Hồ.

Tư liệu do Sở Tư pháp tỉnh Thừa Thiên Huế cung cấp

NGÀY 10 THÁNG 7 NĂM 1982

Bộ trưởng Bộ Tư pháp ra Chỉ thị số 449-TH về đẩy mạnh thực hiện tiết kiệm trong Ngành Tư pháp

Để khắc phục tình trạng nền kinh tế trong giai đoạn này đang có nhiều mặt mất cân đối gay gắt, việc sử dụng lao động, lương thực, năng lượng, nguyên liệu, vật tư, tiền vốn còn nhiều lãng phí, Nghị quyết số 15/HĐBT ngày 08/02/1982 của Hội đồng Bộ trưởng đã đề ra nhiệm vụ tiết kiệm trong năm 1982 là phải bằng mọi cách thực hiện tiết kiệm được khoảng 10% mức tiêu hao năng lượng, vật tư, nguyên liệu và các khoản chi tiêu so với kế hoạch và ngân sách nhà nước đã giao.

Thực hiện Nghị quyết số 15/HĐBT của Hội đồng Bộ trưởng, Bộ Tư pháp chỉ thị về công tác tiết kiệm trong ngành thực hiện trong năm 1982 như sau:

Về tiết kiệm lao động: Tòa án nhân dân và Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc Trung ương, trường Đại học Pháp lý Hà Nội, các Vụ, Viện, phòng trực thuộc Bộ tiến hành cải tiến tổ chức, cải tiến lề lối làm việc. Mỗi người, mỗi đơn vị đều phải có kế hoạch và chương trình công tác hàng tháng, hàng tuần thiết thực. Thủ trưởng các đơn vị phải quản lý chặt chẽ lao động và kiểm tra năng suất lao động, áp dụng kịp thời và thích hợp các hình thức về động viên, khen thưởng cho cá nhân và tập thể.

Về tiết kiệm chi tiêu cho Ngân sách, nỗ lực tận thu cho ngân sách: soát xét mọi khoản chi và thu cho ngân sách năm 1982. Các đơn vị thực hiện phương châm “*chi tiêu hợp lý, có hiệu quả thiết thực, đúng chế độ, cần thiết thì chi, cần bao nhiêu chi bấy nhiêu, không chi các khoản dễ dẫn đến lãng phí như liên hoan, quà biếu, những việc làm phô trương, hình thức không đúng chế độ không được chi*”.

Về tiết kiệm trong tiêu dùng: cố gắng giảm bớt hội họp, tổ chức hội nghị ngắn gọn, có kết quả. Mọi công văn tài liệu, sách báo trước khi đánh máy, phải xét duyệt kỹ về nội dung, số lượng cần phát hành, nơi cần gửi... Việc mua sắm, sử dụng điện, nước, xăng, dầu, ô tô... đều phải xem xét kỹ nhằm chống lãng phí. Mỗi đơn vị khi cử cán bộ đi công tác dài ngày, đi xa cần có yêu cầu, mục đích thật cụ thể, rõ ràng, thiết thực.

Hồ sơ số 156 - Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 13 THÁNG 7 NĂM 1982

Bộ Tư pháp ban hành Thông tư số 462-TCCB hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức của Tòa án nhân dân các địa phương

Căn cứ Điều 16 và Điều 32 Luật Tổ chức Tòa án nhân dân và Nghị định số 143-HĐBT ngày 22/11/1981 của Hội đồng Bộ trưởng quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức Bộ Tư pháp. Sau khi tham khảo ý kiến của một số địa phương và trao đổi thống nhất với Tòa án nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp hướng dẫn một số điều cụ thể về chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức và số lượng biên chế của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, thành và đặc khu trực thuộc Trung ương; Tòa án nhân dân huyện, thị và tương đương.

Đối với các tỉnh, thành chưa thành lập được Sở Tư pháp, hoặc đã thành lập nhưng chưa đủ sức để đảm nhận nhiệm vụ, Thông tư hướng dẫn: Tòa án nhân dân cấp tỉnh, thành ở nơi đó trước mắt phải đảm nhiệm những nhiệm vụ của Sở Tư pháp (như công tác quản lý Tòa án nhân dân cấp huyện, thị về mặt tổ chức, công

tác hội thẩm nhân dân, Tư pháp xã...). Những công tác này sẽ dần dần được bàn giao sang Sở Tư pháp khi Sở Tư pháp được thành lập và đủ sức để đảm nhận những nhiệm vụ của mình.

Hồ sơ số 161 - Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 16 VÀ NGÀY 17 THÁNG 7 NĂM 1982

Bộ Tư pháp tổ chức Hội nghị chuyên đề về tuyên truyền và giáo dục pháp luật

Tham dự Hội nghị có đại diện của Ban Tuyên huấn Trung ương; Ban Nội chính Trung ương; đại diện các đoàn thể; đại diện các cơ quan thông tin, báo chí; cán bộ phụ trách pháp chế ở các bộ, Ủy ban Nhà nước, Tổng cục; lãnh đạo các Sở Tư pháp, Tòa án nhân dân một số tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Sau khi đánh giá việc thực hiện công tác tuyên truyền pháp luật trong thời gian qua, Hội nghị đã nhất trí đưa ra nội dung của công tác tuyên truyền pháp luật trong thời gian tới, đó là:

- Tuyên truyền các quan điểm cơ bản của Nghị quyết Đại hội V của Đảng về tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa;

- Tiếp tục tuyên truyền Hiến pháp mới kết hợp với tuyên truyền các văn bản pháp luật hiện hành, chú trọng tuyên truyền pháp luật phục vụ nhiệm vụ bảo vệ tổ quốc, củng cố an ninh chính trị, trật tự xã hội, bảo vệ tài sản xã hội chủ nghĩa, quyền và nghĩa vụ của công dân;

- Tuyên truyền kịp thời và sâu rộng các gương người tốt, việc tốt trong việc chấp hành pháp luật, bảo vệ pháp luật, trong việc xây dựng và thực hiện các quy chế quản lý;

- Phối hợp với các ngành nhanh chóng xây dựng chương trình làm thí điểm và mở rộng việc giáo dục pháp luật trong các trường phổ thông, dạy nghề, đại học và trung học chuyên nghiệp, trường Đảng, trường các đoàn thể, trường hành chính, các trường lớp bồi dưỡng cán bộ quản lý.

Hội nghị cũng xác định công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật phải do các ngành, các cấp cùng làm, phải kế hoạch hoá công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật, kết hợp công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật với việc xây dựng và kiện toàn các tổ chức pháp chế ở các bộ và tổ chức tư pháp ở địa phương.

Hội nghị nhất trí kiến nghị lên Hội đồng Bộ trưởng một số vấn đề như: đôn đốc các ngành thông tin đại chúng đẩy mạnh hơn nữa công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật; nhắc nhở Bộ Giáo dục, Bộ Đại học và Trung học chuyên nghiệp,

Tổng cục dạy nghề xúc tiến mọi công việc chuẩn bị để sớm đưa việc giảng dạy pháp luật vào trường học; chỉ thị cho các địa phương, các ngành xúc tiến gấp việc xây dựng và kiện toàn các cơ quan tư pháp và pháp chế như đã quy định trong Nghị định số 143-HĐBT; cho thành lập Hội đồng phối hợp công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật, trước mắt là ở Trung ương.

Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 19 THÁNG 7 NĂM 1982

Bộ Tư pháp và Tòa án nhân dân tối cao ban hành Thông tư liên ngành số 472/TTLN/BTP-TA về quản lý công tác thi hành án trong tình hình trước mắt

Điều 1 Nghị định số 143-HĐBT ngày 22/11/1981 của Hội đồng Bộ trưởng quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức Bộ Tư pháp là “*giúp Hội đồng Bộ trưởng thực hiện quản lý thống nhất các công việc về tư pháp trong cả nước*” trong đó có công tác thi hành án. Tuy nhiên trong thời điểm này, các cơ quan tư pháp địa phương mới đang xây dựng, cho nên chưa có điều kiện thực hiện được ngay công tác thi hành án. Để công tác thi hành án giữ được nề nếp hoạt động bình thường, Bộ trưởng Bộ Tư pháp và Chánh án Tòa án nhân dân tối cao đã thoả thuận về việc quản lý và chỉ đạo công tác thi hành án trong tình hình trước mắt như sau:

Về tổ chức bộ máy: Phòng chỉ đạo công tác thi hành án trước đây thuộc Tòa án nhân dân tối cao chuyển sang Bộ Tư pháp và thuộc Vụ quản lý Tòa án địa phương và các công tác tư pháp khác. Ở các địa phương, việc quản lý chỉ đạo công tác thi hành án và tổ chức chấp hành viên vẫn do Chánh án Tòa án nhân dân đảm nhiệm.

Về quản lý biên chế và cán bộ: Chánh án Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố và đặc khu trực thuộc Trung ương căn cứ vào yêu cầu của công tác thi hành án và chỉ tiêu biên chế chung mà Bộ Tư pháp đã phân bổ cho địa phương để ấn định số lượng và bổ nhiệm các chấp hành viên và cán bộ thi hành án của Tòa án nhân dân cấp dưới. Trước khi quyết định, cần có sự trao đổi thống nhất giữa Chánh án Tòa án nhân dân và Giám đốc Sở Tư pháp địa phương, sau đó báo cáo lên Bộ Tư pháp biết.

Về quản lý và chỉ đạo chuyên môn nghiệp vụ: các văn bản quy định, hướng dẫn trước đây của Tòa án nhân dân tối cao về tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn của chấp hành viên, về nguyên tắc, phương châm, thủ tục thi hành án vẫn phải được thi hành nghiêm chỉnh.

Trong việc quản lý và chỉ đạo công tác thi hành án ở địa phương, cần phải có sự phối hợp chặt chẽ giữa Tòa án nhân dân và cơ quan tư pháp.

Hồ sơ số 178 - Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 26 THÁNG 7 NĂM 1982

Bộ trưởng Bộ Tư pháp ra Quyết định số 95/QĐ-TC quy định chức năng, nhiệm vụ và tổ chức của Vụ Đào tạo

Theo Quyết định này, Vụ Đào tạo có chức năng, nhiệm vụ:

- Xây dựng phương hướng, mục tiêu, quy hoạch và kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ pháp lý;
- Xây dựng quy chế về công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ pháp lý;
- Hướng dẫn quy chế việc mở lớp tại chức, chuyên tu dài hạn, ngắn hạn về pháp lý tại các ngành, địa phương, các trường đại học chuyên nghiệp và các trường khác. Tổ chức việc biên soạn và cung cấp giáo trình cho các trường lớp đó;
- Tổ chức các lớp ngắn hạn của Bộ;
- Theo dõi tình hình các trường pháp lý trực thuộc Bộ, đề xuất các ý kiến nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy và quản lý ở các trường đó. Phối hợp với Vụ Tổ chức cán bộ, các trường pháp lý trực thuộc Bộ trong việc phân phối học sinh ra trường;
- Xây dựng kế hoạch hợp tác quốc tế về công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ pháp lý mà Bộ giao cho.

Vụ Đào tạo gồm có 2 phòng: Phòng theo dõi các trường pháp lý và Phòng theo dõi công tác bồi dưỡng pháp lý.

Hồ sơ số 188 - Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 27 THÁNG 7 NĂM 1982

Bộ trưởng Bộ Tư pháp ra Quyết định số 97/QĐ-TC quy định chức năng, nhiệm vụ và tổ chức của Vụ Pháp luật kinh tế

Theo Quyết định này, Vụ Pháp luật kinh tế có chức năng, nhiệm vụ:

- Tổng hợp kế hoạch xây dựng văn bản pháp luật (phần pháp luật về quản lý kinh tế) năm năm và hàng năm để Bộ trình Hội đồng Bộ trưởng xét và quyết định. Theo dõi, giúp đỡ, đôn đốc các Bộ kinh tế trong việc bảo đảm thực hiện kế hoạch nói trên;

- Dự thảo hoặc tham gia dự thảo các văn bản pháp luật do Bộ trưởng giao cho. Thẩm tra về mặt pháp lý các dự thảo văn bản pháp luật về quản lý kinh tế mà các bộ trình Hội đồng Bộ trưởng xét duyệt.

- Nghiên cứu xây dựng các đề án về công tác pháp chế trong việc quản lý nền kinh tế quốc dân. Hướng dẫn các Vụ Pháp chế, các Sở Tư pháp tổ chức thực hiện các đề án đó sau khi Bộ đã chính thức thông qua. Hướng dẫn nghiệp vụ công tác xây dựng và hệ thống hoá pháp luật về quản lý kinh tế cho Vụ Pháp chế các Bộ kinh tế và các Sở Tư pháp.

- Nghiên cứu, khảo sát tình hình thi hành pháp luật về quản lý kinh tế, đề xuất kiến nghị về hoàn thiện pháp luật về quản lý kinh tế.

- Xem xét, đánh giá tính hợp pháp các văn bản pháp quy của Bộ và địa phương ban hành trong lĩnh vực kinh tế để báo cáo với Bộ những ý kiến của mình.

Tổ chức Vụ Pháp luật kinh tế gồm có 3 tổ: Tổ Nghiên cứu các vấn đề pháp luật về quản lý kinh tế chung; Tổ Nghiên cứu các vấn đề pháp luật về quản lý kinh tế ngành; Tổ Nghiên cứu công tác pháp chế trong việc quản lý nền kinh tế quốc dân.

Hồ sơ số 191 - Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 28 THÁNG 7 NĂM 1982

Bộ trưởng Bộ Tư pháp ra Chỉ thị số 487-TTr về một số việc trước mắt trong công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật

Chỉ thị đề cập đến những nội dung chính cần làm ngay trong công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật đó là:

1. Tiếp tục tuyên truyền sâu rộng Hiến pháp kết hợp với việc tuyên truyền các văn bản pháp luật hiện hành: Pháp lệnh Trừng trị tội hối lộ, Pháp lệnh quy định việc xét và giải quyết các khiếu nại, tố cáo của công dân, Luật Nghĩa vụ quân sự, Pháp lệnh Trừng trị các tội đầu cơ, buôn lậu, làm hàng giả, kinh doanh trái phép.

2. Đẩy mạnh việc tuyên truyền, phổ biến pháp luật trên đài, báo địa phương, coi trọng việc tuyên truyền miệng bằng các hình thức thích hợp.

3. Trong khi chưa có văn bản chính thức về việc thành lập Hội đồng phối hợp tuyên truyền pháp luật ở các cấp, cần xin ý kiến lãnh đạo, kết hợp chặt chẽ với Ban Tuyên huấn, Ban Nội chính tổ chức hội nghị phối hợp tuyên truyền pháp luật ở địa phương; trước mắt phối hợp với các ngành trong khối nội chính, các đoàn thể, các cơ quan thông tin báo chí xây dựng chương trình, xác định sự phân công, thực hiện ngay một số việc để rút kinh nghiệm.

4. Kết hợp chặt chẽ với Tòa án nhân dân tỉnh hướng dẫn các Tòa án, Ban Tư pháp huyện, quận đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật, bồi dưỡng Hội thẩm nhân dân, các Ban Tư pháp xã, các tổ hoà giải.

Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 03 THÁNG 8 NĂM 1982

Bộ trưởng Bộ Tư pháp ra Quyết định số 99/QĐ-TC quy định nhiệm vụ và tổ chức của Nhà xuất bản Pháp lý

Theo Quyết định này, Nhà xuất bản Pháp lý là đơn vị hạch toán kinh tế, độc lập trực thuộc Bộ Tư pháp, thực hiện nhiệm vụ tuyên truyền, giáo dục, phổ biến pháp luật bằng công tác xuất bản các loại sách về các văn bản pháp luật của Nhà nước, sách tuyên truyền phổ thông về pháp luật, sách nghiên cứu lý luận pháp lý và sách giáo trình giảng dạy pháp lý.

Nhà xuất bản Pháp lý có trách nhiệm đề ra phương hướng và kế hoạch xuất bản cụ thể nhằm phục vụ kịp thời nhiệm vụ chính trị và công tác tư tưởng của Đảng và Chính phủ, của Ngành Tư pháp, và tổ chức thực hiện kế hoạch đó sau khi được phê duyệt;

Nhà xuất bản Pháp lý gồm có:

- Ban Giám đốc: Giám đốc kiêm Tổng biên tập, Phó Tổng biên tập; Phó Giám đốc phụ trách trị sự và quản lý xuất bản.

- Bộ phận biên tập gồm 3 tổ: Tổ Lý luận nhà nước và pháp luật, Luật Nhà nước, Luật hành chính; Tổ Luật kinh tế, Luật quốc tế; Tổ Luật hình sự, dân sự, tố tụng.

- Phòng quản lý xuất bản;

- Phòng trị sự.

Nhà xuất bản Pháp lý được tổ chức một Hội đồng biên tập do Tổng biên tập là Chủ tịch hội đồng. Hội đồng gồm có các chuyên gia hiểu biết về pháp luật công tác ở các cơ quan trong và ngoài Bộ Tư pháp.

Hồ sơ số 190 - Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 04 THÁNG 8 NĂM 1982

Bộ trưởng Bộ Tư pháp ra Quyết định số 100/QĐ-TC quy định nhiệm vụ và tổ chức của Vụ Tổ chức cán bộ

Theo Quyết định này, Vụ Tổ chức cán bộ có chức năng, nhiệm vụ sau:

- Nghiên cứu, xây dựng các đề án về tổ chức bộ máy ở cơ quan Bộ Tư pháp, Sở Tư pháp, Ban Tư pháp huyện, xã, các Tòa án địa phương và hướng dẫn tổ chức thực hiện các đề án đó;

- Nghiên cứu, xây dựng các đề án về tổ chức các Vụ Pháp chế ở các bộ, các cố vấn pháp luật ở xí nghiệp;

- Xây dựng kế hoạch về chỉ tiêu biên chế và quỹ lương trong toàn Ngành;

- Làm quy hoạch cán bộ, nghiên cứu các chính sách, chế độ đối với các loại cán bộ trong Ngành, tham gia ý kiến với Vụ Đào tạo về phương hướng, mục tiêu, quy hoạch và kế hoạch đào tạo cán bộ;

- Quản lý cán bộ Bộ Tư pháp và tòa án địa phương theo chế độ hiện hành của Đảng và Nhà nước;

- Trực tiếp quản lý cán bộ ở cơ quan Bộ;

- Nghiên cứu các đề án cải tiến chế độ công tác về lề lối làm việc trong hệ thống tư pháp;

- Quản lý các trường đại học và trung học pháp lý về tổ chức và cán bộ;

- Phối hợp với các trường pháp lý và Vụ Đào tạo xây dựng kế hoạch phân phối học sinh tốt nghiệp đại học và trung học, kiểm tra các trường pháp lý thực hiện kế hoạch phân bổ của Bộ.

Vụ Tổ chức cán bộ gồm có hai phòng: Phòng Tổ chức cán bộ và Phòng Chính sách, chế độ.

Hồ sơ số 187 - Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

Bộ trưởng Bộ Tư pháp ra Quyết định số 101/QĐ-TC quy định nhiệm vụ và tổ chức của Vụ Pháp luật chung

Theo Quyết định này, Vụ Pháp luật chung có chức năng, nhiệm vụ sau:

- Tổng hợp kế hoạch xây dựng văn bản pháp luật năm năm và hàng năm để Bộ trình Hội đồng Bộ trưởng xét và quyết định. Theo dõi, giúp đỡ, đôn đốc các bộ trong việc bảo đảm thực hiện kế hoạch đó.

- Dự thảo hoặc tham gia dự thảo các văn bản pháp luật được giao; thẩm tra về mặt pháp lý các văn bản pháp luật về lĩnh vực do Vụ phụ trách để Bộ trình Hội đồng Bộ trưởng xét duyệt;

- Hướng dẫn nghiệp vụ công tác hệ thống văn bản pháp luật trong các lĩnh vực do Vụ phụ trách cho các Vụ pháp chế và các Sở Tư pháp;

- Nghiên cứu, khảo sát tình hình thi hành pháp luật, đề xuất kiến nghị về hoàn thiện pháp luật;

- Xem xét, đánh giá tính hợp pháp các văn bản pháp luật của Bộ và địa phương ban hành thuộc lĩnh vực do Vụ phụ trách và báo cáo với Bộ những ý kiến đề xuất của mình.

Vụ Pháp luật chung gồm có ba tổ: Tổ Luật Nhà nước và Luật Hành chính; Tổ Luật Hình sự; Tổ Luật Dân sự và Luật Hôn nhân và gia đình.

Hồ sơ số 192 - Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

Bộ trưởng Bộ Tư pháp ra Quyết định số 102/QĐ-TC quy định nhiệm vụ và tổ chức của Vụ Tuyên truyền, giáo dục pháp luật

Theo Quyết định này, Vụ Tuyên truyền, giáo dục pháp luật có chức năng, nhiệm vụ sau:

- Nghiên cứu và hướng dẫn các Vụ Pháp chế, các Sở Tư pháp nghiệp vụ tuyên truyền, giáo dục pháp luật;

- Phối hợp hoạt động của các cơ quan thông tin, báo chí, các cơ quan Đảng và Nhà nước, các đoàn thể nhân dân trong công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật;

- Hướng dẫn và giúp đỡ về công tác giảng dạy pháp luật ở các trường phổ thông, trường dạy nghề;

- Chỉ đạo Tập san Pháp chế xã hội chủ nghĩa;

- Xây dựng kế hoạch hợp tác quốc tế về công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật mà Bộ giao cho.

Vụ Tuyên truyền, giáo dục pháp luật có 4 tổ: Tổ Tổng hợp và biên soạn; Tổ Thông tin đại chúng; Tổ Hướng dẫn công tác tuyên truyền; Tổ Giáo dục pháp luật.

Hồ sơ số 193 - Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 12 ĐẾN NGÀY 19 THÁNG 8 NĂM 1982

Đoàn đại biểu Bộ Tư pháp Việt Nam đi thăm và làm việc tại Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào

Nhận lời mời của Bộ trưởng Bộ Tư pháp nước Cộng hòa Dân chủ nhân dân Lào, từ ngày 12 đến ngày 19/8/1982, Đoàn đại biểu Bộ Tư pháp Việt Nam do Bộ trưởng Phan Hiền làm trưởng đoàn đã sang thăm hữu nghị Cộng hòa Dân chủ nhân

dân Lào. Ngày 16/8/1982, trong khuôn khổ chuyến thăm và làm việc, Bộ trưởng Phan Hiền đã ký Hiệp định hợp tác pháp lý và tư pháp giữa hai Chính phủ.

Hồ sơ số 182 - Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 23 ĐẾN NGÀY 25 THÁNG 9 NĂM 1982

Đoàn đại biểu Bộ Tư pháp tham dự Hội nghị Bộ trưởng Bộ Tư pháp các nước xã hội chủ nghĩa lần thứ VII

Hội nghị được tổ chức tại UlanBator (Mông Cổ). Tham dự Hội nghị có 12 nước: Hung-ga-ri, Bun-ga-ri, Việt Nam, Cộng hòa dân chủ Đức, Lào, Cam-pu-chia, Ba Lan, Mông Cổ, Liên Xô, Tiệp Khắc, Ăng-gô-la và Ăp-ga-ni-xtan.

Tại Hội nghị, sau khi các nước tham gia thông báo về hoạt động hai năm của các Bộ Tư pháp từ Hội nghị lần thứ 6 đến Hội nghị lần 7, Hội nghị đã nghe Bộ trưởng Bộ Tư pháp Hung-ga-ri thuyết trình về các hình thức tham gia của xã hội vào việc ngăn ngừa phạm tội ở mỗi nước.

Các Bộ trưởng Bộ Tư pháp đều nêu rõ sự cần thiết trao đổi kinh nghiệm giữa Bộ Tư pháp các nước, góp phần tăng cường tình đoàn kết hữu nghị và sự hợp tác toàn diện giữa các nước xã hội chủ nghĩa, mở ra nhiều thuận lợi về học tập kinh nghiệm lẫn nhau trong lĩnh vực tư pháp nhằm tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa ở mỗi nước.

Hội nghị đã ra thông cáo cuối cùng đánh giá cao kết quả Hội nghị, lên án những hành động man rợ của I-xra-en ở Li-băng, hoan nghênh những hoạt động vì hoà bình thế giới của Liên Xô và cộng đồng xã hội chủ nghĩa, mong muốn sự hợp tác nhiều mặt giữa các Bộ Tư pháp được tăng cường.

Hồ sơ số 184 - Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 25 THÁNG 9 NĂM 1982

Bộ Tư pháp trình Ban Bí thư Trung ương Đảng và Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng Tờ trình số 649/ĐT về việc xin mở lớp Đại học Pháp lý tại thành phố Hồ Chí Minh

Thực hiện Quyết định số 405/TTg ngày 10/12/1979 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Pháp lý Hà Nội để đào tạo cán bộ pháp lý cho cả nước, từ năm học 1981-1982, Bộ Tư pháp đã bắt đầu tuyển sinh các tỉnh phía Nam đưa ra Hà Nội đào tạo. Tuy nhiên, số học sinh các tỉnh phía Nam dự thi rất ít, số trúng tuyển lại không chịu ra Bắc học tập. Xuất phát từ những bất cập trong việc thực hiện công tác tuyển sinh đào tạo cho Trường Đại học Pháp lý như trên,

Bộ Tư pháp trình Ban Bí thư Trung ương Đảng và Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng Tờ trình số 649/ĐT về việc xin mở lớp Đại học Pháp lý tại thành phố Hồ Chí Minh.

Sau khi nêu lên những bất cập, khó khăn cũng như nguyện vọng của các tỉnh phía Nam trong công tác tuyển sinh vào Trường Đại học Pháp lý, Bộ Tư pháp đề nghị Ban Bí thư và Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng cho phép chuyển số học sinh phía Nam do Trường Đại học Pháp lý Hà Nội tuyển sinh cho khoá học 1982-1983, tổ chức thành lớp Đại học Pháp lý đặt tại Trường Trung học Pháp lý của thành phố Hồ Chí Minh và đề nghị trong quá trình chuẩn bị tiến tới xây dựng một Phân hiệu của Trường Đại học Pháp lý tại phía Nam, trước mắt nên thành lập một lớp Đại học Pháp lý riêng cho các tỉnh phía Nam để thuận lợi cho công tác tuyển sinh và đào tạo cán bộ pháp lý có trình độ đại học cho các tỉnh phía Nam.

Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 04 THÁNG 10 NĂM 1982

Thành lập Sở Tư pháp tỉnh Tiền Giang

Sở Tư pháp tỉnh Tiền Giang được thành lập theo Quyết định số 730/QĐ-UB của UBND tỉnh Tiền Giang. Giám đốc Sở Tư pháp là ông Đào Viễn Trung.

Tư liệu do Sở Tư pháp tỉnh Tiền Giang cung cấp

NGÀY 06 THÁNG 10 NĂM 1982

Bộ trưởng Bộ Tư pháp ra Quyết định về việc hợp nhất trường

Căn cứ vào Quyết định số 127/QĐTA ngày 10/7/1982 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao về việc chuyển giao Trường Cán bộ Tòa án tại Hà Nội thuộc Tòa án nhân dân tối cao sang Bộ Tư pháp. Bộ trưởng Bộ Tư pháp ra Quyết định số 176/QĐ-TC, theo Điều 1 của Quyết định này thì: Trường Đại học Pháp lý Hà Nội và Trường Cán bộ Tòa án tại Hà Nội được hợp nhất thành Trường Đại học Pháp lý Hà Nội.

Trường Đại học Pháp lý Hà Nội gồm 2 cơ sở: Cơ sở 1 đặt ở quận Đống Đa; Cơ sở 2 đặt ở huyện Thường Tín, tỉnh Hà Sơn Bình. Hiệu bộ của Trường Đại học Pháp lý Hà Nội đặt tại cơ sở 1 quận Đống Đa, Hà Nội.

Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 16 THÁNG 10 NĂM 1982

Thành lập Trường Trung học Pháp lý thành phố Hồ Chí Minh

Sau khi Nhà nước ban hành Luật Tổ chức Tòa án nhân dân và Nghị định số 143-HĐBT, Bộ Tư pháp có nhiệm vụ tiếp nhận các trường cán bộ toà án trước đây do Tòa án nhân dân tối cao quản lý để tiếp tục thực hiện chức năng đào tạo, bồi dưỡng và quản lý công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ pháp lý.

Tuy nhiên do số lượng cán bộ pháp lý hiện tại của Ngành Tư pháp và Tòa án nhân dân các tỉnh còn thiếu nhiều và để đáp ứng với yêu cầu đào tạo cán bộ pháp lý trong thời gian trước mắt, ngày 11/6/1982, Bộ Tư pháp đã có Công văn số 384/ĐT gửi Ủy ban Kế hoạch nhà nước và Bộ Đại học và Trung học chuyên nghiệp về việc đề nghị đổi tên Trường Cán bộ toà án phía Nam thành Trường Trung học Pháp lý thành phố Hồ Chí Minh. Được sự đồng ý của các cơ quan chức năng cũng như xét nhu cầu cán bộ trung học pháp lý của các ngành, các cấp trong việc quản lý nhà nước ở các tỉnh phía Nam, ngày 16/10/1982, Bộ trưởng Bộ Tư pháp ra Quyết định số 199-QĐ/ĐT về việc thành lập Trường Trung học Pháp lý thành phố Hồ Chí Minh.

Quyết định nêu rõ: Thành lập Trường Trung học Pháp lý thành phố Hồ Chí Minh tại phường Bình Triệu, quận Thủ Đức. Trường Trung học Pháp lý thành phố Hồ Chí Minh là đơn vị sự nghiệp do Bộ Tư pháp quản lý có nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ pháp lý có trình độ trung học cho các Ngành Tư pháp và các ngành khác của Trung ương và địa phương. Trường Trung học Pháp lý thành phố Hồ Chí Minh sẽ do một Hiệu trưởng phụ trách và có từ 1 đến 3 Phó Hiệu trưởng giúp việc. Hiệu trưởng và các Phó Hiệu trưởng do Bộ trưởng Bộ Tư pháp bổ nhiệm.

Hồ sơ số 198 - Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

THÁNG 10 NĂM 1982

Bộ trưởng Bộ Tư pháp Phan Hiền thăm và làm việc với các tỉnh phía Nam

Bộ trưởng Bộ Tư pháp Phan Hiền và các Thứ trưởng Đào Xuân Miến, Nguyễn Thị Chơn về thăm và làm việc với các tỉnh Hậu Giang, Tiền Giang, Kiên Giang, Long An, thành phố Hồ Chí Minh và Quảng Nam - Đà Nẵng. Tại các tỉnh, Bộ trưởng và các Thứ trưởng đã phát biểu các ý kiến chỉ đạo về phương hướng và nhiệm vụ công tác cho các Sở Tư pháp và Tòa án nhân dân các tỉnh.

Ngày 26/10/1982, Bộ trưởng và các Thứ trưởng tiếp xúc thân mật với các trí thức ngành luật của thành phố Hồ Chí Minh. Tại đây, Bộ trưởng đã nêu bật một số công tác trọng tâm mà Ngành Tư pháp đang nỗ lực thực hiện cũng như

nhấn mạnh: cùng với việc xây dựng và hoàn thiện pháp luật, sẽ đẩy mạnh hơn nữa công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật, từng bước đưa việc giáo dục pháp luật vào chương trình giáo dục ở các trường, lớp nghiệp vụ do các ngành và đoàn thể tổ chức.

Các ngày kế tiếp, Bộ trưởng đã đến thăm HĐND thành phố, nói chuyện trên đài vô tuyến truyền hình với các thính giả miền Nam về công tác tư pháp; tiếp xúc và nói chuyện với lớp tập huấn nghiệp vụ dành cho các Giám đốc, Phó Giám đốc và cán bộ chủ chốt của các Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố phía Nam do Bộ Tư pháp tổ chức tại thành phố Hồ Chí Minh.

Tập san Pháp chế số 3 - 4 năm 1982

NGÀY 10 THÁNG 11 NĂM 1982

Thành lập Sở Tư pháp thành phố Hà Nội

Được thành lập theo Quyết định số 442/QĐ-TC của UBND thành phố Hà Nội.

Quyết định nêu rõ: “*Sở Tư pháp là cơ quan chuyên môn của UBND thành phố, có chức năng giúp Ủy ban quản lý thống nhất các công việc về tư pháp ở địa phương, chịu sự lãnh đạo toàn diện và trực tiếp của UBND thành phố, đồng thời chịu sự chỉ đạo về nghiệp vụ của Bộ Tư pháp*”.

Sở Tư pháp có các phòng nghiệp vụ:

- Phòng Nghiên cứu pháp luật (bao gồm cả việc quản lý văn bản pháp quy, hướng dẫn thi hành pháp luật và công tác pháp chế trong các cơ sở kinh tế, văn hoá...).

- Phòng Tuyên truyền và giáo dục pháp luật;

- Phòng Tổ chức và đào tạo cán bộ pháp lý;

- Phòng Quản lý toà án và các tổ chức tư pháp khác;

- Văn phòng Sở.

Hồ sơ số 210 - Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 29 THÁNG 11 NĂM 1982

Bộ trưởng Bộ Tư pháp ra Chỉ thị số 826-CT-TT về việc tiến hành đợt tuyên truyền, giáo dục pháp luật nhân dịp 2 năm ban hành Hiến pháp mới

Chỉ thị nêu rõ mục đích của đợt tuyên truyền là nhằm:

1. Nâng cao thêm một bước sự hiểu biết về vai trò của Hiến pháp mới đối với giai đoạn cách mạng hiện nay.

2. Thấy rõ những chuyển biến tích cực trong việc “*thể chế hoá*” đường lối, chính sách của Đảng. Sau khi Hiến pháp mới được ban hành đã từng bước góp phần tăng cường chuyên chính vô sản, tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa, phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động (thành lập hệ thống cơ quan tư pháp, pháp chế, tăng cường các cơ quan luật pháp... cũng nằm trong những chuyển biến này).

3. Tiếp tục đẩy mạnh phong trào hành động cách mạng trong cán bộ và nhân dân theo khẩu hiệu “*Sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật*”.

Hình thức để thực hiện việc tuyên truyền này là nói chuyện, sinh hoạt câu lạc bộ, toạ đàm, hội thảo, mở những phiên toà điển hình.

Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 22 THÁNG 12 NĂM 1982

Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Nội vụ và Bộ Tư pháp ban hành Thông tư liên ngành số 05/TTLN về việc điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm đồng thời chung thẩm một số vụ án đặc biệt nghiêm trọng

Trước tình hình kẻ địch ráo riết tiến hành chiến tranh phá hoại nhiều mặt chống phá nước ta, bọn tội phạm hình sự, bọn lưu manh côn đồ, bọn đầu cơ, buôn lậu làm hàng giả hoạt động hết sức trắng trợn, có nơi chúng sử dụng cả vũ khí để giết người, cướp của. Hoạt động phạm tội của bọn chúng đã gây tác hại hết sức nghiêm trọng đến an ninh chính trị, đến tài sản của Nhà nước, đến tính mạng và tài sản của nhân dân. Tình hình nói trên đòi hỏi phải kịp thời và kiên quyết trừng trị thật nghiêm khắc bọn phạm tội đặc biệt nghiêm trọng nhằm bảo đảm an ninh chính trị, an ninh kinh tế và trật tự trị an xã hội.

Vì vậy, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Nội vụ và Bộ Tư pháp ban hành thông tư hướng dẫn việc điều tra, truy tố và xét xử sơ thẩm đồng thời chung thẩm một số vụ án đặc biệt nghiêm trọng.

Thông tư hướng dẫn cụ thể về điều kiện đối với những vụ án mà Tòa án nhân dân tối cao xét xử sơ thẩm đồng thời chung thẩm cũng như quy định cụ thể về việc điều tra, lập hồ sơ, truy tố và xét xử đối với những vụ án thuộc loại đặc biệt nghiêm trọng.

Hồ sơ số 162 - Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 25 THÁNG 12 NĂM 1982

Bộ Tư pháp, Bộ Nội vụ, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Tòa án nhân dân tối cao ban hành Thông tư liên ngành số 03/TTCB hướng dẫn việc xử lý tội trốn đi nước ngoài

Xuất phát từ thực trạng tình hình người trốn đi nước ngoài vẫn còn tiếp diễn, không những ở các tỉnh, thành phố phía Nam, mà đã lan ra cả phía Bắc. Nguyên nhân của tình hình này, một mặt là do kẻ địch và những phần tử xấu hoạt động phá hoại, lợi dụng những khó khăn về kinh tế và đời sống của nhân dân để kích động tổ chức đưa người trốn đi nước ngoài, mặt khác, do các ngành, các cấp chưa thấy hết tính chất nguy hiểm của kiểu chiến tranh phá hoại nhiều mặt của địch, nên chưa tập trung chỉ đạo đấu tranh một cách toàn diện, triệt để, chưa kết hợp chặt chẽ các biện pháp đấu tranh, giáo dục, vạch trần âm mưu và hành động thâm độc của địch với các biện pháp hành chính và pháp luật của Nhà nước. Bên cạnh đó các ngành, các cơ quan có trách nhiệm chưa phối hợp chặt chẽ với nhau, chưa xác định rõ đối tượng đấu tranh, nguyên tắc xử lý việc trốn đi nước ngoài cho thống nhất và xét xử nghiêm minh, đúng mức đối với từng trường hợp cụ thể.

Sau khi có ý kiến của Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng, liên ngành: Bộ Tư pháp - Bộ Nội vụ - Viện kiểm sát nhân dân tối cao - Tòa án nhân dân tối cao ra Thông tư hướng dẫn xử lý việc trốn đi nước ngoài.

Tinh thần chung của Thông tư là: xử lý nghiêm khắc bọn tội phạm với mục đích phản cách mạng, bọn chủ mưu, cầm đầu, tổ chức, bọn cưỡng ép, dụ dỗ, lừa phỉnh, kích động người trốn đi nước ngoài, bọn phạm tội gây hậu quả nghiêm trọng; những cán bộ lợi dụng chức quyền, quyền hạn để phạm tội, nhất là cán bộ, chiến sĩ quân đội nhân dân, công an nhân dân, cán bộ nhân viên của các ngành trực tiếp bảo vệ pháp luật.

Những người phạm tội vì bị dụ dỗ, bị cưỡng ép, lừa phỉnh và những người thật thà hối cải, lập công chuộc tội thì được xử lý khoan hồng, và nếu lập công lớn, có thể được khen thưởng.

Ngoài ra, Thông tư cũng lưu ý các cơ quan chức năng cần phân biệt và hết sức thận trọng trong việc xử lý tài sản của người trốn đi nước ngoài.

Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 28 THÁNG 12 NĂM 1982

Thành lập Sở Tư pháp tỉnh Tây Ninh

Được thành lập theo Quyết định số 276/QĐ-UB của UBND tỉnh Tây Ninh.
Sở Tư pháp có các phòng nghiệp vụ:

- Phòng Nghiên cứu pháp luật và tuyên truyền pháp luật;
- Phòng Quản lý toà án và quản lý tư pháp;
- Phòng Quản lý công tác chấp hành án;
- Văn phòng, tổ chức và đào tạo;

Tư liệu do Sở Tư pháp tỉnh Tây Ninh cung cấp

NĂM 1983

NGÀY 04 ĐẾN NGÀY 08 THÁNG 01 NĂM 1983

Hội nghị tổng kết công tác tư pháp toàn quốc lần thứ II

Tham dự Hội nghị có Giám đốc, Phó Giám đốc các Sở Tư pháp, Chánh án, Phó Chánh án Tòa án nhân dân các tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc Trung ương, các cán bộ phụ trách công tác pháp chế các bộ, Ủy ban Nhà nước và các cơ quan trực thuộc Hội đồng Bộ trưởng, Trưởng Ban Tư pháp phường Cửa Đông, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, Trưởng Ban Tư pháp và hoà giải xã Điện Hồng huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng. Tới dự Hội nghị còn có các đại biểu đại diện cho các cơ quan, ban, ngành hữu quan.

Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Phạm Văn Đồng và Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Phạm Hùng đã tới dự và phát biểu tại Hội nghị.

Đánh giá về công tác tư pháp năm 1982, trong Báo cáo tại Hội nghị, Bộ trưởng Phan Hiền nhận định: trong năm 1982, công tác tư pháp đã được triển khai một cách toàn diện và có trọng điểm như xây dựng và góp phần xây dựng pháp luật mà trọng tâm là Bộ luật Hình sự; đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật và pháp lệnh mới, phục vụ kịp thời các Nghị quyết của Trung ương và Hội đồng Bộ trưởng về quản lý kinh tế, quản lý xã hội trong tình hình mới; tổ chức được Hội nghị chuyên đề lần đầu tiên về công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật; phối hợp chặt chẽ với Tòa án nhân dân tối cao để từng bước tiếp nhận các phần việc của Tòa án nhân dân tối cao chuyển sang cũng như ban hành các Thông tư liên bộ hướng dẫn về công tác thi hành án, Thông tư quy định chế độ bồi dưỡng phiên tòa, chế độ thù lao cho Hội thẩm nhân dân, Thông tư hướng dẫn về cơ cấu tổ chức Tòa án nhân dân cấp tỉnh, huyện, phân bổ chỉ tiêu biên chế.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được Bộ trưởng cũng nhấn mạnh: vẫn còn một số khó khăn phải phấn đấu khắc phục như: vẫn còn một số nhận thức chưa đúng đắn về công tác tư pháp nên dẫn đến việc chưa coi trọng công tác tư pháp theo Nghị định số 143-HĐBT ngày 22/11/1981 của Hội đồng Bộ trưởng quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức Bộ Tư pháp; đội ngũ cán bộ tư pháp hiện tại quá thiếu về số lượng và còn yếu về kiến thức và nghiệp vụ pháp lý.

Hội nghị cũng đề ra phương hướng cho những mặt công tác chủ yếu của toàn ngành trong 3 năm (1983-1985) và những nhiệm vụ cụ thể trong năm 1983 đó là:

- Tích cực chủ động trong việc giúp Hội đồng Bộ trưởng tổ chức khẩn trương rà soát lại các văn bản pháp luật hiện nay để sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành các văn bản mới phù hợp với tình hình thực tế. Coi trọng công tác hệ thống hoá, sửa đổi, bổ sung các văn bản pháp quy hiện hành.

- Công tác quản lý về mặt tổ chức của Bộ Tư pháp đối với Tòa án địa phương phải nhằm kiện toàn các tổ chức Tòa án nhân dân địa phương vững mạnh, bảo đảm nâng cao được hiệu quả của công tác xét xử, đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật và sức mạnh của Nhà nước chuyên chính vô sản....

- Quán triệt trong toàn Ngành đặt rõ công tác bồi dưỡng cán bộ là khâu then chốt có ý nghĩa quyết định trước mắt và lâu dài, không những có ý nghĩa đối với toàn bộ hoạt động và tổ chức của Ngành mà còn có ý nghĩa nhiều mặt đến công việc điều hành và quản lý của bộ máy nhà nước.

- Hoàn thành việc thành lập các Sở Tư pháp trong cả nước trong năm 1983. Xây dựng hệ thống Ban Tư pháp huyện, Tư pháp xã, phường theo phương châm chủ động tích cực nhưng vững chắc. Phấn đấu đến năm 1985 có hệ thống tổ chức hoàn chỉnh, đầy đủ biên chế và hoạt động có nề nếp.

- Sớm đưa hoạt động quan hệ quốc tế của Ngành thành một mặt công tác.

- Tăng cường hơn nữa sự chỉ đạo và hướng dẫn của Bộ đối với địa phương và các tổ chức pháp chế bộ, ngành.

Tập san Pháp chế số 1 năm 1982;

Báo cáo số 892/TH ngày 21/12/1982 - Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 01 THÁNG 3 NĂM 1983

Khai giảng lớp bồi dưỡng pháp lý xã hội chủ nghĩa ở miền Nam

Ngày 22/6/1982, Bộ Tư pháp trình Ban Bí thư Trung ương Đảng và Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng Tờ trình số 408-ĐT về việc mở “*Lớp bồi dưỡng pháp lý xã hội chủ nghĩa*” cho trí thức luật gia cũ ở miền Nam.

Mục đích yêu cầu của lớp học được Tờ trình nêu rõ: Trên cơ sở cải tạo thế giới quan cũ, xây dựng thế giới quan cách mạng, khoa học, trang bị cho học viên những quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin về nhà nước và pháp luật; những quan điểm và nguyên lý của các ngành luật xã hội chủ nghĩa. Từ đó, giúp cho học viên phân biệt được sự khác nhau của bản chất giai cấp giữa pháp lý tư sản và pháp lý xã hội chủ nghĩa, hiểu được sâu hơn những chủ trương của Đảng và Nhà nước ta trong lĩnh vực pháp chế.

Ngày 01/3/1983, sau khi được sự đồng ý của Hội đồng Bộ trưởng, Bộ Tư pháp tổ chức khai giảng lớp bồi dưỡng pháp lý xã hội chủ nghĩa ở miền Nam.

Tham dự lớp học có 68 học viên, trong đó, một số học viên có trình độ cao học, một số tốt nghiệp Trường Quốc gia hành chính trước đây, một số là luật sư, số còn lại hoặc là giáo viên, hoặc là công chức hay sinh viên luật cũ và đều là cán bộ, nhân viên trong biên chế nhà nước, làm việc ở các cơ quan nhà nước hoặc các đoàn thể xã hội. Thứ trưởng Bộ Tư pháp Phùng Văn Tửu đã tham dự và phát biểu trong buổi khai giảng.

Lớp bồi dưỡng được kéo dài trong thời gian 01 năm. Tháng 02 năm 1984, lớp bế giảng. Sau một năm học tập, học viên đã được trang bị những kiến thức có hệ thống về chủ nghĩa Mác - Lênin và đường lối cơ bản của Đảng ta trong các giai đoạn cách mạng, đặc biệt là đường lối xây dựng chủ nghĩa xã hội trong chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ.

Hồ sơ số 259 - Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp; Tập san Pháp chế số 2 - 3 năm 1984

NGÀY 30 THÁNG 3 NĂM 1983

Hội đồng Nhà nước ra Nghị quyết số 324-NQ/HĐNN7 phê chuẩn Hiệp định tương trợ tư pháp và pháp lý về dân sự và hình sự giữa Việt Nam và Tiệp Khắc

Ngày 12/10/1982, được sự uỷ quyền của Chủ tịch Hội đồng Nhà nước, Bộ trưởng Bộ Tư pháp Việt Nam - Phan Hiền và Bộ trưởng Bộ Tư pháp Tiệp Khắc đã ký bản Hiệp định Tương trợ tư pháp và pháp lý về vấn đề dân sự, gia đình và hình sự giữa Việt Nam và Tiệp Khắc.

Tháng 11/1982, theo quy định tại Điều 81 của Hiệp định về việc phê chuẩn, Bộ Tư pháp đã trình và đề nghị Hội đồng Nhà nước phê chuẩn Hiệp định này.

Ngày 30/3/1983, theo đề nghị của Hội đồng Bộ trưởng, Hội đồng Nhà nước họp phiên thường lệ dưới sự chủ toạ của Chủ tịch Trường Chinh và tại phiên họp này, Hội đồng Nhà nước đã phê chuẩn Hiệp định Tương trợ tư pháp và pháp lý về dân sự và hình sự giữa Việt Nam và Tiệp Khắc.

Hiệp định gồm 4 phần 81 điều quy định các điều khoản chung về bảo hộ pháp lý, tương trợ tư pháp, cách thức liên hệ, tiếng nói, uỷ thác tư pháp, chuyển giao giấy tờ,...; Tương trợ tư pháp và quan hệ pháp luật về dân sự và gia đình gồm quy chế cá nhân, nghĩa vụ cấp dưỡng, giám hộ, thừa kế, án phí...; Tương trợ tư pháp về hình sự gồm dẫn độ, truy cứu trách nhiệm hình sự... và vấn đề bảo đảm thi hành Hiệp định.

Hồ sơ số 185 - Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp;

NGÀY 10 THÁNG 5 NĂM 1983

Hội đồng Bộ trưởng ban hành Nghị định số 46/HĐBT quy định việc xử lý bằng biện pháp hành chính các hành vi đầu cơ, buôn lậu, làm hàng giả, kinh doanh trái phép

Điều 11 Pháp lệnh Trừng trị các tội đầu cơ, buôn lậu, làm hàng giả, kinh doanh trái phép ban hành ngày 30/6/1982 quy định: những vi phạm nhỏ chưa đến mức phải truy tố trước Tòa án theo các điều quy định về tội phạm trong Pháp lệnh này thì bị xử lý bằng biện pháp hành chính theo quy định của Hội đồng Bộ trưởng. Tuy nhiên, các quy định về xử lý hành chính trước năm 1982 đối với các hành vi đầu cơ, buôn lậu, làm hàng giả, kinh doanh trái phép có một số nhược điểm: các biện pháp xử phạt không rõ, áp dụng chung cho nhiều trường hợp, không quy định các hình thức xử lý khác nhau căn cứ vào mức độ và tính chất vi phạm hoặc căn cứ vào các loại vi phạm khác nhau. Vì vậy, việc ban hành một văn bản mới quy định việc xử lý bằng biện pháp hành chính đối với các hành vi trên là thật sự cần thiết.

Ngày 28/8/1982, Bộ Tư pháp có Tờ trình số 595/PLKT về dự thảo Nghị định quy định việc xử lý bằng biện pháp hành chính các hành vi đầu cơ, buôn lậu, làm hàng giả, kinh doanh trái phép. Dự thảo Nghị định được soạn thảo nhằm cụ thể hoá các biện pháp xử lý hành chính, bảo đảm Pháp lệnh được thi hành dễ dàng, tránh tuy tiện khi xử lý.

Ngày 10/5/1983, theo đề nghị của Bộ Tư pháp, Hội đồng Bộ trưởng ban hành Nghị định số 46-HĐBT quy định việc xử lý bằng biện pháp hành chính các hành vi đầu cơ, buôn lậu, làm hàng giả, kinh doanh trái phép. Nghị định gồm 5 chương với 18 điều quy định cụ thể các biện pháp xử lý vi phạm hành chính đối với hành vi đầu cơ buôn lậu, làm hàng giả, kinh doanh trái phép; việc xử lý tang vật phạm pháp và tiền phạt; việc khen thưởng những người có thành tích phát hiện, truy bắt người vi phạm...

Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp; Công báo số 10 ngày 15/6/1983, tr. 174 - 177

NGÀY 19 ĐẾN 26 THÁNG 5 NĂM 1983

Đoàn đại biểu Bộ Tư pháp nước Cộng hoà nhân dân Cam-pu-chia thăm và ký Hiệp định hợp tác tư pháp và pháp lý với Việt Nam

Đoàn do Bộ trưởng Bộ Tư pháp Úc-Bun-Chuôn dẫn đầu.

Trong thời gian Đoàn thăm và làm việc tại Việt Nam, Bộ trưởng Bộ Tư pháp Phan Hiền thay mặt Chính phủ Việt Nam và Bộ trưởng Bộ Tư pháp Úc-Bun-Chuôn

thay mặt Chính phủ Cộng hoà nhân dân Cam-pu-chia đã ký Hiệp định hợp tác tư pháp và pháp lý giữa 2 nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Cộng hoà nhân dân Cam-pu-chia.

Tập san Pháp chế số 3 năm 1983

THÁNG 6 NĂM 1983

Hội nghị lần thứ tư của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá V đề cập tới công tác bảo vệ pháp luật

Trong công tác bảo vệ pháp luật, Nghị quyết Hội nghị đã chỉ rõ phải “*Cải tiến công tác thông tin đại chúng nhằm trang bị kịp thời cho cán bộ và quần chúng những hiểu biết đúng đắn về đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước*”.

“*Kiên quyết đưa ra truy tố trước pháp luật những phần tử lợi dụng chức quyền để làm những việc sai trái, gây ra những thiệt hại nghiêm trọng cho Nhà nước, cho nhân dân và ảnh hưởng xấu đến lòng tin của quần chúng đối với Đảng*”.

Tạp chí Cộng sản số 10 năm 1983, tr. 26 - 30

NGÀY 04 THÁNG 8 NĂM 1983

Bộ trưởng Bộ Tư pháp ra Quyết định số 127/QĐ-TC thành lập Viện Nghiên cứu khoa học pháp lý và Quyết định số 128/QĐ-TC cử cán bộ phụ trách Viện Nghiên cứu khoa học pháp lý

Theo đó, Viện Nghiên cứu khoa học pháp lý có nhiệm vụ nghiên cứu khoa học về các vấn đề: xây dựng pháp luật và hệ thống hóa pháp luật; tổ chức thực hiện pháp luật; tuyên truyền, giáo dục pháp luật; tổ chức và quản lý các Tòa án địa phương về mặt tổ chức; tổ chức và quản lý công tác thi hành án, công tác bào chữa và công tác tư pháp khác; đào tạo và bồi dưỡng cán bộ pháp lý. Nghiên cứu các chủ trương và biện pháp tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa trong phạm vi quản lý của Hội đồng Bộ trưởng.

Về mặt tổ chức, Viện Nghiên cứu khoa học pháp lý thành lập các tổ nghiên cứu các chuyên đề để thực hiện các nhiệm vụ trên.

Bộ trưởng cũng quyết định cử ông Phan Hữu Chi, Hiệu trưởng Trường Đại học Pháp lý Hà Nội kiêm chức Viện trưởng Viện Nghiên cứu khoa học pháp lý thuộc Bộ Tư pháp.

Hồ sơ số 253 - Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 25 THÁNG 9 ĐẾN 31 THÁNG 10 NĂM 1983

Bộ trưởng Bộ Tư pháp Phan Hiền thăm và làm việc tại một số tỉnh miền Trung, Tây Nguyên và phía Nam

Sau khi làm việc với các Chánh án, Phó Chánh án Tòa án nhân dân và Giám đốc, Phó Giám đốc các Sở Tư pháp cũng như đi thăm và khảo sát một số cơ sở, Bộ trưởng Phan Hiền đã nhiệt liệt hoan nghênh sự quan tâm lãnh đạo và chỉ đạo công tác tư pháp ở địa phương của các cấp uỷ Đảng và UBND các tỉnh. Bộ trưởng nhấn mạnh về ý nghĩa và sự cần thiết phải tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa trong giai đoạn cách mạng mới mà các Nghị quyết của Trung ương đã đề ra, đồng thời đánh giá chỗ mạnh, chỗ yếu của công tác tư pháp hiện nay, cần ra sức phấn đấu làm cho pháp luật của Nhà nước được thực hiện nghiêm minh trong các ngành, các cấp. Bộ trưởng Phan Hiền cũng đề cập đến sự cần thiết và cấp bách phải nhanh chóng thành lập và từng bước kiện toàn hệ thống tổ chức tư pháp ở các tỉnh, đặc biệt chú trọng đến xây dựng tư pháp huyện và cơ sở, đồng thời vạch rõ khâu then chốt trong xây dựng Ngành là phải tích cực đẩy mạnh công tác đào tạo và bồi dưỡng cán bộ pháp lý về mọi mặt, để làm tốt chức năng tham mưu cho cấp uỷ và UBND trong lĩnh vực tư pháp, góp phần đắc lực trong công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội.

Tạp chí Pháp chế số 4 năm 1983

NĂM 1984

NGÀY 25 THÁNG 01 NĂM 1984

Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính ban hành Thông tư liên bộ số 01/TT/LB hướng dẫn thi hành Nghị định số 46-HĐBT ngày 10/5/1983 của Hội đồng Bộ trưởng

Thi hành Nghị định số 46-HĐBT ngày 10/5/1983 của Hội đồng Bộ trưởng quy định việc xử lý bằng biện pháp hành chính các hành vi đầu cơ, buôn lậu, làm hàng giả, kinh doanh trái phép, sau khi nhất trí với các ngành có liên quan, liên Bộ Tư pháp - Tài chính ban hành Thông tư liên bộ hướng dẫn về thẩm quyền xử lý, giải quyết tang vật phạm pháp và chi trả tiền thưởng cho những người có thành tích phát hiện, truy bắt vụ vi phạm đối với các loại vi phạm đã có văn bản hiện hành của Nhà nước quy định cơ quan có thẩm quyền xử lý; các loại vi phạm về đầu cơ, buôn lậu, làm hàng giả mà văn bản hiện hành chưa quy định cụ thể cơ quan có thẩm quyền xử lý; các vụ vi phạm nhỏ về kinh doanh trái phép...

Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp; Công báo số 6 ngày 30/3/1984, tr. 111 - 126

NGÀY 22 THÁNG 02 NĂM 1984

Bộ Tư pháp trình Hội đồng Bộ trưởng Dự thảo quyết định của Hội đồng Bộ trưởng về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức của Ban Tư pháp xã, phường, thị trấn

Thực hiện Nghị định số 143-HĐBT, nhiều Sở Tư pháp và Phòng Tư pháp huyện, quận đã xây dựng và củng cố tổ chức tư pháp ở xã thành Ban Tư pháp xã nhưng chức năng, nhiệm vụ chưa được xác định rõ ràng, nên trong công tác còn nhiều lúng túng.

Để khắc phục tình trạng trên, ngày 22/02/1989, Bộ Tư pháp trình Hội đồng Bộ trưởng Tờ trình số 249/PL và Dự thảo Quyết định của Hội đồng Bộ trưởng về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức của Ban Tư pháp xã, phường, thị trấn. Theo đó, Dự thảo xác định Ban Tư pháp xã có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

1. Tổ chức việc tuyên truyền, phổ biến và giáo dục pháp luật cho nhân dân và cán bộ. Đồng thời theo dõi việc thi hành pháp luật ở xã, phường.

2. Giúp UBND soạn thảo và hướng dẫn các tổ chức thuộc xã, phường soạn thảo nội quy, quy chế và theo dõi việc chấp hành các nội quy, quy chế đó.

3. Xây dựng và chỉ đạo hoạt động của các tổ hoà giải nhân dân.

4. Quản lý công tác hộ tịch.

Tổ chức Ban Tư pháp xã gồm: Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch (không kiêm Trưởng Công an xã) kiêm nhiệm Trưởng Ban tư pháp xã, 01 Phó ban chuyên trách, những nơi nhiều việc có thể có một thư ký chuyên trách giúp việc Ban Tư pháp.

Hồ sơ số 268 - Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

Bộ Tư pháp hướng dẫn việc tổ chức tuyên truyền Luật Bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân

Để chuẩn bị cho việc tiến hành bầu cử đại biểu HĐND cấp quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh và cấp xã, phường, thị trấn theo Luật Bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân được Quốc hội thông qua ngày 26/12/1983 cũng như xác định rõ trách nhiệm của các cơ quan tư pháp địa phương trong việc góp phần tích cực vào việc tuyên truyền Luật Bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân và bảo đảm pháp chế xã hội chủ nghĩa trong việc bầu cử, ngày 22/02/1984, Bộ Tư pháp có Công văn số 93-TTr gửi Sở Tư pháp các tỉnh và đặc khu hướng dẫn về việc tuyên truyền Luật Bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân và phục vụ công tác bầu cử.

Công văn nhấn mạnh: cần phải làm thật kỹ, thật sâu rộng, đều khắp việc tuyên truyền, giải thích Luật Bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân. Phải coi công tác tuyên truyền, giải thích Luật Bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân là một điều kiện trước tiên để thực hiện tốt Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân.

Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

THÁNG 02 NĂM 1984

Bộ trưởng Bộ Tư pháp Phan Hiền kiểm tra công tác tư pháp ở ba tỉnh miền núi vùng Tây Bắc: Sơn La, Lai Châu, Hoàng Liên Sơn

Ở mỗi địa phương, Bộ trưởng đã nghe Bí thư tỉnh uỷ, huyện uỷ, Chủ tịch UBND các tỉnh, huyện thông báo về tình hình kinh tế - xã hội, tình hình thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược, đấu tranh chống địch phá hoại, quản lý kinh tế, quản lý trật tự trị an, đấu tranh chống vi phạm pháp luật ở mỗi địa phương và biện pháp thực hiện các nhiệm vụ đó.

Bộ trưởng cũng dành nhiều thời gian làm việc với lãnh đạo các Sở Tư pháp

và Tòa án nhân dân tỉnh, nói chuyện với anh, chị, em cán bộ trong Ngành Tư pháp, Tòa án và một số ngành khác trong tỉnh, huyện.

Bên cạnh việc biểu dương tinh thần khắc phục khó khăn của cán bộ, nhân viên cố gắng công tác, phục vụ kịp thời các nhiệm vụ chính trị trong cả nước và địa phương, Bộ trưởng cũng chỉ đạo việc triển khai công tác tư pháp theo hướng tiếp tục quán triệt Nghị quyết Trung ương lần thứ 4, thứ 5, Nghị quyết số 03 của Bộ Chính trị và các chỉ thị của Hội đồng Bộ trưởng phù hợp với điều kiện của các tỉnh miền núi, vùng biên giới có nhiều dân tộc, làm cho công tác tư pháp, Tòa án phục vụ tốt nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của các tỉnh miền núi và góp phần đắc lực vào việc đấu tranh chống địch phá hoại.

Tập san Pháp chế số 2 - 3 năm 1984

NGÀY 12 THÁNG 3 NĂM 1984

Bộ Nội vụ, Bộ Ngoại giao, Bộ Tư pháp, Tòa án nhân dân tối cao và Viện kiểm sát nhân dân tối cao ban hành Thông tư liên bộ số 139-TT/LB về việc thi hành Hiệp định Tương trợ tư pháp và pháp lý về các vấn đề dân sự, gia đình và hình sự đã ký kết giữa nước ta với Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác

Tới thời điểm ngày 12/3/1984, Việt Nam đã ký Hiệp định Tương trợ tư pháp và pháp lý về các vấn đề dân sự, gia đình, lao động và hình sự với Liên bang Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Xô Viết (10/12/1981), Cộng hoà dân chủ Đức (15/12/1980) và Liên bang Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Tiệp Khắc (12/10/1982).

Để thực hiện sự hợp tác và tương trợ theo chủ trương mà Nhà nước ta đã ký kết, việc phân công, phối hợp giữa các ngành và việc hướng dẫn, tổ chức thi hành Hiệp định trong mỗi ngành có trách nhiệm là rất cần thiết.

Thông tư này hướng dẫn một số điểm về nhiệm vụ cần thực hiện của mỗi ngành. Theo đó, Bộ Tư pháp có nhiệm vụ:

1. Thực hiện trao đổi các uỷ thác điều tra xác minh về dân sự, lao động, hôn nhân và gia đình.
2. Thực hiện trao đổi pháp luật hiện hành của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam với các nước ký kết, theo quy định trong các Hiệp định Tương trợ tư pháp và pháp lý.
3. Giới thiệu nội dung và giải thích chính thức các nguyên tắc cơ bản, theo tinh thần của Hiệp định tương trợ tư pháp và pháp lý khi có yêu cầu của cơ quan, các tổ chức xã hội trong nước.

4. Nghiên cứu, đề nghị bổ sung và hoàn thiện pháp luật Việt Nam để tạo điều kiện thực hiện các Hiệp định tương trợ tư pháp và pháp lý đã ký kết.

5. Hướng dẫn thực hiện các uỷ thác về thi hành án và quyết định do nước ký kết kia xét xử, các uỷ thác về công chứng...

Bộ Tư pháp có nhiệm vụ tổ chức các phiên họp định kỳ, để thông báo tình hình về trao đổi các vấn đề phối hợp giữa các ngành liên quan.

Công báo số 10 ngày 31/5/1984, tr. 193 - 195

NGÀY 19 ĐẾN NGÀY 24 THÁNG 3 NĂM 1984

Hội nghị tổng kết công tác tư pháp toàn quốc lần thứ III

Hội nghị được tổ chức tại thành phố Đà Nẵng nhằm đánh giá công tác tư pháp từ khi thành lập Ngành (1981), mà chủ yếu là năm 1983, bàn phương hướng nhiệm vụ năm 1984 và mức phấn đấu đến năm 1985.

Tham dự Hội nghị có Giám đốc các Sở Tư pháp, Chánh án Tòa án nhân dân của 40 tỉnh, thành phố, Vụ trưởng hoặc phụ trách pháp chế của 25 bộ, Ủy ban Nhà nước, Tổng cục. Tham dự Hội nghị còn có đại diện của Tòa án nhân dân tối cao, Ban Nội chính Trung ương, Ban Nội chính thành phố Hồ Chí Minh và UBND tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng.

Hội nghị đã được nghe Bộ trưởng Phan Hiền truyền đạt những chỉ thị quan trọng của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng và đọc thư của Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Phạm Hùng gửi Hội nghị.

Qua 4 ngày thảo luận và nghe 23 bản tham luận, Hội nghị nhất trí nhận định: Hai năm qua, nhất là năm 1983, toàn Ngành đã khắc phục nhiều khó khăn, phát huy tinh thần chủ động, sáng tạo cố gắng phục vụ kịp thời các nhiệm vụ chính trị của Đảng và Nhà nước, góp phần thực hiện phương hướng tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa.

Về phương hướng và nhiệm vụ năm 1984 và mức phấn đấu đến năm 1985, Hội nghị đã nghiên cứu quán triệt bốn mục tiêu được đề ra trong Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần III, năm biện pháp trong Nghị quyết hội nghị Trung ương lần IV và tám vấn đề then chốt trong Hội nghị Trung ương lần V và hoàn toàn nhất trí với dự kiến phương hướng nhiệm vụ mà Bộ đã đề ra, nhấn mạnh trong năm 1984 công tác của Ngành phải phục vụ kịp thời và có hiệu quả hơn nữa nhiệm vụ kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng trong cả nước và trong từng địa phương, phải chú trọng nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả trong các mặt công tác và hoạt động của toàn Ngành, phải hướng về cơ sở xã, phường, xí nghiệp, hợp tác xã.

Hội nghị cũng nhấn mạnh: việc phải nắm vững các quan điểm cơ bản của Đảng trong công tác là yếu tố quyết định thành công, đặc biệt là các quan điểm như Đảng lãnh đạo, nhân dân làm chủ, nhà nước quản lý; quan điểm làm chủ tập thể; nguyên tắc tập trung dân chủ trong quản lý nhà nước, tăng cường chế độ trách nhiệm và kỷ luật.

Hồ sơ số 224 - Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 23 THÁNG 4 NĂM 1984

Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Toà án nhân dân tối cao, Bộ Nội vụ, Bộ Tư pháp và Bộ Tài chính ban hành Thông tư liên bộ số 03/TT-LB quy định chế độ thu giữ, bảo quản, xử lý vật chứng và tài sản tạm giữ trong các vụ án hình sự

Do chưa có quy định chặt chẽ và thống nhất về chế độ thu giữ, bảo quản, xử lý vật chứng và tài sản tạm giữ trong các vụ án hình sự, nên trong thời gian này ở nhiều nơi việc thu giữ, bảo quản, xử lý vật chứng và tài sản tạm thời có những hiện tượng vi phạm pháp luật, không những gây trở ngại cho hoạt động tố tụng, xâm phạm trái phép tài sản của công dân mà còn phát sinh hiện tượng tiêu cực trong một số cán bộ các cơ quan Công an, Viện kiểm sát và Toà án.

Vì vậy, trong khi chờ đợi xây dựng Bộ luật Tố tụng hình sự, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Toà án nhân dân tối cao, Bộ Nội vụ, Bộ Tư pháp và Bộ Tài chính ban hành Thông tư liên bộ quy định chế độ thu giữ, bảo quản, xử lý vật chứng và tài sản tạm giữ trong các vụ án hình sự. Theo đó, quy định cụ thể về các vấn đề: Thu giữ vật chứng và kê biên, tạm giữ tài sản; Bảo quản vật chứng sau tạm giữ; Xử lý vật chứng và tài sản kê biên, tạm giữ và vấn đề kỷ luật đối với những cá nhân vi phạm trong quá trình thu giữ, bảo quản, xử lý vật chứng và tài sản tạm giữ trong các vụ án hình sự.

<http://vbqppl.moj.gov.vn/law/>

NGÀY 02 THÁNG 5 NĂM 1984

Bộ Tư pháp ban hành Thông tư số 210/PLKT về việc tăng cường quản lý xây dựng pháp quy ở các tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc Trung ương

Để góp phần giúp các Sở Tư pháp thực hiện tốt công tác quản lý xây dựng pháp quy ở địa phương, Bộ Tư pháp hướng dẫn một số vấn đề về việc xác định nội dung, nhiệm vụ quản lý xây dựng pháp quy như: việc lập chương trình dự thảo pháp quy của tỉnh; phạm vi trực tiếp dự thảo văn bản; phạm vi xem xét các dự thảo văn bản của các ngành trình HĐND hoặc UBND; phạm vi xem xét tính phù hợp với pháp

chế của các văn bản đã ban hành; việc theo dõi thi hành pháp luật mà phát hiện vấn đề, kiến nghị với Trung ương và với chính quyền địa phương sửa đổi, bổ sung văn bản hiện hành hoặc ra văn bản mới; hướng dẫn nghiệp vụ công tác xây dựng văn bản cho các phòng tư pháp huyện và cho các sở khác trong tỉnh.

Thông tư cũng quy định những vấn đề cần chú ý khi nghiên cứu, phát hiện vấn đề, góp ý kiến về các văn bản và một số biện pháp cần thực hiện để đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ.

Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 07 THÁNG 5 NĂM 1984

Bộ trưởng Bộ Tư pháp ra Chỉ thị số 241/ĐT về công tác bồi dưỡng và đào tạo cán bộ pháp lý ở địa phương năm 1984

Để thực hiện phương hướng, nhiệm vụ công tác đào tạo và bồi dưỡng cán bộ pháp lý, trong năm 1984, ngoài các khoá đào tạo chính quy của các trường đại học và trung học pháp lý, Bộ ra Chỉ thị về việc mở một số lớp bồi dưỡng và đào tạo cán bộ pháp lý ở địa phương, theo đó yêu cầu các Sở Tư pháp:

- Xây dựng quy hoạch cán bộ pháp lý và trên cơ sở quy hoạch này xác định kế hoạch đào tạo và bồi dưỡng cán bộ pháp lý những năm 1984 - 1985 và đến năm 1990 cho địa phương mình.

- Đặt kế hoạch mở các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ năm 1984, theo chương trình và nội dung đổi mới do Bộ hướng dẫn phối hợp với từng loại chức danh nghiệp vụ như thẩm phán, chấp hành viên, thư ký toà án, cán sự pháp lý...

- Xây dựng một đội ngũ giáo viên pháp lý kiêm chức. Đưa công tác quản lý đội ngũ giáo viên này vào nề nếp, có chế độ đãi ngộ rõ ràng...

- Tổ chức các lớp huấn luyện nghiệp vụ cho những thẩm phán và hội thẩm nhân dân mới ngay sau khi được bầu.

- Có kế hoạch bồi dưỡng văn hoá, chính trị cho đội ngũ cán bộ pháp lý địa phương, chuẩn bị cho nguồn tuyển sinh đại học pháp lý chuyên tu và tại chức.

Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 10 THÁNG 5 NĂM 1984

Bộ trưởng Bộ Tư pháp ra Chỉ thị số 251/ĐT về một số công tác cấp bách của các trường pháp lý trong năm 1984

Để đáp ứng yêu cầu đổi mới trong công tác đào tạo và bồi dưỡng cán bộ, Chỉ

thì yêu cầu trong năm 1984 các trường pháp lý phải đẩy mạnh toàn diện các mặt hoạt động của trường như:

- Khẩn trương tiến hành công tác tổng kết các khóa đào tạo và bồi dưỡng ở các hệ đại học và trung học. Trên cơ sở tổng kết này nghiên cứu đổi mới chương trình, nội dung đào tạo và bồi dưỡng ở các hệ đại học, trung học với các hình thức đào tạo và dài hạn, chuyên tu, tại chức theo hướng chuyên sâu theo các chức danh nghiệp vụ.

- Bổ sung đủ số lượng giáo viên và có kế hoạch bồi dưỡng nâng cao trình độ nghiệp vụ cho đội ngũ giáo viên.

- Thường xuyên chăm lo đẩy mạnh các mặt hoạt động nhất là khâu giáo vụ, quản lý học sinh, tổ chức phục vụ tốt đời sống cho cán bộ và học sinh theo đúng chế độ quy định.

- Đẩy mạnh mọi mặt hoạt động và phát huy tác dụng của tổ chức Đảng, tổ chức đoàn và các tổ chức xã hội khác, thực sự phát huy quyền làm chủ tập thể của cán bộ giáo viên và học sinh, góp phần thực hiện thắng lợi mọi nhiệm vụ của trường.

- Đẩy mạnh việc củng cố và xây dựng cơ sở vật chất phục vụ tốt việc giảng dạy, học tập và sinh hoạt, khắc phục tình trạng thiếu giảng đường, lớp học và chỗ ở.

Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 29 THÁNG 5 NĂM 1984

Bộ trưởng Bộ Tư pháp ra Chỉ thị số 280/TH về công tác của Ngành Tư pháp trong việc theo dõi tình hình tôn trọng và vi phạm pháp luật

Chỉ thị nêu rõ: để làm tốt nhiệm vụ của mình đối với Hội đồng Bộ trưởng và Ủy ban các cấp, Ngành Tư pháp cần theo dõi tình hình tôn trọng và vi phạm pháp luật, rút ra những nhận xét, tìm nguyên nhân để kiến nghị với Hội đồng Bộ trưởng những biện pháp cần thiết nhằm ngăn ngừa và chống vi phạm pháp luật. Đồng thời Ngành Tư pháp có làm tốt việc này thì mới triển khai tốt những mặt công tác của Ngành, theo chức năng được trao như: xây dựng pháp luật, tuyên truyền, giáo dục pháp luật, đào tạo và bồi dưỡng cán bộ pháp lý, quản lý toà án địa phương về tổ chức, quản lý các công tác tư pháp khác...

Chỉ thị cũng nhấn mạnh: theo dõi tình hình tôn trọng và vi phạm pháp luật là một công tác phức tạp, đòi hỏi cán bộ phải có trình độ chính trị, pháp lý, kinh tế, văn hoá, có kinh nghiệm và phương pháp làm việc tốt. Trong tình hình hiện nay,

kinh nghiệm còn thiếu, đội ngũ cán bộ còn mỏng, phương tiện thông tin còn thiếu và ở bước mới bắt đầu, vì vậy cần phải tiến hành từng bước vững chắc, vừa làm vừa rút kinh nghiệm.

Cũng trong Chỉ thị này, Bộ Tư pháp đưa ra một số điểm gợi ý để các Sở Tư pháp, Vụ Pháp chế nghiên cứu, quán triệt ý nghĩa nội dung công tác và vạch kế hoạch tổ chức thực hiện tốt - phù hợp với điều kiện và khả năng.

Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 09 ĐẾN NGÀY 13 THÁNG 8 NĂM 1984

Bộ Tư pháp tổ chức nghiên cứu Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ VI

Thực hiện Chỉ thị của Ban Bí thư và Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng, Bộ Tư pháp tổ chức nghiên cứu Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ VI trong cán bộ chủ chốt của Bộ gồm các Vụ trưởng, Vụ phó, Hiệu trưởng, Hiệu phó Trường Đại học pháp lý, Trường, Phó phòng nghiệp vụ của Bộ, Trường, Phó khoa của trường và các cán bộ nghiên cứu, giảng dạy về pháp luật kinh tế.

Các cán bộ tham gia nghiên cứu đều nhất trí với Nghị quyết, thống nhất về sự cần thiết phải có chuyển biến mạnh mẽ trong công tác pháp chế phục vụ quản lý kinh tế, đồng thời cũng nhận thấy phải nhanh chóng nâng cao hiểu biết về kinh tế và quản lý kinh tế, một điểm còn yếu trong đội ngũ cán bộ tư pháp, nhất là trong cán bộ thẩm phán, cán bộ giảng dạy pháp lý và cán bộ biên tập pháp luật.

Ngày 27/8/1984, Bộ Tư pháp có Công văn số 518/TH báo cáo Ban Bí thư về việc tổ chức nghiên cứu Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ VI trong cán bộ chủ chốt của Bộ.

Tư liệu lưu trữ Văn phòng Trung ương Đảng

NGÀY 06 ĐẾN NGÀY 18 THÁNG 9 NĂM 1984

Bộ Tư pháp tổ chức Hội nghị tập huấn Nghị quyết Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ VI khoá V

Hội nghị được tổ chức nhằm quán triệt tinh thần Nghị quyết Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ VI khoá V trong công tác tư pháp, trong đường lối xét xử, đồng thời đề ra chương trình hành động của Ngành Tư pháp theo tinh thần Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ VI.

Tham dự Hội nghị có 41 Giám đốc, Phó Giám đốc Sở Tư pháp; Chánh án, Phó Chánh án của 19 tỉnh, thành phố phía Bắc và một số Thẩm phán Tòa án nhân dân tỉnh của các tỉnh này được cử đi tăng cường cho thành phố Hồ Chí Minh.

Bộ trưởng Bộ Tư pháp Phan Hiền đã đến dự và phát biểu tại Hội nghị.

Tập san Pháp chế số 5 năm 1984

THÁNG 9, 10 NĂM 1984

Bộ trưởng Bộ Tư pháp Phan Hiền và Thứ trưởng Nguyễn Thị Chơn làm việc với các tỉnh phía Nam

Bộ trưởng Bộ Tư pháp Phan Hiền và Thứ trưởng Nguyễn Thị Chơn đã đến thăm và làm việc với các tỉnh Tây Ninh, Sông Bé, Đồng Nai, thành phố Hồ Chí Minh, tỉnh An Giang và Kiên Giang.

Trong thời gian công tác ở các tỉnh, Bộ trưởng Phan Hiền và Thứ trưởng Nguyễn Thị Chơn đã làm việc với lãnh đạo các Sở Tư pháp, Tòa án nhân dân tỉnh, nghe báo cáo tình hình hoạt động tư pháp, công tác tổ chức của Tòa án địa phương.

Tại tỉnh Kiên Giang, Bộ trưởng đã đến dự Hội nghị Ngành Tư pháp tỉnh lần thứ nhất.

Tập san Pháp chế số 6 năm 1984

NGÀY 20 ĐẾN NGÀY 23 THÁNG 11 NĂM 1984

Đoàn đại biểu Bộ Tư pháp tham dự Hội nghị Bộ trưởng Tư pháp các nước xã hội chủ nghĩa thứ VIII

Hội nghị được tổ chức tại Thủ đô La Habana (Cu-ba). Tham gia Hội nghị có các đoàn đại biểu của các nước: Ăng-gô-la, Ăp-ga-ni-xtan, Hung-ga-ri, Việt Nam, Đức, Y-ê-men, Cam-pu-chia, Cu-ba, Lào, Ba Lan, Xô Viết, Tiệp Khắc, Ê-ti-ô-pi-a. Đoàn đại biểu của nước Cộng hoà Ni-ca-ra-go-a tham dự với tư cách là khách mời của Hội nghị.

Tại Hội nghị, các đoàn đại biểu tham dự đã trao đổi về các vấn đề liên quan đến chính sách pháp luật, vai trò của pháp luật trong xây dựng kinh tế cũng như vấn đề đào tạo và phát triển đội ngũ cán bộ pháp lý.

Hội nghị nhất trí cho rằng ý nghĩa và tầm quan trọng của các thành tích đạt được trong các lĩnh vực hoạt động pháp luật khẳng định sự cần thiết phải tiếp tục và củng cố, phát huy các hoạt động đó trên cơ sở trao đổi kinh nghiệm giữa các nước tham gia hội nghị.

Các Bộ trưởng Tư pháp đã thoả thuận soạn thảo các văn bản riêng biệt về các vấn đề hoà bình và giải trừ quân bị cũng như soạn thảo các văn bản đòi tôn trọng chủ quyền và độc lập của Ni-ca-ra-goa trước sự đe doạ và âm mưu của chủ nghĩa đế quốc Mỹ và bọn tiếp tay cho chủ nghĩa đế quốc Mỹ.

Hội nghị kết thúc bằng việc thông qua 03 văn kiện:

- Thông cáo cuối cùng.
- Lời kêu gọi vì hoà bình và giải trừ quân bị.
- Tuyên bố về Ni-ca-ra-goa.

Tập san Pháp chế số 6 năm 1984

NGÀY 29 THÁNG 11 NĂM 1984

Bộ trưởng Bộ Tư pháp ra Quyết định số 269/QĐ-TC đổi tên Phòng Hợp tác quốc tế thành Phòng Giao dịch đối ngoại thuộc Văn phòng Bộ

Theo đó, Phòng Giao dịch đối ngoại có nhiệm vụ giúp Bộ trưởng chuẩn bị mọi việc về giao dịch đối ngoại và mọi công việc về lễ tân khi có đoàn quốc tế vào và đoàn của Bộ đi nước ngoài trong phạm vi công tác của Bộ. Phòng Giao dịch đối ngoại luôn luôn có quan hệ chặt chẽ với Phòng Pháp luật quốc tế và Hợp tác quốc tế trong phạm vi công tác có mối quan hệ đến mỗi phòng.

Phòng Giao dịch đối ngoại có Trưởng phòng, Phó trưởng phòng và một số cán bộ cần thiết.

Hồ sơ số 321 - Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NĂM 1985

NGÀY 03 THÁNG 01 NĂM 1985

Hội nghị tổng kết công tác tư pháp toàn quốc lần thứ IV

Hội nghị được tổ chức nhằm tổng kết công tác năm 1984 và xây dựng phương hướng, kế hoạch công tác năm 1985. Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Phạm Hùng - Ủy viên Bộ Chính trị, đã gửi thư đến Hội nghị. Trong thư, Phó Chủ tịch đánh giá: những năm qua, các mặt công tác về xây dựng pháp luật, tuyên truyền và giáo dục pháp luật, đào tạo bồi dưỡng cán bộ, quản lý hệ thống và xây dựng các toà án địa phương cũng như về hoạt động hợp tác quốc tế, Ngành Tư pháp đã có những tiến bộ và góp phần tích cực phục vụ nhiệm vụ kinh tế - xã hội, quốc phòng an ninh, nhiều địa phương và tổ chức pháp chế của các ngành hoạt động tích cực sáng tạo, nên đã đem lại những kết quả đáng phấn khởi, một số vụ xét xử bọn gián điệp, tham ô, đầu cơ buôn lậu đã có ảnh hưởng tốt. Thay mặt Bộ Chính trị và Hội đồng Bộ trưởng, Phó Chủ tịch nhiệt liệt biểu dương những cố gắng, những thành tích và tiến bộ của toàn Ngành đạt được trong thời gian qua cũng như đưa ra một số ý kiến chỉ đạo cụ thể đối với việc chuẩn bị cho kế hoạch 5 năm 1986 - 1990 của Ngành.

Tại Hội nghị, bên cạnh việc chỉ rõ những thiếu sót và nhược điểm trong việc thi hành pháp luật ở thành phố Hồ Chí Minh, Bí thư thành uỷ thành phố Hồ Chí Minh Nguyễn Văn Linh, Ủy viên Trung ương Đảng đã nhấn mạnh: để đẩy mạnh hoạt động tư pháp và tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa trước mắt chúng ta cần:

- Sớm thể chế hoá các chủ trương, Nghị quyết của Đảng trên mọi lĩnh vực, đặc biệt trên lĩnh vực kinh tế. Bộ Tư pháp nên chú ý đóng góp vào việc thể chế hoá những nghị quyết quan trọng gần đây về kinh tế của Trung ương như Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 6, 7... bằng cách ban hành, bổ sung, sửa đổi những chính sách, chế độ, thể lệ không còn phù hợp với chủ trương của Đảng và tình hình thực tế đang đòi hỏi cấp bách.

- Nhanh chóng xây dựng bộ máy tư pháp các cấp, nhất là ở phường, xã, ở các công ty, xí nghiệp; chú trọng việc đào tạo, bồi dưỡng chính trị, nghiệp vụ cho cán bộ tư pháp, bảo đảm phát huy tác dụng, nòng cốt trong việc thực hiện pháp luật. Đồng thời cần tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thi hành pháp luật.

- Bộ máy tư pháp và các ngành nội chính nói chung cần được kiện toàn, bảo đảm thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình, phát hiện và xử lý nghiêm minh, ngăn chặn kịp thời các hành động vi phạm pháp luật.

- Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật một cách sâu rộng, bằng mọi hình thức để đưa pháp luật vào quần chúng, nhất là trong đảng viên, cán bộ; xây dựng và không ngừng nâng cao ý thức nghiêm chỉnh chấp hành luật pháp xã hội chủ nghĩa trong mỗi người; rèn luyện thói quen suy nghĩ lao động, sinh hoạt theo pháp luật.

Hồ sơ số 352 - Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 30 THÁNG 01 NĂM 1985

Ban Bí thư Trung ương Đảng ra Chỉ thị số 57-CT/TW về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với các ngành Kiểm sát, Tòa án, Tư pháp

Để phát huy chức năng, nhiệm vụ của các ngành Kiểm sát, Tòa án, Tư pháp nhằm tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa, Chỉ thị yêu cầu các cấp ủy Đảng cần tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với lĩnh vực công tác này, trước mắt cần làm tốt các việc sau:

1. Thường xuyên giáo dục, bồi dưỡng cho cán bộ của ba ngành Kiểm sát, Tòa án, Tư pháp về đường lối, chủ trương, chính sách đấu tranh chống phản cách mạng, đấu tranh giữa hai con đường, tăng cường quản lý kinh tế, quản lý xã hội;

2. Coi trọng củng cố, kiện toàn tổ chức các ngành Kiểm sát, Tòa án, Tư pháp;

3. Cấp ủy Đảng thường xuyên kiểm tra, đôn đốc các ngành thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ, chỉ đạo sự phối hợp công tác giữa các ngành, nhằm thực hiện tốt các nhiệm vụ chính trị của địa phương và chấp hành nghiêm pháp luật. Cấp ủy cần lãnh đạo chặt chẽ việc vận dụng đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước đối với những vụ án mà bị cáo là cán bộ thuộc cấp ủy quản lý và những vụ án có thể xử đến mức án tù chung thân hoặc mức án tối đa.

4. Để bảo đảm sự lãnh đạo thường xuyên của cấp ủy Đảng và chính quyền các cấp tỉnh thành, quận huyện, cần bố trí cấp ủy viên làm Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân, Chánh án Tòa án nhân dân địa phương, nên phân công một cán bộ ủy viên UBND làm Giám đốc Sở Tư pháp, Trưởng phòng Tư pháp địa phương.

Hồ sơ số 330 - Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 16 THÁNG 02 NĂM 1985

Bộ trưởng Bộ Tư pháp ra Chỉ thị số 78/ĐT về công tác bồi dưỡng và đào tạo cán bộ pháp lý ở địa phương năm 1985

Thực hiện Chỉ thị số 241/ĐT ngày 07/5/1984 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về công tác đào tạo và bồi dưỡng cán bộ pháp lý ở địa phương, trong năm 1984 đa số các Sở Tư pháp đã quán triệt sâu sắc vai trò then chốt của công tác đào tạo và bồi dưỡng cán bộ pháp lý trong toàn bộ hoạt động của Ngành, khắc phục khó khăn đưa công tác này đi dần vào nề nếp và đúng hướng chỉ đạo của Bộ. Nhưng bên cạnh đó còn một số địa phương chưa xây dựng được quy hoạch, kế hoạch đào tạo và bồi dưỡng, công tác đào tạo và bồi dưỡng chưa đi vào chiều sâu và nội dung bồi dưỡng chưa thiết thực, số cán bộ được bồi dưỡng và đào tạo chưa nhiều.

Yêu cầu cấp bách này đòi hỏi phải đẩy mạnh hơn nữa công tác đào tạo và bồi dưỡng cán bộ pháp lý ở các cấp, nhất là ở địa phương. Để thực hiện yêu cầu nhiệm vụ trên, Bộ trưởng Bộ Tư pháp ra Chỉ thị số 78/ĐT về công tác bồi dưỡng và đào tạo cán bộ pháp lý ở địa phương năm 1985. Theo đó, Bộ đưa ra kế hoạch tổ chức một số lớp bồi dưỡng của Bộ trong năm 1985 và yêu cầu các Sở Tư pháp tiếp tục hoàn chỉnh quy hoạch cán bộ, quy hoạch đào tạo và bồi dưỡng cán bộ pháp lý của địa phương, trong đó chú trọng bồi dưỡng cán bộ các toà án, cơ quan tư pháp và tổ chức pháp chế Ngành; tổ chức các lớp huấn luyện cấp tốc cho tất cả cán bộ mới vào Ngành chưa được học tập nghiệp vụ như: thẩm phán, chấp hành viên, thư ký toà án, hội thẩm nhân dân, tư pháp xã...; xây dựng và quản lý tốt đội ngũ giáo viên pháp lý kiêm chức của tỉnh, tạo điều kiện để đội ngũ giáo viên này nâng cao trình độ nghiệp vụ và yêu cầu Sở Tư pháp các tỉnh miền núi phối hợp theo cụm tỉnh mở các lớp vừa bồi dưỡng văn hoá vừa bồi dưỡng nghiệp vụ cho cán bộ địa phương nhất là với cán bộ các dân tộc ít người, vùng cao.

Hồ sơ số 516 - Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

Bộ trưởng Bộ Tư pháp ra Chỉ thị số 80/ĐT về một số công tác nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy và học trong đào tạo và bồi dưỡng cán bộ của các trường pháp lý năm 1985

Năm học 1984 hoạt động của các trường pháp lý tuy đã có một số mặt chuyển biến tích cực nhưng vẫn còn một số tồn tại như trong Báo cáo tổng kết công tác tư pháp năm 1984 của Bộ đã chỉ rõ “*về đào tạo dài hạn, tuy số lượng được nhiều nhưng chất lượng còn thấp, việc đổi mới chương trình, giáo trình còn chậm*”.

Vì vậy, Chỉ thị yêu cầu: trong năm 1985, các trường pháp lý phải khẩn trương khắc phục những tồn tại, hoàn thành việc đổi mới chương trình, giáo trình, cải tiến

phương pháp giảng dạy và học tập, kiện toàn bộ máy... nhằm thực hiện thắng lợi kế hoạch đào tạo và bồi dưỡng cán bộ pháp lý những năm 1983-1985 với chất lượng và hiệu quả cao, đồng thời tạo tiền đề cho việc thực hiện kế hoạch đào tạo và bồi dưỡng cán bộ pháp lý theo kế hoạch 5 năm tới 1986 - 1990, đồng thời Chỉ thị cũng yêu cầu các trường pháp lý cần thực hiện tốt một số công tác cụ thể để đáp ứng yêu cầu này.

Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 04 THÁNG 3 NĂM 1985

Họp lãnh đạo 4 ngành Nội vụ, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao và Bộ Tư pháp

Mục đích của cuộc họp là kiểm điểm việc thực hiện các công tác phối hợp giữa 4 ngành năm 1984 và bàn phương hướng, chương trình phối hợp năm 1985. Tham dự cuộc họp có ông Trần Lê - Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao; ông Nguyễn Quốc Hồng - Phó Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao; ông Trần Quyết - Thứ trưởng Bộ Nội vụ; bà Lê Thị Phương Hằng, Phó Chánh án Tòa án nhân dân tối cao; ông Phùng Văn Tửu, Thứ trưởng Bộ Tư pháp và đại diện của Văn phòng Trung ương Đảng, Văn phòng Hội đồng Nhà nước, Văn phòng Hội đồng Bộ trưởng, Ban Nội chính Trung ương cùng một số cán bộ của 4 ngành.

Tại cuộc họp, các đại biểu đã trao đổi, thảo luận và kiểm điểm việc thực hiện các công tác phối hợp giữa 4 ngành năm 1984 và bàn phương hướng, chương trình phối hợp năm 1985, nghe báo cáo kết quả công tác tự kiểm tra liên ngành ở địa phương về công tác làm án và phương hướng chỉ đạo tiếp công tác này năm 1985. Các đại biểu tham dự cuộc họp cũng đã cho ý kiến đối với Dự thảo Thông tư liên ngành về giải quyết án trọng điểm và Dự thảo Nghị định về giám định tư pháp của Hội đồng Bộ trưởng.

Kết luận tại cuộc họp, ông Trần Lê - Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao đã nhận định: Công tác phối hợp giữa 4 ngành Nội Vụ, Tư pháp, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Tòa án nhân dân tối cao trong thời gian qua đã có nhiều mặt tốt, nhờ đó giải quyết được một số việc, nhất là trong làm án. Tuy nhiên, trong công tác phối hợp còn một số việc chưa có sự nhất trí giữa 4 ngành nên chưa làm được. Ông cũng khẳng định: có phối hợp mới làm được mạnh và mới giữ nghiêm pháp luật được và đề nghị cần đẩy mạnh phối hợp trong phòng ngừa, tuyên truyền giáo dục pháp luật nhất là với thanh niên, công đoàn và một số ngành quản lý kinh tế.

Hồ sơ 17694, Phòng PTT - Trung tâm LTQG III

NGÀY 26 THÁNG 3 NĂM 1985

Hội đồng Nhà nước ra Nghị quyết số 615 NQ/HĐNN7 phê chuẩn Hiệp định Tương trợ tư pháp về các vấn đề dân sự, gia đình, lao động và hình sự giữa Việt Nam với Cu-ba

Ngày 10/8/1984, Bộ Tư pháp trình Hội đồng Bộ trưởng Tờ trình số 469-TH về việc xin uỷ nhiệm ký Hiệp định Tương trợ tư pháp với Cu-ba.

Ngày 30/11/1984, được sự uỷ quyền của Chủ tịch Hội đồng Nhà nước, tại La Habana (Cu-ba) Bộ trưởng Bộ Tư pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Bộ trưởng Bộ Tư pháp nước Cộng hòa nhân dân Cu-ba đã ký Hiệp định tương trợ tư pháp về các vấn đề dân sự, gia đình, lao động và hình sự giữa hai nước.

Ngày 26/3/1985, Hội đồng Nhà nước ra Nghị quyết số 615 NQ/HĐNN7 phê chuẩn Hiệp định Tương trợ tư pháp về các vấn đề dân sự, gia đình, lao động và hình sự giữa nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và nước Cộng hòa nhân dân Cu-ba.

Hiệp định gồm 79 điều chia làm 3 phần:

Phần I. Điều khoản chung.

Phần II. Tương trợ tư pháp về các vấn đề luật dân sự, gia đình và lao động. Phần này được chia làm 5 chương gồm các nội dung: quy chế nhân thân; luật gia đình; thừa kế; về tố tụng dân sự; công nhận và thi hành các quyết định.

Phần III. Luật Hình sự. Phần này được chia ra làm 4 chương với các nội dung: dẫn độ; những vấn đề khác về hình sự; trao đổi thông tin về hình sự; và điều khoản cuối cùng.

Hồ sơ số 311 - Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

Hội đồng Nhà nước ra Nghị quyết số 616 NQ/HĐNN7 phê chuẩn Hiệp định Tương trợ tư pháp giữa Việt Nam với Hung-ga-ri

Ngày 05/10/1984, Bộ Tư pháp trình Hội đồng Bộ trưởng Tờ trình số 626-TH về việc xin cho phép ký Hiệp định tương trợ tư pháp với Hung-ga-ri.

Ngày 18/01/1985, được sự uỷ quyền của Chủ tịch Hội đồng Nhà nước, Bộ trưởng Bộ Tư pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Bộ trưởng Bộ Tư pháp nước Cộng hòa nhân dân Hung-ga-ri đã ký Hiệp định Tương trợ tư pháp về các vấn đề dân sự, gia đình và hình sự giữa hai nước.

Ngày 26/3/1985, Hội đồng Nhà nước ra Nghị quyết số 616 NQ/HĐNN7 phê chuẩn Hiệp định Tương trợ tư pháp về các vấn đề dân sự, gia đình và hình sự giữa nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và nước Cộng hòa nhân dân Hung-ga-ri.

Hiệp định gồm 98 điều chia làm 4 phần:

Phần I. Điều khoản chung.

Phần II. Tương trợ tư pháp trong lĩnh vực dân sự và gia đình. Phần này được chia làm 5 chương gồm các nội dung: quy định về thủ tục tố tụng; quyền nhân thân; luật gia đình; về thừa kế; công nhận và thi hành các quyết định.

Phần III. Tương trợ tư pháp về Hình sự. Phần này được chia ra làm 4 chương với các nội dung: dẫn độ; chuyển giao việc truy tố hình sự; chuyển giao việc thi hành hình phạt tước tự do; các hình thức tương trợ khác về hình sự.

Phần IV. Quy định cuối cùng.

Hồ sơ số 401 - Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

THÁNG 3 - 4 NĂM 1985

Bàn giao công tác Tập san pháp chế xã hội chủ nghĩa từ Vụ Tuyên truyền sang Vụ Tổng hợp

Thực hiện Quyết định số 33 QĐ/TC của Bộ về chuyển giao công tác Tập san pháp chế xã hội chủ nghĩa, trong tháng 3 năm 1985, Vụ Tổng hợp, Vụ Tuyên truyền và Vụ Tổ chức cán bộ đã bàn bạc các vấn đề cụ thể và hoàn thành về cơ bản việc bàn giao công tác tập san trong tháng 4 năm 1985.

Từ tháng 5 năm 1985, Vụ Tổng hợp, Bộ Tư pháp chịu trách nhiệm về công tác tập san.

Báo cáo về công tác tập san - Hồ sơ số 356, Hộp số 22 - Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 31 THÁNG 5 NĂM 1985

Toà án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Nội vụ và Bộ Tư pháp ban hành Thông tư liên ngành số 01/TTLN về công tác điều tra, truy tố và xét xử theo thủ tục rút gọn

Một trong những nhược điểm của các cơ quan Công an, Kiểm sát và Tòa án trong thời gian này là việc xử lý các vụ án còn chậm, đại đa số các việc phạm pháp quả tang đều do các Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh xét xử. Vì vậy, để cho việc thực hiện thủ tục rút gọn ở các địa phương được nghiêm chỉnh, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Nội vụ và Bộ Tư pháp đã thống nhất tổng hợp các thông tư, chỉ thị của mỗi ngành thành một thông tư liên ngành, có sửa đổi những điểm không hợp lý và xây dựng trình tự về công tác điều tra, truy tố và xét xử theo thủ tục rút gọn phù hợp với

thẩm quyền mới của các Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh. Theo đó những loại việc được xử lý theo thủ tục rút gọn phải có đủ 3 điều kiện sau: những tội phạm thuộc thẩm quyền xét xử của các Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh mà hình phạt do luật định là từ 5 năm tù trở xuống; tội phạm phải là việc phạm pháp, quả tang, đơn giản, rõ ràng; bị cáo phải có căn cước rõ ràng.

Thông tư cũng quy định thủ tục điều tra, truy tố và xét xử theo thủ tục rút gọn, trong đó xác định: Thủ tục rút gọn khác với thủ tục thường ở chỗ tài liệu điều tra chủ yếu là biên bản phạm pháp quả tang. Công an không phải làm bản kết luận điều tra mà chuyển ngay hồ sơ cho Viện kiểm sát nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân không cần phải làm cáo trạng và Tòa án không cần phải làm quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Hồ sơ số 365 - Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 05 THÁNG 6 NĂM 1985

Ban Nội chính ra Hướng dẫn số 52-HD/NC-TW về việc tổ chức thực hiện Chỉ thị số 57 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với các ngành Kiểm sát, Tòa án, Tư pháp

Để tăng cường sự lãnh đạo của Đảng một cách toàn diện, Chỉ thị 57 của Ban Bí thư đề cập đến việc quan tâm củng cố cơ sở Đảng ở các ngành. Theo đó Chỉ thị yêu cầu ở cấp ủy cần có 1 cấp ủy viên phụ trách ngành Kiểm sát, Tòa án, Tư pháp. Các cấp ủy cần quan tâm tạo điều kiện và phương tiện cho 3 ngành hoạt động.

Để hướng dẫn các ngành Kiểm sát, Tòa án, Tư pháp trong việc xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện từng bước đồng bộ có trọng điểm Chỉ thị 57-CT/TW của Ban Bí thư, Ban Nội chính yêu cầu:

1. Thông qua cuộc họp toàn thể cấp ủy của địa phương để phổ biến Chỉ thị, nhấn mạnh tinh thần cơ bản của Ban Bí thư. Để nâng cao ý thức quan tâm đến việc tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa, củng cố 3 ngành Kiểm sát, Tòa án, Tư pháp kết hợp với việc phổ biến Chỉ thị để kiểm điểm những ưu điểm và tồn tại của cấp ủy địa phương trong việc lãnh đạo đối với 3 ngành này, phê phán những biểu hiện chỉ đạo cụ thể việc khởi tố, làm án, gây trở ngại cho cơ quan bảo vệ pháp luật, thực hành chức năng, nhiệm vụ; làm rõ trách nhiệm của mỗi cấp ủy trong phạm vi phân công phụ trách ngành, có nhiệm vụ đôn đốc chấp hành pháp chế, đề cao ý thức tôn trọng và giúp đỡ cho 3 ngành Kiểm sát, Tòa án, Tư pháp thực hiện chức năng, quyền hạn đã được quy định trong Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân, Luật Tổ chức Tòa án nhân dân và Nghị định số 143-HĐBT ngày 22/11/1981 của Hội đồng Bộ trưởng quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức Bộ Tư pháp.

- Thường vụ các cấp ủy cần tổ chức nghiên cứu tập thể Chỉ thị này và trên cơ sở kiểm điểm sâu sắc tình trạng pháp chế ở địa phương, tổ chức và hoạt động của 3 ngành này để thông qua kế hoạch thực hiện Chỉ thị.

- Cần tổ chức phổ biến Chỉ thị này cho thủ trưởng các ngành, ban trong tỉnh, huyện, quận, thị xã để nâng cao ý thức tôn trọng pháp chế và góp phần củng cố 3 ngành.

2. Khẩn trương kiện toàn tổ chức và cán bộ của 3 ngành Kiểm sát, Tòa án, Tư pháp.

Tư liệu lưu trữ Văn phòng Trung ương Đảng

NGÀY 17 THÁNG 6 NĂM 1985

Hội đồng Bộ trưởng ban hành Nghị định số 178-HĐBT về tổ chức pháp chế ở các ngành, các đơn vị sản xuất, kinh doanh thuộc khu vực nhà nước

Để bảo đảm thi hành pháp luật một cách rộng khắp, cần thiết phải có hệ thống tổ chức công tác pháp lý trong nền kinh tế quốc dân và trong xã hội. Tuy nhiên, trong thời gian này, tổ chức các bộ phận và đội ngũ cán bộ pháp lý ở các ngành và các đơn vị cơ sở không thành hệ thống. Các mối quan hệ chỉ đạo, phối hợp giữa thủ trưởng với cán bộ pháp lý trực thuộc Ngành, giữa cán bộ hoặc bộ phận pháp lý ở cấp dưới với cán bộ hoặc bộ phận pháp lý ở cấp trên không rõ ràng, không tạo ra mạng lưới chặt chẽ cán bộ pháp lý trong nền kinh tế quốc dân và trong xã hội, có ảnh hưởng không hay đến việc bảo đảm thi hành pháp luật và tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa từ cấp trên đến cơ sở.

Xuất phát từ thực trạng này và để thực hiện nhiệm vụ tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa do Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ V và Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 6 đề ra. Sau khi bàn bạc nhất trí với Ban tổ chức của Chính phủ về chủ trương và nội dung vấn đề, Bộ Tư pháp tiến hành xây dựng dự thảo Nghị định của Hội đồng Bộ trưởng về hệ thống tổ chức pháp lý ở các ngành và các đơn vị cơ sở đồng thời tổ chức việc lấy ý kiến góp ý và hoàn chỉnh dự thảo.

Ngày 26/10/1984, Bộ Tư pháp trình Hội đồng Bộ trưởng Tờ trình số 670/PLKT trình Hội đồng Bộ trưởng về dự thảo Nghị định này.

Ngày 17/6/1985, Hội đồng Bộ trưởng ban hành Nghị định số 178-HĐBT, theo đó quy định cụ thể về tổ chức cũng như nhiệm vụ của các tổ chức pháp chế trong các bộ, ngành, các đơn vị sản xuất, kinh doanh thuộc khu vực nhà nước.

Phụ lục Công báo số 7 - 8 - 9 - 10 năm 1985, tr. 125 - 127;

Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 27 THÁNG 6 NĂM 1985

Quốc hội khoá VII kỳ họp thứ 9 thông qua Bộ luật Hình sự

Cho đến thời điểm này, các quy định về luật hình sự ở nước ta đã được xây dựng theo đà phát triển của cách mạng, đã có tác dụng tích cực, góp phần xứng đáng vào việc phục vụ nhiệm vụ cách mạng. Tuy nhiên, về mặt nội dung cũng như về mặt hình thức pháp lý, các quy định về luật hình sự còn bộc lộ nhiều nhược điểm, khuyết điểm: Về nội dung còn khá nhiều tội hiện đang xảy ra trong đời sống thực tế, nhất là từ khi đất nước thống nhất, chưa được phản ánh trong luật hình sự. Một số chế định pháp lý hình sự như thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự, thời hiệu chấp hành án,... chưa được quy định. Về hình thức pháp lý, trừ một vài pháp lệnh (như Pháp lệnh Trừng trị các tội phản cách mạng, Pháp lệnh Trừng trị các tội xâm phạm tài sản xã hội chủ nghĩa...), còn hầu hết là các văn bản do Chính phủ ban hành mà chưa có Bộ luật Hình sự. Vì vậy, việc nghiên cứu, xây dựng và ban hành Bộ luật Hình sự để không bỏ sót tội phạm cũng như trừng phạt nghiêm khắc kẻ phạm tội là rất cần thiết.

Ngày 05/9/1975, Hội đồng Chính phủ đã ra Quyết định số 172-CP thành lập Ban Dự thảo Bộ luật Hình sự và Bộ luật Tố tụng Hình sự do ông Trần Công Tường, Chủ nhiệm Ủy ban Pháp chế của Chính phủ làm Trưởng ban.

Ngày 24/10/1979, Ban soạn thảo Bộ luật Hình sự trình Thường vụ Hội đồng Chính phủ Tờ trình số 272-PC-DTHS về Dự thảo phân chung Bộ luật Hình sự. Dự thảo phân các tội phạm của Bộ luật Hình sự được trình Quốc hội trong kỳ họp tháng 12 năm 1983.

Ngày 27/6/1985, Bộ luật Hình sự được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa VII, kỳ họp thứ 9 nhất trí thông qua và bắt đầu có hiệu lực từ ngày 01/01/1986. Đây là một sự kiện chính trị - pháp lý quan trọng đánh dấu một bước tiến mới trong công tác lập pháp của Nhà nước ta nhằm thực hiện chủ trương tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa. Bộ luật Hình sự thể hiện toàn diện chính sách hình sự của Đảng và Nhà nước ta trong giai đoạn cách mạng lúc này, là công cụ sắc bén của chuyên chính vô sản, bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng, quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, hiệu lực quản lý của Nhà nước, góp phần hoàn thành hai nhiệm vụ chiến lược đó là xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Bộ luật Hình sự quy định trừng trị những hành vi nguy hiểm nhất cho xã hội trên các lĩnh vực, để bảo vệ an ninh quốc gia, bảo vệ chế độ kinh tế xã hội chủ nghĩa, bảo vệ quyền cơ bản của công dân. Bộ luật Hình sự gồm 2 phần: Phần chung và Phần riêng. Phần chung được quy định trong 8 chương với 71 điều. Phần riêng - Phần các tội phạm được quy định trong 12 chương với 209 điều.

Ngày 09/7/1985, Chủ tịch Hội đồng Nhà nước đã ký Lệnh số 17-LCT/HĐNN7 công bố Bộ luật Hình sự.

Việc ban hành Bộ luật Hình sự đã đánh dấu bước tiến bộ mới quan trọng trong việc hoàn chỉnh hệ thống pháp luật vì đây là Bộ luật Hình sự đầu tiên của Việt Nam. Công tác soạn thảo Bộ luật Hình sự đã giúp chúng ta có những kinh nghiệm tốt về phương pháp xây dựng pháp luật nhất là đối với những Bộ luật quan trọng sau này. Đây cũng là thành tựu nổi bật nhất của Bộ Tư pháp trong giai đoạn này với tư cách là cơ quan chủ trì soạn thảo.

*Hồ sơ 455 - Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp;
Công báo số 21 ngày 30/11/1985, tr. 462 - 524*

NGÀY 10 THÁNG 7 NĂM 1985

Báo Pháp luật thường thức ra số đầu tiên

Ngày 03/4/1985, Bộ trưởng Bộ Tư pháp ra Quyết định số 57 QĐ/TC xuất bản tờ báo “*Pháp luật thường thức*” (năm 1986 đổi tên là Báo Pháp luật và nay là Báo Pháp luật Việt Nam). Điều 1 của Quyết định này quy định: xuất bản tờ báo “*Pháp luật thường thức*” nhằm tuyên truyền phổ biến pháp luật, xây dựng ý thức pháp luật cho nhân dân. Báo ra một tháng 2 kỳ.

Ngày 10/7/1985, Báo Pháp luật thường thức ra số đầu tiên.

Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp; http://moj.gov.vn/ct/tintuc/lists/hot%20ng%20ca%20c%20quan%20t%20ph/view_detail.aspx?ItemID=1421

NGÀY 23 THÁNG 7 NĂM 1985

Ban Bí thư Trung ương Đảng ra Chỉ thị số 70/CT-TW về việc lãnh đạo thi hành Bộ luật Hình sự

Chỉ thị khẳng định: việc ban hành Bộ luật Hình sự là một bước quan trọng nhằm tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa của Nhà nước ta, tạo điều kiện ngăn ngừa và đấu tranh chống các hành vi phạm tội, vi phạm pháp luật, lập lại trật tự pháp luật trong quản lý nhà nước, quản lý xã hội.

Ban Bí thư yêu cầu các cấp, các ngành làm tốt những công tác về tuyên truyền cho Bộ luật. Trong đó,

- Các ngành Kiểm sát, Tòa án, Công an (kể cả trong quân đội) cần nghiên cứu kỹ để nắm vững nội dung các điều luật có quan hệ trực tiếp đến nhiệm vụ công tác của ngành. Trong khi nghiên cứu cần có liên hệ, kiểm điểm những khuyết điểm về thi hành pháp luật, định kế hoạch thực hiện Bộ luật trong ngành.

- Tổ chức một đợt kiểm tra các công tác khám xét, bắt giữ, truy tố, xét xử, thi hành án ở các địa phương, trọng điểm là Hà Nội, Hải Phòng, thành phố Hồ Chí Minh, nhằm giải quyết ngay những trường hợp vi phạm pháp luật. Hội đồng Bộ trưởng và Viện kiểm sát nhân dân tối cao chủ trì đợt kiểm tra này.

Hồ sơ số 394 - Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 13 THÁNG 8 NĂM 1985

Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng ra Chỉ thị số 254-CT về việc tổ chức thi hành Bộ luật Hình sự

Để chuẩn bị chu đáo và kịp thời những việc cần thiết trước mắt cho việc triển khai thi hành Bộ luật Hình sự, Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng chỉ thị cho các bộ, ngành ở Trung ương và UBND các cấp, khẩn trương tiến hành những công việc như:

1. Phổ biến, tuyên truyền, giáo dục pháp luật hình sự, nâng cao ý thức đấu tranh chống và phòng ngừa tội phạm.
2. Bổ sung, sửa đổi những văn bản hiện hành, ra những văn bản mới bảo đảm thi hành đúng đắn Bộ luật Hình sự.
3. Đẩy mạnh công tác đấu tranh chống và phòng ngừa tội phạm.

Theo tinh thần của Chỉ thị, Bộ Tư pháp có nhiệm vụ phối hợp với các cơ quan ban, ngành cũng như các đoàn thể quần chúng tổ chức một chiến dịch tuyên truyền, phổ biến Bộ luật Hình sự; Phối hợp với Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao, Bộ Nội vụ nghiên cứu trình Hội đồng Bộ trưởng ban hành những văn bản để thi hành những quy định của Bộ luật Hình sự, phối hợp và hướng dẫn các ngành về mặt pháp lý trong việc soát xét lại các văn bản hiện hành; Phối hợp với Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao đề ra kế hoạch giải quyết nhanh và đúng những vụ án hình sự còn tồn đọng, nhất là các vụ trọng án.

Công báo số 22 ngày 15/12/1985, tr 528 - 530

NGÀY 22 ĐẾN NGÀY 25 THÁNG 8 NĂM 1985

Bộ Tư pháp phối hợp với Bộ Nội vụ, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Tòa án nhân dân tối cao tổ chức Hội nghị bồi dưỡng nội dung Bộ luật Hình sự cho cán bộ của bốn ngành

Để triển khai việc tổ chức thi hành Bộ luật Hình sự theo tinh thần Chỉ thị số 70/CT-TW ngày 23/7/1985 của Ban Bí thư Trung ương Đảng và Chỉ thị số 254-CT

ngày 13/8/1985 của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng, Bộ Tư pháp phối hợp với Bộ Nội vụ, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Tòa án nhân dân tối cao tổ chức Hội nghị bồi dưỡng nội dung Bộ luật Hình sự cho cán bộ của bốn ngành.

Tham dự hội nghị có lãnh đạo các Sở Công an, Sở Tư pháp, Viện kiểm sát nhân dân và Tòa án nhân dân của 18 tỉnh, thành phố phía Bắc từ Bình Trị Thiên trở ra; phụ trách pháp chế các bộ, ngành ở Trung ương, phụ trách các Vụ, một số chuyên viên về luật hình sự của 4 ngành và một số cán bộ chủ chốt của cơ quan tư pháp, tòa án quận, huyện thuộc thành phố Hà Nội.

Qua lớp học, các đại biểu đã được trang bị tương đối toàn diện những quan điểm cơ bản của Đảng và Nhà nước ta về tội phạm, hình phạt, về chính sách xử lý hình sự, về những nội dung cơ bản của phần các tội phạm của Bộ luật Hình sự cũng như tinh thần nội dung Chỉ thị số 70/CT-TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng về việc lãnh đạo thi hành Bộ luật Hình sự và Chỉ thị số 254-CT của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng về tổ chức thi hành Bộ luật Hình sự.

Tư liệu lưu trữ Văn phòng Trung ương Đảng

NGÀY 29 THÁNG 8 NĂM 1985

Bộ Tư pháp ban hành Thông tư số 587/PLKT hướng dẫn công tác xây dựng pháp luật và theo dõi thi hành pháp luật nhằm góp phần thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ tám (khoá V)

Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ tám về Giá - Lương - Tiền thể hiện sự chuyển hướng mạnh, sâu sắc chủ trương, chính sách của Đảng ta không những về giá cả, về thương nghiệp tài chính tiền tệ, về kế hoạch hoá và quản lý kinh tế, và đã mở ra một bước ngoặt trong việc cải tiến cơ chế bao cấp chuyển hẳn sang hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa.

Thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ tám là công tác trung tâm đột xuất từ nay cho đến hết năm 1985 của tất cả các ngành, các cấp. Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ của mình, Bộ Tư pháp hướng dẫn công tác xây dựng pháp luật và theo dõi thi hành pháp luật đối với các Vụ hoặc Phòng Pháp chế bộ, Ủy ban nhà nước, cơ quan khác thuộc Hội đồng Bộ trưởng và các Sở Tư pháp tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc Trung ương về các vấn đề:

- Xây dựng văn bản pháp quy về quản lý kinh tế quán triệt tinh thần cơ bản của Nghị quyết tám là xoá bỏ tập trung quan liêu bao cấp chuyển hẳn sang hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa.

- Rà soát lại các văn bản hiện hành thuộc phạm vi quản lý của ngành mình, tỉnh mình vạch ra những chỗ không phù hợp với tinh thần của Nghị quyết tám, báo

cáo với Bộ trưởng hoặc Chủ tịch UBND để kiến nghị với cơ quan có thẩm quyền ra văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế những quy định lỗi thời.

- Đi đôi với việc xây dựng văn bản pháp quy, cần quan tâm nhiều đến việc thực hiện pháp luật phối hợp với các ngành và các đơn vị hữu quan để kiểm tra, ngăn ngừa, phát hiện, góp ý kiến về việc xử lý kịp thời nghiêm minh các vi phạm pháp luật chủ yếu là về các mặt sau đây: phát triển và quản lý quỹ hàng hoá; quản lý các quỹ và tiền mặt; quản lý giá; quản lý và thực hiện các chế độ sử dụng quỹ tiền lương, tiền thưởng quỹ phúc lợi; quản lý thị trường và cải tạo tư thương.

Hồ sơ số 394 - Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 31 THÁNG 8 NĂM 1985

Bộ Tư pháp ban hành Thông tư số 594-TH hướng dẫn thi hành Bộ luật Hình sự

Thông tư hướng dẫn cụ thể những việc cần làm để thực hiện tốt Chỉ thị số 70/CT-TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng về lãnh đạo thi hành Bộ luật Hình sự và Chỉ thị số 254-CT của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng về tổ chức thi hành Bộ luật Hình sự, như:

- Phổ biến, tuyên truyền, giáo dục pháp luật hình sự, nâng cao ý thức đấu tranh chống, phòng ngừa tội phạm.

- Ra văn bản quy định mới, sửa đổi, bổ sung văn bản hiện hành để đảm bảo thi hành đúng đắn Bộ luật Hình sự.

- Tổ chức học tập Bộ luật Hình sự trong hệ thống các cơ quan tư pháp, pháp chế các ngành, Tòa án địa phương.

Hồ sơ số 394 - Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 10 ĐẾN NGÀY 13 THÁNG 9 NĂM 1985

Bộ Tư pháp phối hợp với Bộ Nội vụ, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao và một số ngành tổ chức Hội nghị bồi dưỡng Bộ luật Hình sự cho các tỉnh phía Nam

Hội nghị được tổ chức nhằm bồi dưỡng Bộ luật Hình sự cho cán bộ chủ chốt các ngành của 21 tỉnh, thành phố phía Nam (từ Quảng Nam - Đà Nẵng trở vào). Tham dự Hội nghị có 640 đại biểu.

Ông Trần Văn Sớm - Ủy viên Trung ương Đảng, Phó ban Nội chính Trung ương đã tới dự và phát biểu khai mạc Hội nghị.

Tại Hội nghị, các đại biểu đã nghe trình bày những quan điểm cơ bản của Đảng và Nhà nước ta về tội phạm và hình phạt, về chính sách xử lý hình sự và các nội dung khác của phần chung Bộ luật Hình sự, đồng thời nghe trình bày nội dung cơ bản của 12 chương phần các tội phạm của Bộ luật Hình sự cũng như nội dung Chỉ thị số 70/CT-TW ngày 23/7/1985 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về việc lãnh đạo thi hành Bộ luật Hình sự và Chỉ thị số 254-CT ngày 13/8/1985 của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng về việc tổ chức thi hành Bộ luật Hình sự.

Hội nghị cũng đã dành thời gian để các đại biểu trao đổi nhằm quán triệt nội dung cơ bản của Bộ luật Hình sự, nêu ý kiến giải đáp, đồng thời trao đổi về những công việc cần làm để triển khai việc tổ chức thi hành Bộ luật Hình sự tại các địa phương.

Hồ sơ 17865, Phòng PTT - Trung tâm LTQG III

NGÀY 28 THÁNG 9 NĂM 1985

Bộ Tư pháp ra Thông tư số 637/TT-THA quy định một số vấn đề về công tác thi hành án

Công tác thi hành án ở các Tòa án nhân dân địa phương trong thời gian này đã có nhiều tiến bộ, song vẫn còn có nhiều khuyết điểm, nhược điểm như: nhiều bản án và quyết định đã có hiệu lực pháp luật chưa được nghiêm chỉnh chấp hành; việc giao nhận, bảo quản, xử lý vật chứng và tài sản bị tạm giữ vẫn còn nhiều sơ hở, chưa theo đúng các nguyên tắc và chế độ quy định; sổ kho quỹ và chứng từ thu, chi về tiền thi hành án chưa thực hiện thống nhất và theo đúng quy định; việc giải quyết đơn khiếu nại về chấp hành án của đương sự không kịp thời, không dứt khoát, làm cho đương sự phải đi lại nhiều lần.

Để khắc phục những khuyết điểm, nhược điểm đó nhằm nâng cao chất lượng công tác thi hành án, sau khi trao đổi với Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp đã ra Thông tư hướng dẫn các Tòa án địa phương thực hiện nghiêm chỉnh và thống nhất một số điểm như:

- Trình tự vào sổ và lập hồ sơ thi hành án.
- Trình tự thu và chuyển trả tiền thi hành án.
- Việc kê biên tài sản và xử lý tài sản kê biên.
- Quy định về hoạt động văn phòng trong công tác thi hành án.

Hồ sơ số 390 - Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 15 THÁNG 10 NĂM 1985

Bộ Tư pháp ra Thông tư số 702/PLKT hướng dẫn thi hành Nghị định số 178-HĐBT ngày 17/6/1985 về tổ chức pháp chế ở các ngành, các đơn vị sản xuất, kinh doanh thuộc khu vực nhà nước

Nhằm củng cố tổ chức, đẩy mạnh hoạt động pháp chế ở các ngành, các sở, căn cứ Điều 7 của Nghị định số 178-HĐBT, Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số nội dung của Nghị định, như:

- Hình thức tổ chức công tác pháp chế ở các ngành và các đơn vị cơ sở như các bộ, Ủy ban Nhà nước, cơ quan khác thuộc Hội đồng Bộ trưởng và các sở chuyên môn, liên hiệp các xí nghiệp, Tổng công ty, công ty, xí nghiệp liên hiệp xí nghiệp.
- Nhiệm vụ, quyền hạn và quan hệ công tác của các bộ phận pháp chế.

Hồ sơ số 334 - Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 31 THÁNG 10 NĂM 1985

Bộ trưởng Bộ Tư pháp ra Quyết định số 02/QĐ-TC về việc thành lập Vụ Tổ chức cán bộ

Theo đó, Vụ Tổ chức cán bộ có nhiệm vụ giúp Bộ trưởng: Nghiên cứu, đề xuất việc vận dụng các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về công tác tổ chức cán bộ trong ngành; tổ chức thực hiện các chủ trương, các quyết định của Bộ thuộc lĩnh vực công tác tổ chức cán bộ và trực tiếp quản lý cán bộ, nhân viên trong Vụ. Vụ Tổ chức cán bộ có 3 phòng:

- Phòng Tổ chức, Lao động và Tiền lương;
- Phòng Cán bộ; và
- Phòng Địa phương.

Hồ sơ số 569 - Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

Bộ trưởng Bộ Tư pháp ra Quyết định số 03/QĐ-TC về việc thành lập Vụ Kế hoạch - Tổng hợp

Theo đó, Vụ Kế hoạch - Tổng hợp có các nhiệm vụ:

- Xây dựng các đề án về phương hướng, nhiệm vụ và chương trình công tác của Ngành và cơ quan Bộ, theo dõi việc thực hiện, sơ kết và tổng kết việc thực hiện chương trình công tác đó.
- Xây dựng các dự án về kế hoạch phát triển Ngành, tổng hợp kế hoạch hàng

nằm trên cơ sở dự kiến kế hoạch của các đơn vị thuộc Bộ. Sau khi kế hoạch Nhà nước giao chính thức cho Bộ, dự kiến phân bổ chỉ tiêu cho các đơn vị và theo dõi việc thực hiện.

- Phụ trách công tác Tập san Pháp chế xã hội chủ nghĩa.

Vụ Kế hoạch - Tổng hợp gồm các phòng:

- Phòng Tổng hợp;
- Phòng Kế hoạch;
- Phòng Tập san Pháp chế xã hội chủ nghĩa.

Hồ sơ số 569 - Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

Bộ trưởng Bộ Tư pháp ra Quyết định số 04/QĐ-TC về việc thành lập Vụ Quản lý Tòa án địa phương

Vụ Quản lý Tòa án địa phương có nhiệm vụ giúp Bộ trưởng quản lý Tòa án địa phương về mặt tổ chức.

Vụ Quản lý Tòa án địa phương có 3 phòng:

- Phòng Tổ chức cán bộ;
- Phòng Theo dõi hoạt động Tòa án địa phương;
- Phòng Quản lý công tác chấp hành án.

Hồ sơ số 569 - Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

Bộ trưởng Bộ Tư pháp ra Quyết định số 05/QĐ-TC quy định về tổ chức của Viện Nghiên cứu khoa học pháp lý

Viện Nghiên cứu khoa học pháp lý có tổ chức như sau:

1. Ban Nghiên cứu luật hình sự và tố tụng hình sự.
2. Ban Nghiên cứu luật dân sự, tố tụng dân sự và hôn nhân gia đình.
3. Phòng Quản lý khoa học và Thông tin khoa học pháp lý.
4. Phòng Thư viện.
5. Tổ Nghiên cứu luật hành chính nhà nước.
6. Tổ Nghiên cứu luật quốc tế và hợp tác tư pháp quốc tế.
7. Tổ Nghiên cứu về công tác quản lý toà án địa phương về mặt tổ chức và quản lý các tổ chức tư pháp khác.

Hồ sơ số 569 - Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 16 THÁNG 11 NĂM 1985

Bộ Tư pháp và Trung ương Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh ký Nghị quyết liên tịch số 04/1985/NQLT về việc tăng cường giáo dục pháp luật trong đoàn viên và thanh niên

Quán triệt Nghị quyết Đại hội toàn quốc của Đảng lần thứ V về việc tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa, mặc dù đời sống còn nhiều khó khăn, số đông cán bộ, đoàn viên thanh niên ta đã chấp hành tốt các chủ trương, đường lối chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước. Trình độ nhận thức và việc thi hành pháp luật trong cán bộ đoàn viên và thanh niên đã có nhiều tiến bộ. Tuy nhiên, do nhận thức chưa đầy đủ về vai trò, tác dụng của pháp luật xã hội chủ nghĩa, chưa thấy rõ pháp luật là thể chế hoá đường lối chính trị của Đảng, là một phương tiện góp phần thực hiện sự lãnh đạo của Đảng nên nhiều cán bộ, đoàn viên, thanh niên chưa coi trọng pháp luật, thậm chí còn vi phạm pháp luật.

Để thực hiện Nghị quyết của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thanh niên, các Nghị quyết của Trung ương Đảng về cải tiến quản lý kinh tế và để thúc đẩy công tác giáo dục pháp luật trong đoàn viên và thanh niên, đưa cuộc vận động thanh niên sống và làm việc theo pháp luật đạt kết quả tốt, Ban Bí thư Trung ương Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và Bộ Tư pháp ký Nghị quyết liên tịch nhằm tăng cường sự phối hợp giữa Đoàn thanh niên và Ngành Tư pháp trong công tác tuyên truyền giáo dục, giúp đoàn viên, thanh niên nâng cao hiểu biết về pháp luật, hiểu rõ quyền và nghĩa vụ của thanh niên trong việc thi hành pháp luật, nâng cao ý thức sống có pháp luật và tôn trọng pháp luật, góp phần tích cực vào việc tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa.

Tới dự lễ ký, về phía Bộ Tư pháp có Bộ trưởng Phan Hiền, Thứ trưởng Phùng Văn Tửu, phía Trung ương Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh có ông Vũ Mão, Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư thứ nhất Trung ương Đoàn và Bí thư thứ hai Lê Thanh Đạo, cùng nhiều cán bộ của Bộ Tư pháp và Trung ương Đoàn.

Pháp luật thường thức số 11 - 12 (tháng 12 năm 1985);

Pháp chế số 4 - 5 - 6 năm 1985

NGÀY 02 THÁNG 12 NĂM 1985

Toà án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Bộ Tư pháp ra Thông tư liên ngành số 04/TTLN hướng dẫn thi hành Bộ luật Hình sự

Theo đó, ngoài việc hướng dẫn một số vấn đề về việc vận dụng các điều

khoản của Bộ luật Hình sự, Thông tư cũng yêu cầu các địa phương trước mắt cần khẩn trương tiến hành những công việc sau đây:

1. Phổ biến, tuyên truyền, giáo dục pháp luật hình sự

- Tổ chức, bồi dưỡng nội dung cơ bản Bộ luật Hình sự cho cán bộ các ngành từ cấp tỉnh, thành đến huyện, quận (sử dụng tài liệu đã được cung cấp tại Hội nghị bồi dưỡng ở Trung ương kết hợp với Thông tư này);

- Tham gia chiến dịch tuyên truyền, phổ biến Bộ luật Hình sự trong cán bộ và nhân dân (theo kế hoạch và tài liệu của Bộ Tư pháp) đồng thời trong phạm vi cần thiết và có thể giúp các ngành tổ chức phổ biến, tuyên truyền trong nội bộ ngành đó.

2. Đẩy mạnh công tác làm án hình sự

- Soát xét lại những vụ án đang tồn đọng ở các khâu điều tra, truy tố hoặc xét xử, có kế hoạch đẩy mạnh việc giải quyết, xử lý theo tinh thần hướng dẫn tại Thông tư này;

- Có kế hoạch phối hợp cụ thể, chặt chẽ giữa các ngành bảo đảm cho việc đấu tranh chống và phòng ngừa tội phạm bước đầu có sự chuyển biến rõ nét.

www.luatvietnam.com.vn

NĂM 1986

NGÀY 07 THÁNG 01 NĂM 1986

Bộ trưởng Bộ Tư pháp ra Chỉ thị số 16/CT-PLC về việc tham gia chuẩn bị bầu cử Đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp huyện, quận, thành phố, thị xã thuộc tỉnh, xã, phường, thị trấn

Để góp phần đảm bảo cho việc bầu cử thực sự dân chủ, đúng pháp luật và phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân trong việc xây dựng chính quyền địa phương, Bộ trưởng Bộ Tư pháp ra Chỉ thị số 16/CT-PLC về việc tham gia chuẩn bị bầu cử Đại biểu HĐND các cấp huyện, quận, thành phố thị xã thuộc tỉnh, xã, phường, thị trấn, trong đó, yêu cầu Sở Tư pháp và Tòa án nhân dân các tỉnh, thành phố và đặc khu trực thuộc Trung ương tiến hành một số công việc cụ thể.

Hồ sơ số 432 - Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 07 ĐẾN NGÀY 23 THÁNG 01 NĂM 1986

Đoàn đại biểu Bộ Tư pháp nước Cộng hoà dân chủ Đức thăm Việt Nam

Theo lời mời của Bộ Tư pháp Việt Nam, từ ngày 07 đến ngày 23/01/1986, đoàn đại biểu Bộ Tư pháp nước Cộng hoà dân chủ Đức do ông Herbert Kern, Quốc Vụ khanh dẫn đầu đã sang thăm và làm việc tại Việt Nam.

Hai bên đã tập trung trao đổi và thông tin với nhau về tình hình kinh tế - xã hội và vai trò của pháp luật trong đời sống đất nước; về công tác xây dựng pháp luật, thi hành pháp luật, tuyên truyền và giáo dục pháp luật; công tác quản lý các toà án địa phương; công tác đào tạo và bồi dưỡng cán bộ pháp lý; công tác hợp tác quốc tế về các vấn đề pháp lý như điểm lại tình hình thi hành Hiệp định Tương trợ tư pháp giữa Việt Nam và Cộng hoà dân chủ Đức ký năm 1980; tình hình hợp tác giữa hai Bộ Tư pháp trong thời gian qua và phương hướng hợp tác trong thời gian tới.

Ngày 21/01/1986, Thứ trưởng Bộ Tư pháp Phùng Văn Tửu, thay mặt Bộ Tư pháp Việt Nam và ông Herbert Kern, Quốc vụ Khanh, thay mặt Bộ Tư pháp nước Cộng hoà dân chủ Đức đã ký Kế hoạch hợp tác năm 1986 giữa hai Bộ Tư pháp.

Hồ sơ số 504 - Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 09 THÁNG 01 NĂM 1986

Bộ trưởng Bộ Tư pháp ra Chỉ thị số 24.TH về chương trình hành động của Ngành Tư pháp thực hiện Nghị quyết Trung ương lần thứ 9 và công tác trọng tâm trong năm 1986

Theo tinh thần chỉ đạo của Nghị quyết Trung ương lần thứ 9 và kế hoạch nhà nước năm 1986, Bộ Tư pháp chỉ thị các Sở Tư pháp, Tòa án nhân dân địa phương, Tổ chức pháp chế các ngành xây dựng chương trình hành động năm 1986 của đơn vị mình nhằm sớm triển khai công tác ngay từ đầu năm.

Trọng tâm của chương trình hành động bao gồm:

1. Công tác xây dựng văn bản pháp quy.
2. Việc thực hiện pháp luật.
3. Công tác kiện toàn tổ chức.
4. Đào tạo bồi dưỡng cán bộ

Hồ sơ số 431 - Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 10 THÁNG 01 NĂM 1986

Bộ Tư pháp hướng dẫn triển khai thực hiện Nghị quyết liên tịch giữa Bộ Tư pháp và Trung ương Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh về tăng cường giáo dục pháp luật trong đoàn viên và thanh niên

Ngày 16/11/1985 Bộ Tư pháp và Trung ương Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh đã ra Nghị quyết liên tịch về việc tăng cường giáo dục pháp luật trong đoàn viên và thanh niên.

Ngày 10/01/1986 Bộ Tư pháp có Công văn số 29/TT gửi Giám đốc các Sở Tư pháp tỉnh, thành phố và đặc khu trực thuộc Trung ương và Pháp chế các ngành về việc hướng dẫn triển khai thực hiện Nghị quyết này. Nội dung Công văn nêu rõ: Tổ chức việc nghiên cứu Nghị quyết số 26 ngày 04/7/1985 của Bộ Chính trị về việc tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thanh niên và Nghị quyết liên tịch về việc tăng cường giáo dục pháp luật trong thanh niên làm cho cán bộ toàn Ngành quán triệt sâu sắc ý nghĩa vấn đề chiến lược của công tác thanh niên, tăng cường giáo dục chính trị tư tưởng, giáo dục pháp luật, giáo dục lý tưởng và đạo đức cách mạng cho thanh niên, nhằm phát huy cao độ tinh thần làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, để thanh niên thực sự là lực lượng nòng cốt trong việc thực hiện pháp luật, hăng hái tiến quân vào các lĩnh vực thực hiện phương hướng nhiệm vụ công tác thanh niên mà Nghị quyết số 26 của Bộ Chính trị đã đề ra.

Hồ sơ số 594 - Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 25 ĐẾN NGÀY 28 THÁNG 02 NĂM 1986

Hội nghị tổng kết công tác tư pháp giai đoạn 1981-1985

Tại Hội nghị, các đại biểu đã hoàn toàn nhất trí về đánh giá tình hình công tác của toàn Ngành từ khi mới thành lập đến năm 1985, về kết quả đã làm được cũng như những thiếu sót, tồn tại và nhiệm vụ công tác của Ngành năm 1986 và phương hướng công tác giai đoạn 1986-1990.

Hội nghị nhận định: qua 4 năm hoạt động, công tác tư pháp đã có bước phát triển mới, các mặt công tác đều có tiến bộ, góp phần vào việc tăng cường quản lý nhà nước và xã hội theo pháp luật. Một trong những thành tích nổi bật trong những năm qua đó là đã nhận thức được đường lối, quan điểm của Đảng và Nhà nước thể hiện trong các Nghị quyết số 4, 5, 6, 7, 8 của Trung ương, cụ thể hoá một bước trong công tác của ngành và có những biện pháp tích cực, bước đầu đã thu được những kết quả rất đáng phấn khởi. Hội nghị cũng phân tích sâu sắc những khuyết, nhược điểm tồn tại và nguyên nhân về các mặt công tác của Ngành.

Cùng với việc thảo luận những vấn đề pháp luật và pháp chế trong chặng đường đầu của thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Hội nghị đã dành nhiều thời gian để thảo luận những biện pháp cụ thể để thực hiện chương trình kế hoạch công tác năm 1986 mà trước mắt là tập trung thực hiện thắng lợi Nghị quyết số 31 của Bộ Chính trị, các Nghị quyết số 6, 7, 8, 9 của Ban Chấp hành Trung ương, bám sát và thể chế hoá kịp thời, có hiệu quả các chủ trương, chính sách của Đảng về kinh tế và quản lý kinh tế.

Hồ sơ số 343, Hộp số 21 - Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 25 THÁNG 3 NĂM 1986

Bộ trưởng Bộ Tư pháp ra Chỉ thị số 177/ĐT về việc thực hiện đổi mới công tác tuyển sinh đại học pháp lý năm 1986-1987

Để góp phần thực hiện đồng bộ đổi mới công tác đào tạo và bồi dưỡng cán bộ pháp lý, sau khi trao đổi ý kiến với Ban Nội chính Trung ương, Bộ Đại học và Trung học chuyên nghiệp, Bộ Tư pháp chủ trương chuyển hướng công tác tuyển sinh đại học pháp lý và yêu cầu sử dụng cán bộ, gắn công tác tuyển sinh với phân phối sau khi tốt nghiệp.

Để thực hiện chủ trương này đòi hỏi toàn Ngành phải cố gắng và quyết tâm cao, có sự giúp đỡ và cộng tác của các ngành có liên quan. Do vậy, Bộ yêu cầu các Sở Tư pháp và các trường pháp lý khẩn trương thực hiện các vấn đề sau đây:

- Đối với các Sở Tư pháp: Phối hợp chặt chẽ với Ban Giáo dục chuyên nghiệp

tỉnh để nắm chắc các quy định về tuyển sinh đại học pháp lý năm học 1986-1987 và có kế hoạch phối hợp thực hiện tốt những hướng dẫn cụ thể về tiêu chuẩn, đối tượng tuyển chọn và tổ chức thực hiện.

- Đối với Trường Đại học Pháp lý Hà Nội: có kế hoạch triển khai thực hiện tốt chủ trương đổi mới công tác tuyển sinh, chuẩn bị chu đáo việc tổ chức kỳ thi tuyển sinh.

Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 26 THÁNG 3 NĂM 1986

Bộ trưởng Bộ Tư pháp ra Chỉ thị số 182/ĐT về phương hướng nhiệm vụ công tác bồi dưỡng và đào tạo cán bộ pháp lý địa phương năm 1986 đến năm 1990

Chỉ thị nêu rõ, trong những năm 1986 - 1990 toàn Ngành phải tập trung mọi cố gắng đẩy mạnh công tác bồi dưỡng cán bộ pháp lý hiện có, tất cả cán bộ phải được bồi dưỡng nâng cao trình độ nghiệp vụ đáp ứng với yêu cầu công việc đang đảm nhiệm, không ngừng nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác bồi dưỡng. Và để thực hiện yêu cầu đó, Bộ đã đưa ra một số công tác cụ thể và yêu cầu các Sở Tư pháp có nhiệm vụ thực hiện.

Ngoài ra, Bộ cũng lưu ý các Sở Tư pháp sắp xếp công việc cử cán bộ dự các lớp bồi dưỡng khi được Bộ thông báo, có kế hoạch bồi dưỡng cho cán bộ về chính trị theo chương trình trung cấp và sơ cấp, về quản lý kinh tế, đặt trách nhiệm cho số cán bộ chưa học qua chương trình phổ thông trung học cần phải học văn hoá để tạo nguồn tuyển sinh cho các năm sau.

Hồ sơ số 865 - Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 15 THÁNG 4 NĂM 1986

Bộ Tư pháp ra Thông tư số 271/TH hướng dẫn thực hiện Nghị quyết số 31 của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 31 của Hội đồng Bộ trưởng trong Ngành Tư pháp

Ngày 24/02/1986, Bộ Chính trị ra Nghị quyết số 31 về những biện pháp cấp bách nhằm thực hiện đúng đắn Nghị quyết số 8 Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

Ngày 28/3/1986, Hội đồng Bộ trưởng ra Nghị quyết số 31 về những chủ trương, biện pháp cấp bách để triển khai thực hiện Nghị quyết số 31 của Bộ Chính trị.

Căn cứ vào 2 Nghị quyết trên, Bộ Tư pháp chỉ thị:

- Để thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về tăng cường pháp chế trong quản lý giá, xử lý các vi phạm chính sách, pháp luật, kỷ luật giá của Nhà nước, Bộ Tư pháp có kế hoạch cụ thể hợp tác thường xuyên với Ủy ban Vật giá Nhà nước và các cơ quan có liên quan trong việc chỉnh lý sửa đổi, bổ sung các văn bản, theo dõi tình hình thực hiện và trong việc đề nghị xử lý các vi phạm.

- Để làm tốt việc xử lý các vi phạm về giá, về quản lý thị trường và quản lý tài chính, tiền tệ, cơ quan tư pháp cần hợp tác chặt chẽ với các cơ quan nội vụ, tài chính và Tòa án nhân dân địa phương.

- Tiếp tục tuyên truyền sâu rộng Bộ luật Hình sự, chú trọng các đối tượng là cán bộ, nhân viên nhà nước trong các cơ quan kinh tế, các thương nhân và những người buôn bán nhỏ.

- Bộ Tư pháp phối hợp với các ngành có liên quan sơ kết một bước việc thi hành các pháp luật về trừng trị tội đầu cơ, buôn lậu, làm hàng giả, kinh doanh trái phép.

Để đảm bảo thống nhất pháp chế, các quy định cụ thể của Bộ và địa phương phải đảm bảo không trái với các quy định của Trung ương, ra đúng thẩm quyền. Trong trường hợp cần thiết kịp thời hỏi ý kiến của Bộ Tư pháp những văn bản pháp quy trọng yếu nhất của địa phương và của ngành, sau khi đã ban hành, cần gửi một bản sao cho Bộ Tư pháp.

Hồ sơ số 581 - Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 22 THÁNG 4 NĂM 1986

Bộ Tư pháp, Bộ Quốc phòng ban hành Thông tư liên bộ số 291/TT-LB hướng dẫn việc cử và bầu Hội thẩm quân nhân Tòa án quân sự

Căn cứ vào các điều 7, 8, 9, 28, 33, 34 và 38 của Pháp lệnh Tổ chức Tòa án Quân sự ngày 21/12/1985, Thông tư liên bộ hướng dẫn việc cử và bầu Hội thẩm quân nhân Tòa án quân sự. Theo đó, Thông tư hướng dẫn cụ thể về:

- Đối tượng, tiêu chuẩn Hội thẩm quân nhân.
- Lựa chọn Hội thẩm quân nhân ở Tòa án quân sự các cấp.
- Cách thức cử và bầu Hội thẩm quân nhân.

Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 06 ĐẾN NGÀY 13 THÁNG 5 NĂM 1986

Thảo luận bản Dự thảo Hiệp định tương trợ tư pháp với Ba Lan

Được Chính phủ nước ta cho phép, từ ngày 06 đến ngày 13/5/1986, đoàn đại biểu pháp chế nước Cộng hoà nhân dân Ba Lan do ông Jerzy Chromieki, Vụ trưởng Vụ Các vấn đề pháp luật - Bộ Tư pháp Ba Lan đã đến Việt Nam để thảo luận bản Dự thảo Hiệp định tương trợ tư pháp về các vấn đề dân sự, gia đình và hình sự giữa hai nước.

Từ ngày 07/5/1986, đoàn đã trao đổi ý kiến và thảo luận với đoàn đại biểu Bộ Tư pháp Việt Nam do ông Phạm Đình Tân, Vụ trưởng Vụ Xây dựng pháp luật kinh tế của Bộ Tư pháp làm trưởng đoàn. Hai bên đã xem xét từng điều khoản cụ thể của bản Dự thảo Hiệp định, sửa đổi, bổ sung và chỉnh lý nội dung một số điều khoản chưa phù hợp.

Ngày 12/5/1986, hai trưởng đoàn đã ký biên bản về kết quả thảo luận bản Dự thảo Hiệp định Tương trợ tư pháp về các vấn đề dân sự, gia đình và hình sự giữa hai nước.

Hiệp định này được ký ngày 22/3/1993.

Hồ sơ số 496 - Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 29 THÁNG 5 NĂM 1986

Ban Bí thư Trung ương Đảng ra Chỉ thị số 84-CT/TW về việc lãnh đạo xử lý nghiêm minh các vụ vi phạm

Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng đã có Chỉ thị về việc tổ chức xét xử ngay trước pháp luật các vụ phạm pháp hình sự, để kiên quyết và kịp thời ngăn chặn những tội phạm về kinh tế - xã hội đang phát triển nghiêm trọng. Đây là việc rất cấp bách để góp phần ổn định tình hình kinh tế - xã hội, lập lại trật tự xã hội chủ nghĩa và kỷ cương nhà nước. Ban Bí thư yêu cầu các cấp ủy Đảng lãnh đạo chặt chẽ việc tổ chức thi hành Chỉ thị của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng.

- Cấp ủy Đảng phải lãnh đạo chặt chẽ các cơ quan pháp luật, nhưng tránh bao biện làm thay những công việc cụ thể về xét xử, mà cần để các cơ quan đó áp dụng đúng đắn pháp luật và chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc làm của mình.

- Các cấp ủy Đảng, các tổ chức Đảng cơ sở, các đoàn thể nhân dân cần làm tốt công tác chính trị, tư tưởng nhằm động viên phong trào quần chúng đấu tranh chống các hiện tượng tiêu cực trong xã hội, thực hiện khẩu hiệu “Sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật”.

Tư liệu lưu trữ Văn phòng Trung ương Đảng

NGÀY 07 THÁNG 6 NĂM 1986

Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Thông tư số 410 TT/TH về việc hướng dẫn thực hiện Chỉ thị số 133/CT của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng và Chỉ thị số 84-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng về việc lãnh đạo xử lý nghiêm minh các vụ phạm pháp

Chỉ thị số 133/CT ngày 23/5/1986 của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng và Chỉ thị số 84-CT/TW ngày 29/5/1986 của Ban Bí thư là những văn kiện rất quan trọng chỉ đạo cho Ngành Tư pháp, các toà án địa phương và các tổ chức pháp chế phối hợp chặt chẽ với các ngành khác trong Khối Nội chính để cùng nhau thực hiện thật tốt việc xử lý kịp thời và nghiêm minh những vụ phạm pháp, trước hết là các vụ phạm pháp hình sự đang gây ra sự bất bình trong nhân dân, ngoài ra còn lưu ý các cơ quan về những vụ vi phạm kỷ luật nhà nước chưa đến mức xử lý hình sự đều phải xử lý hành chính kịp thời, đúng mức.

Nhận định đây là một thời cơ lớn để Ngành Tư pháp, các toà án địa phương, các tổ chức pháp chế cùng các ngành pháp luật khác tăng cường hoạt động với tư duy mới, phong cách mới, góp phần đảm bảo hiệu lực của Nhà nước, của pháp chế xã hội chủ nghĩa, Bộ Tư pháp yêu cầu các đơn vị thuộc Bộ Tư pháp, các Sở Tư pháp tỉnh, thành, đặc khu trực thuộc Trung ương, các tổ chức pháp chế bộ, Ủy ban Nhà nước và Tổng cục, cần tập trung khẩn trương nghiên cứu kỹ hai văn bản nói trên, quán triệt đầy đủ nội dung các văn bản, vạch ra kế hoạch hành động trước mắt và đến hết năm 1986, gửi một bản lên Bộ để tiện theo dõi và báo cáo Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng, Ban Bí thư.

Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 01 THÁNG 8 NĂM 1986

Toà án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp và Bộ Nội vụ ban hành Thông tư liên ngành số 02/TTLN về việc xoá án

Để khuyến khích những người bị kết án chấp hành nghiêm chỉnh bản án và cải tạo tốt, Bộ luật Hình sự đã quy định việc xoá án tại các điều từ 52 đến 56 và Điều 67. Trong đó, có hai hình thức xoá án: đương nhiên xoá án và xoá án do Toà án quyết định. Người được xoá án được coi như chưa can án và được cấp giấy chứng nhận. Trên cơ sở đó, Toà án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp và Bộ Nội vụ ban hành Thông tư liên ngành hướng dẫn thi hành việc xoá án. Thông tư hướng dẫn cụ thể về: những bản án được xoá; những điều kiện để được xoá án; thủ tục đương nhiên xoá án; thủ tục xoá án do

Toà án quyết định; xoá án trong trường hợp hết thời hiệu thi hành án và trong trường hợp không có khả năng chấp hành án về phạt tiền bồi thường, án phí và việc tổ chức thực hiện.

<http://vbqappl.moj.gov.vn/law>

NGÀY 08 THÁNG 9 NĂM 1986

Hội đồng Bộ trưởng ban hành Nghị định số 104-HĐBT sửa đổi Nghị định số 46-HĐBT ngày 10/5/1983 quy định việc xử lý bằng biện pháp hành chính các hành vi đầu cơ, buôn lậu, làm hàng giả, kinh doanh trái phép

Trước thực tế giá cả thị trường đã tăng lên nhanh chóng so với thời điểm ban hành Nghị định số 46-HĐBT (ngày 10/5/1983), các mức tiền quy định trong Nghị định đó đã trở thành quá thấp và không còn thích hợp với tình hình nữa. Trên thực tiễn các địa phương không còn tuân theo các mức trong văn bản nói trên. Nhiều nơi vin cớ thời giá tăng cao để xử phạt hành chính nhiều vụ vi phạm nghiêm trọng đáng bị xử phạt theo luật hình sự đồng thời tự ý quy định mức phạt tiền thường là quá cao đối với các vụ vi phạm.

Để khắc phục tình trạng nói trên, ngày 23/6/1989, Bộ Tư pháp trình Hội đồng Bộ trưởng Tờ trình số 465/PLKT Dự thảo Nghị định sửa đổi Nghị định số 46-HĐBT ngày 10/5/1983 quy định việc xử lý bằng biện pháp hành chính các hành vi đầu cơ, buôn lậu, làm hàng giả, kinh doanh trái phép.

Ngày 08/9/1986, Hội đồng Bộ trưởng ban hành Nghị định số 104-HĐBT về việc sửa đổi Nghị định số 46-HĐBT quy định việc xử lý bằng biện pháp hành chính các hành vi đầu cơ, buôn lậu, làm hàng giả, kinh doanh trái phép. Theo Nghị định mới, các mức tiền quy định ở Điều 1, Điều 4, Điều 5, Điều 6 và Điều 7 của Nghị định số 46-HĐBT ngày 10/5/1983 của Hội đồng Bộ trưởng được giữ nguyên và được tính bằng tiền Ngân hàng mới. Hội đồng Bộ trưởng ủy nhiệm Bộ trưởng Bộ Tư pháp quyết định điều chỉnh lại các mức tiền nói trên nếu giá cả tiếp tục thay đổi sau khi trao đổi ý kiến với Bộ Tài chính, Ủy ban Vật giá Nhà nước, Ban chỉ đạo quản lý thị trường Trung ương và thủ trưởng các ngành có liên quan khác.

Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 22 THÁNG 9 NĂM 1986

Hội nghị lãnh đạo các ngành Tư pháp, Thanh tra, Kiểm sát, Nội vụ, Toà án tối cao, Trọng tài kinh tế Nhà nước họp kiểm điểm tình hình thực hiện Chỉ thị số 133/CT của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng và Chỉ thị số 84-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng về việc lãnh đạo, xử lý nghiêm minh các vụ phạm pháp

Hội nghị nhận định: trong thời gian qua Lãnh đạo các ngành pháp luật đã đi đôn đốc các tỉnh, thành phố triển khai thực hiện Chỉ thị số 133/CT và Chỉ thị số 84-CT/TW, thúc đẩy xét xử một số vụ án trọng điểm, phát hiện thêm một số vụ lớn ở Trung ương và địa phương. Tuy vậy, nhìn chung việc triển khai thực hiện Chỉ thị số 133/CT và Chỉ thị số 84-CT/TW vẫn chậm, chưa đạt yêu cầu đề ra, chưa phát huy tác dụng củng cố lòng tin trong cán bộ và nhân dân đối với tính nghiêm minh của pháp luật. Nguyên nhân là:

- Phần lớn các tỉnh, thành phố triển khai thực hiện Chỉ thị 133/CT và Chỉ thị số 84-CT/TW chưa thật đầy đủ, nghiêm túc do chưa nhận thức đúng mục đích và yêu cầu của Chỉ thị.

- Bản thân các ngành pháp luật chưa phối hợp chặt chẽ với nhau, nhiều việc để chậm do vướng mắc về thủ tục, do thiếu nhất trí về chủ trương, biện pháp xử lý.

- Việc phát động quần chúng phát hiện các vụ phạm tội còn yếu.

Trên cơ sở những đánh giá nêu trên, các đại biểu tham dự Hội nghị đã trao đổi, thảo luận và nhất trí đưa ra một số biện pháp nhằm đẩy mạnh việc thực hiện Chỉ thị số 133/CT và Chỉ thị số 84-CT/TW trong thời gian trước mắt.

Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp; Tư liệu lưu trữ Văn phòng Trung ương Đảng

NGÀY 26 THÁNG 9 ĐẾN NGÀY 04 THÁNG 10 NĂM 1986

Đoàn đại biểu Bộ Tư pháp Việt Nam sang thăm và làm việc tại Bun-ga-ri

Đoàn do Bộ trưởng Bộ Tư pháp Phan Hiền làm trưởng đoàn.

Trong thời gian ở thăm và làm việc tại Bun-ga-ri, Đoàn đã hội đàm với Đoàn đại biểu tư pháp Bun-ga-ri do Bộ trưởng Bộ Tư pháp Svetla Daskalova dẫn đầu. Trong cuộc hội đàm hai bên đã trao đổi và thông tin với nhau về hoạt động của Bộ Tư pháp hai nước.

Ngày 03/10/1986, được sự ủy quyền của Chủ tịch Hội đồng Nhà nước, Bộ trưởng Bộ Tư pháp Phan Hiền và Bộ trưởng Bộ Tư pháp Bun-ga-ri đã ký Hiệp định Tương trợ tư pháp về các vấn đề dân sự, gia đình và hình sự giữa Việt Nam và Bun-ga-ri.

Ngày 16/02/1987, Hiệp định này đã được Hội đồng Nhà nước phê chuẩn bằng Nghị quyết số 784-NQ/HĐNN7.

Tạp chí Pháp chế số 5 năm 1986

NGÀY 15 ĐẾN NGÀY 18 THÁNG 12 NĂM 1986

Đại hội đại biểu lần thứ VI của Đảng đề cập đến việc tăng cường quản lý nhà nước bằng pháp luật

Báo cáo chính trị tại Đại hội nhấn mạnh: Quản lý đất nước bằng pháp luật, chứ không chỉ bằng đạo lý. Pháp luật là thể chế hóa đường lối, chủ trương của Đảng, thể hiện ý chí của nhân dân, phải được thực hiện thống nhất trong cả nước. Tuân theo pháp luật là chấp hành đường lối, chủ trương của Đảng. Quản lý bằng pháp luật đòi hỏi phải quan tâm xây dựng pháp luật. Từng bước bổ sung và hoàn chỉnh hệ thống pháp luật để bảo đảm cho bộ máy nhà nước được tổ chức và hoạt động theo pháp luật.

Coi trọng công tác giáo dục, tuyên truyền, giải thích pháp luật. Đưa việc dạy pháp luật vào hệ thống các trường của Đảng, của Nhà nước (kể cả các trường phổ thông, đại học), của các đoàn thể nhân dân. Cán bộ quản lý các cấp từ Trung ương đến đơn vị cơ sở phải có kiến thức về quản lý hành chính và hiểu biết về pháp luật.

Pháp luật phải được chấp hành nghiêm chỉnh, mọi người đều bình đẳng trước pháp luật. Trong điều kiện Đảng cầm quyền, mọi cán bộ, bất cứ ở cương vị nào, đều phải sống và làm việc theo pháp luật, gương mẫu trong việc tôn trọng pháp luật. Không cho phép bất cứ ai dựa vào quyền thế để làm trái pháp luật. Mọi vi phạm đều phải được xử lý. Bất cứ ai phạm pháp đều đưa ra xét xử theo pháp luật, không được giữ lại để xử lý “*nội bộ*”.

Không làm theo kiểu phong kiến: dân thì chịu hình pháp, quan thì xử theo “*lẽ*”. Hiến pháp quy định: “*Khi xét xử, thẩm phán và hội thẩm nhân dân độc lập và chỉ tuân theo pháp luật*”. Cấm bao che hành động phạm pháp và người phạm pháp dưới bất cứ hình thức nào.

Phải dùng sức mạnh của pháp chế xã hội chủ nghĩa kết hợp với sức mạnh của dư luận quần chúng để đấu tranh chống những hành vi phạm pháp. Các cấp ủy Đảng, từ trên xuống dưới, phải thường xuyên lãnh đạo công tác pháp chế, tăng cường cán bộ có phẩm chất và năng lực cho lĩnh vực pháp chế, và kiểm tra chặt chẽ hoạt động của các cơ quan pháp chế.

*Văn kiện Đảng thời kỳ đổi mới - Nxb. Chính trị quốc gia, H. 2005;
Mã số 3KV (060) CTQG 2005*

NGÀY 26 THÁNG 12 NĂM 1986

Toà án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Nội vụ và Bộ Tư pháp ban hành Thông tư liên ngành số 05/TTLN về việc giảm thời hạn hoặc miễn chấp hành hình phạt và chấm dứt thời hạn chấp hành biện pháp tư pháp

Để khuyến khích những người bị kết án cải tạo tốt, Bộ luật Hình sự đã quy định việc giảm thời hạn chấp hành hình phạt chính và một số hình phạt chính và một số hình phạt bổ sung, chấm dứt thời hạn chấp hành biện pháp tư pháp đối với người chưa thành niên và miễn chấp hành hình phạt.

Trên cơ sở này, Toà án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Nội vụ và Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số nội dung về vấn đề này, như:

- Điều kiện và mức giảm đối với việc giảm thời hạn chấp hành hình phạt chính (Điều 49 - Bộ luật Hình sự); giảm thời hạn chấp hành hình phạt bổ sung (Điều 50 - Bộ luật Hình sự); giảm hoặc miễn giảm chấp hành hình phạt trong trường hợp đặc biệt (Điều 51 - Bộ luật Hình sự) và giảm thời hạn chấp hành hình phạt và chấm dứt thời hạn thử thách hoặc thời hạn ở trường giáo dưỡng đối với người chưa thành niên; giảm thời hạn chấp hành hình phạt đối với quân nhân.

- Thủ tục giảm thời hạn, thủ tục miễn chấp hành hình phạt, và thủ tục chấm dứt thời hạn chấp hành biện pháp tư pháp.

Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 29 THÁNG 12 NĂM 1986

Quốc hội khóa VII, kỳ họp thứ 12 thông qua Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986

Mặc dù Luật Hôn nhân và gia đình năm 1959 đã tạo nên sự chuyển biến tích cực về mặt nhận thức của đông đảo quần chúng nhân dân đối với quyền bình đẳng nam nữ trong gia đình và xã hội, nhưng vẫn không thể tránh khỏi một số hạn chế nhất định. Do việc tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật hôn nhân và gia đình chưa sâu rộng và triệt để nên trên thực tế còn tồn tại tư tưởng trọng nam khinh nữ, tình trạng đa thê, cưỡng hôn, ngược đãi vợ con vẫn còn xảy ra; chế định đỡ đầu, xác định cha mẹ cho con, quan hệ hôn nhân gia đình có yếu tố nước ngoài... chưa được dự liệu; các quy định như chế độ tài sản vợ chồng, vấn đề thừa kế trong gia đình, vấn đề nuôi con nuôi có tính khái quát cao nên khó áp dụng trong thực tiễn cuộc sống; một số quy định tỏ ra không còn phù hợp, thuật ngữ không chặt chẽ...

Trong tình hình nước ta giai đoạn này đã thay đổi về cơ bản, vì vậy, việc ban hành Luật Hôn nhân và gia đình mới là một tất yếu khách quan thúc đẩy sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội trên phạm vi cả nước.

Thi hành Chỉ thị số 14/19VB ngày 02/4/1986 của Hội đồng Bộ trưởng về việc tổ chức lấy ý kiến đóng góp vào dự thảo Luật Hôn nhân và gia đình, sau khi nhận được ý kiến đóng góp của 32 cơ quan Trung ương (Bộ, Ủy ban Nhà nước, Tổng cục) và 33 UBND tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc Trung ương, ngày 07/6/1986, Bộ Tư pháp đã trình Hội đồng Bộ trưởng Tờ trình số 414/BDT về việc tổng hợp các ý kiến đóng góp và việc tiếp thu chỉnh lý dự thảo của Bộ Tư pháp.

Ngày 29/12/1986, Luật Hôn nhân và gia đình được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá VII, kỳ họp thứ 12 thông qua. Luật gồm có 10 chương với 57 điều. Theo đó, Luật quy định Nhà nước bảo đảm việc thực hiện đầy đủ chế độ hôn nhân tự nguyện và tiến bộ, một vợ một chồng, nam nữ bình đẳng, bảo vệ quyền lợi của phụ nữ và con cái, nhằm xây dựng những gia đình hạnh phúc, dân chủ và hoà thuận, trong đó mọi người đoàn kết, thương yêu nhau, giúp đỡ nhau tiến bộ; xoá bỏ những tàn tích còn lại của chế độ hôn nhân phong kiến cường ép, trọng nam khinh nữ, coi rẻ quyền lợi của con cái.

Luật cũng quy định cụ thể các điều kiện, thủ tục kết hôn; nghĩa vụ và quyền lợi của vợ, chồng; nghĩa vụ và quyền lợi của cha, mẹ và con; xác định cha, mẹ cho con; nuôi con nuôi; thủ tục ly hôn; chế độ đỡ đầu; quan hệ hôn nhân và gia đình của công dân Việt Nam với người nước ngoài.

Luật này thay thế Luật Hôn nhân và gia đình năm 1959.

Ngày 03/01/1987, Chủ tịch Hội đồng Nhà nước ký Lệnh số 21-LCT/HĐNN7 công bố Luật Hôn nhân và gia đình.

*Hồ sơ số 489 Hộp số 31 - Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp;
Công báo số 1 ngày 15/01/1987, tr. 3 - 9*

NGÀY 30 THÁNG 12 NĂM 1986

Toà án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Bộ Tư pháp ban hành Thông tư liên ngành số 06-TT-TN hướng dẫn về thẩm quyền và thủ tục giải quyết những việc ly hôn giữa các công dân Việt Nam mà một bên ở nước chưa có Hiệp định Tương trợ tư pháp về các vấn đề hôn nhân và gia đình với nước ta

Do có một số việc ly hôn giữa các công dân Việt Nam mà một bên đang ở

nước chưa có Hiệp định Tương trợ tư pháp về các vấn đề hôn nhân và gia đình với Việt Nam, trong đó, có nước đã có quan hệ ngoại giao và có nước chưa có quan hệ ngoại giao với Việt Nam.

Căn cứ vào Hiến pháp và Luật Hôn nhân và gia đình, sau khi thống nhất ý kiến với Bộ Nội vụ và Bộ Ngoại giao, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Bộ Tư pháp ra Thông tư hướng dẫn về thẩm quyền và thủ tục giải quyết những vụ ly hôn nói trên.

Hồ sơ số 491, Hộp số 32 - Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NĂM 1987

NGÀY 25 ĐẾN NGÀY 28 THÁNG 02 NĂM 1987

Hội nghị tư pháp toàn quốc lần thứ V

Tham dự Hội nghị có đại biểu các Sở Tư pháp, Tòa án địa phương của 40 tỉnh, thành, đại biểu các tổ chức pháp chế ngành, đại biểu một số phòng tư pháp và Tòa án nhân dân quận, huyện, Ban Tư pháp xã, phường, đại biểu của các ngành Nội chính, các đoàn thể ở Trung ương và một số cơ quan thông tin báo chí, nghiên cứu khoa học.

Hội nghị đã đón nhận thư của Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Phạm Hùng. Trong thư, Phó Chủ tịch chỉ thị cho toàn Ngành Tư pháp quán triệt Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI, nắm vững hai nhiệm vụ chiến lược góp phần vào sự nghiệp tăng cường quản lý nhà nước, quản lý xã hội bằng pháp luật. Phó Chủ tịch căn dặn phải kiện toàn tổ chức Ngành từ Trung ương tới cơ sở xã, phường, pháp chế các xí nghiệp, tăng cường quản lý về tổ chức các Tòa án địa phương.

Ông Bình Phương, đại diện Ban Nội chính Trung ương đã phát biểu nhiều ý kiến cụ thể làm sáng tỏ thêm phương hướng công tác của Ngành Tư pháp trong những năm tới, nhấn mạnh phải nhanh chóng củng cố tổ chức của Ngành để sớm theo kịp với yêu cầu và nhiệm vụ hiện thời.

Quán triệt tinh thần đổi mới và tác phong nghiêm túc tự phê bình của Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI, Hội nghị đã thảo luận sâu sắc về tình hình và kết quả công tác năm 1986, dành nhiều thời gian để thảo luận, nghiên cứu các quan điểm cơ bản của Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI về phát triển kinh tế xã hội và về pháp luật, pháp chế xã hội chủ nghĩa, phương hướng công tác tư pháp tới năm 1990 và chương trình công tác cụ thể năm 1987. Các đại biểu cũng nhất trí với báo cáo của Ngành, khẳng định công tác tư pháp trong năm 1986 tuy có nhiều khó khăn và còn có mặt yếu, nhưng bước đầu đã đi vào chiều sâu, có một số hiệu quả trong việc phục vụ các nhiệm vụ kinh tế - xã hội.

Về phương hướng công tác, Hội nghị nhất trí phải nghiên cứu sâu sắc các quan điểm cơ bản của Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI, đặc biệt là những quan điểm về phát triển kinh tế - xã hội và về pháp luật, pháp chế xã hội chủ nghĩa để

vận dụng trong công tác của Ngành. Để làm tốt việc này, Hội nghị đã nhấn mạnh phải thực sự đổi mới tư duy, đổi mới tổ chức và cán bộ, đổi mới phong cách lãnh đạo và công tác mới có thể vươn lên phục vụ tốt các mục tiêu, nhiệm vụ Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI đã đề ra.

Để các cơ quan tư pháp làm tốt hơn chức năng, nhiệm vụ của mình, các đại biểu mong mỗi sự quan tâm hơn nữa của Đảng và Nhà nước trong vấn đề tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa; Chỉ thị số 57 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với các cơ quan Kiểm sát, Tòa án, Tư pháp phải được thực hiện đầy đủ và triệt để hơn; các điều kiện đảm bảo hoạt động có hiệu lực của các cơ quan tư pháp, tòa án cần được tăng cường hơn.

Hồ sơ số 543 - Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 07 THÁNG 3 NĂM 1987

Bổ nhiệm ông Trần Đông giữ chức Thứ trưởng thứ nhất Bộ Tư pháp

Theo Quyết định số 69/CT của Hội đồng Bộ trưởng, ông Trần Đông thôi giữ chức Thứ trưởng Bộ Nội vụ để giữ chức Thứ trưởng thứ nhất Bộ Tư pháp.

Hồ sơ số 608 - Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

Thứ trưởng Đào Xuân Miến được điều động sang nhận công tác khác

Hội đồng Bộ trưởng ra Quyết định số 73/CT về việc ông Đào Xuân Miến - Thứ trưởng Bộ Tư pháp thôi giữ chức Thứ trưởng Bộ Tư pháp để nhận công tác khác.

Hồ sơ số 608 - Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 12 ĐẾN NGÀY 15 THÁNG 5 NĂM 1987

Bộ trưởng Bộ Tư pháp tham dự Hội nghị Bộ trưởng Tư pháp các nước xã hội chủ nghĩa lần thứ IX

Hội nghị được tổ chức tại Bu-da-pet - thủ đô của Hung-ga-ri. Dự hội nghị có Bộ trưởng Tư pháp các nước Bun-ga-ri, Việt Nam, Đức, Cu-ba, Mông Cổ, Ni-ca-ra-go-a, Ê-ti-ô-pi-a, Ba Lan, Xô Viết, Tiệp Khắc, Ăng-gô-la, Ap-ga-ni-xtan, Cam-pu-chia, Lào, Y-ê-men và Mô-dăm-bích.

Tại Hội nghị, các Bộ trưởng đã thông báo về những hoạt động tư pháp của nước mình trong hai năm từ sau Hội nghị Bộ trưởng Tư pháp lần thứ VIII và trao đổi ý kiến về công tác xây dựng pháp luật gắn liền với thực tiễn xây dựng chủ nghĩa xã hội ở mỗi nước.

Bộ trưởng Bộ Tư pháp Việt Nam - Phan Hiền phát biểu tại Hội nghị tham luận về vấn đề bổ sung, hoàn chỉnh một bước hệ thống pháp luật Việt Nam dưới ánh sáng Nghị quyết Đại hội VI Đảng Cộng sản Việt Nam.

Tạp chí Pháp chế số 3 năm 1987

NGÀY 05 THÁNG 9 NĂM 1987

Thứ trưởng Phùng Văn Tửu được điều động sang nhận công tác khác

Hội đồng Bộ trưởng ra Quyết định số 258/CT về việc ông Phùng Văn Tửu - Thứ trưởng Bộ Tư pháp thôi giữ chức Thứ trưởng để nhận công tác khác.

Hồ sơ số 608 - Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 10 THÁNG 10 NĂM 1987

Bộ Tư pháp ban hành Thông tư số 574/QLTPK về công chứng nhà nước

Thông tư hướng dẫn thực hiện các việc công chứng và thành lập thí điểm một số Phòng Công chứng Nhà nước tại Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh. Đây chính là văn bản pháp lý đầu tiên của Nhà nước ta về công chứng.

*Đề tài 50 năm Ngành Tư pháp Việt Nam,
Viện Nghiên cứu khoa học pháp lý - Bộ Tư pháp*

NGÀY 04 THÁNG 11 NĂM 1987

Bộ Tư pháp trình Ban Bí thư và Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng Tờ trình số 917-TH về Đề án đổi mới tổ chức Ngành Tư pháp

Thực hiện Nghị quyết số 34 năm 1986 của Bộ Chính trị và Chỉ thị số 11 năm 1987 của Ban Bí thư, Bộ Tư pháp trình Ban Bí thư và Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng Tờ trình số 917-TH về đề án đổi mới tổ chức, hoạt động của Ngành trong những năm tới. Các nội dung được đề cập trong đề án bao gồm:

- Về Công tác xây dựng pháp luật, Tờ trình nêu rõ: Bộ Tư pháp phải là cơ quan giúp Hội đồng Bộ trưởng về công tác thể chế hóa. Trong mối quan hệ với các bộ, Ủy ban Nhà nước, cần nhanh chóng nâng tầm vóc hoạt động của cơ quan Bộ Tư pháp thành một trung tâm phối hợp soạn thảo pháp luật, hướng dẫn nghiệp vụ, trao đổi kinh nghiệm và phổ biến thông tin khoa học pháp luật.

Để giúp Hội đồng Bộ trưởng theo dõi tình hình thực hiện pháp luật, đánh giá chung tình hình trong từng thời gian, đề nghị Ban Bí thư và Thường vụ Hội đồng

Bộ trưởng tạo điều kiện để Bộ Tư pháp thực hiện nhiệm vụ đã được ghi trong Nghị định số 143-HĐBT là xem xét tính hợp pháp các văn bản của Bộ, Tổng cục, các UBND để báo cáo với Hội đồng Bộ trưởng. Đây là một việc đòi hỏi các bộ, Tổng cục, UBND phải gửi các văn bản quy định về Bộ và có trách nhiệm trả lời khi Bộ Tư pháp có ý kiến nhận xét về một văn bản nào đó.

Đề nghị sớm ban hành Luật về văn bản pháp luật, trong đó thể hiện tinh thần trên.

- Về quản lý tòa án địa phương: nội dung quản lý tòa án bao gồm nội dung quản lý về tổ chức cán bộ, tổ chức hoạt động, tổ chức cơ cấu và biên chế bộ máy. Vấn đề ngân sách sẽ quản lý từng bước phù hợp với tình hình thực tế. Cần bảo đảm nguyên tắc xét xử độc lập của thẩm phán.

- Về các công tác tư pháp khác: đề nghị Hội đồng Bộ trưởng tạo điều kiện về phương tiện và cơ sở vật chất để Ngành Tư pháp thực hiện nhiệm vụ đã quy định trong Nghị định số 143-HĐBT: giám định tư pháp; công chứng; thống kê tư pháp; lý lịch tư pháp - hộ tịch.

- Về đào tạo bồi dưỡng cán bộ: đề nghị Ban Bí thư và Hội đồng Bộ trưởng giao cho Bộ Tư pháp tổ chức việc đào tạo nghiên cứu sinh trong nước để đáp ứng nhu cầu công tác cán bộ cho các Ngành Tư pháp, Tòa án, Kiểm sát, các trường pháp lý, cơ quan trọng tài và một số cơ quan nghiên cứu khoa học, giảng dạy.

- Kiện toàn các Sở (cấp tỉnh), Phòng (cấp huyện) và Ban Tư pháp xã, tổ chức pháp chế bộ ngành.

- Về tổ chức cơ quan Bộ Tư pháp gồm:

- + Văn phòng (Tổng hợp, hành chính quản trị, kế toán, tài vụ, lễ tân). Văn phòng tổ chức trên cơ sở hợp nhất 3 đơn vị: Văn phòng, Vụ kế hoạch, Vụ Tổng hợp;

- + Vụ Tổ chức và Cán bộ (trên cơ sở hợp nhất 2 vụ: Tổ chức và Đào tạo);

- + Vụ Pháp luật chung;

- + Vụ Pháp luật kinh tế;

- + Vụ Pháp luật quốc tế và hợp tác quốc tế;

- + Viện Nghiên cứu khoa học pháp lý;

- + Vụ Tuyên truyền;

- + Vụ Quản lý Tòa án địa phương;

- + Vụ (hay Cục) Quản lý tòa án quân sự quân khu, khu vực và tương đương;

- + Vụ Luật sư, Hộ tịch, Công chứng, Giám định;

- + Ban Thanh tra;
- + Trường Đại học Pháp lý Hà Nội, Phân hiệu Đại học Pháp lý ở thành phố Hồ Chí Minh;
- + Các đơn vị sự nghiệp và hạch toán trực thuộc (Bảo Pháp luật thường thức, Tạp chí Pháp chế xã hội chủ nghĩa, Nhà xuất bản).

Hồ sơ số 603 - Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 20 THÁNG 11 NĂM 1987

Hội đồng Bộ trưởng ban hành Nghị định số 219/HĐBT về việc chuyển giao công tác đăng ký hộ tịch từ Bộ Nội vụ sang Bộ Tư pháp và UBND các cấp

Trên cơ sở Điều 109 Hiến pháp năm 1980, để cải tiến và phát huy hơn nữa tác dụng của công tác đăng ký hộ tịch, đồng thời phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của các bộ, theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nội vụ, Hội đồng Bộ trưởng quyết định chuyển giao công tác đăng ký hộ tịch từ Bộ Nội vụ sang Bộ Tư pháp.

Công tác đăng ký hộ tịch bao gồm: đăng ký khai sinh, đăng ký kết hôn, đăng ký khai tử và những vấn đề khác về hộ tịch.

Trách nhiệm quản lý và thực hiện việc đăng ký hộ tịch được quy định như sau:

- Bộ Tư pháp chịu trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn UBND các cấp thực hiện công tác đăng ký hộ tịch.
- UBND xã, phường, thị trấn thực hiện việc đăng ký cấp giấy chứng nhận về hộ tịch và quản lý các loại sổ sách về hộ tịch;
- Ban Tư pháp xã, phường, thị trấn giúp UBND thực hiện công tác đăng ký hộ tịch dưới sự chỉ đạo, hướng dẫn về nghiệp vụ của cơ quan tư pháp cấp trên.
- Bộ Nội vụ có nhiệm vụ bàn giao công tác đăng ký hộ tịch, tài liệu, sổ sách, phương tiện... về hộ tịch cho Bộ Tư pháp và cùng với Bộ Tư pháp hướng dẫn bàn giao công tác đăng ký hộ tịch ở địa phương.

Công báo số 20 ngày 30/11/1987, tr. 381 - 382

NGÀY 18 THÁNG 12 NĂM 1987

Hội đồng Nhà nước thông qua Pháp lệnh Tổ chức luật sư

Quyền bào chữa của bị cáo và việc thành lập tổ chức luật sư đã được Hiến pháp năm 1980 quy định tại Điều 133. Trên thực tế, trong các vụ án hình sự nhất

là những vụ có tội nghiêm trọng, các vụ kiện dân sự, kiện hôn nhân và gia đình, yêu cầu có luật sư vào thời gian này ngày càng nhiều. Xuất phát từ thực trạng ở một số tỉnh, thành phố đã tổ chức Văn phòng luật sư nhưng vì chưa có văn bản pháp luật quy định nên mỗi nơi hoạt động một khác, điều kiện để công nhận là luật sư cũng chưa có. Vì vậy, việc ban hành một văn bản về tổ chức luật sư là cần thiết.

Ngày 10/10/1981, Bộ Tư pháp đã trình Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng Dự thảo Pháp lệnh về hoạt động và tổ chức luật sư.

Ngày 18/12/1987, qua các lần chỉnh lý, sửa đổi và bổ sung, Hội đồng Nhà nước thông qua Pháp lệnh Tổ chức luật sư khôi phục tổ chức luật sư ở Việt Nam và giao Bộ Tư pháp thực hiện quản lý nhà nước về tổ chức và hoạt động luật sư. Pháp lệnh gồm 6 chương, 25 điều. Điều 5 Pháp lệnh quy định: “*Bộ Tư pháp hướng dẫn, kiểm tra về tổ chức và hoạt động của các Đoàn luật sư theo Quy chế Đoàn luật sư do Hội đồng Bộ trưởng ban hành*”.

Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp; Công báo số 6 ngày 31/3/1988, tr. 114 - 117

NĂM 1988

NGÀY 30 THÁNG 01 NĂM 1988

Thành lập Phân hiệu Đại học Pháp lý thành phố Hồ Chí Minh

Căn cứ Quyết định số 357/CT ngày 25/12/1987 của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng về việc cho phép nâng lớp Đại học Pháp lý tại thành phố Hồ Chí Minh lên thành Phân hiệu Đại học Pháp lý tại thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 30/01/1988, Bộ trưởng Bộ Tư pháp ra Quyết định số 14-QĐ/TC về việc thành lập Phân hiệu Đại học Pháp lý thành phố Hồ Chí Minh. Theo đó, Phân hiệu Đại học Pháp lý thành phố Hồ Chí Minh có nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ có trình độ đại học pháp lý, được phép mở tài khoản và sử dụng con dấu riêng.

Tổ chức Phân hiệu Đại học Pháp lý thành phố Hồ Chí Minh gồm có:

- Trưởng phân hiệu là Phó Hiệu trưởng Trường Đại học Pháp lý Hà Nội và các phó phân hiệu;

- Các phân khoa và các tổ chuyên ngành và các phòng: Phân khoa Tòa án; Phân khoa Luật kinh tế; Tổ Mác - Lênin; Tổ Luật hành chính nhà nước và lý luận nhà nước, pháp luật; Tổ Nga văn; Tổ Quân sự - Thể dục, thể thao; Phòng Giáo vụ, quản lý học sinh và thư viện; Phòng Hành chính quản trị (bao gồm cả công tác bảo vệ và tổ chức cán bộ).

Cùng ngày, Bộ trưởng Bộ Tư pháp cũng ra Quyết định số 20-QĐ/TC về việc chuyển giao cho Phân hiệu Đại học Pháp lý tại thành phố Hồ Chí Minh: cán bộ, nhân viên, cơ sở vật chất của Trường Trung học Pháp lý thành phố Hồ Chí Minh từ ngày 01/02/1988.

Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 02 THÁNG 02 NĂM 1988

Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Chỉ thị số 69/TH về đẩy mạnh hoạt động tư pháp ở các địa phương nhằm góp phần thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ tư (khoá VI)

Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ tư khoá VI đã đề ra phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội trong 3 năm 1988 - 1990 và năm 1988. Nghị

quyết đã lấy việc “*mở rộng dân chủ, tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa*” là một trong các chủ trương, biện pháp lớn để thực hiện những nhiệm vụ, mục tiêu chủ yếu của thời kỳ nói trên.

Để thực hiện Nghị quyết Trung ương, Bộ Tư pháp chỉ thị các Sở Tư pháp cần đẩy mạnh mọi mặt hoạt động thuộc chức năng, nhiệm vụ của mình như xây dựng pháp quy, bảo đảm tuân thủ pháp luật, quản lý các Tòa án huyện về mặt tổ chức, kiện toàn tổ chức và cán bộ tạo đà cho công tác của Ngành ngay từ đầu năm 1988.

Hồ sơ số 625 - Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 05 THÁNG 02 NĂM 1988

Bộ Tư pháp triển khai thi hành Pháp lệnh Tổ chức luật sư

Để triển khai thi hành Pháp lệnh Tổ chức luật sư được Hội đồng Nhà nước thông qua ngày 18/12/1987, trong khi chờ Hội đồng Bộ trưởng ban hành Quy chế Đoàn luật sư, Bộ Tư pháp có Công văn gửi Giám đốc các Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố trong cả nước về việc triển khai thi hành Pháp lệnh Tổ chức luật sư.

Tại Công văn này, Bộ Tư pháp yêu cầu các Sở Tư pháp giúp UBND các tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc Trung ương phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cung cấp và tổ chức tuyên truyền rộng rãi trong nhân dân về ý nghĩa của việc ban hành Pháp lệnh Tổ chức luật sư nhằm góp phần thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng cũng như bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của công dân; tuyên truyền cho cán bộ và nhân dân hiểu rõ và đúng vai trò, vị trí của luật sư trong chế độ xã hội chủ nghĩa.

Và để bảo đảm chất lượng tổ chức luật sư, Bộ cũng yêu cầu các Sở Tư pháp cần phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc lựa chọn, dự kiến những người có đủ các điều kiện gia nhập Đoàn luật sư theo quy định của Pháp lệnh, dự kiến những người có thể tham gia Ban chủ nhiệm Đoàn luật sư và các thủ tục cần thiết để thành lập Đoàn luật sư khi Hội đồng Bộ trưởng ban hành Quy chế Đoàn luật sư.

Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 04 THÁNG 3 NĂM 1988

Thường trực Hội đồng Bộ trưởng họp với lãnh đạo Bộ Tư pháp về vấn đề đổi mới tổ chức Ngành Tư pháp

Ngày 03/3/1988, thực hiện Nghị quyết số 34 năm 1986 của Bộ Chính trị, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa V và Thông tri số 11 ngày 19/8/1987 của Ban

Bí thư, Bộ Tư pháp có báo cáo gửi Ban Bí thư về việc đổi mới tổ chức và tinh giản biên chế của Ngành Tư pháp.

Ngày 04/3/1987 Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng tổ chức cuộc họp với lãnh đạo Bộ Tư pháp về đổi mới tổ chức Ngành Tư pháp.

Tham dự cuộc họp có ông Nguyễn Văn Chính, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng, ông Trần Quốc Hương, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng ban Nội chính Trung ương; ông Vũ Trọng Kiên, Trưởng ban Tổ chức của Chính phủ; ông Phương Minh Nam, Phó chủ nhiệm Văn phòng Hội đồng Bộ trưởng; ông Phan Hiền, Bộ trưởng Bộ Tư pháp và ông Trần Đông, Ủy viên Trung ương Đảng, Thứ trưởng thứ nhất Bộ Tư pháp.

Tại cuộc họp, Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng đã nghe Bộ trưởng Bộ Tư pháp Phan Hiền báo cáo Đề án về cải tiến tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế Ngành Tư pháp và quyết định về tổ chức của Ngành Tư pháp như sau:

- Nhập hai vụ: Vụ Pháp luật chung và Vụ Pháp luật kinh tế làm một Vụ; Vụ Tuyên truyền, giáo dục pháp luật sáp nhập với Văn phòng Bộ; chấp nhận biên chế quản lý nhà nước ở cơ quan Bộ theo đề nghị của Bộ Tư pháp;

- Ở cấp tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc Trung ương vẫn duy trì củng cố Sở Tư pháp, bỏ các phòng thuộc Sở, làm việc theo chế độ chuyên viên;

- Ở cấp huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh: duy trì củng cố Phòng Tư pháp ở các quận thuộc 3 thành phố trực thuộc Trung ương, các thành phố thuộc tỉnh, một số thị xã, huyện lớn; ở các huyện, thị xã khác hình thành nhóm chuyên viên pháp lý trong Văn phòng UBND huyện, thị xã do một ủy viên UBND huyện, thị xã phụ trách, làm đầy đủ nhiệm vụ của cơ quan tư pháp huyện, thị xã.

- Cán bộ làm công tác hộ tịch trước ở Ban Công an xã nay cần bố trí ở Ban Tư pháp xã để đảm bảo công tác hộ tịch được tiến hành bình thường.

Hồ sơ số 702 - Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 25 THÁNG 3 NĂM 1988

Bộ Tư pháp ban hành Quyết định số 74/QĐ/TC quy định chế độ làm việc về dự thảo pháp luật

Quyết định này quy định quy trình trong việc dự thảo các văn bản Luật, Pháp lệnh của các bộ, ngành được gửi đến Bộ Tư pháp để Bộ góp ý kiến, phối hợp nghiên cứu và dự thảo Luật, Pháp lệnh do Bộ Tư pháp soạn thảo. Theo đó, Vụ trưởng Vụ Pháp luật có trách nhiệm:

- Chỉ đạo, hướng dẫn chuyên viên được phân công nghiên cứu ngay từ khi xây dựng hồ sơ xây dựng Luật, Pháp lệnh.

- Báo cáo lãnh đạo Bộ về kế hoạch phối hợp với bộ hữu quan nghiên cứu vấn đề và việc cử chuyên viên phối hợp nghiên cứu theo dõi tiến trình dự thảo.

- Báo cáo với lãnh đạo Bộ về sự cần thiết phải ra văn bản, nội dung văn bản, những vấn đề chưa rõ ràng, chưa nhất trí trong quá trình nghiên cứu dự thảo; những đổi mới và hiệu quả thiết thực mà việc thực hiện văn bản mới có thể mang lại nếu văn bản được ban hành hoặc ngược lại sự vô hiệu quả và những vấn đề khó khăn phát sinh nếu thực hiện văn bản đó; ý kiến nhận xét và đề nghị của Vụ trưởng và chuyên viên nghiên cứu.

- Báo cáo kịp thời với Bộ trưởng tình hình cụ thể và kiến nghị cách giải quyết trong trường hợp tiến trình xây dựng văn bản có trở ngại.

- Khi dự thảo văn bản đã cơ bản hoàn thành, Vụ trưởng Vụ pháp luật có trách nhiệm bố trí cuộc gặp giữa lãnh đạo Bộ Tư pháp và lãnh đạo Bộ hữu quan để trao đổi ý kiến, thống nhất về nội dung dự thảo, tờ trình và bản việc chuẩn bị trình Hội đồng Bộ trưởng.

Hồ sơ số 626 - Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 29 ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 3 NĂM 1988

Hội nghị tư pháp toàn quốc lần thứ VI

Hội nghị được tổ chức tại thành phố Quy Nhơn tỉnh Nghĩa Bình.

Tham dự Hội nghị có 140 đại biểu, gồm Giám đốc Sở Tư pháp, Chánh án Tòa án nhân dân của 40 tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc Trung ương, 10 đại biểu pháp chế các bộ, ngành, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ Tư pháp, đại diện của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án Quân sự cấp cao và Phó Bí thư tỉnh uỷ, Chủ tịch UBND tỉnh Nghĩa Bình.

Hội nghị đã được đón nhận thư của Quyền Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Võ Văn Kiệt, với những tư tưởng chỉ đạo lớn là phải tiếp tục quán triệt tinh thần đổi mới sâu sắc của Đại hội VI và Nghị quyết Trung ương, khắc phục những yếu kém, trì trệ, từng bước đổi mới các hoạt động của Ngành, nhất là trên hai mặt xây dựng pháp luật và đảm bảo việc thực hiện pháp luật, góp phần tăng cường quản lý nhà nước bằng pháp luật.

Hội nghị Tư pháp lần này được tiến hành trên tinh thần đổi mới, nói thẳng, nói thật, chỉ ra những yếu kém, khuyết nhược điểm tồn tại từ lãnh đạo Bộ, cơ quan Bộ đến các cơ quan tư pháp, toà án địa phương và pháp chế các bộ, ngành ở Trung ương, từ đó đề ra những biện pháp khắc phục.

Hội nghị đã dành phần lớn thời gian để các đại biểu tham gia thảo luận, nội dung thảo luận được hướng trọng tâm vào những nội dung chính như đánh giá công tác xây dựng pháp luật, đảm bảo việc thực hiện pháp luật, công tác tổ chức xây dựng Ngành năm 1987 và bàn phương hướng, nhiệm vụ đến năm 1990 và kế hoạch công tác năm 1988.

Hội nghị cũng đã tiến hành tổng kết phong trào thi đua năm 1987 và trao phần thưởng cho các đơn vị cá nhân có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua. Hội nghị nhất trí đề nghị Hội đồng Bộ trưởng, Hội đồng Nhà nước tặng thưởng Huân chương lao động hạng 3 cho hai đơn vị là Sở Tư pháp Hải Hưng và Sở Tư pháp thành phố Hồ Chí Minh.

Hồ sơ số 636 - Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 31 THÁNG 3 NĂM 1988

Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Chỉ thị số 224/VP-TH về việc phát huy kết quả Hội nghị tư pháp lần thứ VI đẩy mạnh thực hiện những công tác trọng tâm của Ngành, góp phần thực hiện thắng lợi các Nghị quyết của Đảng

Để phát huy kết quả của Hội nghị đẩy mạnh thực hiện những công tác trọng tâm của Ngành, Bộ trưởng Bộ Tư pháp ra chỉ thị đề nghị các cơ quan tư pháp, tòa án địa phương, pháp chế Ngành cần tập trung thực hiện những chủ trương, biện pháp sau đây:

1. Đẩy mạnh công tác xây dựng pháp luật, pháp quy, thể chế hóa kịp thời những chủ trương, chính sách của Đảng về đổi mới trong quản lý kinh tế, mở rộng tính tự chủ, năng động, sáng tạo của các đơn vị kinh tế cơ sở, đảm bảo lợi ích của người lao động.

2. Các cơ quan tư pháp, các tòa án nhân dân và các tổ chức pháp chế ngành phải là lực lượng nòng cốt phối hợp cùng các cơ quan thông tin đại chúng để tổ chức tốt việc tuyên truyền, giáo dục, giải đáp pháp luật, làm cho cán bộ, nhân dân hiểu được pháp luật, tự giác tuân thủ pháp luật, đấu tranh bảo vệ pháp chế xã hội chủ nghĩa.

Phối hợp tốt các ngành hữu quan để củng cố, thành lập các đoàn luật sư, các tổ chức giám định, làm thí điểm và từng bước xây dựng tổ chức công chứng, để các tổ chức này dần đi vào nề nếp, nâng cao chất lượng và hoạt động có hiệu quả. Nghiên cứu tổ chức thống kê tư pháp, học tập kinh nghiệm để triển khai công tác lý lịch tư pháp.

3. Phải đặc biệt quan tâm đến công tác tổ chức xây dựng Ngành, bảo đảm các cơ quan tư pháp đủ sức hoàn thành nhiệm vụ được Đảng và Nhà nước giao cho.

Hồ sơ số 625 - Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 18 THÁNG 4 NĂM 1988

Bộ trưởng Bộ Tư pháp ra Chỉ thị số 276/TTPL về tổ chức đợt tuyên truyền, phổ biến Luật Đất đai

Luật Đất đai năm 1987 là văn bản pháp luật đầu tiên của Nhà nước ta quy định tổng quát và cụ thể chế độ quản lý và sử dụng đất đai. Theo Chỉ thị số 33-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng cần tổ chức tuyên truyền, phổ biến rộng rãi Luật Đất đai cho mọi người nhất là người sử dụng đất, có kế hoạch bồi dưỡng riêng cho các đối tượng là cán bộ thuộc các cơ quan quản lý đất đai.

Sau khi thống nhất với Tổng cục Quản lý ruộng đất, Trung ương Mặt trận Tổ quốc, Trung ương Đoàn thanh niên, Trung ương Hội liên hiệp phụ nữ và Bộ Thông tin, Bộ Tư pháp chỉ thị cho các Sở Tư pháp, các tổ chức pháp chế ngành giúp Ủy ban, Thủ trưởng ngành tổ chức đợt tuyên truyền Luật Đất đai với mục đích là làm cho đại đa số người sử dụng đất hiểu rõ vị trí, vai trò của đất đai đối với yêu cầu phát triển kinh tế xã hội của nước ta; hiểu rõ nội dung của Luật Đất đai, đặc biệt là quy định đất đai thuộc sở hữu toàn dân do Nhà nước thống nhất quản lý.

Hồ sơ số 700 - Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 23 THÁNG 5 NĂM 1988

Bộ trưởng Bộ Tư pháp ra Quyết định số 118-QĐ/TC về việc sáp nhập Vụ Pháp luật chung và Vụ Pháp luật kinh tế thành Vụ Pháp luật

Theo quyết định, Vụ Pháp luật được thành lập trên cơ sở sáp nhập Vụ Pháp luật chung và Vụ Pháp luật kinh tế có chức năng, nhiệm vụ sau:

- Tổng hợp kế hoạch xây dựng văn bản pháp luật (không kể pháp luật quốc tế) 5 năm và hàng năm để Bộ trình Hội đồng Bộ trưởng xem xét và quyết định; giúp Bộ theo dõi, đôn đốc các bộ, ngành trong việc bảo đảm thực hiện kế hoạch nói trên;

- Dự thảo hoặc tham gia dự thảo các văn bản pháp luật do Bộ giao cho. Thẩm tra về mặt pháp lý các dự thảo văn bản pháp luật thuộc các lĩnh vực do Vụ phụ trách để Bộ trình hoặc cùng các bộ khác trình Hội đồng Bộ trưởng xét duyệt;

- Nghiên cứu, khảo sát, theo dõi tình hình thi hành pháp luật, đề xuất ý kiến về hoàn thiện pháp luật thuộc lĩnh vực do Vụ phụ trách;

- Nghiên cứu xây dựng các đề án về công tác pháp chế trong việc quản lý nền kinh tế quốc dân. Hướng dẫn pháp chế các bộ, tư pháp địa phương tổ chức thực hiện khi các đề án đó được thông qua;

- Hướng dẫn pháp chế các bộ, ngành và tư pháp địa phương về nghiệp vụ xây dựng và hệ thống hóa pháp luật thuộc các lĩnh vực do Vụ phụ trách;

- Xem xét, đánh giá tính hợp pháp các văn bản pháp luật của các bộ và địa phương ban hành thuộc các lĩnh vực do Vụ phụ trách báo cáo Bộ những ý kiến của mình;

- Quản lý cán bộ và tài sản do Bộ giao cho Vụ quản lý;

Vụ pháp luật có Vụ trưởng, các Phó Vụ trưởng và các chuyên viên.

Hồ sơ số 874 - Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 26 THÁNG 5 NĂM 1988

Bộ trưởng Bộ Tư pháp ra Quyết định số 123-QĐ/TC về việc giao cho Văn phòng Bộ làm nhiệm vụ tuyên truyền pháp luật

Quyết định giao cho Văn phòng Bộ làm nhiệm vụ tuyên truyền pháp luật; tài sản, tài liệu có liên quan và một phần phương tiện làm việc do Vụ Tuyên truyền, giáo dục pháp luật quản lý được giao cho Văn phòng.

Hồ sơ số 874 - Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

Bộ trưởng Bộ Tư pháp ra Quyết định số 124-QĐ/TC về việc giao cho Vụ Tổ chức cán bộ đảm nhiệm thêm nhiệm vụ

Theo Quyết định này thì Vụ Tổ chức cán bộ đảm nhiệm thêm các nhiệm vụ:

- Hướng dẫn nội dung giảng dạy pháp luật ở các trường phổ thông, trường dạy nghề; tài liệu có liên quan và một phần phương tiện làm việc do Vụ Tuyên truyền, giáo dục pháp luật quản lý chuyển cho Vụ Tổ chức cán bộ.

- Hướng dẫn xây dựng tổ chức và công tác tư pháp xã, phường, thị trấn (trong đó có tổ hòa giải).

Hồ sơ số 874 - Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 21 THÁNG 6 NĂM 1988

Bộ Tư pháp ban hành Thông tư số 463-TCCB hướng dẫn về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức cơ quan tư pháp các tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc Trung ương

Để thống nhất thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của các Sở Tư pháp, Bộ Tư pháp hướng dẫn như sau:

- Sở Tư pháp là cơ quan chuyên môn của UBND tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc Trung ương, có chức năng giúp Ủy ban quản lý thống nhất các công việc về tư pháp ở địa phương, đồng thời là cơ quan thuộc hệ thống tư pháp, chịu sự chỉ đạo về nghiệp vụ của Bộ Tư pháp. Sở Tư pháp có nhiệm vụ và quyền hạn sau:

+ Giúp UBND cấp tỉnh quản lý thống nhất việc ban hành văn bản pháp quy của các cơ quan nhà nước ở địa phương.

+ Thực hiện ủy quyền của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quản lý các Tòa án nhân dân huyện về mặt tổ chức.

+ Hướng dẫn, kiểm tra về tổ chức và hoạt động của các đoàn luật sư, quản lý công tác giám định tư pháp; tổ chức thực hiện và hướng dẫn UBND cấp huyện, xã thực hiện công tác hộ tịch; quản lý công tác công chứng nhà nước, thực hiện công tác lý lịch tư pháp, thống kê tư pháp theo hướng dẫn của Bộ Tư pháp.

+ Xây dựng kế hoạch phối hợp tuyên truyền, giáo dục pháp luật ở địa phương và hướng dẫn tổ chức thực hiện.

+ Đào tạo cán bộ pháp lý bậc trung học theo sự phân cấp của Bộ Tư pháp.

+ Hướng dẫn nghiệp vụ các Ban Tư pháp huyện, quận, và giúp huyện bồi dưỡng nghiệp vụ cho các Ban Tư pháp xã và các tổ hòa giải.

+ Theo dõi tổng hợp tình hình tôn trọng và vi phạm pháp luật ở địa phương.

+ Làm tư vấn pháp lý cho UBND về các vấn đề pháp lý.

- Cơ cấu tổ chức của Sở Tư pháp bao gồm: Giám đốc và Phó Giám đốc.

Hồ sơ số 701 - Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 28 THÁNG 6 NĂM 1988

Quốc hội khoá VIII kỳ họp thứ 3 thông qua Bộ luật Tố tụng hình sự

Từ Cách mạng tháng Tám năm 1945 đến thời điểm này, Nhà nước ta đã ban hành một số văn bản pháp luật về tố tụng hình sự. Tuy nhiên, nhiều văn bản pháp luật về tố tụng hình sự không còn phù hợp với yêu cầu cách mạng của giai đoạn mới. Các văn bản có nhược điểm là thiếu đồng bộ và thống nhất. Vì vậy, do yêu cầu của nhiệm vụ đấu tranh phòng và chống tội phạm cần phải có những quy định thống nhất mới về tố tụng hình sự.

Ngày 21/01/1984, trong báo cáo gửi Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng về công tác xây dựng Bộ luật Tố tụng hình sự, Ban soạn thảo đã xác định ý nghĩa, mục đích của việc xây dựng Bộ luật Tố tụng hình sự là bảo đảm việc chấp hành thống nhất

và nghiêm chỉnh luật hình sự; luật hoá các kinh nghiệm cho phù hợp với sự phát triển và tình hình mới.

Ngày 28/02/1986, Bộ Tư pháp trình Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng Tờ trình số 124/PLC về Dự thảo Bộ luật Tố tụng hình sự.

Ngày 29/12/1987, Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa VIII, kỳ họp thứ 2, thông qua Nghị quyết về dự án Bộ luật Tố tụng hình sự. Theo đó, Nghị quyết khẳng định: cho công bố Dự án Bộ luật Tố tụng hình sự để nhân dân tham gia ý kiến.

Ngày 28/6/1988, qua nhiều lần chỉnh sửa, bổ sung theo các ý kiến đóng góp của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các đại biểu Quốc hội và nhân dân, Bộ luật Tố tụng hình sự đã được Quốc hội khoá VIII kỳ họp thứ 3 thông qua và quyết định cho thi hành từ ngày 01/01/1989. Bộ luật bao gồm 7 phần với 32 chương và 286 điều quy định những nguyên tắc cơ bản trong hoạt động tố tụng hình sự; cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng và việc thay đổi người tiến hành tố tụng; người tham gia tố tụng; chứng cứ; những biện pháp ngăn chặn; biên bản, thời hạn, án phí; trình tự, thủ tục tiến hành các hoạt động khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án hình sự; giảm thời hạn hoặc miễn chấp hành hình phạt; xét lại bản án và quyết định đã có hiệu lực pháp luật; tái thẩm; thủ tục đặc biệt.

Ngày 09/7/1988, Chủ tịch Hội đồng Nhà nước ký Lệnh số 07-LCT/HĐNN8 công bố Bộ luật Tố tụng hình sự.

Bộ luật Tố tụng hình sự ra đời không những nhằm đổi mới hoạt động của cơ quan tư pháp trong lĩnh vực hình sự, mà còn góp phần làm sáng tỏ nội dung cần thiết của việc đổi mới toàn bộ hệ thống cơ quan tư pháp, đòi hỏi nhanh chóng cải cách tư pháp trên tất cả các lĩnh vực (hình sự, dân sự, lao động, hành chính, kinh tế...), Bộ luật Tố tụng hình sự thể hiện tập trung chính sách của Đảng và Nhà nước ta trong lĩnh vực tố tụng hình sự; trong các công tác điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án nhằm bảo đảm đấu tranh chống tội phạm, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của công dân.

Việc ra đời của Bộ luật Tố tụng hình sự là một đóng góp quan trọng vào việc tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa nhằm từng bước bổ sung và hoàn chỉnh hệ thống pháp luật.

Báo cáo số 43-BPĐ ngày 21/01/1984;

Hồ sơ số 847 - Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp; Công báo số 21 ngày 15/11/1988, tr. 422 - 492

NGÀY 21 THÁNG 7 NĂM 1988

Hội đồng Bộ trưởng ban hành Nghị định số 117-HĐBT về giám định tư pháp

Để góp phần làm cho công tác điều tra, truy tố, xét xử được khách quan, chính xác, kịp thời và đúng pháp luật, xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tư pháp, Hội đồng Bộ trưởng ban hành Nghị định số 117-HĐBT về giám định tư pháp.

Nghị định quy định: Giám định tư pháp là sử dụng những kiến thức, phương pháp khoa học kỹ thuật, nghiệp vụ chuyên môn để kết luận về vấn đề có liên quan đến các vụ án hình sự, dân sự, hôn nhân và gia đình, các tranh chấp lao động theo quyết định trưng cầu giám định của cơ quan Công an, Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân nhằm phục vụ công tác điều tra, truy tố và xét xử.

Về thẩm quyền trưng cầu giám định, Nghị định quy định: “*Bộ Tư pháp cùng với Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Nội vụ quy định cấp có thẩm quyền quyết định trưng cầu giám định tư pháp*” (Điều 1).

Về bổ nhiệm giám định viên, Nghị định yêu cầu: Thủ trưởng các bộ, ngành chuyên môn ở cấp Trung ương ra quyết định bổ nhiệm giám định viên và giám định viên trưởng cấp Trung ương của bộ, ngành mình sau khi có ý kiến nhất trí của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.

Chủ tịch UBND tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc Trung ương ra quyết định bổ nhiệm giám định viên và giám định viên trưởng cấp tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc Trung ương, thuộc từng ngành ở địa phương mình theo đề nghị của thủ trưởng ngành chuyên môn đó và Giám đốc Sở Tư pháp (Điều 4).

Ngoài ra, Nghị định còn quy định cụ thể về các tiêu chuẩn giám định viên, nhiệm vụ, quyền hạn của giám định viên và quy định: “*Bộ Tư pháp thống nhất quản lý công tác giám định tư pháp; hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra hoạt động giám định tư pháp; bồi dưỡng kiến thức pháp lý cho giám định viên*” (Điều 12).

Có thể nói đây là văn bản đầu tiên của nước ta quy định về tổ chức giám định tư pháp.

Công báo số 16 ngày 31/8/1988, tr. 328 - 331

NGÀY 30 THÁNG 7 NĂM 1988

Bộ Tư pháp ban hành Thông tư số 596/VP hướng dẫn một số công tác tư pháp nhằm thực hiện các Nghị quyết số 10, số 11, số 16 của Bộ Chính trị

Bộ Chính trị đã ra Nghị quyết số 10 về đổi mới cơ chế quản lý kinh tế trong nông nghiệp; Nghị quyết số 11 về các biện pháp cấp bách chống lạm phát và

Nghị quyết số 16 về đổi mới chính sách và cơ chế quản lý đối với các cơ sở sản xuất thuộc các thành phần kinh tế ngoài quốc doanh. Trong những biện pháp cấp bách được Bộ Chính trị đặt ra có biện pháp tập trung xây dựng những văn bản pháp luật, pháp quy cấp thiết nhất; xem xét lại và công bố huỷ bỏ những văn bản pháp luật trái với tinh thần và nội dung của các Nghị quyết nói trên; làm tốt công tác tuyên truyền, giải thích và tổ chức thực hiện có hiệu quả những văn bản pháp luật, pháp quy có nội dung gắn với các Nghị quyết số 10, số 11, số 16 của Bộ Chính trị.

Để thực hiện các Nghị quyết trên, Bộ Tư pháp hướng dẫn các bộ, Ủy ban nhà nước, các cơ quan khác thuộc Hội đồng Bộ trưởng, các UBND địa phương:

- Coi trọng và tập trung đúng mức công tác thể chế hoá văn bản.
- Tổ chức tốt việc tuyên truyền giải thích pháp luật. Nội dung tuyên truyền phải có trọng tâm, trọng điểm, có tác dụng thiết thực, tập trung vào những văn bản có nội dung đổi mới quản lý kinh tế nông nghiệp, chống lạm phát, các chính sách và cơ chế quản lý các cơ sở kinh tế ngoài quốc doanh.
- Kết hợp chặt chẽ việc tuyên truyền giải thích pháp luật với việc tổ chức thực hiện pháp luật.

Hồ sơ số 624 - Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 16 THÁNG 8 NĂM 1988

Bộ Tư pháp ra Quyết định số 193-QĐ/TC về việc chuyển giao một số nhiệm vụ từ Hội đồng xây dựng chức danh tiêu chuẩn sang Vụ Tổ chức cán bộ

Theo đó, Quyết định này quy định:

1. Chuyển giao nhiệm vụ xây dựng chức danh, tiêu chuẩn nghiệp vụ viên chức Ngành Tư pháp từ Hội đồng xây dựng chức danh tiêu chuẩn của Bộ Tư pháp sang Vụ Tổ chức cán bộ kể từ ngày 15/8/1988;
2. Nhiệm vụ xây dựng chức danh, tiêu chuẩn nghiệp vụ viên chức của các Tòa án nhân dân địa phương do Vụ Quản lý Tòa án địa phương đảm nhiệm;
3. Vụ trưởng các Vụ, Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ có trách nhiệm tham gia, phối hợp với Vụ Tổ chức cán bộ và Vụ Quản lý Tòa án địa phương xây dựng chức danh đầy đủ và tiêu chuẩn nghiệp vụ viên chức làm công tác chuyên môn có liên quan đến lĩnh vực chuyên môn nghiệp vụ thuộc phạm vi mình quản lý;
4. Thủ trưởng các đơn vị cùng với Vụ Tổ chức cán bộ và Vụ Quản lý Tòa án địa phương từng bước triển khai ứng dụng chức danh đầy đủ, tiêu chuẩn

nghịệp vụ viên chức đã được Nhà nước ban hành cho các ngành nghề thuộc đơn vị quản lý.

Hồ sơ số 703 - Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 08 THÁNG 9 NĂM 1988

Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Nội vụ, Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại giao ra Thông tư liên ngành số 01/TTLN hướng dẫn việc điều tra, xử lý các vụ vi phạm luật lệ giao thông đường bộ do người, phương tiện giao thông nước ngoài gây ra

Do việc điều tra xử lý các vụ vi phạm luật lệ giao thông đường bộ do người, phương tiện giao thông nước ngoài gây ra ở Việt Nam chưa có văn bản hướng dẫn nên nhiều vụ giải quyết không kịp thời và chưa bảo đảm quyền lợi của người bị hại dẫn đến việc có nhiều đơn thư khiếu nại đến các cơ quan nhà nước. Sau khi trao đổi, thống nhất ý kiến giữa các ngành, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Nội vụ, Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại giao hướng dẫn:

- Các vụ vi phạm luật lệ giao thông đường bộ do người nước ngoài hoặc những phương tiện giao thông đường bộ của người nước ngoài gây ra tại Việt Nam đều phải được điều tra, xử lý chính xác, kịp thời, đảm bảo lợi ích nhà nước và lợi ích hợp pháp của công dân bị thiệt hại do việc vi phạm gây ra.

- Đối với phương tiện giao thông đường bộ nước ngoài do công dân Việt Nam điều khiển vi phạm luật lệ giao thông thì việc điều tra, xử lý phải được tiến hành sao cho không gây trở ngại quá đáng cho hoạt động của các cơ quan đại diện và các tổ chức quốc tế.

Hồ sơ số 780 - Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 12 THÁNG 9 NĂM 1988

Bộ Tư pháp ra Quyết định số 281 - QĐ/TC về việc mở Hội nghị chuyên đề nghiên cứu Bộ luật Tố tụng hình sự cho cán bộ chủ chốt Ngành Tư pháp

Quyết định nêu rõ: mở Hội nghị chuyên đề nghiên cứu Bộ luật Tố tụng hình sự cho cán bộ chủ chốt Ngành Tư pháp trong toàn quốc và pháp chế các ngành, các đoàn thể ở Trung ương vào ngày 05/10/1988.

Hồ sơ số 686 - Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 15 THÁNG 9 NĂM 1988

Bộ Tư pháp hướng dẫn việc triển khai, phổ biến, tuyên truyền Bộ luật Tố tụng hình sự

Nhằm giúp cho cán bộ và nhân dân nắm được vị trí, vai trò của Bộ luật Tố tụng hình sự cũng như hiểu rõ chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền của từng cơ quan, từng người thuộc các cơ quan bảo vệ pháp luật khi tiến hành tố tụng hình sự, hiểu rõ các quy định về quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của các tổ chức xã hội, của công dân khi tham gia tố tụng và trong đấu tranh chống tội phạm, nâng cao ý thức làm chủ, trách nhiệm của công dân trong việc phát hiện, tố cáo, cung cấp tin tức, tài liệu cho các cơ quan bảo vệ pháp luật,... ngày 15/9/1988, Bộ Tư pháp có Công văn gửi UBND các tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc Trung ương, các Sở Tư pháp và các tổ chức pháp chế ngành ở Trung ương hướng dẫn việc triển khai, phổ biến, tuyên truyền Bộ luật Tố tụng hình sự. Ngoài mục đích, yêu cầu của việc phổ biến, tuyên truyền Bộ luật Tố tụng hình sự, Bộ Tư pháp cũng hướng dẫn về nội dung, hình thức cũng như việc phân công, phối kết hợp giữa các cơ quan đoàn thể trong việc thực hiện tuyên truyền, phổ biến Bộ luật Tố tụng hình sự. Bên cạnh đó, Bộ Tư pháp cũng yêu cầu các Sở Tư pháp, tổ chức pháp chế ngành có trách nhiệm giúp UBND, Thủ trưởng ngành xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện và theo dõi việc thực hiện ở địa phương, ngành mình.

Hồ sơ số 686 - Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 09 THÁNG 10 NĂM 1988

Bộ Tư pháp trình Hội đồng Bộ trưởng Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung Luật Tổ chức Hội đồng Bộ trưởng năm 1981

Tháng 5/1988, Bộ Tư pháp đã họp với Ban Tổ chức Chính phủ, Văn phòng Hội đồng Bộ trưởng, Viện Nghiên cứu Quản lý kinh tế Trung ương để trao đổi về những nội dung chủ yếu của dự án Luật sửa đổi, bổ sung Luật Tổ chức Hội đồng Bộ trưởng và đã thống nhất được bản dự thảo lần thứ nhất.

Ngày 23/5/1988, Bộ Tư pháp trình Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung Luật Tổ chức Hội đồng Bộ trưởng.

Tháng 8/1988 Bộ Tư pháp gửi Dự thảo đến các bộ, Ủy ban Nhà nước, Tổng cục và một số Ban của Trung ương Đảng để lấy ý kiến.

Ngày 16/9/1988, theo Chỉ thị của Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng, Bộ Tư pháp tổ chức Hội nghị đại diện một số bộ, Ủy ban Nhà nước, Tổng cục, Ban Nội chính Trung ương để góp ý thêm về Dự án.

Ngày 24/9/1988, Bộ Tư pháp tiếp tục trình Hội đồng Bộ trưởng Tờ trình số 793/VNCPL về Luật sửa đổi, bổ sung Luật Tổ chức Hội đồng Bộ trưởng năm 1981, trong đó đưa ra nội dung và quan điểm sửa đổi Luật.

Quan điểm sửa đổi lần này là:

- Hoạt động của Hội đồng Bộ trưởng phải có hiệu lực và hiệu quả cao.
- Tổ chức Hội đồng Bộ trưởng cần được tinh giản, gọn nhẹ...
- Xác định rõ hơn mối quan hệ, quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng, của Bộ trưởng với UBND.

Sau khi được Hội nghị Hội đồng Bộ trưởng cho ý kiến trong phiên họp ngày 29/9/1988 và được một số bộ đóng góp thêm ý kiến, ngày 09/10/1988, trong Công văn số 931/PL bổ sung Tờ trình số 793/VNCPL ngày 24/9/1988, Ban soạn thảo bổ sung thêm bốn nội dung cho Tờ trình sửa đổi Luật Tổ chức Hội đồng Bộ trưởng năm 1981, đó là:

1. Về Ủy ban liên bộ;
2. Về nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ trưởng;
3. Về Thứ trưởng thứ nhất;
4. Về Văn phòng Hội đồng Bộ trưởng.

Hồ sơ số 891 - Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 19 THÁNG 10 NĂM 1988

Hội đồng Bộ trưởng ra Chỉ thị số 269/CT về việc tổ chức thi hành Bộ luật Tố tụng hình sự

Để chuẩn bị chu đáo và kịp thời cho việc triển khai thi hành Bộ luật Tố tụng hình sự, ngày 23/8/1988, Bộ Tư pháp trình Hội đồng Bộ trưởng dự thảo Chỉ thị của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng về việc tổ chức thi hành Bộ luật Tố tụng hình sự. Nội dung tờ trình đề nghị Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng chỉ thị cho các bộ, ngành ở Trung ương và UBND các cấp tiến hành một số công việc cần thiết để tổ chức thi hành Bộ luật Tố tụng hình sự.

Ngày 19/10/1988, Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng ra Chỉ thị số 269/CT yêu cầu các bộ, ngành ở Trung ương và UBND các cấp khẩn trương tiến hành các việc sau:

- Tổ chức phổ biến, tuyên truyền về Bộ luật Tố tụng hình sự.
- Soát xét lại những văn bản hiện hành, xây dựng văn bản mới bảo đảm việc thi hành Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tăng cường tổ chức bộ máy và cán bộ các cơ quan bảo vệ pháp luật, tăng cường đấu tranh chống và phòng ngừa tội phạm.

Chỉ thị cũng quy định rõ trách nhiệm của các cơ quan, ban ngành, các tổ chức và UBND các cấp trong việc thực hiện và phối hợp thực hiện việc tổ chức thi hành Bộ luật Tố tụng hình sự.

*Hồ sơ số 686, Hộp số 44 - Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp;
Công báo số 22 ngày 30/11/1988, tr. 504 - 505*

NGÀY 12 THÁNG 11 NĂM 1988

Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao, Bộ Nội vụ, Bộ Tư pháp ban hành Quy định liên ngành về chế độ thống kê hình sự

Theo đó, Bản Quy định này quy định cụ thể về mục đích của việc thống kê; đơn vị thống kê; thời điểm thống kê, nội dung số liệu thống kê và nhấn mạnh: Số liệu thống kê hình sự là tài liệu tối mật của Nhà nước, những cơ quan sử dụng các tài liệu này phải lưu trữ, bảo quản theo đúng quy định của Nhà nước về bảo vệ tài liệu mật và chịu trách nhiệm về việc để mất, tiết lộ bí mật ra ngoài.

Về tổ chức thực hiện, Quy định nêu rõ: Các biểu thống kê hình sự thuộc trách nhiệm của cơ quan nào do cơ quan đó thực hiện và gửi đến Viện kiểm sát cùng cấp, đồng thời gửi ngành dọc cấp trên trực tiếp. Riêng Tòa án nhân dân địa phương gửi cho cơ quan tư pháp và Tòa án nhân dân trên một cấp. Viện kiểm sát nhân dân có trách nhiệm đối chiếu, tổng hợp số liệu thống kê hình sự để đảm bảo số liệu thống nhất trong 4 ngành.

Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 30 THÁNG 11 NĂM 1988

Bộ Tư pháp ra Quyết định số 299-QĐ/TC về việc thành lập Hội đồng khoa học Bộ Tư pháp

Quyết định nêu rõ:

1. Thành lập Hội đồng khoa học Bộ Tư pháp. Hội đồng khoa học Bộ có chức năng tư vấn cho lãnh đạo Bộ về lĩnh vực nghiên cứu khoa học pháp lý.

2. Hội đồng khoa học Bộ Tư pháp có nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

- Thảo luận phương hướng, nhiệm vụ phát triển khoa học pháp lý và các đề án nghiên cứu pháp lý của Ngành.

- Đánh giá và nghiệm thu các đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ. Đánh giá các đề tài nghiên cứu khoa học cấp Nhà nước do Bộ chủ trì và đề nghị lãnh đạo Bộ xem xét.

- Đề nghị với lãnh đạo Bộ ứng dụng tiến bộ khoa học nói chung và khoa học pháp lý vào hoạt động của Ngành.

- Thông qua chương trình giảng dạy, xét duyệt giáo trình của Trường Đại học Pháp lý.

- Làm tư vấn cho Bộ trưởng về việc xem xét và đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền phong các chức vụ khoa học cho cán bộ giảng dạy đại học và nghiên cứu khoa học trong Ngành.

Thành phần Hội đồng khoa học Bộ gồm 10 thành viên, trong đó:

- Chủ tịch Hội đồng: ông Trần Đông, Thứ trưởng Thứ nhất Bộ Tư pháp.

- Phó Chủ tịch: ông Nguyễn Văn Thảo, Viện trưởng Viện Nghiên cứu khoa học pháp lý.

- Thư ký Hội đồng: ông Nguyễn Đức Tuấn, Phó tiến sĩ luật.

Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

Hội nghị liên ngành kiểm điểm tình hình thực hiện Hiệp định Tương trợ tư pháp đã ký kết giữa Việt Nam với một số nước xã hội chủ nghĩa

Ngày 30/11/1988, Bộ Tư pháp cùng các ngành Kiểm sát, Tòa án, Nội vụ, Ngoại giao và các ban, ngành có liên quan họp kiểm điểm tình hình thực hiện Hiệp định Tương trợ tư pháp đã ký kết giữa nước ta với một số nước xã hội chủ nghĩa.

Tại Hội nghị, Bộ Tư pháp với tư cách là cơ quan được Hội đồng Bộ trưởng giao cho việc nghiên cứu, đề xuất ký kết và theo dõi việc thực hiện các Hiệp định Tương trợ tư pháp đã báo cáo tình hình 4 năm (1985-1988) triển khai thực hiện các Hiệp định. Trong báo cáo, Bộ Tư pháp khẳng định những kết quả đã làm được, những khuyết điểm tồn tại trong sự phối hợp giữa các ngành có liên quan và trong bản thân mỗi ngành có trách nhiệm thi hành các Hiệp định đã ký kết, đồng thời cũng nêu lên những nguyên nhân chủ yếu của kết quả và thiếu sót, kiến nghị các biện pháp để đưa công tác này đi vào nề nếp, đạt hiệu quả cao hơn trong những năm trước mắt.

Lãnh đạo và đại diện các ban, ngành dự Hội nghị phát biểu nhiều ý kiến bổ sung báo cáo, đề xuất thêm các giải pháp để khắc phục các khó khăn, vướng mắc cả ở phía ta và phía bạn.

Trên cơ sở đánh giá tình hình thực hiện các Hiệp định Tương trợ tư pháp trong 4 năm, Hội nghị thống nhất nhận định: Việc thực hiện các Hiệp định Tương trợ tư pháp ở nước ta chưa đáp ứng được các yêu cầu về hợp tác quốc tế, chưa thực hiện tốt những cam kết giữa ta với bạn trong Hiệp định đã ký kết.

Hội nghị cũng kiến nghị với Hội đồng Nhà nước và Hội đồng Bộ trưởng một số biện pháp về xây dựng luật, về tổ chức cán bộ, về công tác tuyên truyền, về việc tập huấn các Hiệp định Tương trợ tư pháp và về công tác phối kết hợp giữa các cơ quan, ban, ngành trong việc thực hiện các Hiệp định Tương trợ tư pháp nhằm tăng cường sự chỉ đạo đối với công tác này.

Hồ sơ số 688 - Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 12 ĐẾN 16 THÁNG 12 NĂM 1988

Đoàn đại biểu Bộ Tư pháp tham dự phiên họp thường kỳ của Ban Thường trực Hội đồng tương trợ kinh tế được tổ chức tại Xô-phi-a (Bun-ga-ri)

Đoàn do Bộ trưởng Bộ Tư pháp Phan Hiền làm Trưởng đoàn.

Đây là lần đầu tiên nước ta tham gia vào hoạt động pháp lý nói chung của Hội đồng tương trợ kinh tế và của Ban Thường trực pháp lý nói riêng.

Tham dự phiên họp có đại biểu của 10 nước thành viên của Hội đồng tương trợ kinh tế. Phiên họp đã thông qua báo cáo kết quả hoạt động của Ban Thường trực pháp lý trong năm 1988 và phương hướng, kế hoạch hoạt động cho 2 năm 1989 và 1990.

Tại phiên họp, các đoàn đại biểu đã tham gia thảo luận về các vấn đề như:

- Quan điểm xây dựng “Điều kiện chung hợp đồng hợp tác khoa học kỹ thuật”;
- Giải quyết bằng trọng tài lâm thời các tranh chấp phát sinh từ việc giải thích và thực hiện các hiệp định về hợp tác kinh tế và khoa học kỹ thuật;
- Các vấn đề pháp lý của việc thành lập và hoạt động của các tổ chức kinh tế quốc tế (liên doanh);
- Bổ sung Ban chỉ đạo thực tiễn ký kết hợp đồng về chuyên môn hoá và hợp tác hoá sản xuất;
- Các vấn đề pháp lý của việc ký kết các hiệp định (hợp đồng) “chéo”; và
- Việc thành lập hệ thống thông tin quốc tế về pháp luật của các nước thành viên.

Hồ sơ số 689 - Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 22 THÁNG 12 NĂM 1988

Quốc hội khoá VIII, kỳ họp thứ 4 thành lập Ủy ban dự thảo sửa đổi và bổ sung một số điều của Hiến pháp năm 1980

Sau khi xem xét đề nghị của Hội đồng Nhà nước về việc sửa đổi và bổ sung một số điều của Hiến pháp năm 1980, Quốc hội khoá VIII, kỳ họp thứ 4 đã quyết nghị thành lập Ủy ban dự thảo sửa đổi và bổ sung một số điều của Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Ủy ban dự thảo sửa đổi và bổ sung một số điều của Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam gồm có 16 thành viên trong đó có Bộ trưởng Bộ Tư pháp - Phan Hiền.

<http://vbqtpl.moj.gov.vn>

NGÀY 22 ĐẾN 24 THÁNG 12 NĂM 1988

Hội nghị Tư pháp toàn quốc lần thứ VII

Nhằm đánh giá, kiểm điểm hai năm Ngành Tư pháp thực hiện Nghị quyết Đại hội VI của Đảng, đề ra nhiệm vụ công tác năm 1989, Bộ Tư pháp tổ chức Hội nghị Tư pháp toàn quốc lần thứ VII.

Đánh giá công tác tư pháp năm 1988 báo cáo tại Hội nghị nêu rõ: Trong năm 1988, công tác xây dựng pháp luật đã có nhiều cố gắng, từng bước có sự đổi mới, đưa công tác này dần dần đi vào nề nếp, có kế hoạch, nâng cao được chất lượng của các văn bản dự thảo; Công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật cũng thu được những kết quả nhất định, là năm đầu tiên triển khai giáo dục pháp luật trong các trường phổ thông nhưng đã triển khai được ở hầu hết các địa phương và nhiều nơi đạt kết quả tốt; Việc cải tiến bộ máy của các Tòa án địa phương, bộ phòng giám đốc kiểm tra và phòng thi hành án, làm việc theo chế độ chuyên viên đã nâng cao trách nhiệm của các Chánh án, Phó Chánh án.

Về phương hướng, nhiệm vụ công tác tư pháp năm 1989, Hội nghị thống nhất: Để góp phần thực hiện có hiệu quả những mục tiêu kinh tế - xã hội do Đảng và Nhà nước đề ra, toàn bộ công tác tư pháp phải hướng vào phục vụ sự nghiệp đổi mới của đất nước, mà trước hết là đổi mới về kinh tế - cơ chế quản lý kinh tế; quản lý xã hội với hai công tác trọng tâm của Ngành vẫn được xác định và tập trung thực hiện trong năm 1989, đó là: đẩy mạnh công tác xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật (cả Trung ương và địa phương) và củng cố, kiện toàn hệ thống tổ chức tư pháp và các Tòa án địa phương.

Ngày 24/12/1988, Hội nghị vinh dự được đón Ủy viên Bộ Chính trị, Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Đỗ Mười, đến dự và nói chuyện. Thay mặt Đảng và Nhà nước,

Chủ tịch Đỗ Mười nhiệt liệt biểu dương những cố gắng và thành tích của Ngành Tư pháp trong 7 năm qua, đặc biệt là từ sau Đại hội VI của Đảng. Tuy nhiên, Chủ tịch cũng nhấn mạnh những hạn chế, bất cập trong hoạt động xây dựng pháp luật của Ngành trong thời gian qua, đó là “Còn thiếu nhiều văn bản pháp luật cần thiết nhằm tạo cơ sở cho Nhà nước thực hiện chức năng kiểm soát và quản lý vĩ mô, nhằm thể chế hoá tư tưởng “lấy dân làm gốc” về mặt kinh tế cũng như các mặt khác, làm cho người dân thực sự làm chủ đất nước, địa phương, xí nghiệp, hợp tác xã của mình. Việc xây dựng pháp luật còn rất chậm, không theo kịp yêu cầu của lãnh đạo và của nhân dân, nhất là về pháp luật kinh tế.”

Trên cơ sở đó, Chủ tịch chỉ rõ: “Trước hết, phải xây dựng các pháp luật nhằm bảo đảm quyền lực và sự hoạt động của Nhà nước, bảo đảm dân chủ xã hội chủ nghĩa trên cơ sở “lấy dân làm gốc”... Toàn bộ quá trình công khai, dân chủ, ý thức về công bằng xã hội... phải được thể hiện bằng pháp luật, tạo điều kiện cho nhân dân thực sự thực hiện quyền làm chủ của mình... Hướng quan trọng thứ hai của công tác xây dựng pháp luật là xây dựng một hệ thống các văn bản pháp luật và pháp quy trong quản lý kinh tế: bao gồm các lĩnh vực pháp luật về dân sự, về kinh tế, về hành chính, tài chính, thuế, lao động, đất đai, sở hữu... Hướng thứ ba của hoạt động xây dựng pháp luật là kiện toàn hệ thống các cơ quan pháp luật, các cơ quan tư pháp, Tòa án, pháp chế ngành, để các cơ quan này thật sự trong sạch, vững mạnh, có đủ năng lực tham gia bảo vệ có hiệu quả lợi ích của nhân dân, của tập thể, của Nhà nước, bảo đảm pháp chế xã hội chủ nghĩa và kỷ cương xã hội, bảo đảm công bằng xã hội, bình đẳng về quyền lợi và nghĩa vụ trước pháp luật, hạn chế và đẩy lùi các hiện tượng tiêu cực, tội phạm và các tệ nạn xã hội khác”.

Về vấn đề củng cố, kiện toàn các cơ quan tư pháp, Chủ tịch Đỗ Mười chỉ rõ: trước mắt chúng ta cần khẩn trương xây dựng quy chế đoàn luật sư; cần làm tốt công tác tuyên truyền, giáo dục, phổ biến pháp luật cho cán bộ, nhân dân, các cơ quan tư pháp cần cộng tác với các ngành, các địa phương và các cơ quan thông tin đại chúng trong việc tuyên truyền, giáo dục pháp luật, Bộ Tư pháp cần nhanh chóng đào tạo các cán bộ pháp lý có phẩm chất tốt, có trình độ cao, đáp ứng được những nhiệm vụ của giai đoạn mới.

*Thông tin khoa học pháp lý chuyên đề kỷ niệm 50 năm ngày thành lập
Ngành Tư pháp - Viện Nghiên cứu khoa học pháp lý, 1995;
Hồ sơ số 637 - Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp*

NĂM 1989

NGÀY 24 THÁNG 01 NĂM 1989

Bộ trưởng Bộ Tư pháp ra Chỉ thị số 69-TH/CT về việc thực hiện các nhiệm vụ tư pháp năm 1989

Chỉ thị nhấn mạnh: nhiệm vụ công tác năm 1989 là phải bám sát mục tiêu thực hiện chương trình kinh tế, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 1989; đổi mới một bước quan trọng cơ chế quản lý toàn bộ nền kinh tế quốc dân, bảo đảm yêu cầu tối thiểu về lương thực cho toàn xã hội; hạn chế lạm phát, giảm mức bội chi ngân sách, giảm dần tốc độ tăng giá; bảo đảm các yêu cầu về an ninh, quốc phòng, đấu tranh chống tiêu cực, chống tội phạm, tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa. Các cơ quan tư pháp, Tòa án địa phương, các tổ chức pháp chế ngành phải phấn đấu thực hiện các công tác trọng tâm và đẩy mạnh các công tác khác. Cụ thể:

1. Đẩy mạnh công tác xây dựng, rà soát, tuyên truyền, giáo dục pháp luật và nắm tình hình thực hiện pháp luật.
2. Nâng cao chất lượng quản lý các Tòa án địa phương, Tòa án quân sự quân khu, khu vực và tương đương về mặt tổ chức.
3. Tăng cường công tác quản lý hộ tịch, luật sư, giám định, công chứng... để từng bước đưa các hoạt động này vào nề nếp và đạt hiệu quả cao.
4. Tăng cường hợp tác quốc tế về lĩnh vực tư pháp, chủ yếu trên hai lĩnh vực đào tạo bồi dưỡng cán bộ và trao đổi kinh nghiệm, nghiên cứu khoa học pháp lý.
5. Tiếp tục thực hiện cuộc vận động lớn của Đảng, tăng cường công tác chính trị tư tưởng, kiện toàn tổ chức, làm tốt công tác cán bộ, nâng cao hiệu lực của bộ máy các cơ quan tư pháp, Tòa án địa phương.

Hồ sơ số 715 - Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 26 THÁNG 01 NĂM 1989

Bộ Tư pháp ra Thông tư số 78-TT/GĐ hướng dẫn thực hiện Nghị định số 117-HĐBT của Hội đồng Bộ trưởng về giám định tư pháp

Căn cứ Điều 12 của Nghị định số 117-HĐBT ngày 21/7/1988 của Hội đồng

Bộ trưởng về giám định tư pháp, Bộ Tư pháp hướng dẫn một số điểm về tổ chức thực hiện Nghị định này như: công tác giám định; tổ chức giám định; giám định viên và giám định viên trưởng; quản lý công tác giám định; và việc triển khai thực hiện.

<http://vbqppl.moj.gov.vn>

NGÀY 28 THÁNG 01 NĂM 1989

Hội đồng Nhà nước ban hành Pháp lệnh Lực lượng Cảnh sát nhân dân Việt Nam

Dự thảo Pháp lệnh Cảnh sát nhân dân Việt Nam được khởi thảo từ năm 1985. Trong quá trình soạn thảo, Bộ Nội vụ đã cùng với Bộ Tư pháp rút kinh nghiệm từ việc thi hành 3 Pháp lệnh trước đây và nhiệm vụ của Cảnh sát nhân dân trong việc đối phó với tình hình tội phạm đang diễn ra tại thời điểm này.

Ngày 19/9/1988, sau khi Bộ trưởng Bộ Tư pháp cùng đại diện lãnh đạo Bộ Nội vụ xem xét lại Dự thảo lần cuối và được sự nhất trí của Bộ Nội vụ, Bộ Tư pháp đã trình Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng Tờ trình số 759-PL xét duyệt Dự thảo này trước khi trình Hội đồng Nhà nước.

Nội dung Dự thảo đã cố gắng vận dụng các quan điểm mới của Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ VI, nhất là quan điểm “lấy dân làm gốc” và quan điểm “quản lý Nhà nước bằng pháp luật” vào việc quy định mục tiêu, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của Cảnh sát nhân dân.

Ngày 28/01/1989, Hội đồng Nhà nước ban hành Pháp lệnh Lực lượng Cảnh sát nhân dân Việt Nam. Pháp lệnh gồm 5 chương với 39 điều quy định cụ thể về nhiệm vụ và quyền hạn của lực lượng Cảnh sát nhân dân Việt Nam; tổ chức lực lượng Cảnh sát nhân dân Việt Nam; nghĩa vụ và quyền lợi của sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ cảnh sát nhân dân.

Việc ban hành Pháp lệnh đã góp phần không nhỏ vào việc xây dựng lực lượng cảnh sát nhân dân vững mạnh cũng như bảo vệ vững chắc công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp; Công báo số 14 ngày 31/7/1989, tr. 311 - 318

NGÀY 21 THÁNG 02 NĂM 1989

Hội đồng Bộ trưởng ban hành Nghị định số 15-HĐBT về Quy chế Đoàn luật sư

Để thi hành Pháp lệnh Tổ chức luật sư, căn cứ vào chức năng được Hội đồng

Bộ trưởng giao, Bộ Tư pháp đã tiến hành xây dựng Dự thảo Quy chế Đoàn luật sư. Trong quá trình xây dựng, Ban soạn thảo đã nghiên cứu, tiếp thu ý kiến đóng góp của Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Hội Luật gia Việt Nam, một số cơ quan nhà nước, tổ chức xã hội và nhiều luật gia, luật sư có kinh nghiệm ở Trung ương và các địa phương.

Ngày 07/6/1988, Bộ Tư pháp trình Hội đồng Bộ trưởng Tờ trình số 418-QLTPK về Dự thảo Quy chế đoàn luật sư.

Ngày 21/02/1989, Hội đồng Bộ trưởng ban hành Nghị định số 15-HĐBT về việc ban hành Quy chế Đoàn luật sư. Quy chế gồm 6 chương với 47 điều, quy định về Đoàn luật sư; thành viên Đoàn luật sư; các cơ quan của Đoàn luật sư và việc tổ chức điều hành hoạt động trong Đoàn; thù lao của luật sư, quỹ của Đoàn luật sư; khen thưởng và kỷ luật; quan hệ giữa Đoàn luật sư với Bộ Tư pháp và các cơ quan Nhà nước, với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức xã hội khác.

Với những nội dung được quy định trong Quy chế, Quy chế này đồng thời được coi như Điều lệ mẫu để các Đoàn luật sư căn cứ vào đó xây dựng Điều lệ của Đoàn.

Hồ sơ số 680 - Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp; Công báo số 3 ngày 15/02/1989, tr. 54 - 61

NGÀY 04 THÁNG 4 NĂM 1989

Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Chỉ thị số 274-CT-PL về việc tổng kết tình hình thực hiện và thi hành Pháp lệnh về bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em ngày 14/11/1979

Xuất phát từ việc Ủy ban thiếu niên nhi đồng Trung ương chuẩn bị tiến hành tổng kết 10 năm thực hiện Pháp lệnh về bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em, Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Chỉ thị số 274-CT-PL về việc tổng kết tình hình thực hiện và thi hành Pháp lệnh về bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em. Theo đó, việc tổng kết cần phải đạt 3 yêu cầu: *Thứ nhất*, đánh giá đúng thực trạng về tình hình thực hiện chính sách, pháp luật và trách nhiệm của các cơ quan nhà nước trong việc giải quyết tình trạng xã hội về trẻ em. *Thứ hai*, đề xuất một số giải pháp về chủ trương, chính sách xã hội đối với trẻ em trên các mặt kinh tế, tổ chức và pháp luật. *Thứ ba*, tiếp tục hoàn thiện pháp luật, góp phần đẩy mạnh công tác bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em. Trên cơ sở các yêu cầu nêu trên Bộ Tư pháp đề nghị các Sở Tư pháp và Tòa án nhân dân địa phương thực hiện một số công việc sau:

- Tổ chức nghiên cứu tổng kết đánh giá tình hình thực tiễn thi hành Pháp lệnh về bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em, thực tiễn áp dụng pháp luật về bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em trong quá trình xét xử.

- Tiếp tục tổ chức tuyên truyền, giáo dục pháp luật cho nhân dân, tập trung vào các văn bản sau: Pháp lệnh về bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em; Luật Hôn nhân và gia đình; Luật Bảo vệ sức khỏe nhân dân; Bộ luật Hình sự và Bộ luật Tố tụng hình sự; tiến hành sơ kết và tiếp tục đẩy mạnh giáo dục pháp luật trong các trường học.

- Có kế hoạch tiến hành những việc cần làm ngay nhằm đạt hiệu quả trong việc chăm sóc, bảo vệ và giáo dục trẻ em theo chức năng của cơ quan tư pháp và Tòa án nhân dân địa phương.

Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 15 THÁNG 4 NĂM 1989

Bộ Tư pháp ban hành Thông tư số 313-TT/LS hướng dẫn thực hiện Quy chế Đoàn luật sư

Để thi hành Quy chế Đoàn luật sư ban hành kèm theo Nghị định số 15-HĐBT ngày 21/02/1989 của Hội đồng Bộ trưởng, Bộ Tư pháp hướng dẫn về thủ tục thành lập Đoàn luật sư, tổ chức Đoàn luật sư và các luật sư; việc hướng dẫn, kiểm tra về tổ chức và hoạt động của các Đoàn luật sư.

Thông tư quy định, người muốn gia nhập đoàn luật sư phải đáp ứng các điều kiện sau:

- Là công dân nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt; trung thực, khách quan, dám đấu tranh làm sáng tỏ sự thật;
- Tốt nghiệp đại học pháp lý hoặc có trình độ pháp lý tương đương.

Những người đang làm việc tại các cơ quan Tòa án, Viện kiểm sát, Công an, Tư pháp, Thanh tra Nhà nước, Trọng tài kinh tế, Hải quan và các cơ quan Nội chính của Đảng; những người đang giữ các chức vụ Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng, Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng tại các Trường đại học, trung học chuyên nghiệp, trường bồi dưỡng nghiệp vụ; Viện trưởng, Phó Viện trưởng, Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng của các Viện nghiên cứu pháp lý thuộc các cơ quan nói trên không được gia nhập Đoàn luật sư.

Bộ Tư pháp thực hiện việc hướng dẫn, kiểm tra về tổ chức và hoạt động của các Đoàn luật sư.

Hồ sơ số 905 - Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 12 THÁNG 6 NĂM 1989

Thành lập Sở Tư pháp tỉnh Gia Lai - Kon Tum

Được thành lập theo Quyết định số 75/QĐ-UB ngày 12/6/1989 của UBND tỉnh Gia Lai - Kon Tum. Đến đầu tháng 10 năm 1991 thực hiện Nghị quyết của Quốc hội, tỉnh Gia Lai - Kon Tum (cũ) được chia tách thành 2 tỉnh Gia Lai và Kon Tum. Sở Tư pháp tỉnh Gia Lai - Kon Tum (cũ) cũng được chia tách thành 2 sở, Sở Tư pháp tỉnh Gia Lai và Sở Tư pháp tỉnh Kon Tum

Tư liệu do Sở Tư pháp tỉnh Gia Lai cung cấp

NGÀY 20 THÁNG 6 NĂM 1989

Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng ra Chỉ thị số 166-CT về việc rà soát hệ thống văn bản pháp luật

Nghị quyết Hội nghị Ban chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 6 (khoá VI) ghi rõ: *“Công cuộc đổi mới, yêu cầu mở rộng dân chủ mọi mặt đời sống xã hội đang đòi hỏi phải khẩn trương đổi mới hệ thống chính sách, pháp luật của Nhà nước, tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa. Trước mắt, cần rà soát lại những văn bản pháp quy hiện hành (kể cả Hiến pháp), bổ sung và sửa đổi những điều cần thiết theo tinh thần đổi mới”*.

Đáp ứng yêu cầu này, ngày 10/5/1989, Bộ Tư pháp trình Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Tờ trình số 378/PC về Dự thảo Chỉ thị của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng về việc rà soát hệ thống văn bản pháp luật.

Ngày 20/6/1989, Hội đồng Bộ trưởng ra Chỉ thị số 166-CT về việc rà soát hệ thống văn bản pháp luật, Chỉ thị nhấn mạnh: *“Rà soát hệ thống văn bản pháp luật là việc làm thường xuyên, gắn với hoạt động xây dựng và thi hành pháp luật. Các Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Nhà nước, Thủ trưởng các cơ quan khác thuộc Hội đồng Bộ trưởng, Chủ tịch UBND các tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc Trung ương trong phạm vi thẩm quyền của mình, có trách nhiệm chỉ đạo công tác xây dựng pháp luật, đồng thời có trách nhiệm chỉ đạo công tác rà soát văn bản pháp luật”*.

Về phạm vi rà soát, Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng yêu cầu mỗi bộ và UBND tỉnh căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ quản lý cụ thể mà xác định phần rà soát của mình.

Chỉ thị cũng nêu rõ: Bộ Tư pháp có trách nhiệm hướng dẫn các bộ khác và UBND tỉnh về nghiệp vụ rà soát văn bản.

Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp; Công báo số 13 ngày 15/7/1989, tr. 296 - 300

NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 1989

Quốc hội khoá VIII, kỳ họp thứ 5 thông qua Nghị quyết thành lập Ủy ban sửa đổi Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Xét việc Ủy ban sửa đổi và bổ sung một số điều của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam do Quốc hội khoá VIII thành lập tại kỳ họp thứ 4 đã hoàn thành nhiệm vụ được giao cũng như việc cần thiết phải chuẩn bị tiến hành sửa đổi Hiến pháp một cách cơ bản, toàn diện, đáp ứng yêu cầu của giai đoạn cách mạng mới, theo đề nghị của Chủ tịch Quốc hội, ngày 30/6/1989, Quốc hội khoá VIII, kỳ họp thứ 5 thông qua Nghị quyết thành lập Ủy ban sửa đổi Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam gồm 28 vị trong đó có Bộ trưởng Bộ Tư pháp - Phan Hiền.

Ủy ban do Chủ tịch Hội đồng Nhà nước Võ Chí Công làm Chủ tịch. Ủy ban sửa đổi Hiến pháp có nhiệm vụ xây dựng dự án Luật sửa đổi Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đưa ra trưng cầu ý kiến rộng rãi của nhân dân trình Quốc hội xem xét và quyết định vào cuối nhiệm kỳ của Quốc hội khoá VIII.

<http://vbqppl.moj.gov.vn>

NGÀY 10 THÁNG 7 NĂM 1989

Thành lập Sở Tư pháp tỉnh Quảng Trị

Được thành lập theo Quyết định số 01/QĐ-UB ngày 10/7/1989 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc tổ chức bộ máy các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp và sản xuất kinh doanh thuộc UBND tỉnh.

Tư liệu do Sở Tư pháp tỉnh Quảng Trị cung cấp

THÁNG 7 NĂM 1989

Bế giảng lớp bồi dưỡng nghiệp vụ cho lãnh đạo các Sở Tư pháp

Để nâng cao kiến thức, trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ lãnh đạo các Sở Tư pháp, Bộ Tư pháp mở lớp bồi dưỡng ngắn hạn về lý luận và nghiệp vụ cho Giám đốc, Phó Giám đốc các Sở Tư pháp.

Tham dự lớp học có học viên của 17 tỉnh, thành phố. Trong thời gian 45 ngày học viên đã được nghe giảng tập trung vào 3 vấn đề: Lý luận chung về nhà nước và pháp luật, những nội dung về chuyên môn nghiệp vụ và những vấn đề cơ bản về cơ chế quản lý kinh tế.

Ông Trần Đông - Ủy viên Trung ương Đảng, Thứ trưởng thứ nhất Bộ Tư pháp đã đến dự và phát biểu tại buổi lễ bế giảng lớp học.

Báo Pháp luật số 28 ngày 11/7/1989

NGÀY 12 THÁNG 7 NĂM 1989

Thành lập Sở Tư pháp tỉnh Phú Yên

Được thành lập theo Quyết định số 125/QĐ-UB ngày 12/7/1989 của UBND tỉnh Phú Yên.

Tư liệu do Sở Tư pháp tỉnh Phú Yên cung cấp

NGÀY 15 THÁNG 7 NĂM 1989

Bộ Tư pháp ban hành Thông tư số 570-PL hướng dẫn thi hành Chỉ thị số 166-CT ngày 20/6/1989 của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng về việc rà soát hệ thống văn bản pháp luật

Theo đó, Bộ Tư pháp hướng dẫn cụ thể về mục đích, yêu cầu kết quả rà soát cũng như phạm vi rà soát các văn bản pháp luật.

Để đợt rà soát văn bản có kết quả, Bộ Tư pháp đề nghị các bộ, các UBND tỉnh bố trí một số cán bộ làm thời chuyên trách có trình độ, nắm được quan điểm, chính sách của Đảng và Nhà nước về đổi mới cơ chế quản lý, đồng thời nắm được các chế độ, thể lệ cũng như thực tiễn thi hành các chế độ, thể lệ đó trong ngành thực hiện. Bộ trưởng, Chủ tịch UBND tỉnh chịu trách nhiệm cuối cùng về chất lượng và kết quả rà soát.

Hồ sơ số 715 - Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Chỉ thị số 362-CT/TCCB về công tác bảo vệ nội bộ cơ quan Bộ Tư pháp

Công tác bảo vệ nội bộ cơ quan Bộ Tư pháp từ trước tới thời điểm này do Vụ Tổ chức cán bộ đảm nhiệm và phân công một chuyên viên kiêm nhiệm. Công việc này được thực hiện chưa nề nếp, các hoạt động bảo vệ nội bộ cơ quan từ các Vụ, Viện, Ban, Trường... đến lãnh đạo Bộ chưa được quan tâm thường xuyên. Vì vậy, Chỉ thị yêu cầu các đơn vị thuộc cơ quan Bộ và Trường Đại học Pháp lý cần khẩn trương thực hiện những công việc sau đây:

- Tiến hành tốt công tác chính trị, tư tưởng cho cán bộ trong cơ quan để mọi người đề cao cảnh giác, đề cao trách nhiệm, chủ động phòng ngừa kẻ địch và những phần tử xấu phá hoại;

- Sơ kết, bổ sung, hoàn chỉnh và thực hiện nghiêm chỉnh các chế độ, nội quy bảo vệ bí mật quốc gia trong các lĩnh vực hoạt động của cơ quan;

- Xây dựng và thực hiện nghiêm chỉnh nội quy ra, vào, canh gác, bảo vệ cơ quan, nhà trường;

- Thực hiện nghiêm túc, công bằng, dân chủ chế độ tuyển dụng, tuyển sinh, cử người đi công tác, học tập ở trong nước và nước ngoài, bố trí, đề bạt cán bộ;

- củng cố Ban bảo vệ cơ quan, tổ chức và hoạt động của tổ tự vệ cơ quan Bộ, Trường Đại học Pháp lý. Thủ trưởng các Vụ, Viện, Ban, Trường, Nhà xuất bản Pháp lý, Báo Pháp luật chịu trách nhiệm chính về bảo vệ nội bộ, giữ gìn trật tự, trị an ở đơn vị mình;

- Thực hiện thưởng, phạt nghiêm minh trong công tác bảo vệ nội bộ, giữ gìn trật tự trị an;

- Phổ biến nội dung của Chỉ thị tới toàn thể cán bộ, nhân viên các đơn vị thuộc cơ quan Bộ và cán bộ, học sinh Trường Đại học Pháp lý để quán triệt và thi hành.

Hồ sơ số 715 - Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 14 THÁNG 8 NĂM 1989

Bộ Tư pháp ban hành Thông tư số 267/QLTA hướng dẫn bầu cử Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân các Tòa án nhân dân địa phương

Thực hiện Điều 129, 130 Hiến pháp năm 1980, việc bầu cử Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân tỉnh và huyện sẽ được tiến hành trong kỳ họp thứ nhất của HĐND tỉnh và huyện. Để việc bầu cử Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân tỉnh và huyện đạt kết quả tốt, Thông tư hướng dẫn: Thẩm phán phải có các tiêu chuẩn sau đây:

- Lý lịch rõ ràng, đạo đức, phẩm chất tốt, quan điểm chính trị rõ ràng.

- Đã học tập chương trình sơ cấp lý luận Mác - Lênin trở lên (đối với Thẩm phán cấp huyện), chương trình trung cấp lý luận Mác - Lênin trở lên (đối với Thẩm phán cấp tỉnh).

- Tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc bổ túc văn hóa lớp 10/10 hoặc 12/12. Riêng đối với cán bộ thiếu số hoặc cán bộ công tác ở vùng biên giới phía Bắc, Tây Nguyên thì phải có trình độ văn hóa tốt nghiệp phổ thông cơ sở.

- Có trình độ trung học pháp lý hoặc tương đương trở lên.
- Sức khỏe đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ, không có dị hình.

Tiêu chuẩn Hội thẩm nhân dân được vận dụng tương tự như Thẩm phán. Riêng kiến thức lý luận Mác - Lênin, kiến thức pháp lý và nghiệp vụ xét xử, trình độ văn hóa thì vận dụng phù hợp với từng vùng khác nhau. Tuy nhiên, phải đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ của Hội thẩm nhân dân.

- Số lượng Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp tỉnh theo Quyết định của Bộ Tư pháp (có sự thỏa thuận của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao). Số lượng Thẩm phán của Tòa án nhân dân cấp huyện theo Quyết định của Giám đốc Sở Tư pháp (có sự thỏa thuận của Chánh án Tòa án nhân dân tỉnh).

Người giới thiệu bầu cử Chánh án, Phó Chánh án và Thẩm phán là Chủ tọa kỳ họp HĐND. Cơ quan giới thiệu bầu cử Hội thẩm nhân dân là Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cùng cấp.

Hồ sơ số 905 - Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 28 THÁNG 8 NĂM 1989

Hội đồng Nhà nước thông qua Pháp lệnh Thi hành án dân sự

Pháp lệnh Thi hành án dân sự - một hình thức văn bản pháp lý có hiệu lực cao lần đầu tiên đã được ban hành, đặt cơ sở pháp lý cho việc tăng cường, hoàn thiện tổ chức và hoạt động thi hành án dân sự. Pháp lệnh gồm có 7 chương 43 điều quy định về Chấp hành viên; thủ tục thi hành án; các biện pháp cưỡng chế thi hành án; việc khiếu nại, tố cáo hành vi trái pháp luật của Chấp hành viên và kháng cáo quyết định của Chánh án; việc xử lý vi phạm đối với người không chịu chấp hành bản án, quyết định của Tòa án và điều khoản thi hành. Pháp lệnh có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/1990.

Theo quy định của Pháp lệnh này, số lượng biên chế Chấp hành viên, cán bộ thi hành án cho từng Tòa án địa phương sẽ do Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Chấp hành viên do Bộ trưởng Bộ Tư pháp quyết định theo đề nghị của Chánh án Tòa án nhân dân địa phương. Chấp hành viên được bổ nhiệm ở các Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Tòa án nhân dân quận, huyện.

Với Pháp lệnh Thi hành án dân sự năm 1989, lần đầu tiên những quy định về thi hành án dân sự đã được pháp điển hoá. Việc tập trung thống nhất những quy định về thi hành án dân sự vào một hình thức văn bản pháp lý có hiệu lực cao đã tạo điều kiện thuận lợi cho việc áp dụng pháp luật trong việc thi hành án dân sự,

góp phần bảo đảm hiệu lực của các bản án, quyết định về dân sự của Tòa án, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Nhà nước, của tập thể và công dân, góp phần tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa.

Công báo số 5 ngày 15/3/1990, tr. 78 - 86

NGÀY 10 THÁNG 11 NĂM 1989

Trường Đại học Pháp lý Hà Nội tổ chức kỷ niệm 10 năm thành lập

Tới dự và phát biểu tại lễ kỷ niệm, Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Nguyễn Khánh đã biểu dương thành tích của trường trong 10 năm qua, khẳng định tầm quan trọng của việc quản lý nhà nước bằng pháp luật, vai trò vị trí của Trường Đại học Pháp lý Hà Nội trong hệ thống các trường Đại học ở nước ta và nhấn mạnh: Trường Đại học Pháp lý Hà Nội phải là tấm gương về nề nếp trật tự, phải thật sự là nơi rèn luyện theo phương châm “sống và làm việc theo pháp luật”.

Cũng tại buổi lễ, Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Nguyễn Khánh đã trao Huân chương lao động hạng 2 - phần thưởng cao quý của Hội đồng Nhà nước cho Trường Đại học Pháp lý Hà Nội.

Tạp chí Pháp chế số 2 năm 1990

NGÀY 07 THÁNG 12 NĂM 1989

Toà án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Bộ Tư pháp ban hành Thông tư liên ngành số 06-89/TTLN hướng dẫn thực hiện một số quy định của Pháp lệnh Thi hành án dân sự

Để thi hành Pháp lệnh Thi hành án dân sự, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Bộ Tư pháp hướng dẫn các Tòa án nhân dân và Viện kiểm sát nhân dân các cấp áp dụng thống nhất một số quy định về: thẩm quyền ra quyết định thi hành án; thời hiệu thi hành án; hoãn thi hành án, tạm đình chỉ thi hành án; việc trả lại đơn yêu cầu thi hành án và trừ vào thu nhập của người phải thi hành án; việc định giá tài sản bị kê biên; bán đấu giá tài sản đã kê biên; các chi phí về việc cưỡng chế thi hành án; và về hiệu lực thi hành của Pháp lệnh.

Hồ sơ số 764, Hộp số 50 - Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

Hội đồng Nhà nước thông qua Pháp lệnh về xử phạt vi phạm hành chính

Để thực hiện Chỉ thị của Bộ Chính trị, Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng giao cho Bộ Tư pháp chủ trì cùng với Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân

tối cao, Bộ Nội vụ, Tài chính, Lâm nghiệp, Hải quan soạn thảo Pháp lệnh Xử phạt hành chính. Chấp hành chỉ thị của Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng, Bộ Tư pháp đã cùng với các ngành tổ chức nghiên cứu, khảo sát thực tế việc xử phạt hành chính ở một số địa phương, tổ chức các cuộc hội thảo, nghiên cứu khoa học về vấn đề này, tham khảo ý kiến của các ngành, các tổ chức ở Trung ương và địa phương để xây dựng dự thảo pháp lệnh.

Trong quá trình xây dựng Dự thảo, Bộ Tư pháp đã trình Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng các Tờ trình số 794/PLC (ngày 11/11/1986); Tờ trình số 107/PLC (ngày 25/02/1988); Tờ trình số 645/PL (ngày 16/8/1988); Tờ trình số 709/PL (ngày 07/9/1988) về Dự thảo Pháp lệnh Xử phạt vi phạm hành chính.

Ngày 06 đến 07/01/1989, Hội đồng Nhà nước đã họp nghe đại diện Hội đồng Bộ trưởng báo cáo dự án Pháp lệnh Xử phạt vi phạm hành chính và báo cáo thẩm tra của Ủy ban pháp luật của Quốc hội về dự án này.

Ngày 11/02/1989, Bộ Tư pháp đã có Báo cáo số 116/PL báo cáo Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng cho ý kiến chỉ đạo về một số vấn đề lớn, có tính nguyên tắc như: phạm vi của Pháp lệnh; thẩm quyền ban hành các quy định về xử phạt hành chính...

Ngày 07/12/1989, qua nhiều lần chỉnh sửa, bổ sung và cho ý kiến, Pháp lệnh Xử phạt vi phạm hành chính đã được Hội đồng Nhà nước thông qua. Pháp lệnh gồm 6 chương với 42 điều quy định về: các đối tượng bị xử phạt vi phạm hành chính; nguyên tắc xử phạt vi phạm hành chính; các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ, thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính; các hình thức xử phạt và biện pháp hành chính khác; thẩm quyền xử phạt hành chính và thủ tục xử phạt vi phạm hành chính...

Cùng ngày, Chủ tịch Hội đồng Nhà nước đã ra Lệnh số 28-LCT/HĐNN8 công bố Pháp lệnh về xử phạt vi phạm hành chính.

Hồ sơ số 912 - Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp;

<http://www.luatvietnam.com.vn>

NGÀY 10 THÁNG 12 NĂM 1989

Toà án nhân dân tối cao, Bộ Tài chính, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp ban hành Thông tư liên ngành số 09/TT-LN hướng dẫn việc xét xử và thi hành án đối với các khoản tiền bồi thường, bồi hoàn, thanh toán tài sản, cấp dưỡng trong các bản án hình sự và dân sự trong tình hình hiện nay

Để cho việc xét xử và thi hành án đối với các khoản tiền bồi thường thanh toán tài sản, cấp dưỡng trong các bản án hình sự và dân sự được thuận tiện, Toà án

nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp và Bộ Tài chính hướng dẫn các cấp Tòa án giải quyết một số vấn đề trong công tác xét xử và thi hành án như sau:

- Đối với các trường hợp gây thiệt hại phải bồi thường, bồi hoàn bằng tiền, các giao dịch dân sự mà các đương sự phải thanh toán với nhau bằng tiền, các khoản cấp dưỡng bằng tiền, các khoản tiền phạt và án phí khi xét xử (sơ thẩm, phúc thẩm) chỉ xác định các khoản tiền đó mà không quy đổi ra thóc hoặc gạo.

- Đối với các trường hợp có thể thanh toán được bằng vật cùng loại thì khi xét xử, Tòa án quyết định thanh toán bằng hiện vật. Trong trường hợp này hoặc các bản án đã xét xử trước khi Thông tư liên ngành này có hiệu lực đã quyết định đương sự phải trả bằng hiện vật, nhưng khi thi hành án, nếu không có hiện vật để thanh toán thì Tòa án cho trả bằng tiền theo giá của vật đó lúc thi hành án.

- Đối với các bản án đã có hiệu lực pháp luật trước khi có Thông tư liên ngành này mà chưa được thi hành hoặc mới thi hành được một phần, thì khi thi hành hoặc thi hành tiếp đối với phần còn lại vẫn theo cách quy đổi số thóc (hoặc gạo) thành tiền để các đương sự thi hành. Tuy nhiên, nếu số tiền quy đổi từ thóc (hoặc gạo) đó thấp hơn số tiền tuyên trong bản án thì thi hành theo số tiền tuyên trong bản án.

- Trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày có quyết định đưa bản án hoặc quyết định ra thi hành, bên phải thi hành án phải thanh toán tiền cho bên được thi hành án. Từ tháng thứ 02 trở đi, mỗi tháng bên phải thi hành án phải chịu thêm một khoản tiền lãi suất tiền gửi tiết kiệm không kỳ hạn đối với số tiền chưa thi hành.

Hồ sơ số 764 - Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NĂM 1990

THÁNG 01 NĂM 1990

Hội nghị Tư pháp toàn quốc lần thứ VIII

Hội nghị được tổ chức tại Hà Nội nhằm đánh giá những ưu, khuyết điểm, xác định rõ nguyên nhân của những mặt mạnh và những mặt yếu kém với tinh thần phê và tự phê bình nghiêm túc, nhằm phát huy ưu điểm và khắc phục thiếu sót trong công tác tư pháp năm 1989 cũng như đề ra phương hướng, nhiệm vụ công tác tư pháp trong năm 1990. Tham dự Hội nghị có đại biểu các Sở Tư pháp, Tòa án nhân dân địa phương, pháp chế các bộ ngành, lãnh đạo các đơn vị thuộc Bộ.

Đánh giá về công tác tư pháp năm 1989, báo cáo tại Hội nghị nhận định: công tác tư pháp trong năm 1989 đã có những đổi mới trên nhiều mặt, đã đề ra các chủ trương đúng đắn, phương pháp làm việc phù hợp, năng động, sáng tạo hơn. Các mặt công tác đều đổi mới, đạt được kết quả bước đầu theo hướng đi lên, phù hợp với chủ trương đổi mới của đảng. Đã kết hợp vừa nghiên cứu, tổng kết khoa học vừa kiểm tra, đôn đốc, nắm tình hình thực tiễn để giải quyết các vấn đề cấp thiết đặt ra. Tuy nhiên, Hội nghị cũng đã mạnh dạn đưa ra những khuyết, nhược điểm của công tác tư pháp năm 1989, đó là: một số địa phương chưa nhận thức đầy đủ các công tác trọng tâm của Ngành, chưa tập trung chỉ đạo và thiếu những biện pháp cụ thể nên hiệu quả công tác thấp; trong quản lý, chỉ đạo điều hành của lãnh đạo Bộ và nhiều đơn vị địa phương vẫn còn có biểu hiện quan liêu, những quy chế hoạt động đã đề ra nhưng chưa được thực hiện nghiêm túc. Công tác chỉ đạo, hướng dẫn của các đơn vị thuộc Bộ đối với các địa phương và pháp chế Ngành còn chưa kịp thời, kém hiệu quả.

Hội nghị cũng đã thống nhất đề ra phương hướng, nhiệm vụ công tác tư pháp năm 1990 mà trọng tâm là:

- Từng bước hình thành chương trình pháp luật dài hạn, có tính chiến lược nhằm thể chế hoá cương lĩnh chính trị, chiến lược kinh tế - xã hội của Đảng trong giai đoạn mới;
- Thực hiện có kết quả chương trình làm luật năm 1990 theo đúng quy trình và thẩm quyền xây dựng văn bản pháp quy; làm tốt việc hệ thống hoá từng bước hoàn thiện hệ thống pháp luật, đưa pháp luật vào cuộc sống;
- Tăng cường công tác giáo dục chính trị tư tưởng, kiện toàn hệ thống tổ chức

tư pháp và Toà án địa phương, trọng điểm là xây dựng củng cố tổ chức cơ sở, làm tốt hơn công tác cán bộ, xây dựng quy hoạch cán bộ, tiêu chuẩn hoá cán bộ, thực hiện đào tạo, bồi dưỡng, bố trí, đề bạt cán bộ theo quy hoạch, đúng tiêu chuẩn... nhằm nâng cao hiệu lực của bộ máy, hiệu quả công việc;

- Mỗi đơn vị, địa phương đều phải bám sát công tác trọng tâm, xác định đúng trọng điểm phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của đơn vị, đặc điểm chính trị, mục tiêu kinh tế - xã hội của địa phương mình. Tập trung phấn đấu đạt năng suất, chất lượng, hiệu quả cao, hết sức tránh chung chung, dàn trải hoặc dập khuôn, máy móc.

Hội nghị cũng vinh dự được đón Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Đỗ Mười tới dự và nói chuyện. Chủ tịch nhiệt liệt hoan nghênh những thành tựu mà Ngành Tư pháp đã đạt được trong thời gian qua. Đồng thời, cũng chỉ ra: trên lĩnh vực tư pháp còn nhiều vấn đề tồn tại cần tháo gỡ. Nói cách khác, thực tiễn đổi mới trên các lĩnh vực kinh tế, xã hội đang đòi hỏi gay gắt bản thân hoạt động tư pháp phải có bước chuyển mới, một bước nhảy vọt thật sự cũng từ cơ chế cũ sang cơ chế hoạt động mới. Đề cập tới nhiệm vụ của Bộ Tư pháp trong thời gian trước mắt, Chủ tịch nhấn mạnh: “Muốn quản lý đất nước bằng pháp luật đòi hỏi phải xây dựng và hoàn chỉnh hệ thống pháp luật ở nước ta. Điều có ý nghĩa quan trọng ở đây là hình thành được đường lối chiến lược xây dựng pháp luật. Đây rõ ràng là chức năng quan trọng của Bộ. Trong những năm tới chúng ta phải xây dựng một hệ thống pháp luật như thế nào, nhất là khi tình hình trong nước đang đổi mới và tình hình thế giới đang có nhiều biến động? Hệ thống pháp luật được xây dựng trên cơ sở tư duy mới về chủ nghĩa xã hội sẽ có những đặc trưng gì vừa mang tính truyền thống và tính hiện đại? Chẳng hạn, pháp luật xã hội chủ nghĩa phải mang tính khoa học, tính nhân đạo sâu sắc, tính dân chủ, bảo đảm sự thống nhất giữa quyền lợi và nghĩa vụ của công dân. Pháp luật xã hội chủ nghĩa phải thật sự vì con người, đó chính là tư tưởng quan trọng của Các Mác về pháp luật. Vấn đề hình thành đường lối chiến lược xây dựng pháp luật có ý nghĩa quan trọng đối với mỗi nước. Sắp tới, Đảng ta sẽ thông qua Cương lĩnh, trên cơ sở Cương lĩnh của Đảng, chúng ta cần nhanh chóng hình thành được đường lối chiến lược xây dựng pháp luật ở nước ta”.

*Thông tin khoa học pháp lý chuyên đề kỷ niệm 50 năm
ngày thành lập Ngành Tư pháp - Viện Nghiên cứu khoa học pháp lý,
Bộ Tư pháp, 1995; Hồ sơ số 815 - Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp*

NGÀY 07 THÁNG 02 NĂM 1990

Thành lập Sở Tư pháp tỉnh Thừa Thiên Huế

Sở Tư pháp được thành lập theo Quyết định số 139/QĐ-UB ngày 07/02/1990 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế. Giám đốc Sở là ông Trương Thủ.

Tư liệu Sở Tư pháp tỉnh Thừa Thiên Huế cung cấp

NGÀY 05, 06 THÁNG 3 NĂM 1990

**Việt Nam tham dự phiên họp lần thứ III của Ban Thường trực SEV
(Hội đồng tương trợ kinh tế) về vấn đề pháp luật**

Phiên họp được tổ chức tại Mát-xcơ-va. Tham dự phiên họp có đại diện của 10 nước thành viên. Đoàn Việt Nam do ông Nguyễn Nhạc, Phó Đại diện thường trực Việt Nam tại SEV làm trưởng đoàn.

Hội nghị đã trao đổi ý kiến về những vấn đề pháp lý cơ bản cần được nghiên cứu, soạn thảo trong khuôn khổ của Ban đến khoá họp Hội đồng lần thứ 46. 9 Đoàn (trừ Hung-ga-ri) đã thông qua Báo cáo kết quả hoạt động năm 1989 của Ban.

Tại Hội nghị, các nước thành viên cũng thảo luận về các tài liệu và kiến nghị của các tổ công tác trình Ban, cụ thể:

- Những vấn đề pháp lý của việc thành lập và hoạt động của các Công xooc xi ôm;
- Những vấn đề pháp lý của việc khuyến khích và bảo hộ đầu tư nước ngoài;
- Về nghiên cứu so sánh các quy định của Điều kiện chung giao hàng SEV, Công ước Viên 1980 về hợp đồng mua bán quốc tế và các quy phạm pháp luật trong nước của các nước thành viên SEV được áp dụng đối với những vấn đề chưa được điều chỉnh trong Điều kiện chung giao hàng SEV;
- Về hoàn thiện việc điều chỉnh pháp lý các vấn đề hợp tác khoa học kỹ thuật;
- Về điều chỉnh thống nhất hợp đồng giữa các tổ chức kinh tế các nước thành viên SEV.

Tất cả các nước đều đi đến thống nhất: nhất trí thông qua kế hoạch làm việc tạm thời của Ban trong năm 1990, tập trung chủ yếu vào các vấn đề thiết thực như vấn đề hợp đồng giữa các tổ chức kinh tế; thông tin, tư vấn về việc thành lập, hoạt động của các xí nghiệp liên doanh; nghiên cứu, so sánh các quy phạm xung đột của các nước liên quan đến hợp tác kinh tế và khoa học kỹ thuật...

Hồ sơ số 846 - Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 06 THÁNG 3 NĂM 1990

**Hội đồng Bộ trưởng ban hành Nghị định số 68-HĐBT ban hành
Quy chế Chấp hành viên**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng Bộ trưởng ngày 04/7/1981, Pháp lệnh Thi hành án dân sự do Hội đồng Nhà nước ban hành ngày 28/8/1989 và đề nghị của

Bộ trưởng Bộ Tư pháp, Hội đồng Bộ trưởng ra Nghị định số 68-HĐBT ban hành Quy chế Chấp hành viên.

Theo quy định tại Quy chế này thì: Chấp hành viên là người được Nhà nước giao trách nhiệm thi hành các bản án, quyết định của Tòa án (Điều 1); Biên chế chấp hành viên của mỗi Tòa án do Bộ trưởng Bộ Tư pháp quyết định, căn cứ vào khối lượng công việc thực tế của Tòa án đó (Điều 2).

Người được bổ nhiệm làm Chấp hành viên phải có phẩm chất chính trị, trung thực, khách quan, có kiến thức pháp lý cần thiết và nắm vững nghiệp vụ thi hành án, có tinh thần bảo vệ pháp chế xã hội chủ nghĩa.

Người được bổ nhiệm làm Chấp hành viên trưởng phải có tiêu chuẩn như Chấp hành viên, đã làm Chấp hành viên hoặc Thẩm phán cùng cấp từ 2 năm trở lên; ngoài ra, còn phải có năng lực quản lý, điều hành công việc của bộ phận thi hành án.

Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định cụ thể các tiêu chuẩn của Chấp hành viên và Chấp hành viên trưởng (Điều 4).

Hồ sơ số 825 - Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp; Công báo số 6 ngày 31/3/1990, tr. 106 - 109

NGÀY 21 THÁNG 4 NĂM 1990

Thành lập Sở Tư pháp Đặc khu Vũng Tàu - Côn Đảo

Được thành lập theo Quyết định số 207/QĐ-UB ngày 21/4/1990 của UBND Đặc khu Vũng Tàu - Côn Đảo.

Bộ máy làm việc của Sở gồm có các Phòng chuyên môn, nghiệp vụ và các đơn vị trực thuộc do Sở quản lý, cụ thể:

- Văn phòng Sở.
- Phòng Văn bản pháp quy - Phổ biến, giáo dục pháp luật.
- Phòng Tổ chức cán bộ và Tư pháp hỗ trợ.
- Phòng Hộ tịch.
- Thanh tra Sở.
- Các Phòng công chứng Nhà nước.
- Trung tâm Trợ giúp pháp lý của Nhà nước.
- Trung tâm Dịch vụ và Bán đấu giá tài sản.
- Phòng Thi hành án dân sự.

Tư liệu do Sở Tư pháp tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cung cấp

NGÀY 22 THÁNG 5 NĂM 1990

Bộ Tư pháp ban hành Thông tư số 394/QLTA hướng dẫn thực hiện tiêu chuẩn Chấp hành viên và bổ nhiệm Chấp hành viên, Chấp hành viên trưởng

Trên cơ sở Pháp lệnh Thi hành án dân sự do Hội đồng Nhà nước công bố ngày 31/8/1989, Nghị định số 68-HĐBT ngày 06/3/1990 của Hội đồng Bộ trưởng ban hành Quy chế Chấp hành viên, sau khi trao đổi với Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định cụ thể về tiêu chuẩn Chấp hành viên và Chấp hành viên trưởng các Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc Trung ương, Tòa án nhân dân quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh và bổ nhiệm Chấp hành viên, Chấp hành viên trưởng.

Để bảo đảm yêu cầu của công tác thi hành án, Thông tư cũng yêu cầu: nơi nào không có hoặc có quá ít cán bộ đủ tiêu chuẩn Chấp hành viên thì có thể chuyển một Thẩm phán đủ tiêu chuẩn sang để được bổ nhiệm làm Chấp hành viên trưởng.

Bộ trưởng Bộ Tư pháp bổ nhiệm Chấp hành viên và Chấp hành viên trưởng ở Tòa án nhân dân cấp tỉnh theo đề nghị của Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh; bổ nhiệm Chấp hành viên trưởng ở Tòa án nhân dân cấp huyện theo đề nghị của Chánh án Tòa án nhân dân nơi Chấp hành viên công tác và Giám đốc Sở Tư pháp. Bộ trưởng Bộ Tư pháp ủy quyền cho Giám đốc Sở Tư pháp bổ nhiệm các Chấp hành viên của Tòa án nhân dân cấp huyện theo đề nghị của Chánh án nơi Chấp hành viên công tác.

<http://vbqppl.moj.gov.vn/law/>

NGÀY 17 ĐẾN 31 THÁNG 7 NĂM 1990

Đoàn đại biểu Bộ Tư pháp Lào thăm Việt Nam

Đoàn do Bộ trưởng Bộ Tư pháp Lào Cu-Xu-va-na-mê-thi làm trưởng đoàn.

Trong thời gian ở thăm và làm việc tại Việt Nam, Đoàn đã hội đàm với Bộ Tư pháp Việt Nam. Tại buổi hội đàm, hai bên đã giới thiệu cho nhau về những thành tựu xây dựng pháp luật phục vụ cho công cuộc đổi mới ở mỗi nước, góp phần tăng cường quản lý nhà nước bằng pháp luật và pháp chế xã hội chủ nghĩa, trao đổi kinh nghiệm về các mặt hoạt động tư pháp và công tác đào tạo cán bộ pháp lý.

Trên cơ sở Hiệp định hợp tác về pháp luật và tư pháp giữa Chính phủ Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào ký ngày 18/6/1982, hai Bộ trưởng đã ký Kế hoạch hợp tác giữa hai Bộ Tư pháp của hai nước các năm 1991 và 1992.

Hồ sơ số 854 - Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 18 THÁNG 7 NĂM 1990

Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Chỉ thị số 578/TCCB về nhiệm vụ bảo vệ an ninh chính trị, trật tự an toàn cơ quan tư pháp các cấp và các Tòa án địa phương

Ngày 26/5/1990, Bộ Chính trị đã ra Chỉ thị số 60/CT-TW về nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia trong tình hình mới. Để thực hiện tốt chỉ thị này gắn liền với việc thực hiện chủ trương về đấu tranh chống tội phạm, chống tham nhũng, đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, Bộ Tư pháp yêu cầu các cơ quan tư pháp các cấp, Tòa án nhân dân địa phương thực hiện các nhiệm vụ sau:

1. Tăng cường giáo dục chính trị, tư tưởng cho cán bộ, nhân viên tư pháp các cấp, Tòa án các địa phương và giáo viên, sinh viên Trường Đại học Pháp lý Hà Nội và phân hiệu thành phố Hồ Chí Minh, nâng cao cảnh giác đấu tranh chống mọi biểu hiện vi phạm quyền dân chủ của dân, hữu khuynh với bọn tội phạm và mọi lệch lạc “tả” hữu khuynh trong công tác tư pháp, xét xử và thi hành án, kịp thời biểu dương những người tốt việc tốt.

2. Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác báo chí, xuất bản sách pháp lý, nghiên cứu khoa học pháp lý, bảo đảm tính đúng đắn về đường lối, quan điểm chính trị của Đảng, pháp luật của Nhà nước, góp phần nâng cao dân trí, nâng cao trình độ văn hóa pháp lý cho cán bộ và nhân dân, phục vụ thiết thực nhiệm vụ chính trị của Đảng, Nhà nước và Ngành Tư pháp.

3. Rà soát lại, bổ sung và nghiêm chỉnh thực hiện các chế độ, nội quy bảo vệ bí mật quốc gia, bảo vệ tài sản nhà nước, giữ gìn trật tự an toàn cơ quan.

4. Phối hợp thường xuyên với các ban, ngành, đoàn thể nhất là các ngành trong khối Nội chính, đấu tranh có hiệu quả chống dịch, chống tội phạm, chống tiêu cực theo chức năng, nhiệm vụ của mình.

Hồ sơ số 797 - Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 20 THÁNG 7 NĂM 1990

Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Chỉ thị số 582/CT về chống tham nhũng trong cơ quan tư pháp các cấp và các Tòa án địa phương

Để tiếp tục thực hiện cuộc vận động làm trong sạch và nâng cao sức chiến đấu của tổ chức Đảng và bộ máy nhà nước, làm lành mạnh các quan hệ xã hội, đặc biệt là đấu tranh chống tiêu cực, chống tham nhũng theo tinh thần Nghị quyết Hội nghị lần thứ 8 của Ban Chấp hành Trung ương (khóa VI), ngày 26/6/1990, Hội đồng Bộ trưởng đã ra Quyết định số 240-HĐBT về đấu tranh chống nham nhữg.

Để thực hiện quyết định này, Bộ trưởng Bộ Tư pháp chỉ thị cho các cơ quan tư pháp các cấp, Tòa án các địa phương thực hiện tốt những điểm dưới đây:

1. Tổ chức quán triệt sâu rộng Quyết định của Hội đồng Bộ trưởng và Chỉ thị của Bộ Tư pháp về chống tham nhũng tới toàn thể cán bộ, nhân viên thuộc quyền quản lý của mình.

2. Rà soát các văn bản pháp luật hiện hành ở các bộ, ngành Trung ương và địa phương (trước hết là các quy định về vật tư, tài chính, tín dụng...), phát hiện ra những thiếu sót, sơ hở để kịp thời sửa đổi, bổ sung.

3. Các Tòa án nhân dân địa phương có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ với các ngành Nội chính, trước hết là các cơ quan Công an, Kiểm sát... trong công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm, nhất là tội phạm về kinh tế có liên quan trực tiếp tới cuộc đấu tranh chống tham nhũng, xét xử kịp thời, nghiêm minh các vụ án điểm.

4. Các cơ quan báo, tạp chí thuộc Bộ, Sở Tư pháp cần phối hợp với các phương tiện thông tin đại chúng ở địa phương... tuyên truyền pháp luật phục vụ cuộc đấu tranh chống tham nhũng, hướng dẫn dư luận đấu tranh kiên quyết bảo vệ tài sản xã hội chủ nghĩa, biểu dương, cổ vũ kịp thời các nhân tố tích cực, phê phán nghiêm khắc đối với những biểu hiện tiêu cực, bảo đảm việc đưa tin chính xác, khách quan...

5. Tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra, xử lý kịp thời các trường hợp vi phạm. Kiên quyết đưa ra khỏi ngành những người xét thấy không đủ phẩm chất, tư cách, nhằm làm trong sạch đội ngũ cán bộ và nâng cao chất lượng hiệu quả công việc. Nghiêm cấm các cơ quan tư pháp, Tòa án địa phương tổ chức các cơ sở dịch vụ pháp lý, dịch vụ kinh doanh lợi dụng danh nghĩa cơ quan nhà nước để trốn lậu thuế và thực hiện các hành vi phi pháp khác.

Hồ sơ số 797 - Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NĂM 1991

THÁNG 02 NĂM 1991

Hội nghị Tư pháp toàn quốc lần thứ IX

Đây là lần đầu tiên Hội nghị được tổ chức ở dạng hẹp (gồm đại diện các Vụ, Viện, Trường Đại học Pháp lý thuộc Bộ; đại biểu của 4 tỉnh, thành phố Hà Nội, Hà Sơn Bình, Đắk Lắk, An Giang và một số đơn vị pháp chế ngành ở Trung ương). Hội nghị lần này tập trung thảo luận nhiều vấn đề thiết thực, những mặt công tác trọng tâm từ đó rút ra những kết luận có tính nguyên tắc trong điều hành chỉ đạo.

Đánh giá về công tác tư pháp năm 1990, báo cáo tại Hội nghị nhận định: hoạt động tư pháp có những bước tiến đáng kể, đã tìm ra những phương pháp, bước đi thích hợp, xác định rõ những công tác trọng tâm, lĩnh vực trọng điểm để tập trung chỉ đạo, đạt kết quả thiết thực, cụ thể, góp phần phục vụ sự nghiệp đổi mới chung của đất nước theo tinh thần đổi mới của Nghị quyết Đại hội lần thứ VI.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đã đạt, Hội nghị cũng đưa ra nhận định: tổ chức và hoạt động tư pháp còn nhiều vấn đề lý luận và thực tiễn cần được nghiên cứu, đổi mới; một số mặt công tác chưa được triển khai kịp thời, còn thiếu cơ chế tổ chức thực hiện nên kết quả bị hạn chế. Một số Vụ chức năng chưa nhạy bén trong việc đề xuất ý kiến với lãnh đạo Bộ để giải quyết kịp thời những vướng mắc của địa phương. Thực hiện chế độ thông tin báo cáo hai chiều chưa nghiêm túc.

Hội nghị cũng đề ra phương hướng nhiệm vụ của Ngành Tư pháp trong năm 1991, đó là: tích cực đẩy mạnh công tác xây dựng pháp luật để từng bước hoàn thiện hệ thống pháp luật; tiếp tục kiện toàn hệ thống tổ chức tư pháp và Tòa án địa phương; đổi mới tổ chức, tinh giản bộ máy, nhằm nâng cao hiệu quả công tác; tăng cường công tác chính trị tư tưởng, xây dựng đội ngũ cán bộ pháp lý vững vàng về chính trị, giỏi về nghiệp vụ và có trình độ, năng lực thực tiễn.

Tạp chí pháp chế số 2 năm 1991; Hồ sơ số 887 - Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 27 THÁNG 02 NĂM 1991

Hội đồng Bộ trưởng ban hành Nghị định số 45-HĐBT về tổ chức và hoạt động công chứng nhà nước

Để tăng cường quản lý xã hội bằng pháp luật và giúp đỡ pháp lý cho công

dân, cơ quan nhà nước, tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội, trên cơ sở đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tư pháp, ngày 27/02/1991, Hội đồng Bộ trưởng ban hành Nghị định số 45-HĐBT về tổ chức và hoạt động công chứng nhà nước.

Nghị định có 4 chương với 36 điều quy định về tổ chức của Phòng Công chứng, điều kiện để được bổ nhiệm công chứng viên, những việc công chứng; những trường hợp không được thực hiện công chứng; nhiệm vụ của công chứng viên và trình tự, thủ tục thực hiện các việc công chứng.

Nghị định nêu rõ: Bộ Tư pháp quản lý thống nhất về tổ chức và hoạt động công chứng trong phạm vi cả nước (Điều 9); Chủ tịch UBND tỉnh ra quyết định thành lập Phòng Công chứng Nhà nước; bổ nhiệm và miễn nhiệm các công chứng viên, Trưởng phòng Công chứng nhà nước sau khi đã thống nhất với Bộ trưởng Bộ Tư pháp (Điều 12).

Công báo số 6 ngày 31/3/1991, tr. 151 - 156

NGÀY 25 THÁNG 3 NĂM 1991

Bộ Tư pháp ban hành Thông tư số 163/HTQT hướng dẫn thực hiện ủy thác tư pháp của Tòa án nước ngoài

Xuất phát từ thực tế một số tỉnh, thành phố chưa quan tâm đúng mức đến việc thực hiện ủy thác tư pháp của Tòa án nước ngoài, do vậy chất lượng thực hiện ủy thác chưa đáp ứng được yêu cầu của các Tòa án nước ngoài; thời gian thực hiện ủy thác kéo dài, có trường hợp hồ sơ bị thất lạc không xác định được rõ ràng trách nhiệm của từng cơ quan. Để khắc phục tình trạng này, trên cơ sở Pháp lệnh Thủ tục giải quyết các vụ án dân sự và các Hiệp định Tương trợ tư pháp đã ký kết, Bộ Tư pháp hướng dẫn một số điểm về thực hiện ủy thác tư pháp quốc tế, về tổng đạt giấy tờ, lấy lời khai trong các vụ án dân sự do Tòa án nước ngoài thụ lý.

Hồ sơ số 962 - Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 20 THÁNG 4 NĂM 1991

Bộ Tư pháp ban hành Thông tư số 276-TT/CC hướng dẫn về tổ chức và quản lý công chứng nhà nước

Căn cứ Điều 34 Nghị định số 45-HĐBT ngày 27/02/1991 của Hội đồng Bộ trưởng về tổ chức và hoạt động công chứng nhà nước, Bộ Tư pháp ban hành Thông tư hướng dẫn về thủ tục thành lập Phòng Công chứng, tổ chức bộ máy của Phòng Công chứng và công chứng viên; quản lý về mặt tổ chức và hoạt động công chứng nhà nước.

Hồ sơ số 945 - Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp; Công báo số 14 ngày 31/7/1991, tr. 365 - 368

NGÀY 25 THÁNG 5 NĂM 1991

Bộ Tư pháp, Bộ Quốc phòng ra Thông tư liên bộ số 380/TTLB hướng dẫn thực hiện bổ nhiệm Chấp hành viên, Chấp hành viên trưởng của các Tòa án quân sự quân khu và cấp tương đương và Tòa án quân sự khu vực

Thi hành Pháp lệnh Tòa án quân sự ngày 21/12/1985, Bộ trưởng Bộ Tư pháp và Bộ trưởng Bộ Quốc phòng thống nhất hướng dẫn về tiêu chuẩn Chấp hành viên và Chấp hành viên trưởng cũng như thủ tục bổ nhiệm, miễn nhiệm Chấp hành viên và Chấp hành viên trưởng của các Tòa án quân sự quân khu và cấp tương đương và Tòa án quân sự khu vực.

Hồ sơ số 915 - Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 12 THÁNG 8 NĂM 1991

Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá VIII, kỳ họp thứ 9 thông qua Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự

Bộ luật Hình sự năm 1985 được xây dựng và ban hành từ trước khi bắt đầu thời kỳ đổi mới, vẫn còn mang nặng cơ chế hành chính, mệnh lệnh, bao cấp, nên nhiều quy định của Bộ luật Hình sự năm 1985 chưa phù hợp, cần được sửa đổi, bổ sung kịp thời. Vì vậy, Bộ Tư pháp được giao chủ trì soạn thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự năm 1985.

Ngày 12/8/1991, Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá VIII, kỳ họp thứ 9 thông qua Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự.

Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự sửa đổi, bổ sung các quy định tại Phần chung về hình phạt cấm đảm nhiệm những chức vụ, làm những nghề hoặc công việc nhất định, hình phạt tước một số quyền công dân, tổng hợp hình phạt, tạm hoãn, miễn hoặc giảm việc chấp hành hình phạt. Phần các tội phạm Bộ luật Hình sự như: Tội tổ chức, cưỡng ép người khác trốn đi nước ngoài hoặc ở lại nước ngoài trái phép; Tội xâm phạm tính mạng hoặc sức khoẻ của người khác trong khi thi hành công vụ; Tội hiếp dâm; Tội xâm phạm các quyền tự do hội họp, lập hội, tín ngưỡng của công dân; Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản xã hội chủ nghĩa; Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản xã hội chủ nghĩa; Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản của công dân; Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản của công dân; Tội kinh doanh trái phép; Tội trốn thuế; Tội chứa chấp hoặc tiêu thụ tài sản do người

khác phạm tội; Tội lợi dụng các quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích của Nhà nước, của tổ chức xã hội hoặc của công dân; Tội thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng; Tội lợi dụng chức vụ, quyền hạn hoặc lạm quyền trong khi thi hành công vụ; Tội nhận hối lộ; Tội che giấu tội phạm; Tội không tố giác tội phạm.

Ngày 16/8/1991, Chủ tịch Hội đồng Nhà nước đã ký Lệnh số 55-LCT/HĐNN8 công bố Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự .

Công báo số 18 ngày 30/9/1991, tr. 446 - 450

NGÀY 19 THÁNG 10 NĂM 1991

Thành lập Sở Tư pháp tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

Sau khi Quốc hội có quyết định sáp nhập 03 huyện (Châu Thành, Long Đất, Xuyên Mộc thuộc tỉnh Đồng Nai cũ) với Đặc khu Vũng Tàu - Côn Đảo thành tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 19/10/1991, UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu ban hành Quyết định số 09/QĐ-UB về việc thành lập Sở Tư pháp tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Quyết định nêu rõ: “*Sở Tư pháp là cơ quan chuyên môn của UBND tỉnh, có chức năng giúp UBND thống nhất quản lý nhà nước các công việc về tư pháp trong địa bàn Bà Rịa - Vũng Tàu. Sở chịu sự lãnh đạo và chỉ đạo trực tiếp toàn diện của UBND tỉnh đồng thời được sự chỉ đạo về nghiệp vụ của Bộ Tư pháp*”.

Tư liệu do Sở Tư pháp tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cung cấp

NGÀY 07 THÁNG 11 NĂM 1991

Bộ Tư pháp báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Hội đồng Bộ trưởng, Hội đồng Nhà nước quan điểm của Bộ Tư pháp về nhiệm vụ quản lý Tòa án nhân dân địa phương về mặt tổ chức

Tháng 4/1991, Bộ Tư pháp trình với các cơ quan lãnh đạo Đảng và Nhà nước Đề án đổi mới tổ chức và hoạt động của Tòa án nhân dân địa phương dựa trên kết quả nghiên cứu khoa học trong hai năm 1989 - 1990 và đã được nghiệm thu trước các cơ quan quản lý khoa học của Nhà nước.

Cũng trong tháng 4/1991, Hội đồng Bộ trưởng giao nhiệm vụ cho Bộ Tư pháp nghiên cứu về vấn đề Tòa án kinh tế, Bộ Tư pháp đã xây dựng đề án và gửi tới các cơ quan có liên quan và lãnh đạo Đảng, Quốc hội, Hội đồng Nhà nước, Hội đồng Bộ trưởng, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và một số bộ, cơ quan Trung ương và địa phương.

Đề án về tổ chức và đổi mới hoạt động của Tòa án nhân dân địa phương cũng được gửi cùng với Đề án Tòa án kinh tế để các cơ quan góp ý kiến.

Cũng thời gian này, Tòa án nhân dân tối cao đã có báo cáo trình Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Hội đồng Nhà nước và Hội đồng Bộ trưởng về vấn đề quản lý Tòa án nhân dân địa phương. Trong báo cáo này, Tòa án nhân dân tối cao nhận định “*Tổ chức và nhiệm vụ là hai mặt có quan hệ hữu cơ không thể tách rời nhau. Việc xây dựng tổ chức phải xuất phát từ nhiệm vụ chính trị và nhằm thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị. Tách rời việc quản lý tổ chức với quản lý việc thực hiện nhiệm vụ chính trị là không khoa học*”. Theo quan điểm của Tòa án nhân dân tối cao thì “*cơ quan nào quản lý công việc thì cơ quan đó nên quản lý tổ chức và cán bộ*”.

Để làm rõ một số vấn đề về lý luận và thực tiễn của nhiệm vụ quản lý Tòa án nhân dân địa phương về mặt tổ chức, ngày 07/11/1991, Bộ Tư pháp có Báo cáo số 783/TP gửi Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Hội đồng Bộ trưởng, Hội đồng Nhà nước bổ sung tài liệu của Đề án đổi mới tổ chức và hoạt động các Tòa án nhân dân và thể hiện rõ quan điểm về vấn đề này với những lập luận cụ thể.

Hồ sơ số 915 - Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NĂM 1992

NGÀY 10 THÁNG 01 NĂM 1992

Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính ra Thông tư liên ngành số 01/TTLN hướng dẫn việc xét xử và thi hành án về tài sản trong các vụ án hình sự và dân sự

Để đảm bảo quyền lợi cho các bên có liên quan về tài sản trong các vụ án do tình trạng biến động về giá cả hoặc do bên có nghĩa vụ về tài sản chưa thực hiện nghĩa vụ, chưa thi hành gây nên, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp và Bộ Tài chính hướng dẫn Tòa án các cấp thực hiện việc xét xử và thi hành án về tài sản trong các vụ án hình sự, dân sự.

Hồ sơ số 1077 - Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 03 THÁNG 3 NĂM 1992

Bộ Tư pháp ra Thông tư số 141-PLDS/KT hướng dẫn thi hành Điều 3 Nghị định số 221-HĐBT ngày 23/7/1991 và Điều 4 Nghị định số 222-HĐBT ngày 23/7/1991

Để thi hành một số quy định tại Nghị định số 221-HĐBT ngày 23/7/1991 của Hội đồng Bộ trưởng quy định cụ thể hoá một số điều trong Luật Doanh nghiệp tư nhân và Nghị định số 222-HĐBT ngày 23/7/1991 của Hội đồng Bộ trưởng quy định cụ thể hoá một số điều trong Luật Công ty, Bộ Tư pháp hướng dẫn thủ tục xin và cấp giấy phép thành lập doanh nghiệp tư nhân và công ty trong những ngành nghề phải được Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng cho phép như: sản xuất và lưu thông thuốc nổ, thuốc độc, hoá chất độc; khai thác các loại khoáng sản quý; sản xuất và cung ứng điện, nước có quy mô lớn; sản xuất các loại phương tiện phát sóng, truyền tin, dịch vụ bưu chính viễn thông, truyền thanh, truyền hình, xuất bản; vận tải viễn dương và vận tải hàng không; chuyên kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu; du lịch quốc tế.

<http://www.na.gov.vn>

NGÀY 08 THÁNG 3 NĂM 1992

Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng ký Quyết định bổ nhiệm Thứ trưởng Bộ Tư pháp

Được sự nhất trí của Ban Bí thư tại Văn bản số 94K-BB/BBT ngày 25/02/1992, Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng ký Quyết định bổ nhiệm ông Nguyễn Văn Yếu, Vụ trưởng Vụ Luật sư, Công chứng, Giám định, Hộ tịch - Bộ Tư pháp và ông Nguyễn Ngọc Hiến, Hiệu trưởng Trường Đại học Pháp lý Hà Nội giữ chức Thứ trưởng Bộ Tư pháp.

Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

THÁNG 3 NĂM 1992

Hội nghị Tư pháp toàn quốc lần thứ X

Hội nghị đã đánh giá đúng mức những việc làm được và chưa được, vạch ra những thiếu sót và yếu kém để đổi mới thực sự trên các mặt công tác tư pháp trong giai đoạn mới, đồng thời quán triệt sâu sắc những tư tưởng, quan điểm của Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ VII, xây dựng phương hướng công tác tư pháp 5 năm (1991-1995) và vạch ra chương trình hành động cụ thể cho năm 1992. Theo đó, nhấn mạnh: hoạt động tư pháp trong mấy năm trước mắt, phải hướng trọng tâm vào việc thể chế hoá những quan điểm, chủ trương, phương hướng lớn của Đảng và Nhà nước, góp phần xây dựng, bổ sung để hình thành hệ thống pháp luật mới phù hợp với Hiến pháp sửa đổi; cải tiến cơ chế thực hiện pháp luật để pháp luật thực sự đi vào cuộc sống; đổi mới và kiện toàn tổ chức và hoạt động của các cơ quan tư pháp, Tòa án và các tổ chức hỗ trợ cho hoạt động xét xử, nhằm góp phần tích cực vào việc xây dựng và tăng cường hiệu lực của bộ máy nhà nước, thiết lập trật tự, kỷ cương trong kinh tế và xã hội, thực hiện dân chủ xã hội chủ nghĩa.

Hồ sơ số 1004 - Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 15 THÁNG 4 NĂM 1992

Quốc hội khóa VIII kỳ họp thứ 11 thông qua toàn văn Hiến pháp mới

Lời nói đầu của Hiến pháp nêu rõ: Từ năm 1986 đến nay, công cuộc đổi mới toàn diện đất nước do Đại hội lần thứ VI của Đảng Cộng sản Việt Nam đề xướng đã đạt được những thành tựu bước đầu rất quan trọng. Quốc hội quyết định sửa đổi Hiến pháp năm 1980 để đáp ứng yêu cầu của tình hình và nhiệm vụ mới. Hiến pháp năm 1992 bao gồm lời nói đầu, 12 chương với 147 điều.

Hiến pháp năm 1992 tiếp tục khẳng định “*Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. Tất cả quyền lực Nhà nước thuộc về nhân dân mà nền tảng là liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức*” (Điều 2).

Chế độ kinh tế trong Hiến pháp mới được đổi mới sâu sắc so với Hiến pháp năm 1980, thể chế hóa đầy đủ đường lối xây dựng kinh tế của Đảng với bốn nội dung chủ yếu: chính sách kinh tế, mục tiêu phát triển kinh tế; các hình thức sở hữu và sự phát triển của các thành phần kinh tế; chế độ lao động sản xuất, phân phối và tiêu dùng; chế độ quản lý kinh tế. Điều 15 Hiến pháp năm 1992 quy định: Nhà nước phát triển nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước, theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Cơ cấu kinh tế nhiều thành phần với các hình thức tổ chức sản xuất, kinh doanh đa dạng dựa trên chế độ sở hữu toàn dân, sở hữu tập thể, sở hữu tư nhân, trong đó sở hữu toàn dân và sở hữu tập thể là nền tảng.

Về Quốc hội, chế độ đại biểu Quốc hội theo Hiến pháp mới gồm một số đại biểu chuyên trách và một số đại biểu bán chuyên trách. Hiến pháp mới đã tách hai chế định: lập Ủy ban Thường vụ Quốc hội và lập chức danh nguyên thủ quốc gia là Chủ tịch nước. Tuy nhiên, nội dung hai chế định này không hoàn toàn giống với quy định các Hiến pháp cũ. Các Ủy ban của Quốc hội vẫn giữ nguyên nhiệm vụ trong Hiến pháp mới, số lượng Ủy ban được tăng thêm, bao gồm 7 Ủy ban. Các Ủy ban chuyển dần chế độ làm việc từ không chuyên trách sang một bộ phận chuyên trách và một bộ phận khác phải dành thời gian thích đáng hoạt động cho nhiệm vụ đại biểu.

Về Chính phủ, Hiến pháp năm 1992 đã thay thiết chế Hội đồng Bộ trưởng trong Hiến pháp năm 1980 bằng một thiết chế mới không giống nguyên vẹn một thiết chế nào của các Hiến pháp trước. Trong Hiến pháp mới, Chính phủ vừa là một thiết chế làm việc theo chế độ tập thể quyết định theo đa số về những vấn đề quan trọng, vừa đề cao vai trò cá nhân của Thủ tướng Chính phủ là người đứng đầu Chính phủ. Bộ trưởng trong Hiến pháp mới chịu trách nhiệm quản lý nhà nước về lĩnh vực, ngành mình phụ trách trong phạm vi cả nước. Về tổ chức hệ thống các cấp chính quyền địa phương, Hiến pháp năm 1992 nói chung giữ nguyên cách tổ chức hiện có nhưng giao cho luật quy định việc thành lập HĐND và UBND ở các đơn vị hành chính.

Chương về Tòa án nhân dân và Viện kiểm sát nhân dân có ít thay đổi so với các chương khác. Một nguyên tắc cơ bản vẫn được giữ nguyên qua 4 bản Hiến pháp đó là: Tòa án là cơ quan duy nhất có quyền xét xử, nguyên tắc độc lập của

Thẩm phán khi xét xử. Hiến pháp năm 1992 quy định chế độ bổ nhiệm thẩm phán thay thế cho chế độ bầu thẩm phán trong Hiến pháp năm 1980.

<http://vbqppl.moj.gov.vn>; Công báo số 8 ngày 30/4/1992, tr. 183 - 204

NGÀY 20 THÁNG 5 NĂM 1992

Bộ Tư pháp và Bộ Giáo dục - Đào tạo tổ chức Hội nghị về phối hợp giáo dục pháp luật trong nhà trường

Hội nghị được tổ chức nhằm đánh giá công tác giáo dục pháp luật cho học sinh phổ thông trong 4 năm qua, trên cơ sở đó tiếp tục thực hiện chỉ thị 300-CT ngày 22/10/1987 của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng, mở rộng phạm vi và nâng cao hiệu quả giáo dục pháp luật trong nhà trường.

Tới dự Hội nghị có đại diện các cơ quan, ban, ngành ở Trung ương. Thứ trưởng Bộ Tư pháp Nguyễn Ngọc Hiến và Thứ trưởng Bộ Giáo dục - Đào tạo Lương Ngọc Toàn chủ trì Hội nghị.

Tạp chí Pháp chế xã hội chủ nghĩa số 6/1992

NGÀY 05 THÁNG 6 NĂM 1992

Thành lập Sở Tư pháp tỉnh Trà Vinh

Sở Tư pháp được thành lập theo Quyết định số 177/QĐ-UB ngày 05/6/1992 của UBND tỉnh Trà Vinh.

Tư liệu do Sở Tư pháp tỉnh Trà Vinh cung cấp

Thành lập Sở Tư pháp tỉnh Hoà Bình

Được chia tách từ tỉnh Hà Sơn Bình, Sở Tư pháp tỉnh Hoà Bình được thành lập theo Quyết định số 351/QĐ-UB ngày 05/6/1992 của UBND tỉnh Hoà Bình.

Tư liệu do Sở Tư pháp tỉnh Hoà Bình cung cấp

NGÀY 11 THÁNG 8 NĂM 1992

Thành lập Sở Tư pháp tỉnh Ninh Thuận

Sở Tư pháp được thành lập theo Quyết định số 293 QĐ/UB-NT ngày 11/8/1992 của UBND tỉnh Ninh Thuận.

Tư liệu do Sở Tư pháp tỉnh Ninh Thuận cung cấp

NGÀY 01 THÁNG 10 NĂM 1992

Bổ nhiệm ông Nguyễn Đình Lộc làm Bộ trưởng Bộ Tư pháp

Quốc hội khoá IX, kỳ họp thứ nhất phê chuẩn đề nghị của Thủ tướng Chính phủ về việc bổ nhiệm các Phó Thủ tướng, các Bộ trưởng và các thành viên khác của Chính phủ trong đó có Bộ trưởng Bộ Tư pháp - Nguyễn Đình Lộc.

<http://moj.gov.vn>

Hội đồng Bộ trưởng ban hành Nghị định số 361-HĐBT về việc bổ sung, sửa đổi một số điểm trong các quy định ban hành kèm theo Nghị định số 221-HĐBT và 222-HĐBT ngày 23/7/1991 của Hội đồng Bộ trưởng

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tư pháp và Viện trưởng Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương, Hội đồng Bộ trưởng ban hành Nghị định số 361-HĐBT về việc sửa đổi, bổ sung một số điểm trong các quy định ban hành kèm theo Nghị định số 221-HĐBT và 222-HĐBT ngày 23/7/1991 của Hội đồng Bộ trưởng, cụ thể:

- Sửa đổi, bổ sung một số quy định về: quyền thành lập doanh nghiệp tư nhân của cá nhân; trường hợp Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng uỷ quyền cho Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định cấp hoặc không cấp giấy phép thành lập doanh nghiệp tư nhân; cấp giấy phép thành lập doanh nghiệp tư nhân được quy định trong quy định cụ thể hoá Luật Doanh nghiệp tư nhân, ban hành kèm theo Nghị định số 221-HĐBT .

- Sửa đổi, bổ sung một số quy định về: trường hợp công chức được tham gia thành lập và quản lý công ty; thủ tục thành lập công ty trong những ngành, nghề do Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng cho phép; thủ tục thành lập công ty kinh doanh tiền tệ; trường hợp Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng uỷ quyền cho Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định hoặc không cấp giấy phép thành lập công ty; thay đổi, bổ sung ngành, nghề kinh doanh được quy định trong quy định cụ thể hoá Luật Công ty, ban hành kèm theo Nghị định số 222-HĐBT.

Công báo số 20 ngày 31/10/1992, tr. 478 - 480

NGÀY 09 THÁNG 11 NĂM 1992

Thứ trưởng Nguyễn Văn Yếu được điều động sang nhận công tác khác

Ngày 09/11/1992, Thủ tướng Chính phủ ra Quyết định số 69/TTg về việc thay

đổi công tác của Thứ trưởng Bộ Tư pháp Nguyễn Văn Yếu, theo đó ông Nguyễn Văn Yếu thôi giữ chức Thứ trưởng Bộ Tư pháp để sang công tác tại Ủy ban Pháp luật của Quốc hội.

Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 14 THÁNG 11 NĂM 1992

Thành lập Tạp chí Dân chủ và Pháp luật - một đơn vị trực thuộc Bộ Tư pháp

Ngày 20/12/1977, Chủ nhiệm Ủy ban Pháp chế của Chính phủ ra Quyết định thành lập Tòa soạn Tập san Pháp chế xã hội chủ nghĩa trực thuộc Ủy ban pháp chế của Chính phủ. Sau khi thành lập lại Bộ Tư pháp (1981), Tập san pháp chế xã hội chủ nghĩa tiếp tục hoạt động và có thay đổi về nội dung, kỳ hạn cho phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của Bộ Tư pháp.

Từ năm 1988, được phép của các cơ quan thẩm quyền, Tập san Pháp chế xã hội chủ nghĩa được chuyển thành Tạp chí Pháp chế xã hội chủ nghĩa với nhiệm vụ: tuyên truyền, chỉ đạo, hướng dẫn công tác tư pháp và Tòa án; nghiên cứu, phổ biến khoa học pháp lý; thông tin các hoạt động tư pháp, hoạt động pháp luật trong và ngoài nước. Đối tượng phục vụ của Tạp chí là cán bộ công tác tại các cơ quan pháp luật ở Trung ương và địa phương, cán bộ làm công tác pháp chế ở các ngành, các bộ, cán bộ, công nhân viên chức ở các cơ quan Đảng, Nhà nước và nhân dân.

Trong quá trình hoạt động, Tạp chí Pháp chế xã hội chủ nghĩa luôn bám sát nhiệm vụ, cải tiến nội dung và hình thức hoạt động, đáp ứng được yêu cầu của cán bộ tư pháp, Tòa án và đông đảo quần chúng nhân dân có nguyện vọng nghiên cứu tìm hiểu pháp luật.

Để đổi mới, mở rộng đối tượng và nâng cao chất lượng phục vụ, ngày 01/04/1991, Bộ Tư pháp có Công văn số 201 đề nghị Bộ Văn hoá - Thông tin cho chuyển Tạp chí Pháp chế xã hội chủ nghĩa thành Tạp chí Dân chủ và pháp luật.

Được sự đồng ý của Bộ Văn hoá - Thông tin, ngày 12/3/1992, Bộ trưởng Bộ Tư pháp ra Quyết định đổi tên Tạp chí Pháp chế xã hội chủ nghĩa thành Tạp chí Dân chủ và pháp luật.

Ngày 14/11/1992, Bộ trưởng Bộ Tư pháp ra Quyết định số 306/QĐ về việc

tách Tạp chí Dân chủ và Pháp luật từ Viện Nghiên cứu khoa học Pháp lý thành một đơn vị trực thuộc Bộ Tư pháp.

Hồ sơ số 1121 và 1405 - Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 20 THÁNG 11 NĂM 1992

Hợp nhất Nhà xuất bản Pháp lý và một số nhà xuất bản thành Nhà xuất bản Chính trị quốc gia

Ngày 20/11/1992, Ban Bí thư Trung ương Đảng ra Quyết định số 53/QĐ-TW về việc thành lập Nhà xuất bản Chính trị quốc gia trên cơ sở hợp nhất bốn Nhà xuất bản là (Sự thật; Thông tin - Lý luận; Tư tưởng - Văn hoá và Pháp lý).

Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 16 THÁNG 12 NĂM 1992

Thủ tướng Chính phủ ra Quyết định số 173-TTg về việc giao cho Bộ Tư pháp quản lý ngân sách của các Tòa án nhân dân địa phương

Căn cứ vào Luật Tổ chức Chính phủ năm 1992, Luật Tổ chức Tòa án nhân dân năm 1992, xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tư pháp và Bộ trưởng Bộ Tài chính, Thủ tướng Chính phủ quyết định giao cho Bộ Tư pháp thống nhất quản lý ngân sách của các Tòa án nhân dân địa phương từ năm ngân sách 1993.

Công báo số 1 ngày 15/01/1993, tr. 13

NGÀY 22 THÁNG 12 NĂM 1992

Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá IX, kỳ họp thứ hai thông qua Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự

Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự sửa đổi, bổ sung các quy định tại Phần chung về phạt tiền, về tịch thu vật và tiền bạc trực tiếp liên quan đến tội phạm, về án treo, sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần các tội phạm của Bộ luật Hình sự như: Tội buôn lậu hoặc vận chuyển trái phép hàng hoá, tiền tệ qua biên giới; Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản xã hội chủ nghĩa; Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản xã hội chủ nghĩa; Tội thiếu trách nhiệm gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản xã hội chủ nghĩa; Tội làm hàng giả, tội buôn bán hàng giả; Tội trốn thuế; Tội cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả

ng nghiêm trọng; Tội thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng; Tội lợi dụng chức vụ, quyền hạn hoặc lạm quyền trong khi thi hành công vụ; Tội giả mạo trong công tác; Tội nhận hối lộ, tội đưa hối lộ, tội làm môi giới hối lộ; Hình phạt bổ sung ở một số tội khác;...

Ngày 02/01/1993, Chủ tịch nước đã ký Lệnh số 4-LCTN công bố Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự.

Công báo số 6 ngày 31/3/1993, tr. 130 - 134

Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá IX, kỳ họp thứ 2 thông qua Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng hình sự

Sau một thời gian thi hành, Bộ luật Tố tụng hình sự năm 1988 đã bộc lộ một số điểm chưa phù hợp cần phải sửa đổi, bổ sung. Ngày 22/12/1992, Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá IX, kỳ họp thứ 2 đã thông qua Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Theo đó, Luật sửa đổi, bổ sung các quy định về: người làm chứng; kê biên tài sản; Tòa án cấp phúc thẩm áp dụng, thay đổi hoặc huỷ bỏ biện pháp ngăn chặn; trả hồ sơ để điều tra bổ sung; đình chỉ hoặc tạm đình chỉ vụ án; thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm đồng thời chung thẩm;...

Ngày 02/01/1993, Chủ tịch nước ký Lệnh số 5-LCTN công bố Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Công báo số 6 ngày 31/3/1993, tr. 134 - 135

NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 1992

Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp ban hành Thông tư liên bộ số 88-TT/LB hướng dẫn cấp phát và quản lý kinh phí ngân sách nhà nước cho Tòa án nhân dân địa phương

Thi hành Quyết định số 173-TTg ngày 16/12/1992 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao cho Bộ Tư pháp quản lý ngân sách của các Tòa án nhân dân địa phương, Bộ Tư pháp cùng với Bộ Tài chính hướng dẫn như sau:

Từ ngày 01/01/1993 trở đi kinh phí chi cho Tòa án nhân dân địa phương do ngân sách Trung ương đảm nhiệm và do Bộ Tư pháp trực tiếp quản lý.

Hàng năm, Tòa án nhân dân địa phương căn cứ vào nhiệm vụ công tác, nhu

cầu chi tiêu và chính sách, chế độ của Nhà nước quy định để lập dự toán chi ngân sách (bao gồm tiền lương, phụ cấp, trợ cấp, các khoản chi về công tác phí, nghiệp vụ phí, mua sắm, sửa chữa và đầu tư xây dựng cơ bản...) gửi Bộ Tư pháp tổng hợp gửi Bộ Tài chính trình Chính phủ để trình Quốc hội phê duyệt.

Tòa án nhân dân có trách nhiệm quản lý sử dụng kinh phí đúng mục đích, đúng chế độ, lập và gửi báo cáo, quyết toán đầy đủ, chính xác, kịp thời theo đúng quy định của Bộ Tài chính. Bộ Tư pháp kiểm tra xét duyệt quyết toán của các Tòa án địa phương trước khi tổng hợp gửi Bộ Tài chính.

Hồ sơ số 1037 - Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NĂM 1993

NGÀY 19 THÁNG 01 NĂM 1993

Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại giao, Bộ Nội vụ ban hành Thông tư liên bộ số 01/TT-LB hướng dẫn thực hiện Quy định tạm thời ban hành kèm Quyết định số 145/HĐBT ngày 29/4/1992 của Hội đồng Bộ trưởng

Ngày 29/4/1992, Hội đồng Bộ trưởng ra Quyết định số 145/HĐBT ban hành Quy định tạm thời về việc cho người nước ngoài nhận con nuôi là trẻ em Việt Nam bị mồ côi, bị bỏ rơi, bị tàn tật ở các cơ sở nuôi dưỡng do ngành Lao động - Thương binh và Xã hội quản lý. Để thực hiện Quyết định này, Thông tư liên bộ số 01/TT-LB hướng dẫn:

Quy định tạm thời chỉ áp dụng đối với việc người nước ngoài nhận con nuôi là trẻ em Việt Nam bị mồ côi, bị bỏ rơi, bị tàn tật, hiện đang sống trong các cơ sở nuôi dưỡng do ngành Lao động - Thương binh và Xã hội quản lý. Người xin nhận con nuôi phải lớn tuổi hơn con nuôi từ 20 tuổi trở lên.

Thông tư liên bộ cũng quy định cụ thể về hồ sơ (hồ sơ của người xin nhận con nuôi, hồ sơ của trẻ em được xin nhận làm con nuôi) và thủ tục giải quyết việc xin nhận con nuôi, trong đó quy định rõ trình tự và thủ tục giải quyết các trường hợp cụ thể như trường hợp người xin con nuôi đã biết rõ về trẻ em xin làm con nuôi hoặc trường hợp người xin nhận con nuôi chưa biết rõ về trẻ em xin làm con nuôi.

Thông tư liên bộ này thay thế Thông tư số 06/LĐ-TBXH-TT của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành ngày 01/6/1992.

Cơ sở dữ liệu văn bản quy phạm pháp luật _ <http://www.moj.gov.vn>

NGÀY 10 THÁNG 02 NĂM 1993

Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký kết Hiệp định với Chính phủ nước Cộng hòa Pháp về thành lập Nhà Pháp luật Việt - Pháp

Ngày 10/02/1993, những hoạt động hợp tác pháp luật giữa giới luật gia hai

nước Việt Nam và Pháp được đánh dấu cụ thể bởi một Hiệp định song phương, ký kết giữa hai Chính phủ nhân chuyến thăm Việt Nam của Tổng thống Pháp Francois Mitterrand, thông qua đó thành lập Nhà Pháp luật Việt - Pháp, cơ quan hợp tác song phương trong lĩnh vực pháp luật tại Việt Nam.

Với đội ngũ cán bộ, nhân viên người Việt Nam và người Pháp, Nhà Pháp luật Việt - Pháp ưu tiên phát triển các hoạt động hợp tác song phương giữa hai Chính phủ. Hoạt động của Nhà Pháp luật Việt - Pháp tập trung vào ba lĩnh vực chủ yếu: tổ chức hội thảo, tọa đàm trao đổi kinh nghiệm xây dựng pháp luật, đào tạo các chức danh tư pháp và giảng dạy tiếng Pháp pháp lý, phổ biến thông tin pháp luật. Tổ chức của Nhà Pháp luật Việt - Pháp gồm có: một Ủy ban định hướng, 01 Giám đốc và 01 Phó Giám đốc.

<http://www.maisondu droit.org/vanban/102.htm>

NGÀY 25 THÁNG 02 NĂM 1993

Hội nghị tổng kết công tác Tư pháp năm 1992

Hội nghị được tổ chức với mục đích tổng kết đánh giá công tác năm 1992, bàn phương hướng công tác năm 1993 và tập huấn công tác của Ngành. Tham dự Hội nghị có Phó Chủ tịch Quốc hội Phùng Văn Tửu, Chủ nhiệm Văn phòng Chủ tịch nước Nguyễn Việt Dũng, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Chủ nhiệm Ủy ban Pháp luật của Quốc hội, đại diện các ban, ngành ở Trung ương và đại diện các cơ quan tư pháp, Tòa án, luật sư, công chứng trong cả nước...

Hội nghị đã tập trung đánh giá về những kết quả đạt được trên các lĩnh vực công tác của ngành, cụ thể:

Về công tác xây dựng, rà soát, hệ thống hoá văn bản pháp luật, tuyên truyền, giáo dục pháp luật, năm 1992, Bộ Tư pháp đã trực tiếp soạn thảo các văn bản lớn như Bộ luật Dân sự, Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; tham gia góp ý kiến về các điều ước quốc tế, cùng các ngành trình Chính phủ và Hội đồng Nhà nước (trước đây) ký kết hoặc gia nhập trên 50 điều ước quốc tế; chỉ đạo việc rà soát văn bản của 7 ngành ở Trung ương và 13 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Công tác giáo dục pháp luật trong nhà trường được tiếp tục mở rộng và bước đầu đã có những kinh nghiệm tốt cần phổ biến.

Về công tác quản lý Tòa án nhân dân địa phương về mặt tổ chức, Bộ đã chỉ đạo các Tòa án địa phương xây dựng kế hoạch từng bước tiêu chuẩn hoá đội ngũ cán bộ, chuẩn bị các điều kiện cần thiết cho việc bổ nhiệm Thẩm phán theo Luật

mới, bàn giao công tác thi hành án, khẩn trương chuẩn bị các điều kiện để thực hiện quản lý ngân sách thống nhất đối với các Tòa án nhân dân địa phương.

Về công tác quản lý Đoàn luật sư, tính đến cuối năm 1992 đã có 46/53 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã thành lập Đoàn luật sư với 525 luật sư (trong đó có 186 luật sư tập sự).

Công tác nghiên cứu khoa học, Bộ đã tổ chức nghiệm thu 8 đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ với kết quả đều là khá và xuất sắc, đăng ký thực hiện 4 đề tài khoa học cấp Nhà nước và 6 đề tài khoa học cấp Bộ.

Công tác đào tạo cán bộ pháp lý, năm 1992, Trường Đại học Pháp lý Hà Nội đã lập Khoa đào tạo Thấm phán và sau đại học để đào tạo về lâu dài cán bộ, phục vụ cho việc bổ nhiệm Thấm phán.

Công tác tổ chức xây dựng Ngành, Bộ Tư pháp đã chỉ đạo xây dựng đề án sắp xếp tổ chức biên chế của cơ quan Bộ và toàn Ngành, tích cực chuẩn bị sửa đổi Nghị định số 143-HĐBT và Nghị định số 178-HĐBT nhằm xây dựng lại hệ thống các cơ quan tư pháp từ Trung ương đến cơ sở cho phù hợp với tình hình nhiệm vụ mới....

Hội nghị cũng đã nhất trí thông qua phương hướng và nhiệm vụ cụ thể của Ngành trong năm 1993 và thời gian tới.

Báo Pháp luật số 9 ngày 02/3/1993

NGÀY 03 THÁNG 3 NĂM 1993

Thủ tướng Chính phủ Võ Văn Kiệt, Ủy viên Bộ Chính trị Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam phát biểu tại Hội nghị tập huấn chuyên đề công tác tư pháp

Thay mặt Chính phủ, Thủ tướng Võ Văn Kiệt đã đến dự Hội nghị tập huấn chuyên đề công tác tư pháp và đưa ra một số ý kiến chỉ đạo về công tác tư pháp trong thời gian tới, cụ thể:

Về công tác xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật, hệ thống pháp luật cần xây dựng trong những năm trước mắt phải là một hệ thống pháp luật đồng bộ nhất quán, năng động, thể chế hoá được chủ trương, đường lối đổi mới của Đảng và Nhà nước trên tất cả các lĩnh vực đời sống xã hội, thực sự có tác động thúc đẩy, từng bước hình thành nền kinh tế thị trường và nền dân chủ, thể hiện bản sắc của con người Việt Nam, đồng thời tiếp thu kinh nghiệm, tri thức tiến bộ của các nước trên thế giới. Cùng với việc xây dựng các văn bản pháp luật mới, vấn đề cấp bách đặt ra là phải rà soát, trên cơ sở Hiến pháp năm 1992, toàn bộ

hệ thống văn bản pháp luật đã ban hành từ trước đến nay, ở cấp Trung ương cũng như địa phương.

Về cải cách tư pháp, trước hết là phải tổ chức lại, hoàn thiện hệ thống các cơ quan tài phán của Nhà nước (bao gồm Tòa án nhân dân và Trọng tài kinh tế, các tổ chức hoà giải tranh chấp về kinh tế; phải thiết lập mới các cơ quan tài phán chuyên ngành ở những lĩnh vực mà cuộc sống đòi hỏi như về thương mại, hành chính, lao động, đất đai, tài chính...); sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện pháp luật về tố tụng hình sự, dân sự; xây dựng mới tố tụng hành chính, tố tụng thương mại sao cho phán quyết của Tòa án, các cơ quan tài phán khác thực sự khách quan, công bằng; đổi mới và hoàn thiện tổ chức và bộ máy của Ngành Tư pháp.

Về vấn đề xây dựng, đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ cán bộ pháp lý, Thủ tướng Võ Văn Kiệt nhấn mạnh: “Vấn đề đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ pháp luật là rất cấp bách. Cùng với việc đào tạo trong nước, chúng ta phải tranh thủ mọi sự giúp đỡ, hỗ trợ của các nước và các tổ chức quốc tế. Phải làm sao để trong khoảng 10 - 15 năm nữa đất nước có được một đội ngũ luật gia đông đảo, có trình độ chuyên môn cao ngang với các nước. Có như vậy chúng ta mới có thể hợp tác, làm ăn một cách bình đẳng với nước ngoài”.

Báo Pháp luật số 10 ngày 09/3/1993

NGÀY 08 THÁNG 3 NĂM 1993

Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam ra Chỉ thị số 29-CT/TW về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với các cơ quan bảo vệ pháp luật

Chỉ thị nêu rõ, trong đổi mới hệ thống chính trị, yêu cầu quan trọng là tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, từng bước xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền Việt Nam. Trong đấu tranh chống tội phạm, phải lấy phòng là chính. Bắt giam giữ đúng pháp luật và xét xử đúng người, đúng tội; các cấp ủy Đảng thực hiện sự lãnh đạo toàn diện và chặt chẽ đối với các cơ quan bảo vệ pháp luật.

Về tổ chức và cách làm việc, các tỉnh ủy, thành ủy cần thành lập và kiện toàn Ban Nội chính để làm tham mưu cho sự lãnh đạo của tỉnh ủy, thành ủy về công tác nội chính nói chung, công tác bảo vệ pháp luật nói riêng; Đối với các vụ án quan trọng cần có ý kiến chỉ đạo của cấp ủy, thì có thể ủy nhiệm cho Bí thư (hoặc Phó Bí thư) và Trưởng ban Nội chính tỉnh ủy, thành ủy cùng Bí thư Đảng ủy Công an, Bí thư Ban cán sự Viện kiểm sát và Tòa án nhân dân cùng nhau bàn bạc nhất trí

thực hiện, báo cáo sau với Ban Thường vụ. Những vụ án quan trọng phức tạp có quan điểm khác nhau thì để tập thể Ban Thường vụ cấp ủy đó xem xét, cho ý kiến. Việc xem xét, cho ý kiến phải thận trọng, khẩn trương, tạo điều kiện để các cơ quan bảo vệ pháp luật xử lý vụ án đúng thời hạn quy định của luật.

Các cấp ủy Đảng, Đảng ủy Công an, các Ban cán sự Đảng ở các cơ quan bảo vệ pháp luật ở Trung ương căn cứ vào Chỉ thị này và báo cáo kết quả kiểm tra hoạt động điều tra, bắt giữ truy tố, xét xử, thi hành án để rà soát, kiểm điểm lại những việc đã làm, phát huy ưu điểm, khắc phục khuyết điểm, góp phần chấn chỉnh và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong các hoạt động bảo vệ pháp luật.

Lưu trữ Văn phòng Trung ương Đảng

NGÀY 17 THÁNG 4 NĂM 1993

Ủy ban Thường vụ Quốc hội khoá IX thông qua Pháp lệnh Thi hành án dân sự

Đầu những năm 1990, công cuộc đổi mới nói chung và cải cách bộ máy nhà nước nói riêng đã được tiến hành một cách khá tích cực, khẩn trương. Hiến pháp năm 1992 và các luật về tổ chức bộ máy nhà nước được Quốc hội khoá IX thông qua vào tháng 10/1992 đã đặt ra những nguyên tắc nền tảng cho quá trình cải cách tư pháp, trong đó công tác thi hành án dân sự được đổi mới một cách căn bản. Khác với Luật Tổ chức Tòa án nhân dân năm 1981, Luật Tổ chức Tòa án nhân dân năm 1992 không quy định thẩm quyền của Tòa án nhân dân trong việc thi hành án. Trong khi đó, Luật tổ chức Chính phủ 1992 lần đầu tiên đã xác định việc “quản lý công tác thi hành án” là một trong những nhiệm vụ và quyền hạn của Chính phủ trong lĩnh vực pháp luật và hành chính tư pháp. Để thực hiện quy định của các đạo luật trên đây về công tác thi hành án, tại kỳ họp thứ nhất Quốc hội khoá IX ngày 06/10/1992 đã thông qua Nghị quyết về việc bàn giao công tác thi hành án từ Tòa án nhân dân các cấp sang các cơ quan của Chính phủ.

Ngày 17/4/1993, Ủy ban Thường vụ Quốc hội thông qua Pháp lệnh Thi hành án dân sự. Pháp lệnh do Bộ Tư pháp chủ trì soạn thảo gồm 7 chương với 50 điều bao gồm những quy định chung về thi hành án dân sự; Chấp hành viên, cơ quan thi hành án; thủ tục thi hành án; các biện pháp cưỡng chế thi hành án; khiếu nại, tố cáo hành vi trái pháp luật của Thủ trưởng cơ quan thi hành án, Chấp hành viên và kháng nghị quyết định về thi hành án; khen thưởng, xử lý vi phạm đối với cá nhân, tổ chức có trách nhiệm thi hành án; và những điều khoản thi hành.

Điểm khác biệt căn bản nhất của Pháp lệnh Thi hành án dân sự năm 1993 so với Pháp lệnh Thi hành án dân sự năm 1989 chính là ở khâu tổ chức, cơ chế thi hành án mới. Theo Pháp lệnh Thi hành án dân sự năm 1989, Tòa án có nhiệm vụ thi hành án dân sự, còn theo Pháp lệnh Thi hành án dân sự năm 1993 thì nhiệm vụ thi hành án dân sự được chuyển cho một cơ quan nhà nước mới thành lập và đi vào hoạt động từ 01/7/1993, đó là hệ thống các cơ quan thi hành án dân sự. Việc ra các quyết định về thi hành án trước đây thuộc thẩm quyền của Chánh án Tòa án, thì nay thuộc thẩm quyền của Thủ trưởng cơ quan Thi hành án.

Pháp lệnh này thay thế Pháp lệnh Thi hành án dân sự năm 1989.

Ngày 26/4/1993, Chủ tịch nước ký Lệnh số 13/L-CTN công bố Pháp lệnh Thi hành án dân sự.

Công báo số 12 ngày 31/6/1993, tr. 289 - 297

Ủy ban Thường vụ Quốc hội khoá IX thông qua Pháp lệnh Công nhận và thi hành tại Việt Nam bản án, quyết định dân sự của Tòa án nước ngoài

Pháp lệnh do Bộ Tư pháp chủ trì soạn thảo, gồm 4 chương 26 điều quy định về bản án, quyết định dân sự của Tòa án nước ngoài; nguyên tắc công nhận và thi hành; thẩm quyền xét đơn yêu cầu công nhận và cho thi hành hoặc đơn yêu cầu không công nhận; bảo đảm quyền kháng cáo, kháng nghị; bảo đảm hiệu lực của quyết định của Tòa án Việt Nam công nhận hoặc không công nhận bản án, quyết định dân sự của Tòa án nước ngoài; bảo đảm việc chuyển tiền và tài sản thi hành bản án, quyết định dân sự của Tòa án nước ngoài; quy định về việc xét đơn yêu cầu công nhận và cho thi hành tại Việt Nam bản án, quyết định dân sự của Tòa án nước ngoài; quy định về việc xét đơn yêu cầu không công nhận bản án, quyết định dân sự của Tòa án nước ngoài không có yêu cầu thi hành tại Việt Nam.

Pháp lệnh có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/1993.

Ngày 26/4/1993, Chủ tịch nước ký Lệnh số 14-L/CTN công bố Pháp lệnh Công nhận và thi hành tại Việt Nam bản án, quyết định dân sự của Tòa án nước ngoài.

Công báo số 12 ngày 31/6/1993, tr. 298 - 302

NGÀY 07 VÀ 08 THÁNG 5 NĂM 1993

Hội thảo quốc tế về hành nghề tư vấn pháp luật

Để đáp ứng nhu cầu của nền kinh tế thị trường, tạo ra một hành lang pháp lý

an toàn cho hoạt động đầu tư, kinh doanh trong và ngoài nước, xây dựng một cơ chế bảo hộ quyền và lợi ích hợp pháp của các doanh nghiệp, các chủ đầu tư, Nhà nước chủ trương củng cố và khuyến khích sự phát triển của hoạt động tư vấn pháp luật của các luật gia Việt Nam, đồng thời cho phép các tổ chức tư vấn pháp luật nước ngoài vào hành nghề với các hình thức và phạm vi thích hợp.

Thực hiện chủ trương này, Bộ Tư pháp đã soạn thảo hai Dự án Quy chế hành nghề tư vấn pháp luật và Quy chế tổ chức và hoạt động của tổ chức tư vấn pháp luật nước ngoài tại Việt Nam. Để hoàn chỉnh hai dự án này vào ngày 07 và 08/5/1993 tại Hà Nội, Bộ Tư pháp đã tổ chức “Hội thảo quốc tế về hành nghề tư vấn pháp luật”, nhằm lấy ý kiến đóng góp trực tiếp và tập trung của các luật sư tư vấn, đại diện các công ty tư vấn pháp luật nước ngoài quan tâm đến việc hành nghề tại Việt Nam.

Tham gia hội thảo có hơn 60 luật sư đại diện cho 48 công ty, văn phòng luật sư từ trên 10 nước thuộc các Châu lục. Đến dự hội thảo còn có Phó Chủ tịch Quốc hội, Tổng thư ký Hội Luật gia Việt Nam Phùng Văn Tửu; Chủ nhiệm Ủy ban Pháp luật của Quốc hội Hà Mạnh Trí; Bộ trưởng Bộ Tư pháp Nguyễn Đình Lộc... các vị đại sứ và đại diện một số Đại sứ quán tại Việt Nam, đại diện thường trực Chương trình phát triển Liên hợp quốc tại Việt Nam.

Hội thảo đã tập trung làm sáng tỏ nhiều vấn đề trong lĩnh vực tư vấn pháp luật.

Báo Pháp luật số 20 ngày 18/5/1993

NGÀY 26 THÁNG 5 NĂM 1993

Bộ Tư pháp, Toà án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Ban Tổ chức Cán bộ Chính phủ, Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư liên ngành số 01/TTLN hướng dẫn việc bàn giao công tác thi hành án dân sự

Thực hiện điểm 5 Nghị quyết của Quốc hội khoá IX, kỳ họp thứ nhất ngày 06/10/1992 về việc bàn giao công tác thi hành án từ Toà án nhân dân các cấp sang các cơ quan của Chính phủ và Pháp lệnh Thi hành án dân sự, Thông tư liên ngành hướng dẫn các địa phương thực hiện việc bàn giao công tác thi hành án như sau:

Phạm vi bàn giao là toàn bộ công tác thi hành án dân sự nói chung (kể cả quyết định về tài sản trong bản án, quyết định hình sự) trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc chuyển giao đồng bộ, bao gồm: toàn bộ sổ sách, hồ sơ kèm theo vật chứng, tài

sản tạm giữ, các khoản tiền thi hành án và án phí, biên bản kê biên tài sản và các biên bản, chứng từ, tài liệu khác liên quan đến việc thi hành án.

Thông tư cũng quy định những nội dung bàn giao cụ thể: về cán bộ, về trụ sở, phương tiện làm việc, về sổ sách, hồ sơ thi hành án, về vật chứng, tài sản tạm giữ, tài sản kê biên, về hoạt động thu - chi tiền thi hành án; thành phần Ban chỉ đạo bàn giao cấp tỉnh và huyện và thời hạn bàn giao.

Cơ sở dữ liệu văn bản quy phạm pháp luật_ <http://www.moj.gov.vn>

NGÀY 02 THÁNG 6 NĂM 1993

Chính phủ ban hành Nghị định số 30-CP về tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan quản lý công tác thi hành án dân sự, cơ quan thi hành án dân sự và Chấp hành viên

Nghị định do Bộ Tư pháp soạn thảo gồm 4 chương với 21 điều quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan quản lý công tác thi hành án dân sự (Cục quản lý thi hành án dân sự thuộc Bộ Tư pháp, Phòng quản lý thi hành án thuộc Bộ Quốc phòng, Sở Tư pháp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Phòng Tư pháp quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh); nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan thi hành án dân sự (Phòng Thi hành án thuộc Sở Tư pháp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Phòng Thi hành án quân khu và cấp tương đương, Đội Thi hành án thuộc Phòng Tư pháp quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh), cũng như quy định cụ thể về tiêu chuẩn để được bổ nhiệm, thủ tục bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Chấp hành viên, Chấp hành viên trưởng.

Nghị định này thay thế Nghị định số 68-HĐBT ngày 06/3/1990 của Hội đồng Bộ trưởng ban hành Quy chế Chấp hành viên.

Công báo số 15 ngày 15/8/1993, tr. 363 - 368

Thủ tướng Chính phủ ban hành Chỉ thị số 266-TTg về triển khai việc bàn giao và tăng cường công tác thi hành án dân sự

Nội dung Chỉ thị nêu rõ các việc cần triển khai và trách nhiệm của từng cơ quan, ban, ngành trong việc bàn giao công tác thi hành án dân sự; về tăng cường công tác thi hành án dân sự trong 6 tháng cuối năm 1993. Theo Chỉ thị, cuối quý III năm 1993, Bộ Tư pháp phải sơ kết bước một và cuối quý IV năm 1993 phải tổng kết và báo cáo Thủ tướng Chính phủ kết quả thực hiện Chỉ thị này.

Công báo số 15 ngày 15/8/1993, tr. 372 - 373

NGÀY 04 THÁNG 6 NĂM 1993

Chính phủ ban hành Nghị định số 38-CP về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Bộ Tư pháp

Nghị định số 143-HĐBT ngày 22/11/1981 của Hội đồng Bộ trưởng quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức Bộ Tư pháp được ban hành trong điều kiện kinh tế nước ta chưa chuyển sang hoạt động theo cơ chế thị trường.

Sau khi Hiến pháp 1992 ra đời, Ngành Tư pháp được giao một số nhiệm vụ mới; một số nhiệm vụ thuộc Bộ đã được giao sang Tòa án (công tác thi hành án) hoặc Bộ Ngoại giao (công tác quốc tịch) đến thời điểm này được trả lại cho Bộ Tư pháp. Bởi vậy, để đáp ứng được với các yêu cầu của nhiệm vụ mới, Bộ Tư pháp cần có sự đổi mới căn bản về tổ chức và hoạt động của Ngành nhằm thực hiện nhiệm vụ được giao. Ngày 12/02/1993, Bộ Tư pháp trình Thủ tướng Chính phủ Đề án xây dựng Nghị định về đổi mới tổ chức tư pháp thay thế Nghị định số 143-HĐBT.

Ngày 04/6/1993, Chính phủ ban hành Nghị định số 38-CP về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Bộ Tư pháp. Nghị định gồm 6 điều, theo đó, *“Bộ Tư pháp là cơ quan của Chính phủ thực hiện chức năng quản lý nhà nước thống nhất về công tác tư pháp; xây dựng và tham gia xây dựng pháp luật, phổ biến, giáo dục pháp luật; quản lý về mặt tổ chức Tòa án nhân dân địa phương, Tòa án quân sự quân khu và tương đương, Tòa án quân sự khu vực; đào tạo, bồi dưỡng cán bộ pháp lý và quản lý các công tác tư pháp khác được Chính phủ giao”*.

Bộ Tư pháp có những nhiệm vụ, quyền hạn sau: xây dựng và tham gia xây dựng pháp luật; quản lý Tòa án nhân dân địa phương; tổ chức, thi hành án dân sự; thực hiện việc quản lý nhà nước đối với tổ chức và hoạt động luật sư, công chứng, giám định, hộ tịch và các hoạt động tư pháp khác; quản lý công tác hoà giải ở cơ sở; đào tạo, bồi dưỡng cán bộ pháp lý; nghiên cứu khoa học pháp lý, phổ biến giáo dục pháp luật; hợp tác quốc tế về tư pháp; thanh tra và giải quyết khiếu nại, tố cáo.

Tổ chức bộ máy của Bộ Tư pháp bao gồm:

a) *Các cơ quan giúp Bộ trưởng thực hiện chức năng quản lý nhà nước:* 1. Văn phòng; 2. Vụ Kế hoạch - Tài chính; 3. Vụ Quản lý Tòa án địa phương; 4. Cục Thi hành án dân sự; 5. Vụ Quản lý luật sư, tư vấn pháp luật; 6. Vụ Quản lý công chứng, giám định tư pháp, hộ tịch, quốc tịch, lý lịch tư pháp; 7. Vụ Pháp luật hình sự, hành chính; 8. Vụ Pháp luật dân sự, kinh tế; 9. Vụ Hợp tác quốc tế; 10. Vụ Phổ biến, giáo dục pháp luật; 11. Vụ Tổ chức cán bộ và đào tạo; 12. Thanh tra Bộ.

b) *Các tổ chức sự nghiệp trực thuộc Bộ*: 1. Viện Nghiên cứu khoa học pháp lý; 2. Trường Đại học Luật, phân hiệu Đại học Luật thành phố Hồ Chí Minh; 3. Báo Pháp luật; 4. Tạp chí Dân chủ và Pháp luật.

Hệ thống tổ chức tư pháp ở địa phương bao gồm: ở tỉnh và cấp tương đương có Sở Tư pháp; ở huyện và cấp tương đương có Phòng Tư pháp; ở xã và cấp tương đương có Ban Tư pháp. Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp, Ban Tư pháp là cơ quan chuyên môn của UBND cùng cấp chịu sự chỉ đạo và quản lý về chuyên môn nghiệp vụ của cơ quan tư pháp cấp trên.

Nghị định này thay thế Nghị định số 143-HĐBT ngày 22/11/1981.

Công báo số 16 ngày 31/8/1993, tr. 377 - 379

Bộ trưởng Bộ Tư pháp ra Quyết định số 197/QĐ/TC thành lập Ban chỉ đạo triển khai thực hiện Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ về triển khai bàn giao và tăng cường công tác thi hành án dân sự

Thành phần của Ban chỉ đạo gồm có 8 thành viên do Bộ trưởng Bộ Tư pháp Nguyễn Đình Lộc làm Trưởng ban.

Ban Chỉ đạo có nhiệm vụ: chỉ đạo, hướng dẫn việc thành lập các cơ quan quản lý công tác thi hành án dân sự và các cơ quan thi hành án dân sự; đôn đốc kiểm tra việc bàn giao công tác thi hành án dân sự; đôn đốc, chỉ đạo và kiểm tra việc triển khai đợt thi hành án dân sự trong toàn quốc; tổng hợp tình hình, đánh giá kết quả việc bàn giao công tác thi hành án dân sự để báo cáo Thủ tướng Chính phủ, đề xuất các biện pháp chỉ đạo kịp thời.

Hồ sơ số 1272 - Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 10 THÁNG 6 NĂM 1993

Bộ Tư pháp ban hành Quyết định số 205/QLTA về kế hoạch triển khai thực hiện Chỉ thị số 266-TTg ngày 02/6/1993 của Thủ tướng Chính phủ

Để thực hiện Chỉ thị số 266-TTg ngày 02/6/1993 của Thủ tướng Chính phủ về triển khai việc bàn giao và tăng cường công tác thi hành án dân sự, Bộ Tư pháp hướng dẫn kế hoạch triển khai công tác này để trên cơ sở đó các địa phương xây dựng kế hoạch cụ thể thực hiện tại địa phương mình.

Hồ sơ số 1272 - Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

Bộ Tư pháp ban hành Thông tư số 555-TT/THA hướng dẫn một số vấn đề về công tác thi hành án dân sự

Thông tư hướng dẫn một số vấn đề về việc thành lập các cơ quan thi hành án dân sự; việc vận dụng tiêu chuẩn, quy chế Chấp hành viên; về quản lý ngân sách và kinh phí thi hành án; mối quan hệ công tác giữa cơ quan tư pháp và cơ quan thi hành án cùng cấp; việc bàn giao công tác thi hành án dân sự.

Hồ sơ số 1273 - Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 02 THÁNG 7 NĂM 1993

Bộ trưởng Bộ Tư pháp mở đợt chỉ đạo điểm thi hành án trong 6 tháng cuối năm 1993

Sau khi việc bàn giao công tác thi hành án dân sự từ Tòa án sang cơ quan thi hành án của Chính phủ đã hoàn thành về cơ bản, ngày 02/7/1993, Bộ trưởng Bộ Tư pháp Nguyễn Đình Lộc đã ra Quyết định số 359/THA về kế hoạch mở đợt chỉ đạo điểm thi hành án trong 6 tháng cuối năm 1993, nhằm tiếp tục thực hiện tốt hiệu quả Chỉ thị số 266-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

Theo đó, 10 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được chọn làm thí điểm là: Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, Quảng Nam - Đà Nẵng, Lâm Đồng, Đồng Nai, Cần Thơ, Nghệ An, Thái Bình, Lạng Sơn, Quảng Ninh.

Bộ trưởng cũng yêu cầu: Bộ Tư pháp tập trung chỉ đạo, hướng dẫn những địa phương trên tổ chức tốt đợt thi hành án dân sự: Kiểm tra việc thực hiện kế hoạch triển khai của địa phương; hướng dẫn việc thực hiện rà soát, phân loại bản án, quyết định có điều kiện thi hành, chưa có điều kiện hoặc không có điều kiện thi hành...

Báo Pháp luật số 28 ngày 13/7/1993

NGÀY 20 THÁNG 7 NĂM 1993

Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Quyết định số 473/QĐ/TC thành lập Cục Quản lý Thi hành án dân sự thuộc Bộ Tư pháp

Theo đó, Cục Quản lý Thi hành án dân sự có nhiệm vụ giúp Bộ trưởng Bộ Tư pháp thực hiện:

- Quản lý nhà nước về công tác thi hành án dân sự và tổ chức thi hành án dân sự trong phạm vi cả nước;

- Quản lý nghiệp vụ công tác thi hành án dân sự;

- Giúp Phòng Quản lý thi hành án thuộc Bộ Quốc phòng quản lý nghiệp vụ công tác thi hành án, quyết định về tài sản trong bản án hình sự của Tòa án quân sự. Cùng với Phòng Quản lý thi hành án thuộc Bộ Quốc phòng giúp Bộ trưởng Bộ Quốc phòng phối hợp với Bộ trưởng Bộ Tư pháp thực hiện việc quản lý nhà nước về công tác thi hành quyết định về tài sản trong bản án hình sự của Tòa án quân sự.

Cục Quản lý Thi hành án dân sự gồm có Cục trưởng, các Phó Cục trưởng và các chuyên viên, biên chế do Bộ trưởng Bộ Tư pháp quyết định.

Hồ sơ số 1275 - Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 24 THÁNG 7 NĂM 1993

Bộ Tư pháp, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao ban hành Thông tư liên ngành số 04/TTLN hướng dẫn thực hiện một số quy định của Pháp lệnh Công nhận và thi hành tại Việt Nam bản án, quyết định dân sự của tòa án nước ngoài

Thông tư hướng dẫn một số điểm về nguyên tắc công nhận và thi hành tại Việt Nam bản án, quyết định dân sự của Tòa án nước ngoài; thẩm quyền xét đơn yêu cầu; việc dịch đơn yêu cầu và các giấy tờ khác có liên quan; lệ phí xét đơn yêu cầu công nhận hoặc không công nhận tại Việt Nam bản án, quyết định dân sự của Tòa án nước ngoài; thủ tục gửi và nhận hồ sơ, trình tự xét đơn yêu cầu, việc cấp các bản sao, quyết định và việc xét kháng cáo, kháng nghị; bảo đảm việc thi hành bản án, quyết định dân sự của Tòa án nước ngoài.

Hồ sơ số 1296 - Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 25 THÁNG 7 ĐẾN 01 THÁNG 8 NĂM 1993

Đoàn đại biểu Bộ Tư pháp thăm và làm việc tại Ma-lai-xi-a

Nhận lời mời của Bộ trưởng Phủ Thủ tướng và Bộ trưởng Bộ Pháp luật Ma-lai-xi-a, từ 25/7 đến ngày 01/8/1993, đoàn đại biểu Bộ Tư pháp nước ta do Bộ trưởng Nguyễn Đình Lộc làm trưởng đoàn đã thăm chính thức Ma-lai-xi-a.

Đoàn đã đến thăm và làm việc với Bộ Pháp luật, Tòa án tối cao, Viện Tổng công tố và cơ quan chống tham nhũng trực thuộc Chính phủ Ma-lai-xi-a. Hai bên đã trao đổi kinh nghiệm về hoạt động xây dựng pháp luật, tổ chức tư pháp của mỗi nước cũng như về công tác đấu tranh phòng chống tham nhũng.

Bộ trưởng Bộ Tư pháp Nguyễn Đình Lộc và Bộ trưởng Bộ pháp luật Ma-lai-xi-a đã hội đàm, có sự trao đổi sâu rộng về triển vọng phát triển hợp tác giữa hai nước trong lĩnh vực pháp luật và tư pháp. Hai Bộ trưởng đã ký bản ghi nhớ về các hình thức hợp tác...

Báo Pháp luật số 34 ngày 24/8/1993

NGÀY 26 THÁNG 7 NĂM 1993

Bộ Tư pháp và Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ ban hành Thông tư liên bộ số 12/TTLB hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức cơ quan tư pháp địa phương

Để thi hành Nghị định số 38-CP về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức của Bộ Tư pháp, Bộ trưởng Bộ Tư pháp và Bộ trưởng, Trưởng Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ hướng dẫn về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức các cơ quan tư pháp địa phương.

Thông tư liên bộ nêu rõ: Các cơ quan tư pháp địa phương là cơ quan chuyên môn của UBND cùng cấp, có chức năng giúp UBND thực hiện quản lý nhà nước về công tác tư pháp tại địa phương. Tại cấp tỉnh có Sở Tư pháp chịu sự quản lý về chuyên môn nghiệp vụ của Bộ Tư pháp, tại cấp huyện có Phòng Tư pháp chịu sự quản lý về chuyên môn nghiệp vụ của Sở Tư pháp, tại cấp xã có Ban Tư pháp chịu sự quản lý về chuyên môn nghiệp vụ của Phòng Tư pháp.

Chủ tịch UBND tỉnh quyết định cơ cấu bộ máy và biên chế của Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp, bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Giám đốc Sở Tư pháp sau khi thống nhất bằng văn bản với Bộ trưởng Bộ Tư pháp. Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Trưởng phòng, Phó Phòng Tư pháp sau khi thống nhất bằng văn bản với Giám đốc Sở Tư pháp. Riêng biên chế của Phòng Thi hành án thuộc Sở Tư pháp, của Đội Thi hành án thuộc Phòng Tư pháp do Bộ trưởng Bộ Tư pháp quyết định ngoài biên chế của địa phương. Ban Tư pháp do một Phó Chủ tịch UBND cấp xã phụ trách.

Hồ sơ số 1320 - Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 17 THÁNG 9 NĂM 1993

Chính phủ ban hành Nghị định số 61/CP về án phí, lệ phí Tòa án

Nghị định do Bộ Tư pháp chủ trì soạn thảo. Nghị định gồm 4 chương với 17

điều quy định mức án phí dân sự và hình sự sơ thẩm, sơ thẩm đồng thời chung thẩm, phúc thẩm; các trường hợp được miễn án phí; quy định về lệ phí toà án.

Công báo số 22 ngày 30/11/1993, tr. 556 - 558

**Bộ Nội vụ, Bộ Tư pháp, Viện kiểm sát nhân dân tối cao ban hành
Thông tư liên ngành số 02/TTLN hướng dẫn việc bảo vệ cường chế
thi hành án dân sự**

Theo quy định của Thông tư, đối với những vụ thi hành án cần thiết, có thể huy động sự phối hợp với lực lượng Cảnh sát bảo vệ và cán bộ của UBND xã, phường, thị trấn nơi sẽ tiến hành thi hành án để thực hiện việc cường chế thi hành án. Người nhận được thông báo có trách nhiệm giữ bí mật về tổ chức cường chế thi hành án. Cán bộ, chiến sĩ cảnh sát được cử đến bảo vệ trật tự khi cường chế thi hành án có trách nhiệm có mặt từ trước khi bắt đầu đến khi kết thúc việc cường chế thi hành án để làm nhiệm vụ duy trì trật tự và bảo đảm an toàn trong suốt quá trình cường chế thi hành án, tự mình hoặc theo yêu cầu của Chấp hành viên áp dụng những biện pháp cần thiết nhằm ngăn chặn kịp thời những người có hành vi gây rối trật tự, cản trở hoặc chống người thi hành công vụ, có lời nói và hành động xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của cán bộ tiến hành cường chế và những người tham gia cường chế thi hành án; khi phát hiện trường hợp phạm tội quả tang thì cán bộ, chiến sĩ cảnh sát phải bắt ngay người phạm tội, lập biên bản và giải ngay đến cơ quan điều tra có thẩm quyền. Khi làm nhiệm vụ bảo vệ trật tự cường chế thi hành án dân sự, đối với người gây rối trật tự hoặc xúc phạm những người tiến hành hoặc tham gia cường chế thi hành án, cán bộ chiến sĩ cảnh sát được quyền phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền.

Thông tư liên ngành này thay thế Thông tư liên ngành số 07-89/TTLN ngày 10/12/1989 của Toà án nhân dân tối cao và Bộ Nội vụ hướng dẫn việc bảo vệ cường chế thi hành án dân sự.

Cơ sở dữ liệu văn bản quy phạm pháp luật _ <http://moj.gov.vn>

NGÀY 21 THÁNG 9 NĂM 1993

**Bộ Tư pháp, Toà án nhân dân tối cao và Viện kiểm sát nhân dân tối cao
ban hành Thông tư liên ngành số 981/TT-LN hướng dẫn thực hiện một
số quy định của Pháp lệnh Thi hành án dân sự**

Để thi hành thống nhất một số quy định của Pháp lệnh Thi hành án dân sự,

ngày 21/4/1993, Bộ Tư pháp, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định về việc chuyển giao bản sao bản án, quyết định của Tòa án cho cơ quan thi hành án; việc thi hành bản án về án phí; việc nhận tiền, tài sản được nộp trước khi Tòa án thụ lý, xét xử vụ án; giải thích những điểm có liên quan đến việc thi hành án và việc kiến nghị đối với bản án, quyết định có sai lầm; xử lý các khoản tiền, tài sản tồn đọng; hướng dẫn việc kê biên tài sản, kiểm sát việc thi hành án.

Hồ sơ số 1269 - Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 22 ĐẾN 25 THÁNG 9 VÀ NGÀY 28 THÁNG 9 ĐẾN 01 THÁNG 10 NĂM 1993

Hội nghị tập huấn về công tác quản lý Tòa án địa phương và công tác thi hành án dân sự

Hội nghị được tổ chức tại thành phố Nha Trang (tỉnh Khánh Hòa) từ ngày 22 đến 25/9/1993 và từ ngày 28/9 đến 01/10/1993 tại Hà Nội.

Thành phần tham gia tập huấn gồm Chánh án Tòa án nhân dân, Giám đốc Sở Tư pháp, Trưởng Phòng Thi hành án tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Chánh án Tòa án các quân khu, Trưởng Phòng Thi hành án thuộc Bộ Quốc phòng và một số Trưởng Phòng Tư pháp, Đội trưởng Đội Thi hành án quận, huyện.

Bộ trưởng Bộ Tư pháp Nguyễn Đình Lộc đã đến khai mạc, chủ trì các cuộc thảo luận và kết luận hội nghị.

Tạp chí Dân chủ và Pháp luật số 10 năm 1993

NGÀY 29 THÁNG 9 NĂM 1993

Ủy ban Thường vụ Quốc hội ra Nghị quyết số 46-NQ/UBTVQH9 ban hành Quy chế phối hợp giữa Bộ trưởng Bộ Tư pháp, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao và Bộ trưởng Bộ Quốc phòng trong việc quản lý các Tòa án nhân dân địa phương, các Tòa án quân sự quân khu và tương đương, các Tòa án quân sự khu vực về mặt tổ chức

Theo quy định tại Quy chế này thì việc quản lý các Tòa án nhân dân địa phương về mặt tổ chức do Bộ trưởng Bộ Tư pháp đảm nhiệm có sự phối hợp chặt chẽ với Chánh án Tòa án nhân dân tối cao. Việc quản lý các Tòa án quân sự quân khu và tương đương, các Tòa án quân sự khu vực về mặt tổ chức do Bộ trưởng Bộ

Tư pháp đảm nhiệm có sự phối hợp chặt chẽ với Bộ trưởng Bộ Quốc phòng và Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

Sự phối hợp trong việc quản lý các Tòa án nói trên về mặt tổ chức được thực hiện bằng các hình thức: 1. Ban hành văn bản chung do Bộ trưởng Bộ Tư pháp, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao và Bộ trưởng Bộ Quốc phòng cùng ký; 2. Thông báo bằng văn bản; 3. Trao đổi ý kiến bằng văn bản hoặc trực tiếp; 4. Phối hợp tổ chức kiểm tra công tác của các Tòa án nhân dân địa phương, Tòa án quân sự quân khu và tương đương, Tòa án quân sự khu vực.

Quy chế cũng xác định rõ các việc Bộ trưởng Bộ Tư pháp, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng phải thống nhất ý kiến hay chỉ cần trao đổi trước khi trình cơ quan có thẩm quyền hoặc trước khi quyết định theo thẩm quyền, đồng thời quy định cách thức xử lý các trường hợp có ý kiến khác nhau giữa các bên.

Hồ sơ số 1207 - Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 15 THÁNG 10 NĂM 1993

Toà án nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp ban hành Thông tư liên ngành số 05/TTLN hướng dẫn thực hiện một số quy định của Pháp lệnh về Thẩm phán và Hội thẩm Tòa án nhân dân

Thông tư liên ngành hướng dẫn một số quy định về tiêu chuẩn Thẩm phán; thành lập Hội đồng tuyển chọn Thẩm phán Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh; thủ tục tuyển chọn và trình Chủ tịch nước bổ nhiệm làm Thẩm phán; thủ tục cách chức Thẩm phán.

Hồ sơ số 1209 - Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 18 THÁNG 10 NĂM 1993

Chính phủ ban hành Nghị định số 69-CP quy định thủ tục thi hành án dân sự

Nghị định do Bộ Tư pháp soạn thảo, gồm 5 chương 25 điều, quy định cụ thể thẩm quyền ra quyết định thi hành án của Trưởng Phòng Thi hành án tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Trưởng Phòng Thi hành án quân khu và cấp tương đương, Đội trưởng Đội Thi hành án, việc uỷ thác thi hành án, thủ tục thi hành án, các biện pháp cưỡng chế thi hành án, việc xử phạt vi phạm người phải thi hành án trong quá trình thi hành án.

Công báo số 23 ngày 15/12/1993, tr. 576 - 582

NGÀY 26 THÁNG 10 ĐẾN 02 THÁNG 11 NĂM 1993

Đoàn đại biểu Bộ Tư pháp Cộng hoà Dân chủ nhân dân Lào thăm Việt Nam

Nhận lời mời của Bộ Tư pháp Việt Nam, Đoàn đại biểu Bộ Tư pháp nước Cộng hoà Dân chủ nhân dân Lào do Bộ trưởng Bộ Tư pháp Khăm Uôn Boupha dẫn đầu đã thăm chính thức nước ta.

Trong thời gian ở thăm và làm việc tại Việt Nam, Đoàn đã có buổi hội đàm với Đoàn đại biểu Bộ Tư pháp nước ta do Bộ trưởng Nguyễn Đình Lộc làm trưởng đoàn. Tại buổi hội đàm, hai bên thông báo cho nhau về tình hình hoạt động tư pháp phục vụ công cuộc đổi mới và cải cách ở mỗi nước; đánh giá kết quả hợp tác về pháp luật, tư pháp giữa hai nước trong hai năm 1992 - 1993.

Ngày 01/11/1993, Bộ trưởng Nguyễn Đình Lộc và Bộ trưởng Khăm Uôn Boupha đã ký biên bản hợp tác giữa Bộ Tư pháp Việt Nam và Bộ Tư pháp Lào trong năm 1994 nhằm cụ thể hóa Hiệp định giữa Chính phủ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hoà Dân chủ nhân dân Lào về hợp tác pháp luật, ký ngày 16/8/1982.

Tạp chí Dân chủ và Pháp luật số 11 năm 1993

NGÀY 03 THÁNG 11 NĂM 1993

Bộ Tư pháp báo cáo Thủ tướng Chính phủ về tình hình tổ chức, hoạt động tư vấn pháp luật

Đánh giá về tình hình tổ chức và hoạt động tư vấn pháp luật từ khi Pháp lệnh Tổ chức luật sư được thông qua (ngày 18/12/1987) cho đến thời điểm này, Báo cáo số 1182/TV-PL ngày 03/11/1993 của Bộ Tư pháp gửi Thủ tướng Chính phủ nêu rõ: Tính đến hết quý III năm 1993, theo báo cáo của Sở Tư pháp 16 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã có 45 Văn phòng tư vấn pháp luật (trong đó 4 Văn phòng do Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam thành lập). Các văn phòng này được thành lập theo thủ tục không thống nhất. Trong cả nước có 4 công ty luật (thành phố Hà Nội: 2 và thành phố Hồ Chí Minh: 2) được thành lập theo Luật Công ty dưới hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn, không hoàn toàn phù hợp với tính chất đặc thù của nghề tư vấn pháp luật. Thẩm quyền quản lý cũng như việc kiểm tra hoạt động của các cơ quan này cũng chưa rõ cơ quan nào đảm nhiệm. Nội dung tư vấn pháp luật chủ yếu là hướng dẫn, giải đáp pháp luật về các vấn đề có liên quan đến pháp luật dân sự, hình sự, hôn nhân gia đình, lao động. Ngoài ra còn thực hiện các dịch vụ như thảo đơn từ, dịch thuật, đánh máy, photocopy. Tư vấn pháp luật trong lĩnh

vực kinh doanh còn rất hạn chế, chưa được các doanh nghiệp tin cậy. Một số Công ty luật nước ngoài đã hoạt động tại Việt Nam dưới những hình thức và mức độ khác nhau (ví dụ được đặt Văn phòng đại diện tại Việt Nam). Các Văn phòng đại diện này hoạt động tư vấn pháp luật có thu lợi (thậm chí cả tư vấn pháp luật Việt Nam) mà hầu như không chịu sự kiểm soát của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền, không thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước Việt Nam.

Xuất phát từ thực trạng trên, Bộ Tư pháp đề nghị Chính phủ sớm ban hành 2 Quy chế về tư vấn pháp luật của các tổ chức tư vấn pháp luật trong nước và nước ngoài để kịp thời đưa hoạt động này chịu sự quản lý của Nhà nước bằng pháp luật. Đề nghị Chính phủ giao cho Bộ Tư pháp quy định và quản lý về tổ chức và hoạt động của các Văn phòng tư vấn pháp luật do các tổ chức xã hội đứng ra thành lập, đồng thời sửa đổi, bổ sung Thông tư số 1119/QLTPK ngày 24/12/1987 cho phù hợp với tình hình thực tế.

Hồ sơ số 1286 - Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 24 ĐẾN 25 THÁNG 11 NĂM 1993

Hội thảo quốc tế về Tòa án hành chính

Trong 02 ngày 24 và 25/11 năm 1993, tại Hà Nội, Bộ Tư pháp phối hợp với Tổ chức phát triển quốc tế của Thụy Điển (SIDA) tổ chức Hội thảo về Tòa án Hành chính nhằm tìm hiểu thêm những vấn đề lý luận và thực tiễn của việc tổ chức và hoạt động của Tòa án hành chính trên thế giới, đặc biệt là hệ thống Tòa án hành chính của Thụy Điển, góp phần cung cấp thêm tư liệu cho việc nghiên cứu, soạn thảo Luật về tổ chức Tòa án hành chính ở Việt Nam cũng như Pháp lệnh về thủ tục giải quyết các vụ kiện hành chính.

Tham dự Hội thảo về phía Thụy Điển có Giáo sư Bertil Wennergren chuyên gia về Luật Hành chính và Tòa án hành chính, nguyên Thẩm phán Tòa án hành chính tối cao Thụy Điển, ông Eric Persson, giảng viên Khoa Luật trường Đại học Umeo Thụy Điển, nguyên Thẩm phán Tòa án hành chính. Về phía Việt Nam có ông Nguyễn Văn Báu, Phó trưởng ban Dự thảo Luật Tổ chức Tòa án hành chính và các thành viên Tổ biên tập luật, đại diện các cơ quan nghiên cứu pháp luật, bảo vệ pháp luật ở Trung ương, thành phố Hà Nội và các đơn vị thuộc Bộ Tư pháp.

Thứ trưởng Bộ Tư pháp Nguyễn Ngọc Hiến đã đến dự và phát biểu khai mạc Hội thảo.

Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 02 THÁNG 12 NĂM 1993

Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Pháp lệnh Hôn nhân và gia đình giữa công dân Việt Nam với người nước ngoài

Đứng trước tình trạng việc kết hôn giữa công dân Việt Nam và người nước ngoài ngày một gia tăng, các quan hệ hôn nhân và gia đình giữa người nước ngoài với người Việt Nam ngày một phức tạp, cần có quy định hướng dẫn cụ thể, việc ban hành một văn bản riêng điều chỉnh quan hệ hôn nhân và gia đình giữa công dân Việt Nam và người nước ngoài là hết sức cần thiết.

Ngày 02/12/1993, Ủy ban Thường vụ Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam (khoá IX) đã thông qua Pháp lệnh Hôn nhân và gia đình giữa công dân Việt Nam với người nước ngoài.

Pháp lệnh gồm 4 chương với 24 điều điều chỉnh quan hệ hôn nhân và gia đình giữa công dân Việt Nam với người nước ngoài tại Việt Nam. Theo đó, tại nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, quan hệ hôn nhân và gia đình giữa công dân Việt Nam với người nước ngoài được tôn trọng và bảo vệ phù hợp với các quy định của Hiến pháp, Luật Hôn nhân và gia đình, Pháp lệnh này và các quy định khác của pháp luật Việt Nam, cũng như các quy định về hôn nhân và gia đình trong các Điều ước quốc tế mà Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký kết hoặc tham gia.

Pháp lệnh quy định việc kết hôn, huỷ bỏ kết hôn, quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, việc ly hôn, quyền và nghĩa vụ của cha mẹ và con, xác định cha, mẹ cho con, về nuôi con nuôi, đỡ đầu.

Các quy định của Pháp lệnh này cũng được áp dụng đối với quan hệ hôn nhân và gia đình giữa công dân Việt Nam với nhau mà một bên định cư ở nước ngoài.

Ngày 15/12/1993, Chủ tịch nước đã ký Lệnh số 28-LCTN công bố Pháp lệnh Hôn nhân và gia đình giữa công dân Việt Nam với người nước ngoài.

Pháp lệnh có hiệu lực từ ngày 01/3/1994.

Công báo số 1 ngày 15/01/1994, tr. 8 - 13

NĂM 1994

NGÀY 12 THÁNG 01 NĂM 1994

Thứ trưởng Bộ Tư pháp Nguyễn Ngọc Hiến phát biểu tại cuộc họp báo giới thiệu Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Tòa án nhân dân, được Quốc hội khóa IX, kỳ họp thứ tư thông qua ngày 28/12/1993

Ngày 12/01/1994, tại Phủ Chủ tịch, thay mặt Ban dự thảo, Thứ trưởng Nguyễn Ngọc Hiến giới thiệu một số vấn đề về nội dung Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Tòa án nhân dân như mô hình tổ chức Tòa kinh tế; chức năng, nhiệm vụ của Tòa kinh tế và một số vấn đề khác có sửa đổi, bổ sung như: nguyên tắc giữ bí mật của các đương sự; các cơ sở sản xuất kinh doanh thuộc mọi thành phần kinh tế đều bình đẳng trước pháp luật; nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ trưởng Bộ Tư pháp trong việc đề nghị Ủy ban Thường vụ Quốc hội thành lập tòa chuyên trách khác trong trường hợp cần thiết...

Theo Thứ trưởng Nguyễn Ngọc Hiến, để bảo đảm cho Tòa kinh tế được thành lập đúng thời hạn và thực hiện tốt những nhiệm vụ được giao cần tiến hành một số việc như: Sớm ban hành Pháp lệnh về thủ tục giải quyết các vụ án kinh tế; Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao sớm có đề án triển khai thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Tòa án nhân dân, trong đó có việc lựa chọn, bồi dưỡng đội ngũ trọng tài viên, một số Thẩm phán dân sự, cũng như có kế hoạch đào tạo Thẩm phán tại Trường Đại học Luật Hà Nội, kế hoạch bồi dưỡng, nâng cao kiến thức cho đội ngũ hội thẩm kinh tế; tạo điều kiện tốt nhất về cơ sở vật chất, trang thiết bị và phương tiện cho hoạt động của Tòa kinh tế...

Hồ sơ số 1417 - Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 19 THÁNG 01 NĂM 1994

Bộ Tư pháp, Tòa án nhân dân tối cao ban hành Quy chế số 91/TP-TA phối hợp giữa Giám đốc Sở Tư pháp và Chánh án Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong việc quản lý về mặt tổ chức các Tòa án nhân dân quận, huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh

Theo Quy chế số 91/TP-TA, Giám đốc Sở Tư pháp thống nhất ý kiến với Chánh án Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trước khi:

- Đề nghị Bộ trưởng Bộ Tư pháp quyết định biên chế, số lượng Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân cho từng Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh; danh sách các uỷ viên của Hội đồng tuyển chọn Thẩm phán Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh; chuyển Thẩm phán giữa các Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh.

- Đề nghị Bộ trưởng Bộ Tư pháp trình Chủ tịch nước bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Chánh án, Phó Chánh án; miễn nhiệm Thẩm phán Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh.

Ngoài ra, Quy chế cũng quy định cụ thể các việc phải có sự trao đổi ý kiến hoặc phải thông báo bằng văn bản giữa Giám đốc Sở Tư pháp với Chánh án Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Hồ sơ số 1427 - Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 20 ĐẾN NGÀY 25 THÁNG 01 NĂM 1994

Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ khoá VII của Đảng Cộng sản Việt Nam đề cập đến nhiệm vụ “Xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân”

Một trong những nhiệm vụ chủ yếu được đưa ra trong Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương khoá VII đó là “*Xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân*”. Theo đó, Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ khoá VII đã chỉ rõ nội dung của nhiệm vụ này, đó là: tiếp tục xây dựng và từng bước hoàn thiện Nhà nước pháp quyền Việt Nam, là Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân, quản lý mọi mặt đời sống xã hội bằng pháp luật; Thực hiện dân chủ xã hội chủ nghĩa, phát huy mạnh mẽ quyền làm chủ của nhân dân; Bảo vệ quyền con người, các quyền cơ bản của công dân đã ghi trong Hiến pháp; Tổ chức để nhân dân tham gia công việc của đất nước, cải tiến việc bầu cử; Đẩy mạnh và nâng cao chất lượng hoạt động lập pháp, xây dựng hệ thống pháp luật đồng bộ, nhất quán; tăng cường giáo dục pháp luật; tiếp tục tinh giản và đổi mới bộ máy nhà nước, bảo đảm quyền lực thống nhất, phân công rõ và phát huy hiệu quả của cả ba quyền: lập pháp, hành pháp, tư pháp; tiếp tục kiện toàn tổ chức và đổi mới hoạt động của hệ thống tư pháp...

*Văn kiện Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ khoá VII,
Nxb. Chính trị quốc gia, H. 1994*

THÁNG 3 NĂM 1994

Hội nghị tổng kết công tác Tư pháp năm 1993

Đánh giá những kết quả đã đạt được trong năm 1993, Báo cáo tại Hội nghị

nhận định: Trong năm 1993, trên cơ sở quán triệt chương trình hành động năm 1993 của Chính phủ và các Nghị quyết của Đảng, Nghị quyết của Quốc hội khoá IX, toàn Ngành Tư pháp đã tích cực tổ chức triển khai thực hiện các mặt công tác theo chức năng, nhiệm vụ của Ngành, đặc biệt tập trung vào một số công tác lớn, nhiệm vụ mới được Quốc hội và Chính phủ giao.

Hội nghị cũng tập trung đánh giá những kết quả đã đạt được trong các lĩnh vực công tác như xây dựng, rà soát, hệ thống hoá văn bản pháp luật; phổ biến, giáo dục pháp luật; quản lý Tòa án nhân dân địa phương về mặt tổ chức; thi hành án dân sự; quản lý luật sư, công chứng, giám định, hộ tịch; nghiên cứu khoa học; Hợp tác quốc tế; xây dựng Ngành; đào tạo cán bộ pháp lý...

Nhận thức rõ tình hình của năm 1994, trên cơ sở quán triệt Nghị quyết đại hội Đảng VII, Nghị quyết Hội nghị đại biểu của Đảng giữa nhiệm kỳ, các Nghị quyết của Quốc hội khoá IX và chương trình công tác 7 điểm của Chính phủ năm 1994, Hội nghị thống nhất, công tác tư pháp năm 1994 cần được triển khai thực hiện theo những phương hướng:

- Phấn đấu củng cố, kiện toàn một bước cơ bản tổ chức, bộ máy Ngành Tư pháp từ Trung ương đến cơ sở, coi đây là công tác trọng tâm hàng đầu; xây dựng đội ngũ cán bộ pháp lý vững vàng về chính trị, giỏi về nghiệp vụ và có trình độ năng lực thực tiễn, đủ sức hoàn thành nhiệm vụ trong giai đoạn mới.

- Đẩy mạnh các hoạt động, tạo một bước chuyển biến thật sự mạnh mẽ trên các lĩnh vực công tác.

- Tiếp tục mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế về pháp luật và tư pháp; thực hiện phương châm đa phương hoá, đa dạng hoá trong quan hệ hợp tác, trên cơ sở có chọn lọc; không mất cảnh giác trước âm mưu diễn biến hoà bình của các thế lực thù địch.

- Tăng cường công tác chống tham nhũng, buôn lậu, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong mọi hoạt động của Ngành.

Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 16 THÁNG 3 NĂM 1994

Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Pháp lệnh Thủ tục giải quyết các vụ án kinh tế

Trước những yêu cầu và đòi hỏi của thực tiễn, tại Nghị quyết số 166/UBTVQH9 ngày 02/02/1994, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã xác định: các cơ quan trọng tài kinh tế tổ chức theo Pháp lệnh Trọng tài kinh tế được Hội đồng Nhà nước thông qua ngày 10/01/1990 tiếp tục thực hiện nhiệm vụ quyền hạn của mình trong việc giải quyết các vụ tranh chấp hợp đồng kinh tế cho đến

ngày 30/6/1994. Đồng thời, Nghị quyết này cũng giao cho Chánh án Tòa án nhân dân tối cao khẩn trương chuẩn bị việc thành lập Tòa kinh tế - Tòa án nhân dân tối cao; Bộ trưởng Bộ Tư pháp phối hợp với Chánh án Tòa án nhân dân tối cao khẩn trương thành lập các Tòa kinh tế, Tòa án nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Ngày 28/12/1993, Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá IX kỳ họp thứ 4 đã thông qua Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Tòa án nhân dân, trong đó Tòa kinh tế được thành lập thuộc hệ thống Tòa án nhân dân để giải quyết các tranh chấp kinh tế từ ngày 01/7/1994. Vì vậy, để bảo đảm cho Tòa kinh tế được thành lập đúng thời hạn và thực hiện tốt những nhiệm vụ được giao, cần sớm ban hành Pháp lệnh về thủ tục giải quyết các vụ án kinh tế.

Trên tinh thần đó, Bộ Tư pháp được giao chủ trì soạn thảo Dự thảo Pháp lệnh về thủ tục giải quyết các vụ án kinh tế. Ngày 18/10/1993, Bộ Tư pháp trình Chính phủ Tờ trình số 1085/TP về Dự án tổ chức Tòa kinh tế và Dự án Pháp lệnh về thủ tục giải quyết các vụ án kinh tế.

Ngày 16/3/1994, Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Pháp lệnh Thủ tục giải quyết các vụ án kinh tế. Pháp lệnh gồm 90 điều chia thành 13 chương quy định về quyền yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp; thẩm quyền của Tòa án; Hội đồng xét xử; thay đổi Thẩm phán, Hội thẩm, Kiểm sát viên, Thư ký toà án, Người giám định, Người phiên dịch; Người tham gia tố tụng. Pháp lệnh quy định rõ việc khởi kiện, thụ lý vụ án, chuẩn bị xét xử, biện pháp khẩn cấp tạm thời, phiên toà sơ thẩm, thủ tục phúc thẩm, giám đốc thẩm, tái thẩm.

Ngoài ra, Pháp lệnh còn quy định về người tham gia tố tụng; án phí; quy định về thủ tục giải quyết các vụ án kinh tế từ khởi kiện đến xét xử sơ thẩm, phúc thẩm; quy định về các biện pháp khẩn cấp tạm thời.

Các quy định của Pháp lệnh này cũng được áp dụng đối với việc giải quyết các tranh chấp kinh tế tại Việt Nam, nếu một hoặc các bên là cá nhân, pháp nhân nước ngoài, trừ trường hợp Điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký kết hoặc tham gia có quy định khác. Bản án, quyết định của Tòa án về vụ án kinh tế được thi hành theo Pháp lệnh Thi hành án dân sự.

Pháp lệnh này có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/1994.

Công báo số 10 ngày 31/5/1994, tr. 250 - 264

NGÀY 18 ĐẾN 21 THÁNG 3 NĂM 1994

Hội nghị tập huấn công tác tư pháp và Tòa án các tỉnh phía Bắc

Hội nghị được tổ chức tại Hà Nội. Tham dự hội nghị có các đại biểu là Giám đốc các Sở Tư pháp, Chánh án các Tòa án tỉnh, Trưởng Phòng Thi hành án dân sự

từ tỉnh Thừa Thiên Huế trở ra, các đại biểu của Ủy ban Kiểm tra Trung ương Đảng, Ủy ban Pháp luật của Quốc hội, Văn phòng Chính Phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Bộ Tài chính và nhiều cơ quan hữu quan khác.

Trong các ngày làm việc, hội nghị đã nghe và thảo luận các vấn đề về Luật Phá sản doanh nghiệp, Luật Tổ chức Tòa án nhân dân và Pháp lệnh Thủ tục giải quyết các vụ án kinh tế, việc phân cấp thẩm quyền cho các Chánh án và Giám đốc các Sở Tư pháp; về công tác đào tạo cán bộ pháp lý và việc quản lý ngân sách...

Hội nghị đã biểu dương thành tích và trao cờ thi đua luân lưu của Chính phủ cho hai đơn vị; 14 đơn vị được Bộ tặng cờ thi đua xuất sắc năm 1993. Bộ trưởng Bộ Tư pháp cũng đã tặng bằng khen cho 59 đơn vị Sở Tư pháp và Tòa án tỉnh...

Báo Pháp luật ngày 05/4/1994; Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 21 THÁNG 3 NĂM 1994

Bộ trưởng Bộ Tư pháp ra Quyết định số 141/QĐ-QLTA-THA quy định về phân cấp quản lý về mặt tổ chức các Tòa án nhân dân quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh và Phòng Thi hành án, Đội Thi hành án

Theo Quyết định, Giám đốc Sở Tư pháp giúp Bộ trưởng Bộ Tư pháp thực hiện việc quản lý về mặt tổ chức các Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh và Phòng Thi hành án, Đội Thi hành án trong các mặt công tác sau: Kiểm tra, đôn đốc việc kiện toàn tổ chức; tuyển dụng, tiếp nhận công chức; điều động, chuyển công chức (trừ Thẩm phán); Chuẩn bị nhân sự, hồ sơ đề nghị tuyển chọn, bổ nhiệm Thẩm phán Tòa án, Chấp hành viên, Chấp hành viên trưởng của Phòng Thi hành án, Đội Thi hành án; quyết định nâng bậc lương; Xây dựng, thực hiện quy hoạch, kế hoạch đào tạo; quyết định về khen thưởng, kỷ luật; kiểm tra công tác, thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo đối với công chức của Tòa án, Phòng Thi hành án, Đội Thi hành án được phân cấp quản lý (trừ các khiếu nại về xét xử hoặc khiếu nại về nghiệp vụ thi hành án).

Hồ sơ số 1423 - Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

Bộ trưởng Bộ Tư pháp ra Quyết định số 142/QĐ-QLTA quy định về việc uỷ quyền cho Chánh án Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện công tác quản lý về mặt tổ chức đối với Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Quyết định nêu rõ: Chánh án Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương giúp Bộ trưởng Bộ Tư pháp thực hiện việc xây dựng, kiện toàn bộ máy, quản lý công chức của Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong các mặt công tác sau: tuyển dụng, tiếp nhận, sắp xếp công chức; điều động,

thuyên chuyển công tác đối với công chức, trừ Thẩm phán; chuẩn bị nhân sự, hồ sơ tuyển chọn, bổ nhiệm Thẩm phán; chuẩn bị thủ tục đề nghị Bộ trưởng Bộ Tư pháp ra quyết định nâng bậc lương đối với Thẩm phán, thẩm tra viên chính, chuyên viên chính, quyết định nâng bậc lương cho công chức khác; đề nghị Bộ trưởng Bộ Tư pháp ra quyết định nghỉ hưu, cho thôi việc; xây dựng quy hoạch, thực hiện kế hoạch đào tạo; quyết định số tặng giấy khen, đề nghị Bộ trưởng Bộ Tư pháp hoặc Chủ tịch UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khen thưởng tập thể, cá nhân theo chế độ khen thưởng hiện hành; quyết định kỷ luật đối với công chức theo quy định hiện hành, trừ hình thức cách chức Thẩm phán; chuẩn bị thủ tục, hồ sơ miễn nhiệm, cách chức Thẩm phán vi phạm kỷ luật.

Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 01 THÁNG 4 NĂM 1994

Thủ tướng Chính phủ ra Chỉ thị số 136-TTg về triển khai thực hiện Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Tòa án nhân dân

Quốc hội khoá IX kỳ họp thứ tư đã thông qua Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Tòa án nhân dân và Luật Phá sản doanh nghiệp. Việc thành lập Tòa án kinh tế trong các Tòa án nhân dân đáp ứng nhu cầu giải quyết các vụ án kinh tế và việc tuyên bố phá sản doanh nghiệp trong cơ chế kinh tế thị trường, phù hợp với quan điểm đổi mới các cơ quan tài phán, chủ trương cải cách tư pháp, cải cách bộ máy Nhà nước.

Để kịp thời thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Tòa án nhân dân (có hiệu lực từ ngày 01/7/1994) và thực hiện Nghị quyết số 166-NQ/UBTVQH ngày 02/02/1994 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ chỉ thị cho Bộ Tư pháp; Ủy ban Kế hoạch Nhà nước; Các cơ quan Trọng tài kinh tế; Bộ trưởng, Trưởng ban Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ; Bộ Tài chính; UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện một số nhiệm vụ cũng như chuẩn bị các điều kiện cần thiết để triển khai thực hiện Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Tòa án nhân dân.

Công báo số 9 ngày 15/5/1994, tr. 227 - 228

NGÀY 20 THÁNG 4 NĂM 1994

Bộ trưởng Bộ Tư pháp ra Quyết định số 616/PLDS-KT về kế hoạch triển khai thực hiện Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Tòa án nhân dân, Luật Phá sản doanh nghiệp

Kế hoạch triển khai thực hiện trong các cơ quan Tư pháp và Tòa án địa phương bao gồm những hoạt động sau:

- Chuẩn bị các văn bản thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Tòa án nhân dân, Luật Phá sản doanh nghiệp.

- Xây dựng, kiện toàn tổ chức Tòa kinh tế của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, củng cố một bước tổ chức Tòa án nhân dân quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, các Phòng Thi hành án, Đội Thi hành án.

- Nâng cao một bước trình độ nghiệp vụ, năng lực công tác của đội ngũ cán bộ Tòa án, thi hành án (trước mắt là nghiệp vụ xét xử và thi hành các bản án, quyết định về các vụ án kinh tế, tuyên bố phá sản doanh nghiệp).

- Tăng cường một bước cơ sở vật chất - kỹ thuật cần thiết cho các cơ quan Tòa án, tư pháp và thi hành án để thực hiện những nhiệm vụ mới được giao.

- Chuẩn bị để tiếp nhận một số chức năng, nhiệm vụ của cơ quan trọng tài kinh tế khi được Chính phủ giao cho Ngành Tư pháp đảm nhiệm.

Hồ sơ số 1557 - Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 25 THÁNG 4 NĂM 1994

Ký kết dự án “Tăng cường năng lực pháp luật tại Việt Nam-VIE/94/003” giữa Việt Nam và Chương trình phát triển Liên hợp quốc

Được sự uỷ nhiệm của Chính phủ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, ngày 25/4/1994 tại Hà Nội, Bộ trưởng Bộ Tư pháp Nguyễn Đình Lộc và ông R.Morey, đại diện thường trực Chương trình phát triển Liên hợp quốc tại Hà Nội đã ký kết Dự án “*Tăng cường năng lực pháp luật tại Việt Nam*”. Đây là một trong những dự án hợp tác có ý nghĩa quan trọng đối với công cuộc đổi mới nói chung và quá trình đổi mới hệ thống pháp luật và tổ chức lại hệ thống tư pháp nói riêng ở Việt Nam.

Tham dự lễ ký, có đại diện của Văn phòng Chính phủ, Văn phòng Quốc hội và nhiều cơ quan Trung ương khác.

Báo Pháp luật số 20 ngày 17/5/1994

NGÀY 12 THÁNG 5 NĂM 1994

Ban Tổ chức Cán bộ Chính phủ, Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính, Tòa án nhân dân tối cao ra Thông tư liên ngành số 756/TTLN hướng dẫn thực hiện Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ về việc triển khai thực hiện Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Tòa án nhân dân

Theo đó, Thông tư liên ngành hướng dẫn cụ thể về việc:

- Bố trí sắp xếp cán bộ đối với cán bộ hiện có của các cơ quan trọng tài kinh tế cấp tỉnh và cấp huyện được tiếp nhận sang Tòa án, cơ quan tư pháp địa phương; các trọng tài viên, chuyên viên pháp lý đang làm công tác giải quyết tranh chấp kinh tế của các cơ quan trọng tài kinh tế cấp tỉnh; cán bộ thực hiện nhiệm vụ đăng ký kinh doanh.

- Hoàn thành chuyển xếp lương mới, nâng bậc lương năm 1993 cho công chức, viên chức của Trọng tài kinh tế trước ngày 30/6/1994.

- Kiện toàn tổ chức, hoạt động của Tòa kinh tế Tòa án nhân dân cấp tỉnh.

Hồ sơ số 1419 - Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 24 THÁNG 5 NĂM 1994

Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Quyết định số 314/QĐ-TH về việc tách Vụ

Theo Quyết định này thì Vụ Quản lý luật sư, công chứng, giám định và hộ tịch được tách để thành lập hai vụ mới:

- Vụ Quản lý luật sư, tư vấn pháp luật;

- Vụ Quản lý công chứng, giám định tư pháp, hộ tịch, quốc tịch, lý lịch tư pháp.

Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 06 ĐẾN 17 THÁNG 6 NĂM 1994

Tổ chức Lớp đào tạo kỹ thuật soạn thảo và giải quyết tranh chấp hợp đồng kinh tế

Được phép của Thủ tướng Chính phủ (Công văn số 2362/QHQT ngày 03/5/1994 của Văn phòng Chính phủ), Bộ Tư pháp phối hợp với Viện luật phát triển quốc tế (IDLI) và Quỹ châu Á tổ chức tại Hà Nội lớp học quốc tế về “Kỹ thuật soạn thảo và việc giải quyết tranh chấp hợp đồng quốc tế”.

Tham gia lớp học có 12 luật gia Việt Nam; 6 học viên từ Cam-pu-chia, 8 học viên Lào và 4 học viên Thái Lan. Các học viên tham dự lớp học đều là các cán bộ quản lý chuyên ngành ở các cơ quan nhà nước, cán bộ nghiệp vụ của các doanh nghiệp, cán bộ tư vấn của các công ty tư vấn pháp luật, đầu tư, thương mại và giảng viên các trường đại học mà công việc chuyên môn có liên quan trực tiếp đến chủ đề của lớp học. Hướng dẫn lớp học có ông Gilles Blanchi, Phó Giám đốc Viện luật phát triển quốc tế, ông J. Bussy luật gia Văn phòng Mandel và cộng sự; ông E.Sedlak, luật gia hãng luật Orahram và James và bà C.Jauvin, luật gia từ Ca-na-đa.

Các thông tin do giảng viên cung cấp tại lớp học có giá trị về lý luận và thực tiễn, tạo cơ hội tốt cho các học viên tham gia tích cực vào việc thảo luận các vấn đề được trình bày và những vấn đề mà các chuyên gia Việt Nam thường gặp khó khăn trong thực hiện các hoạt động tác nghiệp kinh tế đối ngoại. Bên cạnh đó các học viên cũng được cung cấp nhiều thông tin bổ ích về các phương thức giải quyết tranh chấp hợp đồng quốc tế ở các nước khác nhau và được hướng dẫn một số vấn đề cần thiết cho hợp đồng quốc tế, nghiệp vụ soạn thảo hợp đồng quốc tế.

Báo cáo số 1128/HTQT ngày 21/7/1994 - Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 08 THÁNG 6 NĂM 1994

Bộ trưởng Bộ Tư pháp ra Chỉ thị số 984/PLHS-HC về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 38/CP về cải cách một bước thủ tục hành chính trong việc giải quyết công việc của công dân và tổ chức

Ngày 04/5/1994, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 38/CP về cải cách một bước thủ tục hành chính trong giải quyết công việc của công dân và tổ chức. Để triển khai thực hiện Nghị quyết này, Bộ trưởng Bộ Tư pháp chỉ thị cho lãnh đạo các đơn vị thuộc Bộ và Giám đốc Sở Tư pháp thực hiện những việc sau:

- Các Vụ, Cục chức năng của Bộ phổ biến, thảo luận để quán triệt mục đích, yêu cầu và nội dung của Nghị quyết, tiến hành ngay trong quý II một đợt soát xét các văn bản pháp luật về thủ tục hành chính, về phí và lệ phí thuộc lĩnh vực đơn vị mình phụ trách, báo cáo lãnh đạo Bộ kịp thời bãi bỏ, bổ sung, sửa đổi hoặc Bộ kiến nghị các cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý.

- Các Sở Tư pháp giúp UBND kiểm tra và chỉ đạo triển khai ở địa phương công tác soát xét các quy định của địa phương về thủ tục hành chính, về phí và lệ phí...

Hồ sơ số 1487 - Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 17 ĐẾN 18 THÁNG 6 NĂM 1994

Hội nghị chuyên đề về “Công tác pháp chế ngành các cơ quan Trung ương”

Tại Hà Nội, Bộ Tư pháp phối hợp với Văn phòng Chính phủ tổ chức Hội nghị chuyên đề về “Công tác pháp chế ngành các cơ quan Trung ương”. Đến dự Hội nghị có đại diện phụ trách pháp chế ở bộ, ngành, đại diện Ban Nội chính Trung ương, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao, Thanh tra Nhà nước... Bộ trưởng Bộ Tư pháp Nguyễn Đình Lộc chủ trì Hội nghị.

Hội nghị đã tập trung thảo luận về vị trí, vai trò và nhiệm vụ của tổ chức pháp chế trong tình hình hiện nay.

Tạp chí Dân chủ và Pháp luật số 7 năm 1994

NGÀY 04 ĐẾN 09 THÁNG 7 NĂM 1994

Đoàn đại biểu Bộ Tư pháp Việt Nam thăm Cộng hòa Dân chủ nhân dân Lào

Đoàn do Bộ trưởng Bộ Tư pháp Nguyễn Đình Lộc làm trưởng đoàn.

Tại buổi hội đàm với Bộ Tư pháp Lào ngày 04/7/1994 hai bên đã trao đổi ý kiến sâu rộng về kinh nghiệm công tác ở mỗi nước và về những vấn đề hai bên cùng quan tâm, trong đó có vấn đề phối hợp hoạt động giữa hai Bộ Tư pháp trên các vấn đề pháp lý quốc tế và khu vực, như vấn đề tham gia các hoạt động pháp lý của Tổ chức hợp tác văn hoá và kỹ thuật các nước nói tiếng Pháp (ACCT), vấn đề thành lập Trung tâm Luật các nước hạ lưu sông Mê Kông. Cũng trong buổi Hội đàm, phía Lào cũng mong muốn Bộ Tư pháp Việt Nam giúp đỡ trong việc xây dựng Trường Đại học Luật Viên Chăn về cả nội dung đào tạo, phương pháp sư phạm lẫn nâng cao trình độ sư phạm cho giảng viên; trao đổi kinh nghiệm về xây dựng các dự án luật, pháp lệnh cụ thể, nhất là trên lĩnh vực pháp luật kinh tế, bao gồm pháp luật kinh tế quốc tế và trao đổi kinh nghiệm trong các hoạt động quốc tế về lĩnh vực tư pháp và pháp luật.

Báo cáo số 1113/HTQT ngày 19/7/1994 - Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 19 THÁNG 7 NĂM 1994

Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Chỉ thị số 1106 CT/CC về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 38/CP của Chính phủ về cải cách một bước thủ tục hành chính trong việc giải quyết công việc của công dân và tổ chức trong lĩnh vực công chứng

Để triển khai thực hiện Nghị quyết số 38/CP của Chính phủ trong lĩnh vực công chứng, tiếp theo Chỉ thị số 984/PLHS-HC, Chỉ thị số 1106 CT/CC yêu cầu Giám đốc Sở Tư pháp, Trưởng Phòng công chứng nhà nước các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện các việc sau đây:

- Củng cố và kiện toàn tổ chức công chứng: xúc tiến việc thành lập thêm các Phòng công chứng nhà nước ở những nơi địa bàn rộng, dân cư đông; bổ nhiệm mới công chứng viên, bổ nhiệm Trưởng hoặc Phó Phòng công chứng cho những Phòng công chứng đang còn thiếu. Chấn chỉnh công tác công chứng tại UBND huyện.

- Đổi mới lề lối làm việc về lưu trữ, niêm yết giấy tờ, thời gian công chứng, thủ tục giải quyết việc công chứng, thái độ làm việc khi tiếp dân.

- Niêm yết công khai mức lệ phí công chứng, không tùy tiện đặt thêm các mức lệ phí ngoài quy định.

Hồ sơ số 1488 - Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 29 THÁNG 8 NĂM 1994

Bộ Tư pháp báo cáo Thủ tướng Chính phủ về tình hình xét chọn, bổ nhiệm Thẩm phán

Thực hiện Luật Tổ chức Tòa án nhân dân năm 1992, Pháp lệnh Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân năm 1993, công tác tuyển chọn Thẩm phán Tòa án nhân dân địa phương, Tòa án quân sự quân khu và tương đương, Tòa án quân sự khu vực để trình Chủ tịch nước bổ nhiệm trong thời gian này đã và đang được thực hiện khẩn trương và nghiêm túc, bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng trong công tác tuyển chọn Thẩm phán. Ngày 29/8/1994, Bộ Tư pháp đã có Công văn số 1371/QLTA gửi Thủ tướng Chính phủ Báo cáo về kết quả và tình hình xét chọn, bổ nhiệm Thẩm phán tính đến ngày 20/8/1994.

Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 05 THÁNG 9 NĂM 1994

Chính phủ ban hành Nghị định số 116-CP về tổ chức và hoạt động của Trọng tài kinh tế

Theo Chỉ thị số 136/TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc triển khai thực hiện Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Tòa án nhân dân, các cơ quan trọng tài kinh tế được tổ chức theo Pháp lệnh Trọng tài kinh tế do Hội đồng Nhà nước thông qua ngày 10/01/1990 chỉ thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình cho đến ngày 01/7/1994. Từ 01/7/1994, việc giải quyết các vụ án kinh tế sẽ do Tòa án nhân dân giải quyết. Để thích ứng với nhu cầu của nền kinh tế thị trường, tạo thêm cơ hội để các nhà kinh doanh thực hiện quyền tự do lựa chọn hình thức và phương thức thích hợp giải quyết các tranh chấp phát sinh trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, việc thành lập các tổ chức trọng tài kinh tế mang tính chất xã hội - nghề nghiệp (phi Chính phủ) là cần thiết, phù hợp với thông lệ quốc tế.

Trên tinh thần đó, Bộ Tư pháp được giao nhiệm vụ chủ trì soạn thảo Nghị định quy định về tổ chức và hoạt động của Trọng tài kinh tế xã hội - nghề nghiệp (phi Chính phủ). Trong quá trình soạn thảo, sau khi tiếp thu các ý kiến đóng góp của các thành viên của Chính phủ, các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Bộ Tư pháp đã trình Chính phủ Tờ trình số 561 PL/DS-KT (ngày 14/4/1994) và Tờ trình số 768 PL/DS-KT (ngày 18/5/1994) về Dự thảo Nghị định tổ chức và hoạt động của Trọng tài kinh tế xã hội - nghề nghiệp (phi Chính phủ).

Ngày 05/9/1994, Chính phủ ban hành Nghị định số 116-CP về tổ chức và hoạt động của Trọng tài kinh tế, Nghị định gồm 4 chương với 33 điều. Theo quy định tại Nghị định, Trọng tài kinh tế là tổ chức xã hội - nghề nghiệp có thẩm quyền giải

quyết các tranh chấp về hợp đồng kinh tế; các tranh chấp giữa công ty với các thành viên của công ty, giữa các thành viên của công ty với nhau, liên quan đến việc thành lập, hoạt động, giải thể công ty; các tranh chấp liên quan đến việc mua bán cổ phiếu, trái phiếu. Nghị định cũng quy định về tổ chức Trung tâm trọng tài kinh tế; quy định về tố tụng trọng tài kinh tế.

Công báo số 22 ngày 30/11/1994, tr. 598 - 602

NGÀY 07 THÁNG 9 NĂM 1994

Chính phủ ban hành Nghị định số 117-CP về án phí, lệ phí Tòa án

Nghị định được ban hành theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tư pháp. Nghị định gồm 6 chương với 27 điều. So với Nghị định số 61-CP ngày 17/9/1993 về án phí, lệ phí tòa án, Nghị định bổ sung thêm 3 trường hợp được miễn án phí; quy định chương mới về án phí kinh tế; bổ sung một số điểm mới trong Chương lệ phí như nâng mức lệ phí giấy tờ; bỏ lệ phí cấp giấy chứng nhận xóa án; bổ sung lệ phí nộp đơn yêu cầu Tòa án Việt Nam công nhận và cho thi hành tại Việt Nam bản án, quyết định dân sự của Tòa án nước ngoài; bổ sung thêm lệ phí giải quyết việc phá sản doanh nghiệp.

Nghị định này thay thế Nghị định số 61-CP ngày 17/9/1993 của Chính phủ.

Công báo số 22 ngày 30/11/1994, tr. 602 - 607

NGÀY 08 THÁNG 9 NĂM 1994

Thủ tướng Chính phủ ban hành Chỉ thị số 482-TTg về việc tổng kết 8 năm thi hành Luật Hôn nhân và gia đình

Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986 ra đời vào năm đầu của thời kỳ đổi mới, kế thừa những nguyên tắc dân chủ, tiến bộ của chế độ hôn nhân gia đình mới, lần đầu tiên được thể chế hoá trong Luật Hôn nhân và gia đình năm 1959 và cả những truyền thống tốt đẹp của gia đình Việt Nam, qua 8 năm thực hiện đã góp phần rất tích cực trong việc xây dựng và củng cố các gia đình Việt Nam, phát huy những truyền thống tốt đẹp của dân tộc, xoá bỏ những tập tục lạc hậu của chế độ hôn nhân và gia đình phong kiến, chống ảnh hưởng xấu của chế độ hôn nhân và gia đình tư sản. Tuy vậy, ở nhiều nơi vẫn còn xảy ra các hành vi vi phạm các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, kể cả những trường hợp vi phạm nghiêm trọng, vẫn còn những trường hợp tảo hôn, kết hôn không đăng ký, vi phạm nguyên tắc hôn nhân một vợ một chồng; tình trạng đánh vợ, hành hạ con cái, không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con và bố mẹ già yếu vẫn chưa bị lên án và xử lý đúng mức.

Hưởng ứng Năm Quốc tế gia đình 1994 do Liên hợp quốc phát động và để khẩn trương xúc tiến nghiên cứu sửa đổi, bổ sung chính sách, pháp luật về hôn nhân và gia đình nhằm mục tiêu xây dựng gia đình Việt Nam “no ấm, tiến bộ, bình đẳng và hạnh phúc” kịp trình Quốc hội xem xét, quyết định trong năm 1995, Thủ tướng Chính phủ chỉ thị: Tổ chức tổng kết 8 năm thi hành Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986 trong phạm vi cả nước, việc tổng kết phải hoàn thành trong quý I năm 1995, đồng thời quy định trách nhiệm của Chủ tịch UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Bộ trưởng Bộ Tư pháp, Bộ trưởng Bộ Văn hoá - Thông tin trong việc thực hiện tổng kết 8 năm thi hành Luật Hôn nhân và gia đình.

Công báo số 23 ngày 15/12/1994, tr. 634 - 635

Bộ trưởng Bộ Tư pháp ra Quyết định số 749/QĐ/TP ban hành Quy chế hoạt động của “Tin Tư pháp”

Tin Tư pháp có nhiệm vụ thông tin mọi hoạt động của Bộ và ngành Tư pháp. Tin Tư pháp ra hàng tháng vào tuần đầu của mỗi tháng.

- Bộ máy Tin Tư pháp được tổ chức và hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm, gồm Ban biên tập và bộ phận giúp việc cho Ban biên tập, chịu trách nhiệm quản lý và điều hành trực tiếp của Tổng biên tập;

- Các thành viên Ban biên tập và bộ phận giúp việc cho Ban biên tập làm việc theo chế độ trách nhiệm cá nhân, có sự phối hợp chặt chẽ dưới sự chỉ đạo thống nhất của Tổng biên tập;

- Văn phòng Bộ chịu trách nhiệm bảo đảm về tài chính, các điều kiện, phương tiện phục vụ cho hoạt động của Tin Tư pháp.

Hồ sơ số 1568 - Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 09 THÁNG 9 NĂM 1994

Bộ trưởng Bộ Tư pháp ra Quyết định số 763/QĐ-TCCB về việc thành lập Tạp chí Luật học của Trường Đại học Luật Hà Nội

Theo Quyết định, Tạp chí Luật học là đơn vị sự nghiệp có tài khoản và con dấu riêng. Chức năng, nhiệm vụ của Tạp chí Luật học do Hiệu trưởng Trường Đại học Luật quy định; Tổng biên tập Tạp chí Luật học là PTS. Lê Minh Tâm.

Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 12 ĐẾN NGÀY 21 THÁNG 9 NĂM 1994

Đoàn đại biểu Bộ Tư pháp thăm và làm việc tại Ca-na-đa

Đoàn do Bộ trưởng Bộ Tư pháp Nguyễn Đình Lộc làm trưởng đoàn.

Trong thời gian ở thăm và làm việc, Đoàn đã có các buổi hội đàm, gặp gỡ và làm việc với đoàn đại biểu Bộ Tư pháp Ca-na-đa, Bộ Ngoại giao và Thương mại quốc tế Ca-na-đa, Cơ quan Hợp tác phát triển quốc tế Ca-na-đa (CIDA), Trung tâm nghiên cứu phát triển quốc tế (IDRC), Tòa án các cấp sơ thẩm, phúc thẩm, cao cấp, các Đoàn luật sư, các khoa luật và Trung tâm nghiên cứu pháp luật châu Á thuộc các Trường Đại học tổng hợp, một số công ty luật ở các bang Quebec, Victoria, Vancouver. Tại các buổi làm việc này hai bên đã thông báo cho nhau về tình hình công tác pháp luật, tư pháp của mỗi nước; trao đổi ý kiến sâu rộng về các khả năng tăng cường, mở rộng quan hệ hợp tác cùng có lợi giữa hai nước trong lĩnh vực pháp luật, trước mắt là sự giúp đỡ, hỗ trợ của phía Ca-na-đa cho Việt Nam thông qua các dự án của CIDA, IDRC và của các cơ sở đào tạo, nghiên cứu pháp luật của Ca-na-đa trong lĩnh vực đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, xây dựng Trung tâm Luật so sánh và góp ý kiến tư vấn trong công tác xây dựng pháp luật. Hai bên cũng đã trao đổi ý kiến về biện pháp tiếp tục đàm phán, hoàn chỉnh để sớm đi đến ký kết Hiệp định tương trợ tư pháp giữa hai nước về một số vấn đề hình sự.

Cũng trong chuyến đi thăm này đại diện Bộ Tư pháp cũng đã ký kết 3 văn bản hợp tác với nước bạn: đào tạo luật, trao đổi các chuyên gia pháp luật nhằm giúp đỡ nhau về kinh nghiệm công tác chuyên môn.

Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 06 THÁNG 10 NĂM 1994

Bộ trưởng Bộ Tư pháp báo cáo việc thực hiện công tác quản lý Tòa án nhân dân địa phương tại kỳ họp thứ VI, Quốc hội khoá IX

Theo đó, Báo cáo của Bộ trưởng tập trung vào đánh giá những kết quả đạt được trên một số nội dung công việc cụ thể như: tình hình thực hiện quản lý Tòa án nhân dân địa phương về mặt tổ chức; công tác quản lý thi hành án dân sự; vấn đề quản lý ngân sách các Tòa án và cơ quan thi hành án địa phương; về mua sắm phương tiện làm việc; về công tác đấu tranh phòng chống tham nhũng và các biểu hiện tiêu cực khác.

Hồ sơ số 1456 - Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 19 THÁNG 11 NĂM 1994

Bộ Tư pháp tổ chức lễ đón nhận danh hiệu Nhà giáo ưu tú

Ngày 19/11/1994, Bộ Tư pháp tổ chức lễ đón nhận danh hiệu “Nhà giáo ưu tú” do Chủ tịch nước phong tặng cho 3 giáo viên Trường Đại học Luật Hà Nội: PTS. Nguyễn Ngọc Hiến, Thứ trưởng kiêm Hiệu trưởng, giảng viên môn Luật Tài chính; PTS. Lê Minh Tâm, Phó Hiệu trưởng, giảng viên môn Lý luận về Nhà nước

và pháp luật; PTS. Nguyễn Ngọc Hòa, Phó Hiệu trưởng, giảng viên môn Luật Hình sự. Đến dự buổi lễ có Bộ trưởng Bộ Tư pháp Nguyễn Đình Lộc, Thứ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Vũ Ngọc Hải, đại diện Văn phòng Chủ tịch nước, Văn phòng Chính phủ, các đồng chí lãnh đạo các Vụ, Cục, Viện của Bộ Tư pháp và một số cơ quan ở Trung ương và Hà Nội. Đây là 3 giảng viên đầu tiên của Trường thuộc Bộ Tư pháp và cũng là 3 giảng viên luật đầu tiên được phong tặng danh hiệu “Nhà giáo ưu tú”.

Báo Pháp luật ngày 06/12/1994

NGÀY 21 VÀ NGÀY 22 THÁNG 11 NĂM 1994

Bộ Tư pháp phối hợp tổ chức Hội thảo quốc tế về “Tổ tụng hình sự”

Được phép của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tư pháp phối hợp với Tổ chức phát triển quốc tế của Thụy Điển (SIDA) tổ chức Hội thảo về “Tổ tụng hình sự” nhằm tìm hiểu thêm những vấn đề lý luận và thực tiễn của luật tố tụng hình sự các nước, góp phần cung cấp thêm tư liệu làm cơ sở so sánh, nghiên cứu trong quá trình chuẩn bị sửa đổi cơ bản, toàn diện Bộ luật Tố tụng hình sự của Việt Nam.

Tham gia Hội thảo, về phía Việt Nam có các chuyên viên pháp lý và cán bộ các cơ quan Bộ Tư pháp, Thanh tra Nhà nước, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Nội vụ, Tổng cục Hải quan, Cục Kiểm lâm nhân dân, Văn phòng Chính phủ, Ban Nội chính Trung ương, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, Trường Đại học Luật Hà Nội, Trường Đại học cảnh sát. Phía Thụy Điển có ông Bjorn Edqvist, Thẩm phán Tòa phúc thẩm Stöckholm, bà Bergstrom Magareta giảng viên Khoa Luật Trường Đại học tổng hợp UMEO.

Thứ trưởng Bộ Tư pháp Nguyễn Ngọc Hiến chủ trì Hội thảo.

Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 29 THÁNG 11 NĂM 1994

Bộ trưởng Bộ Tư pháp ra Quyết định số 928-QĐ/TC về Bản tiêu chuẩn nghiệp vụ của Giám đốc Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Theo Bản tiêu chuẩn nghiệp vụ, Giám đốc Sở Tư pháp là công chức lãnh đạo, đứng đầu Sở Tư pháp của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (gọi tắt là tỉnh), chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh, đồng thời chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng Bộ Tư pháp thực hiện thống nhất quản lý nhà nước về lĩnh vực tư pháp ở tỉnh (được xác định theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Tư pháp và nội dung phân cấp quản lý của Bộ trưởng Bộ Tư pháp đối với địa phương).

Về hiểu biết: Giám đốc Sở Tư pháp nắm vững đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước, phương hướng chủ trương của Bộ, Nghị quyết của cấp uỷ địa phương để vận dụng vào tổ chức hoạt động của cơ quan tư pháp địa phương; có năng lực quản lý và tổ chức chỉ đạo, có khả năng làm công tác tổ chức và cán bộ....;

Về trình độ, phẩm chất: Giám đốc Sở Tư pháp là chuyên viên chính pháp lý trở lên và đã qua chức vụ quản lý của các cơ quan bảo vệ pháp luật ít nhất là 3 năm; đã học qua trung cấp chính trị. Giám đốc Sở Tư pháp phải trung thành với đường lối, quan điểm chính trị của Đảng, kiên trì với mục tiêu đổi mới đất nước; có ý thức tổ chức kỷ luật, trung thực, có nếp sống lành mạnh, quyết đoán và dám chịu trách nhiệm; có khả năng đoàn kết, tập hợp đồng nghiệp và các ngành có liên quan, được đồng nghiệp tín nhiệm.

Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 30 THÁNG 11 NĂM 1994

Chính phủ ban hành Nghị định số 184-CP quy định về thủ tục kết hôn, nhận con ngoài giá thú, nuôi con nuôi, nhận đỡ đầu giữa công dân Việt Nam và người nước ngoài

Pháp lệnh Hôn nhân và gia đình giữa công dân Việt Nam và người nước ngoài được Ủy ban Thường vụ Quốc hội thông qua ngày 02/12/1993. Theo sự phân công của Chính phủ, Bộ Tư pháp đã nghiên cứu, soạn thảo đồng thời lấy ý kiến đóng góp cho Dự thảo Nghị định hướng dẫn thi hành Pháp lệnh này.

Ngày 08/9/1994, Bộ Tư pháp trình Chính phủ Tờ trình số 1467/PLQT về Dự thảo Nghị định về thủ tục kết hôn, nhận con ngoài giá thú, nuôi con nuôi, nhận đỡ đầu giữa công dân Việt Nam và người nước ngoài.

Ngày 30/11/1994, Chính phủ ban hành Nghị định số 184-CP quy định về thủ tục kết hôn, nhận con ngoài giá thú, nuôi con nuôi, nhận đỡ đầu giữa công dân Việt Nam và người nước ngoài. Nghị định gồm 41 điều chia làm 7 chương quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại giao, Bộ Nội vụ trong việc quản lý nhà nước về hôn nhân và gia đình giữa công dân Việt Nam và người nước ngoài; thẩm quyền giải quyết việc đăng ký kết hôn, công nhận việc kết hôn, công nhận việc cha, mẹ nhận con ngoài giá thú, đăng ký việc nuôi con nuôi, công nhận việc nuôi con nuôi và công nhận việc đỡ đầu giữa công dân Việt Nam và người nước ngoài của UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Sở Tư pháp, cơ quan ngoại giao, lãnh sự Việt Nam ở nước ngoài; giá trị tại Việt Nam của giấy tờ được lập hoặc công chứng ở nước ngoài. Nghị định cũng quy định cụ thể thủ tục, lệ phí đăng ký kết hôn và công nhận việc kết hôn, công nhận việc cha, mẹ nhận con nuôi

ngoài giá thú, đăng ký nuôi con nuôi và công nhận việc nuôi con nuôi, công nhận việc đỡ đầu; việc giải quyết khiếu nại tố cáo và xử lý vi phạm.

Công báo số 2 ngày 31/01/1995, tr. 37 - 44

NGÀY 07 THÁNG 12 NĂM 1994

Bộ trưởng Bộ Tư pháp ra Quyết định số 934/QĐ-BT về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng Khoa học Bộ Tư pháp

Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng Khoa học Bộ Tư pháp bao gồm 3 mục 13 điều, quy định chức năng tư vấn cho Bộ trưởng về phương hướng, tổ chức, đánh giá kết quả nghiên cứu khoa học và nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng Khoa học Bộ; tiêu chuẩn của các thành viên Hội đồng Khoa học Bộ Tư pháp; về lề lối làm việc (thời gian họp; tính dân chủ, công khai về những vấn đề thuộc nội dung cuộc họp...).

Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 09 THÁNG 12 NĂM 1994

Bộ trưởng Bộ Tư pháp ra Quyết định số 935/QĐ-TC về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Văn phòng Bộ Tư pháp

Quy chế tổ chức và hoạt động của Văn phòng Bộ Tư pháp bao gồm 2 mục và 7 điều, quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Văn phòng Bộ; mối quan hệ công tác giữa Văn phòng Bộ với Lãnh đạo Bộ, các đơn vị thuộc Bộ, địa phương và với Văn phòng II.

Hồ sơ 1654a - Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 23 THÁNG 12 NĂM 1994

Chính phủ ban hành Nghị định số 189-CP hướng dẫn thi hành Luật Phá sản doanh nghiệp

Để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ nợ, doanh nghiệp mắc nợ và những người có liên quan, xác định trách nhiệm của doanh nghiệp mắc nợ khi giải quyết việc phá sản doanh nghiệp; góp phần thúc đẩy doanh nghiệp hoạt động kinh doanh có hiệu quả và bảo đảm trật tự, kỷ cương xã hội, ngày 30/12/1993, Quốc hội khóa IX, kỳ họp thứ tư đã thông qua Luật Phá sản doanh nghiệp. Để đưa Luật Phá sản doanh nghiệp áp dụng vào thực tế, Điều 52 Luật Phá sản doanh nghiệp năm 1994 quy định Chính phủ ban hành văn bản hướng dẫn thi hành Luật này.

Sau khi xây dựng dự thảo và tiếp thu ý kiến đóng góp của các thành viên Chính phủ, Bộ Tư pháp cùng với Bộ Tài chính và Chủ nhiệm Ủy ban Kế hoạch Nhà nước trình Chính phủ Tờ trình số 1055b/PLDS-KT (ngày 19/6/1994) và Tờ trình số 1796/DSKT (ngày 17/9/1994) về Nghị định hướng dẫn thi hành một số điểm của Luật Phá sản doanh nghiệp.

Ngày 23/12/1994, Chính phủ ban hành Nghị định số 189-CP hướng dẫn thi hành Luật Phá sản doanh nghiệp. Nghị định gồm 44 điều, áp dụng để giải quyết phá sản đối với các doanh nghiệp sau: doanh nghiệp nhà nước; doanh nghiệp của tổ chức chính trị xã hội; doanh nghiệp tư nhân; công ty trách nhiệm hữu hạn; công ty cổ phần; doanh nghiệp có một phần vốn đầu tư nước ngoài; doanh nghiệp có 100% vốn đầu tư nước ngoài; hợp tác xã. Cá nhân, nhóm kinh doanh được thành lập và hoạt động theo Nghị định số 66-HĐBT ngày 02/3/1992 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) không thuộc phạm vi áp dụng của Luật Phá sản doanh nghiệp.

Nghị định quy định căn cứ để xem xét doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản, việc thi hành Luật Phá sản doanh nghiệp đối với các doanh nghiệp trực tiếp phục vụ quốc phòng, an ninh và dịch vụ công cộng quan trọng; đại diện hợp pháp của doanh nghiệp; về việc tham gia của công đoàn trong việc giải quyết phá sản doanh nghiệp; hồ sơ yêu cầu giải quyết việc tuyên bố phá sản doanh nghiệp; về việc thực hiện hoà giải và giải pháp tổ chức lại hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp; việc phá sản vì lý do bất khả kháng; về tổ chức và hoạt động của tổ quản lý tài sản, tổ thanh toán tài sản; chi phí phá sản.

Công báo số 2 ngày 31/01/1995, tr. 48 - 56

THÁNG 11 VÀ 12 NĂM 1994

Bộ Tư pháp tổ chức lớp tập huấn về phá sản doanh nghiệp

Từ ngày 01/7/1994 các Tòa kinh tế thuộc Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương bắt đầu thụ lý đơn yêu cầu giải quyết phá sản doanh nghiệp theo Luật Phá sản doanh nghiệp đã ban hành. Đây là một công việc hết sức mới đối với các Thẩm phán mới được bổ nhiệm cũng như đối với các Chấp hành viên thi hành án. Hầu hết các Thẩm phán kinh tế được bổ nhiệm từ hàng ngũ Trọng tài viên của Trọng tài kinh tế nhà nước trước đây, chưa có kinh nghiệm trong việc giải quyết các vụ án phá sản. Các Chấp hành viên cũng mới chỉ quen thuộc với thi hành các bản án dân sự. Việc tập huấn các quy định của Luật Phá sản doanh nghiệp, Nghị định của Chính phủ, đồng thời giới thiệu kinh nghiệm của nước ngoài về thủ tục giải quyết phá sản và thi hành quyết định phá sản cho các Thẩm phán kinh tế, các Chấp hành viên và các chuyên viên của một số cơ quan liên quan ở cấp địa phương là rất cần thiết.

Ngày 11/10/1994, Bộ Tư pháp có Công văn trình Thủ tướng Chính phủ xin phép được tổ chức 3 lớp tập huấn về phá sản doanh nghiệp tại ba khu vực: Hà Nội, Đà Nẵng và thành phố Hồ Chí Minh vào tháng 11 và 12 năm 1994 cho các Thẩm phán kinh tế của Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Chấp hành viên thuộc các Phòng Thi hành án và một số chuyên viên của các cơ quan liên quan. Cùng với sự tham gia của 2 chuyên gia của Ủy ban Hợp tác quốc tế về pháp luật của Ô-xtrây-li-a.

Ngày 05/11/1994, tại Công văn số 620b/PC của Văn phòng Chính phủ, Phó Thủ tướng Phan Văn Khải đã thay mặt Thủ tướng Chính phủ đồng ý để Bộ Tư pháp tổ chức các lớp tập huấn này.

Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NĂM 1995

NGÀY 03 THÁNG 01 NĂM 1995

Bộ Tư pháp ban hành Thông tư số 02/PL-DSKT hướng dẫn thi hành một số điểm của Nghị định số 116-CP của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Trọng tài kinh tế

Ngày 05/9/1994, Chính phủ ban hành Nghị định số 116-CP về tổ chức và hoạt động của Trọng tài kinh tế. Để thực hiện đúng các quy định của Nghị định, Bộ Tư pháp hướng dẫn một số điểm cụ thể về thẩm quyền của Trọng tài kinh tế; tiêu chuẩn trọng tài viên; xét cấp, đổi và thu hồi Thẻ Trọng tài viên; thủ tục cấp và thu hồi Giấy phép thành lập Trung tâm trọng tài; cơ cấu tổ chức của Trung tâm trọng tài.

Hồ sơ số 1888 - Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 23 THÁNG 01 NĂM 1995

Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá VII ra Nghị quyết số 08-NQ/HNTW: “Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, trọng tâm là cải cách một bước nền hành chính” (tại Hội nghị lần thứ tám)

Nghị quyết nêu rõ những quan điểm cơ bản để thực hiện tốt việc xây dựng, kiện toàn bộ máy nhà nước, đó là:

1. Xây dựng nhà nước xã hội chủ nghĩa của dân, do dân và vì dân, lấy liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức làm nền tảng, do Đảng Cộng sản lãnh đạo. Thực hiện đầy đủ quyền dân chủ của nhân dân, giữ nghiêm kỷ cương xã hội, chuyên chính với mọi hành động xâm phạm lợi ích của Tổ quốc và của nhân dân.

2. Quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công và phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện ba quyền: lập pháp, hành pháp, tư pháp.

3. Quán triệt nguyên tắc tập trung dân chủ trong tổ chức và hoạt động của Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

4. Tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa; xây dựng Nhà nước pháp quyền

Việt Nam, quản lý xã hội bằng pháp luật, đồng thời coi trọng giáo dục, nâng cao đạo đức xã hội chủ nghĩa.

5. Tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước.

Nghị quyết đề ra những chủ trương, nhiệm vụ trong thời gian tới, đó là: Tiếp tục đổi mới tổ chức và hoạt động của Quốc hội; Cải cách một bước nền hành chính nhà nước; Đổi mới tổ chức và hoạt động của các cơ quan tư pháp; Phát huy vai trò làm chủ nhà nước của nhân dân.

Đối với nhiệm vụ “Đổi mới tổ chức và hoạt động của các cơ quan tư pháp”, Nghị quyết chỉ rõ: Tiếp tục sửa đổi, bổ sung pháp luật, làm cơ sở cho việc tổ chức và hoạt động của các cơ quan tư pháp. Sớm ban hành Bộ luật Dân sự, Bộ luật Tố tụng dân sự và những văn bản pháp luật khác liên quan đến việc giải quyết các tranh chấp trong nội bộ nhân dân. Nghiên cứu việc xây dựng các tổ chức trọng tài để thực hiện chức năng hoà giải các tranh chấp. Nghiên cứu sửa đổi Bộ luật Hình sự, Bộ luật Tố tụng hình sự phù hợp với tình hình mới. Mở rộng quan hệ quốc tế về tương trợ tư pháp, về phòng chống tội phạm và các tệ nạn xã hội... Về tổ chức và hoạt động của Tòa án nhân dân, trên cơ sở kiện toàn tổ chức và cán bộ, nghiên cứu tăng thẩm quyền xét xử cho Tòa án nhân dân cấp quận, huyện theo hướng việc xét xử sơ thẩm được thực hiện chủ yếu ở Tòa án cấp này. Tòa án cấp tỉnh chủ yếu xét xử phúc thẩm. Tòa án nhân dân tối cao chủ yếu xét xử giám đốc thẩm, tổng kết kinh nghiệm xét xử, hướng dẫn các Tòa án địa phương thực hiện xét xử thống nhất theo pháp luật. Hạn chế việc xét xử sơ thẩm đồng thời chung thẩm. Nghiên cứu tiếp tục thành lập các toà chuyên môn. Tổng kết thực tiễn công tác quản lý Tòa án địa phương, xác định rõ trách nhiệm và quan hệ phối hợp trong việc quản lý các Tòa án địa phương về tổ chức và cán bộ. Đẩy mạnh việc xét và giải quyết kháng cáo và các khiếu nại, tố cáo về công tác xét xử, bảo đảm công bằng và nghiêm minh.

... Sớm xây dựng và hoàn thiện pháp luật về thi hành án theo hướng tiến tới tập trung nhiệm vụ quản lý nhà nước về công tác thi hành án vào Bộ Tư pháp. Quy định rõ nguyên tắc, nội dung hoạt động của các tổ chức hỗ trợ tư pháp để hỗ trợ đắc lực hoạt động xét xử của Tòa án một cách khách quan, chính xác và đúng luật. Nhà nước tăng cường hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra, khắc phục các biểu hiện tiêu cực trong công tác dịch vụ và tư vấn pháp lý, kể cả của các tổ chức và người nước ngoài.

*Văn kiện Hội nghị lần thứ tám Ban chấp hành Trung ương khoá VII,
Nxb. Chính trị quốc gia, H. 1995, tr. 20 - 49.*

NGÀY 09 THÁNG 02 NĂM 1995

**Bộ Tư pháp báo cáo Thủ tướng Chính phủ về hoạt động của Nhà
Pháp luật Việt - Pháp**

Theo đó, Báo cáo nêu rõ: Nhà Pháp luật Việt - Pháp chính thức đi vào hoạt

động từ ngày 01/7/1993. Từ đó đến 31/12/1994, Nhà Pháp luật Việt - Pháp đã tiến hành các hoạt động sau đây:

1. Tổ chức các cuộc hội thảo, lớp học chuyên đề về luật thương mại quốc tế, trọng tài thương mại quốc tế, tổ chức tư pháp, thi hành án và hợp đồng giao thầu công chính, công chứng, luật phá sản, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước giữa Trung ương và địa phương, luật kinh tế công, luật kinh tế tư, luật sở hữu công nghiệp và các biện pháp bảo đảm hợp đồng.

2. Hỗ trợ các đoàn ra và đoàn vào trong khuôn khổ chương trình hợp tác pháp luật và tư pháp.

3. Trung tâm tư liệu của Nhà Pháp luật Việt - Pháp là thư viện pháp lý bằng tiếng Pháp phong phú nhất ở Việt Nam hiện nay. Tại thư viện Nhà pháp luật Việt - Pháp hiện có 1.751 đầu sách bao gồm tất cả các ngành luật, trong đó có cả bách khoa pháp lý, từ điển thuật ngữ pháp lý... Ngoài ra, thư viện Nhà Pháp luật Việt - Pháp còn có kho tư liệu pháp lý đã được tin học hoá (ghi trên đĩa từ).

4. Năm 1993 - 1994, Nhà Pháp luật Việt - Pháp đã tổ chức giảng dạy tiếng Pháp pháp lý cho gần 100 người học ở ba trình độ: mới học, trung bình và nâng cao.

Hồ sơ số 2047 - Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 14 THÁNG 02 NĂM 1995

Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Nội vụ và Bộ Tư pháp ban hành Thông tư liên ngành số 05/TTLN hướng dẫn về việc áp dụng pháp luật đối với các hành vi buôn bán trái phép, vận chuyển trái phép các chất ma túy qua biên giới

Theo hướng dẫn tại Thông tư liên ngành, đối với mọi hành vi mua bán trái phép, vận chuyển trái phép qua biên giới các chất ma túy có kèm theo hành vi xuất cảnh trái phép thì kẻ phạm tội còn bị truy cứu trách nhiệm hình sự thêm về tội xuất cảnh trái phép theo Điều 89 Bộ luật Hình sự. Hướng dẫn này thay thế hướng dẫn về hành vi buôn bán trái phép, vận chuyển trái phép qua biên giới hàng hoá là chất ma túy tại điểm 7 Thông tư liên ngành số 02/TTLN ngày 20/3/1993.

Hồ sơ số 1888 - Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

THÁNG 02 NĂM 1995

Bộ Tư pháp tổ chức Hội nghị sơ kết công tác tuyển chọn Thẩm phán Toà án nhân dân địa phương, Toà án quân sự quân khu và cấp tương đương, Toà án quân sự khu vực năm 1994

Tham dự Hội nghị có đại diện Văn phòng Chủ tịch nước, một số ban, ngành Trung ương, tỉnh, thành uỷ, cơ quan tư pháp và Tòa án địa phương.

Hội nghị nhận định: việc tuyển chọn để trình Chủ tịch nước xem xét bổ nhiệm từng Thẩm phán theo Hiến pháp và Luật Tổ chức Tòa án nhân dân năm 1992 là cơ chế mới, khác hoàn toàn với chế độ HĐND bầu cử trước đây. Quán triệt tính chất và ý nghĩa quan trọng đó, Bộ Tư pháp đã phối hợp với Tòa án nhân dân tối cao và Bộ Quốc phòng có chủ trương, biện pháp chỉ đạo trong việc chuẩn bị nhân sự, thủ tục, xét chọn, trình Chủ tịch nước bổ nhiệm Thẩm phán thuộc quyền quản lý của Bộ Tư pháp.

Hội nghị cũng đánh giá cao kết quả bước đầu của công tác tuyển chọn Thẩm phán, đã góp phần kiện toàn một bước quan trọng đội ngũ Thẩm phán, có tiêu chuẩn cần thiết theo quy định của pháp luật, xây dựng đội ngũ cán bộ làm công tác xét xử vững vàng về chính trị và năng lực, trong sạch về phẩm chất, đúng đắn về tư cách.

Tin Tư pháp số 2 năm 1995

NGÀY 05 THÁNG 3 NĂM 1995

Bộ Tư pháp tổng kết cuộc thi báo chí “Pháp luật với đồng bào dân tộc và miền núi”

Cuộc thi báo chí “Pháp luật với đồng bào dân tộc và miền núi” do Bộ Tư pháp phát động nhằm mục đích tổ chức, động viên báo chí, các cá nhân, tập thể viết về việc tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật; giới thiệu những phong tục hay, tập quán tiến bộ phù hợp với truyền thống dân tộc và pháp luật của Nhà nước; phê phán đấu tranh chống các hủ tục, các tệ nạn xã hội... góp phần nâng cao hiểu biết pháp luật cho nhân dân, thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 22NQ/TW ngày 27/11/1989 về chủ trương, chính sách lớn phát triển kinh tế - xã hội miền núi của Bộ Chính trị và Quyết định số 72/HĐBT ngày 13/3/1990 của Hội đồng Bộ trưởng về một số chủ trương, chính sách cụ thể phát triển kinh tế - xã hội ở miền núi.

Hội đồng chấm giải gồm các nhà báo có tên tuổi do Phó tiến sĩ Nguyễn Hồng Vinh - Phó tổng biên tập Báo Nhân dân làm chủ tịch. Sau 3 vòng chấm, Hội đồng đã chọn được 21 tác phẩm đạt giải.

Ngày 05/3/1995, Bộ trưởng Bộ Tư pháp Nguyễn Đình Lộc và Thứ trưởng Bộ Tư pháp, Trưởng ban chỉ đạo cuộc thi Nguyễn Ngọc Hiến đã chủ trì và trao giải thưởng cho các tác giả đạt giải.

Tin Tư pháp số 3 năm 1995

NGÀY 13 ĐẾN NGÀY 16 THÁNG 3 NĂM 1995

Hội nghị tổng kết công tác Tư pháp năm 1994

Hội nghị được tổ chức tại thành phố Huế. Đây là lần đầu tiên Hội nghị Tư pháp

toàn quốc được tổ chức với sự tham gia của đông đảo đại diện các cơ quan tư pháp, tòa án, thi hành án ở cấp tỉnh, các Đoàn luật sư, các Phòng công chứng nhà nước...

Hội nghị đã nghe Báo cáo tổng kết năm 1994 và tập trung đánh giá những kết quả đã đạt được trong các lĩnh vực công tác như xây dựng, rà soát, hệ thống hoá văn bản pháp luật; phổ biến, giáo dục pháp luật; quản lý Tòa án nhân dân địa phương về mặt tổ chức; thi hành án dân sự; quản lý ngân sách Tòa án nhân dân địa phương và thi hành án dân sự; quản lý luật sư, công chứng, giám định, hộ tịch; nghiên cứu khoa học; hợp tác quốc tế; xây dựng ngành; đào tạo cán bộ pháp lý; thanh tra.

Trên cơ sở quán triệt Nghị quyết Đại hội Đảng VII, Nghị quyết Hội nghị Đại biểu của Đảng giữa nhiệm kỳ, các Nghị quyết của Quốc hội khoá IX, các Nghị quyết Trung ương, đặc biệt là Nghị quyết Trung ương 8 và Chương trình công tác năm 1995 của Chính phủ, Báo cáo tại Hội nghị nêu rõ: công tác tư pháp năm 1995 cần được triển khai thực hiện theo những phương hướng:

- Triển khai nghiên cứu và thực hiện tốt Nghị quyết Trung ương 8 trong toàn Ngành.

- củng cố, kiện toàn tổ chức bộ máy xây dựng lực lượng Ngành Tư pháp từ Trung ương tới cơ sở gắn liền với việc xây dựng quy hoạch, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ trong Ngành nhằm đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ mới.

- Triển khai toàn diện các mặt công tác, tập trung chỉ đạo việc triển khai các lĩnh vực công tác quan trọng của Ngành, đặc biệt tập trung chỉ đạo các công tác nhiều năm chưa triển khai như lý lịch tư pháp, thống kê tư pháp.

- Xây dựng chương trình hành động cụ thể tham gia vào cuộc đấu tranh chống tham nhũng, chống buôn lậu, chống lãng phí, thực hành tiết kiệm.

Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 25 THÁNG 3 NĂM 1995

Bộ Tư pháp tổ chức Hội nghị tổng kết 8 năm thi hành Luật Hôn nhân và gia đình

Tới dự hội nghị có các thành viên trong Ban dự thảo sửa đổi, bổ sung Luật Hôn nhân và gia đình; đại diện Văn phòng Chủ tịch nước, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao, Ban Nội chính Trung ương; Sở Tư pháp, Tòa án và Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội, Sở Tư pháp tỉnh Hà Tây; các đoàn thể và tổ chức như: Hội Nông dân Việt Nam, Trung ương Hội phụ nữ Việt Nam...

Thứ trưởng Bộ Tư pháp Nguyễn Văn Sản chủ trì Hội nghị.

Hội nghị đã thảo luận báo cáo đánh giá kết quả thực hiện Luật Hôn nhân và gia đình trong 8 năm qua, bổ sung ý kiến về các quy định trong Luật, thực trạng

thi hành Luật Hôn nhân và gia đình, đồng thời, đề xuất những kiến nghị với Chính phủ trong việc ban hành những chính sách đối với quan hệ hôn nhân và gia đình.

Tạp chí Dân chủ và Pháp luật số 4 năm 1995

NGÀY 03 ĐẾN NGÀY 07 THÁNG 5 NĂM 1995

Bộ Tư pháp tổ chức Đoàn kiểm tra tình hình thực hiện Chương trình 135, Chương trình xoá đói giảm nghèo, tạo việc làm và kiên cố hoá trường học tại hai tỉnh An Giang và Đồng Tháp

Tại mỗi tỉnh, Đoàn đã làm việc với UBND tỉnh, kiểm tra thực tế tại một số UBND huyện, xã nghèo, khu vực biên giới (tại An Giang: xã Tân Phú, thị trấn Óc Eo, huyện Thoại Sơn và xã Ô Lâm, Lương An Trà, huyện Tri Tôn; tại Đồng Tháp: xã Thông Bình, huyện Tân Bình, xã Thường Thới Hậu A, huyện Hồng Ngự) và đi thị sát một số điểm Trung tâm cụm xã, trường học, chợ...

Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 25 THÁNG 5 NĂM 1995

Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại giao, Bộ Nội vụ ban hành Thông tư liên bộ số 503-TT/LB hướng dẫn chi tiết thi hành Nghị định số 184-CP ngày 30/11/1994 quy định về thủ tục kết hôn, nhận con ngoài giá thú, nuôi con nuôi, nhận đỡ đầu giữa công dân Việt Nam và người nước ngoài

Thông tư liên bộ hướng dẫn chế độ và trình tự phối hợp công tác giữa các bộ và các cơ quan chuyên môn của các bộ ở cấp tỉnh trong việc giải quyết các việc đăng ký kết hôn, công nhận việc kết hôn, công nhận cha, mẹ, nhận con ngoài giá thú, đăng ký nuôi con nuôi, công nhận việc nuôi con nuôi và công nhận việc đỡ đầu giữa công dân Việt Nam và người nước ngoài, giữa công dân Việt Nam với nhau mà một bên định cư ở nước ngoài.

Theo quy định tại Thông tư liên bộ này thì Sở Tư pháp, cơ quan đại diện ngoại giao, lãnh sự nơi thường trú hoặc cư trú của công dân Việt Nam là cơ quan tiếp nhận hồ sơ của đương sự xin đăng ký kết hôn, công nhận việc kết hôn, công nhận cha, mẹ, nhận con ngoài giá thú, đăng ký nuôi con nuôi, công nhận việc nuôi con nuôi và công nhận việc đỡ đầu giữa công dân Việt Nam và người nước ngoài. Các cơ quan này khi tiếp nhận hồ sơ được thu lệ phí (trừ việc công nhận đỡ đầu).

Hồ sơ số 1888 - Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 25 ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 5 NĂM 1995

Bộ Tư pháp đón tiếp và làm việc với đoàn chuyên gia Ca-na-đa về cải cách luật hình sự và Chính sách tư pháp hình sự

Từ ngày 25/5 đến ngày 31/5/1995 tại Hà Nội, được sự đồng ý và chỉ đạo của Bộ trưởng Bộ Tư pháp, Vụ Pháp luật Hình sự - Hành chính và Vụ Pháp luật quốc tế - Hợp tác quốc tế, Bộ Tư pháp đã đón tiếp và làm việc với đoàn chuyên gia Trung tâm quốc tế về cải cách luật hình sự và chính sách tư pháp hình sự thuộc Trường Đại học tổng hợp British Columbia, Vancouver - Ca-na-đa do Tiến sĩ John L.Evans, quyền giám đốc Trung tâm làm trưởng đoàn và các thành viên chính thức là bà Macia V.J.Kran, Tiến sĩ Edwin A Tollefson và ông Shaw R.Davies.

Trong thời gian ở thăm và làm việc tại Việt Nam, Đoàn cũng đã tiến hành đàm phán với Vụ Pháp luật Hình sự - Hành chính và Vụ Pháp luật quốc tế - Hợp tác quốc tế về một số điểm trong nội dung Bản ghi nhớ và ký kết Bản ghi nhớ về hợp tác và hỗ trợ giữa Bộ Tư pháp và Trung tâm. Tham gia buổi ký kết về phía Bộ Tư pháp có Vụ trưởng Vụ Pháp luật quốc tế - Hợp tác quốc tế Hà Hùng Cường, Vụ trưởng Vụ Pháp luật Hình sự - Hành chính Ưông Chu Lưu và một số chuyên viên.

Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 02 THÁNG 6 NĂM 1995

Bộ Tư pháp có Công văn số 526/CV-HT gửi UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương về vấn đề hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài

Ngày 02/12/1993, Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Pháp lệnh Hôn nhân và gia đình giữa công dân Việt Nam với người nước ngoài. Ngày 30/11/1994 Chính phủ ban hành Nghị định số 184-CP quy định về thủ tục kết hôn, nhận con ngoài giá thú, nuôi con nuôi, nhận đỡ đầu giữa công dân Việt Nam với người nước ngoài.

Trong thời gian này, nhiều địa phương trong cả nước đã triển khai và thực hiện nghiêm chỉnh hai văn bản trên, đáp ứng được các yêu cầu của nhân dân, nhất là việc cho trẻ em làm con nuôi người nước ngoài. Tuy nhiên, qua kiểm tra một số tỉnh, Bộ Tư pháp đã phát hiện ở một số địa phương có vi phạm các quy định của Pháp lệnh và các quy định của Chính phủ, nhất là thủ tục giao nhận nuôi con nuôi thông qua các tổ chức trung gian, mà không thực hiện giao nhận trực tiếp cho bố mẹ nuôi như Nghị định số 184-CP quy định.

Để đảm bảo các quy định của Chính phủ về vấn đề hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài, đặc biệt là vấn đề người nước ngoài xin trẻ em Việt Nam làm con nuôi được thực hiện một cách nghiêm chỉnh, Bộ Tư pháp hướng dẫn UBND

các tỉnh một số vấn đề liên quan đến việc giải quyết cho người nước ngoài nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi và việc đăng ký kết hôn và cấp giấy chứng nhận kết hôn giữa công dân Việt Nam với người nước ngoài.

Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 06 THÁNG 7 NĂM 1995

Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính

Pháp lệnh Xử phạt vi phạm hành chính được thông qua ngày 30/11/1989, có hiệu lực ngày 01/01/1990. Sau 3 năm thi hành, Pháp lệnh Xử phạt vi phạm hành chính năm 1989 đã bộc lộ một số tồn tại chủ yếu sau đây: nhiều quy định không còn phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội, chưa thể hiện rõ tinh thần ngăn chặn triệt để, xử phạt nghiêm minh các hành vi vi phạm hành chính, một số điều khoản quy định chưa rõ ràng dẫn đến việc hiểu và áp dụng pháp luật không thống nhất, cần phải sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

Ngày 19/9/1994, Bộ Tư pháp trình Chính phủ Tờ trình số 1597/PLHS-HC về việc ban hành Pháp lệnh Xử phạt vi phạm hành chính (sửa đổi).

Ngày 06/7/1995, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã ban hành Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính. Pháp lệnh mới gồm 95 điều chia làm 10 chương quy định: các hình thức xử phạt vi phạm hành chính; các biện pháp xử lý hành chính khác; thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính; các biện pháp ngăn chặn vi phạm hành chính và bảo đảm việc xử lý vi phạm hành chính; thủ tục xử phạt vi phạm hành chính; thủ tục áp dụng các biện pháp xử lý hành chính khác; khiếu nại, tố cáo; xử lý vi phạm.

Theo đó, xử phạt vi phạm hành chính được áp dụng đối với cá nhân, tổ chức có hành vi cố ý hoặc vô ý vi phạm các quy tắc quản lý nhà nước mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự và theo quy định của pháp luật phải bị xử phạt hành chính. Các biện pháp xử lý hành chính khác được áp dụng đối với cá nhân có hành vi vi phạm pháp luật về an ninh, trật tự, an toàn xã hội nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự.

Pháp lệnh còn quy định nguyên tắc xử lý vi phạm hành chính, trách nhiệm đấu tranh, phòng, chống vi phạm hành chính, các đối tượng bị xử lý vi phạm hành chính, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng, các hình thức xử phạt vi phạm hành chính, thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính.

Ngày 06/7/1995, Chủ tịch nước đã ký Lệnh số 41-L/CTN công bố Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính. Pháp lệnh này thay thế Pháp lệnh xử phạt vi phạm hành chính năm 1989.

Công báo số 19 ngày 15/10/1995, tr. 506 - 524

NGÀY 08 THÁNG 7 NĂM 1995

Chính phủ ban hành Nghị định số 42-CP ban hành Quy chế hành nghề tư vấn pháp luật của tổ chức luật sư nước ngoài tại Việt Nam

Cùng với sự phát triển của các quan hệ kinh tế quốc tế và đầu tư nước ngoài tại Việt Nam, của hoạt động kinh doanh trong nước, nhu cầu tư vấn với chất lượng cao về pháp luật Việt Nam, pháp luật nước ngoài và quốc tế ngày càng tăng và trở thành vấn đề bức xúc, nhiều tổ chức luật sư và luật sư nước ngoài đã và đang bày tỏ nguyện vọng được hành nghề tại Việt Nam, để có thể tư vấn pháp luật cho khách hàng của mình một cách công khai, hợp pháp. Để đảm bảo sự quản lý chặt chẽ của Nhà nước đối với việc hành nghề của các luật sư nước ngoài, việc ban hành một văn bản pháp luật quy định cụ thể về tổ chức và hoạt động của các công ty luật, các hãng luật, luật sư nước ngoài tại Việt Nam phù hợp với tính chất của nghề luật sư tư vấn pháp luật là rất cần thiết.

Ngày 14/5/1994, Bộ Tư pháp đã trình Chính phủ Tờ trình số 735/TP về Dự thảo Nghị định hành nghề tư vấn pháp luật của tổ chức luật sư nước ngoài tại Việt Nam.

Ngày 08/7/1995, Chính phủ ban hành Nghị định số 42/CP ban hành Quy chế hành nghề tư vấn pháp luật của tổ chức luật sư nước ngoài tại Việt Nam. Quy chế gồm 6 chương với 44 điều quy định cụ thể điều kiện hành nghề, hình thức, tổ chức hành nghề và thủ tục cấp giấy phép; phạm vi hoạt động, quyền và nghĩa vụ của chi nhánh tổ chức luật sư nước ngoài, của luật sư nước ngoài; quản lý nhà nước đối với hành nghề tư vấn pháp luật của tổ chức luật sư nước ngoài tại Việt Nam và về xử lý vi phạm.

Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp; Công báo số 19 ngày 15/10/1995, tr. 528 - 532

NGÀY 26 THÁNG 7 NĂM 1995

Chính phủ ban hành Nghị định số 49-CP quy định xử phạt hành chính về hành vi vi phạm trật tự an toàn giao thông đường bộ và trật tự an toàn giao thông đô thị

Nghị định do Bộ Tư pháp chủ trì soạn thảo, gồm 4 chương với 30 điều quy định: nguyên tắc xử phạt vi phạm hành chính; mức tiền phạt khi xử phạt hành chính có tình tiết giảm nhẹ, tình tiết tăng nặng; xử lý vi phạm đối với người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính. Nghị định còn quy định các hình thức xử phạt hành chính đối với các hành vi vi phạm trật tự an toàn giao thông đường bộ và trật tự an toàn giao thông đô thị; thẩm quyền xử phạt hành chính về vi phạm trật tự an toàn giao thông đường bộ và trật tự an toàn giao thông đô thị.

Công báo số 1 ngày 15/01/1996, tr. 12 - 24

NGÀY 08 THÁNG 8 NĂM 1995

Ban Bí thư ra Chỉ thị số 57-CT/TW về hợp tác với nước ngoài về pháp luật, cải cách hành chính

Để nâng cao hiệu quả hoạt động hợp tác quốc tế về pháp luật và cải cách hành chính, Ban Bí thư yêu cầu các Ban cán sự Đảng, Đảng đoàn các cơ quan chức năng và đoàn thể có quan hệ hợp tác với nước ngoài cần thực hiện tốt các chủ trương, biện pháp sau đây:

1. Công tác xây dựng pháp luật và cải cách hành chính vừa hệ trọng, vừa phức tạp, vừa đòi hỏi kiến thức nghiệp vụ pháp lý, vừa phải thấm nhuần sâu sắc bản chất của chế độ ta. Việc hợp tác quốc tế về xây dựng pháp luật, cải cách hành chính là cần thiết, nhưng phải giữ vững nguyên tắc độc lập tự chủ, tự lực tự cường. Thực hiện đa dạng hóa, đa phương hóa quan hệ, nhưng phải trên cơ sở tuân thủ đường lối, quan điểm của Đảng và Nhà nước. Hết sức cảnh giác với âm mưu diễn biến hòa bình của địch trong lĩnh vực này.

2. Coi trọng tổng kết thực tiễn Việt Nam, kế thừa và phát huy những tinh hoa giá trị của ông cha ta về pháp luật, chọn lọc những kinh nghiệm tốt của các nước để vận dụng vào thực tiễn Việt Nam, tránh sao chép rập khuôn. Chú trọng mở rộng quan hệ hợp tác với các nước trong khu vực, nhất là đối với các nước láng giềng.

3. Các cơ quan có quan hệ hợp tác quốc tế chịu trách nhiệm lựa chọn nội dung, đối tác và hình thức hợp tác (cố vấn, thuê công ty luật, tổ chức hội thảo, hội nghị, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ ở trong nước cũng như ở nước ngoài...), thực hiện chế độ xin phép và báo cáo kết quả cụ thể, bảo đảm đạt hiệu quả thiết thực và bảo đảm an ninh quốc gia.

4. Ban Cán sự Đảng Bộ Tư pháp lãnh đạo việc thống nhất quản lý các hoạt động hợp tác quốc tế về pháp luật; hàng năm chủ trì phối hợp với các cơ quan và tổ chức hữu quan lựa chọn, tổng hợp, xây dựng chương trình, kế hoạch hợp tác của năm sau; quản lý việc thực hiện các chương trình, kế hoạch hợp tác đã được duyệt; kiểm tra, quản lý hoạt động của Văn phòng đại diện các tổ chức, Công ty tư vấn pháp luật nước ngoài ở Việt Nam và các tổ chức tư vấn pháp lý của Việt Nam. Ban Cán sự Đảng Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ chịu trách nhiệm lãnh đạo việc thống nhất quản lý các hoạt động hợp tác quốc tế về cải cách hành chính.

http://123.30.49.74:8080/tiengviet/tulieuvankien/vankiendang/details.asp?topic=191&subtopic=279&leader_topic=592&id=BT1070640471

NGÀY 09 THÁNG 8 NĂM 1995

Thủ tướng Chính phủ ban hành Chỉ thị số 445-TTg về việc tổ chức triển khai thi hành Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính

Nhằm kịp thời triển khai thực hiện tốt Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính.

Chỉ thị nêu rõ trách nhiệm của các bộ, ban, ngành trong việc phối hợp tổ chức phổ biến, tuyên truyền sâu rộng nội dung Pháp lệnh; xây dựng kế hoạch kiện toàn tổ chức bộ máy, sắp xếp và bố trí cán bộ có đủ năng lực và phẩm chất, tổ chức tập huấn; soạn thảo trình Chính phủ ban hành các văn bản quy định chi tiết thi hành một số vấn đề thuộc nội dung của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính; rà soát các văn bản pháp luật hiện hành về xử phạt vi phạm hành chính để sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với những quy định của Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính; soạn thảo văn bản trình Chính phủ ban hành các lĩnh vực chưa có văn bản pháp luật quy định về xử phạt vi phạm hành chính;...

Công báo số 22 ngày 30/11/1995, tr. 610 - 611

NGÀY 23 THÁNG 8 NĂM 1995

Bộ Tư pháp ban hành Thông tư số 337-TT/PLQT hướng dẫn thi hành một số quy định của Thông tư liên bộ số 503-TT/LB ngày 25/5/1995 của Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại giao, Bộ Nội vụ quy định chi tiết về thủ tục kết hôn, nhận con ngoài giá thú, nuôi con nuôi, nhận đỡ đầu giữa công dân Việt Nam và người nước ngoài

Qua thực tiễn áp dụng Thông tư liên bộ số 503-TT/LB ngày 25/5/1995 và theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tại các Hội nghị tập huấn các tỉnh phía Nam và các tỉnh phía Bắc tháng 6 và tháng 7 năm 1995, sau khi trao đổi ý kiến với Bộ Ngoại giao và Bộ Nội vụ, Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Thông tư này, trong đó nêu rõ, Thông tư liên bộ số 503-TT/LB:

- Không điều chỉnh các vấn đề thuộc thẩm quyền của các Tòa án như: hủy việc kết hôn trái pháp luật, ly hôn, giải quyết tranh chấp về nuôi con nuôi...

- Không điều chỉnh các vấn đề quan hệ hôn nhân và gia đình giữa người nước ngoài với nhau tạm trú hoặc thường trú tại Việt Nam, giữa công dân Việt Nam với nhau tại Việt Nam mà không thuộc diện một bên định cư ở nước ngoài.

- Chỉ quy định việc UBND tỉnh công nhận việc kết hôn đã được đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài.

- Không áp dụng đối với trường hợp khai sinh cho con ngoài giá thú mà chỉ áp dụng đối với trường hợp cha, mẹ công nhận con ngoài giá thú.

Đối với trường hợp người nước ngoài xin nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi, Sở Tư pháp chỉ được giới thiệu trẻ em tại các cơ sở nuôi dưỡng. Nếu trẻ em tại các cơ sở nuôi dưỡng còn cha mẹ, hoặc ông, bà, họ hàng thì phải có ý kiến của họ trước khi giới thiệu cho người nước ngoài xin nhận làm con nuôi...

Hồ sơ số 1888 - Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 08 THÁNG 9 NĂM 1995

Bộ Tư pháp ban hành Thông tư số 791b-TT/LS-TVPL hướng dẫn thi hành Quy chế hành nghề tư vấn pháp luật của tổ chức luật sư nước ngoài tại Việt Nam

Căn cứ Điều 2 của Nghị định số 42-CP ngày 08/7/1995 của Chính phủ ban hành Quy chế hành nghề tư vấn pháp luật của tổ chức luật sư nước ngoài tại Việt Nam. Sau khi trao đổi ý kiến với các bộ, ngành hữu quan, Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Quy chế như: đối tượng được xét cấp Giấy phép đặt Chi nhánh tổ chức luật sư nước ngoài; điều kiện cấp Giấy phép đặt Chi nhánh; thủ tục cấp Giấy phép đặt Chi nhánh; đăng ký hành nghề; thủ tục thay đổi nội dung Giấy phép, gia hạn hoạt động cho Chi nhánh; quyền, nghĩa vụ của Chi nhánh, của luật sư nước ngoài; chế độ báo cáo, kiểm tra.

Hồ sơ số 1888 - Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 14 THÁNG 9 NĂM 1995

Ủy ban Thường vụ Quốc hội thông qua Pháp lệnh Công nhận và thi hành tại Việt Nam quyết định của Trọng tài nước ngoài

Cùng với việc mở rộng và phát triển quan hệ hợp tác kinh tế, đặc biệt trong lĩnh vực đầu tư và thương mại giữa nước ta và nước ngoài, tất yếu đã và sẽ phát sinh ngày một nhiều các vụ việc tranh chấp có yếu tố nước ngoài giữa các tổ chức, cá nhân với nhau. Việc đưa vụ tranh chấp cho trọng tài giải quyết và việc tổ chức, cá nhân được thi hành gửi quyết định của Trọng tài nước ngoài đến cơ quan nhà nước Việt Nam yêu cầu công nhận và cho thi hành tại Việt Nam là hợp lý.

Nhưng cho đến thời điểm này, Nhà nước ta chưa có văn bản pháp luật nào quy định chung về việc công nhận và thi hành quyết định của trọng tài nước ngoài, đồng thời cho phép tổ chức, cá nhân Việt Nam được yêu cầu cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam không công nhận quyết định của trọng tài nước ngoài trong trường hợp họ có lý do chính đáng. Tình hình đó gây không ít băn khoăn cho các nhà đầu tư, kinh doanh trong và ngoài nước. Do vậy, việc ban hành Pháp lệnh Công nhận và thi hành tại Việt Nam quyết định của trọng tài nước ngoài sẽ tạo ra cơ sở pháp lý quan trọng bảo đảm cho hoạt động kinh doanh trong và ngoài nước, góp phần tăng độ tin cậy của môi trường đầu tư - kinh doanh ở Việt Nam, chuẩn bị cho việc đón nhận những cơ hội đầu tư mới.

Thực hiện chương trình xây dựng luật và pháp lệnh năm 1991 của Quốc hội và Hội đồng Nhà nước trước đây, Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) đã giao cho Bộ Tư pháp chủ trì nghiên cứu, xây dựng dự án Pháp lệnh.

Ngày 14/9/1995, Ủy ban Thường vụ Quốc hội thông qua Pháp lệnh Công nhận và thi hành Tại Việt Nam quyết định của Trọng tài nước ngoài. Pháp lệnh gồm 3 chương với 24 điều quy định cụ thể về nguyên tắc công nhận và thi hành cũng như việc xét đơn yêu cầu công nhận và cho thi hành tại Việt Nam quyết định của trọng tài nước ngoài; vấn đề chuyển hồ sơ cho Tòa án; thụ lý hồ sơ; chuẩn bị xét đơn yêu cầu; phiên tòa xét đơn yêu cầu; các trường hợp không công nhận quyết định của Trọng tài nước ngoài; gửi bản sao quyết định của Tòa án cho Viện kiểm sát; kháng cáo, kháng nghị; xét kháng cáo, kháng nghị; thi hành quyết định của Trọng tài nước ngoài...

Đồng thời Pháp lệnh cũng quy định: Trong trường hợp điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký kết hoặc tham gia có quy định khác với quy định của Pháp lệnh này, thì áp dụng quy định của điều ước quốc tế. Trong trường hợp quyết định của Trọng tài Việt Nam hoặc đơn yêu cầu của các tổ chức, cá nhân Việt Nam về việc công nhận và cho thi hành tại nước ngoài quyết định của Trọng tài không được cơ quan có thẩm quyền của nước đó xem xét vì lý do phân biệt đối xử, thì Tòa án Việt Nam được quyền áp dụng các biện pháp hạn chế tương ứng đối với việc xem xét đơn yêu cầu công nhận và cho thi hành tại Việt Nam quyết định của Trọng tài của nước đó hoặc đơn yêu cầu về vấn đề này của tổ chức, cá nhân của nước đó.

Công báo số 24 ngày 31/12/1995, tr. 646 - 650

NGÀY 18 THÁNG 9 NĂM 1995

Bộ trưởng Bộ Tư pháp báo cáo về việc thực hiện công tác quản lý các Tòa án nhân dân địa phương về mặt tổ chức và công tác thi hành án dân sự tại kỳ họp thứ 7, Quốc hội khóa IX

Được sự ủy quyền của Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Tư pháp Nguyễn Đình Lộc đã báo cáo Quốc hội việc thực hiện công tác quản lý Tòa án nhân dân địa phương về mặt tổ chức và công tác thi hành án trong 9 tháng đầu năm 1995. Báo cáo đề cập đến các mặt công tác sau: công tác tuyển chọn đề nghị Chủ tịch nước bổ nhiệm Thẩm phán; công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ tòa án; quản lý tổ chức bộ máy, biên chế và tuyển dụng cán bộ tòa án nhân dân địa phương; thực hiện các chế độ chính sách đối với cán bộ tòa án nhân dân địa phương; công tác quản lý ngân sách các Tòa án nhân dân và cơ quan thi hành án dân sự.

Báo cáo cũng đề cập đến tình hình thực hiện công tác thi hành án 9 tháng đầu năm 1995 về tổ chức, cán bộ; về hoạt động thi hành án dân sự. Báo cáo cũng nêu rõ những mặt tồn tại cần được chấn chỉnh, khắc phục trong việc thụ lý, nhận đơn yêu cầu, ra quyết định thi hành án, quản lý tang vật, tài sản...

Hồ sơ 1967 - Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 27 THÁNG 9 NĂM 1995

Bộ Tư pháp báo cáo Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường về các định hướng chính trong chương trình nghiên cứu khoa học của Ngành giai đoạn 1996 - 2000 và dự kiến kế hoạch nghiên cứu khoa học năm 1996

Báo cáo đánh giá tóm tắt tình hình thực hiện các hoạt động khoa học của Bộ Tư pháp giai đoạn 1991-1995. Trong giai đoạn này, gần 30 đề tài cấp Bộ, 4 đề tài cấp nhà nước và 1 dự án hợp tác nghiên cứu với IDRC - Ca-na-đa đã được triển khai.

Đánh giá về kết quả đạt được, Báo cáo nhận định:

- Đa số các đề tài đều giải quyết được các mục tiêu nghiên cứu đặt ra, đề xuất được những giải pháp kiến nghị xác đáng, tạo tiền đề về khoa học cho các hoạt động quản lý điều hành của ngành. Một số đề tài đã góp phần hình thành nên những hệ quan điểm mang tính lý luận, góp phần xây dựng cơ sở lý luận - thực tiễn cho một số giải pháp lớn của Nhà nước.

- Hệ thống nghiên cứu được quản lý điều hành nề nếp, đúng các quy trình nghiên cứu triển khai về nội dung, tiến độ và sử dụng các nguồn kinh phí đầu tư, đảm bảo nghiên cứu đúng định hướng, đúng mục đích, đạt hiệu quả.

- Ngành đã tập hợp được một đội ngũ cán bộ đông đảo cộng tác viên là các nhà khoa học và hoạt động thực tiễn thuộc nhiều cấp, nhiều ngành khác nhau.

Bên cạnh những kết quả đạt được, báo cáo cũng nêu rõ một số yếu kém, khó khăn trong công tác nghiên cứu khoa học của Bộ Tư pháp giai đoạn 1991 - 1995, cụ thể:

- Công tác nghiên cứu chưa được tiến hành theo một chương trình tổng thể dài hạn, do vậy chưa xác định được nội dung các vấn đề các đơn vị trong Ngành cần tập trung nghiên cứu. Tình trạng nghiên cứu đi sau các văn bản pháp luật vẫn còn phổ biến. Nhiều vấn đề pháp lý bức xúc vẫn chưa được tổ chức nghiên cứu.

- Việc ứng dụng các kết quả nghiên cứu còn hạn chế. Các công trình nghiên cứu chưa được phổ biến rộng và áp dụng hữu hiệu vào các hoạt động của các cơ quan tư pháp nhất là vào công tác xây dựng pháp luật.

- Kinh phí được Nhà nước tài trợ chưa tạo điều kiện để Bộ chủ quản được tự điều chỉnh các vấn đề nghiên cứu của Ngành cũng như trực tiếp thay đổi, bổ sung các nội dung nghiên cứu phù hợp, do đó phần nào giảm khả năng đáp ứng linh hoạt của hệ thống nghiên cứu đối với các hướng dẫn của Ngành.

- Cơ cấu nhân sự, tổ chức và trang bị cơ sở vật chất còn mỏng và thiếu thốn.

Đồng thời, báo cáo cũng đưa ra một số định hướng chính trong Chương trình nghiên cứu khoa học của Ngành giai đoạn 1996 - 2000, cụ thể:

1. Nghiên cứu những vấn đề về đổi mới tổ chức và hoạt động của Ngành Tư pháp trong giai đoạn mới, phức đáp yêu cầu quản lý tư pháp trong nhà nước pháp quyền.

2. Nghiên cứu khoa học pháp lý phục vụ mục tiêu xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật của Nhà nước giai đoạn 1996 - 2000, đồng thời nghiên cứu cơ chế bảo đảm thực hiện pháp luật.

3. Đẩy mạnh nghiên cứu thông tin khoa học pháp lý.

Tư liệu lưu trữ Viện Khoa học pháp lý, Bộ Tư pháp

NGÀY 09 THÁNG 10 NĂM 1995

Bộ Tư pháp báo cáo Thủ tướng Chính phủ tổng kết 2 năm thực hiện công tác quốc tịch

Thực hiện khoản 4 Điều 2 Nghị định số 38-CP ngày 04/6/1993 của Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Bộ Tư pháp; chấp hành Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ về chuyển công tác quốc tịch từ Bộ Ngoại giao sang Bộ Tư pháp, ngày 08/11/1993 hai Bộ Tư pháp và Bộ Ngoại giao đã tiến hành bàn giao chính thức và kể từ ngày 01/01/1994, Bộ Tư pháp chịu trách nhiệm tiếp nhận hồ sơ và trình Chủ tịch nước về yêu cầu xin thôi quốc tịch, xin vào quốc tịch của công dân.

Theo báo cáo cho biết: số lượng hồ sơ xin thôi quốc tịch Việt Nam của người Việt Nam định cư ở nước ngoài cũng như số lượng hồ sơ người nước ngoài xin nhập quốc tịch Việt Nam năm 1994 - 1995 tăng đáng kể.

Để thực hiện tốt nhiệm vụ được giao, Bộ Tư pháp đã lập tổ chuyên trách, trang bị máy vi tính và các thiết bị cần thiết khác để phục vụ cho phân tích và lưu trữ, góp phần giải quyết kịp thời và đáp ứng yêu cầu quốc tịch vừa qua. Bên cạnh đó, Bộ cũng đã tổ chức nhiều cuộc họp giữa Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Nội vụ, Ủy ban về người Việt Nam ở nước ngoài và Văn phòng Chủ tịch nước bàn biện pháp phối hợp trong việc điều tra, xác minh nhằm đảm bảo tính chặt chẽ và thống nhất trước khi Bộ Tư pháp trình Chủ tịch nước, tuy nhiên, trong quan hệ phối hợp 2 năm vừa qua, vẫn còn một số khó khăn về thủ tục cần được bổ sung, khắc phục. Theo đó, Bộ Tư pháp đề nghị Thủ tướng Chính phủ xem xét và cho ý kiến một số vấn đề như: Rút gọn đối tượng phải điều tra, xác minh trước khi giải quyết cho thôi quốc tịch Việt Nam; ban hành Nghị định mới thay thế Nghị định số 37-HĐBT ngày 05/02/1990 của Hội đồng Bộ trưởng quy định chi tiết thi hành Luật Quốc tịch Việt Nam; Chính phủ quy định cụ thể việc giải quyết cho người nước ngoài xin gia nhập quốc tịch Việt Nam.

Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 14 THÁNG 10 NĂM 1995

Bộ Tư pháp báo cáo Vụ pháp chế, Văn phòng Chính phủ về tình hình thực hiện công chứng

Ngày 27/02/1991, Hội đồng Bộ trưởng ban hành Nghị định số 45-HĐBT về tổ chức và hoạt động công chứng nhà nước. Sau hơn 4 năm triển khai thực hiện Nghị định, bước đầu công tác công chứng nhà nước đã đạt được một số thành tựu quan trọng. Theo Báo cáo số 965/CC của Bộ Tư pháp gửi Vụ Pháp chế, Văn phòng Chính phủ ngày 14/10/1995, trong cả nước đã có 72 Phòng Công chứng nhà nước với 150 công chứng viên, đã đáp ứng một phần yêu cầu công chứng của công dân và các tổ chức. Tuy nhiên, ở thành phố lớn như Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh... số người đến yêu cầu xin chứng nhận bản sao rất đông. Để khắc phục tình trạng này, Báo cáo nêu rõ, Bộ Tư pháp đã chỉ đạo:

- Các cơ quan, tổ chức nào cấp ra bản chính thì có quyền cấp bản sao theo bản chính đó. Cơ quan công chứng được chứng nhận bản sao giấy tờ, tài liệu theo bản chính, trừ trường hợp pháp luật có quy định cấm chứng nhận bản sao.
- Thành lập thêm các Phòng Công chứng nhà nước để thay thế UBND huyện không thực hiện một số việc công chứng nữa. Ở thành phố Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh cần sớm thành lập thêm một số Phòng Công chứng nhà nước để đáp ứng các yêu cầu công chứng của công dân và tổ chức.
- Các cơ quan, tổ chức không được tự ý đòi hỏi nhân dân phải có chứng nhận bản sao của cơ quan công chứng, nếu pháp luật không có quy định.

Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 28 THÁNG 10 NĂM 1995

Quốc hội khoá IX kỳ họp thứ 8 thông qua Bộ luật Dân sự

Ngày 03/11/1980, Chính phủ ra Quyết định thành lập Ban dự thảo Bộ luật Dân sự. Tuy nhiên, tại thời điểm này chúng ta gặp nhiều khó khăn về mặt kinh tế, cơ chế kế hoạch hóa tập trung bao cấp còn rất nặng nề. Nền kinh tế bị chi phối trực tiếp bởi hệ thống tem phiếu, các giao lưu dân sự còn được điều chỉnh bằng những phương pháp hành chính mệnh lệnh, vì vậy, nhu cầu xây dựng Bộ luật chưa được đặt lên hàng đầu. Mặt khác, tại thời điểm này, Việt Nam còn thiếu các chuyên gia pháp luật dân sự chuyên sâu, có kinh nghiệm, kiến thức xây dựng các văn bản luật lớn.

Từ sau năm 1985, khi đất nước bắt đầu vào thời kỳ đổi mới, nhất là những năm cuối của thập kỷ tám mươi và bắt đầu thập kỷ chín mươi, không những về mặt chủ trương và cả trong thực tiễn đời sống, các giao lưu dân sự đã trở nên sống động, đặt

ra nhu cầu bức xúc, khẩn trương đẩy mạnh công việc xây dựng Dự thảo Bộ luật Dân sự. Chính vì vậy, Dự thảo Bộ luật Dân sự đầu tiên ra đời vào năm 1991.

Sau nhiều lần tiếp thu ý kiến đóng góp của các cơ quan, tổ chức, của các đại biểu Quốc hội và của nhân dân, Ban dự thảo (trong đó Bộ Tư pháp là cơ quan chủ trì soạn thảo) đã trình Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá IX, kỳ họp thứ 8 thông qua Bộ luật Dân sự (cho đến thời điểm này Bộ luật Dân sự đã qua 14 bản Dự thảo).

Ngày 28/10/1995, Quốc hội đã biểu quyết thông qua Bộ luật Dân sự.

Bộ luật Dân sự năm 1995 gồm 838 điều, chia làm 7 phần: Phần thứ nhất - Những quy định chung; Phần thứ hai - Tài sản và quyền sở hữu; Phần thứ ba - Nghĩa vụ dân sự và hợp đồng dân sự; Phần thứ tư - Thừa kế; Phần thứ năm - Những quy định về chuyển quyền sử dụng đất; Phần thứ sáu - Quyền sở hữu trí tuệ và chuyển giao công nghệ; Phần thứ bảy - Quan hệ dân sự có yếu tố nước ngoài. Đây là một Bộ luật lớn nhất trong hệ thống pháp luật hiện thời ở Việt Nam. Bộ luật Dân sự đã khái quát tương đối có hệ thống các quan hệ dân sự và quy định những nguyên tắc cơ bản, những chuẩn mực pháp lý cho các chủ thể khi tham gia giao lưu dân sự. Các vấn đề cơ bản cùng với những nội dung chủ yếu trong Bộ luật Dân sự hoàn toàn phù hợp với các điều kiện khách quan của xã hội, đặc biệt phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội theo đường lối đổi mới. Các quy định trong Bộ luật Dân sự đã kế thừa và phát triển không những truyền thống pháp luật của nước ta, mà còn tiếp thu được những tinh hoa của pháp luật thế giới, phù hợp với thông lệ quốc tế.

Ngày 09/11/1995, Chủ tịch nước ký Lệnh số 44-L/CTN công bố Bộ luật Dân sự.

Bộ luật Dân sự năm 1995 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/1996.

*Bình luận Bộ luật Dân sự năm 1995, Tập I,
Nxb. Chính trị Quốc gia - Sự thật, H. 2001, tr. 9 - 30*

NGÀY 30 THÁNG 10 ĐẾN NGÀY 02 THÁNG 11 NĂM 1995

Đoàn đại biểu Bộ Tư pháp do Bộ trưởng Nguyễn Đình Lộc dẫn đầu dự Hội nghị lần thứ ba Bộ trưởng Bộ Tư pháp các nước sử dụng tiếng Pháp

Được phép của Thủ tướng Chính phủ, nhận lời mời của Bộ trưởng Bộ Tư pháp Ai Cập Farouk Seif Nasr và Tổng thư ký A.C.C.T Jean Louisroy, Đoàn đại biểu Bộ Tư pháp do Bộ trưởng Nguyễn Đình Lộc dẫn đầu đã đi dự Hội nghị lần thứ ba Bộ trưởng Bộ Tư pháp các nước cùng sử dụng tiếng Pháp tổ chức tại Cairo - Ai Cập từ ngày 30/10/1995 đến ngày 02/11/1995.

Hội nghị được tổ chức theo Nghị quyết số 18 của Hội nghị cấp cao các nước cùng sử dụng tiếng Pháp, họp tại Maurice tháng 10/1993, Hội nghị Bộ trưởng Bộ Tư pháp các nước cùng sử dụng tiếng Pháp lần này tập trung vào chủ đề “Tư pháp, Nhà nước pháp quyền và quyền con người trong mối liên hệ với sự phát triển”.

Tham dự Hội nghị có Đại biểu của 44 nước trên tổng số 47 nước thành viên cộng đồng các nước sử dụng Tiếng Pháp, trong đó có 39 Bộ trưởng dẫn đầu đoàn đại biểu nước mình tham dự hội nghị.

Tại Hội nghị, đoàn Việt Nam đã tham luận về vấn đề xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam (chủ trương, thực trạng và triển vọng). Hội nghị đã đánh giá cao những thành tựu của Việt Nam trong quá trình xây dựng Nhà nước pháp quyền cùng với việc chuyển đổi sang nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần có sự quản lý của Nhà nước.

Ngoài chương trình Hội nghị, đoàn Bộ Tư pháp Việt Nam đã có các cuộc tiếp xúc, trao đổi ý kiến với Bộ trưởng Bộ Tư pháp của một số nước tham gia hội nghị như Ai Cập, Lào, Pháp, Cam-pu-chia, Ru-ma-ni...

Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 07 THÁNG 11 NĂM 1995

Thủ tướng Chính phủ ra Quyết định số 715-TTg về Ngày truyền thống Ngành Tư pháp

Trong 50 năm (1945 - 1995), Ngành Tư pháp đã không ngừng phấn đấu vươn lên về mọi mặt, cố gắng nỗ lực đóng góp cho sự phát triển nền tư pháp nước nhà, cùng cả nước giành được những thành tựu lớn trong xây dựng và bảo vệ tổ quốc Việt Nam, góp phần ổn định chính trị, kinh tế, xã hội. Đặc biệt từ khi đất nước bắt đầu công cuộc đổi mới toàn diện do Đảng Cộng sản Việt Nam khởi xướng và lãnh đạo thì Ngành Tư pháp đã có những đóng góp quan trọng trong lĩnh vực xây dựng pháp luật và tổ chức thực hiện pháp luật, góp phần tạo ra một môi trường pháp lý lành mạnh cho sự phát triển kinh tế - xã hội đi đúng định hướng mà Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI và lần thứ VII đã đề ra.

Để phát huy vai trò và truyền thống của Ngành Tư pháp, động viên cán bộ, công chức, viên chức Tư pháp trong việc xây dựng Ngành Tư pháp lớn mạnh, theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tư pháp, Thủ tướng Chính phủ quyết định hàng năm lấy ngày 28 tháng 8 là Ngày truyền thống của Ngành Tư pháp.

Theo đó, Thủ tướng yêu cầu: Việc tổ chức Ngày truyền thống Ngành Tư pháp hàng năm phải bảo đảm yêu cầu thiết thực, có hiệu quả, tiết kiệm, tránh hình thức nhằm thực hiện tốt nội dung, yêu cầu sau đây:

- Giáo dục truyền thống của Ngành Tư pháp, động viên phong trào thi đua lao động, nâng cao kỷ luật, đạo đức Cách mạng của cán bộ, công chức, viên chức trong Ngành.

- Biểu dương khen thưởng bằng hình thức thích hợp đối với các tổ chức, cá nhân có thành tích trong việc xây dựng Ngành, gương mẫu trong việc thực hiện các chủ trương, đường lối và pháp luật của Đảng và Nhà nước.

Tạp chí Dân chủ và Pháp luật số 11 năm 1995;

Hồ sơ số 1915 - Lưu trữ Bộ Tư pháp;

Công báo số 3 ngày 15/02/1996, tr. 109

NGÀY 13 ĐẾN NGÀY 17 THÁNG 11 NĂM 1995

Bộ trưởng Bộ Tư pháp thăm và làm việc tại Nhật Bản

Nhận lời mời của Chính phủ Nhật Bản, Đoàn đại biểu Bộ Tư pháp nước ta do Bộ trưởng Bộ Tư pháp Nguyễn Đình Lộc dẫn đầu đã sang thăm và làm việc tại Nhật Bản từ ngày 13 đến ngày 17/11/1995. Đây là chuyến thăm chính thức đầu tiên do lãnh đạo Bộ dẫn đầu.

Trong thời gian ở thăm Nhật Bản, Đoàn đã hội đàm với Bộ trưởng Bộ Tư pháp Nhật Bản Miyazagoa, gặp và trao đổi ý kiến với Hạ nghị sĩ, Thứ trưởng Bộ Ngoại giao Nhật Bản Phu-cu-đa, cơ quan hợp tác quốc tế Nhật Bản, Tòa án tối cao, Tổng công tố, Cục nhân sự thuộc Chính phủ, Cục pháp chế thuộc Chính phủ, Trường Đại học tổng hợp Nagoya và Trường Đào tạo thẩm phán Nhật Bản.

Tại các buổi làm việc này, Đoàn đại biểu Bộ Tư pháp đã nhấn mạnh chủ trương và nỗ lực của Chính phủ Việt Nam trong việc khẩn trương hoàn thiện hệ thống pháp luật kinh tế để bảo đảm quyền tự do kinh doanh của công dân và quản lý có hiệu quả sự phát triển kinh tế theo định hướng, đồng thời bày tỏ sự quan tâm của Ngành Tư pháp Việt Nam về kinh nghiệm của Nhật Bản trong việc xây dựng pháp luật, chính sách nhằm gìn giữ truyền thống, bản sắc dân tộc trong nền kinh tế - xã hội hiện đại. Phía Nhật Bản cũng bày tỏ sự quan tâm, sẵn sàng của Chính phủ Nhật Bản trong việc đẩy mạnh quan hệ hợp tác tư pháp với Việt Nam, đồng thời với việc tiếp tục tăng cường quan hệ hợp tác về kinh tế, tài chính.

Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 20 THÁNG 11 NĂM 1995

Trường Đại học Luật Hà Nội trao tặng Huy chương “Vì sự nghiệp giáo dục”

Tại buổi Lễ kỷ niệm ngày Nhà giáo Việt Nam, thay mặt Bộ Giáo dục và Đào

tạo, Trường Đại học Luật Hà Nội đã trao tặng Huy chương “Vì sự nghiệp giáo dục” cho các thế hệ giáo viên của nhà trường và khen thưởng giáo viên dạy giỏi năm học 1994 - 1995.

Đến dự buổi lễ có Bộ trưởng Bộ Tư pháp Nguyễn Đình Lộc, đại diện các Vụ chuyên môn thuộc Bộ Tư pháp, đại diện các thế hệ giáo viên, học sinh đã và đang giảng dạy, học tập tại trường. Phó tiến sĩ luật học Nguyễn Ngọc Hiến - Thứ trưởng Bộ Tư pháp kiêm Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội thay mặt Ban giám hiệu đánh giá thành tích của trường trong 16 năm qua.

Báo Pháp luật ngày 05/12/1995

NGÀY 29 THÁNG 11 NĂM 1995

Bộ Tư pháp báo cáo Thủ tướng Chính phủ về kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật Dân sự

Tại phiên họp ngày 18/10/1995, kỳ họp thứ 8 Quốc hội khoá IX, Quốc hội đã thông qua Bộ luật Dân sự và Nghị quyết về việc thi hành Bộ luật Dân sự. Để kịp thời chuẩn bị đầy đủ các điều kiện bảo đảm triển khai việc thi hành Bộ luật Dân sự, Bộ Tư pháp báo cáo Thủ tướng Chính phủ dự kiến kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật Dân sự, theo đó:

- Tổ chức rà soát các quy định của pháp luật dân sự hiện hành để sửa đổi, bổ sung, ban hành mới hoặc huỷ bỏ cho phù hợp với Bộ luật Dân sự.
- Nghiên cứu xây dựng các văn bản hướng dẫn thi hành Bộ luật Dân sự.
- Đề nghị giao cho Bộ Tư pháp nhiệm vụ phối hợp với các cơ quan khác soạn thảo các văn bản trình Chính phủ ban hành.
- Đề nghị Chính phủ giao các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ ban hành các văn bản của bộ, ngành mình hướng dẫn.
- Khẩn trương chuẩn bị Bộ luật Tố tụng dân sự để trình Quốc hội xem xét thông qua vào kỳ họp tháng 4 năm 1997. Trong khi chưa có Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị Tòa án nhân dân tối cao ban hành một số văn bản tạm thời để áp dụng các quy định của Bộ luật Dân sự từ sau ngày 01/7/1996.
- Tuyên truyền phổ biến Bộ luật Dân sự rộng rãi trong cán bộ, nhân dân.
- Đề nghị Bộ Khoa học, công nghệ và môi trường bổ sung một số đề tài nghiên cứu để làm rõ căn cứ khoa học và thực tiễn triển khai thực hiện tốt Bộ luật Dân sự.

Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương Hồ Chí Minh cho Ngành Tư pháp

Ngày 29/11/1995, Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ban hành Quyết định số 711-KT/CTN về việc tặng thưởng Huân chương Hồ Chí Minh cho Ngành Tư pháp do đã có nhiều công lao đóng góp cho sự nghiệp cách mạng của Đảng và của dân tộc trong những năm qua.

Hồ sơ số 1918 - Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 14 THÁNG 12 NĂM 1995

Chính phủ ban hành Nghị định số 88-CP quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong các hoạt động văn hoá, dịch vụ văn hoá và phòng chống một số tệ nạn xã hội

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tư pháp, Bộ trưởng Bộ Văn hoá - Thông tin, Bộ trưởng Bộ Nội vụ, Chính phủ ban hành Nghị định số 88-CP quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong các hoạt động văn hoá, dịch vụ văn hoá và phòng chống một số tệ nạn xã hội. Nghị định gồm 4 chương với 42 điều quy định những hành vi vi phạm hành chính, hình thức và mức phạt trong hoạt động lưu hành, kinh doanh phim, băng đĩa hình, băng đĩa nhạc; bán và cho thuê xuất bản phẩm; hoạt động văn hoá và dịch vụ văn hoá nơi công cộng; quảng cáo và viết, đặt biển hiệu; phòng chống tệ nạn mại dâm, ma tuý và đánh bạc. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức nhà nước, cán bộ, viên chức nhà nước mà có hành vi vi phạm quy định tại Nghị định này thì ngoài việc bị xử phạt hành chính còn phải bị xử lý kỷ luật theo quy định của pháp luật. Mức phạt tiền cao nhất được áp dụng theo Nghị định là 50.000.000 đồng. Ngoài ra, còn có thể áp dụng các hình thức xử phạt bổ sung và các biện pháp khác.

Nghị định cũng quy định thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của UBND các cấp, cơ quan thanh tra chuyên ngành văn hoá - thông tin, cơ quan cảnh sát, cơ quan quản lý thị trường, bộ đội biên phòng, hải quan, cơ quan thanh tra chuyên ngành y tế, cơ quan thanh tra chuyên ngành lao động.

Công báo số 4 ngày 29/02/1996, tr. 132 - 152

NGÀY 19 THÁNG 12 NĂM 1995

Bộ Tư pháp báo cáo Thủ tướng Chính phủ về kết quả thực hiện Chỉ thị số 620-TTg ngày 29/9/1995 về việc tăng cường quản lý hoạt động tư văn pháp luật

Sau khi đánh giá những kết quả đạt được, Báo cáo đã nêu rõ những hạn chế,

tồn tại trong việc triển khai thực hiện Chỉ thị số 620-TTg ngày 29/9/1995 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường quản lý hoạt động tư vấn pháp luật, theo đó nhấn mạnh:

- Vẫn còn tình trạng người của địa phương này sang địa phương khác hành nghề mà không có cơ quan nào quản lý, một số người chưa đủ tiêu chuẩn nghiệp vụ hoặc từng là cán bộ cơ quan nhà nước hoặc tổ chức xã hội bị kỷ luật đã bỏ cơ quan nhà nước đứng ra thành lập tổ chức tư vấn pháp luật, lợi dụng vị trí và những mối quan hệ trước đây để hành nghề.

- Thiếu các quy định cụ thể về điều kiện, tiêu chuẩn và đạo đức nghề nghiệp, tiêu chuẩn để thành lập một tổ chức tư vấn pháp luật cũng như thủ tục cấp phép...

- Việc quản lý về doanh thu để tính thuế của các tổ chức tư vấn pháp luật đang trên cơ sở tự nguyện, mà chưa có cơ chế bảo đảm.

- Các công ty luật vẫn hoạt động dưới hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn và những người làm tư vấn chưa phải mua bảo hiểm nghề nghiệp hoặc ký quỹ bảo đảm để thực hiện trách nhiệm bồi thường khi tư vấn sai.

- Hội Luật gia ở một số địa phương và một số đoàn thể, tổ chức xã hội tự lập Văn phòng tư vấn pháp luật một cách tràn lan, gây nên tình trạng lộn xộn và không bảo đảm các điều kiện về tiêu chuẩn nghiệp vụ cũng như đạo đức nghề nghiệp, phạm vi đối tượng tư vấn.

- Các tổ chức tư vấn pháp luật đều hoạt động theo mục đích thu lợi, tuy với mức độ khác nhau. Mức thù lao cho các vụ việc chủ yếu theo nguyên tắc thỏa thuận giữa người tư vấn và khách hàng.

Trên cơ sở đó, Bộ Tư pháp đã kiến nghị Thủ tướng Chính phủ giao cho Bộ Tư pháp triển khai một số hoạt động để khắc phục các hạn chế, tồn tại nêu trên.

Báo cáo số 1194/LS-TVPL, Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

Thủ tướng Chính phủ ban hành Chỉ thị số 833/TTg về việc triển khai thực hiện Nghị quyết của Quốc hội về thi hành Bộ luật Dân sự

Để chuẩn bị thi hành tốt Bộ luật Dân sự, được sự phân công của Chính phủ, Bộ Tư pháp chủ trì soạn thảo Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ về việc triển khai thực hiện Nghị quyết của Quốc hội về thi hành Bộ luật Dân sự.

Ngày 19/12/1995, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Chỉ thị, trong đó yêu cầu các cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện các công việc sau đây:

- Tiến hành rà soát các quy định của pháp luật dân sự hiện hành để huỷ bỏ, sửa đổi, bổ sung, ban hành mới cho phù hợp với Bộ luật Dân sự.

- Xây dựng văn bản hướng dẫn thi hành Bộ luật Dân sự.
- Tuyên truyền, phổ biến Bộ luật Dân sự.

Công báo số 7 ngày 15/4/1996, tr. 284 - 285

NGÀY 21 THÁNG 12 NĂM 1995

Ngành Tư pháp tổ lễ kỷ niệm 50 năm ngày thành lập Ngành và đón nhận Huân chương Hồ Chí Minh

Tối dự buổi lễ có Phó Chủ tịch nước Nguyễn Thị Bình; Thường trực Ban Bí thư Trung ương Đảng Đào Duy Tùng; Phó Chủ tịch Quốc hội Phùng Văn Tửu cùng đại diện của Văn phòng Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, các bộ, ban, ngành, đại diện các Sở Tư pháp, Phòng Thi hành án, Tòa án nhân dân tỉnh, Đoàn luật sư, phòng công chứng trong cả nước.

Tại buổi lễ, Bộ trưởng Bộ Tư pháp Nguyễn Đình Lộc đã đọc diễn văn kỷ niệm “50 năm Ngành Tư pháp xây dựng và trưởng thành”.

Nhân dịp lễ kỷ niệm trọng thể này, cán bộ nhân viên Ngành Tư pháp đã vinh dự đón nhận thư chúc mừng của Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Việt Nam Đỗ Mười.

Tại buổi lễ, Phó Chủ tịch nước Nguyễn Thị Bình đã trao tặng Huân chương Hồ Chí Minh cho Ngành Tư pháp. Đây là phần thưởng cao quý của Chủ tịch nước, ghi nhận công lao, thành tích của các thế hệ cán bộ, nhân viên Ngành Tư pháp về những đóng góp quan trọng vào sự nghiệp giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước và sự nghiệp đổi mới xây dựng và bảo vệ tổ quốc.

Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 21 ĐẾN NGÀY 24 THÁNG 12 NĂM 1995

Hội nghị tổng kết Ngành Tư pháp năm 1995

Hội nghị tổng kết công tác năm 1995 và bàn phương hướng nhiệm vụ năm 1996, trao đổi các biện pháp thực hiện kế hoạch triển khai Bộ luật Dân sự, trao đổi góp ý kiến về Dự thảo Luật Hôn nhân và gia đình, Nghị định mới về công chứng nhà nước, đề án về xây dựng Trường Đào tạo Thẩm phán... Tổng kết công tác năm 1995, Báo cáo tại Hội nghị đã tập trung đánh giá những kết quả đạt được cũng như những tồn tại, khó khăn trên các lĩnh vực công tác: xây dựng, rà soát, hệ thống hoá văn bản pháp luật; phổ biến, giáo dục pháp luật; quản lý Tòa án nhân dân địa phương về mặt tổ chức; thi hành án dân sự; quản lý luật sư, tư vấn pháp luật; công chứng, giám định, hộ tịch, quốc tịch và lý lịch tư pháp; hợp tác quốc tế; xây dựng ngành, đào tạo cán bộ; thanh tra.

Báo cáo cũng khẳng định, công tác tư pháp năm 1996 cần được triển khai thực hiện theo những phương hướng:

- Tổ chức nghiên cứu, quán triệt sâu sắc các văn kiện Đại hội Đảng lần thứ VIII, quan tâm đến công tác rèn luyện phẩm chất đạo đức trong Ngành Tư pháp.

- Tiếp tục củng cố, kiện toàn và nâng cao năng lực của tổ chức bộ máy, xây dựng lực lượng Ngành Tư pháp từ Trung ương tới cơ sở, coi đó là một trong những điều kiện quyết định bảo đảm cho việc thực hiện thắng lợi nhiệm vụ trong toàn Ngành.

- Triển khai toàn diện các mặt công tác theo chức năng, nhiệm vụ, đưa công tác tư pháp đi vào chiều sâu, đặc biệt tập trung chỉ đạo việc triển khai thực hiện các lĩnh vực công tác quan trọng của Ngành.

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác đấu tranh chống tham nhũng, chống lãng phí trong toàn Ngành.

Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NĂM 1996

NGÀY 02 ĐẾN NGÀY 09 THÁNG 01 NĂM 1996

Bộ trưởng Bộ Tư pháp Thụy Điển thăm Việt Nam

Đoàn đại biểu Bộ Tư pháp Thụy Điển do Bà Laila Freivalds, Bộ trưởng Bộ Tư pháp Thụy Điển dẫn đầu.

Trong thời gian ở thăm và làm việc tại Việt Nam, Đoàn đã hội đàm với Đoàn đại biểu Bộ Tư pháp do Bộ trưởng Nguyễn Đình Lộc làm trưởng đoàn. Tại buổi hội đàm, hai bên đã trao đổi nhiều ý kiến về kinh nghiệm công tác pháp luật và tư pháp, về sự hợp tác thiết thực và có hiệu quả giữa hai nước trong lĩnh vực pháp luật hơn 4 năm qua, trên cơ sở Hiệp định chuyên ngành về “Hỗ trợ tăng cường quản lý nhà nước bằng pháp luật ở Việt Nam” được ký kết giữa Chính phủ Việt Nam và Chính phủ Thụy Điển. Bà Bộ trưởng cũng cam kết sẽ xúc tiến nhanh việc hoàn thiện 2 dự án hợp tác khác về “Tăng cường năng lực thông tin pháp lý ở Việt Nam” và “Tăng cường năng lực đào tạo cử nhân luật tại Việt Nam” để hỗ trợ Việt Nam nhiều hơn nữa trong lĩnh vực công tác quan trọng này.

Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 10 THÁNG 01 NĂM 1996

Bộ Tư pháp báo cáo Thủ tướng Chính phủ về tình hình thực hiện Nghị định số 116-CP ngày 05/9/1994 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Trọng tài kinh tế

Ngày 05/9/1994, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 116-CP về tổ chức và hoạt động của Trọng tài kinh tế, cho phép thành lập ở nước ta một loại cơ quan tài phán mới trong kinh doanh là Trọng tài kinh tế, quy định một loạt các vấn đề liên quan đến tính chất, thẩm quyền, nguyên tắc tổ chức và hoạt động cũng như thủ tục tố tụng của Trọng tài kinh tế. Nghị định số 116-CP cũng đã giao cho Bộ Tư pháp chức năng quản lý nhà nước đối với Trọng tài kinh tế.

Ngày 10/01/1996, Bộ Tư pháp đã gửi Thủ tướng Chính phủ Báo cáo số 42/PLDSKT về tình hình thực hiện Nghị định số 116-CP. Theo đó, Bộ Tư pháp cho biết, trong thời gian qua, Bộ đã khẩn trương tiến hành một số công việc sau:

- Phổ biến sâu rộng trong nhân dân, nhất là trong giới luật gia và các nhà kinh doanh về chủ trương của Nhà nước cho phép thành lập các Trung tâm trọng tài cũng như vai trò, tác dụng của Trọng tài kinh tế trong hệ thống các cơ quan giải quyết tranh chấp kinh tế ở nước ta.

- Ban hành Thông tư số 02/PLDS/KT ngày 03/01/1995 nhằm hướng dẫn thi hành và triển khai thực hiện Nghị định số 116-CP; Soạn thảo một số văn bản có liên quan như Thông tư liên ngành của Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính về phí trọng tài, Điều lệ mẫu của Trung tâm trọng tài, mẫu giấy phép thành lập Trung tâm trọng tài, mẫu thẻ trọng tài viên...

- Giao nhiệm vụ chỉ đạo Giám đốc Sở Tư pháp báo cáo cấp uỷ, chính quyền địa phương, lựa chọn nhân sự, lập hồ sơ xét chọn trọng tài viên.

- Tiến hành việc xét chọn Trọng tài viên cho 132 người có đơn xin cấp thẻ Trọng tài viên thuộc 11 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Theo đề nghị của Hội đồng xét chọn, ngày 12/01/1996 Bộ trưởng Bộ Tư pháp đã ra quyết định công nhận và cấp thẻ trọng tài viên đợt I cho 37 người đạt tiêu chuẩn.

- Tiếp tục nghiên cứu kinh nghiệm tổ chức và hoạt động của các Trung tâm trọng tài quốc tế, Trọng tài khu vực và Trọng tài thương mại của một số nước trên thế giới nhằm chuẩn bị dự thảo Pháp lệnh về trọng tài kinh tế.

Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 27 THÁNG 01 NĂM 1996

Bộ Tư pháp báo cáo Ban Bí thư Trung ương Đảng và Thủ tướng Chính phủ về việc thực hiện Chỉ thị số 57-CT/TW ngày 08/8/1995 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về hợp tác với nước ngoài về pháp luật

Theo đó, Báo cáo nêu rõ: Trên cơ sở kết quả tổng hợp báo cáo của các bộ, ngành (Trung ương) về tình hình hợp tác với nước ngoài về pháp luật thì tính đến thời điểm này hiện có 18 bộ, ngành thuộc Chính phủ đang triển khai các hoạt động về hợp tác pháp luật. Các hoạt động hợp tác với nước ngoài về pháp luật nhìn chung đều được thực hiện trên cơ sở các hiệp định, dự án hoặc nghị định thư, chủ yếu là mời chuyên gia nước ngoài giúp ý kiến tư vấn, kinh nghiệm soạn thảo các dự án luật, pháp lệnh; tổ chức các hội thảo, tọa đàm, lớp bồi dưỡng nghiệp vụ do chuyên gia luật nước ngoài hướng dẫn; tổ chức các chuyến đi nghiên cứu, khảo sát kinh nghiệm ở nước ngoài; gửi cán bộ đi nước ngoài học tập, nghiên cứu và trao đổi tài liệu pháp lý.

Các nước và tổ chức quốc tế đang hợp tác với các cơ quan, tổ chức Việt Nam có Thụy Điển, Pháp, Ô-xtrây-li-a, Bỉ, Đức, Trung Quốc, Thái Lan, Nhật Bản, Anh, Hàn Quốc, Mỹ, Ca-na-đa, Ma-lai-xi-a, Na-uy, Xinh-ga-po, ASEAN, UNDP,

WB, ADB, FES, KAS, ILO, EU, WIPO, SISAC, WHO, ICAO, FAO và một số công ty kinh doanh, công ty luật nước ngoài.

Tư liệu lưu trữ Văn phòng Trung ương Đảng

NGÀY 31 THÁNG 01 NĂM 1996

Bộ trưởng Bộ Tư pháp trao tặng huy chương “Vì sự nghiệp tư pháp” cho 8 cán bộ lão thành ở thành phố Hồ Chí Minh

Nhân kỷ niệm 50 năm thành lập Ngành Tư pháp Việt Nam, Bộ trưởng Bộ Tư pháp Nguyễn Đình Lộc đã trao tặng Huy chương “Vì sự nghiệp tư pháp” cho 8 cán bộ lão thành của Ngành ở thành phố Hồ Chí Minh là: ông Nguyễn Văn Hưởng nguyên Thứ trưởng Bộ Tư pháp, bà Nguyễn Thị Chơn nguyên Thứ trưởng Bộ Tư pháp, ông Phạm Tổng Hoàng nguyên Phó chủ nhiệm Ủy ban pháp chế Hội đồng Chính phủ, ông Nguyễn Văn Kiêm nguyên Phó giám đốc Sở Tư pháp Nam Bộ, ông Phùng Văn Khả nguyên phụ trách Văn phòng II Bộ Tư pháp, ông Hồ Thành Nguyên nguyên chuyên viên Bộ Tư pháp, ông Lê Văn Bình nguyên Thư ký Bộ trưởng Bộ Tư pháp, ông Trần Tòa Luật sư Đoàn luật sư thành phố Hồ Chí Minh.

Báo Pháp luật ngày 30/01/1996

NGÀY 01 ĐẾN NGÀY 10 THÁNG 02 NĂM 1996

Bộ Tư pháp mở lớp tập huấn Bộ luật Dân sự

Thực hiện Nghị quyết của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa IX kỳ họp thứ 8 về việc thi hành Bộ luật Dân sự, từ ngày 01 đến ngày 10/02/1996, tại Trung tâm đào tạo, bồi dưỡng Thẩm phán và các chức danh tư pháp khác thuộc Trường Đại học Luật Hà Nội, Bộ Tư pháp mở lớp tập huấn Bộ luật Dân sự cho lãnh đạo Sở Tư pháp, Tòa án nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Chánh, Phó Tòa dân sự Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và đại diện pháp chế bộ, ngành.

Tiếp theo đó, cũng với nội dung này, Bộ Tư pháp tiếp tục mở 02 lớp tập huấn vào tháng 3 (từ ngày 23 tháng 3 đến ngày 04 tháng 4) tại thành phố Hồ Chí Minh và tháng 4 (từ ngày 15 đến ngày 27 tháng 4) tại Hà Nội.

Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 12 THÁNG 02 NĂM 1996

Bộ Tư pháp cấp giấy phép đợt 1 đặt chi nhánh cho các tổ chức luật sư nước ngoài tại Việt Nam

Thi hành Nghị định số 42/CP ngày 08/7/1995 của Chính phủ ban hành Quy

chế hành nghề tư vấn pháp luật của tổ chức luật sư nước ngoài tại Việt Nam, ngày 08/9/1995, Bộ Tư pháp đã ban hành Thông tư số 791b-TT/LS-TVPL hướng dẫn thực hiện Quy chế này.

Ngày 01/9/1995, Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính ban hành Thông tư liên bộ số 842/LB-TT quy định chế độ thu, quản lý sử dụng lệ phí cấp giấy phép đặt chi nhánh của tổ chức luật sư nước ngoài tại Việt Nam.

Kể từ ngày 13/11/1995, Bộ Tư pháp đã triển khai nhận hồ sơ xin đặt chi nhánh của các tổ chức luật sư nước ngoài. Tính đến ngày 09/01/1996 đã có 22 Công ty luật nước ngoài nộp hồ sơ xin đặt 37 chi nhánh tại Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 12/02/1996, căn cứ vào kết quả thẩm tra hồ sơ, Bộ trưởng Bộ Tư pháp ký Giấy phép đặt chi nhánh tại Việt Nam đợt 1 cho 14 tổ chức luật sư nước ngoài đặt 14 chi nhánh tại Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh với tổng số 33 luật sư nước ngoài. Cùng ngày, Bộ Tư pháp đã tổ chức trao Giấy phép cho 14 tổ chức luật sư nước ngoài nói trên với sự tham dự của đại diện các cơ quan Trung ương (Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ, Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại giao, Ban Nội chính Trung ương, Văn phòng Chính phủ, Báo Việt Nam đầu tư, Báo Pháp luật, Tạp chí Dân chủ và Pháp luật và Sở Tư pháp thành phố Hà Nội).

Việc cấp giấy phép đợt 1 này đã được dư luận trong và ngoài nước đánh giá cao thiện chí và thái độ nghiêm túc của Chính phủ ta trong việc thi hành Nghị định số 42/CP.

Báo cáo số 240/LSTV ngày 15/3/1996, Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 24 ĐẾN NGÀY 29 THÁNG 3 NĂM 1996

Bộ trưởng Bộ Tư pháp Lào sang thăm và làm việc tại Việt Nam

Đoàn do Bộ trưởng Bộ Tư pháp Lào Khăm Uôn Bouppha dẫn đầu.

Trong thời gian ở thăm và làm việc tại Việt Nam, Đoàn đã có buổi hội đàm với Đoàn đại biểu Bộ Tư pháp Việt Nam. Tại buổi hội đàm, hai bên đã dự thảo Kế hoạch hợp tác giữa hai Bộ Tư pháp Việt Nam - Lào giai đoạn 1996 - 1997.

Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 28 ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 3 NĂM 1996

Hội thảo khoa học về luật tục và hương ước

Thực hiện chủ trương khuyến khích xây dựng và thực hiện hương ước, quy chế

về nếp sống văn minh ở các thôn, xã mà Hội nghị lần thứ V Ban chấp hành Trung ương (khoá VII) đã đề ra, tại nhiều địa phương trong cả nước đã triển khai việc xây dựng và thực hiện các hương ước, quy ước làng văn hoá. Riêng ở các tỉnh miền núi, nhất là các tỉnh Tây Nguyên, đồng bào các dân tộc thiểu số vẫn duy trì, sử dụng các luật tục trong nhiều quan hệ xã hội gắn với đời sống và sinh hoạt của nhân dân.

Để có thêm luận cứ và cơ sở thực tiễn trực tiếp góp phần vào việc triển khai thi hành Bộ luật Dân sự và Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính, Luật Hôn nhân và gia đình, xây dựng Luật Dân tộc và những quy định pháp luật khuyến khích thuần phong mỹ tục, hạn chế các hủ tục, trong 3 ngày từ ngày 28 đến ngày 30/3/1996, tại thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk, Bộ Tư pháp đã phối hợp với UBND tỉnh Đắk Lắk tổ chức Hội thảo khoa học về “Mối quan hệ giữa luật tục, hương ước và pháp luật hiện hành”.

Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 02 THÁNG 4 NĂM 1996

Đại hội Đảng bộ cơ quan Bộ Tư pháp

Đến dự Đại hội có ông Quách Lê Thanh, Bí thư Đảng uỷ khối các cơ quan Nội chính Trung ương, ông Đỗ Văn Xuân, Phó Bí thư Đảng uỷ khối, đại diện của Văn phòng Đảng uỷ khối các cơ quan Nội chính Trung ương, đại diện lãnh đạo cấp Vụ, chuyên viên của Ban Nội chính Trung ương, Uỷ ban Kiểm tra Trung ương Đảng; Ban cán sự Đảng bộ Bộ Tư pháp và toàn thể đảng viên trong Đảng bộ cơ quan Bộ Tư pháp.

Đại hội đã tập trung thảo luận góp ý kiến vào Dự thảo Báo cáo chính trị của Ban chấp hành Trung ương trình trước Đại hội Đảng toàn quốc lần VIII và Dự thảo Báo cáo kiểm điểm hết nhiệm kỳ của Đảng uỷ Khối các cơ quan Nội chính Trung ương.

Báo Pháp luật ngày 12/4/1996

NGÀY 06 THÁNG 4 NĂM 1996

Chính phủ ban hành Nghị định số 19-CP ban hành Quy chế giáo dục tại xã, phường, thị trấn đối với những người vi phạm pháp luật

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tư pháp và Bộ trưởng Bộ Nội vụ, Chính phủ ban hành Nghị định số 19-CP ban hành Quy chế Giáo dục tại xã, phường, thị trấn đối với những người vi phạm pháp luật. Quy chế Giáo dục tại xã, phường, thị trấn đối với những người vi phạm pháp luật ban hành kèm theo Nghị định số 19-CP gồm 23 điều chia làm 3 chương. Biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn được áp dụng đối với những đối tượng sau đây:

1. Người từ đủ 12 tuổi đến 16 tuổi thực hiện những hành vi có các dấu hiệu của một tội phạm ít nghiêm trọng quy định tại Bộ luật Hình sự, nhưng xét nhân thân, hoàn cảnh gia đình của người đó chưa đến mức cần thiết phải đưa vào Trường Giáo dưỡng;

2. Người từ đủ 12 tuổi trở lên nhiều lần có hành vi càn quấy, trộm cắp vật, cờ bạc, gây rối trật tự công cộng, đã được chính quyền và nhân dân địa phương giáo dục mà chưa chịu sửa chữa, nhưng xét nhân thân, hoàn cảnh gia đình của người đó chưa đến mức cần thiết phải đưa vào Trường Giáo dưỡng hoặc Cơ sở giáo dục;

3. Người mại dâm, người nghiện ma túy đã được gia đình, chính quyền và đoàn thể địa phương nhắc nhở, giáo dục mà chưa chịu sửa chữa, nhưng xét nhân thân và hoàn cảnh gia đình của người đó chưa đến mức cần thiết phải đưa vào Cơ sở chữa bệnh. Biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn không áp dụng đối với người dưới 12 tuổi.

Quy chế cũng quy định cụ thể thủ tục quyết định biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn; hình thức và trình tự áp dụng; khen thưởng và xử lý vi phạm.

Công báo số 14 ngày 31/7/1996, tr. 587 - 591

NGÀY 13 THÁNG 4 NĂM 1996

Bộ Tư pháp báo cáo Văn phòng Chính phủ về việc tổ chức triển khai thi hành Bộ luật Dân sự

Thực hiện Chỉ thị số 833/TTg ngày 19/12/1995 của Thủ tướng Chính phủ về việc triển khai thực hiện Nghị quyết của Quốc hội về thi hành Bộ luật Dân sự và thông báo của Văn phòng Chính phủ số 399/PC ngày 24/01/1996 về việc phân công xây dựng các văn bản pháp luật hướng dẫn thi hành Bộ luật Dân sự thuộc thẩm quyền của Chính phủ, các bộ, ngành. Ngày 13/4/1996, Bộ Tư pháp gửi Văn phòng Chính phủ Báo cáo số 656/PLDSKT về việc tổ chức triển khai thi hành Bộ luật Dân sự. Báo cáo tập trung đánh giá những kết quả đạt được trong các hoạt động mà Bộ đã tiến hành:

- Rà soát các quy định của pháp luật dân sự hiện hành để huỷ bỏ, sửa đổi, bổ sung, ban hành mới cho phù hợp với Bộ luật Dân sự.
- Xây dựng văn bản hướng dẫn thi hành Bộ luật Dân sự.
- Tuyên truyền, phổ biến Bộ luật Dân sự.

Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 17 THÁNG 4 NĂM 1996

Bộ trưởng Bộ Tư pháp ký Quyết định số 587-QĐ/TC thành lập Trung tâm Đào tạo, bồi dưỡng Thẩm phán và các chức danh tư pháp khác

Trung tâm Đào tạo, bồi dưỡng Thẩm phán và các chức danh tư pháp khác có các chức năng, nhiệm vụ sau đây:

1. Tổ chức đào tạo các khoá Thẩm phán và các chức danh tư pháp khác;
2. Tổ chức các khoá bồi dưỡng định kỳ, các lớp tập huấn chuyên đề, theo kế hoạch hàng năm do Bộ Tư pháp giao.

Trung tâm gồm có 1 Giám đốc và 1 đến 2 Phó Giám đốc.

Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội có trách nhiệm:

1. Quy định Quy chế hoạt động của Trung tâm;
2. Bố trí cán bộ, nhân viên cho Trung tâm trên cơ sở biên chế được giao hàng năm.

Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 18 THÁNG 5 NĂM 1996

Chính phủ ban hành Nghị định số 31-CP về tổ chức và hoạt động Công chứng nhà nước

Ngày 27/02/1991, Hội đồng Bộ trưởng ban hành Nghị định số 45-HĐBT về tổ chức và hoạt động công chứng nhà nước. Tuy nhiên, với việc ban hành Hiến pháp năm 1992, Luật Tổ chức Chính phủ, Bộ luật Dân sự, Nghị quyết số 38-CP về cải cách một bước thủ tục hành chính trong việc giải quyết công việc của công dân và tổ chức... cùng với những hạn chế của Nghị định số 45-HĐBT (như về khái niệm công chứng, văn bản công chứng còn quá chung, quy định về các việc công chứng nằm tản mạn ở nhiều văn bản luật, vừa thiếu vừa thừa, quy định về quản lý nhà nước đối với công chứng cũng còn thiếu sự phân định rõ giữa Bộ Tư pháp, UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tư pháp, Trưởng Phòng công chứng...) trước tình hình mới đòi hỏi cần phải được sửa đổi, bổ sung.

Ngày 02/12/1995, Bộ Tư pháp trình Thủ tướng Chính phủ Tờ trình số 1136/CC về Dự thảo Nghị định về tổ chức và hoạt động Công chứng Nhà nước.

Ngày 18/5/1996, Chính phủ ban hành Nghị định số 31/CP về tổ chức và hoạt động Công chứng Nhà nước thay thế Nghị định số 45-HĐBT ngày 27/02/1991. Nghị định gồm 39 điều chia làm 6 chương quy định về công chứng, quản lý nhà nước về công tác công chứng, tổ chức công chứng nhà nước, công chứng viên, trình tự, thủ tục thực hiện các việc công chứng.

Công báo số 16 ngày 31/8/1996, tr. 671 - 676

NGÀY 28 THÁNG 6 ĐẾN NGÀY 01 THÁNG 7 NĂM 1996

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng: giải pháp và chính sách chủ yếu đối với hoạt động tư pháp trong “Phương hướng nhiệm vụ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 1996 - 2000”

Tại Đại hội, Báo cáo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá VII về “Phương hướng nhiệm vụ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 1996 - 2000” đã chỉ rõ:

- Tiếp tục xây dựng hệ thống pháp luật phù hợp với cơ chế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Ban hành các luật mới như: Luật Thương mại, Luật Ngân hàng, Luật Hải quan, Luật Bưu chính Viễn thông, Luật Điện, Luật Xây dựng, Luật Khoa học và Công nghệ, Luật Tài nguyên nước... Sửa đổi, bổ sung các luật và pháp lệnh hiện hành về thuế, về khuyến khích đầu tư trong nước và đầu tư nước ngoài tại Việt Nam, về công ty, về doanh nghiệp tư nhân... Cải tiến việc ban hành văn bản pháp quy thi hành luật; bảo đảm tính thống nhất về nội dung, tính kịp thời và hiệu lực thi hành luật sau khi ban hành.

- Đẩy mạnh cải cách cơ bản thủ tục hành chính. Hoàn thành sớm việc ban hành và công bố các văn bản pháp quy về thủ tục hành chính đã được sửa đổi. Rà soát văn bản pháp quy ở các cấp, xoá bỏ các quy định do ngành, địa phương ban hành trái với các văn bản pháp quy của Quốc hội và Chính phủ; xây dựng quy chế thông tin đối với dân về các quyết định và công việc của Nhà nước.

- Triển khai mạnh mẽ công tác tuyên truyền và giáo dục pháp luật;

- Xúc tiến thành lập Tòa Hành chính trong Tòa án nhân dân, bổ sung thể chế làm căn cứ cho việc xét xử. Xác định mô hình tổ chức và thủ tục tố tụng phù hợp với đặc điểm của các vụ kiện hành chính. Tuyển chọn và đào tạo bồi dưỡng Thẩm phán hành chính...

*Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII,
Nxb. Chính trị quốc gia, H. 1996, tr. 240 - 243*

NGÀY 05 THÁNG 7 NĂM 1996

Bộ Tư pháp ban hành Thông tư số 67/TT-THA hướng dẫn một số vấn đề về tổ chức hoạt động thi hành án dân sự

Để tăng cường quản lý thống nhất về tổ chức hoạt động thi hành án dân sự, đảm bảo trật tự, kỷ cương, từng bước đưa công tác thi hành án dân sự đi vào nề nếp, Bộ Tư pháp hướng dẫn các cơ quan thi hành án địa phương thực hiện một số điểm về việc lập và sử dụng sổ sách, hồ sơ về thi hành án; việc giao nhận, bảo quản, xử lý tang vật, tài sản bị kê biên, tạm giữ; và về hoạt động thu - chi tiền thi hành án.

Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 08 THÁNG 7 NĂM 1996

**Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Quyết định số 754-QĐ/BTP phê duyệt
Báo cáo Dự án khả thi tin học hoá công chứng**

Dự án được triển khai thực hiện dưới sự phối hợp giữa Ban dự án và Vụ Công chứng, Giám định, Hộ tịch, Quốc tịch và Lý lịch tư pháp, Ban chỉ đạo tin học của Bộ và Viện Nghiên cứu khoa học pháp lý.

Quyết định số 754-QĐ/BTP - Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 11 THÁNG 7 NĂM 1996

Bộ Tư pháp chấn chỉnh tổ chức và hoạt động của Đoàn luật sư

Từ khi Pháp lệnh Tổ chức luật sư ngày 18/12/1987 được ban hành đến thời điểm này đã có 57 Đoàn luật sư. Hoạt động của các Đoàn luật sư đã đáp ứng một phần quan trọng nhu cầu giúp đỡ pháp lý của công dân, tổ chức, đóng góp đáng kể trong việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, tổ chức, góp phần thực hiện nguyên tắc sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật. Tuy nhiên, trong tổ chức và hoạt động của các Đoàn luật sư hiện còn nhiều bất cập cần được chấn chỉnh kịp thời. Ngày 11/7/1996, Bộ Tư pháp đã có Công văn số 1060/LS-TVPL gửi Đoàn luật sư các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đề nghị Ban Chủ nhiệm các Đoàn luật sư thực hiện một số việc để kịp thời khắc phục những nhược điểm, vướng mắc trong tổ chức và quản lý của các Đoàn luật sư.

Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 16 THÁNG 7 NĂM 1996

**Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Quyết định số 769/QĐ về việc ban hành
Quy chế tiếp công dân**

Quy chế gồm 11 điều quy định: Bộ Tư pháp có trách nhiệm tiếp công dân để tiếp nhận các kiến nghị, góp ý kiến hoặc khiếu nại, tố cáo có nội dung thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Tư pháp.

Việc tiếp dân được thực hiện dưới các hình thức: tiếp dân theo giờ hành chính, theo định kỳ của lãnh đạo Bộ.

Cán bộ làm nhiệm vụ tiếp dân là cán bộ Thanh tra Bộ, do Chánh Thanh tra Bộ phân công, phải chịu trách nhiệm về những hướng dẫn của mình. Khi nhận được thông báo của cán bộ tiếp dân, Thủ trưởng đơn vị có liên quan đến vụ việc phải tiếp công dân và trả lời công dân trong thời gian luật định.

Đến Phòng tiếp dân, công dân có thể góp ý kiến bằng văn bản, ghi sổ góp ý hoặc trực tiếp trình bày. Công dân phải chấp hành nội quy phòng tiếp dân, trình bày trung thực, chính xác và chịu trách nhiệm về nội dung đã trình bày, cung cấp các bằng chứng, tài liệu liên quan khi cán bộ tiếp dân yêu cầu.

Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 19 ĐẾN NGÀY 27 THÁNG 7 NĂM 1996

Bộ Tư pháp tổ chức Hội nghị tập huấn công tác thi hành án dân sự toàn quốc

Hội nghị được tổ chức tại thành phố Quy Nhơn (Bình Định). Tham dự tập huấn gồm có các Trưởng phòng, Phó trưởng Phòng Thi hành án các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các Phòng Thi hành án quân sự. Tại Hội nghị, Bộ trưởng Bộ Tư pháp Nguyễn Đình Lộc đã trực tiếp giới thiệu những quy định chung, những nguyên tắc cơ bản và một số chế định của Bộ luật Dân sự; Thứ trưởng Nguyễn Văn Sản trình bày báo cáo về kết quả 3 năm hoạt động thi hành án dân sự, phân tích đánh giá công tác quản lý các cơ quan thi hành án địa phương về mặt tổ chức và quản lý về mặt nghiệp vụ.

Tạp chí Dân chủ và Pháp luật số 8 năm 1996

NGÀY 05 ĐẾN NGÀY 08 THÁNG 8 NĂM 1996

Bộ trưởng Nguyễn Đình Lộc dẫn đầu đoàn đại biểu Bộ Tư pháp sang thăm và làm việc tại Xinh-ga-po

Trong thời gian ở thăm và làm việc tại Xinh-ga-po, Đoàn đã đến thăm và làm việc với Bộ Pháp luật Xinh-ga-po, Văn phòng Tổng Chương lý Xinh-ga-po, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao và Chánh án Tòa án cấp dưới, Hội Luật gia Xinh-ga-po và Khoa Luật Trường Đại học Tổng hợp quốc gia Xinh-ga-po. Tại các buổi làm việc hai bên đã trao đổi về các khả năng hợp tác giữa hai nước trong lĩnh vực pháp luật, về khả năng nghiên cứu hệ thống pháp luật và tổ chức tư pháp của các nước ASEAN và về vấn đề đào tạo, bồi dưỡng cán bộ pháp lý với sự giúp đỡ của Chính phủ Xinh-ga-po.

Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 27 ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 8 NĂM 1996

Đoàn đại biểu Bộ Tư pháp Ô-xtrây-li-a thăm Việt Nam

Đoàn do Bộ trưởng Bộ Tư pháp, Tổng Công tố Daryl Williams dẫn đầu.

Trong thời gian ở thăm và làm việc tại Việt Nam, Đoàn đã có buổi hội đàm với Đoàn đại biểu Bộ Tư pháp Việt Nam. Tại buổi hội đàm hai bên đã trao đổi về công tác pháp luật và tư pháp ở mỗi nước; về hoạt động hỗ trợ đầu tư, kinh doanh của các chi nhánh công ty luật Ô-xtrây-li-a tại Việt Nam; về khả năng hợp tác giữa các cơ quan pháp luật và tư pháp hai nước trong việc phòng chống tội phạm quốc tế, đặc biệt là tội tấy rửa tiền bất hợp pháp và về khả năng Ô-xtrây-li-a giúp bồi dưỡng, nâng cao trình độ nghiệp vụ và tiếng Anh pháp lý cho các luật gia Việt Nam.

Cũng trong thời gian này, được sự cho phép của Thủ tướng Chính phủ Việt Nam, Bộ trưởng Williams và Bộ trưởng Nguyễn Đình Lộc đã khai mạc cuộc trao đổi ý kiến giữa hai Ngành Tư pháp Việt Nam - Ô-xtrây-li-a về sự phát triển của hệ thống pháp luật Việt Nam phục vụ công cuộc đổi mới kinh tế theo cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Cuộc trao đổi diễn ra trong 3 ngày (28 đến ngày 30/8/1996) xung quanh các chủ đề: vị trí của Bộ luật Dân sự đối với đầu tư, kinh doanh, cải tiến thủ tục đầu tư nước ngoài, pháp luật về thuế, đất đai, ngân hàng, tài chính áp dụng đối với đầu tư nước ngoài, cải cách hành chính trong lĩnh vực thương mại, kinh doanh, giải quyết tranh chấp kinh tế và việc thi hành án kinh tế.

Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 13 THÁNG 9 NĂM 1996

Đoàn đại biểu Bộ Tư pháp Việt Nam do Bộ trưởng Nguyễn Đình Lộc dẫn đầu tham dự Hội nghị Bộ trưởng Tư pháp ASEAN lần thứ ba

Đây là lần đầu tiên Việt Nam tham dự Hội nghị Bộ trưởng Bộ Tư pháp các nước ASEAN. Hội nghị họp tại Manila - Phi-lip-pin với sự tham gia đầy đủ của 7 đoàn đại biểu của các nước ASEAN (Bru-nây, In-đô-nê-xi-a, Ma-lai-xi-a, Phi-lip-pin, Xinh-ga-po, Thái Lan và Việt Nam). Tổng thống Phi-lip-pin Phi-đen Ra-mốt đã đến dự và khai mạc Hội nghị.

Các đại biểu tham gia Hội nghị đã tập trung thảo luận và thông qua báo cáo của các cuộc họp lần thứ tư và năm của các quan chức pháp luật cao cấp các nước ASEAN tổ chức tại Bru-nây tháng 9/1995 và tại Phi-lip-pin tháng 9/1996 về các biện pháp tăng cường sự hợp tác về pháp luật và tư pháp giữa các nước thành viên ASEAN. Các Bộ trưởng Tư pháp đã thoả thuận: thiết lập kênh chính thức để trao đổi các tài liệu, thông tin pháp luật, đặc biệt liên quan đến lĩnh vực pháp luật đầu tư, kinh doanh, thương mại, tổ chức tư pháp; ủng hộ Đề án thành lập Trung tâm thông tin pháp luật ASEAN với Ban Thư ký ASEAN làm nòng cốt; khuyến khích mạnh mẽ việc trao đổi các đoàn nghiên cứu, khảo sát bao gồm các quan chức pháp luật của Nhà nước cũng như đại diện của giới giảng viên luật; tạo điều kiện thuận lợi cho sự hỗ trợ lẫn nhau giữa các nước thành viên trong công tác đào tạo luật...

Các Bộ trưởng cũng đã trao đổi ý kiến về khả năng làm hài hoà hoá pháp luật của các nước thành viên trong các lĩnh vực đầu tư, thương mại và bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ nhằm hỗ trợ cho việc thực hiện các chương trình hợp tác chung ASEAN đã được Hội nghị thượng đỉnh ASEAN thông qua như Khu vực mậu dịch tự do ASEAN (AFTA), bảo vệ môi trường khu vực.

Trưởng đoàn đại biểu các nước ASEAN trong bài phát biểu tại phiên khai mạc Hội nghị đều bày tỏ sự vui mừng trước việc Việt Nam gia nhập ASEAN và việc tham gia của Đoàn đại biểu nước ta tại Hội nghị Bộ trưởng lần này. Đặc biệt trong bài phát biểu bế mạc Hội nghị, Bộ trưởng Pháp luật kiêm Bộ trưởng Ngoại giao Xinh-ga-po đã thay mặt các Trưởng đoàn đại biểu các nước ASEAN bày tỏ các nước ASEAN sẽ làm hết sức mình để hỗ trợ Việt Nam trong việc phát triển hệ thống pháp luật phục vụ nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa nhất là trên mặt đào tạo, cả về pháp luật nội dung, pháp luật tố tụng và kỹ năng nghiệp vụ.

Hội nghị đã thông qua “Báo cáo của Hội nghị Bộ trưởng Tư pháp các nước ASEAN” trình Hội nghị cấp cao ASEAN.

Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 03 THÁNG 10 NĂM 1996

Bộ Tư pháp ban hành Thông tư số 1411/TT-CC hướng dẫn thực hiện Nghị định số 31-CP ngày 18/5/1996 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động Công chứng nhà nước

Thông tư quy định cụ thể nhiệm vụ quyền hạn của Bộ Tư pháp, Chủ tịch UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Giám đốc Sở Tư pháp trong việc quản lý nhà nước về công tác công chứng.

Đồng thời, Thông tư cũng hướng dẫn một số quy định về: cơ quan có thẩm quyền công chứng; trình tự, thủ tục thực hiện công chứng; hình thức văn bản công chứng; hồ sơ công chứng và chế độ lưu trữ; việc giải quyết khiếu nại, tố cáo.

Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 07 THÁNG 10 NĂM 1996

Bộ Tư pháp tổ chức Hội nghị tập huấn Nghị định số 31-CP về tổ chức và hoạt động Công chứng nhà nước

Tham dự Hội nghị có Giám đốc Sở Tư pháp của 53 tỉnh, thành phố và Trưởng phòng của 81 Phòng công chứng nhà nước trong cả nước. Bộ trưởng Bộ Tư pháp Nguyễn Đình Lộc phát biểu khai mạc hội nghị, nhấn mạnh việc ban hành Nghị

định số 31-CP là một bước đổi mới về tổ chức và hoạt động công chứng, góp phần cải cách thủ tục hành chính, chống phiền hà cho nhân dân trong việc giải quyết các yêu cầu công chứng, quy định nội dung phạm vi công chứng theo pháp luật hiện hành, quy định trình tự, thủ tục thực hiện các việc công chứng.

Báo Pháp luật ngày 18/10/1996

NGÀY 07 ĐẾN NGÀY 10 THÁNG 10 NĂM 1996

Đoàn đại biểu Bộ Tư pháp Ba Lan sang thăm và làm việc tại Việt Nam

Đoàn do Bộ trưởng Bộ Tư pháp, Tổng công tố Ba Lan Leszek Kubicki dẫn đầu.

Trong thời gian ở thăm và làm việc tại Việt Nam, Đoàn đã có buổi hội đàm với Đoàn đại biểu Bộ Tư pháp Việt Nam do Bộ trưởng Nguyễn Đình Lộc làm trưởng đoàn. Tại buổi hội đàm, hai bên đã điểm lại tình hình thực hiện Hiệp định Tương trợ tư pháp về các vấn đề dân sự, gia đình và hình sự ký kết ngày 22/3/1993. Phía Ba Lan cho rằng đây là Hiệp định có tính chất khuôn mẫu cho quan hệ tương trợ giữa các Toà án và cơ quan tư pháp khác của các nước và do đó đã được Ba Lan lấy làm mẫu để đàm phán, ký kết loại Hiệp định này với các nước khác. Phía Việt Nam cũng đánh giá cao thiện chí của Chính phủ Ba Lan, trên cơ sở Hiệp định này, đã và đang thực sự tạo điều kiện cho cộng đồng người Việt Nam ở Ba Lan được làm ăn, sinh sống ổn định và nhận được sự bảo hộ có hiệu quả của pháp luật Ba Lan. Hai bên cũng giới thiệu cho nhau tình hình kinh tế - xã hội của mỗi nước, những thành tựu đã đạt được, cũng như những mục tiêu cần phấn đấu trong công tác pháp luật và tư pháp phục vụ sự nghiệp đổi mới và cải cách ở mỗi nước.

Cũng tại buổi hội đàm này hai bên đã thỏa thuận trình Chính phủ hai nước quyết định cho phép hai Bộ Tư pháp ký kết Hiệp định hợp tác với các hình thức hợp tác như: định kỳ tổ chức những cuộc toạ đàm, hội nghị về các vấn đề pháp luật mà hai bên cùng quan tâm; trao đổi các đoàn cán bộ đi nghiên cứu, khảo sát kinh nghiệm ở mỗi nước và trao đổi tài liệu pháp luật về những vấn đề hai bên cùng quan tâm.

Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 28 THÁNG 10 NĂM 1996

Lễ ký kết Dự án hợp tác Việt Nam - Nhật Bản trong lĩnh vực pháp luật

Tham dự buổi lễ ký kết về phía Việt Nam có Bộ trưởng Bộ Tư pháp Nguyễn Đình Lộc, Thứ trưởng Nguyễn Ngọc Hiến, Thứ trưởng Nguyễn Văn Sản cùng một số lãnh đạo, chuyên viên cấp Vụ, đại diện Bộ Ngoại giao, Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Về phía Nhật Bản có sự tham dự của ông Kastunari Suzuki, Đại sứ Nhật Bản tại Việt Nam, đại diện Văn phòng dự án, Văn phòng JICA tại Việt Nam.

Mục đích của Dự án hợp tác được ký kết nhằm góp phần cải thiện và tăng cường hệ thống pháp luật của Việt Nam bằng cách cung cấp những kinh nghiệm chuyên môn cho cán bộ đối tác Việt Nam tham gia vào quá trình soạn thảo và thi hành pháp luật. Dự án sẽ góp phần nâng cao kiến thức, năng lực làm việc cho các Thẩm phán, kiểm sát viên, luật sư và cán bộ hữu quan khác của Việt Nam, thông qua việc hỗ trợ các chương trình đào tạo.

Thời gian thực hiện Dự án hợp tác bắt đầu từ 01/12/1996 đến 30/11/1999.

Báo Pháp luật ngày 08/11/1996

NGÀY 12 THÁNG 11 NĂM 1996

Quốc hội thông qua Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật

Để nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác xây dựng pháp luật, kịp thời thể chế hoá đường lối, chính sách của Đảng, đáp ứng yêu cầu quản lý xã hội bằng pháp luật, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật đã được Quốc hội khoá IX, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 12/11/1996. Luật gồm 10 chương với 87 điều quy định thẩm quyền, thủ tục và trình tự ban hành văn bản quy phạm pháp luật Việt Nam, bao gồm: những quy định chung; cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành và hình thức văn bản quy phạm pháp luật; văn bản quy phạm pháp luật của Quốc hội, Uỷ ban Thường vụ Quốc hội; văn bản quy phạm pháp luật của Chủ tịch nước; văn bản quy phạm pháp luật của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; văn bản quy phạm pháp luật của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao; văn bản quy phạm pháp luật liên tịch; hiệu lực của văn bản quy phạm pháp luật và nguyên tắc áp dụng văn bản quy phạm pháp luật; giám sát, kiểm tra, kiểm sát và xử lý văn bản trái pháp luật.

Luật có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/1997.

Công báo số 2 ngày 31/01/1997, tr. 76 - 92

NGÀY 19 THÁNG 11 NĂM 1996

Bộ Tư pháp báo cáo Thủ tướng Chính phủ về cải cách hành chính trong Ngành Tư pháp

Báo cáo tập trung đánh giá một số kết quả đạt được trong việc cải cách hành chính trên các lĩnh vực công tác của Ngành như: xây dựng văn bản; công chứng; thi hành án dân sự; quản lý luật sư - tư vấn pháp luật; giám định tư pháp; hộ tịch, quốc tịch; quản lý về mặt tổ chức Tòa án địa phương; xây dựng đội ngũ công chức, viên chức hành chính Ngành Tư pháp; và một số lĩnh vực công tác khác của Bộ Tư pháp.

Báo cáo cũng đưa ra một số kiến nghị nhằm đẩy mạnh quá trình thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính trong năm 1997 và những năm tới.

Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 20 ĐẾN NGÀY 25 THÁNG 11 NĂM 1996

Bộ Tư pháp tổ chức lớp bồi dưỡng về kiến thức pháp luật và kỹ năng hành nghề cho luật sư các tỉnh, thành phía Bắc

Lớp bồi dưỡng được tổ chức tại Hà Nội. Tham dự lớp có các luật sư của Đoàn luật sư các tỉnh, thành phố phía Bắc. Bộ trưởng Bộ Tư pháp Nguyễn Đình Lộc đã đến khai giảng lớp học. Các học viên tham dự lớp học đã được nghe các bài giảng của chuyên gia Việt Nam và một số tham luận của luật sư nước ngoài về những vấn đề pháp lý chung và kinh nghiệm hành nghề luật sư.

Tạp chí Dân chủ và Pháp luật số 12 năm 1996

NGÀY 22 THÁNG 11 NĂM 1996

Bộ Tư pháp và Tòa án nhân dân tối cao ban hành Thông tư liên tịch số 236/TT-LN hướng dẫn thực hiện công tác chia, tách tỉnh đối với Tòa án nhân dân địa phương

Theo hướng dẫn trong Thông tư, công tác chia, tách tỉnh đối với Tòa án nhân dân địa phương được thực hiện như sau:

- Các Tòa án nhân dân tỉnh có thể tiến hành sớm, hoàn thành trước ngày 01/01/1997. Đơn vị chậm nhất cũng phải hoàn thành chia, tách, bàn giao trước ngày 01/3/1997.

- Trước mắt do điều kiện cán bộ còn thiếu cần phải hình thành ngay Tòa dân sự, Tòa hình sự, và một số bộ phận giúp việc cần thiết khác để đảm bảo hoạt động bình thường. Các toà và bộ phận khác có thể tạm thời kiêm nhiệm. Trên cơ sở chỉ tiêu biên chế được Bộ Tư pháp phân bổ năm 1996, cần ưu tiên tuyển dụng cho tỉnh được chia tách.

- Những vụ án, vụ kiện... đã thụ lý đến trước ngày bàn giao tách tỉnh và kết thúc điều tra, có quyết định đưa ra xét xử thì do Tòa án nhân dân cấp tỉnh, thành phố cũ xét xử toàn bộ; nếu đã thụ lý nhưng tính đến ngày bàn giao còn đang điều tra (chưa kết thúc điều tra) thì bàn giao sang Tòa án tỉnh mới tách giải quyết tiếp, theo quy định về thẩm quyền xét xử của pháp luật tố tụng.

- Đối với công tác thi hành án phạt tù, tất cả các vụ án, vụ kiện đã có hiệu lực pháp luật tính đến ngày bàn giao tách tỉnh chưa đưa ra thi hành, hoặc đang tiến hành dở dang đều phải kiểm kê lập biên bản bàn giao theo địa hạt tỉnh mới tách.

- Tòa án nhân dân tỉnh mới chỉ lưu trữ hồ sơ vụ án xét xử từ ngày chia, tách.
- Chánh án Tòa án nhân dân tỉnh cũ và mới cần phối hợp lập danh sách Hội thẩm Tòa án nhân dân báo cáo cấp uỷ cho ý kiến về dự kiến chia, tách.
- Chánh án Tòa án nhân dân tỉnh cũ phải kiểm kê tài sản và tài chính sau đó lên kế hoạch phân chia với nguyên tắc đảm bảo đoàn kết tương trợ lẫn nhau, ưu tiên đối với đơn vị mới tách.

Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 27 THÁNG 11 NĂM 1996

Bộ Tư pháp ban hành Thông tư số 1611/TT hướng dẫn thực hiện việc chia, tách tỉnh đối với cơ quan tư pháp địa phương

Bộ Tư pháp hướng dẫn các cơ quan tư pháp địa phương thực hiện một số điểm dưới đây:

1. *Đối với Phòng Thi hành án:* Giám đốc Sở Tư pháp cần dự kiến ngay khung cán bộ lãnh đạo của hai đơn vị mới, lập và gửi ngay danh sách dự kiến phân chia, bố trí cán bộ của hai Phòng Thi hành án sau khi chia tách về Bộ Tư pháp; xây dựng đề án trình lãnh đạo Bộ về việc thành lập đơn vị mới; đăng ký địa điểm trụ sở làm việc, làm thủ tục khắc dấu cho Phòng Thi hành án và chuẩn bị đầy đủ mọi điều kiện cần thiết tối thiểu cho các đơn vị sau khi chia tách hoạt động được ngay. Tạm thời dừng việc tuyển dụng trong thời gian chia tách. Giám đốc Sở Tư pháp chịu trách nhiệm trực tiếp chỉ đạo việc phân chia và bàn giao sổ sách, hồ sơ, tang tài vật, phương tiện, cơ sở vật chất của Phòng Thi hành án.

2. *Đối với các Sở Tư pháp, Phòng công chứng hộ tịch và Đoàn luật sư:* Giám đốc Sở Tư pháp chịu trách nhiệm trực tiếp chỉ đạo và hướng dẫn các đơn vị Phòng công chứng, hộ tịch, Đoàn luật sư trong việc phân chia tổ chức cán bộ, sổ sách hồ sơ nghiệp vụ của các đơn vị này, lập phương án báo cáo UBND tỉnh xem xét quyết định việc phân chia cán bộ, phương tiện của Phòng công chứng; ưu tiên cán bộ, bố trí những cán bộ có kinh nghiệm trong quản lý và đăng ký hộ tịch cho tỉnh mới được thành lập. Khi tiến hành việc chia tách tỉnh, Đoàn luật sư của tỉnh cũ tiếp tục duy trì hoạt động cho đến khi thành lập Đoàn luật sư của tỉnh mới. Việc chia tách Sở Tư pháp do UBND tỉnh chỉ đạo thực hiện. Đồng chí Giám đốc Sở Tư pháp tỉnh cũ cần báo cáo danh sách cán bộ lãnh đạo Sở ở các tỉnh mới theo dự kiến phân chia và phân công cán bộ của UBND tỉnh về Bộ Tư pháp để kịp thời liên hệ, chỉ đạo công tác.

Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 19 THÁNG 12 NĂM 1996

**Chính phủ ban hành Nghị định số 86-CP về việc ban hành Quy chế
Bán đấu giá tài sản**

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tư pháp, ngày 19/12/1996, Chính phủ ban hành Nghị định số 86-CP về việc ban hành Quy chế Bán đấu giá tài sản. Quy chế gồm 31 điều chia làm 3 chương gồm những quy định chung, các quy định về người bán đấu giá và thủ tục bán đấu giá, áp dụng cho việc bán đấu giá tài sản thông qua tổ chức dịch vụ bán đấu giá của Nhà nước và các tổ chức kinh doanh dịch vụ bán đấu giá chuyên nghiệp. Người bán đấu giá là Trung tâm dịch vụ bán đấu giá do Sở Tư pháp trực tiếp quản lý, là đơn vị hành chính sự nghiệp có thu, có tư cách pháp nhân, có tài khoản riêng và con dấu riêng. Người bán đấu giá cũng có thể là doanh nghiệp nhà nước, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần hoạt động bán đấu giá chuyên nghiệp và không kinh doanh ngành nghề khác do Sở Tư pháp quản lý về nghiệp vụ. Trước khi tiến hành bán đấu giá, người bán đấu giá phải niêm yết việc bán đấu giá. Việc bán đấu giá bất động sản và động sản có giá khởi điểm từ mười triệu đồng trở lên thì bắt buộc phải được thông báo công khai. Quy chế cũng quy định về những người không được tham gia đấu giá, việc tiến hành bán đấu giá, rút lại giá đã trả, từ chối mua, đăng ký quyền sở hữu, lệ phí, chi phí, việc chịu rủi ro của người bán và người mua tài sản, trách nhiệm về giá trị, chất lượng của tài sản bán đấu giá, việc giải quyết khiếu nại, tranh chấp...

Công báo số 4 ngày 28/02/1997, tr. 234 - 239

NĂM 1997

NGÀY 15 THÁNG 01 NĂM 1997

Hội nghị tổng kết Ngành Tư pháp năm 1996

Hội nghị được khai mạc vào ngày 15/01/1997 tại thành phố Hồ Chí Minh nhằm tổng kết công tác năm 1996 và đề ra phương hướng công tác năm 1997.

Tổng kết công tác năm 1996, Báo cáo tại Hội nghị đã tập trung đánh giá những kết quả đạt được cũng như những tồn tại, khó khăn trên các lĩnh vực công tác của Ngành như: xây dựng, rà soát, hệ thống hoá văn bản pháp luật; quản lý Tòa án địa phương về mặt tổ chức; thi hành án dân sự; quản lý ngân sách Ngành; công tác hỗ trợ tư pháp, phổ biến, giáo dục pháp luật, trọng tài kinh tế; hợp tác quốc tế; nghiên cứu khoa học pháp lý...

Để góp phần thực hiện các mục tiêu kế hoạch và nhiệm vụ của Chính phủ đề ra, phát huy những kết quả đã đạt được và khắc phục những tồn tại trong năm 1996, với tinh thần đổi mới nhằm tạo ra sự chuyển biến tích cực và sâu sắc trên các lĩnh vực công tác của Ngành, Báo cáo nêu rõ, công tác tư pháp năm 1997 cần được triển khai thực hiện theo những định hướng:

- Tổ chức quán triệt Nghị quyết Đại hội VIII của Đảng, tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VII về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, trọng tâm là cải cách một bước nền hành chính, thực hiện Nghị quyết lần thứ 3 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII (phần về thể chế nhà nước và cải cách tư pháp) trong Ngành Tư pháp; tăng cường công tác giáo dục tư tưởng, trau dồi đạo đức, bản lĩnh chính trị cho cán bộ tư pháp trong giai đoạn phát triển mới của đất nước.

- Tiếp tục xây dựng lực lượng, kiện toàn tổ chức và củng cố Ngành đáp ứng yêu cầu ngày càng cao và khẩn trương của nhiệm vụ trong thời kỳ mới.

- Triển khai các mặt công tác đi vào chiều sâu, chú trọng các công tác mới được triển khai và tập trung giải quyết các công tác trọng tâm, trọng điểm trong năm 1997.

- Đẩy mạnh cuộc đấu tranh chống tham nhũng, chống lãng phí, thực hành tiết kiệm trong toàn Ngành.

Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 23 ĐẾN NGÀY 24 THÁNG 01 NĂM 1997

Phiên họp lần thứ tư của Ủy ban định hướng Nhà pháp luật Việt - Pháp

Phiên họp lần thứ tư của Ủy ban Định hướng Nhà pháp luật Việt - Pháp được tổ chức tại Pa-ri, Pháp.

Đoàn Việt Nam do Bộ trưởng Bộ Tư pháp Nguyễn Đình Lộc dẫn đầu.

Tham gia phiên họp có đầy đủ các thành viên Việt Nam và Pháp trong Ủy ban Định hướng Nhà pháp luật Việt - Pháp theo quy định tại Hiệp định giữa Chính phủ Việt Nam và Chính phủ Cộng hoà Pháp về thành lập Nhà pháp luật Việt - Pháp ký ngày 10/02/1993.

Tại phiên họp, Ủy ban Định hướng đã nghe Ban Giám đốc Nhà pháp luật Việt - Pháp trình bày báo cáo hoạt động năm 1996 và dự kiến phương hướng hoạt động năm 1997 của Nhà pháp luật Việt - Pháp và các dự thảo Nghị quyết của Ủy ban định hướng. Các thành viên Ủy ban cũng tập trung trao đổi, thảo luận đưa ra những ý kiến nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của Nhà pháp luật Việt - Pháp. Cũng tại phiên họp này, phía Pháp đề nghị mở rộng thành phần của Ủy ban Định hướng.

Ngày 24/01/1997, hai Bộ trưởng Bộ Tư pháp Việt Nam và Pháp, đồng Chủ tịch Ủy ban Định hướng Nhà pháp luật Việt - Pháp đã ký Biên bản phiên họp, chính thức thông qua Báo cáo hoạt động năm 1996, phương hướng hoạt động năm 1997 và 5 nghị quyết của Ủy ban Định hướng Nhà pháp luật Việt - Pháp.

Nhân dịp này, Bộ trưởng Bộ Tư pháp cũng đã tiếp tục trao đổi và bàn bạc với Hội đồng Thừa phát lại quốc gia Pháp về khả năng hợp tác và hỗ trợ trong việc đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ thi hành án, tổ chức và hoạt động của nghề thừa phát lại và hai bên đã ký kết Bản ghi nhớ về hợp tác giữa Bộ Tư pháp Việt Nam và Hội đồng Thừa phát lại quốc gia Pháp.

Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 24 THÁNG 01 NĂM 1997

Chính phủ ban hành Chỉ thị số 51-TTg về việc tổ chức triển khai thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật

Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được Quốc hội khoá IX thông qua tại kỳ họp thứ 10 ngày 12/11/1996 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/1997. Đây là một trong những đạo luật quan trọng, quy định thẩm quyền, thủ tục và trình tự ban hành văn bản quy phạm pháp luật của các cơ quan nhà nước ở Trung ương; đồng thời, quy định các nguyên tắc chung làm cơ sở pháp lý cho việc ban hành các văn bản quy phạm pháp luật của chính quyền địa phương.

Để kịp thời triển khai thi hành Luật, Thủ tướng Chính phủ chỉ thị cho các bộ, ngành, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương triển khai thực hiện một số nhiệm vụ cụ thể.

Theo đó, Bộ Tư pháp có trách nhiệm:

- Chủ trì phối hợp với Văn phòng Chính phủ soạn thảo các nghị định: Nghị định ban hành Quy chế về thẩm định các dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của tổ chức pháp chế ngành; Nghị định về việc dịch văn bản quy phạm pháp luật ra tiếng nước ngoài.

- Xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, hướng dẫn cụ thể về nghiệp vụ cho cán bộ pháp chế của các bộ, ngành và địa phương.

- Chủ trì, phối hợp với Văn phòng Chính phủ chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc và hướng dẫn nghiệp vụ cho các bộ, ngành và địa phương trong việc thực hiện có hiệu quả kế hoạch tổng rà soát và hệ thống hoá văn bản quy phạm pháp luật trong hai năm 1997-1998 theo kế hoạch chung của Chính phủ kèm theo Chỉ thị này.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức hữu quan khẩn trương soạn thảo để sớm trình Chính phủ dự án Luật thẩm quyền, trình tự và thủ tục ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân.

Công báo số 5 ngày 15/3/1997, tr. 316 - 317

NGÀY 27 ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 01 NĂM 1997

Đoàn đại biểu Bộ Tư pháp Việt Nam sang thăm và làm việc tại Cu-ba

Đoàn do Bộ trưởng Bộ Tư pháp Nguyễn Đình Lộc dẫn đầu.

Trong thời gian ở thăm và làm việc tại Cu-ba, Đoàn đại biểu Bộ Tư pháp nước ta đã có buổi hội đàm với Đoàn đại biểu của Bộ Tư pháp Cu-ba. Tại buổi hội đàm, hai bên đã tập trung trao đổi về kinh nghiệm xây dựng, hoàn thiện pháp luật và tổ chức hệ thống các cơ quan tư pháp trong tình hình mới phục vụ nhiệm vụ chính trị ở mỗi nước.

Ngày 29/01/1997, Bộ trưởng Bộ Tư pháp Nguyễn Đình Lộc và Bộ trưởng Bộ Tư pháp Cu-ba đã ký kết Nghị định thư hợp tác giữa Bộ Tư pháp hai nước.

Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 17 ĐẾN NGÀY 21 THÁNG 02 NĂM 1997

Đoàn đại biểu Bộ Tư pháp Cộng hoà nhân dân Trung Hoa sang thăm Việt Nam

Đoàn do Thứ trưởng Bộ Tư pháp Tiêu Kiến Chương dẫn đầu.

Trong thời gian ở thăm và làm việc tại Việt Nam, Đoàn đã có buổi hội đàm với Bộ Tư pháp Việt Nam. Tại buổi hội đàm với Bộ Tư pháp, hai bên đã trao đổi kinh nghiệm trong công tác xây dựng pháp luật, bày tỏ mong muốn thiết lập quan hệ hợp tác giữa Bộ Tư pháp Việt Nam và Bộ Tư pháp Trung Quốc. Khẳng định mối quan hệ hữu nghị giữa hai nước sẽ làm nền tảng cho quan hệ giữa hai Ngành Tư pháp Việt - Trung.

Báo Pháp luật ngày 07/3/1997; Tin Tư pháp số 2 năm 1997

NGÀY 21 ĐẾN NGÀY 22 THÁNG 02 NĂM 1997

Đảng Bộ cơ quan Bộ Tư pháp tiến hành Đại hội lần thứ 5

Đến dự Đại hội có ông Quách Lê Thanh, Bí thư Đảng uỷ Khối cơ quan Nội chính Trung ương, ông Đỗ Văn Xuân, Phó Bí thư, đại diện một số ban Đảng ở Trung ương, 139 đảng viên thuộc Đảng bộ cơ quan Bộ và một số Đảng viên lão thành đã nghỉ hưu. Thay mặt Ban Chấp hành Đảng uỷ cơ quan Bộ, ông Nguyễn Văn Sản, Bí thư Đảng uỷ đã đọc báo cáo kiểm điểm công tác Đảng bộ cơ quan Bộ Tư pháp trong nhiệm kỳ vừa qua và phương hướng nhiệm vụ Đảng bộ trong nhiệm kỳ mới.

Báo Pháp luật số 17 ngày 28/02/1997

NGÀY 17 THÁNG 3 NĂM 1997

Thủ tướng Chính phủ Võ Văn Kiệt đến thăm và làm việc với Bộ Tư pháp

Tại buổi làm việc, Bộ Tư pháp đã báo cáo Thủ tướng về kết quả công tác tư pháp trong những năm qua và kiến nghị đổi mới hoạt động công tác tư pháp trong thời gian tới. Cũng tại buổi làm việc, Thủ tướng đã giao cho Bộ Tư pháp cùng với các bộ, ngành liên quan thực hiện một số vấn đề quan trọng thuộc chức năng, nhiệm vụ của Ngành Tư pháp.

Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 07 THÁNG 4 NĂM 1997

Bộ Tư pháp ban hành Thông tư số 399/PLDSKT hướng dẫn một số quy định về bán đấu giá tài sản

Để thi hành Nghị định số 86-CP ngày 19/12/1996 của Chính phủ về việc ban hành Quy chế Bán đấu giá tài sản, Bộ Tư pháp hướng dẫn một số vấn đề về thành lập Trung tâm dịch vụ bán đấu giá tài sản thuộc Sở Tư pháp; phân định rõ nhiệm

vụ, quyền hạn của Bộ Tư pháp, Chủ tịch UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Giám đốc Sở Tư pháp, Giám đốc Trung tâm trong lĩnh vực quản lý và thực hiện việc bán đấu giá tài sản; một số vấn đề về thủ tục bán đấu giá tài sản.

Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 10 THÁNG 5 NĂM 1997

Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá IX, kỳ họp thứ 11 thông qua Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự

Bộ luật Hình sự năm 1985 do được xây dựng và ban hành trong bối cảnh tình hình kinh tế xã hội của đất nước và tình hình quốc tế có nhiều điểm khác cơ bản so với giai đoạn này, mặc dù đã được sửa đổi, bổ sung một số lần nhưng trong thời điểm này Bộ luật Hình sự không còn đáp ứng yêu cầu để đấu tranh có hiệu quả phòng, chống tội phạm.

Ngày 24/02/1993, Ủy ban Thường vụ Quốc hội ra quyết định thành lập Ban soạn thảo Bộ luật Hình sự (sửa đổi) gồm Bộ Tư pháp, Bộ Nội vụ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

Ngày 13/10/1994, Bộ Tư pháp báo cáo Thủ tướng Chính phủ về Dự án Bộ luật Hình sự (sửa đổi). Theo báo cáo này, trước mắt Ban soạn thảo xây dựng dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự, đồng thời sẽ tiếp tục nghiên cứu, ban hành pháp luật hình sự mới với những thay đổi cơ bản hơn.

Ngày 04/01/1997, Bộ Tư pháp trình Thủ tướng Chính phủ Tờ trình số 15/PLHS-HC về dự án Bộ luật Hình sự (sửa đổi).

Ngày 10/5/1997, Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá IX, kỳ họp thứ 11 thông qua Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự, trong đó: sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự có liên quan đến tình tiết tăng nặng, hình phạt bổ sung.

Luật sửa đổi, bổ sung một số điều, khoản của Bộ luật Hình sự về các tội phạm như: tội tham ô tài sản xã hội chủ nghĩa; tội lợi dụng chức vụ, quyền hạn lừa đảo chiếm đoạt tài sản xã hội chủ nghĩa; tội lợi dụng chức vụ, quyền hạn sử dụng trái phép tài sản xã hội chủ nghĩa; tội lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản của công dân; tội lập quỹ trái phép; tội lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ; tội lạm quyền trong khi thi hành công vụ; tội giả mạo trong công tác; tội nhận hối lộ; tội đưa hối lộ; tội làm môi giới hối lộ; tội lợi dụng chức vụ, quyền hạn gây ảnh hưởng với người khác để trục lợi. Luật bổ sung Chương VIIA “Các tội phạm về ma túy” vào “Phần các tội phạm”; sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự về tội phạm tình dục đối với người chưa thành niên; thay thế một số điều thuộc “Phần các tội phạm” của Bộ luật Hình sự.

Ngày 22/05/1997, Chủ tịch nước đã ký Lệnh số 57-L/CTN công bố Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự.

Công báo số 13 ngày 15/7/1997, tr. 830 - 845

NGÀY 14 THÁNG 5 NĂM 1997

Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Chỉ thị số 513/CT-TP ngày 14/5/1997 về việc thực hiện ý kiến kết luận của Thủ tướng Chính phủ tại buổi làm việc với Bộ Tư pháp ngày 17/3/1997

Theo đó, Bộ Tư pháp chỉ thị cho các đơn vị thuộc Bộ, các cơ quan tư pháp địa phương thực hiện các nhiệm vụ sau:

1. **Đẩy mạnh công tác xây dựng pháp luật:** kiện toàn lực lượng cán bộ thuộc các đơn vị xây dựng pháp luật; ban hành kịp thời và đồng bộ các văn bản pháp luật để hướng dẫn thi hành luật, pháp lệnh;
2. **Tăng cường công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và giám sát thi hành pháp luật.**
3. **Chấn chỉnh một bước về đào tạo luật,** sớm hoàn chỉnh đề án thành lập Trường Đào tạo Thẩm phán và các chức danh tư pháp khác.
4. **Thực hiện tốt nhiệm vụ của Chính phủ giao:** về quản lý Tòa án nhân dân địa phương về mặt tổ chức, thi hành án dân sự; công tác luật sư, tư vấn pháp luật,...
5. **Khẩn trương hoàn chỉnh Đề án thành lập Trung tâm Trợ giúp pháp lý,** Quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm Trợ giúp pháp lý để trình Chính phủ; xây dựng đề án thành lập Nhà xuất bản Pháp lý để trình Thủ tướng Chính phủ xem xét quyết định, nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng lớn về xuất bản sách, báo, tài liệu pháp luật, góp phần vào việc phổ biến, giáo dục pháp luật trong những năm tới.

Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 15 THÁNG 5 NĂM 1997

Bộ Tư pháp báo cáo Thủ tướng Chính phủ về tình hình tổ chức và hoạt động của các chi nhánh tổ chức luật sư nước ngoài tại Việt Nam trong năm 1996

Theo đó, Báo cáo cho biết: sau khi Nghị định số 42-CP ngày 08/7/1995 của Chính phủ về Quy chế Hành nghề tư vấn pháp luật của tổ chức luật sư nước ngoài tại Việt Nam được ban hành, cho đến thời điểm này, Bộ Tư pháp đã tổ chức được 4 đợt cấp giấy phép cho 25 tổ chức luật sư nước ngoài đặt 41 chi nhánh tại Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh. Trong việc thực hiện quản lý nhà nước đối với các chi nhánh: Bộ Tư pháp đã phối hợp chặt chẽ với Bộ Tài chính

trong việc ban hành Thông tư số 04 TC/TCT ngày 23/01/1997 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điểm về chính sách thuế đối với các chi nhánh tổ chức luật sư nước ngoài hoạt động tại Việt Nam; trao đổi ý kiến và đề nghị với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đưa các chi nhánh tổ chức luật sư nước ngoài vào đối tượng áp dụng trong quá trình soạn thảo Thông tư số 09/LĐTBXH-TT ngày 18/3/1997 hướng dẫn thực hiện việc cấp giấy phép lao động cho người nước ngoài làm việc tại các doanh nghiệp, tổ chức Việt Nam; cùng Tổng công ty Bảo hiểm Việt Nam nghiên cứu quy định việc tham gia bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp của các luật sư...

Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 20 THÁNG 5 NĂM 1997

Bộ Tư pháp báo cáo Thủ tướng Chính phủ về việc thực hiện Nghị định số 31-CP về tổ chức và hoạt động Công chứng nhà nước

Theo đó, Bộ Tư pháp đã báo cáo cụ thể về những kết quả đạt được, những khó khăn trong việc triển khai thực hiện Nghị định số 31-CP ngày 18/5/1996 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động Công chứng nhà nước, đồng thời đưa ra các đề xuất, kiến nghị với Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung Nghị định số 31-CP; ban hành Nghị định về đăng ký tài sản và đăng ký thế chấp tài sản; chỉ đạo UBND các cấp cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu tài sản mà theo quy định của pháp luật phải đăng ký quyền sở hữu; cho phép các Phòng Công chứng nhà nước giữ lại số tiền lệ phí công chứng thu được trong thời gian từ 3 năm đến 5 năm để cải tạo, xây dựng mở rộng trụ sở phù hợp với nhiệm vụ được giao, góp phần cải thiện môi trường làm việc và tiếp dân.

Báo cáo số 535/CC, Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 28 THÁNG 5 NĂM 1997

Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 355-TTg về việc thành lập Ban chỉ đạo của Chính phủ về tổng rà soát và hệ thống hoá văn bản quy phạm pháp luật

Theo đó, Ban chỉ đạo của Chính phủ về tổng rà soát và hệ thống hoá văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Tư pháp làm Trưởng ban. Đồng thời, Quyết định cũng quy định rõ nhiệm vụ, quyền hạn của Ban chỉ đạo, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong việc tổ chức triển khai công tác tổng rà soát và hệ thống hoá văn bản quy phạm pháp luật theo kế hoạch của Thủ tướng Chính phủ (kèm theo Quyết định này).

Công báo số 14 ngày 31/7/1997, tr. 922 - 926

NGÀY 04 THÁNG 6 NĂM 1997

Bộ Tư pháp và Bộ Tài chính ban hành Thông tư liên tịch số 119/TT-LT hướng dẫn kê biên tài sản của doanh nghiệp để đảm bảo thi hành án

Để thi hành nghiêm chỉnh các bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án, căn cứ vào Điều 15 Nghị định số 69-CP ngày 18/10/1993 của Chính phủ, Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính thống nhất hướng dẫn việc kê biên tài sản của các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế để bảo đảm thi hành án. Về nguyên tắc, Thông tư liên tịch quy định: cơ quan thi hành án chỉ kê biên tài sản của doanh nghiệp phải thi hành án nếu sau khi đã áp dụng các biện pháp cưỡng chế mà vẫn không đủ để thi hành án. Trong tổng số tài sản được phép kê biên, tài sản không trực tiếp tham gia sản xuất kinh doanh được kê biên trước và Chấp hành viên chỉ kê biên số tài sản đủ để thi hành án và các chi phí cưỡng chế cần thiết. Nếu những tài sản này không đủ để thi hành thì mới kê biên các tài sản dùng cho sản xuất - kinh doanh. Trước khi tiến hành kê biên, cơ quan thi hành án phải tiến hành xác minh tài sản của doanh nghiệp phải thi hành án và phải báo trước cho doanh nghiệp phải thi hành án biết trước ít nhất 3 ngày. Thông tư cũng quy định cụ thể các biện pháp cưỡng chế hành chính, các loại tài sản không được kê biên, trình tự, thủ tục kê biên.

Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 06 THÁNG 6 NĂM 1997

Chính phủ ban hành Nghị định số 60-CP hướng dẫn thi hành các quy định của Bộ luật Dân sự về quan hệ dân sự có yếu tố nước ngoài

Trong thực tiễn gần một năm thi hành Bộ luật Dân sự, các cơ quan nhà nước, đặc biệt là Tòa án và các cơ quan tư pháp, còn tỏ ra lúng túng trong việc xác định pháp luật áp dụng đối với quan hệ dân sự có yếu tố nước ngoài được quy định tại Phần thứ bảy Bộ luật Dân sự năm 1995. Để ổn định và tăng cường quan hệ dân sự quốc tế, thực hiện chính sách đối ngoại rộng mở của Đảng và Nhà nước, việc ban hành Nghị định để hướng dẫn về vấn đề này là hết sức cần thiết. Thực hiện nhiệm vụ Chính phủ giao, Bộ Tư pháp đã chủ trì xây dựng dự thảo Nghị định, lấy ý kiến đóng góp của Bộ Ngoại giao, Bộ Thương mại, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Bộ Văn hoá - Thông tin, Bộ Giao thông vận tải, Cục Hàng không dân dụng Việt Nam và các bộ, ngành khác có liên quan.

Ngày 09/5/1997, Bộ Tư pháp trình Thủ tướng Chính phủ Tờ trình số 160/PLQT Dự thảo Nghị định của Chính phủ hướng dẫn thi hành các quy định của Bộ luật Dân sự về quan hệ dân sự có yếu tố nước ngoài.

Ngày 06/6/1997, Chính phủ ban hành Nghị định số 60-CP hướng dẫn thi hành

các quy định của Bộ luật Dân sự về quan hệ dân sự có yếu tố nước ngoài. Nghị định gồm 3 chương 15 điều. Theo Nghị định, người nước ngoài là người không có quốc tịch Việt Nam, bao gồm công dân nước ngoài và người không có quốc tịch; pháp nhân nước ngoài là tổ chức có tư cách pháp nhân theo quy định của pháp luật nước ngoài. Nghị định quy định việc áp dụng pháp luật dân sự Việt Nam, điều ước quốc tế, tập quán quốc tế, pháp luật nước ngoài khi giải quyết các quan hệ dân sự có yếu tố nước ngoài. Việc xác lập, chấm dứt quyền sở hữu, nội dung quyền sở hữu đối với tài sản, hợp đồng dân sự, việc bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng, về quyền tác giả, quyền sở hữu công nghiệp, chuyển giao công nghệ.

Công báo số 14 ngày 31/7/1997, tr. 913 - 916

NGÀY 12 THÁNG 6 NĂM 1997

Chính phủ ban hành Nghị định số 70-CP về án phí, lệ phí Tòa án

Nghị định được ban hành theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tư pháp. Nghị định gồm 8 chương với 40 điều quy định về án phí hình sự, dân sự, kinh tế, lao động, hành chính; lệ phí cấp bản sao bản án, quyết định, trích lục bản án, quyết định, bản sao giấy chứng nhận xoá án; lệ phí nộp đơn yêu cầu Tòa án Việt Nam công nhận và cho thi hành tại Việt Nam bản án, quyết định dân sự của Tòa án nước ngoài; lệ phí nộp đơn yêu cầu Tòa án Việt Nam không công nhận bản án, quyết định dân sự của Tòa án nước ngoài không có yêu cầu thi hành tại Việt Nam; lệ phí nộp đơn yêu cầu Tòa án Việt Nam công nhận và cho thi hành tại Việt Nam quyết định của Trọng tài nước ngoài; lệ phí giải quyết việc phá sản doanh nghiệp; lệ phí nộp đơn yêu cầu Tòa án kết luận cuộc đình công hợp pháp hoặc bất hợp pháp.

Nghị định này thay thế Nghị định số 117-CP ngày 07/9/1994 về án phí, lệ phí Tòa án.

Công báo số 15 ngày 15/8/1997, tr. 967 - 974

NGÀY 14 THÁNG 6 NĂM 1997

Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 418-TTg về chế độ trang phục đối với cán bộ, nhân viên thi hành án dân sự

Theo đó, cán bộ, nhân viên công tác tại Cục Quản lý thi hành án dân sự Bộ Tư pháp và cán bộ, nhân viên (trừ Chấp hành viên) công tác tại các cơ quan thi hành án dân sự địa phương được cấp phát trang phục.

Công báo số 15 ngày 15/8/1997, tr. 1000 - 1001

NGÀY 18 THÁNG 6 NĂM 1997

Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá VIII đề cập đến một số việc cần làm trong việc thực hiện nhiệm vụ về cải cách tư pháp

Nghị quyết về “phát huy quyền làm chủ của nhân dân, tiếp tục xây dựng nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong sạch, vững mạnh” được thông qua tại Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII... đã nhấn mạnh một số việc chính cần làm trong việc thực hiện nhiệm vụ về cải cách tư pháp, theo đó, Nghị quyết nêu rõ:

- Hoạt động tư pháp phải nhằm đấu tranh nghiêm trị các tội chống Tổ quốc, chống chế độ, tội tham nhũng và các tội hình sự khác, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của công dân.

- Tòa án nhân dân:

- + Thực hiện nguyên tắc 2 cấp xét xử. Bỏ thủ tục xét xử sơ chung thẩm của Tòa án nhân dân tối cao và Tòa án dân sự Trung ương. Nghiên cứu áp dụng thủ tục rút gọn để xét xử kịp thời một số dự án đơn giản, rõ ràng;

- + Tòa án nhân dân tối cao tập trung vào công tác tổng kết xét xử, hướng dẫn các toà án áp dụng pháp luật thống nhất và làm tốt chức năng giám đốc xét xử. Đổi mới thủ tục giám đốc thẩm để bảo đảm việc xét xử vừa đúng đắn và nhanh chóng;

- + Nghiên cứu phân cấp thẩm quyền bổ nhiệm thẩm phán toà án cấp tỉnh và toà án cấp huyện; đồng thời căn cứ vào tình hình đội ngũ cán bộ hiện nay và điều chỉnh tiêu chuẩn tuyển chọn cho phù hợp để kịp thời bổ sung đủ thẩm phán cho toà án cấp huyện và toà án cấp tỉnh.

- Kiện toàn các tổ chức thi hành án, bảo đảm thi hành đầy đủ, nhanh chóng các bản án và quyết định của Tòa án, của tổ chức trọng tài; chấn chỉnh các trại giam để giáo dục, cải tạo tốt phạm nhân. Chuẩn bị các điều kiện để tiến tới giao cho một cơ quan quản lý tập trung thống nhất công tác thi hành án.

- Nghiên cứu việc thành lập cảnh sát tư pháp để thực hiện nhiệm vụ bảo vệ phiên toà, phục vụ công tác thi hành án, dẫn giải bị can, bị cáo, quản lý các trại giam...

- Củng cố và tăng cường các tổ chức hỗ trợ tư pháp.

- Xây dựng đội ngũ cán bộ tư pháp trong sạch, vững mạnh. Lập quy hoạch tuyển chọn, đào tạo, sử dụng cán bộ tư pháp theo từng loại chức danh với tiêu chuẩn cụ thể. Nâng cao chất lượng của hội thẩm nhân dân...

Tư liệu lưu trữ Văn phòng Trung ương Đảng

NGÀY 19 THÁNG 6 NĂM 1997

Toà án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính ban hành Thông tư liên tịch số 01-TT/LT hướng dẫn việc xét xử và thi hành án về tài sản

Thông tư hướng dẫn việc xét xử và thi hành án về tài sản trong trường hợp đối tượng của nghĩa vụ về tài sản là các khoản tiền, vàng hoặc hiện vật, việc gây thiệt hại hoặc phát sinh nghĩa vụ dân sự xảy ra trước hoặc sau ngày 01/7/1996 (ngày Bộ luật Dân sự có hiệu lực). Thông tư liên tịch cũng quy định việc bảo vệ quyền lợi cho bên được thi hành án, theo đó, Toà án không tự ấn định trong bản án, quyết định thời điểm hoặc thời hạn bên có nghĩa vụ thi hành.

Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 14 VÀ 15 THÁNG 8 NĂM 1997

Bộ Tư pháp mở Hội nghị tập huấn Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự

Tại thành phố Nha Trang tỉnh Khánh Hòa, Bộ Tư pháp phối hợp cùng Ban Nội chính Trung ương, Ủy ban Bảo vệ và chăm sóc trẻ em Việt Nam tổ chức Hội nghị tập huấn Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự được Quốc hội khóa IX, kỳ họp thứ 11 thông qua ngày 10/5/1997.

Tham dự Hội nghị có gần 300 đại biểu là Giám đốc, Phó Giám đốc, cán bộ làm công tác phổ biến, giáo dục pháp luật của 61 Sở Tư pháp; Trưởng, Phó ban và chuyên viên nội chính các tỉnh, thành uỷ; Chủ nhiệm, Phó Chủ nhiệm và cán bộ Ủy ban Bảo vệ và chăm sóc trẻ em Việt Nam toàn quốc.

Hội nghị đã tập trung nghiên cứu, quán triệt chính sách hình sự của Đảng, Nhà nước ta trong đấu tranh phòng chống các tội tham nhũng, ma túy và xâm phạm tình dục đối với người chưa thành niên; tìm hiểu sâu về tình hình các tội tham nhũng, ma túy và xâm phạm tình dục đối với người chưa thành niên và nội dung cơ bản của các điều luật mới được sửa đổi, bổ sung; nghe giới thiệu Nghị định của Chính phủ ban hành Quy chế giáo dục tại xã, phường, thị trấn đối với những người vi phạm pháp luật, Quy chế về cơ sở chữa bệnh theo Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính...

Tin Tư pháp số 7 năm 1997

NGÀY 06 THÁNG 9 NĂM 1997

Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 734/TTg về việc thành lập tổ chức trợ giúp pháp lý cho người nghèo và đối tượng chính sách

Theo Quyết định này, Cục Trợ giúp pháp lý thuộc Bộ Tư pháp có nhiệm vụ

giúp Bộ trưởng Bộ Tư pháp quản lý nhà nước về trợ giúp pháp lý miễn phí cho người nghèo và các đối tượng chính sách. Cục Trợ giúp pháp lý có tư cách pháp nhân, có con dấu, kinh phí hoạt động do ngân sách nhà nước cấp, có tài khoản tại Kho bạc Nhà nước, trụ sở tại thành phố Hà Nội.

Ở các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được thành lập tổ chức trợ giúp pháp lý miễn phí cho người nghèo và các đối tượng chính sách trực thuộc Sở Tư pháp. Tổ chức trợ giúp pháp lý thuộc Sở Tư pháp là tổ chức sự nghiệp, kinh phí hoạt động do ngân sách nhà nước cấp. Cục Trợ giúp pháp lý và tổ chức trợ giúp pháp lý thuộc Sở Tư pháp được sử dụng cộng tác viên.

Ngày 24/10/1997, Bộ trưởng Bộ Tư pháp ra Quyết định số 752/QĐ-TCCB thành lập Cục Trợ giúp pháp lý.

Công báo số 20 ngày 31/10/1997, tr. 1337 - 1338; Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

Chính phủ ban hành Nghị định số 94-CP về tổ chức pháp chế ở các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ

Nghị định được ban hành theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tư pháp và Bộ trưởng, Trưởng ban Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ. Nghị định gồm 3 chương với 9 điều. Theo quy định tại Nghị định này, các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ có chức năng quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực công tác trong cả nước có Vụ Pháp chế hoặc Phòng Pháp chế. Vụ (Phòng) Pháp chế có chức năng giúp Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ thực hiện việc quản lý nhà nước bằng pháp luật trong ngành, lĩnh vực được giao; tổ chức thực hiện công tác xây dựng pháp luật, thẩm định, rà soát, hệ thống hoá văn bản quy phạm pháp luật, phổ biến, giáo dục pháp luật, kiểm tra việc thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật. Bộ trưởng Bộ Tư pháp có trách nhiệm hướng dẫn nghiệp vụ của tổ chức pháp chế bộ; bồi dưỡng nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ pháp chế bộ. Nghị định cũng quy định cụ thể tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn của tổ chức pháp chế bộ.

Công báo số 20 ngày 31/10/1997, tr. 1327 - 1328

NGÀY 23 THÁNG 9 NĂM 1997

Chính phủ ban hành Nghị định số 101-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật

Để bảo đảm hiệu quả công tác xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật, bảo đảm tiến độ ban hành văn bản và để Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật thật sự đi vào cuộc sống, ngày 12/5/1997, Bộ Tư pháp trình Thủ tướng Chính phủ Tờ trình số 507/PLHS-HC về Dự thảo Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Ngày 23/9/1997, Chính phủ ban hành Nghị định số 101-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Nghị định gồm 5 chương với 32 điều quy định chi tiết việc lập dự kiến chương trình của Quốc hội về xây dựng luật, pháp lệnh, chương trình của Chính phủ về xây dựng nghị quyết, nghị định; soạn thảo dự án luật, pháp lệnh, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; thẩm định và trình Chính phủ dự án luật, pháp lệnh, dự thảo nghị quyết, nghị định của Chính phủ và việc tham gia ý kiến về dự thảo quyết định, chỉ thị của Thủ tướng chính phủ.

Công báo số 21 ngày 15/11/1997, tr. 1391 - 1401

NGÀY 22 VÀ 23 THÁNG 10 NĂM 1997

Toạ đàm Luật Tố tụng hình sự của Thụy Điển

Được sự đồng ý của Lãnh đạo Bộ Tư pháp, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, sự giúp đỡ của SIDA Thụy Điển, trong hai ngày 22 và 23/10/1997 tại Bộ Tư pháp, Tổ biên tập Bộ luật Tố tụng hình sự (sửa đổi) đã tổ chức Toạ đàm về Luật Tố tụng hình sự Thụy Điển.

Tham dự Toạ đàm về phía Thụy Điển có ông Anders Stening, Phó giáo sư Luật học công tác tại Công ty Stening & Dyrsen và bà Margareta Bergstrom - Giảng viên khoa luật Trường Đại học Tổng hợp Umeo. Về phía Việt Nam, tham dự Toạ đàm có các thành viên của Tổ biên tập Bộ luật Tố tụng hình sự (sửa đổi), đại diện của Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao, Bộ Nội vụ, Tổng cục Hải quan và Bộ Tư pháp.

Tại toạ đàm các đại biểu tham dự đã được nghe và thảo luận một số nội dung như: Tổ chức hệ thống cơ quan điều tra, cơ quan tố tụng của Thụy Điển; thủ tục xét xử chung thẩm, thủ tục rút gọn, thủ tục giám đốc thẩm; thẩm quyền của các toà án cấp sơ thẩm; về cảnh sát tư pháp; về vấn đề quản lý thi hành án phạt tù và về tổ chức luật sư của Thụy Điển.

Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 21 THÁNG 11 NĂM 1997

Bộ trưởng Bộ Tư pháp Nguyễn Đình Lộc báo cáo Quốc hội về việc thực hiện công tác quản lý Tòa án nhân dân địa phương và công tác thi hành án trong năm 1997 tại kỳ họp thứ hai Quốc hội khóa X

Bộ trưởng đã báo cáo về những kết quả đạt được cũng như những khó khăn tồn tại trong công tác quản lý các Tòa án nhân dân địa phương về mặt tổ chức

(công tác tuyển dụng cán bộ; công tác bổ nhiệm thẩm phán...) cũng như tình hình thực hiện công tác thi hành án (việc thành lập cơ quan thi hành án; việc tuyển dụng và tiếp nhận công chức cho các cơ quan thi hành án; việc quản lý, chỉ đạo nghiệp vụ thi hành án...).

Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 12 ĐẾN NGÀY 18 THÁNG 12 NĂM 1997

Đoàn đại biểu Bộ Tư pháp do Bộ trưởng Bộ Tư pháp Nguyễn Đình Lộc dẫn đầu tới thăm và làm việc tại Trung Quốc

Nhận lời mời của Bộ trưởng Bộ Tư pháp Trung Quốc Tiêu Dương, Đoàn đại biểu Bộ Tư pháp nước ta do Bộ trưởng Nguyễn Đình Lộc dẫn đầu đã đi thăm và làm việc tại Trung Quốc. Đây là chuyến đi thăm Trung Quốc đầu tiên của Bộ trưởng Tư pháp nước ta kể từ khi Bộ Tư pháp được thành lập lại.

Trong thời gian ở thăm và làm việc tại Trung Quốc, Đoàn đại biểu Bộ Tư pháp nước ta đã có buổi hội đàm với Đoàn đại biểu Bộ Tư pháp Trung Quốc. Tại buổi hội đàm, hai bên đã giới thiệu về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức và hoạt động của Bộ Tư pháp mỗi nước; trao đổi kinh nghiệm về đổi mới pháp luật và hệ thống tư pháp phục vụ công cuộc cải cách kinh tế, trao đổi ý kiến về khả năng hợp tác giữa hai Ngành Tư pháp và việc đàm phán ký kết Hiệp định tương trợ tư pháp về các vấn đề dân sự, thương mại và hình sự giữa hai Nhà nước.

Ngày 12/12/1997, tại Bộ Tư pháp Trung Quốc, Bộ trưởng Bộ Tư pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam Nguyễn Đình Lộc và Bộ trưởng Bộ Tư pháp Trung Quốc Tiêu Dương đã ký Nghị định thư hợp tác giữa Bộ Tư pháp hai nước.

Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 27 THÁNG 12 NĂM 1997

Bộ trưởng Bộ Tư pháp ra Quyết định số 966/QĐ-TC thành lập Ban Chỉ đạo tổng rà soát và hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật

Theo đó, Ban Chỉ đạo gồm có 5 thành viên:

1. Thứ trưởng Bộ Tư pháp Nguyễn Văn Sản - Trưởng Ban.
2. Vụ trưởng Vụ Hình sự - Hành chính Ưông Chu Lưu - Phó Trưởng Ban Thường trực.
3. Vụ trưởng Vụ Pháp luật dân sự - Kinh tế Đinh Trung Tụng - Ủy viên.
4. Vụ trưởng Vụ Hợp tác quốc tế Hà Hùng Cường - Ủy viên.
5. Viện trưởng Viện Nghiên cứu khoa học pháp lý Hoàng Thế Liên - Ủy viên.

Ban Chỉ đạo có nhiệm vụ:

- Chỉ đạo, hướng dẫn các đơn vị thuộc Bộ thực hiện rà soát và hệ thống hóa các văn bản quy phạm pháp luật về các lĩnh vực công tác do Bộ phụ trách;

- Tập hợp danh mục đầy đủ các văn bản quy phạm pháp luật về lĩnh vực công tác của Bộ đã được ban hành từ sau ngày 02/7/1976 đến hết ngày 31/12/1996.

- Lập các danh mục: văn bản pháp luật đã hết hiệu lực và đã bị bãi bỏ hoặc thay thế; các văn bản đang còn hiệu lực; các văn bản cần sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ; văn bản ban hành sai thẩm quyền.

Tổng hợp, xử lý kết quả tổng rà soát văn bản quy phạm pháp luật của các đơn vị thuộc Bộ báo cáo Ban Chỉ đạo của Chính phủ.

Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 30 THÁNG 12 NĂM 1997

Bộ Tư pháp, Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ ban hành Thông tư liên tịch số 302/1997/TTLT-BTCCBCP-BTP hướng dẫn thực hiện một số quy định về tổ chức pháp chế ở các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ

Để thi hành thống nhất một số quy định của Nghị định số 94-CP ngày 06/9/1997 của Chính phủ về tổ chức pháp chế ở các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Bộ Tư pháp, Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ hướng dẫn về việc thành lập và tổ chức lại tổ chức pháp chế bộ; thẩm quyền ra quyết định thành lập; chức danh và tiêu chuẩn của cán bộ pháp chế bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; trách nhiệm của Bộ Tư pháp trong việc tổ chức các lớp bồi dưỡng về kỹ thuật soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật và giới thiệu văn bản pháp luật mới cho đội ngũ cán bộ pháp chế; thời hạn, tiến độ thành lập hoặc tổ chức lại tổ chức pháp chế bộ.

Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp; Công báo số 5 ngày 20/02/1998, tr. 227 - 228

Bộ Tư pháp ban hành Thông tư số 1793/1997/TT-BTP hướng dẫn nghiệp vụ của tổ chức pháp chế ở các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ

Thông tư quy định cụ thể nhiệm vụ của tổ chức pháp chế ở các bộ, cơ quan ngang bộ trong công tác xây dựng pháp luật; thẩm định góp ý kiến về mặt pháp lý các dự thảo văn bản do các đơn vị khác của bộ, ngành soạn thảo; rà soát, hệ thống hoá văn bản quy phạm pháp luật; phổ biến, giáo dục pháp luật, kiểm tra việc thực hiện pháp luật; báo cáo khen thưởng.

Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp; Công báo số 5 ngày 20/02/1998, tr. 252 - 256

NĂM 1998

NGÀY 07 THÁNG 01 NĂM 1998

Thủ tướng Chính phủ ban hành Chỉ thị 02/1998/CT-TTg về việc tăng cường công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trong giai đoạn hiện nay

Chỉ thị số 02/1998/CT-TTg do Bộ Tư pháp chủ trì soạn thảo, nội dung nêu rõ trách nhiệm và những việc phải làm ngay nhằm tăng cường công tác phổ biến, giáo dục pháp luật. Theo đó, mỗi cán bộ, viên chức nhà nước phải tăng cường học tập, nghiên cứu để hiểu biết pháp luật; Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương kiện toàn tổ chức thực hiện nhiệm vụ phổ biến, giáo dục pháp luật, chú trọng hình thức tuyên truyền miệng, huy động lực lượng đông đảo cán bộ của cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội, đoàn thể quần chúng tham gia hoạt động này. Ngoài ra, Chỉ thị cũng nêu cụ thể trách nhiệm của Bộ Tư pháp; Bộ Văn hoá - Thông tin; Bộ Giáo dục và Đào tạo; Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ; Bộ Quốc phòng, Bộ Nội vụ; UBND các cấp; các cơ quan của Đảng, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Trung ương Hội liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Tổng liên đoàn Lao động Việt Nam, Trung ương Hội Nông dân, Trung ương Hội Luật gia và các thành viên khác của Mặt trận.

Công báo số 6 ngày 28/02/1998, tr. 305 - 307

Hội nghị sơ kết công tác chỉ đạo điểm giáo dục pháp luật trong trường học năm 1997

Ngày 07/01/1998, Ban chỉ đạo giáo dục pháp luật trong nhà trường, Bộ Tư pháp tổ chức Hội nghị “Sơ kết công tác chỉ đạo điểm giáo dục pháp luật trong trường học năm 1997”.

Tham dự Hội nghị có các thành viên Ban chỉ đạo giáo dục pháp luật Trung ương, đại diện các Vụ Trung học phổ thông, Trung học chuyên nghiệp - dạy nghề, Phòng Pháp chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo, đại diện Ban chỉ đạo các tỉnh được chọn làm điểm giáo dục pháp luật.

Bộ trưởng Bộ Tư pháp Nguyễn Đình Lộc đã tới dự và chỉ đạo Hội nghị.

Tin Tư pháp số 1 năm 1998

NGÀY 12 VÀ 13 THÁNG 01 NĂM 1998

Hội nghị tập huấn pháp chế bộ, ngành

Hội nghị do Bộ Tư pháp phối hợp với Văn phòng Chính phủ, Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ tổ chức.

Tham dự Hội nghị có đại diện pháp chế các bộ, ngành và một số cơ quan, thông tấn báo chí ở Trung ương và Hà Nội. Hội nghị đã tập trung đánh giá tình hình của tổ chức pháp chế trong thời gian qua, quán triệt Nghị định số 94/CP ngày 06/9/1997 về tổ chức pháp chế ở các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và các văn bản hướng dẫn thi hành; tập huấn nghiệp vụ pháp chế, trao đổi phương hướng công tác pháp chế năm 1998 và những năm tiếp theo; tổng kết công tác thi đua năm 1997.

Tin Tư pháp số 1 năm 1998

NGÀY 14 THÁNG 01 NĂM 1998

Chính phủ ban hành Nghị định số 06/1998/NĐ-CP sửa đổi một số điều của Nghị định số 37/HĐBT ngày 05/02/1990 quy định chi tiết thi hành Luật Quốc tịch Việt Nam

Sau khi ban hành Hiến pháp năm 1992, một số quy định về thẩm quyền, thủ tục, trình tự giải quyết việc xin thôi quốc tịch Việt Nam của Luật Quốc tịch Việt Nam năm 1988 và Nghị định số 37/HĐBT ngày 05/02/1990 quy định chi tiết thi hành Luật Quốc tịch Việt Nam không còn phù hợp với Hiến pháp năm 1992 và không đáp ứng với tinh thần cải cách nền hành chính nhà nước mà Nghị quyết Đại hội lần thứ VIII và Nghị quyết Trung ương 3 khoá VIII của Đảng đã đề ra. Vào thời điểm này, Luật Quốc tịch Việt Nam (sửa đổi) đã được Chính phủ trình Quốc hội xem xét. Tuy nhiên, để giải quyết vấn đề cấp bách về thôi quốc tịch Việt Nam của Nghị định số 37/HĐBT, việc ban hành Nghị định sửa đổi một số điều của Nghị định này là cần thiết.

Ngày 12/12/1997, Bộ Tư pháp có Tờ trình số 538/PLQT Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/HĐBT ngày 05/02/1990 quy định chi tiết thi hành Luật Quốc tịch Việt Nam.

Ngày 14/01/1998, Chính phủ ban hành Nghị định số 06/1998/NĐ-CP sửa đổi một số điều của Nghị định số 37/HĐBT ngày 05/02/1990 quy định chi tiết thi hành Luật Quốc tịch Việt Nam. Theo đó, Nghị định sửa đổi Điều 5 (lý do thôi quốc tịch); khoản 1 Điều 7, Điều 12 (thủ tục giải quyết các vấn đề về quốc tịch); sửa đổi, bổ sung khoản 2 và khoản 4 Điều 8 về các loại giấy tờ kèm theo đơn xin giải quyết các vấn đề về quốc tịch; bổ sung Điều 12a quy định thời hạn và trách nhiệm cụ thể của các cơ quan chức năng trong việc giải quyết các hồ sơ xin thôi quốc tịch Việt Nam.

Công báo số 6 ngày 28/02/1998, tr. 268 - 270

Bộ Tư pháp, Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ, Bộ Tài chính, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Thông tư liên tịch số 52/TTLT/TP-TCCB-LĐTBXH hướng dẫn thi hành Quyết định số 734/TTg ngày 06/9/1997 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập tổ chức trợ giúp pháp lý cho người nghèo và đối tượng chính sách

Thông tư liên tịch số 52/TTLT/TP-TCCB-LĐTBXH hướng dẫn cụ thể về đối tượng được hưởng trợ giúp pháp lý: bao gồm người thuộc hộ đói, nghèo; người có công với cách mạng; người hoạt động cách mạng trước tháng 8 năm 1945; Bà mẹ Việt Nam Anh hùng; Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động; thương binh, người hưởng chính sách như thương binh, bệnh binh mất sức lao động từ 61% trở lên; vợ (hoặc chồng), cha, mẹ đẻ, người có công nuôi liệt sỹ, con liệt sỹ dưới 18 tuổi; người có công giúp đỡ cách mạng; đồng bào dân tộc thiểu số cư trú ở vùng cao, vùng sâu, vùng xa, hẻo lánh, hải đảo; một số đối tượng thuộc diện được miễn án phí.

Tổ chức trợ giúp pháp lý gồm có: Cục Trợ giúp pháp lý thuộc Bộ Tư pháp, Trung tâm Trợ giúp pháp lý của Nhà nước thuộc Sở Tư pháp.

Thông tư cũng hướng dẫn một số vấn đề về chức năng, nhiệm vụ và tổ chức của các tổ chức trợ giúp pháp lý, phạm vi trợ giúp pháp lý, kinh phí của Cục Trợ giúp pháp lý, kinh phí hoạt động của Trung tâm Trợ giúp pháp lý của Nhà nước.

Công báo số 8 ngày 20/3/1998, tr. 391 - 393

NGÀY 16 ĐẾN NGÀY 20 THÁNG 01 NĂM 1998

Hội nghị toàn quốc Ngành Tư pháp

Hội nghị được tổ chức tại Đà Nẵng. Tham dự Hội nghị có Giám đốc các Sở Tư pháp, Chánh án Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Chánh án Tòa án quân sự quân khu và tương đương, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ. Đồng chí Phan Thế Hùng, Ủy viên Trung ương Đảng, Trưởng Ban Nội chính Trung ương, các đồng chí Phó Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Phó Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Lãnh đạo thành ủy, HĐND, UBND thành phố Đà Nẵng cùng tham dự. Hội nghị đã được nghe Báo cáo tổng kết công tác tư pháp năm 1997, qua đó đánh giá những kết quả đạt được cũng như đề cập đến những khó khăn, vướng mắc và đưa ra kiến nghị giải pháp trong các lĩnh vực công tác của Ngành.

Về Chương trình công tác năm 1998 của Ngành được Hội nghị xác định:

- Tập trung chỉ đạo, điều hành để bảo đảm tiến độ xây dựng các dự án luật mà Bộ Tư pháp được phân công soạn thảo trong chương trình xây dựng pháp luật năm 1998. Xây dựng cơ chế, quy trình triển khai thực hiện tốt nhiệm vụ thẩm định

các văn bản pháp luật của các bộ, ngành trước khi trình Chính phủ xem xét theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

- Tổ chức triển khai, thực hiện Chỉ thị, kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật và quyết định về việc thành lập Hội đồng phối hợp công tác phổ biến, giáo dục pháp luật của Thủ tướng Chính phủ trên phạm vi cả nước mà Bộ sẽ trình Thủ tướng Chính phủ trong Quý I.

- Hướng dẫn Tòa án nhân dân địa phương lập quy hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ phục vụ trước mắt và lâu dài (đến năm 2000, 2005, 2010). Xây dựng Đề án trình Chính phủ về biện pháp giải quyết án tồn đọng và đề nghị sửa đổi một số điều của Nghị định số 69/CP.

- Phối hợp với Ủy ban Pháp luật của Quốc hội trong việc thẩm định và trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét Dự án Pháp lệnh luật sư, nghiên cứu soạn thảo các văn bản hướng dẫn thi hành. Trình Chính phủ dự thảo Nghị định ban hành Quy chế về văn phòng tư vấn pháp luật của tổ chức xã hội và triển khai thi hành, dự thảo Nghị định sửa đổi Nghị định số 42/CP ban hành Quy chế hành nghề tư vấn pháp luật của tổ chức nước ngoài tại Việt Nam. Bước đầu nghiên cứu xây dựng Pháp lệnh về Quản lý lý lịch tư pháp.

- Tổ chức triển khai Đề án quản lý hệ thống Ngành Tư pháp. Xây dựng quy hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ Ngành Tư pháp thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 khóa VIII.

Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 09 THÁNG 02 NĂM 1998

Bộ Tư pháp báo cáo Thủ tướng Chính phủ về việc triển khai Nghị định số 94-CP ngày 06/9/1997 của Chính phủ về tổ chức pháp chế ở các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ

Theo đó, Báo cáo nêu rõ: Thực hiện Nghị định số 94-CP, ngày 06/9/1997, Bộ Tư pháp có Công văn số 1511/PLDSKT gửi các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ đề nghị các bộ, ngành khẩn trương tiến hành thành lập mới hoặc tổ chức lại tổ chức pháp chế ở bộ, ngành mình trong thời hạn quy định tại Điều 7 của Nghị định số 94-CP; ban hành Thông tư số 1793/1997/TT-BTP ngày 30/12/1997 hướng dẫn nghiệp vụ của tổ chức pháp chế ở các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; phối hợp với Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ ban hành Thông tư liên tịch số 302/1997/TTLT-BTCCBCP-BTP ngày 30/12/1997 hướng dẫn thực hiện một số quy định về tổ chức pháp chế ở các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; Trong hai ngày 12 và 13/01/1998, Bộ Tư pháp đã phối hợp với Văn phòng Chính phủ, Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ tổ chức hội nghị pháp chế bộ nhằm đánh giá tình hình hoạt động của các tổ

chức pháp chế trong thời gian qua, quán triệt Nghị định số 94-CP và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Đến cuối tháng 12/1997, ngoài các bộ, ngành có tổ chức pháp chế từ trước, các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ đã thành lập mới hoặc tổ chức lại 11 tổ chức pháp chế sau khi có Nghị định số 94-CP như: Vụ Pháp chế Tổng cục Địa chính, Bộ Xây dựng, Bộ Công nghiệp, Bộ Thủy sản...

Báo cáo số 131/PLDSKT, Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 11 THÁNG 02 NĂM 1998

Thành lập Trường Đào tạo các chức danh tư pháp

Ngày 11/2/1998, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 34/1998/QĐ-TTg về việc thành lập Trường Đào tạo các chức danh tư pháp. Theo Quyết định này, Trường Đào tạo các chức danh tư pháp là đơn vị sự nghiệp thuộc Bộ Tư pháp, có nhiệm vụ đào tạo thẩm phán và các chức danh tư pháp khác theo các hình thức tập trung và tại chức. Cơ cấu tổ chức bộ máy và quy mô đào tạo của Trường do Bộ trưởng Bộ Tư pháp quyết định.

Ngày 25/8/1998, Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Quyết định số 737/1998/QĐ-BTP về chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức của Trường Đào tạo các chức danh tư pháp, theo đó:

Trường Đào tạo các chức danh tư pháp có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng, địa điểm đặt tại phường Quan Hoa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

Trường Đào tạo các chức danh tư pháp có nhiệm vụ: Đào tạo, bồi dưỡng Thẩm phán và các chức danh tư pháp khác; Bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý tòa án, tư pháp cho cán bộ quản lý Ngành Tư pháp; Nghiên cứu và ứng dụng các thành tựu khoa học nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng các chức danh tư pháp; Thực hiện các nhiệm vụ khác do Bộ trưởng Bộ Tư pháp giao.

Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp; Công báo số 8 ngày 20/3/1998, tr. 382

NGÀY 05 THÁNG 3 NĂM 1998

Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 57/1998/QĐ-TTg bổ sung Quyết định số 160-TTg ngày 15/3/1996 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ bồi dưỡng đối với giám định viên tư pháp

Quyết định số 57/1998/QĐ-TTg do Bộ Tư pháp chủ trì soạn thảo. Theo đó, những người giúp việc giám định viên tư pháp và những người được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao trách nhiệm có mặt trong thời gian thực hiện giám định tư pháp đối với các trường hợp khám nghiệm tử thi, mổ tử thi, khai quật tử thi được hưởng

chế độ bồi dưỡng. Những người trực tiếp giúp việc giám định viên tư pháp trong thời gian thực hiện giám định được hưởng bằng 70% mức bồi dưỡng của giám định viên. Những người được cơ quan có thẩm quyền giao trách nhiệm có mặt trong thời gian thực hiện giám định được hưởng bằng 50% mức bồi dưỡng của giám định viên.

Công báo số 10 ngày 10/4/1998, tr. 511

NGÀY 06 THÁNG 3 NĂM 1998

Bộ Tư pháp báo cáo Văn phòng Chính phủ, Thanh tra Nhà nước về việc thực hiện Pháp lệnh Khiếu nại, tố cáo của công dân từ năm 1991 đến năm 1997 của Ngành Tư pháp

Thực hiện Chỉ thị số 979/1997/CT-TTg ngày 17/11/1997 của Thủ tướng Chính phủ về tổng kết Pháp lệnh Khiếu nại, tố cáo của công dân, Bộ Tư pháp báo cáo kết quả thực hiện Pháp lệnh trong thời gian qua như sau:

1. Hết tháng 01/1998, hầu hết các đơn vị trong Ngành Tư pháp đều đã tiến hành kiểm điểm, tổng kết việc thực hiện Pháp lệnh và báo cáo kết quả về Bộ. Sau tổng kết, các đơn vị đã có những biện pháp cụ thể để khắc phục những tồn tại.

2. Bộ Tư pháp đã phối hợp với Thanh tra Nhà nước và Bộ Văn hóa - Thông tin có kế hoạch liên ngành về tăng cường tuyên truyền pháp luật khiếu nại, tố cáo của công dân. ở địa phương, theo sự chỉ đạo và hướng dẫn của Bộ, các Sở Tư pháp, các phòng Tư pháp đã đưa việc phổ biến, giáo dục pháp luật về khiếu nại, tố cáo vào chương trình, kế hoạch tuyên truyền; phổ biến, giáo dục pháp luật ở địa phương và tổ chức tuyên truyền bằng nhiều hình thức đến các tầng lớp nhân dân ở địa phương.

3. Công tác tiếp dân: Sau khi Quy chế tiếp công dân được ban hành theo Quyết định số 769/QĐ ngày 16/7/1996 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp, công tác tiếp dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân đã được các đơn vị thuộc Bộ thực hiện nghiêm túc.

4. Công tác tiếp nhận đơn thư và giải quyết khiếu nại, tố cáo: Tổng số đơn thư khiếu nại, tố cáo gửi đến Bộ Tư pháp trong 7 năm là: 9.281 đơn. Nội dung khiếu nại liên quan đến một số lĩnh vực quản lý của Ngành nhưng chủ yếu tập trung ở lĩnh vực thi hành án dân sự.

Báo cáo số 271/BC-TTr, Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 27 VÀ 28 THÁNG 3 NĂM 1998

Hội nghị quán triệt, triển khai Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trong giai đoạn hiện nay

Để triển khai thực hiện Chỉ thị số 02/1998/CT-TTg ngày 07/01/1998 của Thủ

tướng Chính phủ về việc tăng cường công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trong giai đoạn hiện nay và Quyết định số 03/1998/QĐ-TTg ngày 07/01/1998 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch triển khai công tác phổ biến, giáo dục pháp luật từ năm 1998 đến năm 2002 và thành lập Hội đồng Phối hợp công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, Bộ Tư pháp tổ chức Hội nghị quán triệt và hướng dẫn thực hiện các văn bản trên, đồng thời tập huấn 3 pháp lệnh mới được Ủy ban Thường vụ Quốc hội thông qua (Pháp lệnh Cán bộ, công chức; Pháp lệnh Chống tham nhũng; Pháp lệnh Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí). Bộ trưởng Bộ Tư pháp Nguyễn Đình Lộc, Chủ tịch Hội đồng phối hợp công tác phổ biến, giáo dục pháp luật của Chính phủ chủ trì Hội nghị.

Tham dự hội nghị có đại diện Lãnh đạo các bộ, ban, ngành, đoàn thể Trung ương là thành viên Hội đồng Phối hợp công tác phổ biến, giáo dục pháp luật của Chính phủ; Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Chánh, Phó Văn phòng UBND một số tỉnh; Lãnh đạo các đơn vị thuộc Bộ Tư pháp; Giám đốc, Phó Giám đốc các Sở Tư pháp; Lãnh đạo các tổ chức pháp chế bộ; cán bộ làm công tác phổ biến, giáo dục pháp luật của 61 tỉnh, thành phố, pháp chế các bộ, ngành Trung ương và phóng viên báo, đài Trung ương, Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh.

Tin Tư pháp số 3 năm 1998

NGÀY 13 ĐẾN NGÀY 15 THÁNG 5 NĂM 1998 VÀ NGÀY 18 ĐẾN NGÀY 20 THÁNG 5 NĂM 1998

Bộ Tư pháp tổ chức hội nghị chuyên đề “Công tác tổ chức cán bộ”

Tham gia hội nghị có gần 300 đại biểu là Lãnh đạo Sở Tư pháp, Tòa án nhân dân cấp tỉnh và cán bộ làm công tác tổ chức của Sở Tư pháp và Tòa án nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Hội nghị tổ chức tại 2 địa điểm: Các tỉnh từ Thừa Thiên - Huế trở ra tổ chức tại Hà Nội, từ ngày 13/5/1998 đến ngày 15/5/1998; Các tỉnh từ Quảng Nam trở vào: Tổ chức tại thành phố Hồ Chí Minh từ ngày 18/5/1998 đến ngày 20/5/1998.

Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 20 THÁNG 5 NĂM 1998

Quốc hội khoá X, kỳ họp thứ 3 thông qua Luật Quốc tịch Việt Nam

Luật Quốc tịch Việt Nam năm 1988 được ban hành vào thời kỳ đầu của công cuộc đổi mới nên đến giai đoạn sau những năm 1990 không đáp ứng được chủ trương hội nhập quốc tế. Sự phát triển kinh tế - xã hội, xu hướng hội nhập quốc tế

dẫn đến ngày càng có nhiều người nước ngoài vào làm ăn, sinh sống tại Việt Nam, công dân Việt Nam kết hôn với người nước ngoài... Thêm vào đó, sự ra đời của Hiến pháp năm 1992, Bộ luật Dân sự năm 1995 đã đặt ra yêu cầu cần phải cập nhật, hoàn thiện các quy định pháp luật về quốc tịch.

Luật Quốc tịch Việt Nam do Bộ Tư pháp chủ trì soạn thảo đã được Quốc hội khóa X, kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 20/5/1998 (Luật số 07/1998/QH10). Luật gồm 6 chương với 42 điều quy định về việc: có quốc tịch Việt Nam; mất quốc tịch Việt Nam; thay đổi quốc tịch của người chưa thành niên và của con nuôi; thẩm quyền và thủ tục giải quyết các vấn đề về quốc tịch. Luật Quốc tịch Việt Nam năm 1998 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/1999 và thay thế Luật Quốc tịch Việt Nam ngày 28/6/1988.

Ngày 01/6/1998, Chủ tịch nước đã ký Lệnh số 05-L/CTN công bố Luật Quốc tịch Việt Nam.

Công báo số 21 ngày 31/7/1998, tr. 1189 - 1198

NGÀY 22 THÁNG 5 NĂM 1998

Bộ Tư pháp ra Quyết định số 443/1998/QĐ-BTP về việc đổi tên các khoa thuộc Trường Đại học Luật Hà Nội

Theo Quyết định số 443/1998/QĐ-BTP, các khoa sau đây thuộc Trường Đại học Luật Hà Nội được đổi tên:

1. Khoa Đào tạo thẩm phán và Sau đại học thành Khoa Sau đại học;
2. Khoa Chuyên tu - Tại chức thành Khoa Tại chức.

Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 01 THÁNG 6 NĂM 1998

Ông Hà Hùng Cường được bổ nhiệm giữ chức Thứ trưởng Bộ Tư pháp

Theo Quyết định số 474/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, ông Hà Hùng Cường, Vụ trưởng Vụ Pháp luật quốc tế và hợp tác quốc tế, Bộ Tư pháp được bổ nhiệm giữ chức Thứ trưởng Bộ Tư pháp.

Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

Ông Uông Chu Lưu được bổ nhiệm giữ chức Thứ trưởng Bộ Tư pháp

Theo Quyết định số 475/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, ông Uông Chu Lưu, Vụ trưởng Vụ Pháp luật Hình sự - Hành chính, Bộ Tư pháp được bổ nhiệm giữ chức Thứ trưởng Bộ Tư pháp.

Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 03 THÁNG 6 NĂM 1998

Bộ trưởng Bộ Tư pháp ký Quyết định số 458/1998/QĐ-BTP ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Cục Trợ giúp pháp lý thuộc Bộ Tư pháp

Theo Quyết định số 458/1998/QĐ-BTP, Quy chế bao gồm 4 chương 25 điều. Quy chế quy định về: Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Cục Trợ giúp pháp lý; Tổ chức bộ máy của Cục Trợ giúp pháp lý (quy định về tổ chức, biên chế, nhiệm vụ quyền hạn của Cục trưởng, Phó Cục trưởng, các phòng, ban chuyên môn, cán bộ, công chức và cộng tác viên); Chế độ làm việc của Cục Trợ giúp pháp lý (quy định về việc xây dựng và ký duyệt văn bản, lập kế hoạch công tác, báo cáo công tác, hội họp, thông tin...); Quan hệ công tác của Cục Trợ giúp pháp lý (quy định về quan hệ với Lãnh đạo Bộ, Sở Tư pháp, các trung tâm, các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các đơn vị thuộc Bộ Tư pháp).

Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp; Công báo số 26 ngày 20/9/1998, tr. 1536 - 1538

Bộ trưởng Bộ Tư pháp ký Quyết định số 459/1998/QĐ-BTP ban hành Quy chế cộng tác viên của tổ chức trợ giúp pháp lý

Theo Quyết định số 459/1998/QĐ-BTP, Quy chế cộng tác viên của tổ chức trợ giúp pháp lý bao gồm 3 chương 12 điều, quy định về cộng tác viên, mục đích, đối tượng là cộng tác viên, nguyên tắc hoạt động; tiêu chuẩn, thủ tục công nhận và cấp thẻ; quyền và nghĩa vụ của cộng tác viên, hình thức cộng tác.

Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp; Công báo số 26 ngày 20/9/1998, tr. 1536 - 1538

NGÀY 19 THÁNG 6 NĂM 1998

Thủ tướng Chính phủ ban hành Chỉ thị số 24/1998/CT-TTg về việc xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước của làng, bản, thôn, ấp, cụm dân cư

Việc xây dựng và hoàn thiện hương ước, quy ước làng văn hoá ở các địa phương thời gian này đang hình thành phong trào có chiều rộng và chiều sâu trên phạm vi cả nước. Tuy nhiên, do chưa có sự hướng dẫn và quản lý của các cấp chính quyền và cơ quan chuyên môn, việc ban hành và thực hiện hương ước, quy ước làng cũng đang bộc lộ nhiều hạn chế về nội dung như: phục hồi một số hủ tục, phong tục tập quán lạc hậu, phân biệt đối xử, hạn chế quyền tự do dân chủ của nhân dân, quy định các hình thức xử phạt, mức phạt nặng nề, vi phạm một số quy định của pháp luật hiện hành nhất là trong lĩnh vực hình sự, hành chính, dân sự, hôn nhân gia đình, đất đai... Một số hương ước, quy định quá chung chung,

mờ nhạt, thiếu hẳn tính đa dạng và phong phú, chưa phản ánh đúng tình hình, đặc điểm kinh tế - xã hội truyền thống văn hoá của từng địa phương hoặc ghi lại một cách máy móc các quy định của pháp luật hiện hành. Ngày 16/5/1998, Bộ Tư pháp trình Thủ tướng Chính phủ Tờ trình số 661b/TP/PLHS-HC dự thảo Chỉ thị về việc xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước của làng, bản, thôn, ấp, cụm dân cư.

Ngày 19/6/1998, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Chỉ thị số 24/1998/CT-TTg về việc xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước của làng, bản, thôn, ấp, cụm dân cư. Chỉ thị gồm các nội dung: Nội dung cơ bản của hương ước, quy ước; việc xây dựng và thông qua, phê duyệt dự thảo hương ước, quy ước; trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn của Bộ trưởng Bộ Tư pháp, Bộ trưởng Bộ Văn hóa - Thông tin; việc triển khai thí điểm Chỉ thị tại một số địa phương; trách nhiệm của UBND tỉnh, huyện, xã đối với việc xây dựng, phê duyệt và triển khai hương ước, quy ước; việc tuyên truyền về vai trò và tác dụng của việc xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước.

Công báo số 22 ngày 10/8/1998, tr. 1261 - 1263

NGÀY 06 THÁNG 7 NĂM 1998

Ký kết Hiệp định Tương trợ tư pháp về dân sự và hình sự nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và nước Cộng hoà dân chủ nhân dân Lào tại Hà Nội

Hiệp định do Bộ Tư pháp soạn thảo. Trên cơ sở dự thảo của phía Việt Nam, phía Lào đã chuẩn bị và ngày 13/3/1998, Bộ Tư pháp Lào đã gửi dự thảo Hiệp định (bằng tiếng Lào) đồng thời đề nghị hai bên đàm phán để có thể đi đến ký kết.

Ngày 03/7/1998, Bộ Tư pháp trình Thủ tướng Chính phủ Tờ trình số 331/TP-PLQT-HTQT về việc ký kết Hiệp định Tương trợ tư pháp về dân sự và hình sự với Cộng hoà dân chủ nhân dân Lào.

Ngày 06/7/1998, tại Hà Nội, hai bên đã tiến hành ký kết Hiệp định. Hiệp định gồm Lời nói đầu, 4 chương với 77 điều, quy định về những điều khoản chung, hoạt động tương trợ tư pháp về các vấn đề dân sự (quy định về cá nhân; hợp đồng dân sự và trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng; hôn nhân và gia đình; thừa kế; công nhận và thi hành bản án, quyết định; án phí và lệ phí tòa án), hoạt động tương trợ tư pháp về vấn đề hình sự (tiếp tục truy cứu trách nhiệm hình sự, dẫn độ người phạm tội). Hiệp định có giá trị vô thời hạn, trừ khi một trong hai nước ký kết đề nghị hủy bỏ.

Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 10 THÁNG 7 NĂM 1998

Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tư pháp ra Thông tư liên tịch số 05/1998/TTLT/KHĐT-TP hướng dẫn thủ tục thành lập và đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty

Để đơn giản thủ tục thành lập, đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty và thay thế các Thông tư hướng dẫn về thủ tục thành lập, đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tư pháp đã ban hành Thông tư liên tịch số 05/1998/TTLT/KHĐT-TP quy định cụ thể về: Hồ sơ đề nghị, trình tự xét cấp giấy phép thành lập và đăng ký kinh doanh; thủ tục đặt chi nhánh, văn phòng đại diện ở ngoài địa phương cấp tỉnh nơi đặt trụ sở chính của doanh nghiệp tư nhân, công ty; đăng ký thay đổi trong quá trình hoạt động kinh doanh.

Công báo số 34 ngày 10/12/1998, tr. 2036 - 2043

NGÀY 17 THÁNG 7 NĂM 1998

Toạ đàm về vấn đề bình đẳng giới trong quan hệ hôn nhân và gia đình

Việt Nam đã tham gia Công ước Liên hợp quốc về xoá bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ (gọi tắt là Công ước CEDAW) và chính thức có hiệu lực ngày 19/3/1982. Để chuẩn bị cho việc soạn thảo Báo cáo quốc gia thứ 2 của Việt Nam về tình hình thi hành Công ước này, đặc biệt là liên quan đến việc kiểm điểm thi hành Điều 16 của Công ước, sau khi thống nhất với Uỷ ban Quốc gia vì sự tiến bộ của phụ nữ, ngày 17/7/1998, tại trụ sở Bộ Tư pháp, Bộ Tư pháp đã phối hợp với Hội liên hiệp Phụ nữ Việt Nam tổ chức toạ đàm về vấn đề bình đẳng giới trong quan hệ hôn nhân và gia đình.

Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 20 THÁNG 8 NĂM 1998

Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Pháp lệnh về ký kết và thực hiện điều ước quốc tế

Để tăng cường tình hữu nghị và quan hệ hợp tác giữa nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam với các nước và các dân tộc trên thế giới, góp phần vào sự nghiệp hoà bình và hợp tác quốc tế, thực hiện nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, cũng như bảo đảm việc thi hành nghiêm chỉnh các cam kết quốc tế và tăng cường quản lý nhà nước về điều ước quốc tế mà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là một bên ký kết, ngày 20/8/1998 Uỷ ban Thường vụ Quốc hội ban hành Pháp lệnh về ký kết và thực hiện điều ước quốc tế.

Pháp lệnh do Bộ Tư pháp chủ trì soạn thảo, gồm 6 chương 35 điều quy định về việc đàm phán, ký, phê chuẩn, phê duyệt, gia nhập, công bố, lưu chiếu, thực hiện, sửa đổi, bổ sung, đình chỉ hiệu lực và bãi bỏ điều ước quốc tế mà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là một bên ký kết.

Pháp lệnh này thay thế Pháp lệnh về ký kết và thực hiện điều ước quốc tế của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ngày 17/10/1989.

Công báo số 30 ngày 31/10/1998, tr. 1747 - 1756

Ủy ban Thường vụ Quốc hội ra Nghị quyết số 58/1998/NQ-UBTVQH10 về giao dịch dân sự về nhà ở được xác lập trước ngày 01 tháng 7 năm 1991

Tùy từng thời điểm xác lập giao dịch dân sự về nhà ở mà các giao dịch này được điều chỉnh bởi các văn bản pháp luật khác nhau. Từ ngày 01/7/1991 đến ngày 01/7/1996, các giao dịch dân sự về nhà ở được điều chỉnh bởi Pháp lệnh Nhà ở. Từ 01/7/1996 trở về sau, các giao dịch dân sự về nhà ở được điều chỉnh bởi Bộ luật Dân sự năm 1995. Trong khi đó trên thực tế lại phát sinh nhiều vụ việc người cho mượn, cho ở nhờ, cho thuê nhà trước ngày 01/7/1991, nay muốn đòi lại nhà nhưng chưa được giải quyết do chưa có pháp luật điều chỉnh. Chính vì vậy, việc xây dựng văn bản pháp luật để giải quyết các giao dịch dân sự về nhà ở được xác lập trước ngày 01/7/1991 là cần thiết. Thực hiện nhiệm vụ của Chính phủ giao, Bộ Tư pháp đã xây dựng Dự thảo Nghị quyết về giao dịch dân sự về nhà ở được xác lập trước ngày 01/7/1991. Trên cơ sở kết quả khảo sát tại một số vùng trọng điểm, Bộ Tư pháp đã phối hợp với Bộ Xây dựng và các cơ quan hữu quan chính lý dự thảo. Ngày 20/8/1998, Ủy ban Thường vụ Quốc hội thông qua Nghị quyết số 58/1998/NQ-UBTVQH10 về giao dịch dân sự về nhà ở được xác lập trước ngày 01/7/1991.

Nghị quyết này được áp dụng đối với các giao dịch dân sự về nhà ở đang thuộc sở hữu tư nhân được xác lập trước ngày 01/7/1991 giữa cá nhân với cá nhân, giữa cá nhân với cơ quan, tổ chức, bao gồm các giao dịch về: thuê nhà ở, cho mượn, cho ở nhờ nhà ở, mua bán nhà ở, đổi nhà ở, tặng cho nhà ở, thừa kế nhà ở, quản lý nhà ở vắng chủ giữa cá nhân với cá nhân. Nghị quyết không áp dụng đối với giao dịch dân sự về nhà ở thuộc sở hữu tư nhân được xác lập trước ngày 01/7/1991 mà có người Việt Nam định cư ở nước ngoài, cá nhân, tổ chức nước ngoài tham gia.

Nội dung của Nghị quyết gồm 18 điều được chia thành 4 mục. Mục 1 - Những quy định chung; Mục 2 - Giao dịch dân sự về nhà ở giữa cá nhân với cá nhân; Mục 3 - Giao dịch dân sự về nhà ở giữa cá nhân với cơ quan, tổ chức; Mục 4 - Điều khoản thi hành.

Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 25 THÁNG 8 NĂM 1998

Bộ trưởng Bộ Tư pháp ra Quyết định số 741/1998/QĐ-BTP phê duyệt Dự án “Điều tra cơ bản tình hình hoạt động của các cơ quan tư pháp trong việc bảo đảm quyền dân chủ của công dân và trật tự, an toàn pháp luật trong xã hội”

Theo Quyết định này, Dự án gồm các nội dung cơ bản sau:

- Điều tra cơ bản về tình hình hoạt động của các cơ quan tư pháp
- + Điều tra tình hình hoạt động của các cơ quan tư pháp - hỗ trợ tư pháp;
- + Phân tích, tổng hợp số liệu điều tra để đánh giá thực trạng hoạt động của các cơ quan tư pháp - hỗ trợ tư pháp trong việc bảo đảm quyền dân chủ của công dân và trật tự, an toàn pháp luật trong xã hội;
- + Kiến nghị và đề xuất giải pháp khoa học - thực tiễn về đổi mới tổ chức và hoạt động của các cơ quan tư pháp - hỗ trợ tư pháp;
- Thời gian thực hiện Dự án: 2 năm (1999 - 2000).

Viện Nghiên cứu khoa học pháp lý chủ trì việc thực hiện Dự án.

Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

Ký kết Hiệp định Tương trợ tư pháp và pháp lý về các vấn đề dân sự và hình sự giữa Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Liên bang Nga

Bộ trưởng Bộ Tư pháp Nguyễn Đình Lộc đã đại diện cho Việt Nam ký kết Hiệp định. Hiệp định gồm 88 điều, quy định việc lập, gửi và tổng đạt giấy tờ, công nhận và thi hành quyết định của Tòa án về các vấn đề dân sự, tiến hành khám xét, thu giữ và chuyển giao vật chứng, tiến hành giám định, lấy lời khai của các bên, người làm chứng, người giám định, người bị xác định đã thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo và những người khác, tiến hành truy tố hình sự, dẫn độ để truy tố hình sự hoặc để thi hành bản án.

Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 07 THÁNG 9 NĂM 1998

Bộ Tư pháp báo cáo Thủ tướng Chính phủ về kết quả triển khai thực hiện Quyết định số 734-TTg ngày 06/9/1997 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập tổ chức trợ giúp pháp lý miễn phí cho người nghèo và đối tượng chính sách

Triển khai thực hiện Quyết định số 734-TTg ngày 06/9/1997 của Thủ tướng Chính phủ, Báo cáo của Bộ Tư pháp đã đề cập đến những kết quả đạt được trong

công tác xây dựng văn bản hướng dẫn thực hiện Quyết định số 734-TTg của Thủ tướng Chính phủ; tập trung chỉ đạo thành lập Trung tâm Trợ giúp pháp lý thuộc Sở Tư pháp; xây dựng đội ngũ cộng tác viên trợ giúp pháp lý; tổ chức các lớp tập huấn bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ quản lý và cán bộ thực hiện trợ giúp pháp lý; tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý miễn phí cho người nghèo và đối tượng chính sách; tham gia phổ biến, giáo dục pháp luật cho các đối tượng này.

Đồng thời, Bộ Tư pháp cũng kiến nghị Thủ tướng Chính phủ về một số biện pháp, nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các địa phương trong việc thành lập tổ chức trợ giúp pháp lý; đề nghị UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quan tâm chỉ đạo Sở Tư pháp, các ban, ngành có liên quan bảo đảm về biên chế, cán bộ, cơ sở vật chất và kinh phí hoạt động, nhằm tổ chức thực hiện có hiệu quả Quyết định số 734-TTg của Thủ tướng Chính phủ ở địa phương mình.

Báo cáo số 1277/BTP-TGPL ngày 07/9/1998, Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 07 ĐẾN NGÀY 18 THÁNG 9 NĂM 1998

Đoàn đại biểu Bộ Tư pháp Việt Nam do Bộ trưởng Nguyễn Đình Lộc dẫn đầu đi thăm và làm việc tại các nước Cộng hoà Hung-ga-ri, Cộng hoà Ba Lan và Cộng hoà Séc

Tại Cộng hoà Hung-ga-ri: Từ ngày 07 - 10/9/1998, Đoàn đã làm việc với Bộ Tư pháp, Uỷ ban Hiến pháp và Tư pháp của Quốc hội Hung-ga-ri; Toà án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát tối cao, Toà án thủ đô Budapest, Viện Nhà nước và pháp luật thuộc Viện Hàn lâm khoa học Hung-ga-ri, Khoa Luật - Trường Đại học Tổng hợp Budapest, Công ty Medimpex, Đoàn luật sư Trung ương và 1 Văn phòng luật sư.

Tại Cộng hoà Ba Lan: Từ ngày 11 - 14/9/1998, Đoàn đã làm việc với Bộ Tư pháp, Bộ Kinh tế, Uỷ ban Kinh tế, Uỷ ban Tư pháp và nhân quyền của Quốc hội Ba Lan, Toà án tối cao, Hội luật sư Trung ương và 1 Văn phòng luật sư.

Tại Cộng hoà Séc: Từ ngày 15 - 18/9/1998, Đoàn đã làm việc với Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp, Toà Thượng thẩm, Cục trại giam, Toà án tối cao, Toà án Hiến pháp, Viện Công tố, Khoa Luật - Trường Đại học Tổng hợp Charles Praha, Đoàn luật sư Toàn quốc và Trại giam Praha.

Tại các buổi gặp gỡ và làm việc, Đoàn đã tập trung tìm hiểu kinh nghiệm của các nước bạn trên hai vấn đề chính, đó là tình hình xây dựng pháp luật và đổi mới các cơ quan tư pháp phục vụ quá trình chuyển đổi từ cơ chế kế hoạch hoá tập trung sang cơ chế thị trường và quá trình hội nhập Cộng đồng chung châu Âu (EU).

Cũng trong thời gian ở thăm và làm việc tại ba nước, Đoàn đã có những buổi tiếp xúc rộng rãi với cộng đồng người Việt Nam làm ăn sinh sống ở đây và trao

đổi nhiều vấn đề cụ thể về mặt pháp lý đối với công việc kinh doanh, làm ăn của cộng đồng người Việt.

Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 28 THÁNG 9 NĂM 1998

Bộ Tư pháp báo cáo Văn phòng Chính phủ về công tác nghiên cứu khoa học năm 1998 và kế hoạch nghiên cứu khoa học năm 1999

Trong năm 1998, Bộ Tư pháp đã tiến hành triển khai nghiên cứu 10 đề tài khoa học cấp Bộ, trong đó có một đề tài 2 năm được bắt đầu từ năm 1997. Trong những năm qua, việc nghiên cứu các đề tài cấp Bộ, cấp Nhà nước cũng như các đề án của Bộ Tư pháp cũng được xác định trên cơ sở gắn chặt với công tác của Bộ, của Ngành Tư pháp. Những đề tài đều mang tính bức xúc và phục vụ trực tiếp cho mục tiêu phát triển Ngành, đồng thời đưa ra những căn cứ lý luận, thực tiễn phục vụ cho việc xây dựng các dự án luật trình Quốc hội.

Về công tác thông tin: các số Thông tin khoa học pháp lý chuyên đề ra hàng tháng đã thực sự trở thành công cụ rất có hiệu quả phục vụ cho nghiên cứu đề tài và xây dựng các dự thảo luật, đồng thời cũng là hình thức phổ biến đến tận các cơ quan tư pháp địa phương những kết quả nghiên cứu được, tăng cường mối quan hệ giữa nghiên cứu với chỉ đạo thực tiễn công tác ngành.

Báo cáo cũng nêu dự kiến Chương trình nghiên cứu khoa học năm 1999 và đề xuất kiến nghị nhằm tháo gỡ những vướng mắc trong công tác nghiên cứu khoa học pháp lý.

Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

Bộ Tư pháp sơ kết 2 năm thực hiện Quy chế tiếp công dân

Ngày 16/7/1996, Bộ trưởng Bộ Tư pháp đã ban hành Quyết định số 769/QĐ về việc ban hành Quy chế tiếp công dân của cơ quan Bộ Tư pháp. Sau một năm thực hiện, đến ngày 07/8/1997 Chính phủ ban hành Nghị định số 89-NĐ kèm theo Quy chế Tổ chức tiếp công dân và Thông tư số 1178-TT/TTNN ngày 25/9/1997 của Thanh tra Nhà nước hướng dẫn thực hiện Nghị định số 89-NĐ.

Qua 2 năm thực hiện công tác tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân, Bộ Tư pháp đã đạt được một số kết quả sau:

1. Về công tác tiếp dân

Qua 2 năm thực hiện các đơn vị thuộc Bộ đã tiếp 404 lượt người trực tiếp đến

Bộ Tư pháp trình bày, nộp đơn khiếu nại, tố cáo về các nội dung như: yêu cầu Bộ Tư pháp tác động với các cơ quan có thẩm quyền được hoãn thi hành án, được thi hành bản án đã có hiệu lực pháp luật hoặc khiếu nại, tố cáo Chấp hành viên thi hành án không đúng bản án đã tuyên, có biểu hiện tiêu cực; đề nghị được tư vấn pháp luật về thủ tục xin nhận con nuôi, xin thôi quốc tịch, khiếu nại bản án của Tòa án nhân dân các cấp, thậm chí cả bản án giám đốc thẩm của Tòa án nhân dân tối cao, khiếu nại về quyền sở hữu đất.

2. Về giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo

Qua 2 năm thực hiện quy chế, Bộ Tư pháp đã nhận được 3.417 đơn khiếu nại, tố cáo. Trong đó có 1.210 đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của ngành và 2.207 đơn không thuộc thẩm quyền. Trong 1.210 đơn thư khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền thì có 658 đơn khiếu nại, tố cáo thuộc lĩnh vực thi hành án dân sự, 147 đơn khiếu nại, tố cáo thẩm phán khi xét xử vi phạm pháp luật như làm sai lệch hồ sơ, có thái độ hách dịch..., 450 đơn khiếu nại, tố cáo có nội dung khác như: đề nghị được giải thích pháp luật về thừa kế, hộ tịch, tố cáo Công chứng viên thực hiện hành vi công chứng không đúng quy định của Nhà nước.

Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 01 THÁNG 10 NĂM 1998

Bộ trưởng Bộ Tư pháp ra Quyết định số 785/QĐ-BTP về việc mở lớp tập huấn nghiệp vụ thi hành án

Theo Quyết định này, Lớp tập huấn nghiệp vụ Thi hành án được tổ chức cho 199 Chấp hành viên mới được bổ nhiệm trong 2 năm 1997 - 1998. Thời gian tập huấn trong 8 ngày, từ ngày 15/10 đến ngày 22/10/1998 tại Hà Nội. Trường Đại học Luật Hà Nội tổ chức quản lý, giảng dạy, thi và cấp chứng chỉ khóa học cho các học viên.

Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 10 THÁNG 10 NĂM 1998

Chính phủ ban hành Nghị định số 83/1998/NĐ-CP về đăng ký hộ tịch

Nghị định số 83/1998/NĐ-CP do Bộ Tư pháp chủ trì soạn thảo gồm 97 điều chia làm 6 chương. Theo quy định tại Nghị định, hộ tịch là những sự kiện cơ bản xác định tình trạng nhân thân của một người từ khi sinh ra đến khi chết.

Nghị định quy định cụ thể nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch UBND cấp tỉnh, huyện, xã trong việc quản lý hộ tịch tại địa phương mình; tiêu chuẩn, nhiệm vụ, quyền hạn, chế độ của cán bộ hộ tịch tư pháp; nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan

đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự của Việt Nam ở nước ngoài trong lĩnh vực đăng ký và quản lý hộ tịch. Nghị định cũng quy định rõ về việc đăng ký hộ tịch và việc giải quyết, khiếu nại tố cáo và xử lý vi phạm hành chính.

Nghị định thay thế Điều lệ đăng ký hộ tịch ban hành theo Nghị định số 04/CP ngày 16/01/1961 của Chính phủ.

Công báo số 33 ngày 30/11/1998, tr. 1944 - 1962

NGÀY 12 THÁNG 10 NĂM 1998

Bộ Tư pháp triển khai đào tạo trung học pháp lý

Trong những năm này, Bộ Tư pháp đã giao việc đào tạo trung học pháp lý cho Trường Đại học Luật Hà Nội và phân cấp cho Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đảm nhiệm. Tuy nhiên, việc đào tạo trung học pháp lý còn chưa thống nhất về chương trình, giáo trình, tài liệu giảng dạy, học tập và bằng cấp giữa các địa phương (nơi cấp bằng, nơi cấp giấy chứng nhận tốt nghiệp) dẫn đến chất lượng đào tạo còn chưa cao. Xét thấy, nhu cầu đào tạo cán bộ có trình độ trung học pháp lý của cán bộ tư pháp xã, phường, thị trấn, các cơ quan tư pháp cấp huyện, Tòa án, thi hành án, kiểm sát ngày càng cao.

Căn cứ vào quy hoạch, kế hoạch đào tạo cán bộ ở địa phương, UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định việc mở lớp và giao cho Sở Tư pháp phối hợp với Ban Tổ chức chính quyền làm đầu mối ký kết hợp đồng đào tạo với Trường Đại học Luật Hà Nội, tổ chức, quản lý lớp học. Việc ký kết hợp đồng đào tạo được thực hiện theo quy định hiện hành. Trường Đại học Luật Hà Nội có trách nhiệm tổ chức tuyển sinh; cung cấp chương trình, giáo trình, cùng đội ngũ giáo viên kiêm chức giảng dạy; tổ chức thi kiểm tra, thi tốt nghiệp và cấp bằng cho học viên.

Công văn số 1474/TP-TCCB, Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 17 ĐẾN NGÀY 20 THÁNG 10 NĂM 1998

Bộ Tư pháp Việt Nam đón tiếp và làm việc với Đoàn đại biểu Bộ Tư pháp Ac-hen-ti-na

Đây là lần đầu tiên, kể từ khi thiết lập quan hệ ngoại giao giữa hai nước, Đoàn đại biểu cấp cao của Bộ Tư pháp Ac-hen-ti-na đến thăm hữu nghị nước ta. Đoàn đại biểu Bộ Tư pháp Ac-hen-ti-na do ông Granillo Ocampo, Bộ trưởng Bộ Tư pháp Ac-hen-ti-na dẫn đầu. Tại cuộc hội đàm với Đoàn đại biểu Bộ Tư pháp Việt Nam do Bộ trưởng Nguyễn Đình Lộc làm trưởng đoàn, hai bên đã giới thiệu chức năng, nhiệm vụ của Bộ Tư pháp nước mình, tình hình xây dựng pháp luật của mỗi nước,

những thành tựu đã đạt được, cũng như những mục tiêu cần phấn đấu. Phía Ac-hen-ti-na đã giới thiệu chi tiết về những cải tổ đang tiến hành trong hệ thống cơ quan tư pháp của Ac-hen-ti-na. Qua buổi Hội đàm, hai bên đều nhận thấy tuy có những yêu cầu nhiệm vụ khác nhau nhưng có nhiều nét tương đồng trong lĩnh vực xây dựng pháp luật ở Ac-hen-ti-na và Việt Nam. Phía bạn cũng bày tỏ sự sẵn sàng trao đổi với Việt Nam những kinh nghiệm của mình trong lĩnh vực này, đặc biệt là những kinh nghiệm trong công cuộc cải cách hệ thống cơ quan tư pháp. Trên cơ sở đó, hai Bộ trưởng đã ký Thỏa thuận hợp tác về pháp luật và tư pháp giữa Bộ Tư pháp Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Bộ Tư pháp Cộng hoà Ac-hen-ti-na.

Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 19 THÁNG 10 NĂM 1998

Bộ Tư pháp mở lớp luân huấn chuyên đề luật hình sự cho các Thẩm phán Tòa án địa phương

Lớp luân huấn có số lượng học viên là 227 người, học trong 12 tuần, khai giảng ngày 17/11/1998. Trường Đại học Luật Hà Nội có trách nhiệm tổ chức quản lý, giảng dạy, thi và cấp Chứng chỉ khóa học cho các học viên.

Quyết định số 818/QĐ-BTP, Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

Ký kết Hiệp định Tương trợ tư pháp về các vấn đề dân sự và hình sự giữa Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Cộng hoà nhân dân Trung Hoa

Ngày 12/9/1995, tại Công văn số 5047/QHQT của Văn phòng Chính phủ, Bộ Tư pháp được Thủ tướng Chính phủ giao chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành hữu quan xúc tiến việc đàm phán, ký kết Hiệp định này với Trung Quốc. Tháng 10 đến tháng 11/1997, Bộ Tư pháp đã tổ chức nghiên cứu và lấy ý kiến góp ý của các bộ, ngành (Bộ Ngoại giao, Bộ Nội vụ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Văn phòng Chủ tịch nước, Văn phòng Chính phủ và Ban Nội chính Trung ương) về dự thảo Hiệp định.

Ngày 02/12/1997, Bộ Tư pháp trình Thủ tướng Chính phủ Tờ trình số 530/PLQT về việc đàm phán, ký kết Hiệp định giữa Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Cộng hoà nhân dân Trung Hoa về tương trợ tư pháp trong các vấn đề dân sự, thương mại và hình sự.

Ngày 19/10/1998, Hiệp định chính thức được ký kết.

Hiệp định gồm 6 chương với 34 điều.

Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 10 THÁNG 11 NĂM 1998

Chính phủ ban hành Nghị định số 92/1998/NĐ-CP về hành nghề tư vấn pháp luật của tổ chức luật sư nước ngoài tại Việt Nam

Quy chế Hành nghề tư vấn pháp luật của tổ chức luật sư nước ngoài tại Việt Nam (ban hành kèm theo Nghị định số 42-CP ngày 08/7/1995) được ra đời trong thời điểm Việt Nam chưa có nhiều kinh nghiệm thực tế về quản lý hoạt động của tổ chức luật sư nước ngoài. Do đó, thực tiễn thi hành Quy chế cho thấy một số vấn đề về tổ chức và hoạt động hành nghề của chi nhánh chưa được quy định, một số quy định hiện hành còn chưa cụ thể hoặc chưa thực sự phù hợp với thực tế và tính chất nghề nghiệp của luật sư. Những điều bất cập đó đã phần nào gây khó khăn cho các chi nhánh trong hoạt động hành nghề, cũng như ảnh hưởng đến hiệu lực quản lý nhà nước trong lĩnh vực này. Ngày 21/02/1998, Bộ Tư pháp đã có Tờ trình Chính phủ số 197/LSTVPL về Dự án sửa đổi, bổ sung Quy chế Hành nghề tư vấn pháp luật của tổ chức luật sư nước ngoài tại Việt Nam ban hành kèm theo Nghị định số 42-CP của Chính phủ ngày 08/7/1995.

Ngày 10/11/1998, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 92/1998/NĐ-CP về hành nghề tư vấn pháp luật của tổ chức luật sư nước ngoài tại Việt Nam. Nghị định gồm 48 điều chia làm 6 chương, quy định cụ thể điều kiện hành nghề, hình thức tổ chức hành nghề và thủ tục cấp phép; phạm vi hoạt động, quyền và nghĩa vụ của chi nhánh của tổ chức luật sư nước ngoài, luật sư nước ngoài; quản lý hành nghề của tổ chức luật sư nước ngoài tại Việt Nam; xử lý vi phạm.

Nghị định này thay thế Nghị định số 42-CP ngày 08/7/1995 của Chính phủ ban hành Quy chế Hành nghề tư vấn pháp luật của tổ chức luật sư nước ngoài tại Việt Nam.

Công báo số 36 ngày 31/12/1998, tr. 2168 - 2174

NGÀY 16 THÁNG 11 NĂM 1998

Bộ trưởng Bộ Tư pháp ký Quyết định số 861/QĐ-BTP về việc phê duyệt Dự án khả thi xây dựng hệ cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật

Ngày 07/3/1998, Bộ trưởng Bộ Tư pháp ra Quyết định số 322/QĐ-BTP phê duyệt Dự án khả thi xây dựng Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật.

Ngày 16/11/1998, theo Quyết định số 861/QĐ-BTP, Viện Nghiên cứu khoa học pháp lý được giao chủ trì, phối hợp với các Vụ chuyên môn thuộc Bộ Tư pháp và các đơn vị liên quan triển khai thực hiện Dự án.

Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 25 THÁNG 11 NĂM 1998

Thủ tướng Chính phủ ký Quyết định số 1067/1998/QĐ-TTg phê duyệt Dự án xây dựng và quản lý Tủ sách pháp luật ở xã, phường, thị trấn

Theo Quyết định số 1067/1998/QĐ-TTg do Bộ Tư pháp chủ trì soạn thảo, mục tiêu tổng quát mà Dự án đặt ra là triển khai việc xây dựng và quản lý Tủ sách pháp luật ở tất cả các xã, phường, thị trấn trong toàn quốc. Trong 3 năm đầu (1999 - 2001), về cơ bản xây dựng được Tủ sách pháp luật ở tất cả các xã, phường, thị trấn trong toàn quốc theo mô hình ít nhất 4 bộ phận sách, báo, tài liệu pháp lý (văn bản quy phạm pháp luật, sách pháp luật phổ thông, sách hướng dẫn nghiệp vụ, báo pháp luật).

Bộ Tư pháp có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành hữu quan triển khai thực hiện Dự án.

<http://vbqppl.moj.gov.vn>

NGÀY 27 THÁNG 11 NĂM 1998

Bộ trưởng Bộ Tư pháp ký Quyết định số 874/1998/QĐ-BTP thành lập Chi nhánh của Cục Trợ giúp pháp lý tại Bộ phận thường trực phía Nam của Văn phòng Bộ Tư pháp tại thành phố Hồ Chí Minh

Theo Quyết định này, Chi nhánh có chức năng giúp Cục trưởng Cục Trợ giúp pháp lý thực hiện một số nhiệm vụ quản lý và hoạt động trợ giúp pháp lý, chịu trách nhiệm trước Cục trưởng về kết quả thực hiện các nhiệm vụ đó và chịu sự quản lý hành chính trực tiếp của Văn phòng Bộ Tư pháp tại thành phố Hồ Chí Minh.

Chi nhánh có Trưởng Chi nhánh và các chuyên viên trợ giúp pháp lý. Biên chế của Chi nhánh nằm trong tổng biên chế của Cục Trợ giúp pháp lý được phân bổ hàng năm theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.

Tổ chức và hoạt động của Chi nhánh tuân theo Quy chế tổ chức và hoạt động của Cục Trợ giúp pháp lý do Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành, Trưởng Chi nhánh chịu trách nhiệm trước Cục trưởng Cục Trợ giúp pháp lý về tổ chức và hoạt động của Chi nhánh.

Cục Trợ giúp pháp lý có trách nhiệm phối hợp với Văn phòng Bộ Tư pháp bảo đảm cơ sở vật chất, phương tiện, trang thiết bị làm việc cho Chi nhánh và thực hiện quản lý hành chính, lao động đối với Chi nhánh theo quy định chung.

Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 15 THÁNG 12 NĂM 1998

Bộ Tư pháp báo cáo Chủ tịch nước Trần Đức Lương về thực trạng pháp luật về bồi thường thiệt hại cho người bị bắt, tạm giữ, tạm giam, truy tố, xét xử oan sai và một số kiến nghị

Báo cáo đã phân tích pháp luật hiện hành về bồi thường thiệt hại trong hoạt động tố tụng hình sự và chỉ ra một số điểm hạn chế, từ đó đề xuất một số kiến nghị, cụ thể:

- Giao cho các cơ quan hữu quan tiến hành nghiên cứu bổ sung một số quy định của các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành theo hướng: phân biệt rõ các loại đối tượng điều chỉnh khác nhau; Bổ sung thêm quy định làm rõ khái niệm “oan” và quy định rõ các căn cứ để xác định loại oan cần phải bồi thường thiệt hại và cơ quan có trách nhiệm phải bồi thường; Tạo cơ chế để người bị thiệt hại có thể nhận tiền bồi thường được dễ dàng, nhanh chóng; Quy định rõ các tiêu chí và cách tính mức độ thiệt hại đối với các trường hợp bắt, tạm giữ, tạm giam, thi hành án tù oan; Ngân sách bồi thường thiệt hại nên tập trung vào một đầu mối; Bổ sung quy định cho phép thân nhân hoặc người đại diện hợp pháp của người bị thiệt hại được đòi bồi thường thiệt hại trong trường hợp người bị thiệt hại đã chết hoặc bị hạn chế về thể chất, tâm thần sau khi bị xử lý oan, sai.

- Đề nghị Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao sớm ban hành Thông tư hướng dẫn theo quy định tại Điều 20 Nghị định số 47-CP ngày 03/5/1997 của Chính phủ về việc giải quyết bồi thường thiệt hại do công chức, viên chức nhà nước, người có thẩm quyền của cơ quan tiến hành tố tụng gây ra để hướng dẫn việc giải quyết bồi thường thiệt hại trong trường hợp công chức, viên chức nhà nước, người có thẩm quyền của cơ quan tiến hành tố tụng ở các cơ quan khác nhau cùng gây ra thiệt hại.

Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 16 THÁNG 12 NĂM 1998

Chủ tịch nước Trần Đức Lương làm việc với Ban cán sự Đảng Bộ Tư pháp

Cùng dự họp có Trưởng Ban Nội chính Trung ương và đại diện Đảng uỷ khối cơ quan Nội chính Trung ương. Bí thư Ban cán sự Đảng, Bộ trưởng Bộ Tư pháp Nguyễn Đình Lộc thay mặt Ban cán sự Đảng Bộ Tư pháp báo cáo với Chủ tịch nước Trần Đức Lương những kết quả cụ thể trên từng lĩnh vực công tác tư pháp từ năm 1993 đến năm 1998, những vấn đề bức xúc của công tác tư pháp cũng như một số đề xuất, kiến nghị của Ngành.

Cũng tại buổi họp, Trưởng Ban Nội chính Trung ương nêu rõ một số nhận xét, đánh giá về hoạt động của Ngành Tư pháp cũng như của các tổ chức Đảng trong Ngành Tư pháp trong năm 1998.

Phát biểu kết luận, Chủ tịch nước Trần Đức Lương đưa ra một số ý kiến chỉ đạo:

- Ban cán sự Bộ Tư pháp nên kiến nghị với Bộ Chính trị về những vấn đề cần bổ sung trong quy chế hoạt động của Ban cán sự Ngành cho rõ ràng và hiệu quả hơn.
- Ngành Tư pháp phải chủ động tham gia vào các dự án luật mà các ngành khác được soạn thảo, không để tình trạng khi đưa các dự thảo pháp luật đến các cơ quan có thẩm quyền xem xét mới phát biểu ý kiến.
- Công tác giáo dục, phổ biến pháp luật cần làm nhiều hơn. Phải nghiên cứu, xem xét định ra những kế hoạch cụ thể cho công tác này.
- Cần nghiên cứu để đề xuất phương án được đồng bộ và khả thi giải quyết tình trạng tồn đọng khối lượng lớn án dân sự không thi hành được hiện nay.
- Về chương trình cải cách tư pháp cần có sự chỉ đạo chặt chẽ và có sự phối hợp của các ngành hành pháp, tư pháp, lập pháp. Ban Nội chính tập hợp ý kiến đề xuất của các ngành để trình Thường vụ Bộ Chính trị cho ý kiến chỉ đạo.
- Về thực hiện chính sách đối với cán bộ của Ngành Tư pháp, nhất là đối với lực lượng thi hành án cần được chú ý. Trong khi chưa có cải cách về tiền lương cần nghiên cứu có hướng cải thiện chế độ đối với những công chức, viên chức nhằm ngăn ngừa và phòng chống tiêu cực nảy sinh từ trong các cơ quan này.

Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 25 THÁNG 12 NĂM 1998

Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Pháp lệnh về tổ chức và hoạt động hoà giải ở cơ sở

Hòa giải là một truyền thống, một đạo lý tốt đẹp của dân tộc Việt Nam. Mục đích chính của công tác hòa giải ở cơ sở nhằm giữ gìn tình làng nghĩa xóm, tình đoàn kết, tương thân tương ái trong cộng đồng, tập thể, hàn gắn, vun đắp sự hòa thuận, hạnh phúc cho từng gia đình. Điều 127 Hiến pháp năm 1992 quy định: “*Ở cơ sở, thành lập các tổ chức thích hợp của nhân dân để giải quyết những việc vi phạm pháp luật và tranh chấp nhỏ trong nhân dân theo quy định của pháp luật*”. Trong giao dịch dân sự, hòa giải được khái quát thành một trong các nguyên tắc đặc thù của pháp luật dân sự được quy định tại Điều 12 Bộ luật Dân sự năm 1995.

Để cụ thể hóa quy định của Hiến pháp năm 1992 và Bộ luật Dân sự năm 1995, Bộ Tư pháp được giao chủ trì soạn thảo Pháp lệnh về tổ chức và hoạt động hòa giải

ở cơ sở. Ngày 25/12/1998, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã thông qua Pháp lệnh về tổ chức và hoạt động hòa giải ở cơ sở. Pháp lệnh gồm 19 điều chia làm 5 chương. Theo Pháp lệnh, việc hoà giải được tiến hành đối với những việc vi phạm pháp luật và tranh chấp nhỏ trong cộng đồng dân cư, bao gồm: mâu thuẫn, xích mích giữa các cá nhân với nhau; tranh chấp về quyền, lợi ích phát sinh từ quan hệ dân sự, hôn nhân và gia đình; những việc vi phạm pháp luật khác mà theo quy định của pháp luật chưa đến mức bị xử lý bằng biện pháp hình sự hoặc biện pháp hành chính.

Pháp lệnh quy định vai trò của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức thành viên của Mặt trận, các tổ chức xã hội khác, tổ chức kinh tế, cơ quan nhà nước, đơn vị vũ trang nhân dân và công dân trong công tác hoà giải; quản lý nhà nước về công tác hoà giải; tổ hoà giải và tổ viên tổ hoà giải; hoạt động hoà giải.

Ngày 05/01/1999, Chủ tịch nước đã ký Lệnh số 01/L-CTN về việc công bố Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Thủ tục giải quyết các vụ án hành chính và Pháp lệnh về Tổ chức và hoạt động hòa giải ở cơ sở. Pháp lệnh về tổ chức và hoạt động hòa giải ở cơ sở có hiệu lực kể từ ngày công bố.

Công báo số 5 ngày 08/02/1999, tr. 271 - 274

NGÀY 28 VÀ NGÀY 29 THÁNG 12 NĂM 1998

Toạ đàm về Luật Quốc tịch của các nước ASEAN

Thực hiện Hiệp định chuyên ngành Việt Nam - Thụy Điển về “*Hỗ trợ tăng cường quản lý nhà nước bằng pháp luật*”, trong hai ngày 28 và 29/12/1998, Bộ Tư pháp đã phối hợp với SIDA (Thụy Điển) tổ chức toạ đàm chuyên sâu về Luật Quốc tịch của các nước ASEAN với sự tham gia của chuyên gia Xinh-ga-po và chuyên gia pháp luật Việt Nam.

Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 1998

Chính phủ ban hành Nghị định số 104/1998/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Quốc tịch Việt Nam

Ngày 05/10/1998, Bộ Tư pháp trình Chính phủ Tờ trình Dự thảo Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Quốc tịch Việt Nam.

Ngày 31/12/1998, Chính phủ ban hành Nghị định số 104/1998/NĐ-CP, gồm 3 chương 34 điều quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quốc tịch Việt Nam và quy định thủ tục, trình tự giải quyết việc xin nhập,

xin trở lại, xin thôi quốc tịch Việt Nam, việc cấp giấy chứng nhận có quốc tịch Việt Nam, Giấy xác nhận mất quốc tịch Việt Nam và việc hủy bỏ Quyết định cho nhập quốc tịch Việt Nam, tước quốc tịch Việt Nam.

Nghị định này thay thế Nghị định số 37/HĐBT ngày 05/02/1990 quy định chi tiết thi hành Luật Quốc tịch Việt Nam năm 1988 và Nghị định số 06/1998/NĐ-CP ngày 14/01/1998 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/HĐBT. Các quy định tại Nghị định này cũng được áp dụng để giải quyết đơn xin nhập quốc tịch Việt Nam đã được gửi đến các cơ quan nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam trước ngày Nghị định này có hiệu lực mà chưa được giải quyết.

Công báo số 5 ngày 08/02/1999, tr. 282 - 293

NĂM 1999

NGÀY 09 THÁNG 01 NĂM 1999

Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Quy chế làm việc của Lãnh đạo Bộ Tư pháp

Được ban hành kèm theo Quyết định số 02/1999/QĐ-BTP về việc ban hành Quy chế làm việc của Lãnh đạo Bộ Tư pháp, Quy chế quy định quan hệ công tác và lễ lối làm việc của Bộ trưởng, Thứ trưởng, Thứ trưởng thường trực, giao ban Lãnh đạo Bộ, họp Lãnh đạo Bộ, việc đi công tác địa phương của Lãnh đạo Bộ, tiếp khách của Bộ trưởng, Thứ trưởng...; Lễ lối làm việc của Lãnh đạo Bộ trong quan hệ với Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ; Quan hệ giữa Lãnh đạo Bộ với Ban cán sự đảng, Đảng ủy, các tổ chức chính trị - xã hội trong Bộ; Việc xử lý công văn, tài liệu và thủ tục trình giải quyết công việc của Lãnh đạo Bộ.

Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 11 THÁNG 01 NĂM 1999

Bộ Tư pháp ban hành 03 thông tư hướng dẫn chế độ công tác phí cho cán bộ, công chức nhà nước thuộc Ngành Tư pháp đi công tác trong nước, chế độ chi tiêu hội nghị, chế độ sử dụng máy điện thoại trong các Tòa án nhân dân và cơ quan thi hành án dân sự địa phương

Thi hành Pháp lệnh Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 94/1998/TT-BTC ngày 30/6/1998 quy định chế độ công tác phí cho cán bộ, công chức nhà nước đi công tác trong nước; Thông tư số 93/1998/TT-BTC ngày 30/6/1998 quy định chế độ chi tiêu hội nghị trong các cơ quan quản lý nhà nước, các đơn vị sự nghiệp, các cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp có sử dụng kinh phí do ngân sách nhà nước cấp. Để phù hợp với đặc điểm của Ngành, ngày 11/01/1999, Bộ Tư pháp ban hành 3 thông tư: Thông tư số 02/1999/TT-BTP hướng dẫn về chế độ công tác phí cho cán bộ, công chức nhà nước thuộc Ngành Tư pháp đi công tác trong nước; Thông tư số 03/1999/TT-BTP hướng dẫn chế độ chi tiêu hội nghị trong Ngành Tư pháp; Thông tư số 04/1999/TT-BTP về chế độ sử dụng máy điện thoại trong các Tòa án nhân dân và cơ quan thi hành án dân sự địa phương:

- Chế độ công tác phí đi công tác trong nước: quy định cụ thể những nội dung được thanh toán công tác phí, quản lý chi tiêu, công tác phí.

- Chế độ chi tiêu hội nghị: quy định cụ thể về địa điểm, thời gian tổ chức hội nghị; nội dung chi hội nghị.

- Chế độ sử dụng máy điện thoại trong các Tòa án nhân dân và cơ quan thi hành án dân sự địa phương: quy định cụ thể chế độ quản lý và sử dụng điện thoại cố định, trang bị máy nhắn tin, trang bị và sử dụng máy điện thoại di động.

Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 28 THÁNG 01 NĂM 1999

Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính ban hành Thông tư liên tịch số 05/1999/TTLT-TP-TC hướng dẫn thực hiện Dự án xây dựng và quản lý Tủ sách pháp luật ở xã, phường, thị trấn

Thực hiện Quyết định số 1067/1998/QĐ-TTg ngày 25/11/1998 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Dự án xây dựng và quản lý Tủ sách pháp luật ở xã, phường, thị trấn, Thông tư liên tịch số 05/1999/TTLT-TP-TC của Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số quy định như sau:

- Ngay trong năm 1999 các xã, phường, thị trấn phải tiến hành xây dựng và tổ chức sử dụng Tủ sách pháp luật sao cho có hiệu quả nhất. Nội dung của Tủ sách pháp luật ban đầu ít nhất phải đảm bảo 4 bộ phận sau đây: Sách văn bản quy phạm pháp luật theo lĩnh vực do Trung ương và địa phương ấn hành; Sách hướng dẫn nghiệp vụ công tác chính quyền, hành chính, tư pháp cơ sở; Sách hỏi đáp, bình luận, giải thích pháp luật; Báo, tạp chí pháp luật chuyên đề của Trung ương và địa phương;

- Tủ sách pháp luật phải được đặt ở nơi thuận tiện để cán bộ tra cứu, vận dụng và nhân dân mượn đọc thuận tiện, trong đó ưu tiên đặt tại trụ sở của UBND xã, phường, thị trấn.

- Mức chi cho Tủ sách pháp luật hàng năm của mỗi xã, phường, thị trấn căn cứ đặc điểm của từng vùng, miền và dân số của từng xã, phường, thị trấn do Chủ tịch UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quy định cụ thể với định mức tối thiểu là 1,2 triệu đồng/năm, tối đa là 2,2 triệu đồng/năm.

Cùng ngày 28/01/1999, Bộ trưởng Bộ Tư pháp đã ban hành Chỉ thị số 01/1999/CT-BTP về việc triển khai Dự án xây dựng và quản lý Tủ sách pháp luật ở xã, phường, thị trấn.

Công báo số 16 ngày 30/4/1999, tr. 1027 - 1029

NGÀY 29 THÁNG 01 NĂM 1999

Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Quy chế thực hiện dân chủ của cơ quan Bộ Tư pháp

Theo Quyết định số 14/1999/QĐ-BTP, Quy chế thực hiện dân chủ của cơ quan Bộ Tư pháp quy định:

- Dân chủ trong nội bộ cơ quan Bộ: nêu rõ trách nhiệm của Bộ trưởng, Thứ trưởng; quyền và nghĩa vụ của cán bộ, công chức; Tổ chức hội nghị cán bộ, công chức cơ quan; Tiếp cán bộ, công chức trong cơ quan; Tổ chức hòm thư góp ý; Những vấn đề cán bộ, công chức trong cơ quan bàn và quyết định trực tiếp; Ban thanh tra nhân dân...

- Dân chủ trong việc giải quyết công việc với công dân, cơ quan, tổ chức: quy định quan hệ với công dân, cơ quan, tổ chức và cơ quan tư pháp, Tòa án nhân dân địa phương.

Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 01 ĐẾN 03 THÁNG 02 NĂM 1999

Hội nghị tổng kết công tác tư pháp năm 1998

Hội nghị đã nghe Báo cáo tổng kết Ngành Tư pháp năm 1998 và phương hướng nhiệm vụ năm 1999, qua đó đánh giá những kết quả đạt được, những khó khăn tồn tại trong các lĩnh vực công tác của Ngành.

Phát biểu tại Hội nghị, thay mặt Trung ương Đảng và Chính phủ, Thủ tướng Phan Văn Khải nhiệt liệt biểu dương những thành tích của Ngành Tư pháp trong năm qua. Thủ tướng cũng phát biểu với Hội nghị một số vấn đề lớn trong việc thực hiện nhiệm vụ công tác tư pháp năm 1999.

Kết thúc hội nghị, Bộ trưởng Bộ Tư pháp Nguyễn Đình Lộc đã đề cập đến các vấn đề cơ bản như: vấn đề bổ nhiệm thẩm phán; vấn đề giải quyết án dân sự tồn đọng; vấn đề hội thẩm; vấn đề kinh phí của ngành; vấn đề chức danh hộ tịch viên...

Về vấn đề chỉ đạo điều hành của Lãnh đạo Bộ, Bộ trưởng nhấn mạnh: Bộ đã ban hành một loạt các quy chế, Lãnh đạo Bộ nói chung, từng đơn vị nói riêng phải điều hành bằng quy chế. Đề nghị lãnh đạo Sở Tư pháp, Tòa án cấp tỉnh cũng như cấp huyện nên chỉ đạo điều hành bằng quy chế... Điều hành bằng quy chế là một hình thức điều hành vừa dân chủ, vừa khoa học.

Tạp chí Dân chủ và Pháp luật số 2 năm 1999

NGÀY 08 THÁNG 02 NĂM 1999

Bộ Tư pháp và Bộ Công an ban hành Thông tư liên tịch số 07/1999/ TTLT-BTP-BCA quy định cấp Phiếu lý lịch tư pháp

Theo Thông tư liên tịch số 07/1999/TTLT-BTP-BCA, Phiếu lý lịch tư pháp là loại phiếu do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp cho người có yêu cầu nhằm xác nhận người đó có hoặc không có tiền án. Thông tư quy định rõ mẫu Phiếu lý lịch tư pháp; nguyên tắc xác nhận có hay không có tiền án; quyền yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp, những trường hợp không được cấp, thẩm quyền cấp, lệ phí, thủ tục, trình tự cấp phiếu lý lịch tư pháp.

Công báo số 12 ngày 31/3/1999, tr. 778 - 780

NGÀY 11 THÁNG 02 NĂM 1999

Mở lớp luân huấn chuyên đề luật dân sự cho các thẩm phán Tòa án nhân dân địa phương

Ngày 11/02/1999, Bộ trưởng Bộ Tư pháp ra Quyết định số 26/QĐ-BTP về việc mở lớp luân huấn chuyên đề luật dân sự cho các thẩm phán Tòa án nhân dân địa phương. Lớp có số lượng học viên là 243 người, thời gian học trong 3 tháng, khai giảng ngày 04/3/1999, tại Cơ sở II Trường Đào tạo cán bộ Lê Hồng Phong Hà Nội (thôn Hòa Mục, xã Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội).

Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 13 THÁNG 02 NĂM 1999

Bộ Tư pháp ban hành Thông tư số 08/1999/TT-BTP hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 92/1998/NĐ-CP ngày 10/11/1998 của Chính phủ về hành nghề tư vấn pháp luật của tổ chức luật sư nước ngoài tại Việt Nam

Căn cứ Điều 36 và Điều 48 của Nghị định số 92/1998/NĐ-CP ngày 10/11/1998 của Chính phủ về hành nghề tư vấn pháp luật của tổ chức luật sư nước ngoài tại Việt Nam, ngày 13/02/1999, Bộ Tư pháp ban hành Thông tư số 08/1999/TT-BTP hướng dẫn thực hiện một số quy định của Nghị định.

Theo quy định tại Thông tư, tổ chức luật sư nước ngoài là tổ chức luật sư được thành lập và hành nghề hợp pháp ở nước ngoài. Luật sư nước ngoài là người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài có giấy phép hành nghề luật sư do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp. Giấy phép hành nghề luật sư bao gồm chứng chỉ hành nghề, thẻ luật sư hoặc giấy tờ khác xác nhận tư cách luật sư.

Thông tư cũng quy định cụ thể điều kiện cấp giấy phép đặt chi nhánh, thủ tục cấp giấy phép, về đăng ký hành nghề, thủ tục thay đổi nội dung giấy phép, gia hạn hoạt động cho chi nhánh; quyền và nghĩa vụ của chi nhánh, luật sư nước ngoài; chế độ báo cáo, kiểm tra; nhiệm vụ và quyền hạn của Sở Tư pháp.

Thông tư có hiệu lực từ ngày 28/02/1999 và thay thế Thông tư số 791b/TT-LSTVPL ngày 08/9/1995 của Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành Quy chế hành nghề tư vấn pháp luật của tổ chức luật sư nước ngoài tại Việt Nam ban hành kèm theo Nghị định số 42/CP ngày 08/7/1995 của Chính phủ.

Công báo số 21 ngày 08/6/1999, tr. 1375 - 1378

NGÀY 01 THÁNG 3 NĂM 1999

Bộ trưởng Bộ Tư pháp ra Chỉ thị về tổ chức lấy ý kiến đóng góp vào Dự thảo Bộ luật Hình sự (sửa đổi) trong Ngành Tư pháp

Ngày 11/02/1999, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã ban hành Kế hoạch số 174/UBTVQH10 về việc lấy ý kiến nhân dân, các ngành, các cấp về dự thảo Bộ luật Hình sự (sửa đổi). Để triển khai Kế hoạch, ngày 01/01/1999, Bộ trưởng Bộ Tư pháp ra Chỉ thị số 02/1999/CT-BTP yêu cầu cán bộ, công chức, mỗi đơn vị trong ngành, các tổ chức pháp chế bộ, ngành có trách nhiệm góp phần hoàn chỉnh Dự thảo Bộ luật Hình sự (sửa đổi). Chỉ thị nêu cụ thể yêu cầu của việc tổ chức lấy ý kiến đóng góp, nội dung công việc của từng đơn vị trong bộ, các tổ chức pháp chế bộ, ngành, các Sở Tư pháp và thời hạn tổ chức thực hiện.

Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 08 THÁNG 3 NĂM 1999

Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Chỉ thị số 03/1999/CT-BTP về việc triển khai thực hiện các công tác trọng tâm của Ngành Tư pháp trong năm 1999

Trên cơ sở các định hướng chủ yếu, Chỉ thị số 03/1999/CT-BTP nêu rõ các giải pháp thực hiện trên từng lĩnh vực như:

1. Đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ;
2. Xây dựng Quy chế đạo đức thẩm phán, luật sư và nghiên cứu xây dựng các Quy chế nghề nghiệp của cán bộ Ngành Tư pháp. Tăng cường trách nhiệm kiểm tra, giám sát của Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị trong Ngành đối với việc chấp hành các quy chế đó;
3. Tổ chức tốt việc soạn thảo, bảo đảm tiến độ và có chất lượng các dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật. Nâng cao chất lượng và thời gian thẩm định các

dự thảo văn bản quy phạm pháp luật. Hoàn thành bước 2 của Kế hoạch tổng rà soát và hệ thống hoá các văn bản quy phạm pháp luật;

4. Tiếp tục đẩy mạnh công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trong cán bộ và nhân dân; thực hiện tốt nhiệm vụ cơ quan thường trực của Hội đồng phối hợp và chủ động thể hiện vai trò đầu mối trong việc tổ chức phối hợp thực hiện hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật;

5. Tăng cường quản lý nhà nước đối với các tổ chức hỗ trợ tư pháp; nâng cao chất lượng hoạt động và đưa công tác hỗ trợ tư pháp đi vào chiều sâu, phục vụ đắc lực cho công tác xét xử, công tác thi hành án, công tác quản lý hành chính - tư pháp và sự phát triển kinh tế - xã hội;

6. Triển khai thực hiện tốt kết luận của Thủ tướng Chính phủ về biện pháp giải quyết án tồn đọng; Tăng cường kiểm tra, chấn chỉnh công tác thi hành án dân sự, phần đấu số án được thi hành xong hoàn toàn có tỷ lệ cao hơn năm 1998;

7. Thực hiện chủ trương công khai hoá việc cấp phát, sử dụng, quản lý tài chính, tài sản. Thực hành triệt để tiết kiệm, chống lãng phí, chống tham nhũng trong công tác quản lý, cấp phát, sử dụng tài chính, tài sản, nhất là đối với nguồn vốn xây dựng trụ sở của các Tòa án nhân dân địa phương và cơ quan thi hành án địa phương. Ban hành và tổ chức thực hiện tốt Quy chế cấp phát, sử dụng, mua sắm và quản lý tài sản ở các cơ quan, đơn vị trong Ngành Tư pháp;

8. Đẩy mạnh một bước việc xây dựng Hệ cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật; triển khai thí điểm việc xây dựng cơ sở dữ liệu pháp luật ở một số Sở Tư pháp;

9. Xây dựng văn bản hướng dẫn thi hành Pháp lệnh về tổ chức và hoạt động hoà giải ở cơ sở; củng cố, kiện toàn, thành lập mới tổ hoà giải; tổ chức bầu tổ trưởng, tổ viên tổ hoà giải theo quy định của Pháp lệnh và văn bản hướng dẫn thi hành; hướng dẫn tổ chức các cuộc thi người làm công tác hoà giải giỏi ở các địa phương để chuẩn bị tổ chức cuộc thi toàn quốc;

10. Tạo bước chuyển cơ bản về cải cách hành chính trong Ngành Tư pháp (đặc biệt là thủ tục hành chính trong quan hệ với công dân), trước hết trong các lĩnh vực: công chứng, hộ tịch, thi hành án;

11. Ban hành Quy chế về mối quan hệ công tác giữa các đơn vị thuộc Bộ và Tòa án nhân dân địa phương, cơ quan tư pháp địa phương. Chú trọng việc đôn đốc, kiểm tra thực hiện các Quy chế mà Bộ đã ban hành. Xây dựng và tổ chức thực hiện các quy chế làm việc của lãnh đạo cơ quan Tòa án địa phương, cơ quan tư pháp địa phương, cơ quan thi hành án, tổ chức luật sư, Phòng công chứng nhà nước;

12. Đẩy mạnh và duy trì thường xuyên phong trào thi đua yêu nước trong Ngành Tư pháp theo Chỉ thị số 02/1998/CT-BTP ngày 08/10/1998 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp, Kế hoạch tổ chức và phát động phong trào thi đua đã đề ra tại Hội nghị tư pháp toàn quốc năm 1998.

Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 20 THÁNG 3 NĂM 1999

Bộ trưởng Bộ Tư pháp thăm và làm việc với lãnh đạo Tỉnh uỷ, UBND và một số ban, ngành tỉnh Long An

Thực hiện nhiệm vụ được Thủ tướng Chính phủ phân công phụ trách theo dõi 2 tỉnh Sơn La và Long An, nhằm giúp 2 tỉnh thực hiện tốt kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 1999, Bộ Tư pháp đã thành lập Ban chỉ đạo của Bộ do Bộ trưởng làm Trưởng Ban và phân công Thứ trưởng thường trực Nguyễn Văn Sản giúp Bộ trưởng trực tiếp theo dõi tỉnh Sơn La, Thứ trưởng Hà Hùng Cường giúp Bộ trưởng trực tiếp theo dõi tỉnh Long An.

Ngày 20/01/1999, Bộ trưởng Bộ Tư pháp đã thăm và làm việc với Lãnh đạo Tỉnh uỷ, UBND và một số ban, ngành tỉnh Long An qua đó đã thống nhất sẽ phối hợp chặt chẽ với tỉnh trong việc nắm tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 1999 của tỉnh, đi sâu sát địa phương; phản ánh kịp thời với Chính phủ những kinh nghiệm tốt, sáng tạo của địa phương, những khó khăn, vướng mắc, những đề xuất kiến nghị của địa phương. Bộ Tư pháp và tỉnh Long An cũng đã thiết lập đường dây thông tin. Hàng tháng, tỉnh Long An gửi báo cáo đánh giá tình hình kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng của tỉnh cho Bộ Tư pháp và Bộ Tư pháp cũng thông tin cho tỉnh những nội dung cần thiết phục vụ cho chương trình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

Bộ Tư pháp tổ chức Hội nghị tổng kết công tác chỉ đạo điểm giáo dục pháp luật trong trường học

Thứ trưởng Bộ Tư pháp Uông Chu Lưu chủ trì hội nghị.

Tham dự hội nghị có đại diện các Vụ chức năng của Bộ Tư pháp, Bộ Giáo dục - Đào tạo, đại diện Ban chỉ đạo điểm của 7 tỉnh, thành phố được chọn làm điểm, Ban Giám hiệu 17 trường điểm.

Tin Tư pháp số 3 năm 1999

NGÀY 22 THÁNG 3 NĂM 1999

Ủy viên Thường vụ Bộ Chính trị, Chủ tịch nước Trần Đức Lương phát biểu về các cơ quan bảo vệ pháp luật tại Hội nghị Nội chính toàn quốc năm 1999

Trong bài phát biểu của mình, Chủ tịch nước đã có những góp ý về một số vấn đề thuộc tiến trình tổ tụng của các cơ quan bảo vệ pháp luật như:

- Nên tiến hành xây dựng quy chế làm việc giữa các cơ quan tham gia quá trình tiến hành tố tụng, trong đó phân định cụ thể chức năng, nhiệm vụ của từng cơ quan và mối quan hệ phối hợp giữa các cơ quan này với nhau.

- Có quy định và hướng dẫn thực hiện thống nhất trong cả nước hệ thống các tiêu chí nhằm phân định chính xác vi phạm hình sự, vi phạm dân sự và vi phạm kinh tế.

- Công tác điều tra, bắt giam, xét hỏi các đối tượng: cần có những biện pháp cụ thể, đặt ra chỉ tiêu rõ ràng cho từng thời kỳ để xoá bỏ được một số vấn đề đáng quan tâm như: Việc bắt người, tạm giam chưa tuân thủ nghiêm ngặt những quy định của pháp luật về bắt quả tang, bắt người trong trường hợp khẩn cấp, bắt người có lệnh phê chuẩn trước của Viện kiểm sát, tình trạng bắt oan, giam giữ quá hạn trong các khâu điều tra, truy tố, xét xử còn xảy ra không ít, việc xâm phạm tự do thân thể, sinh mệnh chính trị của công dân vẫn còn...

- Coi trọng việc tham gia xây dựng các dự án luật bổ sung, sửa đổi pháp luật. Cần giảm bớt các loại tội danh có mức án tử hình. Nghiên cứu để đề xuất hình thức thi hành án tử hình cho phù hợp với bối cảnh xã hội hiện nay.

- Cần coi trọng ban hành các quy định chế độ bảo mật các tài liệu có liên quan đến các vụ án; chế độ cung cấp thông tin cho báo chí về các vụ án lớn trước, trong và sau khi xét xử; quy định thời điểm được đưa tin trên các phương tiện thông tin đại chúng về một vụ án sao cho vừa kịp thời và bảo đảm thuận lợi cho các cơ quan tiến hành tố tụng thực hiện nhiệm vụ. Quy định cụ thể vai trò và nâng cao trách nhiệm của luật sư, kể cả việc tuân thủ pháp luật của luật sư trong quá trình tố tụng.

- Thông qua thực tiễn công tác, các cơ quan nội chính của Đảng cần nghiên cứu, bổ sung để chuẩn hóa về chức năng, xác định rõ nhiệm vụ chủ yếu, xây dựng quy chế làm việc, kiện toàn công tác tổ chức và cán bộ. Tạo điều kiện để cán bộ trong các cơ quan bảo vệ pháp luật học tập, nghiên cứu, nâng cao trình độ chuyên môn, đáp ứng nhiệm vụ trước mắt và lâu dài. Cần phải có quy hoạch cán bộ, có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, sắp xếp, bố trí cán bộ, thưởng phạt, khen chê rõ ràng. Đồng thời cũng cần phải nghiên cứu để sớm đề xuất các chính sách đãi ngộ, có bao hàm ý nghĩa “đường liêm” đối với đội ngũ cán bộ làm công tác bảo vệ pháp luật.

Tạp chí Kiểm sát số 4 năm 1999

NGÀY 27 THÁNG 3 NĂM 1999

Tổng kết cuộc thi “Báo chí viết về Bộ luật Dân sự”

Ngày 25/01/1999, tại Hà Nội, Bộ Tư pháp đã tổ chức gặp gỡ báo chí và tổng kết cuộc thi “Báo chí viết về Bộ luật Dân sự”, với sự tham gia của đại diện gần 70 cơ quan, đơn vị, báo, đài Trung ương và các tập thể, cá nhân đạt giải.

Tin Tư pháp số 3 năm 1999

THÁNG 3 NĂM 1999

Bộ Tư pháp tiếp tục thực hiện triển khai cụ thể kế hoạch công tác xóa đói, giảm nghèo ở tỉnh Gia Lai

Tiếp theo cuộc làm việc của Bộ trưởng Bộ Tư pháp Nguyễn Đình Lộc với Lãnh đạo tỉnh ủy và UBND tỉnh Gia Lai, trong tháng 3/1999, Đoàn công tác của Bộ Tư pháp do Thứ trưởng Ưông Chu Lưu chủ trì đã có hai cuộc làm việc với Lãnh đạo UBND tỉnh Gia Lai để trao đổi và bàn kế hoạch triển khai cụ thể công tác xóa đói, giảm nghèo tại tỉnh Gia Lai.

Báo Pháp luật số 58 ngày 14/5/1999

NGÀY 07 THÁNG 4 NĂM 1999

Bộ Tư pháp ban hành Thông tư số 09/1999/TT-BTP hướng dẫn việc cấp giấy xác nhận không có quốc tịch Việt Nam

Theo Thông tư số 09/1999/TT-BTP, giấy xác nhận không có quốc tịch Việt Nam được cấp cho người nước ngoài thường trú tại Việt Nam và người nước ngoài tạm trú tại Việt Nam từ 6 tháng trở lên. Cơ quan có thẩm quyền cấp là UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi người nước ngoài cư trú tại Việt Nam. Thông tư quy định cụ thể thủ tục, trình tự cấp giấy xác nhận không có quốc tịch Việt Nam.

Công báo số 24 ngày 30/6/1999, tr. 1595 - 1596

NGÀY 10 THÁNG 4 NĂM 1999

Bộ Tư pháp ban hành Thông tư số 10/1999/TT-BTP hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/1998/NĐ-CP ngày 26/12/1998 của Chính phủ về quản lý hợp tác với nước ngoài về pháp luật

Theo Thông tư này, cơ quan, tổ chức được hợp tác với nước ngoài về pháp luật gồm các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan Trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội và các cơ quan khác, đơn vị trực thuộc cơ quan, tổ chức Việt Nam nói trên hợp tác với nước ngoài về pháp luật phải làm thủ tục thẩm định, xin phép qua cơ quan, tổ chức Việt Nam. Thông tư cũng quy định rõ các hoạt động hợp tác pháp luật thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định; việc thẩm định của Bộ Tư pháp đối với chương trình, kế hoạch, dự án hợp tác pháp luật; việc sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh chương trình, kế hoạch, dự án, hợp tác; chế độ báo cáo và kiểm tra về tình hình thực hiện hoạt động hợp tác với nước ngoài về pháp luật và dự kiến thực hiện chương trình, kế hoạch, dự án hợp tác cho thời kỳ tiếp theo.

Công báo số 24 ngày 30/6/1999, tr. 1596 - 1599

NGÀY 26 VÀ NGÀY 27 THÁNG 4 NĂM 1999

Hội thảo quốc tế về giải quyết tranh chấp kinh tế có yếu tố nước ngoài tại Việt Nam

Hội thảo được tổ chức tại thành phố Hồ Chí Minh do Bộ Tư pháp và Phái đoàn đại diện Ủy ban châu Âu tại Việt Nam và Chương trình Trợ giúp kỹ thuật của liên minh châu Âu cho quá trình chuyển đổi sang nền kinh tế thị trường ở Việt Nam tổ chức Hội thảo quốc tế về giải quyết tranh chấp kinh tế có yếu tố nước ngoài và liên quan trực tiếp đến đầu tư nước ngoài tại Việt Nam phối hợp tổ chức. Bộ trưởng Bộ Tư pháp Nguyễn Đình Lộc và Đại sứ Riccardo Ravenna - Trưởng phái đoàn đại diện Ủy ban châu Âu tại Việt Nam chủ trì Hội thảo.

Tham dự Hội thảo về phía Việt Nam có các chuyên gia của Bộ Tư pháp, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Tòa án nhân dân tối cao, Trung tâm Trọng tài quốc tế bên cạnh Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, Cục Sở hữu công nghiệp. Về phía nước ngoài có 138 đại biểu tham dự, trong đó có 14 đại biểu đại diện các cơ quan ngoại giao, lãnh sự của các nước; 124 đại biểu đại diện cho các doanh nghiệp, các nhà đầu tư nước ngoài tại Việt Nam và các luật sư nước ngoài hành nghề tại Việt Nam.

Tại Hội thảo, cùng với việc trình bày tham luận, các đại biểu tham gia Hội thảo cũng đã có những cuộc trao đổi rộng rãi về những vấn đề mà nước ngoài quan tâm, nhất là những vấn đề họ đang gặp phải trong quá trình đầu tư tại Việt Nam, đánh giá thực trạng pháp luật và thực tiễn thi hành pháp luật Việt Nam liên quan đến việc giải quyết tranh chấp kinh tế có yếu tố nước ngoài tại Việt Nam. Trước những kiến nghị có tính chất bức xúc của các doanh nghiệp và các nhà đầu tư nước ngoài tại hội thảo về những vấn đề nổi cộm, Bộ Tư pháp đề nghị Thủ tướng Chính phủ xem xét và quyết định cho thành lập Tổ công tác liên ngành do Văn phòng Chính phủ chủ trì, có sự tham gia của Bộ Tư pháp, phối hợp với các cơ quan hữu quan khẩn trương tiến hành rà soát toàn bộ các văn bản pháp luật hiện hành của nước ta liên quan đến việc giải quyết tranh chấp kinh tế có yếu tố nước ngoài và đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 04 THÁNG 5 NĂM 1999

Mở lớp luân huấn luật kinh tế cho Thẩm phán Tòa án nhân dân địa phương

Ngày 04/5/1999, Bộ trưởng Bộ Tư pháp ra Quyết định số 91/QĐ-BTP về mở lớp luân huấn chuyên đề luật kinh tế cho Thẩm phán Tòa án nhân dân địa phương. Theo Quyết định này, lớp học sẽ diễn ra trong thời gian 3 tháng, khai giảng ngày 18/5/1999 với 264 học viên, tại Cơ sở II - Trường Đào tạo cán bộ Lê Hồng Phong, Hà Nội.

Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 10 THÁNG 5 NĂM 1999

Bộ Tư pháp báo cáo Thủ tướng Chính phủ về việc thực hiện kế hoạch hỗ trợ tỉnh Gia Lai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xoá đói, giảm nghèo

Thực hiện nhiệm vụ Chính phủ phân công, Bộ Tư pháp giúp tỉnh Gia Lai thực hiện chương trình xoá đói, giảm nghèo, ngày 10/5/1999, Bộ Tư pháp đã có Công văn số 656/BC-BTP báo cáo Thủ tướng Chính phủ về tiến độ triển khai, kết quả thực hiện Chương trình.

Theo đó, Bộ Tư pháp nêu rõ: Qua các buổi làm việc, UBND tỉnh Gia Lai và Bộ Tư pháp đã thống nhất các biện pháp, kế hoạch hỗ trợ tỉnh thực hiện chương trình, mục tiêu quốc gia xoá đói, giảm nghèo. Bộ Tư pháp đã có một số hoạt động hỗ trợ trực tiếp tỉnh Gia Lai thực hiện chương trình xoá đói, giảm nghèo, như: ưu tiên cấp kinh phí để xây dựng cơ sở hạ tầng cho Tòa án nhân dân và cơ quan thi hành án dân sự của tỉnh Gia Lai; phối hợp với UBND tỉnh Gia Lai hỗ trợ kinh phí xây dựng một ngôi nhà tình nghĩa tặng anh hùng A Sanh (người lái đò trên sông Pô cô trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ); phối hợp với Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ mở 2 lớp bồi dưỡng ngắn hạn về kiến thức pháp lý cơ bản cho cán bộ chính quyền cấp xã và tư pháp cấp xã tại Đông Trường Sơn và Tây Trường Sơn; cấp kinh phí xây dựng tủ sách pháp luật xã, phường cho 24 xã đặc biệt khó khăn và cung cấp Báo Pháp luật, Tạp chí Dân chủ và pháp luật miễn phí cho các tủ sách; cử chuyên viên của Bộ đến Gia Lai (trực tiếp là 2 huyện có khó khăn) giúp đỡ nghiệp vụ công chứng, hộ tịch, thi hành án dân sự; mở lớp bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn cho các Đoàn luật sư của 3 tỉnh: Gia Lai, Đắk Lắk, Kon Tum...

Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 25 THÁNG 6 NĂM 1999

Bộ Tư pháp ban hành Thông tư số 12/1999/TT-BTP hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 83/1998/NĐ-CP ngày 10/10/1998 của Chính phủ về đăng ký hộ tịch

Theo Thông tư này, việc đăng ký hộ tịch trong các lĩnh vực: khai sinh, kết hôn, khai tử, nhận nuôi con nuôi, giám hộ, việc nhận cha, mẹ, con, việc đăng ký quá hạn, đăng ký lại thuộc thẩm quyền UBND xã, phường, thị trấn. Riêng việc đăng ký thay đổi họ tên, chữ đệm, cải chính họ, tên, chữ đệm, ngày, tháng, năm sinh, xác định lại dân tộc; đăng ký hộ tịch có yếu tố nước ngoài phải được thực hiện tại UBND cấp tỉnh. Ngoài ra, trong một số trường hợp, một số cơ quan, tổ chức có liên quan cũng có thẩm quyền đăng ký.

Thông tư còn quy định cụ thể việc ghi vào sổ các thay đổi hộ tịch khác (như ly hôn, hủy hôn nhân trái pháp luật; thay đổi quốc tịch; xác định cha, mẹ, con; quyết định tuyên bố mất tích, mất năng lực hành vi dân sự, hạn chế năng lực hành vi dân sự, hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên...), đăng ký hộ tịch có yếu tố nước ngoài và một số quy định về giấy tờ hợp lệ thay thế, giải quyết khiếu nại, tố cáo.

Công báo số 32 ngày 31/8/1999, tr. 2111 - 2127

NGÀY 09 THÁNG 7 NĂM 1999

Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Quy chế báo cáo viên pháp luật

Theo Quyết định số 210/1999/QĐ-BTP, Giám đốc các Sở Tư pháp có trách nhiệm tổ chức xây dựng Quy chế tuyên truyền viên ở cơ sở trình UBND cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương ban hành.

Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 14 VÀ NGÀY 15 THÁNG 7 NĂM 1999

Hội thảo thực hiện quyền đăng ký khai sinh của trẻ em ở Việt Nam

Hội thảo do Bộ Tư pháp phối hợp với Văn phòng tổ chức PLAN International tại Hà Nội và Văn phòng UNICEF tại Việt Nam tổ chức.

Tham dự hội thảo gồm 90 đại biểu đại diện cho 17 bộ, ngành và các tổ chức chính trị - xã hội Việt Nam ở Trung ương như Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ, Bộ Công an, Ủy ban Bảo vệ và chăm sóc trẻ em, Ủy ban Quốc gia dân số và kế hoạch hoá gia đình, Tổng cục Thống kê...; 12 Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố và 04 tổ chức quốc tế, nước ngoài (UNFPA, Quỹ cứu trợ Anh, Quỹ cứu trợ Pháp, tổ chức RaddaBarnen của Thụy Điển).

Qua nghiên cứu các tham luận và thảo luận, các đại biểu đã cùng nhau đánh giá, đề xuất các giải pháp chung và cụ thể, trước mắt có tính khả thi ngay nhằm khắc phục những tồn tại trong công tác đăng ký khai sinh hiện tại.

Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 22 THÁNG 7 NĂM 1999

Thành lập Câu lạc bộ pháp chế doanh nghiệp

Ngày 22/7/1999, Bộ trưởng Bộ Tư pháp ký Quyết định số 212/1999/QĐ-TCCB thành lập Câu lạc bộ pháp chế doanh nghiệp. Mục đích hoạt động của Câu lạc bộ

pháp chế doanh nghiệp là hỗ trợ về mặt pháp lý cho hoạt động của các thành viên thông qua việc giới thiệu kịp thời, thường xuyên, có hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật, các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về kinh tế, xã hội, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ; cung cấp ý kiến pháp lý theo yêu cầu của các thành viên, thu thập ý kiến của các thành viên để kiến nghị với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện pháp luật. Toạ đàm trao đổi kinh nghiệm về hoạt động kinh doanh, công tác pháp chế và các vấn đề khác mà các thành viên quan tâm. Câu lạc bộ pháp chế doanh nghiệp có tư cách pháp nhân, hoạt động theo tư cách tự trang trải, có con dấu riêng và tài khoản tại ngân hàng. Hoạt động của Câu lạc bộ pháp chế doanh nghiệp được tổ chức và hoạt động dưới sự hướng dẫn và quản lý của Bộ Tư pháp.

Thành viên của Câu lạc bộ pháp chế doanh nghiệp là các doanh nghiệp được thành lập và hoạt động theo pháp luật Việt Nam, các tổ chức pháp chế của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, ở các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, ở các tổ chức khác được thành lập hợp pháp; các luật gia, các thương nhân, những người quản lý kinh tế và cá nhân khác.

Chủ nhiệm Câu lạc bộ nhiệm kỳ đầu tiên là Thứ trưởng Bộ Tư pháp Uông Chu Lưu.

Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 26 ĐẾN NGÀY 29 THÁNG 7 NĂM 1999

Toạ đàm về trách nhiệm dân sự của công chức nhà nước và một số vấn đề pháp lý liên quan

Toạ đàm do Bộ Tư pháp phối hợp với Văn phòng Viện KAS tại Hà Nội tổ chức. Phó Vụ trưởng Vụ Pháp luật dân sự - kinh tế Nguyễn Am Hiểu chủ trì Hội nghị.

Tham dự toạ đàm, về phía Việt Nam có đại diện của một số đơn vị thuộc Bộ Tư pháp và các cơ quan ban ngành ở Trung ương và một số Sở Tư pháp. Về phía nước ngoài có sự tham gia của Giáo sư tiến sĩ Juergen Simon thuộc Trường Đại học Tổng hợp Lueneburg Cộng hoà liên bang Đức và đại diện Văn phòng Viện KAS tại Hà Nội ông Clauspeter Hill.

Tại toạ đàm các đại biểu Việt Nam đã được nghe Giáo sư tiến sĩ Simon trình bày cơ sở pháp luật về trách nhiệm của Nhà nước ở Cộng hoà liên bang Đức và đại diện Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ giới thiệu sơ bộ các quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam về trách nhiệm dân sự của công chức nhà nước, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tối cao trình bày một số bất cập trong việc áp dụng những quy định của pháp luật Việt Nam hiện hành trên thực tế.

Toạ đàm cũng đã dành nhiều thời gian để các đại biểu và chuyên gia thảo luận, trao đổi với nhau để làm rõ các vấn đề liên quan đến vấn đề trách nhiệm dân sự của Nhà nước cũng như của công chức theo quy định của pháp luật Đức và Việt Nam.

Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 28 THÁNG 7 NĂM 1999

Hội nghị tập huấn triển khai Nghị định số 83/1998/NĐ-CP ngày 10/10/1998 của Chính phủ về đăng ký hộ tịch và Nghị định số 104/1998/NĐ-CP ngày 31/12/1998 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Quốc tịch Việt Nam

Hội nghị tập huấn được tổ chức tại thành phố Hà Nội (từ ngày 03/8 đến ngày 07/8/1999); Tại thành phố Huế (từ ngày 10/8 đến ngày 14/8/1999); Tại tỉnh Long An (từ ngày 24/8 đến ngày 28/8/1999). Đối tượng tập huấn là lãnh đạo và một số cán bộ trực tiếp phụ trách công tác hộ tịch, quốc tịch của các Sở Tư pháp.

Hội nghị do Vụ Công chứng, giám định, hộ tịch, quốc tịch, lý lịch tư pháp phối hợp với Vụ Pháp luật quốc tế và hợp tác quốc tế, Văn phòng Bộ, Sở Tư pháp thành phố Huế và Sở Tư pháp tỉnh Long An tổ chức thực hiện.

Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 03 THÁNG 8 NĂM 1999

Hội nghị tổng kết 10 năm giáo dục pháp luật trong trường học

Hội nghị được tổ chức theo hai miền, ở phía Bắc vào ngày 03/8/1999 tại Vĩnh Phúc. Tham dự hội nghị, ngoài đại diện Lãnh đạo Bộ Tư pháp, Bộ Giáo dục - Đào tạo còn có đại diện Ban Khoa giáo Trung ương, Ủy ban Bảo vệ chăm sóc và giáo dục trẻ em Việt Nam, đại diện Lãnh đạo Sở Tư pháp, Sở Giáo dục - Đào tạo của các tỉnh, thành phố trong cả nước.

Bên cạnh việc tổng kết 10 năm công tác đưa giáo dục pháp luật vào nhà trường, Hội nghị còn tập huấn kiến thức pháp luật cho cán bộ quản lý, chỉ đạo nhằm tiếp tục đẩy mạnh công tác giáo dục công dân, giáo dục pháp luật trong nhà trường.

Ngày 26/8/1999, Hội nghị tổng kết 10 năm giáo dục pháp luật trong trường học tiếp tục được tổ chức tại thành phố Hồ Chí Minh.

Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 06 THÁNG 8 NĂM 1999

Mở lớp huấn luyện luật hành chính cho các thẩm phán Tòa án nhân dân địa phương

Ngày 06/8/1999, Bộ trưởng Bộ Tư pháp ra Quyết định số 225/QĐ-BTP mở lớp huấn luyện luật hành chính cho các thẩm phán Tòa án nhân dân địa phương. Lớp học trong 3 tháng (khai giảng ngày 06/9/1999), tại Cơ sở II Trường Đào tạo cán bộ Lê Hồng Phong Hà Nội (thôn Hòa Mục, xã Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội).

Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 16 THÁNG 8 NĂM 1999

Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa VIII) ra Nghị quyết, trong đó đề cập một số nội dung công tác tư pháp trong thời gian tới

Nghị quyết đề ra các yêu cầu cần được các tổ chức đảng và mọi cán bộ, đảng viên từ Trung ương đến cơ sở phải thực hiện có hiệu quả, trong đó có một số yêu cầu liên quan đến công tác tư pháp như sau:

- Đổi mới quy trình chuẩn bị và thông qua các dự án luật tại kỳ họp Quốc hội; xây dựng Luật về Hoạt động giám sát của Quốc hội, xác định rõ cơ chế giám sát đối với Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao; từng bước tăng tỷ lệ đại biểu Quốc hội chuyên trách; coi trọng việc lấy ý kiến nhân dân trong quá trình xây dựng pháp luật và chuẩn bị những quyết sách của Quốc hội; Tổ chức việc nghiên cứu sửa đổi, bổ sung một số vấn đề về tổ chức, bộ máy các cơ quan nhà nước liên quan đến Hiến pháp năm 1992 và các luật tổ chức các cơ quan nhà nước.

- Ban cán sự đảng Chính phủ tăng cường chỉ đạo việc tiếp tục thực hiện cải cách nền hành chính nhà nước theo Nghị quyết Trung ương 8 (khoá VII) và Trung ương 3 (khoá VIII). Rà soát và điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức các bộ và cơ quan ngang bộ, cơ quan chính quyền địa phương theo hướng quản lý nhà nước đa ngành, đa lĩnh vực bao quát các thành phần kinh tế. Tinh giản các tổ chức trực thuộc Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ, trước hết cần giảm ngay các đầu mối không hợp lý. Sắp xếp, tinh giản các đơn vị trực thuộc các bộ, cắt bỏ những khâu trùng lặp về chức năng.

Nghiên cứu sửa đổi, bổ sung các luật về tổ chức Chính phủ và tổ chức chính quyền địa phương; bổ sung các quy định về cải tiến chế độ làm việc, quy định rõ quyền và trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan trực thuộc Chính phủ và Thủ

tướng Chính phủ, chính quyền các cấp; về phân cấp thẩm quyền giữa Trung ương và địa phương; thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở, tính tự quản cộng đồng, truyền thống tốt đẹp của làng xã và tăng cường năng lực cho bộ máy chính quyền cơ sở; thí điểm Quy chế dân bầu trực tiếp trưởng thôn, bản, ấp.

- Đảng đoàn Quốc hội phối hợp với Ban cán sự Đảng Chính phủ, Toà án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao chỉ đạo việc sắp xếp hợp lý tổ chức của hai ngành kiểm sát và toà án; sắp xếp các cơ quan điều tra, kiện toàn cơ quan thi hành án; tổ chức nghiên cứu, xây dựng đề án cụ thể về tổ chức, chức năng, thẩm quyền của các cơ quan kiểm sát, toà án theo các định hướng đã đề ra ở Nghị quyết Trung ương 8 (khoá VII), Nghị quyết Trung ương 3 (khoá VIII) và Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần này.

- Đề nghị Quốc hội thành lập Tiểu ban nghiên cứu sửa đổi, bổ sung một số điểm của Hiến pháp năm 1992...

*Văn kiện Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá VIII,
Nxb. Chính trị quốc gia, H. 1996, tr. 37 - 42*

NGÀY 07 THÁNG 9 NĂM 1999

Bộ Tư pháp, Bộ Văn hoá - Thông tin, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Uỷ ban Dân tộc và miền núi, Hội Nông dân Việt Nam ra Nghị quyết liên tịch số 01/1999/NQLT-TP-VHTT-NNPTNN-DTMN-ND về việc phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật cho cán bộ, nhân dân ở nông thôn, vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc ít người

Nghị quyết số 01/1999/NQLT-TP-VHTT-NNPTNN-DTMN-ND nêu rõ mục đích, yêu cầu, nội dung phổ biến, giáo dục pháp luật, hình thức phổ biến, giáo dục pháp luật cho cán bộ, nhân dân ở nông thôn, vùng cao, vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc ít người và đề ra một số công việc trước mắt:

- Thực hiện thí điểm một số xã về tuyên truyền pháp luật qua các hình thức sinh hoạt văn hoá truyền thống.

- Chỉ đạo điểm triển khai Luật Bảo vệ và phát triển rừng, Luật Đất đai bằng các hình thức tổ chức cuộc thi tìm hiểu pháp luật về đất đai, bảo vệ rừng, phát hành ấn phẩm; đánh giá hiệu quả việc chỉ đạo điểm triển khai công tác phổ biến, giáo dục pháp luật về đất đai, bảo vệ rừng;

- Phát động cuộc thi sáng tác tiết mục tuyên truyền thực hiện pháp luật cho các đội văn hoá thông tin.

Công báo số 42 ngày 15/11/1999, tr. 2732 - 2735

NGÀY 27 THÁNG 9 NĂM 1999

Bộ trưởng Bộ Tư pháp ký Quyết định số 280/1999/QĐ-BTP ban hành Quy chế thẩm định dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật

Ngày 27/9/1999, Bộ trưởng Bộ Tư pháp ra Quyết định số 280/1999/QĐ-BTP ban hành Quy chế thẩm định dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật. Nội dung Quy chế quy định trình tự, thủ tục thẩm định dự án, dự thảo và trình tự, thủ tục tham gia ý kiến về dự thảo quyết định, chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ.

Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp; Công báo số 41 ngày 08/11/1999, tr. 2718 - 2726

NGÀY 11 THÁNG 10 NĂM 1999

Bộ Tư pháp báo cáo Bộ Văn hoá - Thông tin kết quả quy hoạch báo chí thuộc thẩm quyền quản lý

Báo chí do Bộ Tư pháp quản lý bao gồm: Báo Pháp luật, Tạp chí Dân chủ và Pháp luật, Tin Tư pháp của Bộ, Tạp chí Luật học của Trường Đại học Luật Hà Nội, Thông tin Khoa học pháp lý của Viện Nghiên cứu khoa học pháp lý. Báo cáo nêu rõ thực trạng tổ chức hoạt động của các loại hình báo chí, phân tích nhu cầu cần thiết phát triển báo chí của Bộ Tư pháp và các chủ trương, biện pháp phát triển báo chí của Bộ Tư pháp trong những năm tới. Để thực thi có hiệu quả các nhiệm vụ báo chí của Ngành, Bộ Tư pháp đã đề nghị cơ quan có thẩm quyền quan tâm xem xét cho phép Bộ Tư pháp thành lập Nhà xuất bản Tư pháp.

Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

Bộ Tư pháp báo cáo Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính về công tác nghiên cứu khoa học năm 1999 và kế hoạch nghiên cứu khoa học năm 2000

Theo kế hoạch năm 1999, Bộ Tư pháp đã tiến hành triển khai nghiên cứu 09 đề tài khoa học cấp Bộ; 04 đề án; 01 dự án điều tra cơ bản. Ra 6 số Thông tin Khoa học pháp lý chuyên đề; Xây dựng mạng Lawnet; Hoàn thiện các ứng dụng của hệ cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật; Đưa vào sử dụng hệ thống thư tín điện tử trên mạng Lawnet, hệ thống từ điển trên Web (WebDV).

Trong năm 1999, Viện Nghiên cứu khoa học pháp lý đã hợp tác với một số tổ chức quốc tế: Radda Barnen, UNICEF, CIDA (Ca-na-đa), JICA (Nhật Bản), Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB), Dự án VIE/98/001, SIDA (Thụy Điển) thực hiện các công việc về nghiên cứu, tuyên truyền, hỗ trợ thực hiện pháp luật...

Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 11 ĐẾN NGÀY 20 THÁNG 10 NĂM 1999

Bộ trưởng Bộ Tư pháp thăm và làm việc tại Italia, Hà Lan và Bỉ

Theo lời mời của Dự án “*Tăng cường năng lực pháp luật tại Việt Nam - giai đoạn II - VIE/98/001*” do UNDP (Chương trình phát triển Liên hợp quốc) tài trợ, Đoàn đại biểu Bộ Tư pháp nước ta do Bộ trưởng Nguyễn Đình Lộc dẫn đầu đã đi thăm, khảo sát và nghiên cứu về luật cạnh tranh và chống độc quyền, các chính sách đối với doanh nghiệp vừa và nhỏ ở 3 nước Italia, Hà Lan và Bỉ.

Trong 10 ngày làm việc, đoàn đã có các buổi tiếp xúc và trao đổi kinh nghiệm xây dựng chính sách, pháp luật về cạnh tranh và chống độc quyền, khuyến khích phát triển các doanh nghiệp vừa và nhỏ, vai trò của các doanh nghiệp nhà nước trong nền kinh tế, bàn kế hoạch hợp tác song phương giữa Việt Nam với các cơ quan, tổ chức tại các nước Italia, Hà Lan và Bỉ.

Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 18 THÁNG 10 NĂM 1999

Chính phủ ban hành Nghị định số 160/1999/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Pháp lệnh số 09/1998/PL-UBTVQH ngày 25/12/1998 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tổ chức và hoạt động hoà giải ở cơ sở

Pháp lệnh số 09/1998/PL-UBTVQH ngày 25/12/1998 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tổ chức và hoạt động hoà giải cơ sở quy định những nguyên tắc cơ bản trong lĩnh vực hoà giải ở cơ sở. Để hướng dẫn thi hành Pháp lệnh, Chính phủ phân công cho Bộ Tư pháp chủ trì soạn thảo Nghị định quy định chi tiết một số điều của Pháp lệnh. Ngày 11/9/1999, Bộ Tư pháp đã trình Thủ tướng Chính phủ Dự thảo Nghị định quy định chi tiết một số điều của Pháp lệnh về tổ chức và hoạt động hoà giải ở cơ sở kèm Tờ trình số 32/TTr-TP.

Ngày 18/10/1999, Nghị định số 160/1999/NĐ-CP đã được Chính phủ ban hành với 20 điều chia làm 5 chương. Nghị định quy định cụ thể những vấn đề về phạm vi hoà giải, quản lý nhà nước về công tác hoà giải, thủ tục bầu và miễn nhiệm tổ trưởng, tổ viên tổ hoà giải, về hoạt động hoà giải, khen thưởng công tác hoà giải. Theo Nghị định, hoà giải được tiến hành đối với việc vi phạm pháp luật và tranh chấp nhỏ trong cộng đồng dân cư, bao gồm: a) Mâu thuẫn, xích mích giữa các thành viên trong gia đình do khác nhau về quan niệm sống, lối sống, tính tình không hợp hoặc mâu thuẫn, xích mích giữa các cá nhân trong quan hệ xóm giềng như sử dụng lối đi qua nhà, sử dụng điện, nước sinh hoạt, công trình phụ, giờ giấc sinh hoạt, gây mất vệ sinh chung...; b) Tranh chấp về quyền, lợi ích phát sinh từ quan hệ dân sự như tranh chấp phát sinh từ các quan hệ về tài sản, quan hệ hợp đồng dân sự, nghĩa vụ dân sự, thừa kế, quyền sử dụng đất; c) Tranh chấp về quyền, lợi ích phát sinh từ quan hệ hôn

nhân gia đình như: thực hiện quyền và nghĩa vụ của vợ, chồng; quyền và nghĩa vụ của cha mẹ và con; nhận nuôi con nuôi; ly hôn; yêu cầu cấp dưỡng; d) Tranh chấp phát sinh từ những việc vi phạm pháp luật mà theo quy định của pháp luật, những việc vi phạm đó chưa đến mức bị xử lý bằng biện pháp hình sự hoặc biện pháp hành chính như trộm cắp vật, đánh chửi nhau gây mất trật tự công cộng, đánh nhau gây thương tích nhẹ, va quệt xe cộ gây thương tích nhẹ.

Các quy định của Nghị định không áp dụng đối với hoạt động hoà giải trong tố tụng của Tòa án nhân dân và của Trọng tài kinh tế.

Công báo số 43 ngày 22/11/1999, tr. 2796 - 2801

NGÀY 04 THÁNG 11 NĂM 1999

Bộ trưởng Bộ Tư pháp Nguyễn Đình Lộc báo cáo về việc thực hiện công tác quản lý Tòa án nhân dân địa phương về mặt tổ chức tại kỳ họp thứ 6 Quốc hội khóa X

Về công tác quản lý Tòa án nhân dân địa phương: Theo báo cáo tổng hợp chung thì số thẩm phán hoàn thành nhiệm vụ trở lên đạt trên 90%. Số thẩm phán được tái nhiệm trong nhiệm kỳ tiếp theo: Cấp tỉnh 602/650; Cấp huyện 1268/1438. Từ năm 1998 đến nay đã bổ nhiệm mới 54 thẩm phán cấp tỉnh, 189 thẩm phán cấp huyện.

Tổng số thẩm phán hiện có: Thẩm phán cấp tỉnh: 925 người (trong đó 50 chánh án, 10 quyền chánh án, 107 phó chánh án), còn 1 tỉnh chưa có chánh án là Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre; thẩm phán cấp huyện: 2.218 người (trong đó có 545 chánh án, 51 quyền chánh án, còn 15 huyện chưa có chánh án tạm giao thẩm phán phụ trách).

Bộ trưởng cũng báo cáo với Quốc hội về các công tác như: Công tác hội thẩm nhân dân; việc phối hợp giữa Bộ trưởng Bộ Tư pháp với Chánh án Tòa án nhân dân tối cao và Bộ trưởng Bộ Quốc phòng trong việc quản lý Tòa án nhân dân địa phương và Tòa án quân sự cấp quân khu và tương đương về mặt tổ chức.

Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 05 ĐẾN NGÀY 06 THÁNG 11 NĂM 1999

Đoàn đại biểu tư pháp do Bộ trưởng Nguyễn Đình Lộc dẫn đầu tham dự Hội nghị Bộ trưởng Tư pháp ASEAN lần thứ tư

Hội nghị tổ chức tại Xinh-ga-po. Tham dự Hội nghị có đầy đủ 10 đoàn đại biểu của các nước ASEAN (Bru-nây, In-đô-nê-xi-a, Ma-lai-xi-a, Phi-lip-pin, Xinh-ga-po, Thái Lan, Việt Nam, Lào, Cam-pu-chia và My-an-ma). Với tư cách là nước chủ nhà và cũng là nước tham dự tất cả các Hội nghị Bộ trưởng Tư pháp

ASEAN, tại Hội nghị lần này Xinh-ga-po đã đưa ra một số sáng kiến nhằm đẩy mạnh hơn nữa sự hiểu biết lẫn nhau, trên cơ sở đó tạo lập một cơ chế hợp tác hữu hiệu trong lĩnh vực pháp luật. Hội nghị đã tập trung thảo luận và thông qua “*Báo cáo của cuộc họp các quan chức pháp luật cao cấp các nước ASEAN*” trình Hội nghị cấp cao ASEAN. Các Bộ trưởng đã bàn bạc các vấn đề quan trọng trong lĩnh vực hợp tác pháp luật giữa các nước ASEAN, những chương trình hợp tác thiết thực nhằm thiết lập cơ chế hợp tác pháp luật hữu hiệu phục vụ quá trình liên kết chặt chẽ. Hội nghị đã thông qua quyết định về bốn chương trình quan trọng và trao đổi một số thông tin về pháp luật các nước.

Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 11 THÁNG 11 NĂM 1999

Bộ Tư pháp báo cáo Ủy ban Dân tộc miền núi về 10 năm thực hiện Nghị quyết số 22-NQ/TW ngày 27/11/1989 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách lớn phát triển kinh tế - xã hội miền núi và Quyết định số 72/HĐBT ngày 13/3/1990 của Hội đồng Bộ trưởng về một số chủ trương, chính sách cụ thể phát triển kinh tế - xã hội miền núi

- *Về công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ*: Sau 10 năm thực hiện, Bộ Tư pháp đã mở 11 lớp đại học Luật tại chức với 1.187 người tốt nghiệp ở các địa phương miền núi, vùng sâu, vùng xa; đào tạo hệ cử tuyển cho con em các tỉnh miền núi, vùng sâu, vùng xa với số lượng 321 người; tổ chức các lớp luân huấn chuyên đề, bồi dưỡng nghiệp vụ dành riêng cho cán bộ các toà án gần 600 lượt người; mở 19 lớp trung học pháp lý cho cán bộ tư pháp xã, phường, thị trấn; hướng dẫn và xây dựng chương trình bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ đối với cán bộ tư pháp xã, phường, thị trấn dành cho các địa phương miền núi, vùng sâu, vùng xa.

Từ năm 1996 đến nay, Trường Đào tạo các chức danh tư pháp đã đào tạo được 179 cán bộ thẩm phán, Chấp hành viên là người dân tộc.

- *Về công tác trợ giúp pháp lý*:

+ Về tổ chức: Trong 19 tỉnh miền núi đã lập được 15 Trung tâm Trợ giúp pháp lý (chiếm 69%), chỉ còn 4 tỉnh chưa thành lập Trung tâm (Hà Giang, Bắc Cạn, Thái Nguyên, Tuyên Quang).

+ Về hoạt động: Tính đến hết tháng 8/1999, Cục Trợ giúp pháp lý và các Trung tâm Trợ giúp pháp lý đã trợ giúp cho gần 2.000 lượt người dân tộc (chiếm 12,8% tổng số lượt người được trợ giúp); Ngoài ra, Cục Trợ giúp pháp lý phối hợp với các phòng nghiệp vụ của Sở Tư pháp, các Trung tâm Trợ giúp pháp lý trợ giúp lưu động tại các bản, làng như đăng ký khai sinh, kết hôn và hướng dẫn đăng ký khai sinh quá hạn miễn phí cho 5.000 trẻ em dân tộc thiểu số;

+ Lựa chọn một số Trung tâm Trợ giúp pháp lý của các tỉnh miền núi, vùng cao còn nhiều khó khăn với các tổ chức quốc tế nhằm thu hút sự tài trợ cho hoạt động trợ giúp pháp lý như: tổ chức nhân quyền Đan Mạch tài trợ, NOVIB (Hà Lan), SIDA (Thụy Điển), CIDA (Ca-na-đa) để hỗ trợ.

+ Tổ chức 2 buổi hội thảo, tọa đàm và phát hành 12.000 tờ gấp về 11 loại lĩnh vực pháp luật và được dịch ra một số tiếng để phát miễn phí cho đồng bào.

Ngoài ra Bộ Tư pháp cũng nêu cụ thể kế hoạch triển khai trong thời gian tới trong các lĩnh vực như: công tác công chứng, hộ tịch, công tác phổ biến, giáo dục pháp luật.

Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 19 THÁNG 11 NĂM 1999

Chính phủ ban hành Nghị định số 165/1999/NĐ-CP về giao dịch bảo đảm

Để hướng dẫn các quy định tại mục 5 Chương I Phần thứ ba của Bộ luật Dân sự năm 1995 về các biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ dân sự, Chính phủ đã giao cho Bộ Tư pháp chủ trì soạn thảo Nghị định về giao dịch bảo đảm. Ngày 19/11/1999, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 165/1999/NĐ-CP về giao dịch bảo đảm. Nghị định gồm 42 điều chia làm 4 chương, quy định về ký kết, thực hiện hợp đồng cầm cố, thế chấp, bảo lãnh bằng tài sản để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ dân sự và việc xử lý tài sản cầm cố, thế chấp, bảo lãnh. Trong trường hợp pháp luật không có quy định khác, Nghị định này cũng được áp dụng đối với việc cầm cố, thế chấp, bảo lãnh bằng tài sản để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ trong giao dịch kinh tế, thương mại. Việc ký kết, thực hiện hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và xử lý quyền sử dụng đất thế chấp thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai; trong trường hợp pháp luật về đất đai không quy định, thì áp dụng các quy định của Nghị định này. Nghị định cũng được áp dụng đối với việc cầm cố, thế chấp, bảo lãnh bằng tài sản để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ trong giao dịch dân sự, kinh tế, thương mại có yếu tố nước ngoài, trừ trường hợp điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký kết hoặc tham gia có quy định khác hoặc pháp luật có quy định khác.

Nghị định số 165/1999/NĐ-CP có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày ban hành. Các quy định tại Điều 2 Nghị định số 17-HĐBT ngày 16/01/1990 của Hội đồng Bộ trưởng quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Hợp đồng kinh tế và những quy định khác về cầm cố, thế chấp, bảo lãnh trái với quy định của Nghị định này hết

hiệu lực thi hành. Các giao dịch bảo đảm đã được giao kết trước ngày Nghị định này có hiệu lực vẫn được tiếp tục thực hiện theo các điều khoản mà các bên đã thỏa thuận phù hợp với pháp luật tại thời điểm giao kết. Các bên có thể thỏa thuận sửa đổi, bổ sung giao dịch bảo đảm đã được giao kết trước ngày Nghị định này có hiệu lực theo các quy định của Nghị định này.

Công báo số 48 ngày 31/12/1999, tr. 3123 - 3131

NGÀY 21 THÁNG 12 NĂM 1999

Quốc hội khóa X, kỳ họp thứ 6 thông qua Bộ luật Hình sự

Sau khi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự năm 1997 được thông qua, Ban soạn thảo do Bộ Tư pháp chủ trì tiếp tục nghiên cứu nhằm sửa đổi, bổ sung toàn diện Bộ luật Hình sự. Sau khi tiếp thu ý kiến đóng góp của các bộ, ngành, ý kiến nhân dân, các đại biểu Quốc hội, Bộ Tư pháp đã chỉnh lý Dự thảo Bộ luật Hình sự (sửa đổi).

Ngày 21/12/1999, Quốc hội khóa X kỳ họp thứ 6 đã thông qua Bộ luật Hình sự (số 15/1999/QH10) gồm 344 điều chia làm 2 phần: Phần chung có 10 chương với 77 điều; Phần các tội phạm có 14 chương với 267 điều. Phần chung quy định các điều khoản cơ bản, hiệu lực của Bộ luật Hình sự, tội phạm, thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự, miễn trách nhiệm hình sự, hình phạt, các biện pháp tư pháp, quyết định hình phạt, thời hiệu thi hành bản án, miễn chấp hành hình phạt, giảm thời hạn chấp hành hình phạt, xóa án tích, những quy định đối với người chưa thành niên phạm tội. Phần các tội phạm của Bộ luật Hình sự quy định các tội xâm phạm an ninh quốc gia; các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của con người; các tội xâm phạm quyền tự do, dân chủ của công dân; các tội xâm phạm sở hữu; các tội xâm phạm chế độ hôn nhân và gia đình; các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế; các tội phạm về môi trường; các tội phạm về ma túy; các tội xâm phạm an toàn công cộng, trật tự công cộng; các tội xâm phạm trật tự quản lý hành chính; các tội phạm về chức vụ; các tội xâm phạm hoạt động tư pháp; các tội xâm phạm nghĩa vụ, trách nhiệm của quân nhân; các tội phá hoại hoà bình, chống loài người và tội phạm chiến tranh.

Ngày 04/01/2000, Chủ tịch nước đã ký Lệnh số 01/L-CTN công bố Bộ luật Hình sự. Bộ luật Hình sự năm 1999 ra đời thay thế Bộ luật Hình sự năm 1985, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự năm 1989, 1991, 1992, 1997.

Công báo số 8 ngày 29/02/2000, tr. 443 - 554

NĂM 2000

NGÀY 06 ĐẾN NGÀY 13 THÁNG 01 NĂM 2000

Đoàn đại biểu Bộ Tư pháp Đan Mạch thăm và làm việc tại Việt Nam

Đoàn do Bộ trưởng Tư pháp Đan Mạch dẫn đầu.

Trong thời gian ở thăm và làm việc tại Hà Nội, Đoàn đã có buổi hội đàm với Đoàn đại biểu Bộ Tư pháp do Bộ trưởng Bộ Tư pháp Nguyễn Đình Lộc làm trưởng đoàn.

Tại buổi hội đàm, phía Việt Nam đã giới thiệu khái quát với Đoàn về tình hình kinh tế - xã hội của Việt Nam và đặc biệt tập trung giới thiệu về công tác xây dựng pháp luật, thi hành pháp luật và đổi mới các cơ quan tư pháp nhằm tăng cường quản lý nhà nước bằng pháp luật. Phía Đan Mạch quan tâm đến các vấn đề liên quan đến cơ chế bảo đảm dân chủ, bảo đảm quyền con người và tính độc lập của thẩm phán trong xét xử. Hai bên đã trao đổi nhiều ý kiến về kinh nghiệm công tác pháp luật và tư pháp, về khả năng hợp tác giữa hai Bộ Tư pháp trong tương lai. Ngài Bộ trưởng Tư pháp Đan Mạch bày tỏ sự sẵn sàng hợp tác với Việt Nam trong lĩnh vực pháp luật và tư pháp.

Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 01 THÁNG 02 NĂM 2000

Ký kết Hiệp định hợp tác về nuôi con nuôi giữa Việt Nam và Pháp

Thực hiện ý kiến của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tư pháp đã tổ chức nghiên cứu, lấy ý kiến của các bộ, ngành có liên quan (Bộ Ngoại giao, Bộ Công an, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Ủy ban Bảo vệ, chăm sóc trẻ em Việt Nam, Văn phòng Chủ tịch nước, Văn phòng Chính phủ) về Dự thảo Hiệp định của Pháp.

Ngày 14/6/1999, Bộ Tư pháp trình Thủ tướng Chính phủ Tờ trình số 16/TTr-TP về Dự thảo Hiệp định hợp tác về nuôi con nuôi giữa Việt Nam và Pháp.

Sau 2 vòng đàm phán chính thức tại Hà Nội (6/1999) và Pa-ri (10/1999), ngày 01/02/2000, được sự uỷ nhiệm của Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Tổng thống Pháp, Bộ trưởng Bộ Tư pháp Nguyễn Đình Lộc và Đại sứ Cộng hoà Pháp tại Việt Nam đã ký bản Hiệp định này.

Ngày 14/7/2000, Chủ tịch nước Trần Đức Lương đã ra Quyết định số 120/QĐ/CTN phê chuẩn Hiệp định này.

Báo Pháp luật thứ sáu số 24 ngày 11/02/2000

NGÀY 17 THÁNG 02 NĂM 2000

Thủ tướng Chính phủ ban hành Chỉ thị số 04/2000/CT-TTg về việc tổ chức thi hành Bộ luật Hình sự

Để kịp thời chỉ đạo các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và UBND các cấp triển khai thi hành Nghị quyết số 32/1999/QH10 ngày 21/12/1999 về việc thi hành Bộ luật Hình sự và chuẩn bị chu đáo cho việc thi hành Bộ luật Hình sự, ngày 02/02/2000, Bộ Tư pháp đã trình Thủ tướng Chính phủ Tờ trình và Dự thảo Chỉ thị về việc tổ chức thi hành Bộ luật Hình sự.

Ngày 17/02/2000, Thủ tướng Chính phủ ra Chỉ thị số 04/2000/CT-TTg về việc tổ chức thi hành Bộ luật Hình sự, theo đó chỉ thị cho các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Chủ tịch UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tiến hành ngay một số công việc, cụ thể:

- Phổ biến, tuyên truyền, giáo dục pháp luật hình sự, nâng cao ý thức đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm;
- Rà soát các văn bản hiện hành, sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới văn bản thi hành Bộ luật Hình sự;
- Tổ chức thi hành Bộ luật Hình sự phải gắn với việc thực hiện Nghị quyết số 09/1998/NQ-CP và Chương trình quốc gia phòng, chống tội phạm.

Công báo số 11 ngày 22/3/2000, tr. 683 - 685

NGÀY 24 THÁNG 02 NĂM 2000

Bộ trưởng Bộ Tư pháp ra Chỉ thị số 01/2000/CT-BTP về việc thực hiện các công tác trọng tâm năm 2000 của Ngành Tư pháp

Theo Chỉ thị này, Giám đốc các Sở Tư pháp, Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ, các tổ chức pháp chế bộ, ngành có những nhiệm vụ sau:

1. Triển khai thi hành Bộ luật Hình sự mới có hiệu lực từ ngày 01/7/2000, Nghị quyết của Quốc hội, Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ về thi hành Bộ luật Hình sự.
2. Tập trung chỉ đạo thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ về các biện pháp giải quyết án tồn đọng; thi hành tốt các vụ án lớn, án điểm.

3. Xây dựng đội ngũ cán bộ tư pháp trong sạch vững mạnh.
4. Kiện toàn tổ chức bộ máy, sắp xếp bố trí cán bộ, công chức cho phù hợp chức danh, tiêu chuẩn nghiệp vụ và năng lực của từng người.
5. Tiếp tục tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về công tác phổ biến, giáo dục pháp luật.
6. Nâng cao chất lượng soạn thảo, thẩm định nhằm bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp, tính khả thi của văn bản quy phạm pháp luật. Hoàn thành đợt tổng rà soát và hệ thống hoá văn bản quy phạm pháp luật trong 20 năm (1976 - 1996).
7. Nâng cao chất lượng phục vụ của công tác hỗ trợ tư pháp, nhằm kịp thời đáp ứng các nhu cầu ngày càng tăng và đa dạng của xã hội, tạo thuận lợi cho công dân.
8. Tăng cường bồi dưỡng kiến thức pháp luật, nghiệp vụ xét xử cho đội ngũ thẩm phán, hội thẩm nhân dân.
9. Công tác pháp luật quốc tế và hợp tác quốc tế phải phục vụ đắc lực cho quá trình hội nhập của nước ta với các nước trong khu vực và thế giới.
10. Kiện toàn tổ chức pháp chế ở các bộ, ngành, ở các cơ quan nhà nước, tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội. Nâng cao chất lượng công tác pháp chế trong các mặt hoạt động, nhất là soạn thảo, thẩm định, rà soát văn bản, phổ biến, giáo dục pháp luật.
11. Phát động phong trào thi đua lập thành tích chào mừng kỷ niệm các ngày lễ lớn của đất nước, ngày truyền thống Ngành Tư pháp Việt Nam.

Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 01 THÁNG 3 NĂM 2000

Thủ tướng Chính phủ ban hành Chỉ thị số 05/2000/CT-TTg về việc tăng cường công tác trợ giúp pháp lý

Ngày 16/02/2000, Bộ Tư pháp trình Thủ tướng Chính phủ Dự thảo Chỉ thị tăng cường công tác trợ giúp pháp lý. Dự thảo Chỉ thị xác định rõ trách nhiệm và cơ chế phối hợp, động viên các ngành, các cấp quan tâm kiện toàn, ổn định tổ chức và nâng cao hiệu quả hoạt động trợ giúp pháp lý.

Ngày 01/3/2000, Thủ tướng Chính phủ ban hành Chỉ thị số 05/2000/CT-TTg về việc tăng cường công tác trợ giúp pháp lý. Chỉ thị gồm những nội dung sau: quán triệt sâu sắc quan điểm của Đảng về hoạt động trợ giúp pháp lý; thực hiện tốt chức năng quản lý nhà nước về công tác trợ giúp pháp lý; kịp thời bố trí biên chế trong tổng số biên chế được giao, kiện toàn tổ chức của Trung tâm Trợ giúp pháp lý; chỉ đạo phổ biến rộng rãi, miễn phí thông tin về tổ chức và hoạt động trợ giúp pháp lý trên các phương tiện thông tin đại chúng; hướng dẫn chế độ tài chính

để UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương bảo đảm cho các Trung tâm Trợ giúp pháp lý có cơ sở vật chất và điều kiện làm việc cần thiết; các cơ quan, đơn vị phối hợp tạo điều kiện thuận lợi cho Trung tâm Trợ giúp pháp lý thực hiện có hiệu quả công tác này tại địa phương.

Công báo số 12 ngày 31/3/2000, tr. 760 - 762

NGÀY 10 THÁNG 3 NĂM 2000

Viện Nghiên cứu khoa học pháp lý phối hợp với Công ty Tinh Vân tổ chức toạ đàm giới thiệu đĩa CD-ROM văn bản quy phạm pháp luật Việt Nam (Vietnam Laws)

Đĩa tổng hợp hơn 10.000 văn bản quy phạm pháp luật Việt Nam được ban hành từ năm 1945 đến tháng 10/1999. Với nhiều cách thức tra cứu, người sử dụng có thể nhanh chóng tìm được đầy đủ những văn bản quy phạm pháp luật đúng với yêu cầu.

Tin Tư pháp số 4 năm 2000

Chính phủ ban hành Nghị định số 08/2000/NĐ-CP về đăng ký giao dịch bảo đảm

Về các biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ dân sự, Bộ luật Dân sự năm 1995 quy định: đối với tài sản mà pháp luật quy định phải đăng ký quyền sở hữu, thì việc cầm cố, thế chấp tài sản đó cũng phải được đăng ký theo quy định của pháp luật (khoản 2 Điều 330, Điều 347 Bộ luật Dân sự). Nghĩa vụ đăng ký cầm cố, thế chấp tài sản thuộc về bên cầm cố, thế chấp tài sản. Việc xử lý tài sản cầm cố, thế chấp tài sản sẽ được xác định theo thứ tự đăng ký cầm cố, thế chấp tài sản. Các quy định này nhằm bảo đảm quyền và lợi ích của các bên tham gia giao dịch bảo đảm. Ngày 19/11/1999, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 165/1999/NĐ-CP về giao dịch bảo đảm. Tuy nhiên, chưa có quy định cụ thể về trình tự, thủ tục đăng ký giao dịch bảo đảm, cơ quan có thẩm quyền đăng ký giao dịch bảo đảm, cũng như trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước đối với việc đăng ký giao dịch bảo đảm. Vì vậy, Chính phủ giao cho Bộ Tư pháp chủ trì soạn thảo Nghị định về đăng ký giao dịch bảo đảm.

Ngày 10/3/2000, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 08/2000/NĐ-CP về đăng ký giao dịch bảo đảm. Nghị định gồm 28 điều chia làm 4 chương, quy định về việc đăng ký cầm cố, thế chấp, bảo lãnh bằng tài sản; về tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan đăng ký giao dịch bảo đảm và trình tự, thủ tục đăng ký.

Nghị định quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Tư pháp, Bộ Giao thông vận

tải, Cục Hàng không dân dụng Việt Nam, UBND cấp tỉnh trong việc quản lý nhà nước về đăng ký giao dịch bảo đảm; quy định cụ thể trình tự, thủ tục đăng ký và cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm.

Công báo số 13 ngày 08/4/2000, tr. 823 - 829

NGÀY 23 THÁNG 3 NĂM 2000

Hội nghị tổng kết công tác tư pháp năm 1999

Hội nghị đã nghe Báo cáo tổng kết công tác tư pháp năm 1999, tập trung đánh giá những kết quả đã đạt được cũng như những khó khăn, tồn tại trong từng lĩnh vực công tác của Ngành năm 1999.

Về phương hướng công tác năm 2000, báo cáo cũng nêu rõ:

- Tập trung chỉ đạo, điều hành bảo đảm tiến độ và chất lượng xây dựng các dự án luật, pháp lệnh, nghị định mà Bộ được giao chủ trì soạn thảo trong Chương trình xây dựng pháp luật năm 2000 và các đề án của năm 1999 chuyển sang.

- Thực hiện tốt nhiệm vụ cơ quan thường trực của Hội đồng phối hợp công tác phổ biến, giáo dục pháp luật.

- Hoạt động của Báo Pháp luật, Tạp chí Dân chủ và pháp luật, Bản tin Tư pháp của Bộ, Báo Pháp luật của Sở Tư pháp thành phố Hồ Chí Minh và Bản tin Tư pháp của các Sở Tư pháp tiếp tục đổi mới, cải tiến, không ngừng nâng cao chất lượng, bám sát nhiệm vụ của Ngành.

- Phấn đấu năm 2000 có 100% các tỉnh, thành phố trong cả nước thành lập xong Trung tâm trợ giúp pháp lý.

- Tổng kết công tác bổ nhiệm thẩm phán nhiệm kỳ 1994 - 1999; nghiên cứu, đề xuất sửa đổi, bổ sung Pháp lệnh về Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân.

- Củng cố tổ chức bộ máy, đội ngũ cán bộ các cơ quan thi hành án. Ban hành Quy chế đạo đức chấp hành viên; Quy chế thực hiện dân chủ trong quan hệ với công dân của các cơ quan thi hành án.

- Triển khai thi hành Pháp lệnh Luật sư (sửa đổi), Nghị định về tổ chức, hoạt động của Văn phòng tư vấn pháp luật của tổ chức xã hội, Nghị định về công chứng. Xây dựng và ban hành Quy chế đạo đức nghề nghiệp luật sư, các văn bản hướng dẫn thi hành Nghị định mới về giám định tư pháp. Triển khai soạn thảo Pháp lệnh về giám định tư pháp, Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 184/CP về hộ tịch có yếu tố nước ngoài.

- Kiện toàn tổ chức và hoạt động của các Trung tâm dịch vụ bán đấu giá tài sản.

- Định hướng hoạt động nghiên cứu khoa học pháp lý của Ngành Tư pháp

năm 2000 cần tập trung nghiên cứu nhằm đổi mới tổ chức và hoạt động của Ngành Tư pháp, đánh giá thực trạng tổ chức thực hiện pháp luật và hiệu quả thực tế của pháp luật. Nghiên cứu những vấn đề pháp lý đặt ra trong quá trình hội nhập khu vực và quốc tế.

Báo cáo số 423/BCTK-BTP ngày 23/3/2000 - Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

Bộ Tư pháp ban hành Thông tư số 02/2000/TT-BTP hướng dẫn thủ tục chấm dứt hoạt động của chi nhánh tổ chức luật sư nước ngoài tại Việt Nam

Thông tư số 02/2000/TT-BTP hướng dẫn thủ tục chấm dứt hoạt động của chi nhánh tổ chức luật sư nước ngoài tại Việt Nam trong các trường hợp: tự chấm dứt hoạt động, chấm dứt trong trường hợp hết hạn hoạt động của chi nhánh mà không được gia hạn, chi nhánh bị tước không thời hạn quyền sử dụng giấy phép và trường hợp tổ chức luật sư nước ngoài đã chấm dứt hoạt động tại nước mà tổ chức đó mang quốc tịch.

Công báo số 23 ngày 22/6/2000, tr. 1567 - 1568

NGÀY 24 THÁNG 3 NĂM 2000

Đại hội thành lập Câu lạc bộ pháp chế doanh nghiệp

Tham dự có Phó Thủ tướng Chính phủ Phạm Gia Khiêm, gần 400 thành viên Câu lạc bộ cùng đại diện nhiều bộ, ngành, doanh nghiệp, tổ chức, đoàn thể trong nước và nước ngoài, các cơ quan báo chí Trung ương và Hà Nội.

Theo Phó Thủ tướng Phạm Gia Khiêm, Câu lạc bộ phải đảm bảo được 2 yêu cầu: *Thứ nhất*, là một địa chỉ mới, đáng tin cậy của các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế; *Thứ hai*, phải là cầu nối giữa cơ quan quản lý nhà nước và các doanh nghiệp, là diễn đàn để kịp thời phát hiện các khiếm khuyết, đưa ra kiến nghị hoàn thiện hệ thống pháp luật kinh tế và hoạt động của các doanh nghiệp. Sau phần thảo luận, đại hội đã thông qua một điều lệ, chương trình hành động và bầu ra Ban chủ nhiệm gồm 29 thành viên.

Tin Tư pháp số 10 năm 2000; Báo Pháp luật số 50 ngày 27/3/2000

NGÀY 25 THÁNG 3 NĂM 2000

Viện Nghiên cứu khoa học pháp lý báo cáo Bộ trưởng Bộ Tư pháp về Chương trình nghiên cứu khoa học, công nghệ của Viện năm 2000

Trong năm 2000, Viện đã triển khai thực hiện: 1 đề tài cấp Nhà nước; 10 đề

tài cấp Bộ; 5 đề tài cơ sở, tiềm năng; và 4 hội thảo khoa học, 12 số Thông tin Khoa học pháp lý, biên tập và xuất bản 4 cuốn sách.

Công văn số 142/NCKHPL-BC ngày 25/3/2000;

Tư liệu lưu trữ tại Viện Khoa học pháp lý

NGÀY 31 THÁNG 3 NĂM 2000

Bộ Tư pháp, Bộ Văn hóa - Thông tin, Ban thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam ban hành Thông tư liên tịch số 03/2000/TTLT/BTP-BVHTT-BTTUBTUMTTQVN hướng dẫn việc xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước của làng, bản, thôn, ấp, cụm dân cư

Thông tư liên tịch số 03/2000/TTLT/BTP-BVHTT-BTTUBTUMTTQVN nêu rõ: nội dung của hương ước cần đề ra các biện pháp, phương thức thích hợp giúp dân cư trên địa bàn tham gia quản lý nhà nước, quản lý xã hội, bảo đảm và phát huy quyền tự do, dân chủ của nhân dân; động viên và tạo điều kiện để nhân dân thực hiện tốt các quyền và nghĩa vụ công dân; bảo đảm giữ gìn và phát huy thuần phong, mỹ tục, thực hiện nếp sống văn minh trong ứng xử, giao tiếp, ăn, ở, đi lại. Đồng thời hương ước, quy ước cũng phải đề ra các biện pháp góp phần bảo vệ tài sản nhà nước, tài sản công cộng và tài sản công dân, bảo vệ trật tự, trị an trên địa bàn góp phần phòng chống các tệ nạn xã hội, bảo vệ môi trường sống, phát triển sản xuất, nâng cao đời sống,...

Thông tư liên tịch quy định trình tự, thủ tục xây dựng hương ước. Hương ước phải được Chủ tịch UBND cấp huyện phê duyệt. Thông tư liên tịch cũng quy định cụ thể trách nhiệm của các cơ quan tư pháp các cấp trong việc xây dựng và thực hiện hương ước.

Công báo số 22 ngày 15/6/2000, tr. 1465 - 1470

NGÀY 05 ĐẾN NGÀY 07 THÁNG 4 NĂM 2000

Hội thảo quốc tế về “Trợ giúp pháp lý”

Hội thảo do Bộ Tư pháp và tổ chức Novib (Tổ chức hợp tác phát triển quốc tế Hà Lan) đồng tổ chức tại Hà Nội. Tham dự hội thảo bao gồm 73 đại diện cơ quan Đảng, Nhà nước Việt Nam, tổ chức trong nước và 10 cán bộ sứ quán, đại diện tổ chức quốc tế. Hội thảo đã giới thiệu và tuyên truyền về hoạt động trợ giúp pháp lý với các cơ quan, ban ngành hữu quan, đánh giá việc hỗ trợ Dự án VIE 013-97-001, đồng thời nghe thêm thông tin, trao đổi và học hỏi kinh nghiệm với một số chuyên gia nước ngoài về trợ giúp pháp lý cho người nghèo và các nhóm đối tượng đặc biệt.

Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 06 THÁNG 4 NĂM 2000

Ký kết Hiệp định Tương trợ tư pháp về các vấn đề dân sự và hình sự giữa Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và U-crai-na

Sau khi Liên Xô tan rã (năm 1991), U-crai-na không kế thừa Hiệp định Tương trợ tư pháp và pháp lý về các vấn đề dân sự và hình sự mà Việt Nam ký với Liên Xô năm 1981. Do đó, trong quan hệ tương trợ tư pháp giữa Việt Nam và U-crai-na gặp không ít khó khăn. Tháng 8/1998, theo sự chỉ đạo của Chính phủ, Bộ Tư pháp đã phối hợp cùng các bộ, ngành liên quan như Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Công an thành lập Đoàn đàm phán để bàn với U-crai-na về Hiệp định Tương trợ tư pháp và pháp lý về các vấn đề dân sự và hình sự. Sau vòng đàm phán tại Kiev (thủ đô U-crai-na) và ba lần trao đổi công hàm chính lý dự thảo Hiệp định, 2 bên cơ bản đã thống nhất được với nhau nội dung các điều khoản của Hiệp định.

Trên cơ sở đó, ngày 23/12/1999, Bộ Tư pháp đã có báo cáo với Thủ tướng Chính phủ về các nội dung cơ bản của Hiệp định này cũng như những đánh giá về dự thảo Hiệp định và kiến nghị với Thủ tướng Chính phủ chấp nhận đề xuất của phía U-crai-na về việc tiến hành cuộc gặp gỡ hai đoàn chuyên viên của hai nước tại Hà Nội để chỉnh lý, hoàn thiện Dự thảo Hiệp định tương trợ tư pháp và pháp lý về các vấn đề dân sự và hình sự giữa Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và U-crai-na.

Từ ngày 22 đến ngày 24/3/2000, tại Kiev, Đoàn đàm phán của Việt Nam đã cùng đoàn đàm phán U-crai-na tiến hành rà soát, chỉnh lý lần cuối Dự thảo Hiệp định và ký tắt Hiệp định Tương trợ tư pháp và pháp lý.

Ngày 06/4/2000, Hiệp định được ký kết.

Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 17 THÁNG 4 NĂM 2000

Ký kết Hiệp định Tương trợ tư pháp về các vấn đề dân sự, gia đình và hình sự giữa Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Mông Cổ

Ngày 29/3/2000, tại Ulanbato Đoàn đàm phán của Việt Nam đã cùng với Đoàn đàm phán của Mông Cổ tiến hành rà soát, chỉnh lý lại lần cuối bản Dự thảo Hiệp định và ký Hiệp định tương trợ tư pháp về các vấn đề dân sự, gia đình và hình sự. Về cơ bản, Dự thảo Hiệp định vẫn giữ nguyên như bản Dự thảo Hiệp định mà Chính phủ đã trình Chủ tịch nước để xin phép uỷ quyền ký chính thức (kèm theo Tờ trình số 280/CP-QHQT ngày 23/3/2000 của Chính phủ). Tuy nhiên, Hiệp định cũng có một số sửa đổi trong nội dung, như: bổ sung từ “*gia đình*” trong tên gọi của Hiệp định; mở rộng phạm vi điều chỉnh của Hiệp định đối với tất cả các vấn đề về thương mại; bổ sung quy định về việc các cơ quan Trung ương của hai bên ký kết sẽ tham vấn ý kiến của nhau khi việc thực hiện tương trợ tư pháp đòi hỏi

chi phí bất thường; đối với vấn đề thừa kế, thống nhất áp dụng theo “*pháp luật của nước mà người để lại thừa kế là công dân vào thời điểm chết*”; bổ sung vấn đề công nhận và thi hành quyết định của Trọng tài.

Hiệp định được hai bên ký kết vào ngày 17/4/2000.

Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 17 ĐẾN NGÀY 18 THÁNG 4 NĂM 2000

Tặng Huân chương Hữu nghị cho nguyên Chánh toà Thương mại - Toà phá án Cộng hoà Pháp

Ngày 17/4/2000, Chủ tịch nước Trần Đức Lương ký Quyết định số 137KT/CTN, tặng thưởng Huân chương Hữu nghị của Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam cho ông Pierre Bézard, nguyên Chánh toà Thương mại - Toà phá án Cộng hoà Pháp vì đã có nhiều đóng góp tích cực trong việc củng cố quan hệ hợp tác về pháp luật và tư pháp giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Cộng hoà Pháp.

Chiều ngày 18/4/2000, Bộ trưởng Bộ Tư pháp Nguyễn Đình Lộc, thừa uỷ quyền của Chủ tịch nước đã trao tặng Huân chương.

Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 18 THÁNG 4 NĂM 2000

Bộ trưởng Bộ Tư pháp Cộng hoà Pháp dự lễ khánh thành chính thức phần mềm công chứng Việt Nam

Ngày 18/4/2000, Bộ trưởng Bộ Tư pháp Cộng hoà Pháp (trong thời gian ở thăm và làm việc tại Việt Nam) đã đến thăm Phòng dự án tin học hoá công chứng tại Bộ Tư pháp và dự lễ khánh thành chính thức phần mềm công chứng Việt Nam. Từ năm 1993, việc thiết kế phần mềm này đã được Hội đồng công chứng tối cao Pháp và Cộng hoà Pháp tài trợ hơn 8 triệu Phờ-răng.

Báo Pháp luật thứ sáu số 64 ngày 21/4/2000

NGÀY 09 THÁNG 6 NĂM 2000

Quốc hội khoá X, kỳ họp thứ 7 thông qua Luật Hôn nhân và gia đình

Qua hơn 10 năm thi hành, Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986 cũng đã bộc lộ một số mặt hạn chế. Đó là, tình trạng nam nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn (hôn nhân thực tế), nạn tảo hôn, tình trạng đa thê diễn ra nhiều ở vùng nông thôn, miền núi. Nhiều quy định của Luật Hôn nhân

và gia đình năm 1986 còn mang tính khái quát chung, chưa cụ thể nên khó áp dụng trong thực tế, chưa có cơ sở pháp lý thống nhất để giải quyết các tranh chấp về nhân thân và tài sản giữa các thành viên trong gia đình. Mặt khác, tình hình kinh tế - xã hội trong giai đoạn hiện nay có nhiều thay đổi, trong đó quan hệ hôn nhân và gia đình cũng đã phát sinh nhiều vấn đề mới cần được pháp luật điều chỉnh như vấn đề kết hôn giữa những người cùng giới, kết hôn giữa những người bị nhiễm HIV, giải quyết vấn đề tài sản, con cái khi vợ chồng ly hôn. Các quan hệ hôn nhân và gia đình luôn chịu sự tác động của nhiều mối quan hệ khác nhau như dân sự, đất đai, kinh doanh, đầu tư nước ngoài... Cho đến nay, khi Nhà nước ta ban hành nhiều văn bản pháp luật mới để điều chỉnh các mối quan hệ đó như Bộ luật Dân sự, Luật Đất đai, Luật Doanh nghiệp... thì Luật Hôn nhân và gia đình cũng cần phải sửa đổi, bổ sung cho đồng bộ với các văn bản pháp luật hiện hành.

Xuất phát từ những lý do trên, việc xây dựng và ban hành Luật Hôn nhân và gia đình mới là điều hoàn toàn cần thiết, qua đó chúng ta có thể xây dựng các chuẩn mực pháp lý cho cách ứng xử của các thành viên trong gia đình, góp phần xây dựng, củng cố chế độ hôn nhân gia đình xã hội chủ nghĩa.

Cuối tháng 9 năm 1994, Ban dự thảo Luật Hôn nhân và gia đình (sửa đổi) được thành lập, cơ quan chủ trì là Bộ Tư pháp, cùng các thành viên khác như Trung ương Hội liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Tổng liên đoàn Lao động Việt Nam, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Ủy ban Chăm sóc và giáo dục trẻ em... Tại phiên họp ngày 01/6/1996, Chính phủ đã xem xét dự án Luật và đã có Tờ trình trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội cho ý kiến tại phiên họp ngày 25/7/1996.

Ngày 09/6/2000, Quốc hội khoá X kỳ họp thứ 7 đã thông qua Luật Hôn nhân và gia đình (số 22/2000/QH10), Luật gồm 13 chương với 110 Điều quy định: việc kết hôn; quan hệ giữa vợ và chồng, giữa cha mẹ và con, giữa ông bà nội, ông bà ngoại và cháu, giữa anh, chị, em và giữa các thành viên trong gia đình; việc cấp dưỡng; xác định cha, mẹ, con; về con nuôi; việc giám hộ giữa các thành viên trong gia đình; ly hôn; quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài; xử lý vi phạm.

Ngày 22/6/2000, Chủ tịch nước đã ký Lệnh số 08-L/CTN công bố Luật Hôn nhân và gia đình. Luật này thay thế Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986. Pháp lệnh Hôn nhân và gia đình giữa công dân Việt Nam với người nước ngoài ngày 02/12/1993 hết hiệu lực kể từ ngày 01/01/2001.

Công báo số 28 ngày 31/7/2000, tr. 1886 - 1905

NGÀY 21 THÁNG 6 NĂM 2000

Bà Lê Thị Thu Ba được bổ nhiệm giữ chức Thứ trưởng Bộ Tư pháp

Theo Quyết định số 563/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 21/6/2000,

bà Lê Thị Thu Ba, Chánh án Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai được bổ nhiệm giữ chức Thứ trưởng Bộ Tư pháp.

Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 05 THÁNG 7 NĂM 2000

Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp, Bộ Công an ban hành Thông tư liên tịch số 02/2000/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP-BCA hướng dẫn thi hành Điều 7 Bộ luật Hình sự năm 1999 và mục 2 Nghị quyết số 32/1999/QH10 ngày 21/12/1999 của Quốc hội

Để thi hành đúng các quy định tại Điều 7 Bộ luật Hình sự năm 1999 “*Hiệu lực của Bộ luật Hình sự về thời gian*” và các quy định tại Mục 2 Nghị quyết số 32/1999/QH10 của Quốc hội về việc áp dụng Bộ luật Hình sự kể từ ngày 01/7/2000, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp, Bộ Công an ban hành Thông tư liên tịch số 02/2000/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP-BCA thống nhất hướng dẫn một số điểm về thời điểm áp dụng (0 giờ 00 ngày 01/7/2000) và cách áp dụng đối với các hành vi phạm tội xảy ra trong khoảng thời điểm này. Thông tư có hiệu lực kể từ ngày 20/7/2000.

Cơ sở dữ liệu văn bản quy phạm pháp luật _ <http://moj.gov.vn>

NGÀY 09 THÁNG 8 NĂM 2000

Thủ tướng Chính phủ ban hành Chỉ thị về việc tổ chức thi hành Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000

Chỉ thị số 15/2000/CT-TTg do Bộ Tư pháp chủ trì soạn thảo, gồm những nội dung chính sau: Tổ chức việc rà soát để sửa đổi, bổ sung các văn bản pháp luật hiện hành hoặc ban hành các văn bản mới hướng dẫn thi hành Luật Hôn nhân và gia đình; phổ biến, tuyên truyền, giáo dục Luật Hôn nhân và gia đình.

Cơ sở dữ liệu văn bản quy phạm pháp luật _ <http://moj.gov.vn>

NGÀY 15 THÁNG 8 NĂM 2000

Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại giao, Bộ Công an ban hành Thông tư liên tịch số 10/2000/TTLT-BKH-BTP-BNG-BCA hướng dẫn việc người Việt Nam định cư ở nước ngoài, người nước ngoài thường trú tại Việt Nam đầu tư theo Nghị định số 51/1999/NĐ-CP ngày 08/7/1999 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Khuyến khích đầu tư trong nước (sửa đổi) số 03/1998/QH10

Thông tư liên tịch số 10/2000/TTLT-BKH-BTP-BNG-BCA hướng dẫn một số

nội dung như: Các loại giấy tờ bằng tiếng nước ngoài của nhà đầu tư cần được dịch ra tiếng Việt và bản dịch phải được cơ quan công chứng Việt Nam công chứng; một số quyền cho nhà đầu tư về thành lập doanh nghiệp, về chuyển tên chủ đầu tư; thuê chuyên gia, lao động kỹ thuật là người nước ngoài, được quyền góp vốn, mua cổ phần; được đầu tư, kinh doanh ở tất cả các ngành, nghề, lĩnh vực và địa bàn theo quy định của pháp luật Việt Nam, trừ những ngành, nghề mà pháp luật Việt Nam cấm kinh doanh, được hưởng một số bảo đảm và hỗ trợ đầu tư. Đồng thời, Thông tư liên tịch cũng quy định thủ tục xác nhận người gốc Việt Nam, người có quan hệ huyết thống Việt Nam; việc nhập cảnh, xuất cảnh cư trú, đi lại của nhà đầu tư, thủ tục đăng ký kinh doanh và cấp giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư, chuyển tên chủ đầu tư, chuyển vốn đầu tư trước đây trong doanh nghiệp thành vốn góp của nhà đầu tư.

Thông tư liên tịch này thay thế Thông tư số 02/BKH-DN ngày 12/5/1995 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Thông tư liên bộ số 11/BKH-NG ngày 31/12/1996 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Ngoại giao.

Công báo số 36 ngày 30/9/2000, tr. 2421 - 2429

NGÀY 28 THÁNG 8 NĂM 2000

Bộ trưởng Bộ Tư pháp gửi thư đến cán bộ, công chức Ngành Tư pháp nhân dịp kỷ niệm 55 năm ngày thành lập Ngành Tư pháp Việt Nam

Nhân dịp kỷ niệm 55 năm thành lập Ngành Tư pháp Việt Nam, Bộ trưởng Bộ Tư pháp Nguyễn Đình Lộc thay mặt Ban cán sự Đảng và Lãnh đạo Bộ Tư pháp gửi thư chúc mừng toàn thể cán bộ, công chức trong Ngành.

Bộ trưởng đã tuyên dương những nỗ lực phấn đấu, vượt qua khó khăn, gian khổ, ngày càng đạt được nhiều thành tích trên các lĩnh vực của các đơn vị và cá nhân; đồng thời thông qua các phong trào thi đua yêu nước do Đảng, Bác Hồ phát động, đã lôi cuốn, động viên, cổ vũ các tập thể, cán bộ trong toàn Ngành hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

Tin Tư pháp số 7 năm 2000; Tạp chí Dân chủ và Pháp luật số 8 năm 2000;

Báo Pháp luật Thứ sáu số 136 ngày 25/8/2000

NGÀY 05 ĐẾN NGÀY 08 THÁNG 9 NĂM 2000

Đại hội thi đua lần thứ nhất Ngành Tư pháp

Thay mặt Đảng và Nhà nước, Ủy viên Thường vụ - Thường trực Bộ Chính trị, Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Phạm Thế Duyệt đã tới dự và biểu dương những thành tích đã đạt được trong công tác thi đua của Ngành Tư pháp.

Báo cáo tại Đại hội, Bộ trưởng Bộ Tư pháp Nguyễn Đình Lộc đã nêu bật những thành tích to lớn của phong trào thi đua yêu nước Ngành Tư pháp, các điển hình tiên tiến và các chiến sỹ thi đua trong những năm đổi mới. Đồng thời Bộ trưởng phát động các phong trào thi đua với khẩu hiệu “cán bộ, công chức Ngành Tư pháp ra sức thi đua hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, gương mẫu sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật, vì sự nghiệp dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh” (Khẩu hiệu thi đua của Ngành Tư pháp giai đoạn 2001 - 2005).

Đại hội tổ chức Trao giải thưởng Hội thi Bản tin Tư pháp cho các đơn vị: 01 Giải nhất: Bản tin Tư pháp Cà Mau; 02 Giải nhì: Bản tin Tư pháp Quảng Ngãi, Bản tin Tư pháp Lai Châu; 05 Giải ba: Bản tin Tư pháp Nam Định, Pháp luật và cuộc sống (Sở Tư pháp Khánh Hòa), Bản tin Tư pháp Lào Cai, Bản tin Tư pháp Phú Thọ, Bản tin Tư pháp Hải Phòng; và 08 giải tư.

Tap chí Dân chủ và Pháp luật số 9 năm 2000; Tin Tư pháp số 8 năm 2000

NGÀY 06 THÁNG 9 NĂM 2000

Hội thi Hoà giải viên giỏi toàn quốc lần thứ nhất

Bộ Tư pháp phối hợp với Uỷ ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tổ chức Hội thi Hoà giải viên giỏi toàn quốc lần thứ nhất. Tham gia có gần 100 Hoà giải viên giỏi trong cả nước, cùng đại diện của Sở Tư pháp, Mặt trận Tổ quốc của 61 tỉnh, thành và đại diện của các tập thể, cá nhân điển hình. Đến dự có Uỷ viên Thường vụ - Thường trực Bộ Chính trị, Chủ tịch Uỷ ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Phạm Thế Duyệt; Phó Chủ tịch Quốc hội Nguyễn Văn Yếu và đại diện các ban, ngành, đoàn thể ở Trung ương và Hà Nội.

Tin Tư pháp số 8 năm 2000

NGÀY 14 THÁNG 9 NĂM 2000

Ký kết Hiệp định Tương trợ tư pháp và pháp lý về các vấn đề dân sự, gia đình, lao động và hình sự giữa Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Cộng hoà Bêlarus

Sau khi Liên Xô tan rã (1991), Hiệp định Tương trợ tư pháp và pháp lý về các vấn đề dân sự, gia đình, lao động và hình sự giữa nước ta và Liên Xô đã không được Cộng hoà Bêlarus kế thừa.

Ngày 09 và 10/9/1999 tại Hà Nội, Đoàn đàm phán Việt Nam do Bộ Tư pháp chủ trì với sự tham gia của: Bộ Ngoại giao, Bộ Công an, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Toà án nhân dân tối cao đã tiến hành đàm phán Vòng 1. Hai bên đã nhất trí cơ bản nội dung Hiệp định. Sau đó, hai bên đã nhiều lần trao đổi công hàm để cùng hoàn thiện bản Dự thảo Hiệp định.

Ngày 11/8/2000, Bộ Tư pháp trình Thủ tướng Chính phủ Tờ trình về việc ký Hiệp định Tương trợ tư pháp và pháp lý về các vấn đề dân sự, gia đình, lao động và hình sự giữa Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Cộng hoà Bêlarus.

Ngày 14/9/2000, Hiệp định được ký kết.

Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 11 THÁNG 10 NĂM 2000

Chính phủ ban hành Nghị định số 55/2000/NĐ-CP sửa đổi một số điều của Nghị định số 104/1998/NĐ-CP ngày 31/12/1998 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Quốc tịch Việt Nam

Ngày 31/8/2000, Bộ Tư pháp trình Thủ tướng Chính phủ Dự thảo và Tờ trình số 44/TP-TTr Dự thảo Nghị định sửa đổi một số điều của Nghị định số 104/1998/NĐ-CP ngày 31/12/1998 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Quốc tịch Việt Nam. Ngày 11/10/2000, Nghị định số 55/2000/NĐ-CP đã được Chính phủ ban hành.

Nghị định số 55/2000/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung Điều 12 “*Thủ tục, trình tự giải quyết tại cấp Trung ương*” về việc nhập quốc tịch; Điều 16 “*Thủ tục, trình tự giải quyết tại cấp Trung ương*” về việc trở lại quốc tịch Việt Nam; Điều 24 “*Thủ tục, trình tự giải quyết tại cấp Trung ương*” về việc thôi quốc tịch Việt Nam.

Công báo số 41 ngày 08/11/2000, tr. 2724 - 2726

NGÀY 30 THÁNG 10 NĂM 2000

Chính phủ ban hành Nghị định số 59/2000/NĐ-CP quy định việc thi hành biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn đối với người chưa thành niên phạm tội; Nghị định số 60/2000/NĐ-CP quy định việc thi hành hình phạt cải tạo không giam giữ; Nghị định số 61/2000/NĐ-CP quy định việc thi hành hình phạt tù cho hưởng án treo

Ngoại trừ biện pháp buộc phải chịu thử thách rất ít được áp dụng, án treo và hình phạt cải tạo không giam giữ được các toà án áp dụng tương đối nhiều nhưng việc thi hành trên thực tế chưa đạt được mục đích đặt ra. Người phạm tội hầu như không phải chịu một sự ràng buộc nào, trách nhiệm cơ quan, tổ chức không được quy định rõ ràng, do vậy, việc giám sát, giáo dục người phạm tội quá lỏng lẻo, không có hiệu quả. Quy định về thực hiện phối hợp giữa các cơ quan, tổ chức được giao giám sát giáo dục với gia đình của người phạm tội, các cơ quan, tổ chức hữu quan và cộng đồng dân cư nơi người phạm tội cư trú nhằm giúp người phạm tội tu dưỡng, rèn luyện để hoàn lương chưa có. Nguyên nhân do còn thiếu văn bản quy định cụ thể chế độ thử thách của người bị kết án, nghĩa vụ và quyền của người bị

kết án cũng như trách nhiệm và quyền hạn của cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án và biện pháp tổ chức thi hành. Vì vậy, việc ban hành các nghị định về thi hành hình phạt tù cho hưởng án treo; về thi hành hình phạt cải tạo không giam giữ và thi hành biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn đối với người chưa thành niên phạm tội là rất cần thiết.

Ngày 31/8/2000, Bộ Tư pháp trình Thủ tướng Chính phủ Dự thảo và Tờ trình số 43/BTP-HSHC về 03 nghị định này. Ngày 30/10/2000, Chính phủ ban hành 03 văn bản này. Trong đó:

Nghị định số 59/2000/NĐ-CP quy định việc thi hành biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn đối với người chưa thành niên phạm tội, gồm 14 điều chia làm 4 chương. Theo quy định tại Nghị định, biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn do Tòa án quyết định đối với người chưa thành niên phạm tội nhằm tạo điều kiện cho người đó lao động, học tập tại cộng đồng và chứng tỏ sự hối cải của mình ngay trong môi trường xã hội bình thường, dưới sự giám sát, giúp đỡ của UBND xã, phường, thị trấn, tổ chức xã hội và gia đình. Khi người chưa thành niên phạm tội đã chấp hành được một phần hai thời hạn giáo dục tại xã, phường, thị trấn và có nhiều tiến bộ, thì có thể được Tòa án ra quyết định chấm dứt thời hạn giáo dục tại xã, phường, thị trấn. Nghị định quy định nghĩa vụ và quyền của người chưa thành niên phạm tội; trách nhiệm của gia đình, UBND tại xã, phường, thị trấn và tổ chức xã hội trong việc giám sát, giáo dục người chưa thành niên phạm tội.

Công báo số 44 ngày 30/11/2000, tr. 2925 - 2929

Nghị định số 60/2000/NĐ-CP quy định việc thi hành hình phạt cải tạo không giam giữ, gồm 15 điều chia làm 4 chương. Theo quy định tại Nghị định, hình phạt cải tạo không giam giữ nhằm tạo điều kiện cho người bị phạt cải tạo không giam giữ lao động, học tập tại cộng đồng và chứng tỏ sự hối cải, hoàn lương của mình ngay trong môi trường xã hội bình thường, dưới sự giám sát, giáo dục của cơ quan, tổ chức, đơn vị quân đội, cơ sở giáo dục, đào tạo hoặc UBND xã, phường, thị trấn nơi người bị kết án cư trú và gia đình người đó. Khi người bị phạt cải tạo không giam giữ đã chấp hành được một phần ba thời hạn cải tạo không giam giữ và có nhiều tiến bộ hoặc lập công, mắc bệnh hiểm nghèo thì có thể được Tòa án xét giảm thời hạn hoặc miễn chấp hành hình phạt. Nghị định quy định nghĩa vụ và quyền của người bị kết án, trách nhiệm và quyền của cơ quan, tổ chức và gia đình trong việc giám sát, giáo dục người bị kết án. Nghị định thay thế Nghị định số 95/HĐBT ngày 25/7/1989 của Hội đồng Bộ trưởng ban hành Quy chế về chế độ cải tạo không giam giữ và cải tạo ở đơn vị kỷ luật của quân đội.

Công báo số 44 ngày 30/11/2000, tr. 2929 - 2934

Nghị định số 61/2000/NĐ-CP quy định việc thi hành hình phạt tù cho hưởng án treo, gồm 4 chương 15 điều, theo đó việc thi hành hình phạt tù cho hưởng án treo nhằm tạo điều kiện cho người được hưởng án treo làm ăn, sinh sống và chứng tỏ sự hối cải, hoàn lương của mình ngay trong môi trường xã hội bình thường, dưới sự giám sát, giáo dục của cơ quan, tổ chức, đơn vị quân đội, cơ sở giáo dục, đào tạo hoặc UBND xã, phường, thị trấn nơi người được hưởng án treo làm việc, công tác, học tập hoặc cư trú và gia đình của người đó. Khi người được hưởng án treo đã chấp hành được một phần hai thời gian thử thách và có nhiều tiến bộ, thì được Tòa án xét rút ngắn thời gian thử thách. Nghị định quy định nghĩa vụ và quyền của người được hưởng án treo, trách nhiệm và quyền của cơ quan, tổ chức và gia đình trong việc giám sát, giáo dục người được hưởng án treo.

Công báo số 44 ngày 30/11/2000, tr. 2935 - 2940

NGÀY 04 THÁNG 11 NĂM 2000

Bộ Tư pháp gửi Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường Báo cáo về Kế hoạch nghiên cứu khoa học công nghệ của Bộ Tư pháp giai đoạn 2001-2005 và dự kiến kế hoạch nghiên cứu năm 2001

Thực hiện Chương trình nghiên cứu khoa học được Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường phê duyệt cho giai đoạn 1996-2000, Bộ Tư pháp đã triển khai 1 đề tài cấp Nhà nước độc lập, 34 đề tài khoa học cấp Bộ, 24 đề tài cấp cơ sở.

Các đề tài trong giai đoạn 1996-2000 đều tập trung thực hiện các định hướng cơ bản đã được Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường phê duyệt cụ thể như:

- Nghiên cứu những luận cứ khoa học và thực tiễn phục vụ cho việc xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật;
- Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn phục vụ cho cải cách tư pháp và cải cách hành chính mà trọng tâm là đổi mới tổ chức, hoạt động của các cơ quan tư pháp;
- Nghiên cứu góp phần xây dựng cơ chế đưa pháp luật vào đời sống xã hội và cơ chế áp dụng, thực hiện pháp luật có hiệu quả.

Cùng với các hoạt động nghiên cứu trong khuôn khổ Chương trình kế hoạch khoa học công nghệ giai đoạn 1996-2000, Bộ Tư pháp còn triển khai một số hoạt động nghiên cứu độc lập như: Tổ chức các Hội thảo khoa học độc lập; triển khai các Dự án điều tra xã hội học về “*Tổ chức và hoạt động của các cơ quan tư pháp trong việc đảm bảo quyền dân chủ của công dân và trật tự an toàn pháp luật trong xã hội*” và “*Nhu cầu, điều kiện xây dựng Tủ sách pháp luật ở cơ sở*”; xây dựng và phát triển cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật; xuất bản các số thông tin khoa học pháp lý;...

Các định hướng nghiên cứu khoa học của Bộ Tư pháp giai đoạn 2001-2005:

1. Nghiên cứu xây dựng chiến lược phát triển Ngành Tư pháp theo hướng tinh gọn, phân cấp, phối hợp rõ ràng và bảo đảm hoạt động có hiệu quả.

2. Nghiên cứu các yêu cầu mới đặt ra nhằm hoàn thiện hệ thống pháp luật trong nền kinh tế thị trường; các yếu tố tác động đến hiệu lực, hiệu quả của văn bản quy phạm pháp luật trên cơ sở đó xây dựng cơ chế bảo đảm và nâng cao hiệu lực của các văn bản quy phạm pháp luật.

3. Nghiên cứu xây dựng các thiết chế pháp lý tăng cường năng lực tiếp cận pháp luật trong các tầng lớp dân cư trong xã hội kể cả các đối tác nước ngoài tại Việt Nam trong quá trình hội nhập và giao lưu kinh tế quốc tế.

4. Nghiên cứu các giải pháp đổi mới công tác đào tạo, nâng cao trình độ chuyên môn cho đội ngũ cán bộ tư pháp phức đáp yêu cầu trong giai đoạn mới.

Tư liệu lưu trữ tại Viện Khoa học pháp lý

NGÀY 20 ĐẾN NGÀY 24 THÁNG 11 NĂM 2000

Hội thảo về mạng riêng ảo và lớp tập huấn về Cơ sở dữ liệu pháp luật

Hội thảo và lớp tập huấn thuộc hoạt động tiền dự án Thông tin pháp luật do Viện Nghiên cứu khoa học pháp lý phối hợp với Đại sứ quán Thụy Điển tại Việt Nam tổ chức.

1. *Hội thảo*: Được tổ chức trong hai ngày 20 và 21/11/2000 tại Bộ Tư pháp. Khách mời là các cán bộ trong các đơn vị thuộc Bộ, cán bộ của các cơ quan phối hợp trong việc xây dựng Hệ cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật: như Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chủ tịch nước, Văn phòng Chính phủ, Thanh tra Nhà nước, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Công an và cán bộ 10 Sở Tư pháp đã được triển khai xây dựng cơ sở dữ liệu văn bản quy phạm pháp luật. Hội thảo trang bị những hiểu biết khái quát nhất về mạng công cộng (Internet), đưa ra một bức tranh toàn cảnh về mạng riêng ảo (VPNs), những ưu điểm của VPNs khi được áp dụng cho các hệ cơ sở dữ liệu quốc gia và đặc biệt là việc tiếp tục triển khai xây dựng các cơ sở dữ liệu văn bản quy phạm pháp luật thành viên tại 61 Sở Tư pháp trên toàn quốc...

2. *Lớp tập huấn*: Tổ chức trong 3 ngày từ ngày 22 đến ngày 24/11/2000 tại 16 Lê Đại Hành, Hà Nội. Tham gia có các học viên là cán bộ quản trị mạng và cơ sở dữ liệu của 10 tỉnh thành đã triển khai dự án, đại diện một số cơ quan phối hợp như: Văn phòng Chủ tịch nước, Văn phòng Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Công an... Lớp tập huấn tập trung vào các vấn đề như: giới thiệu về mô hình mạng, mô hình cơ sở dữ liệu của hệ cơ

sở dữ liệu quốc gia về pháp luật, Tổng quan về cơ sở dữ liệu trên Web, quản trị cơ sở dữ liệu văn bản quy phạm pháp luật trên nền dịch vụ thư mục, sử dụng các dịch vụ trên hệ thống mạng Lawnet...

Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 22 THÁNG 11 NĂM 2000

Ngân hàng Nhà nước, Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính, Tổng cục Địa chính ban hành Thông tư liên tịch số 12/2000/TTLT-NHNN-BTP-BTC-TCĐC hướng dẫn thực hiện một số giải pháp về bảo đảm tiền vay của các tổ chức tín dụng theo quy định tại Nghị quyết số 11/2000/NQ-CP ngày 31/7/2000

Thông tư liên tịch số 12/2000/TTLT-NHNN-BTP-BTC-TCĐC hướng dẫn các loại giấy tờ mà doanh nghiệp cần phải có về tài sản thế chấp, cầm cố của doanh nghiệp nhằm bảo đảm tiền vay của các tổ chức tín dụng. Đồng thời quy định các doanh nghiệp phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, tính trung thực đối với các giấy tờ chứng minh về quyền sở hữu của doanh nghiệp hoặc quyền quản lý, sử dụng của doanh nghiệp nhà nước và tài sản này không có tranh chấp. Các doanh nghiệp không được sử dụng các giấy tờ này để cầm cố, thế chấp ở nhiều tổ chức tín dụng để vay vốn.

Công báo số 48 ngày 31/12/2000, tr. 3213 - 3215

NGÀY 08 THÁNG 12 NĂM 2000

Chính phủ ban hành Nghị định số 75/2000/NĐ-CP về công chứng, chứng thực

Để đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của cá nhân, tổ chức về công chứng, chứng thực, góp phần phục vụ sự phát triển kinh tế, xã hội của đất nước, đồng thời tăng cường quản lý nhà nước đối với hoạt động công chứng, chứng thực, tiếp tục cải cách thủ tục hành chính trong lĩnh vực công chứng, chứng thực, Bộ Tư pháp được phân công chủ trì soạn thảo nghị định về công chứng, chứng thực. Nghị định số 75/2000/NĐ-CP được Chính phủ ban hành ngày 08/12/2000, quy định về phạm vi công chứng, chứng thực, nguyên tắc hoạt động, thủ tục, trình tự thực hiện việc công chứng, chứng thực, tổ chức Phòng công chứng và công tác chứng thực của UBND huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh và UBND xã, phường, thị trấn. Nghị định gồm 75 điều chia làm 10 chương, cụ thể: những quy định chung, quản lý nhà nước về công chứng, chứng thực; thẩm quyền công chứng, chứng thực; phòng công chứng, công chứng viên; nhiệm vụ, quyền hạn của người thực hiện công chứng, chứng thực; công chứng, chứng thực hợp đồng, giao dịch; công chứng, chứng thực bản sao giấy tờ, chữ ký của cá nhân và công chứng bản dịch

giấy tờ; hình thức văn bản công chứng, văn bản chứng thực, chế độ lưu trữ; giải quyết khiếu nại, tố cáo và khen thưởng, xử lý vi phạm và điều khoản cuối cùng.

Nghị định này thay thế Nghị định số 31-CP ngày 18/5/1996 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động Công chứng nhà nước.

Công báo số 2 ngày 15/01/2001, tr. 71 - 90

NGÀY 11 THÁNG 12 NĂM 2000

Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 142/2000/QĐ-TTg về việc ban hành Quy chế thực hiện Hiệp định Hợp tác về nuôi con nuôi giữa nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và nước Cộng hoà Pháp

Hiệp định Hợp tác về nuôi con nuôi với Pháp là loại điều ước song phương đầu tiên giữa Nhà nước ta với nước ngoài về vấn đề hợp tác trong lĩnh vực nuôi con nuôi.

Tuy nhiên, theo nội dung Hiệp định thì một số vấn đề vẫn chưa được pháp luật Việt Nam quy định như: về việc nộp hồ sơ xin nuôi con nuôi tại Bộ Tư pháp và trình tự giải quyết hồ sơ; về sự giúp đỡ của các tổ chức được phép hoạt động trong lĩnh vực nuôi con nuôi trong quá trình xin nhận con nuôi; về Nhóm công tác hỗn hợp của hai bên. Do đó việc ban hành Quy chế thực hiện Hiệp định là rất cần thiết, nhằm đảm bảo thi hành đầy đủ các cam kết của Nhà nước ta trong Hiệp định.

Ngày 21/11/2000, Bộ Tư pháp trình Thủ tướng Chính phủ Tờ trình 61/TP-TTr về Dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế thực hiện Hiệp định hợp tác Việt - Pháp về nuôi con nuôi.

Ngày 11/12/2000, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 142/2000/QĐ-TTg về việc ban hành Quy chế thực hiện Hiệp định Hợp tác về nuôi con nuôi giữa nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và nước Cộng hoà Pháp. Trẻ em được giới thiệu và giải quyết cho làm con nuôi theo quy định của Quy chế là trẻ em đang ở trong các cơ sở nuôi dưỡng được thành lập hợp pháp tại các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Trường hợp trẻ em bị mồ côi, bị tàn tật, người xin nhận con nuôi trước đây đã nhận anh, chị, em ruột của trẻ em đó làm con nuôi hoặc vì lý do nhân đạo khác được Bộ Tư pháp chấp thuận, thì giải quyết cho người xin nhận con nuôi được xin đích danh trẻ em đó từ gia đình. Quy chế quy định trình tự, thủ tục giải quyết hồ sơ xin nhận con nuôi; trách nhiệm của các cơ quan và cơ chế phối hợp giải quyết hồ sơ cho nhận con nuôi (Bộ Tư pháp; Bộ Ngoại giao; Bộ Công an; các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; UBND cấp tỉnh; Cơ sở nuôi dưỡng trẻ em; Nhóm công tác liên ngành; Tổ chức của Pháp được cấp phép hoạt động trong lĩnh vực nuôi con nuôi tại Việt Nam).

Công báo số 2 ngày 15/01/2001, tr. 97 - 98

NĂM 2001

NGÀY 03 THÁNG 01 NĂM 2001

Toà án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp ban hành Thông tư liên tịch 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình

Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP hướng dẫn việc áp dụng Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 trong trường hợp quan hệ vợ chồng được xác lập mà chưa đăng ký kết hôn và một bên hoặc cả hai bên có yêu cầu ly hôn, tại các thời điểm:

- Trước ngày 03/01/1987 (ngày Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986 có hiệu lực);
- Từ ngày 03/01/1987 trở đi đến trước ngày 01/01/2001 (ngày Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 có hiệu lực);
- Từ ngày 01/01/2001.

Cơ sở dữ liệu văn bản quy phạm pháp luật _ <http://moj.gov.vn>

NGÀY 10 THÁNG 01 NĂM 2001

Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 06/2001/QĐ-TTg quy định về chế độ bồi dưỡng đối với một số chức danh tư pháp

Quyết định số 06/2001/QĐ-TTg do Bộ Tư pháp chủ trì soạn thảo, quy định chế độ bồi dưỡng đối với thẩm phán, điều tra viên, kiểm sát viên, thư ký toà án đang làm việc tại các cơ quan tư pháp (kể cả thuộc Bộ Quốc phòng và Bộ Công an), theo đó, mức 120.000 đồng/người/tháng áp dụng đối với thẩm phán, điều tra viên, kiểm sát viên; Mức 100.000 đồng/người/tháng áp dụng đối với thư ký toà án. Đối với thẩm phán, thư ký toà án thuộc Toà án nhân dân tối cao khi hưởng chế độ bồi dưỡng quy định tại Quyết định này thì thôi không hưởng khoản trợ cấp ngoài lương đối với cán bộ, công chức Toà án nhân dân tối cao quy định tại Công văn số 683/KGVX ngày 14/02/1997 của Văn phòng Chính phủ. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 01/01/2001.

Công báo số 7 ngày 22/02/2001, tr. 417

NGÀY 10 ĐẾN NGÀY 12 THÁNG 01 NĂM 2001

Bộ trưởng Bộ Tư pháp Nhật Bản thăm chính thức nước ta

Từ ngày 10 đến ngày 12/01/2001, Đoàn đại biểu Bộ Tư pháp Nhật Bản với 9 thành viên do Bộ trưởng Bộ Tư pháp Komura dẫn đầu đã sang thăm hữu nghị chính thức nước ta. Đây là lần đầu tiên một quan chức cấp cao nhất của Ngành Tư pháp Nhật Bản sang thăm Việt Nam kể từ khi hai bên bắt đầu có quan hệ hợp tác trong lĩnh vực pháp luật và tư pháp.

Trong thời gian ở thăm và làm việc tại Việt Nam, Đoàn đã có buổi hội đàm với Đoàn đại biểu của Bộ Tư pháp Việt Nam do Bộ trưởng Bộ Tư pháp Nguyễn Đình Lộc làm trưởng đoàn. Tại hội đàm, sau khi nghe đánh giá của Bộ trưởng Bộ Tư pháp Việt Nam về kết quả sự hợp tác Việt - Nhật trong lĩnh vực pháp luật và tư pháp, nhu cầu của Việt Nam về hợp tác quốc tế trong lĩnh vực này và phương hướng phát triển trong thời gian tới, Bộ trưởng Bộ Tư pháp Nhật Bản đề nghị các kết quả đạt được cần phải được phát triển hơn nữa, ghi nhận nhu cầu hợp tác của Việt Nam và khẳng định quan hệ hợp tác này cần được phát triển lên một bước mới, tập trung vào các vấn đề đào tạo nguồn nhân lực, cung cấp thông tin, kinh nghiệm phục vụ cho công tác xây dựng pháp luật của Việt Nam.

Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 15 THÁNG 01 NĂM 2001

Bộ trưởng Bộ Tư pháp ra Chỉ thị số 01/2001/CT-BTP về thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm của công tác tư pháp năm 2001

Theo Chỉ thị này, 9 nhiệm vụ trọng tâm của công tác tư pháp trong năm 2001 gồm có:

1. Tổ chức nghiên cứu quán triệt Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX trong toàn Ngành Tư pháp;
2. Triển khai thực hiện đề án kiện toàn tổ chức, tinh giản biên chế, nâng cao năng lực hoạt động của các cơ quan tư pháp;
3. Tiếp tục tạo sự chuyển biến cơ bản trong công tác thi hành án dân sự;
4. Cải tiến công tác xây dựng dự thảo văn bản quy phạm pháp luật do Bộ Tư pháp chủ trì, nâng cao chất lượng thẩm định văn bản quy phạm pháp luật của Bộ và tổ chức thực hiện tốt các văn bản pháp luật;
5. Nâng cao chất lượng phục vụ, tháo gỡ các vướng mắc về thể chế pháp lý trong hoạt động hỗ trợ tư pháp, hành chính tư pháp;

6. Tiếp tục tạo sự chuyển biến về công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, đặc biệt là đối với vùng sâu, vùng xa. Đặc biệt là các hoạt động nhằm nâng cao chất lượng thông tin, phổ biến, tuyên truyền pháp luật; tổng kết cuộc thi tìm hiểu Bộ luật Hình sự; hoàn thành việc xây dựng Tủ sách pháp luật xã, phường, thị trấn trong phạm vi cả nước;

7. Đẩy mạnh công tác nghiên cứu, xây dựng pháp luật quốc tế, tăng cường hiệu quả hợp tác quốc tế về tư pháp và pháp luật, đặc biệt là các hoạt động nhằm thực hiện tốt Hiệp định thương mại Việt Nam - Hoa Kỳ và các điều ước quốc tế khác mà Nhà nước ta đã ký kết.

8. Nâng cao hiệu quả hoạt động nghiên cứu khoa học, thiết thực phục vụ các nhiệm vụ trọng tâm của công tác tư pháp. Chủ động nghiên cứu các vấn đề xây dựng chiến lược xây dựng pháp luật và tư pháp, cơ chế đưa pháp luật vào đời sống; Thực hiện đề án nghiên cứu xây dựng hệ thống các chức danh tư pháp; Tiếp tục hoàn chỉnh Dự thảo Chiến lược xây dựng quy hoạch đội ngũ cán bộ Ngành Tư pháp đến năm 2010;

9. Củng cố tổ chức và tăng cường phát huy hiệu quả hoạt động của tổ chức pháp chế ngành.

Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 22 THÁNG 02 NĂM 2001

Bộ trưởng Bộ Tư pháp ra Quyết định số 149/2001/TT-BTP về việc ban hành sổ theo dõi việc chấp hành án, giấy chứng nhận đã chấp hành xong hình phạt cho người bị kết án cải tạo không giam giữ, người được hưởng án treo

Theo Quyết định số 149/2001/TT-BTP, Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh được sử dụng kinh phí từ ngân sách nhà nước do Bộ Tư pháp cấp cho các Tòa án nhân dân địa phương và Bộ Quốc phòng cấp cho Tòa án quân sự để in sổ và giấy chứng nhận để phục vụ cho việc quản lý hoạt động thi hành án tại địa phương.

Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 26 THÁNG 02 NĂM 2001

Hội nghị sơ kết 3 năm thực hiện Nghị định số 94/CP về tổ chức pháp chế bộ, ngành

Tham dự hội nghị có đại diện lãnh đạo, pháp chế đồng đạo các bộ, ngành. Thứ trưởng Bộ Tư pháp Nguyễn Văn Sản chủ trì hội nghị. Qua 3 năm thực hiện Nghị định số 94/CP, tổ chức pháp chế ở hầu hết các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan

thuộc Chính phủ đã được củng cố, kiện toàn, ổn định về tổ chức và đi vào hoạt động có nề nếp, phát huy hiệu quả, vai trò của mình góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ của các bộ, ngành.

Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

Bộ Tư pháp, Viện kiểm sát nhân dân tối cao ban hành Thông tư liên tịch số 12/2001/TTLT-BTP-VKSTC hướng dẫn thực hiện một số quy định pháp luật về thi hành án dân sự

Theo Thông tư liên tịch, để áp dụng một số quy định pháp luật về thi hành án dân sự; đáp ứng yêu cầu của thực tiễn công tác thi hành án dân sự, Bộ Tư pháp, Viện kiểm sát nhân dân tối cao thống nhất hướng dẫn một số quy định pháp luật về thi hành án dân sự như: cách xác định “việc” thi hành án; cách xác định thời hiệu thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án dân sự; Thoả thuận và tự nguyện thi hành án; Kê biên, giao bảo quản, xử lý tài sản để thi hành án; Thi hành nghĩa vụ liên đới và nghĩa vụ của người phải thi hành án đã chết; Kiểm sát việc tuân theo pháp luật, quan hệ phối hợp trong công tác thi hành án.

Công báo số 17 ngày 08/5/2001, tr. 1115 -1121

TỪ NGÀY 26 THÁNG 02 ĐẾN 02 THÁNG 3 NĂM 2001

Đoàn đại biểu Việt Nam tham dự phiên họp lần thứ 8 Uỷ ban Định hướng Nhà pháp luật Việt - Pháp

Bộ trưởng Bộ Tư pháp Nguyễn Đình Lộc, đồng Chủ tịch Uỷ ban Định hướng Nhà pháp luật Việt - Pháp đã dẫn đầu Đoàn đại biểu Việt Nam đến Pháp tham gia Phiên họp lần thứ 8 Uỷ ban Định hướng Nhà pháp luật Việt - Pháp.

Tham gia phiên họp này có đầy đủ 16 thành viên Việt Nam và Pháp trong Uỷ ban Định hướng Nhà pháp luật Việt - Pháp là đại diện các cơ quan pháp luật và tư pháp của hai nước. Phiên họp được tiến hành trong 2 ngày 27 và 28/02/2001 tại Bộ Tư pháp Pháp dưới sự đồng chủ trì của Bộ trưởng Bộ Tư pháp Việt Nam Nguyễn Đình Lộc và bà Marylise Lebranchu, Chương ấn, Bộ trưởng Bộ Tư pháp Pháp. Đại biện lâm thời Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại Pháp - Văn Nghĩa Dũng đã tham dự phiên họp.

Sau khi nghe Ban Giám đốc Nhà pháp luật Việt - Pháp trình bày báo cáo hoạt động năm 2000, Uỷ ban Định hướng đã xem xét và nhất trí thông qua. Uỷ ban Định hướng cũng đã nghe Ban Giám đốc Nhà pháp luật Việt - Pháp trình bày dự kiến Chương trình hoạt động năm 2001, thảo luận và nhất trí thông qua Nghị quyết số 8.1 về định hướng hoạt động năm 2001 của Nhà pháp luật Việt - Pháp, đồng

thời cũng thảo luận và thông qua Nghị quyết số 8.2 về việc tái bổ nhiệm ông Nguyễn Văn Bình, Phó Vụ trưởng Vụ Hợp tác quốc tế, Bộ Tư pháp Việt Nam làm Giám đốc Nhà pháp luật Việt - Pháp và Ông Joel Sollier, Thẩm phán, chuyên viên Vụ Quan hệ quốc tế, Bộ Tư pháp Pháp làm Phó giám đốc Nhà pháp luật Việt - Pháp cho nhiệm kỳ 2001 - 2003; Nghị quyết số 8.3 về nhân sự và 8.4 về ngân sách hoạt động của Nhà pháp luật Việt - Pháp. Ngày 28/02/2001, hai đồng chủ trì Ủy ban Định hướng Nhà pháp luật Việt - Pháp là Bộ trưởng Bộ Tư pháp Việt Nam Nguyễn Đình Lộc và Bà Chương ấn, Bộ trưởng Bộ Tư pháp Pháp Marylise Lebranchu đã ký biên bản Phiên họp lần thứ 8 của Ủy ban Định hướng Nhà pháp luật Việt - Pháp.

Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 05 THÁNG 3 NĂM 2001

Thủ tướng Chính phủ ban hành Chỉ thị số 01/2001/CT-TTg về việc triển khai thực hiện Nghị định của Chính phủ về công chứng, chứng thực

Chỉ thị số 01/2001/CT-TTg do Bộ Tư pháp chủ trì soạn thảo, gồm những nội dung sau: Tổ chức việc rà soát các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành có liên quan đến công chứng, chứng thực; ban hành văn bản hướng dẫn thi hành Nghị định về công chứng, chứng thực; kiện toàn tổ chức, bảo đảm về nhân sự và cơ sở vật chất cho hoạt động công chứng, chứng thực; chuẩn bị đề án thực hiện thí điểm việc chuyển hoạt động của một số Phòng công chứng sang chế độ tự trang trải.

Công báo số 13 ngày 08/4/2001, tr. 820 - 822

NGÀY 06 THÁNG 3 NĂM 2001

Viện Nghiên cứu khoa học pháp lý báo cáo Bộ trưởng Bộ Tư pháp về Kế hoạch nghiên cứu khoa học, công nghệ của Bộ Tư pháp năm 2001

Trên cơ sở những định hướng nghiên cứu khoa học, công nghệ của Bộ Tư pháp giai đoạn 2001-2005 đã được Lãnh đạo Bộ Tư pháp và Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường phê duyệt, trong năm 2001, Bộ Tư pháp triển khai thực hiện các đề tài và hoạt động công nghệ sau đây:

1. Về hoạt động nghiên cứu khoa học pháp lý:

- Đề tài khoa học cấp Nhà nước: Tiếp tục triển khai nghiên cứu Đề tài độc lập cấp Nhà nước: “*Luận cứ khoa học và thực tiễn của việc đổi mới tổ chức và hoạt động thi hành án ở Việt Nam trong giai đoạn mới*”.

- Đề tài khoa học cấp Bộ: Tiếp tục thực hiện và hoàn thành 5 đề tài đã bắt đầu từ năm 2000 và tổ chức triển khai 9 đề tài cấp Bộ mới.

- Các hội thảo khoa học: Tổ chức 3 hội thảo: 1. Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX và những vấn đề pháp lý đặt ra; 2. Đưa môn luật so sánh vào giảng dạy tại Trường Đại học Luật Hà Nội; 3. Hoạt động tư pháp ở các vùng có nhiều đồng bào dân tộc thiểu số - Đặc thù và hướng giải quyết.

- Đề tài cơ sở: tổ chức triển khai nghiên cứu 10 đề tài mới.

2. Về hoạt động nghiên cứu trong lĩnh vực bảo vệ môi trường

- Nghiên cứu khoa học phục vụ quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường: Tổ chức thực hiện 1 đề tài cấp Nhà nước và 3 đề tài cấp Bộ.

- Phổ biến, giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường: Viết, biên soạn 03 cuốn sách hướng dẫn, hỏi đáp về pháp luật môi trường; Tổ chức 02 cuộc thi tìm hiểu pháp luật về bảo vệ môi trường ở một số địa phương.

- Tổ chức 03 lớp tập huấn cho các Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân cấp huyện về pháp luật môi trường.

3. Về hoạt động thông tin pháp luật:

- Xuất bản 12 số thông tin khoa học pháp lý chuyên đề.

- Tiếp tục xây dựng cơ sở dữ liệu pháp luật.

Công văn số 23/NCKH-BC ngày 06/3/2001;

Tư liệu lưu trữ tại Viện Khoa học pháp lý

NGÀY 14 THÁNG 3 NĂM 2001

Bộ Tư pháp ban hành Thông tư số 03/2001/TT-BTP hướng dẫn thi hành Nghị định số 75/2000/NĐ-CP ngày 08/12/2000 của Chính phủ về công chứng, chứng thực

Theo Thông tư này, về nguyên tắc việc công chứng, chứng thực phải được thực hiện tại trụ sở cơ quan công chứng. Tuy nhiên, trên thực tế không phải trường hợp nào người yêu cầu công chứng, chứng thực cũng đến được trụ sở để yêu cầu công chứng, chứng thực. Vì vậy, Thông tư hướng dẫn một số trường hợp có thể thực hiện việc công chứng, chứng thực ngoài trụ sở. Ngoài ra, Thông tư còn hướng dẫn về thủ tục nhận lưu giữ di chúc, công bố di chúc, cấp bản sao văn bản công chứng, chứng thực; Niêm yết thỏa thuận phân chia di sản, việc khai nhận di sản; Công chứng bản dịch và hướng dẫn thi hành một số vấn đề về tổ chức, quản lý công chứng, chứng thực.

Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 16 THÁNG 3 NĂM 2001

Tổng kết và trao giải thưởng cuộc thi “Tìm hiểu Bộ luật Hình sự năm 1999”

Ngày 16/3/2001 tại Hà Nội, Hội đồng phối hợp công tác phổ biến, giáo dục pháp luật của Chính phủ tổ chức Lễ tổng kết và trao giải thưởng cuộc thi “*Tìm hiểu Bộ luật Hình sự năm 1999*”. Dự lễ tổng kết có Bộ trưởng Bộ Tư pháp Nguyễn Đình Lộc cùng đại diện của nhiều cơ quan, ban, ngành ở Trung ương và Hà Nội. Thay mặt Ban Tổ chức cuộc thi, Thứ trưởng Bộ Tư pháp Uông Chu Lưu đã đọc báo cáo kết quả của cuộc thi. Cuộc thi có 293 giải thưởng (trong tổng số 6,5 triệu bài dự thi) trong đó có 23 giải tập thể và 270 giải cá nhân.

Tạp chí Dân chủ và pháp luật số 3 năm 2001; Tin Tư pháp số 4 năm 2001

NGÀY 19, 20 THÁNG 3 VÀ NGÀY 12, 13 THÁNG 4 NĂM 2001

Hội nghị tập huấn về tư pháp người chưa thành niên

Thực hiện kế hoạch hợp tác với cơ quan UNICEF năm 2000, ngày 19, 20 tháng 3/2001 tại thành phố Hồ Chí Minh và ngày 12, 13/4/2001 tại thành phố Hà Nội, Vụ Pháp luật Hình sự - Hành chính đã tổ chức 2 hội nghị tập huấn về tư pháp người chưa thành niên cho các đối tượng là trưởng hoặc phó phòng tư pháp và thẩm phán Tòa án nhân dân quận, huyện chuyên trách hoặc có kinh nghiệm xét xử các vụ án liên quan đến người chưa thành niên thuộc danh sách 66 quận, huyện được sự quan tâm, hỗ trợ đặc biệt của UNICEF Việt Nam.

Nội dung tập huấn bao gồm các vấn đề trực tiếp liên quan đến Bộ luật Hình sự năm 1999, Bộ luật Tố tụng hình sự và các vấn đề liên quan đến điều tra, truy tố, xét xử và công tác kiểm sát người chưa thành niên vi phạm pháp luật do các báo cáo viên là các chuyên gia có kinh nghiệm trình bày. Ngoài việc thuyết trình những điểm mới, những nội dung quan trọng chủ yếu thuộc nội dung của hội nghị tập huấn, các báo cáo viên đã kết hợp đưa ra các tình huống cũng như những kinh nghiệm áp dụng pháp luật trong thực tế, tổ chức thảo luận, giải đáp các câu hỏi, thắc mắc do các học viên đưa ra góp phần nâng cao kỹ năng, trình độ và kinh nghiệm hoạt động chuyên môn cho các học viên trong thực tiễn hàng ngày ở địa phương.

Hội nghị đã đáp ứng một phần nhu cầu nâng cao trình độ chuyên môn cho cán bộ tư pháp cơ sở về pháp luật liên quan đến quyền trẻ em trong các hoạt động điều tra, truy tố, xét xử người chưa thành niên vi phạm pháp luật và cơ chế bảo vệ các quyền cơ bản của họ một cách thiết thực.

Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 20 THÁNG 3 NĂM 2001

Bộ Tư pháp ban hành Thông tư số 04/2001/TT-BTP hướng dẫn thi hành một số quy định của Quy chế thực hiện Hiệp định Hợp tác về nuôi con nuôi giữa nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và nước Cộng hoà Pháp

Thông tư số 04/2001/TT-BTP quy định về hồ sơ và hướng dẫn cụ thể một số quy định về hồ sơ và thủ tục giải quyết hồ sơ xin trẻ em Việt Nam làm con nuôi của công dân Pháp và người nước ngoài thường trú tại Pháp theo quy định của Hiệp định hợp tác về nuôi con nuôi giữa nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và nước Cộng hoà Pháp và Quy chế thực hiện Hiệp định Hợp tác về nuôi con nuôi giữa nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và nước Cộng hoà Pháp; quy định về hồ sơ, thủ tục xin cấp Giấy phép hoạt động tại Việt Nam của tổ chức con nuôi của Pháp; trách nhiệm của tổ chức con nuôi, thủ tục gia hạn, thay đổi nội dung giấy phép hoạt động, thủ tục chấm dứt hoạt động của tổ chức con nuôi tại Việt Nam.

Theo đó, trẻ em được giới thiệu cho làm con nuôi là trẻ em đang ở trong các cơ sở nuôi dưỡng được Chủ tịch UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chỉ định để thực hiện Hiệp định. Chỉ giải quyết cho nhận trẻ em làm con nuôi từ gia đình đối với các trường hợp vì lý do nhân đạo được quy định tại đoạn 2 Điều 3 của Quy chế. Đối với trường hợp xin trẻ em từ gia đình vì lý do nhân đạo khác phải được Bộ Tư pháp chấp thuận trước.

Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 28 THÁNG 3 NĂM 2001

Bộ Tư pháp, Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ, Bộ Tài chính, Bộ Công an ban hành Thông tư liên tịch số 05/2001/TTLT-BTP-BTCCBCP-BTC-BCA hướng dẫn chế độ bồi dưỡng đối với một số chức danh tư pháp

Theo Thông tư liên tịch, chế độ bồi dưỡng đối với thẩm phán, điều tra viên, kiểm sát viên là 120.000 đồng/người/tháng, đối với thư ký toà án là 100.000 đồng/người/tháng. Đối với thẩm phán, thư ký toà án thuộc Toà án nhân dân tối cao khi hưởng chế độ bồi dưỡng nêu trên thì không hưởng khoản trợ cấp ngoài lương đối với cán bộ, công chức Toà án nhân dân tối cao quy định tại Công văn số 683/VPCP-VX ngày 14/02/1997 của Văn phòng Chính phủ.

Nguồn kinh phí thực hiện chế độ bồi dưỡng đối với một số chức danh tư pháp nêu trên được bố trí vào dự toán ngân sách hàng năm của các cơ quan có đối tượng được hưởng chế độ bồi dưỡng.

Công báo số 18 ngày 15/5/2001, tr. 1172 - 1173

NGÀY 19 THÁNG 4 NĂM 2001

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng đề ra một số nội dung của công tác tư pháp trong thời gian tới

Theo Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá VIII tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX, những nhiệm vụ trong hoạt động tư pháp được đề ra bao gồm:

1. Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa dưới sự lãnh đạo của Đảng.

2. Cải cách thể chế và phương thức hoạt động của Nhà nước: khẩn trương nghiên cứu, đề nghị Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp năm 1992 phù hợp với tình hình mới; Cải cách tổ chức, nâng cao chất lượng và hoạt động của các cơ quan tư pháp, nâng cao tinh thần trách nhiệm của cơ quan và cán bộ tư pháp trong công tác điều tra, bắt, giam giữ, truy tố, xét xử, thi hành án, không để xảy ra những trường hợp oan, sai. Viện kiểm sát nhân dân thực hiện tốt chức năng công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp. Sắp xếp lại hệ thống toà án nhân dân, phân định hợp lý thẩm quyền của Tòa án các cấp. Tăng cường đội ngũ thẩm phán và hội thẩm nhân dân cả về số lượng và chất lượng. Tổ chức lại cơ quan điều tra và cơ quan thi hành án theo nguyên tắc gọn đầu mối. Thành lập cảnh sát tư pháp.

3. Phát huy dân chủ, giữ vững kỷ luật, kỷ cương, tăng cường pháp chế: phát huy dân chủ đi đôi với giữ vững kỷ luật, kỷ cương, tăng cường pháp chế, quản lý xã hội bằng pháp luật, tuyên truyền, giáo dục toàn dân, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật...

Tại Đại hội này, Thứ trưởng Bộ Tư pháp Ưông Chu Lưu được bầu làm Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX.

*Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX,
Nxb. Chính trị quốc gia, H. 2003, tr. 131 - 132*

NGÀY 23 THÁNG 4 NĂM 2001

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ Tư pháp, Bộ Công an, Bộ Tài chính, Tổng cục Địa chính ban hành Thông tư liên tịch số 03/2001/TTLT/NHNN-BTP-BCA-BTC-TCĐC hướng dẫn việc xử lý tài sản bảo đảm tiền vay để thu hồi nợ cho các tổ chức tín dụng

Thông tư liên tịch số 03/2001/TTLT/NHNN-BTP-BCA-BTC-TCĐC thống

nhất hướng dẫn việc xử lý tài sản bảo đảm tiền vay để thu hồi nợ cho các tổ chức tín dụng đối với các loại tài sản như: tài sản bảo đảm theo thỏa thuận; tài sản bảo đảm trong trường hợp tổ chức tín dụng trực tiếp bán tài sản bảo đảm; tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất; Xử lý tài sản để thu hồi nợ đối với doanh nghiệp chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi, cổ phần hoá;...

Ngoài ra, Thông tư liên tịch còn hướng dẫn việc thanh toán thu nợ từ việc xử lý tài sản bảo đảm; Việc tính thuế chuyển quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản bảo đảm và trách nhiệm phối hợp của các cơ quan hữu quan trong việc thực hiện xử lý tài sản bảo đảm tiền vay để thu hồi nợ cho các tổ chức tín dụng.

Công báo số 21 ngày 08/6/2001, tr. 1405 - 1418

NGÀY 02 THÁNG 5 NĂM 2001

Thủ tướng Chính phủ ra Quyết định số 68/2001/QĐ-TTg về một số biện pháp xử lý đối với tu nghiệp sinh Việt Nam tại Nhật Bản và Hàn Quốc tự ý bỏ hợp đồng tu nghiệp

Quyết định số 68/2001/QĐ-TTg do Bộ Tư pháp chủ trì soạn thảo, theo đó, công dân Việt Nam đi tu nghiệp, thực tập kỹ thuật tại Nhật Bản, Hàn Quốc thông qua các doanh nghiệp Việt Nam làm dịch vụ cung ứng tu nghiệp sinh tự ý bỏ hợp đồng tu nghiệp thì phải chịu các biện pháp xử lý sau đây: Bồi thường cho doanh nghiệp làm dịch vụ cung ứng tu nghiệp sinh những thiệt hại và chi phí có liên quan đến việc tự ý bỏ hợp đồng; bị buộc trở về nước và phải chịu toàn bộ chi phí đưa về nước; bị thông báo cho gia đình, nơi làm việc trước khi đi tu nghiệp, UBND xã, phường, thị trấn nơi người đó cư trú về việc tự ý bỏ hợp đồng. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày ký.

Công báo số 20 ngày 31/5/2001, tr. 1333 - 1334

NGÀY 14 THÁNG 5 NĂM 2001

Thủ tướng Chính phủ ra Quyết định số 76/2001/QĐ-TTg về chế độ bồi dưỡng đối với Chấp hành viên thi hành án dân sự

Quyết định này do Bộ Tư pháp chủ trì soạn thảo, quy định chế độ bồi dưỡng đối với Chấp hành viên làm việc tại cơ quan thi hành án dân sự là 100.000 đồng/người/tháng. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2001.

Công báo số 22 ngày 15/6/2001, tr. 1454 -1455

NGÀY 15 THÁNG 5 NĂM 2001

Bộ trưởng Bộ Tư pháp ra Quyết định số 266/2001/QĐ-BTP về việc thành lập Ban Chỉ đạo liên ngành đánh giá nhu cầu phát triển toàn diện hệ thống pháp luật Việt Nam

Theo Quyết định số 266/2001/QĐ-BTP, Ban Chỉ đạo liên ngành đánh giá nhu cầu phát triển toàn diện hệ thống pháp luật Việt Nam do Bộ trưởng Bộ Tư pháp làm Trưởng Ban. Ban Chỉ đạo có nhiệm vụ: định hướng và chỉ đạo các hoạt động nghiên cứu đánh giá nhu cầu phát triển toàn diện hệ thống pháp luật Việt Nam; cho ý kiến về nội dung nghiên cứu của các nhóm chuyên gia liên ngành; đánh giá và nghiệm thu kết quả nghiên cứu cuối cùng của các nhóm thông qua các Báo cáo tổng thể về đánh giá nhu cầu phát triển toàn diện hệ thống pháp luật Việt Nam và Dự thảo Chiến lược hệ thống pháp luật 2001 - 2010 trước khi trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 21 THÁNG 6 NĂM 2001

Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ, Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp ban hành Thông tư liên tịch số 34a/2001/TTLT-BTCCBCP-BTC-BTP hướng dẫn chế độ bồi dưỡng đối với Chấp hành viên thi hành án dân sự

Theo Thông tư liên tịch số 34a/2001/TTLT-BTCCBCP-BTC-BTP, Chấp hành viên làm việc tại các cơ quan thi hành án dân sự được bồi dưỡng mức 100.000 đồng/người/tháng. Nguồn kinh phí thực hiện chế độ bồi dưỡng nêu trên được bố trí vào dự toán ngân sách hàng năm của các cơ quan có đối tượng được hưởng và được tính trả cùng kỳ lương hàng tháng (không được tính để hưởng các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế).

Cơ sở dữ liệu văn bản quy phạm pháp luật _ <http://moj.gov.vn>

NGÀY 09 THÁNG 7 NĂM 2001

Bộ Tư pháp, Bộ Văn hoá - Thông tin, Ban thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Ủy ban Quốc gia dân số - kế hoạch hoá gia đình ban hành Thông tư liên tịch số 04/2001/TTLT/BTP-BVHTT-BTTUBTUMTTQVN-UBQGDS-KHHGD hướng dẫn bổ sung Thông tư liên tịch số 03/2000/TTLT/BTP-BVHTT-BTTUBTUMTTQVN xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước của làng, bản, thôn, ấp, cụm dân cư về việc thực hiện chính sách dân số - kế hoạch hoá gia đình

Theo Thông tư liên tịch số 04/2001/TTLT/BTP-BVHTT-BTTUBTUMTTQVN-

UBQGDS-KHHGD, nội dung hương ước, quy ước, cần bổ sung một số điểm cụ thể để thực hiện chính sách dân số, kế hoạch hoá gia đình như: đề ra các biện pháp khuyến khích xây dựng gia đình ít con, khoẻ mạnh, ấm no, bình đẳng, tiến bộ và hạnh phúc... Đề ra các biện pháp vận động trẻ em trong độ tuổi được tiêm chủng mở rộng đầy đủ, được đến trường học tập đúng độ tuổi; Khắc phục tình trạng trẻ em suy dinh dưỡng, trẻ em thất học, trẻ em lang thang, bị lạm dụng tình dục và bị ảnh hưởng bởi các tệ nạn xã hội; đồng thời, khuyến khích con cháu chăm học, chăm làm, kính trọng ông, bà, cha, mẹ, thực hiện nghĩa vụ phụng dưỡng ông, bà, cha, mẹ lúc ốm đau, già yếu; khuyến khích ông, bà, cha, mẹ nuôi dưỡng con, cháu nên người, sống mẫu mực, làm gương cho con, cháu. Đề ra các biện pháp khuyến khích và không khuyến khích trong hương ước, quy ước nhằm thực hiện chính sách dân số, kế hoạch hoá gia đình...

Cơ sở dữ liệu văn bản quy phạm pháp luật_ <http://moj.gov.vn>

NGÀY 10 THÁNG 7 NĂM 2001

Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 04/2001/QĐ-TTg về việc thành lập Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm thuộc Bộ Tư pháp

Quyết định số 104/2001/QĐ-TTg do Bộ Tư pháp soạn thảo. Theo Quyết định này, Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm thuộc Bộ Tư pháp thực hiện việc quản lý nhà nước về đăng ký giao dịch bảo đảm, tổ chức việc đăng ký, cung cấp thông tin về các giao dịch bảo đảm theo thẩm quyền. Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng, trụ sở chính đặt tại thành phố Hà Nội. Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm có một số chi nhánh đặt tại địa phương có con dấu và tài khoản riêng. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày ban hành.

Công báo số 29 ngày 08/8/2001, tr. 1910 - 1911

NGÀY 25 THÁNG 7 NĂM 2001

Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Pháp lệnh Luật sư

Trong tình hình mới nhiều quy định của Pháp lệnh Tổ chức luật sư không còn phù hợp với thực tiễn, làm cho hoạt động của luật sư không thể đáp ứng được nhu cầu giúp đỡ pháp luật ngày càng cao của xã hội. Nhu cầu về số lượng luật sư tăng nhanh, trong lĩnh vực tranh tụng và trong lĩnh vực tư vấn pháp luật, nhưng lại có tình trạng Đoàn luật sư khép kín không kết nạp, phát triển luật sư hoặc kết nạp tùy tiện, không giám sát về tiêu chuẩn, điều kiện, thủ tục kết nạp và công nhận luật sư.

Yêu cầu về đào tạo nghề nghiệp hoặc thi tuyển đối với người muốn được trở thành luật sư cũng chưa được quy định trong Pháp lệnh. Những quy định về việc quản lý giám sát Đoàn luật sư vẫn còn chung chung, chưa có sự phân cấp rõ ràng, việc quản lý thiếu chặt chẽ, nội dung và phương thức quản lý luật sư chưa phù hợp. Bên cạnh đó, quy định của Pháp lệnh hiện hành còn có một khoảng cách khá xa với chế định luật sư phổ biến trên thế giới. Ngày 14/01/1997, Bộ Tư pháp trình Thủ tướng Chính phủ Tờ trình số 68/LS-TVPL về Dự thảo Pháp lệnh Tổ chức luật sư (sửa đổi). Dự thảo Pháp lệnh gồm 7 chương 49 điều. Ngày 25/7/2001, Ủy ban Thường vụ Quốc hội thông qua Pháp lệnh Luật sư. Pháp lệnh gồm 45 điều chia làm 8 chương, quy định về: những quy định chung; điều kiện hành nghề luật sư, quyền và nghĩa vụ của luật sư; tổ chức hành nghề luật sư; thù lao và thanh toán chi phí; tổ chức xã hội - nghề nghiệp của luật sư; quản lý nhà nước về tổ chức luật sư và hành nghề luật sư; khen thưởng, xử lý vi phạm và khiếu nại, tố cáo; điều khoản thi hành.

Pháp lệnh này thay thế Pháp lệnh Tổ chức luật sư đã được Hội đồng Nhà nước thông qua ngày 18/12/1987.

Công báo số 37 ngày 08/10/2001, tr. 2443 - 2454

NGÀY 16 THÁNG 8 NĂM 2001

Chính phủ ban hành Nghị định số 50/2001/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam

Nghị định số 50/2001/NĐ-CP do Bộ Tư pháp chủ trì soạn thảo, gồm 25 điều chia làm 5 chương, quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam về trách nhiệm của Chính phủ, các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, HĐND, UBND các cấp trong việc phối hợp với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam để Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thực hiện quyền và trách nhiệm của Mặt trận, phát huy vai trò là cơ sở chính trị của chính quyền nhân dân; quy định điều kiện bảo đảm hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

Công báo số 35 ngày 22/9/2001, tr. 2317 - 2324

NGÀY 23 THÁNG 8 NĂM 2001

Chính phủ ban hành Nghị định số 53/2001/NĐ-CP hướng dẫn thi hành các hình phạt cấm cư trú và quản chế

Để thi hành các hình phạt cấm cư trú và quản chế quy định tại các điều 37, 38, 57, 69 của Bộ luật Hình sự năm 1999 và các điều 227, 235, 237, 238 của Bộ luật Tố tụng hình sự ngày 09/6/2000, theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công an và

Bộ trưởng Bộ Tư pháp, Chính phủ ban hành Nghị định số 53/2001/NĐ-CP hướng dẫn thi hành các hình phạt cấm cư trú và quản chế. Nghị định gồm 4 chương với 21 điều, theo đó: Cấm cư trú là hình phạt bổ sung áp dụng đối với người bị kết án phạt tù, buộc người đó không được tạm trú và thường trú từ một năm đến năm năm ở một số địa phương nhất định, kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

Quản chế là hình phạt bổ sung áp dụng đối với người bị kết án phạt tù về tội xâm phạm an ninh quốc gia, người tái phạm nguy hiểm hoặc trong những trường hợp khác do Bộ luật Hình sự quy định, buộc người đó phải cư trú, làm ăn sinh sống và cải tạo ở một địa phương nhất định từ một năm đến năm năm, kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù, có sự kiểm soát, giáo dục của chính quyền và nhân dân địa phương.

Nghị định cũng quy định cụ thể về nghĩa vụ và quyền của người bị cấm cư trú, người bị quản chế cũng như trách nhiệm của cơ quan thi hành hình phạt cấm cư trú, hình phạt quản chế.

Công báo số 36 ngày 30/09/2001, tr. 2373 - 2378

NGÀY 27 THÁNG 8 NĂM 2001

Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Chỉ thị số 02/2001/CT-BTP về tăng cường hoạt động vì sự tiến bộ của phụ nữ Ngành Tư pháp

Theo Chỉ thị số 02/2001/CT-BTP, Bộ trưởng Bộ Tư pháp yêu cầu các đơn vị thuộc Bộ, Sở Tư pháp, Tòa án nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong các hoạt động xây dựng pháp luật, phổ biến, giáo dục pháp luật, xét xử, thi hành án hộ tịch, trợ giúp pháp lý và các hoạt động chuyên môn khác, các đơn vị trong Ngành cần quán triệt đầy đủ, sâu sắc quan điểm bình đẳng giới, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của phụ nữ và trẻ em gái, góp phần thực hiện mục tiêu chung vì sự tiến bộ của phụ nữ Việt Nam.

Trong việc xây dựng quy hoạch cán bộ, các đơn vị trong Ngành Tư pháp cần dựa trên cơ sở tiêu chuẩn chức danh, yêu cầu nhiệm vụ được giao, đặc thù nghề nghiệp, thực trạng cán bộ, công chức nữ của từng đơn vị, đảm bảo phát triển cân đối về giới trong cơ cấu công chức lãnh đạo, cũng như công chức chuyên môn của từng đơn vị.

Thủ trưởng các đơn vị, phối hợp với các tổ chức Đảng, Đoàn thanh niên, nữ công đẩy mạnh hoạt động vì sự tiến bộ phụ nữ, động viên, tạo điều kiện để công chức nữ khắc phục khó khăn, phấn đấu hoàn thành tốt công tác chuyên môn và làm tròn trách nhiệm đối với gia đình và xã hội. Ban vì sự tiến bộ phụ nữ của Ngành Tư pháp phối hợp với các đơn vị có liên quan hướng dẫn các đơn vị thuộc Bộ, Sở Tư pháp, Tòa án nhân dân các tỉnh tiếp tục kiện toàn tổ chức thành lập Ban

vì sự tiến bộ phụ nữ ở những đơn vị có đủ điều kiện, hướng dẫn hoạt động cho các Ban được thành lập tại địa phương; tiếp tục nghiên cứu về giới, đặc thù nghề nghiệp và sự tiến bộ của phụ nữ Ngành Tư pháp để đề xuất các biện pháp nâng cao hiệu quả công tác phụ nữ Ngành Tư pháp.

Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 11 THÁNG 9 NĂM 2001

Thủ tướng Chính phủ ban hành Chỉ thị số 20/2001/CT-TTg về việc tăng cường và nâng cao hiệu quả công tác thi hành án dân sự

Vào thời điểm này, tuy hệ thống tổ chức các cơ quan thi hành án dân sự đã được hình thành trong cả nước, công tác thi hành án dân sự đã được triển khai và hoạt động có hiệu quả bước đầu, làm giảm đáng kể số lượng án tồn đọng, nhưng nhìn chung, công tác thi hành án dân sự còn chưa ngang tầm, còn có nhiều vấn đề bức xúc, chưa đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ đặt ra. Xuất phát từ thực trạng trên, ngày 11/9/2001, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Chỉ thị số 20/2001/CT-TTg để chấn chỉnh và tiếp tục tăng cường, nâng cao hiệu lực, hiệu quả của công tác thi hành án dân sự. Nội dung cơ bản:

- Bộ Tư pháp khẩn trương có biện pháp củng cố, hoàn thiện hệ thống tổ chức các cơ quan thi hành án dân sự, thực hiện đủ biên chế, nâng cao chất lượng đội ngũ Chấp hành viên, cán bộ làm công tác thi hành án; tăng cường chỉ đạo, kiểm tra, xử lý vi phạm, hướng dẫn kịp thời các vướng mắc trong công tác thi hành án dân sự; xây dựng Đề án để phân cấp mạnh cho địa phương trong việc thực hiện công tác thi hành án dân sự.

- Chủ tịch UBND các cấp chịu trách nhiệm trực tiếp tổ chức, chỉ đạo công tác thi hành án dân sự tại địa phương.

- Bộ Tư pháp, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với Viện kiểm sát nhân dân tối cao trong năm 2001 hoàn thành Đề án quản lý thống nhất các kho tang tài vật phục vụ chung cho công tác: điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án và khẩn trương tổ chức triển khai thực hiện trong năm 2002.

- Bộ Tư pháp chủ trì, phối hợp với Bộ Công an chỉ đạo các cơ quan Tư pháp và Công an các cấp có biện pháp tăng cường công tác bảo vệ để bảo đảm cho việc cưỡng chế thi hành án đạt kết quả tốt.

Bộ Công an, Bộ Tư pháp, Bộ Quốc phòng khẩn trương xây dựng Đề án về Cảnh sát Tư pháp theo tinh thần của các Nghị quyết Trung ương báo cáo Chính phủ xem xét, quyết định.

- Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Tư pháp nghiên cứu cơ chế quản lý tài

chính về kinh phí tổ chức cưỡng chế thi hành án theo quy định của pháp luật, hướng dẫn việc để lại cho UBND xã, phường, thị trấn số tiền mà cơ quan này đã thu được cho ngân sách nhà nước để hỗ trợ công tác thi hành án tại cơ sở.

Công báo số 38 ngày 15/10/2001, tr. 2528 - 2530

NGÀY 25 THÁNG 9 NĂM 2001

Bộ Tư pháp, Bộ Công an, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao ban hành Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-BTP-BCA-TANDTC-VKSNDTC hướng dẫn áp dụng các quy định tại Chương XV “Các tội xâm phạm chế độ hôn nhân và gia đình” của Bộ luật Hình sự năm 1999

Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-BTP-BCA-TANDTC-VKSNDTC hướng dẫn áp dụng thống nhất một số điểm sau:

- Tình tiết “*Đã bị xử phạt hành chính về hành vi này mà còn vi phạm*” quy định tại các điều 146, 147, 148, 151, 152.

- Các khái niệm, các trường hợp truy cứu trách nhiệm hình sự đối với các tội: Tội cưỡng ép kết hôn hoặc cản trở hôn nhân tự nguyện, tiến bộ - Điều 146; Tội vi phạm chế độ một vợ, một chồng - Điều 147; Tội tổ chức tảo hôn, tội tảo hôn - Điều 148; Tội đăng ký kết hôn trái pháp luật - Điều 149; Tội loạn luân - Điều 150; Tội ngược đãi, hành hạ ông, bà, cha, mẹ, vợ, chồng con cháu, người có công nuôi dưỡng mình - Điều 151; Tội từ chối hoặc trốn tránh nghĩa vụ cấp dưỡng - Điều 152.

Cơ sở dữ liệu văn bản quy phạm pháp luật_ <http://moj.gov.vn>

NGÀY 03 THÁNG 10 NĂM 2001

Chính phủ ban hành Nghị định số 70/2001/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành Luật Hôn nhân và gia đình

Thực hiện sự phân công của Chính phủ, Bộ Tư pháp đã phối hợp với các cơ quan hữu quan như Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Trung ương Hội liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Ủy ban Chăm sóc và Giáo dục trẻ em xây dựng Dự thảo Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Hôn nhân và gia đình.

Ngày 03/10/2001, Chính phủ ban hành Nghị định số 70/2001/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành Luật Hôn nhân và gia đình. Nghị định gồm 33 điều chia làm 6 chương, quy định chi tiết thi hành Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, trừ các quy định về đăng ký kết hôn, đăng ký nuôi con nuôi, hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài, việc áp dụng Luật Hôn nhân và gia đình đối với các

dân tộc thiểu số, xác định cha, mẹ cho con được sinh ra theo phương pháp khoa học, việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hôn nhân và gia đình được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật khác của Chính phủ. Nội dung của Nghị định điều chỉnh quan hệ giữa vợ và chồng, quan hệ giữa cha mẹ và con; cấp dưỡng; xác định cha, mẹ, con, xác định dân tộc của con nuôi; ly hôn.

Công báo số 41 ngày 08/11/2001, tr. 2749 - 2758

NGÀY 21 ĐẾN NGÀY 25 THÁNG 10 NĂM 2001

Bộ trưởng Bộ Tư pháp Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào dẫn đầu đoàn đại biểu sang thăm hữu nghị chính thức Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Trong thời gian sang thăm hữu nghị chính thức Việt Nam, ngày 22/10/2001, Bộ trưởng Bộ Tư pháp Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam Nguyễn Đình Lộc và Bộ trưởng Bộ Tư pháp Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào Khăm Uôn Bouppha chính thức hội đàm. Bộ trưởng Nguyễn Đình Lộc và Bộ trưởng Khăm Uôn Bouppha đã thông báo cho nhau tình hình của mỗi nước, nhất là tình hình pháp luật, tư pháp và việc thực hiện Biên bản hợp tác của hai nước trên lĩnh vực này trong thời gian qua. Tại buổi hội đàm, hai bên thống nhất định hướng hợp tác pháp luật và tư pháp trong thời gian tới là: Chuẩn bị trao đổi và ký biên bản kế hoạch hợp tác giữa hai Bộ trong các năm 2002 - 2003; ưu tiên hỗ trợ Lào đào tạo cán bộ pháp luật và tư pháp; cho phép Trường Đào tạo các chức danh tư pháp Việt Nam kết nghĩa với Trung tâm đào tạo thẩm phán của Lào; tiếp tục trao đổi tài liệu giảng dạy và sách tham khảo; tiếp tục trao đổi các đoàn cán bộ của Bộ Tư pháp hai nước để học hỏi kinh nghiệm lẫn nhau trong các lĩnh vực phổ biến, giáo dục pháp luật, quản lý tòa án địa phương, thi hành án và cùng bàn bạc để có sự hợp tác giữa các cơ quan tư pháp của các tỉnh có chung biên giới.

Báo Pháp luật số 199, ngày 24/10/2001

NGÀY 22 THÁNG 10 NĂM 2001

Chính phủ ban hành Nghị định số 77/2001/NĐ-CP quy định chi tiết về đăng ký kết hôn theo Nghị quyết số 35/2000/QH10 của Quốc hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình

Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 quy định việc kết hôn phải được đăng ký tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền thì mới có giá trị pháp lý. Nhưng trên thực tế, tình trạng không đăng ký kết hôn đang trở nên phổ biến, đặc biệt là ở

các vùng nông thôn. Nhằm bảo đảm quyền lợi cho phụ nữ, trẻ em trong trường hợp đó, Tòa án vẫn tạm thời thừa nhận quan hệ hôn nhân đó là thực tế và vận dụng các quy định pháp luật về hôn nhân hợp pháp để giải quyết. Song để chấm dứt tình trạng này, Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình. Để tăng cường quản lý nhà nước trong lĩnh vực hôn nhân và gia đình, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, tiến tới xoá bỏ tình trạng hôn nhân không đăng ký, khuyến khích xác lập quan hệ hôn nhân hợp pháp, quy định thời hạn để các đối tượng này đăng ký kết hôn, Chính phủ cần ban hành Nghị định hướng dẫn thi hành Nghị quyết này để áp dụng thống nhất trong cả nước.

Thực hiện sự phân công của Chính phủ, Bộ Tư pháp đã phối hợp với các cơ quan hữu quan như Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Trung ương Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xây dựng dự thảo Nghị định. Ngày 22/10/2001, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 77/2001/NĐ-CP quy định chi tiết về đăng ký kết hôn theo Nghị quyết số 35/2000/QH10 của Quốc hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình.

Nghị định gồm 3 chương 12 điều, quy định chi tiết về đăng ký kết hôn đối với: Các trường hợp quan hệ vợ chồng được xác lập trước ngày 03/01/1987, ngày Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986 có hiệu lực pháp luật, mà chưa đăng ký kết hôn; Các trường hợp nam và nữ chung sống với nhau như vợ chồng từ ngày 03/01/1987 đến ngày 01/01/2001, ngày Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 có hiệu lực pháp luật, mà chưa đăng ký kết hôn. Nghị định này cũng áp dụng đối với các trường hợp giữa một bên là công dân Việt Nam và một bên là công dân của nước láng giềng có chung đường biên giới với Việt Nam đã sinh sống ổn định, lâu dài tại Việt Nam; các trường hợp giữa một bên là công dân Việt Nam và một bên là người không quốc tịch thường trú tại Việt Nam hoặc cả hai bên đều là người không quốc tịch thường trú tại Việt Nam.

Nghị định quy định về thẩm quyền và thủ tục đăng ký kết hôn; công nhận con chung của vợ chồng; miễn lệ phí khi đăng ký kết hôn; trách nhiệm của Bộ Tư pháp, của UBND các cấp trong việc triển khai thực hiện Nghị định.

Công báo số 44 ngày 30/11/2001, tr. 2917 - 2920

NGÀY 23 VÀ 30 THÁNG 10 NĂM 2001

Hội nghị tổng kết 5 năm (1996 - 2001) giáo dục pháp luật trong Trường Trung học chuyên nghiệp

Ngày 23 và 30/10/2001, Bộ Tư pháp và Bộ Giáo dục - Đào tạo đã phối hợp

tổ chức hội nghị ở hai miền để tổng kết 5 năm (1996 - 2001) giáo dục pháp luật trong trường trung học chuyên nghiệp. Tại hai hội nghị này có hơn 100 tham luận và 26 ý kiến phát biểu đã đề cập những vấn đề bức xúc của công tác giáo dục pháp luật trong các trường trung học chuyên nghiệp, đánh giá cơ chế phối hợp hiệu quả giữa hai Bộ, hai ngành ở địa phương, các vấn đề còn tồn tại và biện pháp nâng cao chất lượng bộ máy, đội ngũ cán bộ quản lý chỉ đạo, đội ngũ giáo viên dạy môn pháp luật, sách giáo khoa cho học sinh, tài liệu, sách tham khảo và trang thiết bị phục vụ môn học pháp luật... Hội nghị cũng đã thống nhất những nội dung cơ bản của phương hướng công tác giai đoạn 2001 - 2005 do hai Bộ xây dựng, trong đó đặc biệt chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng giáo viên dạy môn pháp luật và xây dựng Tủ sách pháp luật trong thư viện cho các trường trung học chuyên nghiệp.

Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 26 THÁNG 10 NĂM 2001

Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm thuộc Bộ Tư pháp

Theo Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 412/2001/QĐ-BTP, Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm là đơn vị thuộc Bộ Tư pháp có chức năng giúp Bộ trưởng Bộ Tư pháp trong việc thực hiện quản lý nhà nước về đăng ký giao dịch bảo đảm và quản lý nhà nước về đăng ký tài sản cho thuê tài chính; tổ chức việc đăng ký, cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm, tài sản cho thuê tài chính; tổ chức quản lý và thực hiện đăng ký, cung cấp thông tin về các giao dịch, tài sản khác theo quy định của pháp luật.

Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm có các đơn vị sau đây: Phòng Quản lý đăng ký giao dịch, tài sản; Phòng Hành chính, tổng hợp; Phòng Tài chính, kế toán; Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản; Trung tâm Cơ sở dữ liệu quốc gia các giao dịch, tài sản; Các Chi nhánh Đăng ký giao dịch, tài sản. Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm có Cục trưởng, các Phó Cục trưởng và một số chức danh khác.

Quy chế quy định cụ thể về nhiệm vụ, quyền hạn của Cục; cơ cấu tổ chức, biên chế cũng như nhiệm vụ, quyền hạn của các đơn vị trực thuộc Cục; chế độ làm việc và quan hệ công tác của Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm.

Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 15 THÁNG 11 NĂM 2001

Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Viện Nghiên cứu khoa học pháp lý

Theo Quy chế ban hành kèm Quyết định số 447/2001/QĐ-BTP, Viện Nghiên cứu khoa học pháp lý là đơn vị sự nghiệp khoa học thuộc Bộ Tư pháp có chức năng nghiên cứu, tổ chức công tác nghiên cứu khoa học pháp lý phục vụ chiến lược xây dựng pháp luật và phát triển Ngành Tư pháp; giúp Bộ trưởng Bộ Tư pháp quản lý công tác nghiên cứu khoa học pháp lý và công tác thông tin - thư viện của Ngành.

Cơ cấu tổ chức của Viện Nghiên cứu khoa học pháp lý gồm Viện trưởng, các Phó Viện trưởng và các đơn vị: Ban Nghiên cứu pháp luật dân sự, kinh tế, thương mại; Ban Nghiên cứu pháp luật hành chính nhà nước; Ban Nghiên cứu tư pháp - hình sự; Trung tâm Nghiên cứu luật so sánh và pháp luật quốc tế; Trung tâm Thông tin - Thư viện; Phòng Tổng hợp - Kế toán. Ngoài ra, Viện còn có Hội đồng khoa học Viện là tổ chức tư vấn của Viện.

Biên chế của Viện Nghiên cứu khoa học pháp lý là biên chế sự nghiệp khoa học do Bộ trưởng Bộ Tư pháp quyết định. Việc huy động, tổ chức đội ngũ cộng tác viên khoa học thường xuyên của Viện do Viện trưởng quyết định.

Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 21 THÁNG 11 NĂM 2001

Chính phủ ban hành Nghị định số 87/2001/NĐ-CP về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hôn nhân và gia đình

Nghị định số 87/2001/NĐ-CP do Bộ Tư pháp chủ trì soạn thảo, gồm 25 điều chia làm 5 chương, quy định cụ thể về các hành vi vi phạm, hình thức, mức xử phạt, thủ tục và thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hôn nhân và gia đình. Cá nhân, tổ chức cố ý hoặc vô ý vi phạm các quy định về hôn nhân và gia đình chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự thì bị xử phạt theo quy định tại Nghị định này. Cá nhân, tổ chức nước ngoài có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực hôn nhân và gia đình trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam liên quan đến quan hệ hôn nhân gia đình có yếu tố nước ngoài được quy định trong pháp luật Việt Nam về hôn nhân và gia đình, thì bị xử phạt theo quy định của Nghị định này, trừ trường hợp điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký kết hoặc tham gia có quy định khác.

Nghị định quy định cụ thể hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực hôn nhân và gia đình, hình thức và mức phạt (hành vi tảo hôn, tổ chức tảo hôn; hành vi vi phạm quy định về cấm kết hôn, vi phạm chế độ hôn nhân một vợ, một chồng; hành vi vi phạm quy định về đăng ký kết hôn, về quan hệ giữa cha mẹ và con; hành vi ngược đãi, hành hạ thành viên trong gia đình hoặc người có công nuôi dưỡng mình, cấp dưỡng, giám hộ, nuôi con nuôi...); quy định thẩm quyền, thủ tục xử phạt.

Nghị định này bãi bỏ điểm a khoản 2 Điều 26 của Nghị định số 49/CP ngày 15/8/1996 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự.

Công báo số 48 ngày 31/12/2001, tr. 3179 - 3184

Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp ban hành Thông tư liên tịch số 93/2001/TTLT-BTC-BTP hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý, sử dụng phí, lệ phí công chứng, chứng thực

Theo đó, Thông tư liên tịch số 93/2001/TTLT-BTC-BTP quy định:

Đối tượng phải nộp phí, lệ phí công chứng, chứng thực là cá nhân, tổ chức Việt Nam và nước ngoài yêu cầu Phòng công chứng thực hiện công chứng hoặc UBND cấp huyện và cấp xã thực hiện chứng thực các hợp đồng, giao dịch, giấy tờ,... trừ trường hợp điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc tham gia có quy định khác.

Lệ phí công chứng, chứng thực thu bằng tiền Đồng Việt Nam. Số tiền lệ phí công chứng, chứng thực do Phòng công chứng và UBND cấp huyện thu được tạm trích để lại sử dụng vào việc phục vụ công tác thu lệ phí như sau: Phòng công chứng số 1 và số 2 thành phố Hồ Chí Minh được để lại 15%, các Phòng công chứng khác và UBND cấp huyện được để lại 20%, riêng UBND cấp huyện miền núi, vùng sâu, vùng xa được để lại 30%. Số tiền lệ phí công chứng, chứng thực sau khi tạm trích để lại cho đơn vị phải nộp vào ngân sách nhà nước. Số tiền lệ phí chứng thực do UBND thu phải nộp 100% vào ngân sách cấp xã và sử dụng theo quy định pháp luật.

Đối tượng phải nộp phí dịch vụ cho cơ quan công chứng, chứng thực là các tổ chức, cá nhân có yêu cầu và được cơ quan công chứng, chứng thực cung cấp dịch vụ về soạn thảo hợp đồng, giao dịch, dịch, hiệu đính, đánh máy, sao chụp và các dịch vụ khác. Phí dịch vụ do UBND cấp tỉnh quy định.

Thông tư liên tịch thay thế Thông tư liên bộ số 84/TT-LB ngày 18/12/1992; Thông tư liên bộ số 81/TT-LB ngày 29/9/1993.

Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 27 THÁNG 11 NĂM 2001

Bộ trưởng Bộ Tư pháp ra Quyết định số 425/QĐ-BTP về việc mở lớp nghiên cứu Hiệp định Thương mại Việt Nam - Hoa Kỳ

Theo Quyết định số 425/QĐ-BTP, Bộ trưởng Bộ Tư pháp quyết định mở 2 lớp nghiên cứu Hiệp định Thương mại Việt Nam - Hoa Kỳ. Học viên là đại diện Lãnh đạo Sở Tư pháp, Tòa án nhân dân cấp tỉnh; Chánh (hoặc Phó) Tòa dân sự hoặc Tòa kinh tế; Trưởng (hoặc Phó) Phòng Văn bản pháp quy của Sở Tư pháp; giảng viên các Trường Đại học Luật; Trường Đào tạo các chức danh tư pháp và Lãnh đạo cấp Vụ các đơn vị thuộc Bộ. Mỗi lớp tổ chức trong thời gian 5 ngày: Lớp thứ nhất: từ ngày 17 đến ngày 21/12/2001 tại thành phố Hà Nội; Lớp thứ hai: từ ngày 24 đến ngày 28/12/2001 tại thành phố Hồ Chí Minh.

Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 30 THÁNG 11 NĂM 2001

Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Quyết định số 369/2001/QĐ-BTP phê duyệt Kế hoạch triển khai thực hiện Chỉ thị số 20/2001/CT-TTg ngày 11/9/2001 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường và nâng cao hiệu quả công tác thi hành án dân sự

Để tạo cơ sở cho các đơn vị trong Bộ, các Ban chỉ đạo thi hành án, các Sở Tư pháp và cơ quan thi hành án xây dựng đề án cụ thể, chủ động triển khai thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ liên quan đến công tác thi hành án, Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Quyết định số 369/2001/QĐ-BTP phê duyệt Kế hoạch triển khai thực hiện Chỉ thị số 20/2001/CT-TTg ngày 11/9/2001 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường và nâng cao hiệu quả công tác thi hành án dân sự. Bản kế hoạch bao gồm các nội dung sau:

1. Xây dựng Kế hoạch, quán triệt Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ về “*tăng cường và nâng cao hiệu quả công tác thi hành án dân sự*” tại địa phương từ tháng 12 năm 2001.
2. Tiếp tục việc rà soát phân loại, xử lý án tồn đọng, tạo sự chuyển biến cơ bản về thi hành án dân sự.
3. củng cố, hoàn thiện hệ thống tổ chức, biên chế các cơ quan thi hành án dân sự, nâng cao chất lượng đội ngũ Chấp hành viên, cán bộ làm công tác thi hành án.
4. Tăng cường công tác kiểm tra, nâng cao tinh thần trách nhiệm của cán bộ làm công tác thi hành án dân sự.

5. Hợp liên ngành giao ban thường kỳ rút kinh nghiệm về công tác thi hành án và kiểm tra liên ngành về công tác thi hành án dân sự.

6. Thành lập Ban chỉ đạo thi hành án các cấp trong quý IV năm 2001, ban hành và hướng dẫn Quy chế hoạt động của Ban chỉ đạo thi hành án trong tháng 12/2001.

7. Thực hiện từng bước phân cấp cho địa phương trong công tác thi hành án dân sự.

8. Phổ biến tuyên truyền pháp luật về thi hành án.

9. Xây dựng kho tàng tài vật, phục vụ công tác thi hành án dân sự.

10. Tăng cường công tác bảo vệ, bảo đảm cho việc cưỡng chế thi hành án.

11. Xây dựng Đề án về Cảnh sát tư pháp bảo vệ cưỡng chế thi hành án dân sự.

12. Bổ sung kinh phí, đảm bảo phương tiện cơ sở vật chất, điều kiện làm việc cho các cơ quan thi hành án.

13. Hoàn thiện cơ sở pháp lý, nhằm tăng cường hơn nữa hiệu quả công tác thi hành án dân sự, góp phần giải quyết tình trạng án tồn đọng.

Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

THÁNG 11 NĂM 2001

Bộ Tư pháp tổ chức Hội nghị triển khai Chỉ thị số 20/2001/CT-TTg ngày 11/9/2001 về công tác thi hành án dân sự

Đến dự và phát biểu chỉ đạo Hội nghị, Thủ tướng Chính phủ Phan Văn Khải đã nhấn mạnh 4 vấn đề:

Một là, phải quan tâm hơn nữa việc củng cố và xây dựng hệ thống cơ quan thi hành án.

Hai là, các cấp uỷ Đảng, chính quyền địa phương cần thường xuyên quan tâm chỉ đạo và giúp đỡ cơ quan thi hành án. Phải tăng cường sự phối hợp giữa các cơ quan nhà nước, tổ chức xã hội và nhân dân với các cơ quan thi hành án trong công tác thi hành án dân sự, giáo dục nhân dân ý thức tuân thủ pháp luật, đấu tranh với những hành vi coi thường kỷ cương luật pháp.

Ba là, hiện nay tình hình khiếu nại về thi hành án rất gay gắt, chiếm tỷ lệ khá lớn trong tổng số các khiếu kiện của dân gửi đến các cơ quan nhà nước. Ngành Tư pháp cần tích cực, khẩn trương chủ động bàn bạc với các ngành liên quan, nghiên cứu đề xuất với Đảng, Nhà nước những giải pháp để giải quyết sớm tình hình này.

Làm được điều đó là chúng ta góp phần thiết thực vào thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

Bốn là, cần nghiên cứu phân cấp quản lý giữa Trung ương và địa phương như thế nào trong việc thi hành án cho hợp lý. Cơ quan thực thi quyền lực không thể gọi là Đội được.

Bản tin Thi hành án số 11 năm 2001

NGÀY 10 THÁNG 12 NĂM 2001

Bộ Tư pháp ban hành Thông tư số 07/2001/TT-BTP hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 77/2001/NĐ-CP ngày 22/10/2001 của Chính phủ quy định chi tiết về đăng ký kết hôn theo Nghị quyết số 35/2000/QH10 của Quốc hội

Để việc đăng ký kết hôn cho các đối tượng đã xác lập quan hệ vợ chồng trên thực tế trước ngày Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 có hiệu lực thi hành nhưng chưa tiến hành đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền, Thông tư số 07/2001/TT-BTP hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 77/2001/NĐ-CP về một số nội dung khi lập tờ khai đăng ký kết hôn, cách thức ghi ngày hôn nhân có hiệu lực, khai sinh cho con chung của vợ chồng; áp dụng đối với các trường hợp đăng ký kết hôn trước ngày Nghị định số 77/2001/NĐ-CP ngày 22/10/2001 có hiệu lực thi hành.

Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 12 THÁNG 12 NĂM 2001

Chính phủ ban hành Nghị định số 94/2001/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Luật sư

Ngày 16/10/2001, Bộ Tư pháp đã có Tờ trình số 62/2001/TT-LSTVPL gửi Thủ tướng Chính phủ về dự thảo Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Pháp lệnh Luật sư.

Ngày 12/12/2001, Nghị định số 94/2001/NĐ-CP đã được Chính phủ ban hành, gồm 43 điều chia làm 8 chương, quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Luật sư về điều kiện hành nghề luật sư, tổ chức hành nghề luật sư, thù lao luật sư, Đoàn luật sư, quản lý nhà nước về tổ chức luật sư và hành nghề luật sư, xử lý vi phạm về hành nghề luật sư và việc chuyển tiếp đối với luật sư, Đoàn luật sư.

Công báo số 2 ngày 15/01/2002, tr. 88 - 104

NGÀY 19 THÁNG 12 NĂM 2001

Bộ Tư pháp, Tòa án nhân dân tối cao, Bộ Tài chính ban hành Thông tư liên tịch số 09/2001/TTLT-BTP-TANDTC-BTC hướng dẫn thực hiện chế độ trang phục đối với Hội thẩm Tòa án nhân dân các cấp

Theo Thông tư liên tịch số 09/2001/TTLT-BTP-TANDTC-BTC, Hội thẩm Tòa án nhân dân các cấp được cử, bầu theo quy định của pháp luật được cấp trang phục để sử dụng khi thi hành nhiệm vụ. Trong nhiệm kỳ 5 năm Hội thẩm Tòa án nhân dân các cấp được cấp các loại sau đây: quần áo thu đông, quần áo xuân hè, áo sơ mi dài tay, cà vạt, giấy da, bút tất.

Trang phục của Hội thẩm Tòa án quân dân được thực hiện theo quy định về trang phục Quân đội nhân dân.

Chánh án Tòa án nhân dân cấp nào chịu trách nhiệm trang cấp trang phục cho Hội thẩm Tòa án nhân dân cấp đó.

Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 25 THÁNG 12 NĂM 2001

Toà án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Công an, Bộ Tư pháp ban hành Thông tư liên tịch 02/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BTP hướng dẫn áp dụng một số quy định tại Chương XIV “Các tội xâm phạm sở hữu” của Bộ luật Hình sự năm 1999

Để áp dụng đúng và thống nhất các quy định tại Chương XIV “*Các tội xâm phạm sở hữu*” của Bộ luật Hình sự năm 1999, Thông tư liên tịch số 02/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BTP hướng dẫn một số điểm về việc áp dụng thống nhất tình tiết:

- “Đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt” quy định tại khoản 1 của các điều 137, 138, 139 và 140 Bộ luật Hình sự;

- “Đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản” nếu trước đó đã bị kết án về một trong các tội: Tội cướp tài sản (Điều 133 Bộ luật Hình sự); Tội bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản (Điều 134 Bộ luật Hình sự); Tội cưỡng đoạt tài sản (Điều 135 Bộ luật Hình sự); Tội cướp giật tài sản (Điều 136 Bộ luật Hình sự); Tội công nhiên chiếm đoạt tài sản (Điều 137 Bộ luật Hình sự); Tội trộm cắp tài sản (Điều 138 Bộ luật Hình sự); Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản (Điều 139 Bộ luật Hình sự); Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản (Điều 140 Bộ luật Hình sự); Tội tham ô tài sản

(Điều 278 Bộ luật Hình sự); Tội lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản (Điều 280 Bộ luật Hình sự);

- Tình tiết “gây hậu quả nghiêm trọng”, “gây hậu quả rất nghiêm trọng”, “gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng” (từ Điều 133 đến Điều 140, Điều 142 và Điều 143 Bộ luật Hình sự).

- Tình tiết “sử dụng thủ đoạn nguy hiểm khác” hoặc “dùng thủ đoạn nguy hiểm” quy định tại điểm d khoản 2 Điều 133, điểm d khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự.

- Tình tiết “hành hung để tẩu thoát” (điểm đ khoản 2 Điều 136; điểm a khoản 2 Điều 137; điểm đ khoản 2 Điều 138 Bộ luật Hình sự);

Đồng thời, Thông tư liên tịch cũng hướng dẫn việc xác định giá trị tài sản bị chiếm đoạt, bị chiếm giữ trái phép, bị sử dụng trái phép, bị huỷ hoại hoặc bị làm hư hỏng; việc truy cứu trách nhiệm hình sự trong một số trường hợp cụ thể.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10/01/2002 và thay thế các văn bản trước đây của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Công an hướng dẫn thi hành các quy định của Bộ luật Hình sự năm 1985 về các tội xâm phạm sở hữu xã hội chủ nghĩa và xâm phạm sở hữu của công dân.

<http://www.na.gov.vn>

Quốc hội khóa X kỳ họp thứ 10 thông qua Nghị quyết về việc sửa đổi, bổ sung Hiến pháp năm 1992

Trong bản Hiến pháp mới có 24 điều được sửa đổi, bổ sung so với Hiến pháp năm 1992. Ngoài Lời nói đầu, một số quy định về kinh tế, văn hóa, giáo dục, khoa học công nghệ, về người Việt Nam định cư ở nước ngoài, công tác đối ngoại, về Viện kiểm sát nhân dân tối cao... cũng được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với tình hình mới.

<http://vbqppl.moj.gov.vn>

NĂM 2002

NGÀY 01 THÁNG 01 NĂM 2002

**Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng Ban Nội chính Trung ương
Trương Vĩnh Trọng trả lời phỏng vấn Báo Pháp luật về công tác tư pháp**

Tại buổi phỏng vấn, Bí thư nêu khái quát một số vấn đề cơ bản mà Ban Nội chính Trung ương đã phát biểu và đề xuất với Bộ Chính trị. Theo ông, những ý kiến này đã góp phần nhất định vào kết quả của việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp năm 1992 và Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội, Luật Tổ chức Quốc hội, Luật Tổ chức Chính phủ mà kỳ họp lần thứ 10 vừa qua Quốc hội đã thông qua. Bên cạnh đó, ông cũng nêu rõ ý nghĩa, mục đích và yêu cầu của việc xây dựng Đề án về công tác tư pháp mà Ban Nội chính Trung ương đã chủ trì cùng các ngành liên quan xây dựng trình Bộ Chính trị.

Báo Pháp luật số 1 (1531), ngày 01/01/2002

NGÀY 02 THÁNG 01 NĂM 2002

**Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 08-NQ/TW về một số nhiệm vụ
trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới**

Nghị quyết nêu rõ: “Nâng cao chất lượng hoạt động và đề cao trách nhiệm của các cơ quan và cán bộ tư pháp:

a) Nâng cao chất lượng công tác điều tra, thực hiện tốt công tác tiếp nhận, xử lý tin báo, tố giác tội phạm, tăng cường phối hợp giữa cơ quan chuyên trách điều tra với các cơ quan khác được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra để phục vụ tốt công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm. Nghiên cứu, đề xuất các giải pháp nhằm hạn chế việc áp dụng biện pháp tạm giam đối với bị can trong một số loại tội.

b) Viện kiểm sát nhân dân các cấp thực hiện tốt chức năng công tố và kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong hoạt động tư pháp. Hoạt động công tố phải được thực hiện ngay từ khi khởi tố vụ án và trong suốt quá trình tố tụng, nhằm bảo đảm không bỏ lọt tội phạm và người phạm tội, không làm oan người vô tội, xử lý kịp thời những trường hợp sai phạm của những người tiến hành tố tụng khi thi hành nhiệm vụ. Nâng

cao chất lượng công tố của kiểm sát viên tại phiên toà, bảo đảm tranh tụng dân chủ với luật sư, người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác...

Tăng cường công tác kiểm sát việc bắt, giam, giữ, bảo đảm đúng pháp luật; những trường hợp chưa cần bắt, tạm giữ, tạm giam thì kiên quyết không phê chuẩn lệnh bắt, tạm giữ, tạm giam; phát hiện và xử lý kịp thời các trường hợp oan, sai trong bắt, giữ. Viện kiểm sát nhân dân các cấp chịu trách nhiệm về những oan, sai trong việc bắt, tạm giữ, tạm giam thuộc phạm vi thẩm quyền phê chuẩn của mình.

c) Khi xét xử, các toà án phải bảo đảm cho mọi công dân đều bình đẳng trước pháp luật, thực sự dân chủ, khách quan; thẩm phán và hội thẩm độc lập và chỉ tuân theo pháp luật; việc phán quyết của toà án phải căn cứ chủ yếu vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, của người bào chữa, bị cáo, nhân chứng, nguyên đơn, bị đơn và những người có quyền, lợi ích hợp pháp để ra những bản án, quyết định đúng pháp luật, có sức thuyết phục và trong thời hạn pháp luật quy định.

d) Các cơ quan tư pháp có trách nhiệm tạo điều kiện để luật sư tham gia vào quá trình tố tụng: tham gia hỏi cung bị can, nghiên cứu hồ sơ vụ án, tranh luận dân chủ tại phiên toà...

e) Trên cơ sở tổng kết, đánh giá về công tác thi hành án, cần sớm xây dựng, hoàn thiện cơ chế, chính sách và nâng cao trách nhiệm của các cơ quan thi hành án, bảo đảm các quyết định, bản án của Toà án đã có hiệu lực pháp luật phải được tôn trọng và thi hành nghiêm chỉnh. Xây dựng đề án thay đổi việc tổ chức thi hành hình phạt tử hình và nghiên cứu hạn chế án tử hình trong Bộ luật Hình sự.

f) Tăng cường sự phối hợp giữa các cơ quan tư pháp trong hoạt động tố tụng trên cơ sở thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của từng cơ quan, không hữu khuynh hoặc đùn đẩy trách nhiệm. Các cơ quan điều tra, kiểm sát, xét xử cần thực hiện đúng thời hạn tố tụng như luật định.

g) Viện kiểm sát nhân dân tối cao có trách nhiệm chủ trì phối hợp các cơ quan tư pháp trong việc nghiên cứu cơ chế, chính sách và các biện pháp để đấu tranh, xử lý có hiệu quả các vụ án tham nhũng, đặc biệt là các tội tham ô, tội hối lộ, tội nhận hối lộ.

h) Khẩn trương ban hành và tổ chức thực hiện nghiêm túc các văn bản pháp luật về bồi thường thiệt hại đối với những trường hợp bị oan, sai trong hoạt động tố tụng; nghiên cứu xây dựng Quỹ bồi thường thiệt hại về tư pháp...

Từng bước hoàn thiện các tổ chức giám định tư pháp. Thành lập cơ quan giám định pháp y quốc gia. Sớm hoàn thiện pháp luật về giám định tư pháp. Tăng cường, củng cố các tổ chức luật sư. Cải tiến hoạt động công chứng bảo đảm nhanh chóng,

thuận tiện, chính xác. Nâng cao chất lượng công tác thống kê tư pháp, nghiên cứu việc thống nhất vào một cơ quan thực hiện công tác này...

Phát triển và kiện toàn đội ngũ luật sư, giám định viên, công chứng viên có đủ năng lực và phẩm chất đạo đức đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ; đến năm 2005 cơ bản có đủ cán bộ làm nhiệm vụ hỗ trợ tư pháp”.

Lưu trữ Văn phòng Trung ương Đảng

Bộ trưởng Bộ Tư pháp ra Chỉ thị số 01/2002/CT-BTP về thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm của công tác tư pháp năm 2002

Để công tác tư pháp chủ động đáp ứng được các yêu cầu và định hướng trong việc thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của toàn Ngành, Bộ trưởng chỉ thị: trong năm 2002 cần đẩy mạnh việc thực hiện toàn diện các công tác thuộc chức năng, nhiệm vụ của Ngành, trong đó tập trung tổ chức thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm của công tác tư pháp như sau:

1. Tiếp tục kiện toàn các cơ quan tư pháp, xây dựng đội ngũ cán bộ tư pháp trong sạch, vững mạnh;
2. Nâng cao năng lực xây dựng pháp luật, thẩm định, rà soát, kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật, bảo đảm để các văn bản quy phạm pháp luật có nội dung đúng đắn, thống nhất, khả thi;
3. Đẩy mạnh các hoạt động phục vụ nhiệm vụ chủ động hội nhập kinh tế quốc tế, tăng cường hiệu quả hợp tác quốc tế về tư pháp và pháp luật;
4. Thực hiện đồng bộ các giải pháp bảo đảm nghiêm chỉnh thi hành Chỉ thị số 20/2001/CT-TTg ngày 11/9/2001 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường và nâng cao hiệu quả công tác thi hành án dân sự;
5. Hướng mạnh công tác phổ biến, giáo dục pháp luật về cơ sở;
6. Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính trong hoạt động hỗ trợ tư pháp, hành chính tư pháp, tăng cường các thiết chế hỗ trợ nhân dân về pháp luật;
7. Đổi mới công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học pháp lý, nghiệp vụ tư pháp;
8. Tiếp tục đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước, gắn các phong trào thi đua với việc thúc đẩy hoàn thành các nhiệm vụ trọng tâm trong năm 2002.

Giám đốc các Sở Tư pháp, Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh; Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ, các tổ chức pháp chế bộ, ngành triển khai thực hiện Chỉ thị tại đơn vị mình.

Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

Bộ trưởng Bộ Tư pháp ra Quyết định số 01/2002/QĐ-BTP thành lập Chi nhánh Đăng ký giao dịch, tài sản của Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm tại thành phố Hồ Chí Minh

Theo Quyết định, Chi nhánh Đăng ký giao dịch, tài sản của Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm tại thành phố Hồ Chí Minh được gọi là Chi nhánh số 1.

Chi nhánh có con dấu và tài khoản riêng.

Chi nhánh có thẩm quyền đăng ký và cung cấp thông tin theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân trong phạm vi cả nước về:

- Giao dịch bảo đảm bằng các loại tài sản, trừ tài sản là tàu bay, tàu biển, quyền sử dụng đất, bất động sản;
- Tài sản cho thuê tài chính.

Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 09 THÁNG 01 NĂM 2002

Bộ Tư pháp ra Thông tư số 01/2002/TT-BTP hướng dẫn một số vấn đề về thẩm quyền, trình tự và thủ tục đăng ký, cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm tại Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm thuộc Bộ Tư pháp và các chi nhánh

Thông tư số 01/2002/TT-BTP hướng dẫn thực hiện một số quy định của Nghị định số 08/2000/NĐ-CP ngày 10/3/2000 về đăng ký giao dịch bảo đảm như:

- Quy định chung về các trường hợp đăng ký và cung cấp thông tin, thẩm quyền, phạm vi, nhiệm vụ, quyền hạn của Cục Đăng ký hoặc Chi nhánh trong việc đăng ký và cung cấp thông tin giao dịch bảo đảm, trách nhiệm của đăng ký viên, của người yêu cầu đăng ký.

- Trình tự, thủ tục đăng ký và yêu cầu cung cấp thông tin giao dịch bảo đảm được quy định đơn giản, nhằm tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân tham gia giao dịch bảo đảm.

Ngoài ra, Thông tư cũng quy định cụ thể trình tự, thủ tục đăng ký thay đổi nội dung đã đăng ký, đăng ký gia hạn giao dịch bảo đảm, xóa đăng ký, sửa chữa nội dung đã đăng ký, giải quyết khiếu nại, tố cáo trong lĩnh vực đăng ký, cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm.

Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 22 THÁNG 01 NĂM 2002

Bộ Tư pháp ra Thông tư số 02/2002/TT-BTP hướng dẫn một số quy định của Nghị định số 94/2001/NĐ-CP ngày 12/12/2001 của Chính phủ quy định chi tiết Pháp lệnh Luật sư

Thông tư số 02/2002/TT-BTP quy định về việc đào tạo nghề luật sư và việc tổ chức kiểm tra hết tập sự hành nghề luật sư, chứng chỉ hành nghề luật sư, thẻ luật sư. Ngoài ra Thông tư cũng hướng dẫn cụ thể trách nhiệm của Sở Tư pháp trong việc thực hiện đăng ký hoạt động cho văn phòng luật sư, công ty luật hợp danh, chi nhánh văn phòng luật sư, chi nhánh công ty luật hợp danh; việc đặt tên gọi cho tổ chức hành nghề luật sư; hình thức hợp đồng dịch vụ pháp lý; mức trần thù lao đối với vụ án hình sự; thời gian làm việc của luật sư; đặt cơ sở hành nghề ở nước ngoài; về tổ chức xã hội - nghề nghiệp của luật sư chế độ báo cáo của văn phòng luật sư, công ty luật hợp danh; quy định chuyển tiếp cho những người được công nhận là luật sư theo quy định của Pháp lệnh Tổ chức luật sư năm 1987 trước ngày 01/10/2001.

Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 24 VÀ 25 THÁNG 01 NĂM 2002

Hội nghị triển khai công tác tư pháp năm 2002

Đến dự Hội nghị có Chủ tịch Quốc hội Nguyễn Văn An; đại diện Ban Nội chính Trung ương, Văn phòng Chính phủ, Văn phòng Chủ tịch nước, Văn phòng Trung ương Đảng, Ban Tổ chức Trung ương, Ủy ban Kiểm tra Trung ương Đảng, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao,... và nguyên lãnh đạo Bộ Tư pháp đã nghỉ hưu cùng nhiều đại biểu khác.

Hội nghị đã nghe Báo cáo tổng kết công tác tư pháp năm 2001 trong đó tập trung đánh giá những kết quả đạt được trong các lĩnh vực công tác xây dựng, thẩm định và kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật; phổ biến, giáo dục pháp luật và trợ giúp pháp luật miễn phí; quản lý Tòa án nhân dân địa phương về mặt tổ chức; thi hành án dân sự; quản lý, chỉ đạo, hướng dẫn công tác hỗ trợ tư pháp, hành chính tư pháp; đăng ký giao dịch bảo đảm; xây dựng tổ chức ngành, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ và quy hoạch cán bộ Ngành Tư pháp; nghiên cứu khoa học pháp lý; kiểm tra, thanh tra, tiếp dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo.

Chủ tịch Quốc hội Nguyễn Văn An thay mặt Lãnh đạo Đảng, Nhà nước phát biểu ý kiến chỉ đạo đối với hoạt động của Ngành Tư pháp.

Bộ trưởng Bộ Tư pháp Nguyễn Đình Lộc quán triệt Nghị quyết của Bộ Chính trị về một số nhiệm vụ trọng tâm của công tác tư pháp trong thời gian tới và Nghị quyết của Quốc hội về sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp năm 1992.

Các đại biểu tham dự Hội nghị đã thảo luận tại hội trường (đánh giá tình hình tư pháp năm 2001, các giải pháp thực hiện nhiệm vụ trọng tâm năm 2002, góp ý kiến dự thảo đề án của Ngành Tư pháp triển khai thực hiện Nghị quyết của Bộ Chính trị).

Theo đó, Hội nghị cũng xác định một số công tác trọng tâm của Ngành Tư pháp trong năm 2002, đó là:

- Tập trung làm chuyển biến mạnh mẽ, cơ bản công tác thi hành án dân sự, công tác quản lý Tòa án địa phương; Công tác xây dựng và thẩm định văn bản pháp luật; Công tác củng cố tổ chức xây dựng lực lượng Ngành và pháp chế bộ, Ngành; Công tác đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, rèn luyện phẩm chất đạo đức, nâng cao trách nhiệm đội ngũ cán bộ, công chức Ngành Tư pháp; Bảo đảm cơ sở vật chất, trụ sở làm việc cho các tòa án địa phương và cơ quan thi hành án dân sự.

- Tổ chức nghiên cứu, triển khai phổ biến, thực hiện các văn bản pháp luật mới ban hành, đặc biệt là Hiến pháp năm 1992 (được sửa đổi, bổ sung năm 2001). Các luật về tổ chức bộ máy nhà nước, Hiệp định Thương mại Việt Nam - Hoa Kỳ...

- Thực hiện tốt kế hoạch tổ chức thi hành Chỉ thị số 20/2001/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường nâng cao hiệu quả công tác thi hành án dân sự;

- Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, tháo gỡ các vướng mắc về thể chế pháp lý trong hoạt động hỗ trợ tư pháp, hành chính tư pháp, đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của xã hội;

- Hoàn chỉnh tổ chức và sớm triển khai hoạt động đăng ký giao dịch bảo đảm;

- Tạo cơ chế để nhân dân giám sát hoạt động cơ quan tư pháp;

- Tăng cường hoạt động trợ giúp pháp lý đến vùng sâu, vùng xa, vùng có nhiều đối tượng cần trợ giúp pháp lý của Nhà nước; Hoàn thành xây dựng Tủ sách pháp luật xã, phường, thị trấn; Trình Chính phủ ban hành Chương trình phổ biến, giáo dục pháp luật trong nhiệm kỳ mới của Chính phủ.

- Tiếp tục đổi mới hoạt động nghiên cứu khoa học pháp lý và thông tin kết quả nghiên cứu khoa học pháp lý, phát huy hiệu quả ứng dụng của các đề tài đã được nghiên cứu; Hoàn chỉnh Đề án đánh giá nhu cầu phát triển pháp luật và Chiến lược xây dựng pháp luật. Huy động trí tuệ toàn Ngành để tham gia xây dựng pháp luật nhằm góp phần cụ thể hoá các quan điểm, mục tiêu do Đại hội IX của Đảng đề ra.

Tin Thi hành án số 1 năm 2002;

Báo Pháp luật thứ sáu số 22 ngày 25/01/2002; Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 01 THÁNG 02 NĂM 2002

**Bộ Tư pháp, Trung ương Hội Nông dân Việt Nam thống nhất
Chương trình số 02/2002/CTPH-TP-ND phối hợp thực hiện công tác
phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý**

Mục đích của Chương trình là phổ biến, giáo dục pháp luật và trợ giúp pháp lý miễn phí cho nông dân dưới nhiều hình thức nhằm giải quyết những vướng mắc trong cuộc sống, giảm các khiếu kiện vượt cấp; Bồi dưỡng nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ tư pháp, hòa giải viên, cán bộ làm công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý và mạng lưới báo cáo viên pháp luật, cộng tác viên trợ giúp pháp lý.

Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 04 THÁNG 02 NĂM 2002

**Bộ trưởng Bộ Tư pháp ra Quyết định về Kế hoạch nghiên cứu
khoa học, công nghệ của Bộ Tư pháp năm 2002**

Theo Quyết định, năm 2002, Bộ Tư pháp triển khai thực hiện 10 đề tài khoa học cấp Bộ (Cơ sở lý luận và thực tiễn hoàn thiện cơ chế bảo đảm quyền giám sát của nhân dân đối với tổ chức và hoạt động của các cơ quan tư pháp; Một số xung đột pháp luật thương mại, kinh tế liên quan đến Hiệp định Thương mại Việt - Mỹ; Pháp luật điều chỉnh các quan hệ tư pháp có yếu tố nước ngoài - thực trạng và giải pháp hoàn thiện trước yêu cầu hội nhập quốc tế; Cơ chế kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật của bộ, ngành (hậu kiểm); Hoàn thiện cơ chế quản lý đội ngũ cán bộ thuộc Bộ Tư pháp quản lý; Luận cứ khoa học và thực tiễn xây dựng Pháp lệnh trợ giúp pháp lý; Cơ sở lý luận và thực tiễn xây dựng môn đạo đức học tư pháp cho các chức danh tư pháp; Luận cứ khoa học và thực tiễn của việc xây dựng Chương trình quốc gia về phổ biến, giáo dục pháp luật trong giai đoạn tới...), 11 đề tài nghiên cứu cấp cơ sở, 3 hội thảo khoa học.

Trong hoạt động quản lý nhà nước về môi trường, tiếp tục nghiên cứu 1 đề tài đã triển khai từ năm 2001 (Xây dựng cơ sở khoa học xác định trách nhiệm dân sự trong lĩnh vực bảo vệ môi trường) và thực hiện 01 đề tài mới (Nghiên cứu xây dựng Luật Môi trường thay thế Luật Bảo vệ môi trường hiện hành).

Tư liệu lưu trữ tại Viện Khoa học pháp lý

NGÀY 05 THÁNG 02 NĂM 2002

Ngân hàng Nhà nước, Bộ Tư pháp ban hành Thông tư liên tịch số 02/2002/TTLT-NHNN-BTP hướng dẫn thực hiện Quyết định số 149/2001/QĐ-TTg ngày 05/10/2001 của Thủ tướng Chính phủ về thủ tục bán tài sản bảo đảm, công chứng, chứng thực văn bản bán tài sản và giao tài sản cho các ngân hàng thương mại theo bản án, quyết định của Tòa án

Để thực hiện Đề án xử lý nợ tồn đọng của các ngân hàng thương mại đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo Quyết định số 149/2001/QĐ-TTg ngày 05/10/2001, Thông tư liên tịch số 02/2002/TTLT-NHNN-BTP hướng dẫn thực hiện thủ tục bán tài sản bảo đảm, công chứng, chứng thực văn bản bán tài sản và giao tài sản cho các ngân hàng thương mại theo bản án, quyết định của Tòa án. Theo đó, Thông tư liên tịch hướng dẫn cụ thể phạm vi áp dụng; thủ tục bán tài sản bảo đảm theo quy định tại điểm 3.1.A khoản 3 Điều 1 của Quyết định số 149/2001/QĐ-TTg; thủ tục công chứng, chứng thực văn bản bán tài sản; thủ tục giao tài sản cho Ngân hàng thương mại theo bản án, quyết định của Tòa án; và hiệu lực thi hành.

Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 08 THÁNG 02 NĂM 2002

Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp ban hành Thông tư liên tịch số 15/2002/TTLT-BTC-BTP hướng dẫn cơ chế quản lý tài chính về kinh phí cưỡng chế thi hành án dân sự, kinh phí để lại cho UBND xã, phường tham gia thực hiện công tác thi hành án đã thu được nộp vào ngân sách nhà nước

Thông tư liên tịch số 15/2002/TTLT-BTC-BTP quy định cụ thể về nguồn và cơ chế quản lý chi phí cưỡng chế thi hành án; Cơ chế quản lý tài chính đối với các vụ thi hành án do UBND xã, phường, thị trấn đảm nhiệm.

Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 20 THÁNG 02 NĂM 2002

Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Vụ Tổ chức cán bộ và đào tạo

Theo Quyết định số 75/2002/QĐ-BTP, Vụ Tổ chức cán bộ và đào tạo là đơn vị thuộc Bộ Tư pháp có chức năng giúp Bộ trưởng Bộ Tư pháp thực hiện

quản lý nhà nước về tổ chức bộ máy, cán bộ, đào tạo và bồi dưỡng thuộc thẩm quyền của Bộ Tư pháp. Vụ Tổ chức cán bộ và đào tạo có nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể sau đây:

1. Chủ trì xây dựng, thẩm định hoặc tham gia xây dựng, thẩm định dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật về tổ chức bộ máy, cán bộ, đào tạo và bồi dưỡng;

2. Hướng dẫn việc xây dựng quy hoạch cán bộ, quy hoạch đào tạo, bồi dưỡng, tổng hợp quy hoạch trình Ban Cán sự Đảng và theo dõi, kiểm tra việc thực hiện quy hoạch;

3. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng tiêu chuẩn các chức danh tư pháp;

4. Xây dựng và tổng hợp kế hoạch chỉ tiêu biên chế, quỹ tiền lương hành chính của Bộ để Bộ trưởng trình Chính phủ quyết định; phối hợp với các đơn vị trình Bộ trưởng việc phân bổ chỉ tiêu biên chế và quỹ tiền lương hành chính cho các đơn vị chịu sự quản lý của Bộ;

5. Thực hiện tuyển dụng, bố trí, điều động, chuyển, bổ nhiệm, miễn nhiệm công chức thực hiện chế độ lương, bảo hiểm xã hội và các chế độ, chính sách khác;

6. Theo dõi thi đua, khen thưởng, kỷ luật công chức của các đơn vị thuộc Bộ;

7. Quản lý hồ sơ nhân sự, hồ sơ bảo hiểm xã hội và đánh giá công chức của các đơn vị thuộc Bộ;

8. Xây dựng kế hoạch, chỉ tiêu đào tạo luật, bồi dưỡng cán bộ, công chức và hướng dẫn đơn đốc việc thực hiện kế hoạch đó;

9. Xây dựng, quản lý, sử dụng hệ cơ sở dữ liệu về tổ chức bộ máy, cán bộ, đào tạo và bồi dưỡng;

10. Hướng dẫn theo dõi, kiểm tra việc thực hiện các quy định về tổ chức bộ máy, cán bộ, đào tạo và bồi dưỡng thuộc thẩm quyền của bộ; Theo dõi, nắm tình hình về tổ chức bộ máy, cán bộ, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ của các Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp, Ban Tư pháp.

11. Thực hiện công tác bảo vệ chính trị, an ninh, quốc phòng của cơ quan Bộ. Tổ chức thực hiện các quy định về bí mật nhà nước trong Ngành Tư pháp.

12. Giúp việc Ban cán sự Đảng Bộ Tư pháp, Ban Vì sự tiến bộ của phụ nữ Ngành Tư pháp.

13. Thực hiện báo cáo, thống kê và thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định.

Vụ Tổ chức cán bộ và đào tạo gồm có Vụ trưởng, Phó Vụ trưởng và các công chức chuyên môn nghiệp vụ.

Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 22 THÁNG 02 NĂM 2002

Bộ Tư pháp ban hành Thông tư số 04/2002/TT-BTP hướng dẫn về thẩm quyền, trình tự, thủ tục đăng ký, cung cấp thông tin về tài sản cho thuê tài chính và việc quản lý nhà nước về đăng ký tài sản cho thuê tài chính

Nhằm công khai hoá các thông tin về tài sản cho thuê tài chính, tạo cơ sở pháp lý cho việc bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của các bên trong hợp đồng cho thuê tài chính và cá nhân, tổ chức có liên quan, Thông tư số 04/2002/TT-BTP hướng dẫn về thẩm quyền, trình tự, thủ tục đăng ký, cung cấp thông tin về tài sản cho thuê tài chính và việc quản lý nhà nước về đăng ký tài sản cho thuê tài chính.

Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 26 THÁNG 02 NĂM 2002

Thử nghiệm đăng ký giao dịch đảm bảo

Trong ngày 26/02/2002, tại trụ sở Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm, Bộ Tư pháp (25A Cát Linh - Hà Nội) đã có những khách hàng đầu tiên đến đăng ký thử nghiệm. Vì là thử nghiệm nên công việc của các đăng ký viên vẫn chủ yếu là tư vấn về trình tự, thủ tục đăng ký và giới thiệu cho khách hàng một số thông tin cần thiết trong phạm vi lĩnh vực hoạt động của Cục. Một trong những khách hàng đầu tiên là đại diện của Ngân hàng Công thương Việt Nam.

Báo Pháp luật số 50 (1580), ngày 27/02/2002

NGÀY 27 THÁNG 02 NĂM 2002

Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Quyết định số 168/2002/QĐ-BTP về Quy chế tổ chức và hoạt động của Vụ Phổ biến, giáo dục pháp luật thuộc Bộ Tư pháp.

Theo Quyết định số 168/2002/QĐ-BTP, Vụ Phổ biến, giáo dục pháp luật có nhiệm vụ và quyền hạn sau:

1. Xây dựng các đề án, chương trình, kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật và tổ chức thực hiện các chương trình, đề án, kế hoạch đó. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, thẩm định các văn bản quy phạm pháp luật được Bộ trưởng giao.
2. Giúp Bộ trưởng - Chủ tịch Hội đồng phối hợp công tác phổ biến, giáo dục pháp luật của Chính phủ thực hiện nhiệm vụ của cơ quan thường trực Hội đồng;
3. Chỉ đạo, hướng dẫn, theo dõi các cơ quan tư pháp địa phương, tổ chức pháp

chế các bộ, ngành thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, quản lý, khai thác tủ sách pháp luật và xây dựng lực lượng làm công tác phổ biến, giáo dục pháp luật. Phối hợp với cơ quan chức năng của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của các bộ, ngành hữu quan theo dõi, hướng dẫn, chỉ đạo công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trong nhà trường, trên báo chí; điểm báo về thực tiễn xây dựng, thực hiện pháp luật phục vụ chỉ đạo của lãnh đạo Bộ;

4. Chỉ đạo, hướng dẫn, theo dõi các cơ quan tư pháp địa phương thực hiện công tác hòa giải ở cơ sở, xây dựng đội ngũ hòa giải viên;

5. Chủ trì, phối hợp với các đơn vị thuộc Bộ biên soạn, phát hành các bản tin, tài liệu nghiệp vụ phục vụ công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, quản lý, khai thác tủ sách pháp luật, hòa giải ở cơ sở và thực hiện các hoạt động tuyên truyền về công tác tư pháp.

6. Tổng kết, thống kê, tổ chức sơ kết, tổng kết các hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật, quản lý, khai thác tủ sách pháp luật, hòa giải ở cơ sở;

7. Phối hợp với các đơn vị hữu quan xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch hợp tác với nước ngoài, các tổ chức quốc tế về công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, quản lý, khai thác tủ sách pháp luật, hòa giải ở cơ sở.

Vụ Phổ biến, giáo dục pháp luật gồm có Vụ trưởng, Phó Vụ trưởng và các công chức chuyên môn nghiệp vụ.

Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

Bộ Tư pháp ra Thông tư số 05/2002/TT-BTP hướng dẫn chuyển giao một số vụ việc trong thi hành án cho Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn trực tiếp đơn đốc thi hành

Theo đó, Thông tư số 05/2002/TT-BTP nêu rõ: Cơ quan thi hành án ra quyết định chuyển giao cho UBND cấp xã trực tiếp đơn đốc thi hành đối với những trường hợp sau: Vụ việc mà số tiền, trị giá tài sản đương sự phải thi hành không quá 500.000 đồng hoặc lớn hơn 500.000 đồng nhưng trước đó cơ quan thi hành án đã thi hành và số tiền, trị giá tài sản còn lại phải thi hành không quá 500.000 đồng; Vụ việc thi hành theo định kỳ mà số tiền, trị giá tài sản thi hành theo từng kỳ không quá 500.000 đồng; Thi hành quyết định phạt tiền của Chấp hành viên, Thủ trưởng cơ quan Thi hành án; Các khoản tiền chi phí cưỡng chế thi hành án không quá 500.000 đồng trong trường hợp cơ quan thi hành án chưa thu được hoặc không có điều kiện khấu trừ vào số tiền bán tài sản để thi hành án.

Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 28 THÁNG 02 NĂM 2002

Bộ Tư pháp ban hành Thông tư số 06/2002/TT-BTP hướng dẫn một số quy định của Nghị định số 165/1999/NĐ-CP ngày 19/11/1999 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm

Nhằm đảm bảo thi hành thống nhất Nghị định số 165/1999/NĐ-CP ngày 19/11/1999 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm, Thông tư số 06/2002/TT-BTP hướng dẫn phạm vi áp dụng Nghị định số 165/1999/NĐ-CP; một số vấn đề cụ thể trong việc ký kết, thực hiện hợp đồng cầm cố, thế chấp, bảo lãnh bằng tài sản và xử lý tài sản bảo đảm (hình thức của hợp đồng cầm cố, thế chấp, bảo lãnh bằng tài sản; Việc bán tài sản bảo đảm là hàng hoá luân chuyển trong quá trình sản xuất, kinh doanh; Xử lý giao dịch bảo đảm trong trường hợp bên bảo đảm là doanh nghiệp được tổ chức lại...).

Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 19 THÁNG 3 NĂM 2002

Thủ tướng Chính phủ ban hành Chỉ thị về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 02/01/2002 của Bộ Chính trị về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp thời gian tới

Ngày 02/01/2002, Bộ Tư pháp trình Thủ tướng Chính phủ Tờ trình số 10/BTP-TTr và Dự thảo Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 08/NQ-TW ngày 02/01/2002 của Bộ Chính trị về “*Một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới*”.

Dự thảo Chỉ thị được xây dựng theo hướng:

- Xác định rõ nhiệm vụ cụ thể cho từng bộ, ngành và chính quyền địa phương, quy định thời gian hoàn thành nhiệm vụ được giao.
- Xây dựng các đề án huy động sự tham gia của các bộ, ngành và UBND trong thời gian dài.

Ngày 19/3/2002, Thủ tướng Chính phủ ban hành Chỉ thị số 10/2002/CT-TTg về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TW, nêu rõ nội dung công việc đối với Bộ Công an, Bộ Tư pháp, Bộ Quốc phòng, Bộ Giáo dục và Đào tạo; Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Bộ Tài chính; Bộ Văn hoá - Thông tin; UBND các cấp.

Công báo số 20 ngày 10/5/2002, tr. 1304 - 1310

NGÀY 21 THÁNG 3 NĂM 2002

Bộ trưởng Bộ Tư pháp ký Quyết định số 14/2002/QĐ-BTP phê duyệt Báo cáo khả thi dịch vụ hỗ trợ Dự án Tin học hóa công chứng

Ngày 21/3/2002, Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Quyết định số 14/QĐ-BTP phê duyệt Báo cáo khả thi dịch vụ hỗ trợ Dự án Tin học hóa công chứng số hiệu 01-BTP-HĐCCTC. Theo đó, giao cho Ban Dự án tin học hóa công chứng phối hợp với Vụ Công chứng, Giám định, Hộ tịch, Quốc tịch, Lý lịch tư pháp triển khai thực hiện dịch vụ hỗ trợ Dự án Tin học hóa công chứng này.

Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 22 THÁNG 3 NĂM 2002

Bộ trưởng Bộ Tư pháp ký Quyết định số 96/2002/QĐ-BTP ban hành Quy chế mẫu về tổ chức và hoạt động của Ban chỉ đạo thi hành án dân sự cấp tỉnh, huyện

Để thống nhất tổ chức và hoạt động của Ban chỉ đạo công tác thi hành án dân sự, tăng cường và nâng cao hiệu quả của công tác này, ngày 22/3/2002 Bộ trưởng Bộ Tư pháp ra Quyết định số 96/2002/QĐ-BTP ban hành Quy chế mẫu về tổ chức và hoạt động của Ban chỉ đạo thi hành án dân sự cấp tỉnh, huyện.

Theo đó, Ban chỉ đạo thi hành án dân sự cấp tỉnh, huyện do Chủ tịch UBND cùng cấp thành lập có chức năng tham mưu, giúp Chủ tịch UBND trong việc chỉ đạo công tác thi hành án dân sự; tổ chức, phối hợp với các cơ quan hữu quan trong thi hành án tại địa phương.

Ban chỉ đạo hoạt động theo nguyên tắc: chỉ đạo công tác thi hành án kịp thời theo đúng pháp luật, tôn trọng nghiệp vụ của cơ quan thi hành án dân sự; làm việc theo nguyên tắc tập thể; phát huy vai trò của các cấp, các ngành trong thi hành án dân sự.

Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

Bộ trưởng Bộ Tư pháp ra Quyết định số 133/2002/QĐ-BTP tổ chức Hội nghị toàn quốc tổng kết 5 năm thực hiện Chỉ thị số 02/1998/CT-TTg và Quyết định số 03/1998/QĐ-TTg ngày 07/01/1998 triển khai chương trình phổ biến, giáo dục pháp luật trong giai đoạn hiện nay

Theo Quyết định, Bộ trưởng quyết định tổ chức Hội nghị vào ngày 04 và 05/4/2002 đối với các tỉnh phía Bắc tại tỉnh Phú Thọ; ngày 11, 12/4/2002 đối với các tỉnh phía Nam tại tỉnh Cần Thơ.

Thành phần tham dự Hội nghị bao gồm: thành viên Hội đồng công tác phổ biến, giáo dục pháp luật của Chính phủ, Lãnh đạo UBND tỉnh, thành phố, Lãnh đạo các Sở Tư pháp, chuyên viên theo dõi công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, pháp chế các bộ, ngành, phóng viên báo chí Trung ương, ngành, địa phương; đại diện UBND, cơ quan tư pháp một số quận, huyện, xã, phường.

Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 25 THÁNG 3 NĂM 2002

Trường Đại học Luật Hà Nội khai giảng lớp Cao học Luật Việt Nam - Thụy Điển khoá I

Ngày 25/3/2002, Trường Đại học Luật Hà Nội đã tổ chức trọng thể lễ khai giảng lớp Cao học Luật chuyên ngành luật so sánh và luật quốc tế, khoá đầu tiên trong chương trình hợp tác đào tạo giữa nhà trường với khoa Luật Trường Đại học Lund - Thụy Điển. Đến dự có đại diện Bộ Tư pháp, Bộ giáo dục và Đào tạo, Lãnh đạo Trường Đại học Luật Hà Nội, Khoa sau đại học và 20 học viên vừa trúng tuyển. Về phía Thụy Điển có bà Christine Johansou, Bí thư thứ nhất Đại sứ quán và ông Lass Goran Mahmberg đại diện Khoa Luật Trường Đại học Lund. Nằm trong Dự án tăng cường năng lực đào tạo cán bộ pháp lý cho Việt Nam do tổ chức SIDA (Thụy Điển) tài trợ. Khoá học chỉ dành cho đối tượng là các giảng viên luật chuyên hoặc không chuyên tại các trường đại học trong cả nước, do giảng viên của cả hai bên đào tạo.

Báo Pháp luật thứ tư ngày 27/3/2002

NGÀY 27 THÁNG 3 NĂM 2002

Bộ trưởng Bộ Tư pháp ra Quyết định số 141/2002/QĐ-BTP tổ chức Hội nghị toàn quốc sơ kết 3 năm thực hiện Quyết định số 1067/QĐ-TTg ngày 25/11/1998 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng và quản lý Tủ sách pháp luật ở xã, phường, thị trấn

Theo Quyết định số 141/2002/QĐ-BTP, Bộ trưởng quyết định tổ chức Hội nghị vào các ngày 04 và 05/4/2002 đối với các tỉnh phía Bắc tại tỉnh Phú Thọ; ngày 09 và 10/4/2002 đối với các tỉnh phía Nam tại Cần Thơ.

Thành phần tham dự Hội nghị có thành viên Ban chỉ đạo xây dựng Tủ sách pháp luật Trung ương, Lãnh đạo UBND các tỉnh, thành phố, Lãnh đạo Sở Tư pháp và chuyên viên theo dõi công tác phổ biến, giáo dục pháp luật của Sở Tư pháp, đại diện UBND, cơ quan tư pháp một số quận, huyện và xã, phường, phóng viên báo chí Trung ương, ngành, địa phương.

Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 02 THÁNG 4 NĂM 2002

Quốc hội khóa X kỳ họp thứ 11 thông qua Luật Tổ chức Tòa án nhân dân và Nghị quyết số 56/2002/QH10 về việc thi hành Luật Tổ chức Tòa án nhân dân và Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân

Luật Tổ chức Tòa án nhân dân năm 2002 gồm 6 chương với 48 điều, quy định về Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân địa phương, Tòa án quân sự, về thẩm phán và hội thẩm nhân dân, về việc đảm bảo hoạt động của Tòa án.

Luật này thay thế Luật Tổ chức Tòa án nhân dân ngày 06 tháng 10 năm 1992 đã được sửa đổi, bổ sung theo các luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Tòa án nhân dân ngày 28/12/1993 và ngày 28/10/1995.

Cũng trong ngày, Quốc hội đã ra Nghị quyết số 56/2002/QH10 về việc thi hành Luật Tổ chức Tòa án nhân dân và Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân. Theo đó, kể từ ngày Luật Tổ chức Tòa án nhân dân được công bố cho đến ngày Luật này có hiệu lực:

a) Việc quản lý các Tòa án nhân dân địa phương, các Tòa án quân sự về tổ chức và việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Phó Chánh án, Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Chánh án, Phó Chánh án, Thẩm phán Tòa án nhân dân địa phương và Tòa án quân sự các cấp vẫn được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành;

b) Bộ Tư pháp phối hợp với Tòa án nhân dân tối cao và Bộ Quốc phòng chuẩn bị để bàn giao cho Tòa án nhân dân tối cao công tác quản lý các Tòa án nhân dân địa phương, các Tòa án quân sự quân khu và tương đương, các Tòa án quân sự khu vực về tổ chức.

Kinh phí năm 2002 của các Tòa án nhân dân địa phương do Bộ Tư pháp tiếp tục thực hiện và quyết toán theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

http://moj.gov.vn/vbpq/Lists/Vn%20bn%20php%20lut/View_Detail.aspx?ItemID=22528; <http://www.thuvienphapluat.vn/archive/Nghi-quyet/Nghi-quyet-56-2002-QH10-thi-hanh-Luat-To-chuc-Toa-an-nhan-dan-va-Luat-To-chuc-Vien-kiem-sat-nhan-dan-vb49253t13.aspx>

NGÀY 03 ĐẾN NGÀY 05 THÁNG 4 NĂM 2002

Bộ Tư pháp tổ chức tập huấn công tác thi hành án

Tham dự lớp tập huấn là các Trưởng phòng thi hành án các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Trưởng phòng thi hành án các quân khu, quân chủng hải quân, các Đội trưởng Đội thi hành án thuộc tỉnh Khánh Hòa và 1 số chuyên viên Cục Quản lý thi hành án, Bộ Tư pháp.

Nội dung tập huấn tập trung vào các văn bản: Thông tư liên tịch số 15/2002/TTLT-BTC-BTP ngày 08/02/2002 của Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp hướng dẫn cơ chế quản lý tài chính về kinh phí tổ chức cưỡng chế thi hành án dân sự, kinh phí để lại cho UBND xã, phường tham gia thực hiện công tác thi hành án đã thu nộp vào ngân sách nhà nước; Thông tư số 05/2002/TT-THA ngày 27/02/2002 của Bộ Tư pháp hướng dẫn chuyển giao một số vụ việc trong thi hành án cho UBND xã, phường, thị trấn trực tiếp đôn đốc thi hành; Quy chế hoạt động của Ban chỉ đạo thi hành án; chuẩn mực đạo đức Chấp hành viên.

Tin Tư pháp số 5 năm 2002

NGÀY 09 THÁNG 4 NĂM 2002

Hội thảo quốc tế đánh giá nhu cầu phát triển hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010

Phát biểu tại Hội thảo, Bộ trưởng Bộ Tư pháp Nguyễn Đình Lộc - Trưởng Ban chỉ đạo liên ngành “*Đánh giá thực trạng nhu cầu phát triển hệ thống pháp luật Việt Nam*” đã khẳng định: “*Đánh giá thực trạng nhu cầu phát triển hệ thống pháp luật Việt Nam là cơ sở cực kỳ quan trọng để xây dựng chiến lược phát triển hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010*”. Theo Bộ trưởng thì chỉ có đánh giá đúng và toàn diện nhu cầu lập pháp thì mới đưa ra được phương hướng chỉ đạo công tác lập pháp, đúng đắn, hợp lý và chủ động.

Báo Pháp luật thứ tư số 86 ngày 10/4/2002

NGÀY 11 THÁNG 4 NĂM 2002

Hội nghị triển khai Nghị quyết số 08-NQ/TW của Bộ Chính trị về “Nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới”

Đến dự Hội nghị có Chủ tịch nước Trần Đức Lương, Trưởng Ban chỉ đạo cải cách tư pháp.

Tại Hội nghị, Bộ trưởng Bộ Tư pháp Nguyễn Đình Lộc đã trình bày Bản dự kiến nội dung chương trình kế hoạch của Ngành Tư pháp nhằm triển khai Nghị quyết số 08-NQ/TW của Bộ Chính trị, gồm các phần:

Một là, nhận thức về tinh thần Nghị quyết số 08-NQ/TW;

Hai là, những việc đã làm nhằm triển khai thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TW trong thời gian tới và biện pháp tổ chức thực hiện những nhiệm vụ đã đề ra.

Toàn bộ nội dung kế hoạch của Bộ Tư pháp triển khai thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TW của Bộ Chính trị đã được các đại biểu tham gia đóng góp ý kiến.

Báo Pháp luật số 86 ngày 10/4/2002

NGÀY 19 THÁNG 4 NĂM 2002

Bộ Tư pháp tổ chức lễ trao chứng chỉ hành nghề cho luật sư lần thứ nhất

Sáng ngày 19/4/2002, Bộ Tư pháp tổ chức lễ trao chứng chỉ hành nghề luật sư cho 48 luật sư thuộc các đoàn luật sư trong cả nước.

Phát biểu tại buổi lễ, Bộ trưởng Bộ Tư pháp Nguyễn Đình Lộc nêu rõ: “*Đây là lần đầu tiên Bộ Tư pháp tiến hành trao chứng chỉ hành nghề cho các luật sư, đánh dấu một mốc mới trong quá trình hiện thực hoá một chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước pháp quyền Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Người luật sư có vị trí hết sức quan trọng, thiết thân trong đời sống nhân dân, là người trợ tá đắc lực cho người dân trong việc bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Mong rằng, với vinh dự lớn này, đội ngũ các luật sư Việt Nam sẽ không ngừng trưởng thành, xứng đáng với sự tin cậy của Đảng, Nhà nước và nhân dân.*”

Sau khi Pháp lệnh Luật sư có hiệu lực, Bộ Tư pháp đã nhận được danh sách đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề cho khoảng 1.000 luật sư thuộc 28 đoàn luật sư trong cả nước. Cùng với 48 luật sư được trao chứng chỉ hành nghề lần này, khoảng 800 luật sư khác cũng sẽ được các Sở Tư pháp các tỉnh, thành thay mặt Bộ Tư pháp trao chứng chỉ hành nghề.

Báo Pháp luật số 95 (1625) ra ngày 20/4/2002

NGÀY 03 THÁNG 5 NĂM 2002

Ký kết Hiệp định Tương trợ tư pháp và pháp lý trong các vấn đề dân sự và hình sự giữa Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Cộng hoà dân chủ nhân dân Triều Tiên

Ngày 21/8/2001, Bộ Ngoại giao Triều Tiên đã gửi Đại sứ quán Việt Nam tại Bình Nhưỡng Dự thảo Hiệp định để đàm phán và đi đến ký kết. Tháng 12/2001, Đoàn cán bộ Tư pháp của Triều Tiên đã sang Việt Nam trao đổi về Dự thảo Hiệp định.

Ngày 15/4/2002, Bộ Tư pháp trình Thủ tướng Chính phủ Tờ trình số 19/TTr-TP về việc đàm phán và ký Hiệp định. Ngày 24/4/2002, Văn phòng Chính phủ có Công văn số 2137/VPCP-QHQT, theo đó Phó Thủ tướng Nguyễn Mạnh Cầm thay mặt Thủ tướng Chính phủ có ý kiến như sau: đồng ý nội dung Dự thảo Hiệp định giữa nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Cộng hoà dân chủ nhân dân Triều Tiên về tương trợ tư pháp và pháp lý trong các vấn đề dân sự và hình sự do Bộ Tư pháp trình và đề nghị Bộ Tư pháp xúc tiến đàm phán với phía

Cộng hoà dân chủ nhân dân Triều Tiên trên cơ sở dự thảo nói trên để sớm ký kết Hiệp định.

Ngày 03/5/2002, tại Bình Nhưỡng, Cộng hòa dân chủ nhân dân Triều Tiên, hai bên đã tiến hành ký kết Hiệp định tương trợ tư pháp và pháp lý trong các vấn đề dân sự và hình sự giữa Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và nước Cộng hoà dân chủ nhân dân Triều Tiên. Hiệp định gồm có 3 chương với 47 điều, gồm các nội dung cơ bản sau: Chương I. Những điều khoản chung; Chương II. Những quy định cụ thể quy định về tương trợ tư pháp trong lĩnh vực dân sự và hình sự; Chương III. Các điều khoản cuối cùng.

Hiệp định có hiệu lực từ ngày 24/02/2004 kéo dài trong thời hạn 10 năm, và sẽ tự động kéo dài thêm 5 năm (trừ trường hợp 1 bên muốn chấm dứt hiệu lực của Hiệp định).

<http://legal.khaitri.vn/Index.asp?Act=View&Doc=26004&Pro=12&Tree=51;>

Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 17 THÁNG 5 NĂM 2002

Bộ Tư pháp và Tòa án nhân dân tối cao ra Thông báo liên tịch số 02/TBLT/2002/TP-TANDTC hướng dẫn chuẩn bị bàn giao công tác quản lý Tòa án địa phương về tổ chức

Theo đó, Thông báo liên tịch đề nghị Giám đốc Sở Tư pháp và Chánh án Tòa án nhân dân các tỉnh thực hiện các công việc sau: Tiến hành rà soát, điều chỉnh và thực hiện đủ số lượng, cơ cấu, biên chế năm 2002 cho các Tòa án nhân dân cấp tỉnh và cấp huyện; Việc tuyển dụng, nâng ngạch, bổ nhiệm lại và bổ nhiệm lần đầu, chuyển chuyển cán bộ giữa các Tòa án nhân dân địa phương... chỉ được thực hiện trong trường hợp cần thiết và phải có sự thống nhất ý kiến của Giám đốc Sở Tư pháp và Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh sau khi có sự phê duyệt của Bộ Tư pháp; Lập danh sách cán bộ hiện có của Tòa án nhân dân cấp tỉnh và cấp huyện; Kiểm tra, xác minh, có kết luận bằng văn bản các đơn thư khiếu nại, tố cáo đối với người đang được đề nghị bổ nhiệm Thẩm phán, Chánh án, Phó Chánh án; Rà soát và tiến hành thủ tục nâng lương đợt I đối với công chức Tòa án thuộc quyền quản lý có đủ điều kiện nâng lương tính đến ngày 30/9/2002. Việc nâng lương đợt 2 do Tòa án nhân dân tối cao thực hiện; Rà soát và gửi danh sách và văn bản đề nghị giải quyết chế độ hưu trí cho các cán bộ đủ điều kiện tính đến ngày 01/10/2002; Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh và Giám đốc Sở Tư pháp phải giải quyết dứt điểm các chế độ cho thôi việc, nhận trở lại công tác, xử lý kỷ luật và khen thưởng cán bộ, công chức trước ngày 30/6/2002; Việc đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ, công

chức của Tòa án nhân dân địa phương năm 2002 được thực hiện theo kế hoạch năm 2002 của Bộ Tư pháp; Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh và Giám đốc Sở Tư pháp thống nhất phương án bàn giao cán bộ thuộc Sở Tư pháp trực tiếp quản lý Tòa án nhân dân cấp huyện và lập danh sách gửi về Bộ Tư pháp.

Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 27 THÁNG 5 NĂM 2002

Bộ trưởng Bộ Tư pháp ký Quyết định số 205/2002/QĐ-BTP ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 07/NQ-TW của Bộ Chính trị về hội nhập kinh tế quốc tế và Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Hiệp định Thương mại Việt Nam - Hoa Kỳ

Bản Kế hoạch này (ban hành kèm theo Quyết định số 205/2002/QĐ-BTP) là cơ sở để các đơn vị trong Ngành Tư pháp, các cán bộ, công chức tư pháp từ Trung ương đến địa phương tổ chức quán triệt ý nghĩa, mục đích, yêu cầu của Nghị quyết số 07/NQ-TW về hội nhập kinh tế quốc tế và Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Hiệp định. Kế hoạch này cũng nhằm tạo ra động lực mới cho việc củng cố tổ chức, hệ thống các cơ quan tư pháp, hệ thống tổ chức pháp chế tại các bộ, ngành, doanh nghiệp, các cơ quan hỗ trợ pháp luật, các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng nguồn cán bộ tư pháp..., góp phần thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ liên quan đến Ngành Tư pháp.

Xuất phát từ yêu cầu nêu trên Bản kế hoạch bao gồm các nội dung cụ thể trên các mảng công tác: tuyên truyền, phổ biến Nghị quyết số 07/NQ-TW và tập huấn tìm hiểu về Hiệp định; rà soát văn bản quy phạm pháp luật; kế hoạch xây dựng luật, pháp lệnh; xây dựng pháp luật; nghiên cứu, đào tạo; tổ chức - cán bộ; hợp tác quốc tế.

Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 03 THÁNG 6 NĂM 2002

Đoàn kiểm tra liên ngành thực hiện công tác tổng rà soát và giải quyết đơn khiếu kiện về tư pháp tồn đọng tại thành phố Hồ Chí Minh

Thực hiện Kế hoạch liên ngành số 06/KH-LN ngày 15/4/2002 của Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao, Bộ Công an, Bộ Tư pháp về tổng rà soát các đơn khiếu kiện về tư pháp và phân loại xử lý theo thẩm quyền của các cơ quan tư pháp, liên ngành Trung ương tổ chức các đoàn kiểm tra thực hiện kế hoạch tại các thành phố Hà Nội, Đà Nẵng và thành phố Hồ Chí Minh.

Từ ngày 03/6/2002, Đoàn kiểm tra tại thành phố Hồ Chí Minh gồm các đại diện của Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao, Bộ Công an, Bộ Tư pháp, Ban Nội chính Trung ương do Thứ trưởng Bộ Tư pháp Lê Thị Thu Ba làm Trưởng đoàn đã tiến hành kiểm tra tại các cơ quan tư pháp thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 10/6/2002, Đoàn kiểm tra liên ngành thông báo kết quả với Lãnh đạo Bộ Tư pháp.

Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 24 THÁNG 6 NĂM 2002

Hội nghị tổng kết 7 năm thi hành Nghị định của Chính phủ về hành nghề tư vấn pháp luật của tổ chức luật sư nước ngoài tại Việt Nam

Đây là Hội nghị lớn đầu tiên đánh giá hoạt động trong lĩnh vực này với sự tham gia của đại diện Ủy ban Pháp luật của Quốc hội, Trưởng các chi nhánh Công ty luật nước ngoài, đại diện Sở Tư pháp, Đoàn luật sư một số tỉnh, thành phố. Bộ trưởng Bộ Tư pháp Nguyễn Đình Lộc, Thứ trưởng Hà Hùng Cường chủ trì Hội nghị.

Chính phủ Việt Nam đã ban hành hai Nghị định trong vòng 7 năm hoạt động của các luật sư nước ngoài tại Việt Nam (Nghị định số 42/CP ngày 08/7/1995 của Chính phủ ban hành Quy chế hành nghề tư vấn pháp luật của tổ chức luật sư nước ngoài tại Việt Nam; Chính phủ đã ban hành Nghị định số 92/1998/NĐ-CP ngày 10/11/1998 về việc hành nghề tư vấn pháp luật của tổ chức luật sư nước ngoài tại Việt Nam thay thế Nghị định 42/CP). Mặc dù có những điều chỉnh liên tục như vậy, song trước xu thế hội nhập quốc tế và khu vực, trên bàn đàm phán Việt Nam cũng đưa ra một số cam kết về lĩnh vực tư vấn pháp luật, nhưng những nội dung đó lại vượt ra ngoài khuôn khổ các quy định hiện hành. Trong nước, hoạt động của luật sư nước ngoài cũng phát sinh những vấn đề hết sức mới, đòi hỏi phải được cụ thể hoá thành luật. Bộ Tư pháp đang xây dựng Dự thảo nghị định thay thế cho Nghị định số 92/1998/NĐ-CP.

Báo Pháp luật số 151 (1681) ra ngày 25/6/2002

NGÀY 28 VÀ 29 THÁNG 6 NĂM 2002

Bộ Tư pháp tổ chức Hội thi Hộ tịch viên giỏi toàn quốc lần thứ nhất

Tham dự Hội thi có 56 thí sinh đại diện cho 56 tỉnh thành.

Đến dự có Phó Chủ tịch Quốc hội Nguyễn Văn Yếu, Chủ tịch Đoàn chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Phạm Thế Duyệt, đại diện lãnh đạo các bộ, ban, ngành và các báo đài Trung ương và Hà Nội.

Hội thi đã lựa chọn 01 giải nhất, 02 giải nhì, 04 giải ba và 05 giải khuyến khích.

Báo Pháp luật thứ sáu số 154 ngày 28/6/2002

NGÀY 02 THÁNG 7 NĂM 2002

Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính

Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính năm 1995 đã bộc lộ những điểm hạn chế cần được nghiên cứu, khắc phục kịp thời, như: quy định hình thức phạt tiền, mức phạt tiền, thẩm quyền xử phạt chưa hợp lý, chưa cụ thể trong từng lĩnh vực, dẫn đến việc vận dụng tùy tiện, chưa đủ sức răn đe, giáo dục, thủ tục áp dụng phức tạp, kéo dài gây tâm lý chờ đợi, bất bình đối với cá nhân, tổ chức; một số quy định về thẩm quyền xử phạt của cơ quan có chức năng điều tra hình sự dễ dẫn đến tình trạng hành chính hoá các quan hệ hình sự; các quy định về thẩm quyền thành lập và ra quyết định đưa vào trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục, cơ sở chữa bệnh còn nặng hình thức, mất thời gian, phát sinh nhiều vấn đề phức tạp... Ngoài ra, một số quy định của Pháp lệnh hiện cũng không còn phù hợp với các luật, Pháp lệnh có liên quan khác ban hành sau năm 1995 đòi hỏi cần sửa đổi, bổ sung cho thống nhất.

Thực hiện Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh của Quốc hội khoá X và sự phân công của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ đã chỉ đạo Bộ Tư pháp phối hợp với các bộ, ngành và UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổng kết việc thi hành Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính năm 1995.

Ngày 22/02/1998, Ban soạn thảo Dự án Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính (sửa đổi) đã được thành lập. Trong quá trình soạn thảo, Chính phủ đã thường xuyên cho ý kiến chỉ đạo về các vấn đề thuộc nội dung Dự án.

Ngày 27/10/2000, Bộ Tư pháp trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội Dự thảo kèm Tờ trình số 980/CP-PC Dự án Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính (sửa đổi).

Ngày 02/7/2002, Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính. Pháp lệnh gồm 10 chương với 124 điều. Theo Pháp lệnh, xử phạt vi phạm hành chính được áp dụng đối với cá nhân, cơ quan, tổ chức có hành vi cố ý hoặc vô ý vi phạm các quy định của pháp luật về quản lý nhà nước mà không phải là tội phạm và theo quy định của pháp luật phải bị xử phạt hành chính. Pháp lệnh quy định thẩm quyền quy định hành vi vi phạm hành chính và chế độ áp dụng các biện pháp xử lý hành chính khác, nguyên tắc xử lý vi phạm hành chính, trách nhiệm đấu tranh, phòng ngừa và chống vi phạm hành chính, việc giám sát, kiểm tra trong xử lý vi phạm hành chính, việc xử lý người chưa thành niên vi

phạm hành chính, các tình tiết giảm nhẹ, tình tiết tăng nặng, các hình thức xử phạt vi phạm hành chính và biện pháp khắc phục hậu quả, các biện pháp xử lý hành chính khác, thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính (theo đó, mức cao nhất có thể áp dụng là 20.000.000 đồng), các biện pháp ngăn chặn vi phạm hành chính và bảo đảm việc xử lý vi phạm hành chính, thủ tục xử phạt vi phạm hành chính và thi hành quyết định xử phạt, thủ tục áp dụng các biện pháp xử lý hành chính khác, việc khiếu nại, tố cáo, khen thưởng và xử lý vi phạm.

Ngày 16/7/2002, Chủ tịch nước ký Lệnh số 14/2002/L-CTN công bố Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính. Pháp lệnh thay thế Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính ngày 06/7/1995.

Công báo số 43 ngày 05/9/2002, tr. 2818 - 2856

NGÀY 10 THÁNG 7 NĂM 2002

Chính phủ ban hành Nghị định số 68/2002/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hôn nhân và gia đình về quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài

Nghị định số 184/CP ngày 30/11/1994 quy định về thủ tục kết hôn, nhận con ngoài giá thú, nuôi con nuôi, nhận đỡ đầu giữa công dân Việt Nam và người nước ngoài là văn bản pháp luật đầu tiên của Nhà nước ta quy định một cách hệ thống các vấn đề về trình tự, thủ tục giải quyết đăng ký các việc về hộ tịch có yếu tố nước ngoài. Được ban hành vào thời điểm Việt Nam mới thực hiện cải cách thủ tục hành chính, nên nhiều quy định của Nghị định số 184/CP đã tỏ ra bất cập, một số quy định thiếu chặt chẽ, dễ bị lợi dụng, một số quy định không có tính khả thi, một số khác thì lại quy định phức tạp, gây phiền hà về giấy tờ cho công dân. Trong khi đó, thời điểm này việc người nước ngoài xin nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi ngày càng gia tăng nhưng Việt Nam mới chỉ ký kết duy nhất với Pháp Hiệp định về nuôi con nuôi, chưa tham gia Công ước La Hay về bảo vệ trẻ em và hợp tác nuôi con nuôi giữa các nước. Mặt khác, Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 được ban hành đã có nhiều quy định mới điều chỉnh cả quan hệ hôn nhân giữa các công dân Việt Nam và giữa công dân Việt Nam và người nước ngoài. Vì vậy, việc ban hành Nghị định mới quy định chi tiết thi hành Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 về quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài, góp phần bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân Việt Nam, nhất là phụ nữ và trẻ em là hết sức cần thiết.

Ngày 09/01/2002, Bộ Tư pháp trình Thủ tướng Chính phủ Dự thảo kèm Tờ trình số 05/TP-TTr về Dự thảo Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết thi

hành Luật Hôn nhân và gia đình về quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài.

Ngày 10/7/2002, Chính phủ ban hành Nghị định số 68/2002/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hôn nhân và gia đình về quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài. Nghị định được chia thành 8 chương, gồm 81 điều, quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hôn nhân và gia đình về quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài, bao gồm kết hôn, nhận cha, mẹ, con, nuôi con nuôi giữa công dân Việt Nam với người nước ngoài, giữa người nước ngoài thường trú tại Việt Nam với nhau; công nhận việc kết hôn, ly hôn, nhận cha, mẹ, con, nuôi con nuôi giữa công dân Việt Nam với nhau hoặc với người nước ngoài đã được tiến hành tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài; đăng ký kết hôn, nhận cha, mẹ, con, nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài ở khu vực biên giới; quản lý nhà nước về hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài; khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm.

Nghị định này thay thế Nghị định số 184/CP ngày 30/11/1994 của Chính phủ quy định về thủ tục kết hôn, nhận con ngoài giá thú, nuôi con nuôi, nhận đỡ đầu giữa công dân Việt Nam và người nước ngoài. Bãi bỏ Quyết định số 142/2000/QĐ-TTg ngày 11/12/2000 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế thực hiện Hiệp định hợp tác về nuôi con nuôi giữa nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và nước Cộng hoà Pháp.

Công báo số 38 ngày 10/8/2002, tr. 2479 - 2510

Bộ trưởng Bộ Tư pháp ra Quyết định số 256/2002/QĐ-BTP đổi tên Phòng Trợ giúp pháp lý thành Trung tâm Trợ giúp pháp lý của Cục Trợ giúp pháp lý

Theo Quyết định, Trung tâm là đơn vị của Cục Trợ giúp pháp lý, có chức năng thực hiện trợ giúp pháp lý cho người nghèo và đối tượng chính sách trong phạm vi và lĩnh vực theo quy định của pháp luật. Trung tâm có các nhiệm vụ, quyền hạn sau:

1. Thực hiện hoặc hỗ trợ thực hiện trợ giúp pháp lý đối với các vụ việc mà các Trung tâm trợ giúp pháp lý thuộc Sở Tư pháp chuyển lên do có vướng mắc hoặc không thực hiện được và cơ quan, tổ chức, cá nhân hữu quan có thẩm quyền chuyển đến và phổ biến, giáo dục pháp luật cho các đối tượng này. Lưu giữ các hồ sơ, vụ việc này và thực hiện chế độ báo cáo theo quy định.

2. Tổ chức trao đổi kinh nghiệm, kiến thức nghiệp vụ giữa các chuyên viên trợ giúp pháp lý, cộng tác viên của trung tâm với nhau và với các cá nhân, đại diện các tổ chức quan tâm đến công tác trợ giúp pháp lý.

3. Đề xuất với Cục trưởng Cục Trợ giúp pháp lý kiến nghị việc sửa đổi, bổ sung, thay thế văn bản pháp luật không còn phù hợp với thực tế, những bất hợp lý trong hoạt động công vụ.

4. Quản lý, theo dõi hoạt động của đội ngũ chuyên viên trợ giúp pháp lý và cộng tác viên của Trung tâm. Đề xuất việc khen thưởng cho tập thể và cá nhân của Trung tâm có thành tích xuất sắc trong công tác trợ giúp pháp lý.

5. Thực hiện các nhiệm vụ khác thuộc chức năng, nhiệm vụ của Cục Trợ giúp pháp lý.

Trung tâm có Giám đốc, Phó Giám đốc và các chuyên viên trợ giúp pháp lý. Cục Trợ giúp pháp lý thực hiện việc quản lý điều hành đối với Trung tâm.

Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

Thành lập Quỹ Trợ giúp pháp lý Việt Nam

Ngày 10/7/2002, Bộ trưởng Bộ Tư pháp đã ban hành Quyết định số 256/2002/QĐ-BTP thành lập Quỹ Trợ giúp pháp lý Việt Nam trực thuộc Cục Trợ giúp pháp lý. Quỹ Trợ giúp pháp lý có chức năng huy động, tiếp nhận các nguồn tài chính đóng góp, cấp phát để hỗ trợ cho hoạt động trợ giúp pháp lý trên toàn quốc. Quỹ có tư cách pháp nhân, có trụ sở đặt tại Hà Nội, có con dấu riêng, được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước và Ngân hàng. Quỹ có tên gọi tiếng Anh là: VIETNAM LEGAL AID FUND viết tắt là VILAF.

Quỹ có các nhiệm vụ, quyền hạn sau: Tiếp nhận nguồn tài chính từ ngân sách nhà nước; Tiếp xúc, khai thác, vận động các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài đóng góp xây dựng Quỹ; Thực hiện hỗ trợ tài chính cho các hoạt động trợ giúp pháp lý trong phạm vi toàn quốc; Thông tin, tuyên truyền, trao đổi kinh nghiệm, phổ biến rộng rãi về hoạt động của Quỹ; Sử dụng mạng lưới cộng tác viên ở Trung ương và địa phương để góp phần tạo nguồn cho quỹ và triển khai các hoạt động của Quỹ; Quản lý nguồn tài chính của Quỹ; Đề xuất việc khen thưởng đối với tổ chức, cá nhân có thành tích trong việc tham gia xây dựng và phát triển Quỹ.

Quỹ có Giám đốc, các Phó Giám đốc, kế toán chuyên trách và bộ phận giúp việc kiêm nhiệm.

Cùng ngày, Bộ trưởng Bộ Tư pháp đã ban hành Quyết định số 258/2002/QĐ-BTP về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động Quỹ Trợ giúp pháp lý Việt Nam.

Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 11 THÁNG 7 NĂM 2002

Thứ trưởng Bộ Tư pháp Hà Hùng Cường đại diện cho Chính phủ Việt Nam bảo vệ Báo cáo quốc gia lần 2 việc thực hiện Công ước quốc tế về các quyền dân sự - chính trị trước Ủy ban theo dõi việc thực hiện Công ước tại Gionevơ

Ngày 11/7/2002, trong phiên khai mạc, Thứ trưởng Bộ Tư pháp Hà Hùng Cường đã phát biểu, giới thiệu khái quát nội dung báo cáo, tập trung nêu bật những thành tựu to lớn toàn diện của Việt Nam trong công cuộc đổi mới, nhất là về phát triển kinh tế - xã hội, tăng cường dân chủ trong đời sống xã hội, khẳng định rõ quan điểm của Nhà nước ta là các quyền dân sự - chính trị, quyền của cá nhân và lợi ích cộng đồng phải kết hợp hài hòa trong một thể thống nhất nhằm đảm bảo sự ổn định về chính trị cũng như sự phát triển của đất nước.

Thứ trưởng cũng đã trả lời 37 câu hỏi mà Ủy ban Nhân quyền chuyển trước, đề cập đến việc thực hiện các điều khoản của Công ước. Đồng thời, các thành viên Ủy ban cũng hỏi thêm nhiều vấn đề: về quản chế hành chính, về tổ chức Tòa án; thủ tục xét xử; về án tử hình; chế độ giam giữ; vấn đề người Thượng ở Tây Nguyên... Việc trả lời của Đoàn Việt Nam thể hiện rõ ràng các quan điểm: Giải thích rõ những vấn đề còn có cách tiếp cận, quan điểm khác nhau, cung cấp thông tin số liệu minh chứng; cương quyết bác bỏ những câu hỏi có tính xuyên tạc, thông tin vô căn cứ; ghi nhận những câu hỏi có tính khuyến nghị để xem xét.

Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 24 THÁNG 7 NĂM 2002

Bộ trưởng Bộ Tư pháp ra Quyết định số 335/2002/QĐ-BTP tổ chức Hội nghị tập huấn giáo viên dạy môn pháp luật trong trường trung học chuyên nghiệp

Ngày 24/7/2002, Bộ trưởng Bộ Tư pháp ra Quyết định số 335/2002/QĐ-BTP tổ chức hội nghị tập huấn giáo viên dạy môn pháp luật trong trường trung học chuyên nghiệp. Theo đó, Bộ trưởng quyết định tổ chức Hội nghị tại Hội An, tỉnh Quảng Nam (gồm các tỉnh, thành phố phía Nam) từ ngày 05 đến ngày 09/8/2002 và tại Đồ Sơn - Hải Phòng (các tỉnh, thành phố phía Bắc) từ ngày 20 đến ngày 24/8/2002.

Thành phần tham dự Hội nghị bao gồm: giáo viên giảng dạy pháp luật trong trường trung học chuyên nghiệp, đại diện lãnh đạo Bộ Tư pháp, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Vụ Phổ biến, giáo dục pháp luật thuộc Bộ Tư pháp, Vụ Trung học

chuyên nghiệp và dạy nghề thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo, đại diện một số báo, đài Trung ương.

Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 25 THÁNG 7 NĂM 2002

Bộ Tư pháp, Tòa án nhân dân tối cao ban hành Thông tư liên tịch số 03/2002/TTLT/BTP-TANDTC hướng dẫn việc bàn giao công tác quản lý Tòa án nhân dân cấp huyện về tổ chức

Thông tư liên tịch số 03/2002/TTLT/BTP-TANDTC hướng dẫn cụ thể việc bàn giao về tổ chức, về cán bộ, công chức, về công tác thi đua, khen thưởng và xử lý kỷ luật đối với cán bộ, công chức Tòa án nhân dân cấp huyện. Thông tư nhấn mạnh: Giám đốc Sở Tư pháp chỉ bàn giao cho Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh những cán bộ, công chức thuộc Sở Tư pháp đang trực tiếp làm công tác quản lý Tòa án nhân dân cấp huyện. Việc bàn giao công tác quản lý Tòa án nhân dân cấp huyện về mặt tổ chức phải được thực hiện xong trước ngày 15/9/2002. Những việc thuộc nội dung quản lý Tòa án nhân dân cấp huyện về mặt tổ chức phát sinh vào thời điểm sau ngày 15/9/2002 đến ngày 01/10/2002 thì Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh phối hợp với Giám đốc Sở Tư pháp xử lý theo đúng quy định của pháp luật.

Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 02 THÁNG 8 NĂM 2002

Bộ trưởng Bộ Tư pháp ký Quyết định số 354/QĐ-BTP ban hành Quy chế đi thực tế của công chức cơ quan Bộ Tư pháp

Quy chế này (ban hành kèm theo Quyết định số 354/QĐ-BTP) áp dụng đối với công chức cơ quan Bộ Tư pháp làm công tác chuyên môn đã được bổ nhiệm vào ngạch cán sự, chuyên viên, nghiên cứu viên, thanh tra viên ở các đơn vị Cục, Vụ, Viện, Văn phòng, Thanh tra Bộ Tư pháp có thời gian công tác dưới 5 năm, mỗi năm công chức đi thực tế một đợt với thời gian 1 tháng và thực hiện cho đến khi đủ 5 năm công tác pháp luật. Trong thời gian đi thực tế, công chức tìm hiểu quy trình, cách thức tổ chức thực hiện công việc của đơn vị nơi đến thực tế; thu thập số liệu, thông tin, tài liệu có liên quan đến công việc của đơn vị hoặc phục vụ cho chuyên đề, đề tài, đề án công chức tham gia; nắm bắt những thuận lợi, khó khăn trong hoạt động đơn vị nơi công chức đến thực tế, qua đó phản ánh kịp thời và đề xuất phương hướng giải quyết với lãnh đạo đơn vị nơi công chức đến làm việc; hỗ trợ thực hiện một số công việc theo sự phân công của đơn vị đến thực tế.

Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 05 THÁNG 8 NĂM 2002

**Bộ trưởng Bộ Tư pháp ký Quyết định số 356b/2002/QĐ-BTP ban hành
Quy tắc mẫu về đạo đức nghề nghiệp luật sư**

Bản quy tắc mẫu (ban hành kèm theo Quyết định số 356b/2002/QĐ-BTP) bao gồm 14 quy tắc. Trong đó luật sư phải luôn giữ gìn phẩm giá và uy tín nghề nghiệp, không ngừng trau dồi đạo đức, nâng cao trình độ chuyên môn để hoàn thành tốt chức năng nghề nghiệp của luật sư, tôn vinh nghề nghiệp của luật sư. Trong hoạt động nghề nghiệp, luật sư hoạt động độc lập, trung thực và tận tụy, không vì bất kỳ lợi ích vật chất, tinh thần hoặc áp lực nào khác mà làm sai lệch sự thật. Nghĩa vụ cao cả của luật sư là tham gia thực hiện trợ giúp pháp lý miễn phí cho người nghèo và đối tượng chính sách. Quy tắc cũng quy định cụ thể những việc luật sư không được làm đối với khách hàng, trong quan hệ với cơ quan tiến hành tố tụng và các cơ quan nhà nước khác, trong quan hệ với đồng nghiệp.

Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 12 THÁNG 8 NĂM 2002

**Bộ Tư pháp trình Thủ tướng chính phủ Dự thảo kèm Tờ trình
số 43B/TTr-TP về việc đàm phán Hiệp định Tương trợ tư pháp về một
số vấn đề hình sự giữa nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và
Ca-na-đa**

Theo đó, Tờ trình nêu rõ:

Năm 1993 và 1994, Hiệp định giữa Việt Nam và Ca-na-đa về tương trợ tư pháp trong các vấn đề hình sự đã được hai bên trao đổi, đàm phán tại Hà Nội.

Năm 2001, Ca-na-đa gửi cho Việt Nam Dự thảo Hiệp định mẫu của Ca-na-đa về tương trợ tư pháp trong các vấn đề hình sự với mong muốn tiếp tục đàm phán và ký Hiệp định. Dự thảo Hiệp định của Ca-na-đa có nội dung cơ bản phù hợp với Dự thảo Hiệp định đã được 2 bên trao đổi sau cuộc đàm phán lần thứ 2 tháng 11/1994, gồm Lời nói đầu và 24 điều, chia làm 4 phần, quy định về nghĩa vụ tương trợ tư pháp, thực hiện yêu cầu tương trợ tư pháp, từ chối hoặc hoãn tương trợ, các nội dung của yêu cầu tương trợ. Bộ Tư pháp có đề nghị một số vấn đề cần đàm phán thêm, như: chỉnh sửa lại về danh nghĩa ký kết Hiệp định cho phù hợp với pháp luật Việt Nam (Chủ tịch nước ký, không phải Chính phủ như Dự thảo Hiệp định), giới hạn phạm vi Hiệp định trong một số vấn đề về hình sự, đề nghị thống nhất nguyên tắc áp dụng pháp luật nước ký kết được yêu cầu, đề nghị cơ quan Trung ương phía Việt Nam là Viện kiểm sát nhân dân tối cao, bổ sung điều mới về trường hợp nhận được nhiều yêu cầu tương trợ cùng một lúc, giải thích rõ về quy định liên quan đến

từ chối tương trợ tư pháp trong trường hợp việc thực hiện yêu cầu sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho việc truy tố...

Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 14 THÁNG 8 NĂM 2002

Ông Uông Chu Lưu được bổ nhiệm giữ chức Bộ trưởng Bộ Tư pháp

Theo Quyết định số 501/2002/QĐ/CTN của Chủ tịch nước ngày 14/8/2002, ông Uông Chu Lưu, Thứ trưởng Bộ Tư pháp được bổ nhiệm giữ chức Bộ trưởng Bộ Tư pháp.

Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 20 THÁNG 8 NĂM 2002

Bộ Tư pháp báo cáo Thủ tướng Chính phủ về tình hình thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 02/01/2002 của Bộ Chính trị, Chương trình trọng tâm của Ban Chỉ đạo cải cách tư pháp và Chỉ thị số 10/2002/CT-TTg ngày 19/3/2002 của Thủ tướng Chính phủ về cải cách tư pháp

Sau khi có Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 02/01/2002 của Bộ Chính trị, Chương trình trọng tâm của Ban Chỉ đạo cải cách tư pháp, Chỉ thị số 10/2002/CT-TTg ngày 19/3/2002 của Thủ tướng Chính phủ về triển khai thực hiện một số nhiệm vụ trọng tâm của công tác tư pháp trong thời gian tới, Bộ Tư pháp đã tổ chức quán triệt trong toàn Ngành, tổ chức nghiên cứu sâu 14 nhóm việc và gần 30 công việc cụ thể mà Bộ được giao chủ trì chuẩn bị và triển khai thực hiện. Báo cáo tập trung đánh giá những kết quả đạt được cũng như những khó khăn và phương hướng khắc phục trong việc triển khai thực hiện những công việc này.

Báo cáo số 898/BC-BTP của Bộ Tư pháp gửi Thủ tướng Chính phủ, Lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 21 THÁNG 8 NĂM 2002

Lãnh đạo Bộ Tư pháp báo cáo Chủ tịch nước định hướng công tác tư pháp thời gian tới

Sáng 21/8/2002, Chủ tịch nước Trần Đức Lương, Trưởng Ban chỉ đạo cải cách tư pháp đã nghe Bộ trưởng Bộ Tư pháp Uông Chu Lưu và Thứ trưởng Bộ Tư pháp Lê Thị Thu Ba báo cáo về công tác tư pháp những tháng đầu năm 2002, những nội dung chính của kế hoạch triển khai Nghị quyết số 08-NQ/TW của Bộ Chính trị về “Một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới”.

Sau khi nghe Lãnh đạo Bộ Tư pháp báo cáo, Chủ tịch nước Trần Đức Lương đã có ý kiến chỉ đạo về định hướng công tác tư pháp trong thời gian tới, chỉ rõ những nhiệm vụ và biện pháp cụ thể theo Nghị quyết số 08-NQ/TW nhằm đẩy mạnh cải cách tư pháp để đáp ứng được yêu cầu của công cuộc đổi mới đất nước.

Báo Pháp luật số 201 (1731) ra ngày 22/8/2002

NGÀY 18 THÁNG 9 NĂM 2002

Bộ trưởng Bộ Tư pháp Ông Chu Lưu tiếp đoàn chuyên gia của Tổ chức hợp tác phát triển quốc tế Novib, Hà Lan

Đoàn chuyên gia của Tổ chức hợp tác phát triển quốc tế Novib, Hà Lan đến Việt Nam để đánh giá tiến độ thực hiện Dự án trợ giúp pháp lý ở Việt Nam do Novib tài trợ. Từ năm 1997 đến nay, Novib đã tài trợ cho 26 Trung tâm Trợ giúp pháp lý của Bộ Tư pháp dưới nhiều hình thức như xây dựng văn bản pháp luật trợ giúp pháp lý; Tập huấn kỹ năng sử dụng phần mềm quản lý hoạt động trợ giúp pháp lý cho cán bộ, cộng tác viên; Tổ chức các hội thảo, tọa đàm, nghiên cứu, khảo sát, kiểm tra công tác trợ giúp pháp lý tại các địa phương... Bên cạnh đó, Novib cũng phối hợp với Cục Trợ giúp pháp lý, chỉnh sửa và tái bản tờ gấp pháp luật, xuất bản Đặc san trợ giúp pháp lý, dịch tài liệu nghiệp vụ trợ giúp pháp lý của một số nước trong khu vực, thực hiện phóng sự 5 năm thực hiện công tác trợ giúp pháp lý trong toàn quốc.

Báo Pháp luật số 225 (1755) ra ngày 19/9/2002

NGÀY 25 THÁNG 9 NĂM 2002

Lễ bàn giao công tác quản lý Tòa án nhân dân địa phương về tổ chức từ Bộ Tư pháp sang Tòa án nhân dân tối cao

Ngày 25/9/2002, Bộ Tư pháp tổ chức lễ bàn giao công tác quản lý Tòa án nhân dân địa phương, Tòa án quân sự quân khu và tương đương, Tòa án quân sự khu vực về mặt tổ chức từ Bộ Tư pháp sang Tòa án nhân dân tối cao.

Tham dự và chứng kiến lễ bàn giao có Phó Chủ tịch Quốc hội Nguyễn Văn Yếu, Phó trưởng Ban Nội chính Trung ương Trần Đại Hưng, ông Đỗ Duy Thường - Ủy viên thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và đại diện một số bộ, ngành ở Trung ương, một số Sở Tư pháp và Tòa án nhân dân cấp tỉnh.

Tại buổi lễ, Bộ trưởng Bộ Tư pháp Ông Chu Lưu thay mặt Lãnh đạo Bộ Tư pháp và Chánh án Tòa án nhân dân tối cao Nguyễn Văn Hiến thay mặt Lãnh đạo

Toà án nhân dân tối cao đã ký Biên bản bàn giao công tác quản lý Toà án địa phương về mặt tổ chức từ Bộ Tư pháp sang Toà án nhân dân tối cao.

Ở Trung ương, các hồ sơ tài liệu và các vấn đề quản lý có liên quan đến tổ chức, bộ máy, công tác cán bộ, đào tạo, thi đua khen thưởng, kỷ luật được giao nhận đầy đủ. Số cán bộ là 24 người làm công tác quản lý Toà án nhân dân địa phương thuộc Bộ Tư pháp và một bộ phận cán bộ ở Vụ Kế hoạch - Tài chính của Bộ Tư pháp cũng được chuyển sang. Đến ngày 15/9/2002, việc bàn giao nhiệm vụ quản lý Toà án nhân dân cấp huyện về mặt tổ chức từ Giám đốc Sở Tư pháp sang Chánh án Toà án cấp tỉnh đã được thực hiện trong cả nước. Tính đến ngày 25/9/2002, Bộ Tư pháp đã chính thức bàn giao sang Toà án nhân dân tối cao gồm 61 Toà án nhân dân cấp tỉnh, 629 Toà án nhân dân cấp huyện, 9 Toà án quân sự quân khu và 17 Toà án quân sự khu vực.

Về số lượng cán bộ: Toà án nhân dân địa phương có 8.644 người/8.807 biên chế (cấp tỉnh 2.824 người, cấp huyện 5.820 người) trong đó có 3.270 thẩm phán; thẩm phán Toà án quân sự cấp quân khu 48 người, cấp khu vực có 6 người.

Về chất lượng cán bộ: 70% cán bộ có trình độ Đại học Luật trở lên. Số Thẩm phán có trình độ từ Đại học Luật trở lên là 85%, số còn lại đều có trình độ tương đương Đại học Luật. 100% Thẩm phán Toà án quân sự có trình độ Đại học Luật. Số hội thẩm đương nhiệm là 11.409 người, Hội thẩm Toà án quân sự có 518 người.

Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 01 THÁNG 10 NĂM 2002

Thủ tướng Chính phủ ban hành Chỉ thị số 20/2002/CT-TTg về việc tổ chức triển khai thi hành Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính năm 2002

Để kịp thời tổ chức triển khai thi hành Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính năm 2002 có hiệu quả, tạo điều kiện thuận lợi để các quy định của Pháp lệnh phát huy hiệu lực thực tế trong đời sống xã hội, Thủ tướng Chính phủ chỉ thị cho các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ với Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh và các tổ chức thành viên của Mặt trận tổ chức tuyên truyền sâu rộng trong nhân dân, cán bộ, công chức về Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính; các bộ, ngành có cơ quan, lực lượng được giao thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính tiến hành sắp xếp lại bộ máy, kiện toàn về tổ chức; tiến hành rà soát, sửa đổi, bổ sung, ban hành mới theo thẩm quyền hoặc trình Chính phủ, Thủ

tướng Chính phủ ban hành các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính trong từng lĩnh vực quản lý nhà nước và chế độ áp dụng các biện pháp xử lý hành chính khác.

Công báo số 54 ngày 31/10/2002, tr. 3588 - 3590

NGÀY 19 VÀ 20 THÁNG 11 NĂM 2002

Nhóm công tác liên ngành Việt Nam do Thứ trưởng Hà Hùng Cường làm Trưởng đoàn tham dự cuộc họp lần thứ nhất Nhóm công tác hỗn hợp Việt - Pháp

Thực hiện Điều 20 của Hiệp định hợp tác về nuôi con nuôi giữa Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Cộng hoà Pháp ký ngày 01/02/2000, trong hai ngày 19, 20 tháng 11/2002, tại Hà Nội, Nhóm công tác hỗn hợp Việt - Pháp đã tiến hành cuộc họp lần thứ nhất nhằm kiểm điểm, đánh giá tình hình thực hiện Hiệp định kể từ khi Hiệp định có hiệu lực thi hành, trên cơ sở đó trao đổi tìm giải pháp nhằm tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thi hành Hiệp định. Đoàn Việt Nam tham dự cuộc họp do Thứ trưởng Bộ Tư pháp Hà Hùng Cường làm Trưởng đoàn cùng các thành viên của nhóm công tác liên ngành Việt Nam, Đoàn Pháp do ông Francois Cousin, Vụ trưởng Vụ Điều ước quốc tế, Bộ Ngoại giao Pháp làm Trưởng đoàn cùng các thành viên.

Sau khi đánh giá kết quả sau hai năm thi hành Hiệp định, hai bên đã thống nhất: Hiệp định Việt - Pháp đã tạo ra cơ chế hợp tác tốt giữa hai nước trong lĩnh vực con nuôi quốc tế, bảo đảm được mục đích nhân đạo của việc cho và nhận con nuôi, đồng thời tạo ra khuôn khổ pháp lý chặt chẽ, minh bạch và an toàn hơn cho quá trình giải quyết các hồ sơ xin nhận con nuôi có sự kiểm soát của Chính phủ hai nước, kể cả quá trình nuôi dưỡng trẻ em ở Pháp. Đồng thời, hai bên cũng đã cam kết thực hiện một số giải pháp để thúc đẩy tiến trình giải quyết hồ sơ trong phạm vi trách nhiệm của mình.

Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 03 THÁNG 12 NĂM 2002

Bộ Tư pháp đàm phán với đại diện EC (cộng đồng châu Âu) về Dự thảo điều khoản tham chiếu về Tiểu ban “Hợp tác xây dựng thể chế, cải cách hành chính, quản trị và nhân quyền” tại Hà Nội

Các nội dung đã thảo luận và nhất trí tại buổi đàm phán:

- Về nguyên tắc chỉ đạo cho việc hợp tác: bổ sung nguyên tắc tôn trọng chủ quyền và không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau trong hợp tác giữa 2 bên.

- Vấn đề áp dụng các tiêu chuẩn quốc tế do EC đề nghị vào điều kiện cụ thể của Việt Nam: EC đã chấp nhận bỏ nội dung này ra khỏi Dự thảo.

- Việc tổ chức các cuộc họp giữa Việt Nam và EC đã điều chỉnh lại như sau: các quan chức Ủy ban Châu Âu và Chính phủ Việt Nam họp ít nhất mỗi năm 1 lần; Công việc của tiểu ban sẽ được hỗ trợ bằng các hoạt động không chính thức (trao đổi bàn tròn, tọa đàm, hội thảo, các chuyến thăm và làm việc tại Việt Nam hoặc tại Châu Âu).

Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 06 THÁNG 12 NĂM 2002

Bộ Tư pháp và Bộ Tài chính ban hành Thông tư liên tịch số 108/2002/TTLT-BTP-BTC hướng dẫn về thù lao và chi phí cho luật sư trong trường hợp luật sư tham gia tố tụng theo yêu cầu của cơ quan tiến hành tố tụng

Thông tư liên tịch số 108/2002/TTLT-BTP-BTC hướng dẫn về thù lao chi trả cho luật sư trong vụ án do cơ quan tiến hành tố tụng yêu cầu; thời gian làm việc của luật sư để chi trả thù lao; việc thanh toán chi phí tàu, xe, tiền lưu trú của luật sư khi đi công tác phục vụ yêu cầu vụ án.

Nguồn kinh phí chi trả thù lao và các khoản chi phí cho luật sư tham gia tố tụng theo yêu cầu của cơ quan tiến hành tố tụng được bố trí vào ngân sách nhà nước hàng năm của cơ quan tiến hành tố tụng. Việc thanh toán tiền thù lao và các khoản chi phí khác có liên quan cho luật sư được thực hiện bằng hợp đồng dịch vụ pháp lý giữa cơ quan tiến hành tố tụng và văn phòng luật sư.

Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

NGÀY 16 THÁNG 12 NĂM 2002

Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Quyết định số 584/2002/QĐ-BTP về Chương trình hành động của Ngành Tư pháp giai đoạn 2002 - 2007

Thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 02/01/2002 của Bộ Chính trị; Chỉ thị số 10/CT-TTg ngày 19/3/2002 của Thủ tướng Chính phủ về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới; Chương trình hành động của Chính

phủ nhiệm kỳ 2002 - 2007; Chương trình tổng thể cải cách hành chính 10 năm (giai đoạn 2001 - 2010) của Chính phủ, Bộ Tư pháp xây dựng Chương trình hành động của Ngành Tư pháp giai đoạn 2002 - 2007. Trong đó giai đoạn 2002 - 2007, công tác tư pháp hướng vào 2 mục tiêu sau đây:

Thứ nhất, thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX và các Nghị quyết của Trung ương Đảng, tổ chức thực hiện Chiến lược phát triển hệ thống pháp luật đến năm 2010 và các nhiệm vụ được Đảng và Nhà nước giao;

Thứ hai, xây dựng tổ chức, bộ máy của Bộ Tư pháp xác định rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và xây dựng đội ngũ cán bộ ngang tầm với nhiệm vụ của Bộ Tư pháp, phù hợp với tiến trình xây dựng Nhà nước pháp quyền của dân, do dân, vì dân và hệ thống các cơ quan tư pháp địa phương, tổ chức pháp chế bộ, ngành, tổ chức hỗ trợ tư pháp trong sạch, vững mạnh, đội ngũ cán bộ tư pháp có bản lĩnh chính trị vững vàng, phẩm chất đạo đức tốt, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cao.

Trên cơ sở mục tiêu trên, Chương trình đã đề ra 7 nhiệm vụ chủ yếu sau:

1. Nâng cao vai trò, trách nhiệm của Ngành Tư pháp trong công tác xây dựng thể chế.

2. Tiếp tục tạo sự chuyển biến cơ bản trong công tác thi hành án dân sự, nâng cao hiệu quả công tác thi hành án.

3. Tăng cường tổ chức, nâng cao hiệu quả hoạt động của các cơ quan, tổ chức hỗ trợ tư pháp và hoạt động hành chính tư pháp.

4. Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, công tác hoà giải ở cơ sở, hướng mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật đến tận người dân.

5. Tăng cường hợp tác quốc tế về tư pháp và pháp luật.

6. Hoàn thiện hệ thống tổ chức 4 cấp các cơ quan tư pháp từ Trung ương đến cơ sở (Bộ Tư pháp, Sở Tư pháp ở cấp tỉnh, Phòng Tư pháp ở cấp huyện, Ban Tư pháp ở cấp xã) theo hướng thống nhất mô hình tổ chức, biên chế phù hợp với quy mô mỗi vùng, miền, xác định rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của từng cấp.

7. Đổi mới công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ tư pháp, đào tạo cử nhân Luật, đào tạo kỹ năng nghề nghiệp cho những người có chức danh tư pháp. Đổi mới công tác nghiên cứu khoa học pháp lý.

Chương trình cũng đề ra 9 giải pháp cụ thể để thực hiện 7 nhiệm vụ nêu trên.

Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

Bộ Tư pháp ban hành Thông tư số 07/2002/TT-BTP hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 68/2002/NĐ-CP ngày 10/7/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hôn nhân và gia đình về quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài

Thông tư số 07/2002/TT-BTP hướng dẫn cụ thể về phạm vi, đối tượng áp dụng; việc thực hiện hợp pháp hóa lãnh sự, miễn hợp pháp hóa lãnh sự, công chứng, miễn công chứng đối với giấy tờ của nước ngoài để sử dụng cho việc kết hôn, nhận cha, mẹ, con, nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài; thời hạn có giá trị của giấy tờ; trách nhiệm của Sở Tư pháp giúp UBND cấp tỉnh trong việc thực hiện quản lý nhà nước về hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài. Đồng thời, Thông tư cũng hướng dẫn một số quy định về trình tự, thủ tục đăng ký kết hôn, nhận cha, mẹ, con, nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài.

Ban hành kèm theo Thông tư là Danh mục các nước thực hiện việc miễn hợp pháp hoá lãnh sự đối với các giấy tờ, tài liệu với Việt Nam.

Công báo số 7 ngày 05/02/2003, tr. 398 - 408

Triển khai tổng rà soát và tăng cường năng lực đội ngũ cán bộ tư pháp

Ngày 16/12/2002, Bộ Tư pháp có Công văn số 1391/KH-BTP về kế hoạch tổng rà soát và tăng cường năng lực đội ngũ cán bộ tư pháp nhằm triển khai thực hiện Đề án tổng rà soát đội ngũ cán bộ tư pháp và tăng cường năng lực đội ngũ cán bộ tư pháp ban hành kèm theo Quyết định số 479/2002/QĐ-BTP ngày 27/11/2002:

Theo đó, đối tượng, phạm vi tổng rà soát: cán bộ, công chức thuộc quyền quản lý của Bộ Tư pháp (cán bộ thuộc biên chế của Bộ Tư pháp) và đội ngũ cán bộ công chức chịu sự lãnh đạo, hướng dẫn về chuyên môn nghiệp vụ của Bộ Tư pháp từ Trung ương đến địa phương trong phạm vi cả nước.

Kế hoạch nêu rõ nguyên tắc chỉ đạo, hướng dẫn cách thức thực hiện việc rà soát, tiến độ thời gian đối với các đơn vị cụ thể.

Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

Quốc hội khoá 11 thông qua Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 1996

Nhằm khắc phục một số vướng mắc hạn chế trong quá trình thực hiện Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, kịp thời thể chế hoá tư tưởng chỉ đạo của

Đại hội IX của Đảng về đổi mới quy trình lập pháp, hoàn thiện hệ thống pháp luật, bảo đảm sự phù hợp của Luật với các quy định của Hiến pháp năm 1992 (sửa đổi), Luật Tổ chức Quốc hội, Luật Tổ chức Chính phủ vừa được thông qua, ngày 09/01/2002, Bộ Tư pháp đã trình Thủ tướng Chính phủ Tờ trình số 4/TP/PLHS-HC về Dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Ngày 16/12/2002, Quốc hội khoá 11 thông qua Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 1996. Luật gồm 4 điều, nội dung sửa đổi, bổ sung chủ yếu về việc giám sát, kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật; trình tự xem xét, thông qua dự án luật tại một và hai kỳ họp của Quốc hội; chức năng giám sát văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội.

Ngày 27/12/2002, Chủ tịch nước ban hành Lệnh số 22/2002/L-CT công bố Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Công báo số 5 ngày 25/01/2003, tr. 255 - 266

NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2002

Đại hội Đảng bộ cơ quan Bộ Tư pháp lần thứ VII

Tham dự Đại hội có 165 Đảng viên đại diện cho toàn thể Đảng viên cơ quan Bộ Tư pháp. Đến dự và phát biểu ý kiến chỉ đạo Đại hội có Bộ trưởng Bộ Tư pháp Ông Chu Lưu, Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Ban cán sự; Phó Bí thư thường trực Đảng uỷ khối các cơ quan nội chính Trung ương Lê Đình Khiên và nguyên lãnh đạo Ban cán sự, Đảng uỷ Bộ Tư pháp các thời kỳ; đại diện Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Ban Nội chính Trung ương...

Đại hội đã nghe báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ công tác Ban Chấp hành Đảng bộ cơ quan Bộ Tư pháp nhiệm kỳ VI (2000-2002); báo cáo kiểm điểm của Ban chấp hành Đảng uỷ; thảo luận và thông qua Nghị quyết Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng uỷ cơ quan Bộ Tư pháp lần thứ VII.

Báo Pháp luật số 313 (1843) ra ngày 31/12/2002

THÁNG 12 NĂM 2002

Báo chí tổng kết 10 sự kiện nổi bật của công tác tư pháp năm 2002

1. Ngày 02/01/2002, Bộ trưởng Bộ Tư pháp ra Chỉ thị số 01/2002/CT-BTP “về

thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm của công tác tư pháp năm 2002”. Theo đó, 8 nhiệm vụ trọng tâm được đề ra, làm định hướng và cơ sở chỉ đạo, đẩy mạnh các hoạt động thực hiện chức năng trong toàn Ngành Tư pháp.

2. Ngày 19/3/2002, Thủ tướng Chính phủ ra Chỉ thị số 10/2002/CT-TTg “về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 02/01/2002 của Bộ Chính trị về một số nhiệm vụ trọng tâm của công tác tư pháp trong thời gian tới”. Bộ Tư pháp được giao 14 nhiệm vụ cụ thể, trong đó có một nội dung quan trọng là việc hoàn chỉnh dự thảo sửa đổi, bổ sung Nghị định số 38/CP ngày 04/6/1993 về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Bộ Tư pháp, trình Chính phủ trong quý IV/2002.

3. Tháng 8/2002, Quốc hội khóa XI, kỳ họp thứ nhất bầu ra nhiệm kỳ mới của Chính phủ. Ông Uông Chu Lưu, Ủy viên Trung ương Đảng, Đại biểu Quốc hội, Thứ trưởng thường trực Bộ Tư pháp được bầu làm Bộ trưởng Bộ Tư pháp. Sau 10 năm, hai nhiệm kỳ đảm trách cương vị Bộ trưởng Bộ Tư pháp, ông Nguyễn Đình Lộc được Quốc hội cử làm nhiệm vụ mới. Đây là thời kỳ Ngành Tư pháp có nhiều đổi mới quan trọng trong tiến trình xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

4. Năm 2002, đánh dấu một bước tiến bộ trong công tác thi hành án dân sự, là năm triển khai Chỉ thị số 20/2001/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về chấn chỉnh và tiếp tục tăng cường, nâng cao hiệu lực, hiệu quả của công tác thi hành án dân sự. Đặc biệt, thực hiện “*chuẩn mực đạo đức Chấp hành viên*”, xử lý kịp thời các vi phạm nghề nghiệp một cách nghiêm túc, đưa hoạt động thi hành án dân sự vào nền nếp, có hiệu quả.

5. Tiếp theo “*năm đăng ký khai sinh*”, công tác hộ tịch nhằm vào trọng tâm đăng ký kết hôn cho những cặp vợ chồng sống chung, nhưng chưa có hôn nhân hợp pháp. Hoạt động này được triển khai ở hầu hết các địa phương, đặc biệt là đối với các vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc ít người, góp phần rất lớn vào việc thực hiện nghiêm túc Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000.

6. Dự án Đánh giá nhu cầu phát triển toàn diện hệ thống pháp luật Việt Nam (đến năm 2010) được coi là hoạt động hợp tác quốc tế về pháp luật và tư vấn nổi bật nhất của năm 2002. Dự án này không chỉ thu hút nhiều nhà tài trợ nhất từ trước đến nay mà còn là một phạm vi lớn, bao trùm mọi lĩnh vực pháp luật ở nước ta và đưa ra một chiến lược tổng thể phát triển hệ thống pháp luật Việt Nam lâu dài ổn định.

7. Năm 2002 là năm được đánh giá như một thay đổi về chất trong hoạt động

xây dựng và thẩm định văn bản quy phạm pháp luật. Đáng ghi nhận là việc xây dựng Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính (sửa đổi) và Luật Ban hành các văn bản quy phạm pháp luật (sửa đổi).

8. Sau 10 năm quản lý Tòa án địa phương, theo quy định mới của Luật Tổ chức Tòa án nhân dân, công tác này được chuyển giao cho Tòa án nhân dân tối cao, Ngành Tư pháp từ Trung ương đến địa phương đã tổ chức bàn giao trọng thể, đúng tiến độ công tác này sang các Tòa án theo luật định.

9. Việc giải thể Phòng Tư pháp cấp huyện ở một số tỉnh, thành phố đã gây trở ngại không ít trong việc thực hiện và triển khai hoạt động tư pháp của toàn Ngành. Trái lại, ở một số địa phương khác, Phòng Tư pháp được tăng cường, kiện toàn tổ chức, đẩy mạnh hoạt động và thu được những kết quả tốt.

10. Năm 2002 là năm triển khai Pháp lệnh Luật sư và Nghị định số 94/2001/NĐ-CP ngày 12/12/2001 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Luật sư. 58 đoàn luật sư đã được chuyển đổi từ một tổ chức hành nghề thành một tổ chức xã hội nghề nghiệp. Các văn phòng luật sư, công ty luật hợp danh đã được thành lập trên cả nước, đánh dấu một thời kỳ hoạt động và quản lý luật sư theo một hướng mới, đáp ứng kịp thời các yêu cầu của cuộc cải cách tư pháp.

Tin Tư pháp tháng 1 năm 2003

Bộ Tư pháp tổng kết việc thực hiện Quy chế dân chủ và tăng cường công tác dân vận năm 2002

Theo Báo cáo số 1384/BTP-VP của Văn phòng Bộ Tư pháp về tổng kết việc thực hiện Quy chế dân chủ và tăng cường công tác dân vận năm 2002 của Bộ Tư pháp, kết quả cho thấy, trong năm 2002:

- Bộ Tư pháp đã ngày càng đổi mới công tác chỉ đạo, điều hành, kiên trì thực hiện phương châm chỉ đạo hướng mạnh về cơ sở;

- Chỉ đạo cơ quan tư pháp địa phương căn cứ vào tình hình thực tế về nhu cầu công chứng trên địa bàn để báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh thành lập thêm các Phòng công chứng;

- Tiếp tục triển khai tập trung đăng ký khai sinh cho trẻ em, giảm hẳn tình trạng không đăng ký khai sinh cho trẻ em, đặc biệt là ở khu vực miền núi, vùng sâu, vùng xa;

- Phát động và tổ chức cuộc thi Hộ tịch viên giỏi toàn quốc tại Hà Nội;

- Trường Đại học Luật Hà Nội và một số đơn vị của Bộ Tư pháp, Đoàn Thanh niên Bộ Tư pháp và nhiều cơ quan tư pháp địa phương đã tổ chức các đợt thanh niên tình nguyện về vùng sâu, vùng cao để phổ biến, tuyên truyền pháp luật, trợ giúp pháp lý, hỗ trợ nhân dân về đăng ký hộ tịch, đăng ký kết hôn cho các trường hợp hôn nhân thực tế trong nhiều năm qua chưa đăng ký;

- Chủ động phối hợp với Trung ương Hội Nông dân Việt Nam, Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Trung ương Hội liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Bộ Văn hóa - Thông tin, Ủy ban Dân tộc, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Bộ Tư lệnh biên phòng triển khai Kế hoạch liên tịch phổ biến, giáo dục pháp luật và trợ giúp pháp lý cho nhân dân.

- Các Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp đã chủ động tham mưu với cấp ủy và chính quyền cùng cấp hoặc phối hợp với ban, ngành ở địa phương làm việc với UBND cấp xã kiện toàn tổ chức và hướng dẫn hoạt động; tổng kết Đề án khảo sát đội ngũ cán bộ tư pháp cấp xã, Ngành Tư pháp và có kế hoạch củng cố, xây dựng đội ngũ này giúp UBND triển khai thực hiện các công việc về tư pháp.

- Bộ Tư pháp đã chủ động, tích cực tháo gỡ những bất cập trong công tác thi hành án dân sự; tăng cường thanh tra, kiểm tra việc giải quyết khiếu nại, tố cáo trong lĩnh vực thi hành án, làm rõ nguyên nhân của các vụ việc tồn đọng, các khiếu nại và trách nhiệm của Thủ trưởng cơ quan Thi hành án dân sự; ban hành chuẩn mực đạo đức Chấp hành viên nhằm tăng cường trách nhiệm của từng Chấp hành viên trong quá trình thực hiện công tác thi hành án.

Tư liệu lưu trữ Bộ Tư pháp

MỤC LỤC

| | |
|--|-----|
| Lời nói đầu | 9 |
| Năm 1945 | 15 |
| Năm 1946 | 27 |
| Năm 1947 | 54 |
| Năm 1948 | 65 |
| Năm 1949 | 77 |
| Năm 1950 | 84 |
| Năm 1951 | 99 |
| Năm 1952 | 103 |
| Năm 1953 | 108 |
| Năm 1954 | 112 |
| Năm 1955 | 114 |
| Năm 1956 | 121 |
| Năm 1957 | 127 |
| Năm 1958 | 138 |
| Năm 1959 | 143 |
| Năm 1960 | 150 |
| Thời kỳ từ tháng 7/1960 - 1980 (Thời kỳ không có Bộ Tư pháp) | 152 |
| Năm 1964 | 155 |
| Năm 1966 | 156 |
| Năm 1969 | 157 |
| Năm 1972 | 158 |
| Năm 1973 | 161 |
| Năm 1974 | 163 |

| | |
|----------|-----|
| Năm 1975 | 167 |
| Năm 1976 | 172 |
| Năm 1977 | 179 |
| Năm 1978 | 185 |
| Năm 1979 | 188 |
| Năm 1980 | 193 |
| Năm 1981 | 201 |
| Năm 1982 | 213 |
| Năm 1983 | 243 |
| Năm 1984 | 248 |
| Năm 1985 | 258 |
| Năm 1986 | 276 |
| Năm 1987 | 289 |
| Năm 1988 | 295 |
| Năm 1989 | 314 |
| Năm 1990 | 326 |
| Năm 1991 | 333 |
| Năm 1992 | 338 |
| Năm 1993 | 347 |
| Năm 1994 | 366 |
| Năm 1995 | 385 |
| Năm 1996 | 409 |
| Năm 1997 | 426 |
| Năm 1998 | 441 |
| Năm 1999 | 465 |
| Năm 2000 | 487 |
| Năm 2001 | 506 |
| Năm 2002 | 532 |

